





Lời chúc
& kỷ niệm

Chữ ký và lời chúc của tác giả hoặc thành viên Lovebook

Chúc bạn thành công!

Nguyễn
Tiên Nguyệt



Lời chúc
& kỷ niệm

Blank lined area for writing.

*Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu
trước giông tố!*

Đặng Thùy Trâm

*Hãy phấn đấu vươn lên không chỉ bằng khối óc mà bằng
cả con tim của mình nữa!*

Lương Văn Thù

*LOVEBOOK tin tưởng chắc chắn rằng em sẽ đỗ
đại học một cách tự hào và hãnh diện nhất!*

Bản quyền thuộc về Công Ty Cổ Phần Giáo Dục Trực Tuyến Việt Nam – VEDU Corp

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của công ty.

GIA ĐÌNH LOVEBOOK

BỘ ĐỀ TÌNH TỬ

ÔN THI THPT QUỐC GIA 2017

MÔN NGỮ VĂN

- ✓ Dành cho ôn thi THPT quốc gia 2017
- ✓ Dành cho học sinh lớp 10, 11 luyện tập
- ✓ Dùng làm tài liệu tham khảo giảng dạy cho các giáo viên.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: Biên tập - Chế bản: (04) 39714896:

Quản lý xuất bản: (043) 9728806; Tổng biên tập: (04) 397 15011

Fax: (04) 39729436

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: ĐOÀN THỊ MỸ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC TRỰC TUYẾN VIỆT NAM - VEDU CORP

Trình bày bìa: NGUYỄN SƠN TÙNG

Sửa bản in: LƯƠNG VĂN THÙY

Đôi tác liên kết xuất bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC TRỰC TUYẾN VIỆT NAM - VEDU CORP

SÁCH LIÊN KẾT

BỘ ĐỀ TÌNH TUÝ ÔN THI THPT QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN

Mã số: 2L - 1107 ĐH2016

In 1000 cuốn, khổ A4 tại Nhà máy In Bộ Tổng Tham Mưu - Bộ Quốc Phòng

Địa chỉ: Km 13, Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội

Số xuất bản: 2919 - 2016/CXB, IPH/18- 347/ĐHQGHN, ngày 16/11/2016

Quyết định xuất bản số: 1119 LK - XHQĐ - NXBĐHQGHN, ngày 16/11/2016

In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CUỐN SÁCH

I- GIỚI THIỆU CHUNG

II- SƠ ĐỒ PHÁT TRIỂN CUỐN SÁCH



NGUYỄN THẾ HUNG – MAI DIỆP ANH
MẠI TÔN MINH TRĂNG – ĐOÀN THỊ MAI



NGUYỄN THẾ HUNG – MAI DIỆP ANH
MẠI TÔN MINH TRĂNG – ĐOÀN THỊ MAI
NGUYỄN THUY VÂN

III- GIỚI THIỆU CHI TIẾT

1. NGUYỄN THẾ HUNG

+ **Sinh nhật:** 14/11/1994

+ **Quê quán:** Hương Canh – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc

+ **Học vấn:** K62 - Lớp Tài năng – Khoa Ngữ văn – Đại học Sư phạm Hà Nội

+ **Facebook:** Nguyễn Thế Hùng (Rew Sparkle)

+ **Email:** thehungnguyenn@gmail.com

+ **Sở thích:** Du lịch, chụp ảnh

+ **Thành tích đặc biệt:** Á khoa tuyển sinh 2012 trường Đại học Sư phạm Hà Nội (9 điểm Văn). Ngoài ra có khả năng giao tiếp tiếng Anh tốt với người nước ngoài, tự tin khi tham gia tổ chức hoạt động, chơi được guitar (đã từng mở một vài lớp nhỏ để dạy guitar cho sinh viên khi còn học đại học).

+ **Phương châm sống:** *Stay hungry, stay foolish!*



2. MAI DIỆP ANH

+ **Sinh nhật:** 13/01/1994

+ **Quê quán:** TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

+ **Học vấn:** Khoa Luật kinh tế - ĐH Luật Hà Nội

+ **Sở thích:** Thích đọc truyện ngôn tình, nghe nhạc Âu Mỹ trong thời gian rảnh rỗi, có niềm đam mê đặc biệt với nấu nướng những món ăn ngon như những cô gái khác.

+ **Câu nói yêu thích:** *Tất cả chúng ta đều có cuộc đời riêng để theo đuổi, giấc mơ riêng để dệt nên, và tất cả chúng ta đều có sức mạnh để biến mơ ước trở thành hiện thực, miễn là chúng ta giữ vững niềm tin.*

We all have our own life to pursue, our own kind of dream to be weaving, and we all have the power to make wishes come true, as long as we keep believing.

+ **Thành tích đặc biệt:** Giải Nhì Quốc gia môn Ngữ văn lớp 12

+ **Phương châm sống:** *Sống chậm lại, nghĩ khác đi, yêu thương nhiều hơn!*



3. MAI TÔN MINH TRANG

+ **Sinh nhật:** 09-03-1994

+ **Quê quán:** TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

+ **Học vấn:** K62 - Lớp Tài năng – Khoa Ngữ văn – Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ **Những thành tích đã đạt được:** Hai giải Ba Học sinh giỏi Quốc gia môn Văn cho trường THPT chuyên Lam Sơn, là một người con ngoan, một học trò chăm chỉ và là một người bạn chân thành.

+ **Sở thích:** Đi, trải nghiệm và ngắm nhìn cuộc sống; ghi lại những khoảnh khắc xinh đẹp trong những bức ảnh gián dị; nấu những món ngon cho những người mình yêu thương; chơi nhạc cụ và đặc biệt là xem phim tình cảm như muôn vàn cô gái khác ^^ v..v...

+ **Phương châm sống:** *Minh không thích định vị và giới hạn phong cách sống của bản thân trong 1 câu nói nào đó.*



4. ĐOÀN THỊ MAI

+ **Sinh nhật:** 22/11/1994

+ **Quê quán:** Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

+ **Học vấn:** K62 - Lớp Tài năng – Khoa Ngữ văn – Đại học Sư phạm Hà Nội

+ **Facebook:** <https://facebook.com/maihoanang.đoan>

+ **Sở thích:** thích hoa, thích sách, yêu màu tím và yêu nắng.

+ **Câu nói yêu thích:** *Đất trời chia xuân hạ thu đông, cỏ cây cũng theo đó mà có mùa này lộc, mùa đơm hoa, mùa quả chín, mùa lá rụng. Chi yêu thương là mãi mãi không mùa.*

+ **Phương châm sống:** *Đã đi là sẽ đến.*



5. NGUYỄN THÙY VÂN

+ **Sinh nhật:** 12/3/1994

+ **Quê quán:** TP Thái Bình, Thái Bình

+ **Học vấn:** K62 - Lớp Tài năng – Khoa Ngữ văn – Đại học Sư phạm Hà Nội

+ **Facebook:** <https://www.facebook.com/thuyvan.nguyen.3348>

+ **Sở thích:** Đi du lịch, ăn uống, đọc ngôn tình, xem phim Hàn)

+ **Câu nói yêu thích:** *Sẵn sàng đánh cược, chấp nhận chịu thua.*

+ **Thành tích đặc biệt:** Giải ba Văn Quốc gia 2012. Cùng đội ngũ tác giả viết được 3 cuốn sách Văn và nó đã đến tay học sinh khắp ba miền đất nước!

+ **Phương châm sống:** *Hết mình cho ngày hôm nay!!! ^^*



LỜI MỞ ĐẦU

Quý thầy cô giáo giảng dạy Ngữ văn,

Các em học sinh và tất cả những bạn đam mê văn chương thân mến!

Kì thi THPT Quốc gia 2017 đang ở trước mắt chúng ta, chắc hẳn mỗi thầy cô giáo và các em học sinh đều có những nỗi lo nhất định. Trước sự đổi mới từng năm trong đề thi THPT Quốc gia, mỗi thầy cô giáo và các em học sinh đều phải nhanh chóng thích ứng, thay đổi phương pháp dạy, học và thi cho phù hợp. Nắm vững tinh thần của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc đổi mới ra đề thi Ngữ văn trong kì thi THPT Quốc gia cũng như mẫu đề thi minh họa của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bộ môn này (đề thi minh họa mới nhất vào năm 2016), đội ngũ tác giả Ngữ văn đã tiến hành biên soạn cuốn sách “Bộ đề tinh túy THPT Quốc gia môn Ngữ văn” gồm 60 đề thi thử có kèm theo đáp án hướng dẫn làm bài một cách chi tiết. Cuốn sách được triển khai theo hệ thống từng đề có cấu trúc như sau:

Phần I: Đọc – hiểu (3 điểm)

Phần này gồm 4 câu hỏi. Các câu hỏi yêu cầu các em thực hiện đọc – hiểu một đoạn trích văn bản thông tin, văn bản nhật dụng hoặc một đoạn trích văn bản nghệ thuật.

Các câu hỏi trong phần này được chia thang điểm tương đối linh hoạt từ 0,25 đến 1 điểm mỗi câu. Học sinh trả lời các kiến thức liên quan đến đọc – hiểu một văn bản văn học bao gồm: phương thức liên kết, biện pháp nghệ thuật, câu chủ đề, phương thức xây dựng đoạn văn, thao tác lập luận,... hoặc các câu hỏi yêu cầu học sinh mở rộng vấn đề, liên hệ đến đời sống thực tế... Các câu hỏi được đưa ra vừa đảm bảo hướng đến cung cấp toàn diện cho các em kiến thức về phân môn tiếng Việt, vừa hướng tới khả năng tạo lập đoạn văn của các em. Đề bài được chọn từ các tác phẩm không có trong chương trình sách giáo khoa, tuy nhiên vẫn hướng đến các tác giả có tác phẩm trong chương trình sách giáo khoa. Ngoài ra có một số văn bản hoàn toàn mới đối với học sinh để học sinh làm quen với dạng đề bài này của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần II. Làm văn (7 điểm):

Phần này gồm có hai câu hỏi. Câu hỏi dạng nghị luận xã hội (2 điểm) là những đề bài hoàn toàn mới mẻ, hướng đến những vấn đề gần gũi với cuộc sống hằng ngày. Bên cạnh đó, câu hỏi nghị luận xã hội có thể là câu nói hoặc vấn đề đã được đưa ra ở phần đọc hiểu. Câu hỏi nghị luận xã hội không yêu cầu học sinh viết bài văn như trước mà chuyển sang định hướng viết đoạn văn với dung lượng khoảng 200 chữ. Do đó học sinh được kiểm tra về kĩ năng viết đoạn văn, thay vì nhấn mạnh kĩ năng xây dựng bài văn như trước.

Câu hỏi dạng nghị luận văn học (5 điểm) hướng đến dạng ra đề tích hợp. Đề bài hướng đến việc nhìn nhận một tác phẩm văn học ở nhiều khía cạnh khác nhau hoặc nhìn nhận trong cùng một vấn đề sự so sánh đối với nhiều tác phẩm (thường là hai tác phẩm được đưa ra so sánh trên cùng một bình diện, hai chi tiết trong hai tác phẩm hoặc nhìn một tác phẩm dưới hai góc độ khác nhau). Đây là hướng ra đề tích cực của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong những năm gần đây và là điểm nhấn của cuốn sách này.

Đội ngũ tác giả của cuốn sách như sau:

1. **Nguyễn Thế Hưng**, hiện là giảng viên khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, cựu học sinh của THPT Chuyên Vĩnh Phúc, Á khoa Đại học năm 2012, điểm 9 Văn duy nhất của trường ĐH Sư phạm Hà Nội trong kì thi tuyển sinh 2012.

2. **Nguyễn Thị Thùy Vân**, cựu học sinh THPT Chuyên Thái Bình, giải Ba kì thi học sinh giỏi Văn Quốc gia năm 2012, cựu sinh viên lớp Tài năng ĐH Sư phạm Hà Nội.

3. **Đoàn Thị Mai**, cựu học sinh của THPT Nguyễn Siêu, Hưng Yên, cựu sinh viên lớp Tài năng trường ĐH Sư phạm Hà Nội.

4. **Mai Tôn Minh Trang**, hiện là giáo viên THPT Nguyễn Tất Thành, Hà Nội, cựu học sinh THPT Chuyên Lam Sơn, Thanh Hóa, giải Ba kì thi học sinh giỏi Văn Quốc gia năm 2012, cựu sinh viên lớp Tài năng ĐH Sư phạm Hà Nội.

Bên cạnh nội dung trong cuốn sách, tác giả đã biên soạn công phu audio phục vụ cho quá trình ôn luyện của học sinh.

Với nội dung và cấu trúc sách như trên, cuốn sách chắc chắn sẽ là cuốn cẩm nang vô cùng quý báu đối với các quý thầy cô và các em học sinh để ôn tập môn Ngữ văn đạt kết quả cao trong kì thi THPT Quốc gia sắp tới. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn sách nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong được bạn đọc, nhất là các quý thầy cô giáo, các em học sinh góp ý để sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Mọi ý kiến đóng góp của các bạn, các thầy cô xin vui lòng gửi về địa chỉ

○ Hòm thư điện tử: lovebook.vn@gmail.com

○ Diễn đàn chăm sóc sử dụng sách: vedu.vn/forums/

Đội ngũ tác giả xin chân thành cảm ơn!!!

Hà Nội, tháng 11 năm 2016

Thay mặt nhóm tác giả
NGUYỄN THẾ HÙNG

Nhà sách giáo dục LOVEBOOK

101 Nguyễn Ngọc Nại, Hà Nội

Web: <http://www.lovebook.vn>

SĐT: 0466.860.849. Hotline: 0963.40.260

Mail: lovebook.vn@gmail.com

Facebook: <http://www.facebook.com/lovebook.vn>

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thiện cuốn sách “**Bộ đề tinh túy THPT Quốc gia môn Ngữ văn**” như ngày hôm nay, bên cạnh những nỗ lực của bản thân, nhóm tác giả chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ phía gia đình, bạn bè và các thầy cô. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới anh **Lương Văn Thuỳ** - Giám đốc công ty VEDU – Sáng lập viên GSTT GROUP - một người anh lớn đã luôn sát cánh, giúp đỡ nhiệt tình không chỉ với riêng các tác giả sách Ngữ văn mà còn với các tác giả khác của đại gia đình GSTT – nhóm tập hợp những sinh viên đạt kết quả cao trong các kỳ thi Học sinh giỏi Quốc gia, kỳ thi Đại học. Cùng với đó, chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến các thầy cô giáo tại các trường THPT, các trường Đại học mà nhóm tác giả đã và đang theo học. Đó là những nhà giáo mà chúng tôi luôn ngưỡng mộ và kính mến:

- TS. Trịnh Thị Lan, giảng viên khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, cô đã giúp nhóm tác giả rất nhiều trong việc tìm hiểu, phân tích mẫu đề thi minh họa mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cô luôn là một tấm gương sáng về tinh thần làm việc hăng say và đầy trách nhiệm để chúng em học hỏi, noi theo.

- Th.S Bùi Hoàng Yến, giáo viên Ngữ văn trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc – một nhà giáo mẫu mực, cô đã góp phần rất lớn trong việc sửa chữa đề bài để cuốn sách trở nên hoàn thiện hơn.

- Th.S Lương Thị Tuyết Mai, giáo viên Ngữ văn trường THPT Chuyên Thái Bình, cô đã cùng chúng em điều chỉnh những sai sót mà chúng em vô tình mắc phải trong suốt quá trình biên soạn sách. Cuốn sách sẽ không thể hoàn thành trọn vẹn nếu thiếu sự chi bảo tận tình của cô.

- Th.S Lại Thu Hiền, giáo viên Ngữ văn trường THPT Chuyên Lam Sơn, Thanh Hóa – một nhà giáo vững về chuyên môn và có tâm với nghề. Cô đã truyền cho chúng em niềm đam mê và ngọn lửa nhiệt huyết đối với Văn học.

- Th.S Trần Bá Hưng, giáo viên Ngữ văn trường THPT Nguyễn Siêu, Hưng Yên, thầy là nguồn cổ vũ tinh thần vô cùng to lớn cho chúng em hoàn thành cuốn sách một cách tốt nhất.

Cuối cùng, nhóm tác giả xin được gửi lời cảm ơn tới toàn thể các em học sinh - những độc giả thân yêu đã đồng hành cùng với các ấn phẩm của Lovebook nói chung và với bộ sách Ngữ văn nói riêng. Các em chính là nguồn động lực giúp các anh chị có thể cố gắng nhiều hơn nữa, tạo ra những ấn phẩm hoàn thiện hơn nữa để giúp các em “vượt vũ môn” một cách xuất sắc.

Cuốn sách sẽ không thể tránh khỏi sai sót trong quá trình biên soạn. Rất mong nhận được đóng góp của quý thầy cô cùng các em học sinh trong quá trình sử dụng sách về địa chỉ email thehungnguyenn@gmail.com để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Để sử dụng sách một cách hiệu quả, mỗi người sẽ đưa ra một cách học cho riêng mình. Chúng tôi xin đề xuất một số cách sử dụng như sau:

- Thứ nhất, cuốn sách có thể là một cuốn luyện đề cho các em học sinh. Các em triển khai làm từng đề theo thứ tự của cuốn sách. Đối với những đề đầu tiên, các em nên xem kĩ về đáp án, đánh dấu những chỗ mình hay sai, dạng bài mình hay mắc lỗi để lần sau tránh mắc phải lỗi đối với dạng bài như vậy. Khi đã làm quen với đề, các em có thể bấm giờ và thực hiện làm bài thi như kì thi thật của các em. Đề phân chia thời gian hợp lí, các em chia theo khung điểm của từng câu hỏi.

Các em sau khi hoàn thành có thể xem đáp án ở phần sau để tự chấm điểm cho mình, hoặc trao đổi cùng bạn bè của mình, thầy cô để xem kết quả thực sự của bài thi. Các em không nên nản chí nếu những bài đầu tiên mình bị điểm thấp, trái lại, các em cần nỗ lực hết mình để cải thiện kết quả vì đây mới chỉ là những đề thi thử chứ chưa phải là kết quả chính thức nếu các em vẫn còn nỗ lực.

- Thứ hai, đối với các em học sinh muốn cải thiện đối với từng dạng bài cụ thể thì các em có thể luyện đề theo từng dạng câu. Thay vì làm một đề trọn vẹn, các em tập trung luyện tập nhiều lần ở một dạng câu hỏi. Việc luyện tập nhiều ở một dạng này sẽ giúp các em quen thuộc hơn với cách làm và dễ dàng đạt điểm tối đa hơn đối với dạng bài đó. Ví dụ, dạng Đọc – hiểu cũng như việc viết đoạn văn trong phần nghị luận xã hội khá mới mẻ đối với các em. Do đó, các em có thể tập trung nhiều hơn vào dạng đề này. Sau khi luyện nhiều về dạng bài này và thấy kiến thức của mình đã đảm bảo tương đối, các em có thể chuyển sang dạng tiếp theo. Tuy nhiên, các em vẫn phải hướng đến việc làm toàn bộ đề thi một lúc để đảm bảo về mặt thời gian.

- Thứ ba, thầy cô giáo và các em học sinh có thể sử dụng sách như một tư liệu tham khảo về đề bài và cách làm bài. Đối với những bài làm yêu cầu tư duy cao, hoặc phần chữa đề có những ý hay, độc đáo, các em nên đánh dấu một cách nổi bật vào cuốn sách để xem lại hoặc các em có thể có cuốn sổ tay, tập hợp những kiến thức hay, bổ ích cũng như những sai lầm mà các em mắc phải trong quá trình làm bài để rút kinh nghiệm.

MỤC LỤC

Đề số 1	13
Đề số 2	18
Đề số 3	24
Đề số 4	30
Đề số 5	35
Đề số 6	41
Đề số 7	45
Đề số 8	50
Đề số 9	54
Đề số 10	61
Đề số 11	66
Đề số 12	72
Đề số 13	76
Đề số 14	82
Đề số 15	88
Đề số 16	93
Đề số 17	98
Đề số 18	103
Đề số 19	108
Đề số 20	112
Đề số 21	117
Đề số 22	123
Đề số 23	129
Đề số 24	134
Đề số 25	140
Đề số 26	146
Đề số 27	151
Đề số 28	156
Đề số 29	160
Đề số 30	164
Đề số 31	168
Đề số 32	174

<i>Đề số 33</i>	<i>182</i>
<i>Đề số 34</i>	<i>189</i>
<i>Đề số 35</i>	<i>197</i>
<i>Đề số 36</i>	<i>201</i>
<i>Đề số 37</i>	<i>205</i>
<i>Đề số 38</i>	<i>211</i>
<i>Đề số 39</i>	<i>216</i>
<i>Đề số 40</i>	<i>220</i>
<i>Đề số 41</i>	<i>226</i>
<i>Đề số 42</i>	<i>231</i>
<i>Đề số 43</i>	<i>237</i>
<i>Đề số 44</i>	<i>242</i>
<i>Đề số 45</i>	<i>246</i>
<i>Đề số 46</i>	<i>252</i>
<i>Đề số 47</i>	<i>256</i>
<i>Đề số 48</i>	<i>259</i>
<i>Đề số 49</i>	<i>263</i>
<i>Đề số 50</i>	<i>267</i>
<i>Đề số 51</i>	<i>272</i>
<i>Đề số 52</i>	<i>277</i>
<i>Đề số 53</i>	<i>281</i>
<i>Đề số 54</i>	<i>286</i>
<i>Đề số 55</i>	<i>291</i>
<i>Đề số 56</i>	<i>296</i>
<i>Đề số 57</i>	<i>299</i>
<i>Đề số 58</i>	<i>303</i>
<i>Đề số 59</i>	<i>309</i>
<i>Đề số 60</i>	<i>312</i>
<i>Hệ thống một số dẫn chứng cho bài văn nghị luận xã hội</i>	<i>317</i>

ĐỀ SỐ 1**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ở thời điểm này, chắc hẳn cái tên Ánh Viên đã được nhắc đến nhiều nhất trong làng bơi Việt Nam. Những vận động viên khác cùng dự Giải vô địch thế giới rồi sau đó là Cúp thế giới với Ánh Viên như Hoàng Quý Phước, Lâm Quang Nhật, Trần Duy Khôi, Lê Nguyễn Paul (vận động viên Việt Kiều đang sinh sống tại Mỹ) đều không có đột phá về chỉ số chuyên môn, thấp hơn thành tích tốt nhất trước giải. Về lâu dài, những vận động viên này có lẽ chỉ phù hợp với những sân chơi khu vực hoặc tiệm cận đoạt huy chương ở châu lục.

Ánh Viên đã liên tiếp tạo nên những cột mốc cho bơi Việt Nam tại Cúp bơi thế giới nhưng cũng đã đến lúc bơi lội Việt Nam cần có thêm những Ánh Viên khác. 4 đến 6 năm nữa, nếu giữ đà phát triển hiện nay, Ánh Viên sẽ còn mang lại nhiều niềm vui cho làng bơi cũng như thể thao Việt Nam. Nhưng lo tìm người kế thừa cô, để đầu tư bài bản chuyên nghiệp với quy trình hết cách đào tạo Ánh Viên ngay từ lúc này cũng đã quá muộn.

(Minh Quang, Cần có thêm nhiều Ánh Viên, In trong báo Hà Nội mới, số ra ngày 14/08/2015)

Câu 1: Anh (chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Đoạn văn trên thuộc kiểu phong cách ngôn ngữ nào? Tại sao anh (chị) nhận ra điều đó?

Câu 3: Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu văn sau: *Ánh Viên đã liên tiếp tạo nên những cột mốc cho bơi Việt Nam tại Cúp bơi thế giới nhưng cũng đã đến lúc bơi lội Việt Nam cần có thêm những Ánh Viên khác.* Anh (Chị) hiểu thế nào về từ “Ánh Viên” xuất hiện lần thứ hai trong câu văn?

Câu 4: Nỗ lực và đam mê đã giúp Ánh Viên đạt được những thành tích đáng khâm phục. Trong 5 – 7 dòng, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của nỗ lực và đam mê đối với tuổi trẻ.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Lãnh đạo huyền thoại của Apple, Steve Jobs từng phát biểu: *Đôi khi bạn sẽ mắc sai lầm khi sáng tạo. Điều quan trọng là phải nhanh chóng thừa nhận nó và tiếp tục phấn đấu.*

Từ câu nói trên, bằng đoạn văn khoảng 200 từ trình bày về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống hiện đại.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh (chị) về tình yêu được thể hiện qua hai đoạn thơ sau:

Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời

(Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích trên là khẳng định tài năng và vị trí của Ánh Viên đối với thể thao Việt Nam, đồng thời khẳng định việc cần phải đào tạo thêm những vận động viên trẻ xuất sắc để nối tiếp Ánh Viên.

Câu 2: Đoạn văn trên thuộc kiểu phong cách ngôn ngữ báo chí.

Các dấu hiệu trong đoạn trích giúp nhận biết kiểu phong cách ngôn ngữ báo chí như sau:

- Đoạn trích trên có tính thông tin sự kiện: những thông tin đưa ra trong đoạn trích là những thông tin nhanh chóng, kịp thời, khách quan, trung thành với sự thật: *“Những vận động viên khác cùng dự Giải vô địch thế giới ... thấp hơn thành tích tốt nhất trước giải.”*

- Đoạn trích trên có tính ngắn gọn và tính hấp dẫn: nhân vật được nói đến là vận động viên Ánh Viên – vận động viên có thành tích nổi bật nhất và đang được cộng đồng dành nhiều sự quan tâm nhất. Cùng với đó, trong hai đoạn văn ngắn, tác giả bài báo đã cung cấp rất nhiều thông tin không chỉ về Ánh Viên mà còn về các vận động viên bơi lội khác và chỉ ra điều cần làm cho nền thể thao Việt Nam.

- Về ngôn ngữ, đoạn trích trên sử dụng vốn từ toàn dân, đúng chính âm, chính tả. Đồng thời, để tăng sức hấp dẫn cho bài báo, tác giả còn sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ: *làng thể thao, Ánh Viên khác.*

Câu 3: Phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu: *Ánh Viên đã liên tiếp tạo nên những cột mốc cho bơi Việt Nam tại Cúp bơi thế giới nhưng cũng đã đến lúc bơi lội Việt Nam cần có thêm những Ánh Viên khác.*

Chủ ngữ 1: *Ánh Viên*

Vị ngữ 1: *đã liên tiếp tạo nên những cột mốc cho bơi Việt Nam tại Cúp bơi thế giới*

Trạng ngữ 1: *tại Cúp bơi thế giới*

Trạng ngữ 2: *cũng đã đến lúc*

Chủ ngữ 2: *bơi lội Việt Nam*

Vị ngữ 2: *cần có thêm những Ánh Viên khác.*

Từ *Ánh Viên* xuất hiện lần thứ hai trong câu văn trên mang hàm ý chỉ những vận động viên trẻ khác có tài năng và quyết tâm cao độ như Ánh Viên.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo các ý sau đây:

- Ánh Viên là một tấm gương sáng về nhiệt huyết tuổi trẻ và ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống. Đang ở trong độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời như Ánh Viên, mỗi

người cần biết trân trọng thời gian, sức lực và dành thời gian, sức lực vào việc theo đuổi đam mê, khẳng định giá trị bản thân và tạo nên những giá trị cho cuộc sống.

- Khi có nỗ lực và đam mê, con người sẽ vượt qua được chính bản thân mình và dành được nhiều thành tựu quý giá, không chỉ đối với cuộc đời mình mà còn đối với cuộc đời chung.

Phần II. Làm văn (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm):****Yêu cầu về hình thức:**

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

+ *Giải thích từ ngữ:* *Sáng tạo* là hoạt động của con người khi tìm thấy và làm nên những giá trị vật chất và giá trị tinh thần mới mẻ mà trước đó chưa có.

+ *Giải thích ý kiến:* *Đôi khi bạn sẽ mắc sai lầm khi sáng tạo* muốn nhắc mỗi chúng ta ý thức về việc rủi ro là điều hoàn toàn có thể xảy ra khi chúng ta sáng tạo bởi không phải cứ sáng tạo là được công nhận và đem lại những kết quả đúng như những gì chúng ta mong muốn.

+ Tóm lại: Câu nói của Steve Jobs muốn khẳng định sáng tạo là điều vô cùng quan trọng nhưng không phải là điều dễ dàng trong đời sống mỗi con người, cần phải vượt qua những khó khăn cũng như thất bại trong quá trình sáng tạo để tiếp tục cố gắng hoàn thiện công việc của mình.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Sáng tạo trong cuộc sống thể hiện dưới những hình thức như thế nào?

++ Sáng tạo là tìm ra những thứ mới mẻ mà trước đó con người chưa tìm ra. Cuộc sống là chuỗi những bí ẩn đòi hỏi con người phải tìm kiếm một cách có ý thức và bỏ nhiều công sức mới thấy được. Khi tìm thấy một điều gì mà trước đó người khác chưa từng nghĩ đến hoặc chưa từng biết đến được coi là bước đầu tiên của việc sáng tạo.

++ Sáng tạo còn là làm nên những điều mới mẻ mà trước đó con người chưa làm được. Đó có thể là việc tạo nên một ý tưởng đột phá trong công việc hoặc từ ý tưởng đó phát triển thành những sản phẩm thực tế, hiện hữu. Một sự sáng tạo thành công là khi sáng tạo đó

được đưa vào trong thực tế, ý tưởng được sử dụng trong công việc. Khi sáng tạo đạt đến mức độ cao nhất, nó được hiện thực hóa thành những phát minh khoa học, những bằng sáng chế có giá trị của những nhà phát minh. Đó là kết quả được công nhận, được tôn vinh và đem lại nhiều lợi ích cho xã hội.

+ Trong cuộc sống, sáng tạo đem lại cho con người những lợi ích gì để khiến công việc trở nên hiệu quả hơn?

++ Xã hội có những con người biết sáng tạo sẽ tìm ra những giá trị mới, khai phá thêm những chân trời trí thức mới. Công việc sẽ được giải quyết một cách hiệu quả hơn nếu con người biết sử dụng sự sáng tạo của mình một cách thích đáng với hoàn cảnh.

++ Con người mang trong mình bản chất sáng tạo sẽ vận động suy nghĩ một cách tích cực, không dựa vào những điều sẵn có mà bỏ quên những năng lực tiềm ẩn hoàn toàn có thể phát huy của bản thân. Mỗi người là một cá thể riêng biệt không giống ai, tất cả đều có thể tạo nên những ý tưởng đột phá, những sáng tạo có ích trong xã hội.

+ Cuộc sống sẽ trở thành thế nào, xã hội sẽ trở nên tụt hậu ra sao nếu không có sự sáng tạo của con người?

++ Cuộc sống không có sự sáng tạo là một cuộc sống nghèo nàn bởi cuộc sống đó chỉ biết phụ thuộc vào những điều có sẵn. Người không có sự sáng tạo là người chỉ biết làm theo những gì đã được định hình từ trước mà không biết phát huy những cá tính sáng tạo của mình, không phát huy được những giá trị tự thân. Xã hội vì thế cũng trở nên trì trệ, không phát triển vì không có giá trị mới được hình thành.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Sáng tạo là phẩm chất tốt và được khuyến khích nhưng phải biết sáng tạo đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức độ, không thái quá để dẫn đến hậu quả ngược lại. Có những trường hợp phá cách không đúng chỗ sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường.

+ Bên cạnh sự sáng tạo, mỗi con người cần phát triển các phẩm chất khác trong học tập hay công việc như sự kiên trì trong công việc, sự quyết đoán trong việc giữ vững lập trường của bản thân để làm cho phẩm chất sáng tạo được phát huy một cách cao độ nhất.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Có thể nói, văn học thời kì chống Mỹ là một bộ phận của công cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, đã có những

đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Với trách nhiệm xã hội đó, mặc nhiên tinh thần yêu nước là nội dung bao trùm của toàn bộ nền văn học. Phẩm chất yêu nước ấy có từ văn học của cha ông qua các thời đại, mỗi khi dân tộc đứng trước họa xâm lăng, nhưng đến văn học giai đoạn chống Mĩ được thể hiện tập trung nhất, sâu sắc nhất, biến thành sức mạnh vật chất cụ thể nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

- Tình yêu đất nước, tình yêu đời lứa cũng là một đề tài xuyên suốt trong dòng chảy văn học kháng chiến chống Mỹ. Hãy cùng cảm nhận tình yêu được thể hiện rất sâu sắc qua hai thi phẩm *Sóng* của Xuân Quỳnh và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm để thấy được tình yêu thời kì này muôn màu muôn vẻ.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Xuân Quỳnh là một trong các nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ thời chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng người phụ nữ khi yêu, nhiều trắc ẩn - vừa hồn nhiên, tươi tắn lại vừa đằm thắm, chân thành. *Sóng* là thi phẩm xuất sắc của Xuân Quỳnh. Xuân Quỳnh viết bài thơ "Sóng" vào những năm 1967, khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở vào giai đoạn ác liệt, khi thanh niên trai gái ào ào ra trận "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", khi sân ga, bến nước, gốc đa, sân trường diễn ra những cuộc chia ly màu đỏ. Và trong cuộc kháng chiến ấy Xuân Quỳnh đã hiểu ra rằng thiên nhiên vũ trụ, biển và sóng là hiện thân sinh động của sự sống mãnh liệt, vĩnh hằng. Phải chăng vì thế, qua ngòi bút nhiều nhà thơ, biển và sóng đã trở thành những biểu tượng quen thuộc diễn tả sự dâng đầy, nỗi khát khao, niềm sục sôi mê đắm của sức sống, của tình yêu. Sóng của Xuân Quỳnh cũng nằm trong trường hợp ấy. Thế nhưng qua trái tim yêu của người phụ nữ này được mang trong một bài thơ lấp lánh với một vẻ đẹp riêng và ngót 30 năm nay, từ lúc ra đời, từng làm thổn thức trái tim bao người trẻ tuổi, trẻ lòng. Ấu đó cũng chứng tỏ cái quy luật muôn đời của giá trị nghệ thuật: cùng vận dụng một chất liệu nhưng nếu nghệ sĩ nào gửi trọn vào đấy càng nhiều máu thịt của tâm hồn, của cuộc đời mình thì tác phẩm càng có sức sống lâu bền.

+ Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta. Thơ ông đã phản ánh khá sinh động hình ảnh hào hùng của nhân dân ta, đất nước ta trong cuộc đấu tranh một mất một còn với kẻ thù để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Hay nói một cách

khác, thơ Nguyễn Khoa Điềm thể hiện một tình yêu nước, yêu chân lí cách mạng tha thiết, bộc lộ niềm tự hào dân tộc cao độ, niềm tin chắc chắn vào tương lai tất thắng của cách mạng. Đặc biệt là Nguyễn Khoa Điềm luôn có ý thức nhắc nhở thế hệ hôm nay và những thế hệ mai sau phải biết gìn giữ và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Năm 1971, trường ca *Mặt đường khát vọng* được hoàn thành. Năm ấy, chàng trai Nguyễn Khoa Điềm hai mươi bảy tuổi. Hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đủ để có những cảm nhận chín chắn, sâu sắc và có ý thức đối với tình yêu đất nước. Hai mươi bảy tuổi, ngọn lửa khát vọng vẫn sáng mãi, cháy mãi với ước muốn hiến dâng tuổi xuân cho đất nước. *Mặt đường khát vọng* đã ra đời như thế. Đoạn trích *Đất Nước* trích từ phần đầu trường ca *Mặt đường khát vọng*.

- Cảm nhận về hai đoạn thơ:

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh:

++ Nội dung: Đoạn thơ thể hiện cái tôi đầy khao khát.

+++ Khát vọng được hòa thành trăm con sóng nhỏ, khát vọng được tan thành trăm con sóng nhỏ là khát vọng được cho đi và dâng hiến bởi có một nghịch lí trong tình yêu là "Hạnh phúc thật sự chỉ đến khi bạn dám mạnh dạn cho đi chứ không phải nắm giữ thật chặt" (Christopher Hoare). Tình yêu lứa đôi đẹp đẽ, nồng nàn như trăm ngàn con sóng nhỏ giữa đại dương mênh mông, mong muốn được hoà nhịp vào biển lớn của tình yêu cộng đồng.

+++ Khát vọng muốn hòa nhập tình yêu của mình để ngàn năm còn vỗ. Đây là khát vọng muốn được vĩnh cửu hóa, bất tử hóa tình yêu. Người con gái mong muốn hòa mình vào bể đời rộng lớn, bút mình ra khỏi những lo toan tính toán, để ngập chìm trong bể lớn tình yêu. Phải có một tình yêu như thế nào thì mới có được một mong muốn cao cả đến chừng ấy. Khát vọng tình yêu cũng là khát vọng sống mãnh liệt đủ đầy. Cuộc đời còn tình yêu thì cuộc đời còn tươi đẹp và đáng sống và sống trong tình yêu là một điều hạnh phúc. Xuân Quỳnh mong ước được sống mãi trong tình yêu, bất tử với tình yêu.

+++ Trong quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh ta thấy được một tư tưởng nhân văn: yêu và sự hiến dâng (chữ "hiến dâng" không hiểu theo nghĩa thông tục). Tình yêu của cá nhân không tách rời cộng đồng. Sự hóa thân, quên mình trong tình yêu vào thiên nhiên vĩnh cửu để tồn tại mãi mãi, muốn thành trăm con sóng nhỏ để được sống mãi, yêu mãi. Đó chính là khát vọng được hiến dâng, được hi sinh vì tình yêu mà chỉ có những người yêu thực sự mới làm được như vậy. Ta hãy chú ý đến từ

chỉ thời gian là "ngàn năm" và "biển lớn tình yêu". Chuyện tình yêu và hạnh phúc ở đời thường là chuyện trăm năm "trăm năm giàu nổi hèn hờ", "trăm năm bến nước tình tình - trăm năm là nghĩa là tình mình ta", với Xuân Quỳnh chuyện tình yêu phải là chuyện của "ngàn năm", biển phải là "biển lớn tình yêu" vĩnh hằng và bất tử. Động từ "tan ra" trong khổ thơ là đỉnh điểm của cảm xúc, của nỗi nhớ, của lòng chung thủy và đức hi sinh một cách trọn vẹn.

++ Nghệ thuật:

+++ Sự liên tưởng hợp lí, tự nhiên giữa đặc điểm của sóng và đặc điểm của người con gái đang yêu. Sự liên tưởng này tạo nên hai hình tượng song song, nhưng hai mà một.

+++ Câu thơ năm chữ với những câu ngắn, đều nhau, tạo nên một ý niệm về hình thể của các con sóng, như con sóng dâng trào nhưng có khi chậm rãi nhẹ nhàng như lúc sóng êm biển lặng.

+++ Nhịp điệu của các câu thơ thật đa dạng, mô phỏng cái đa dạng của nhịp sóng: 2/3 (Dữ dội và dịu êm – Ôn ào và lặng lẽ). 1/2/2 (sóng không hiểu nổi mình – sóng tìm ra tận bể), 3/1/1 (Em nghĩ về anh, em), 3/2 (Em nghĩ về biển lớn – từ nơi nào sóng lên), v.v...

+++ Các cặp câu đối xứng xuất hiện liên tiếp, câu sau thừa tiếp câu trước, tựa như những đợt sóng xô bờ, sóng tiếp sóng dào dạt.

+++ Âm điệu của bài thơ với nhiều sắc

điệu đa dạng, phong phú, tạo nên vẻ tự nhiên cho bài thơ.

+++ Ngoài ra còn phải kể đến tính chất nữ tính trong cách diễn đạt của Xuân Quỳnh, trong cách nhìn sóng của chị: thật dịu dàng đằm thắm nhưng cũng thật dữ dội.

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm:

++ Nội dung: là lời nhắn của bài thơ về trách nhiệm của thế hệ trẻ với non sông đất nước.

+++ Bốn câu thơ nhẹ nhàng, chân thành và tha thiết. Cách dùng đại từ "em" gợi cảm, gần gũi, thân mật đủ để làm "mềm hóa" những điều mang tính chất rộng lớn bao quát: đó là những suy niệm về Đất Nước. "Em ơi" trong câu thơ này không mệnh mang diu đặt đưa người về cõi xa bên dòng sông Đuống, pha lẫn chút vị hư ảo trong câu thơ toàn vần bằng như "Em ơi buồn làm chi" (*Bên kia sông Đuống* – Hoàng Cầm). "Em ơi" ở đây là lời nói và tâm niệm của chàng trai với cô gái, người "đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm", là lời tâm tình của người yêu với người yêu. Chọn câu chuyện tình yêu nam nữ để nói

lên tình yêu đất nước, phải chăng là Nguyễn Khoa Điềm đã “mạo hiểm”? Không, chính tình yêu đất nước hòa lẫn trong câu chuyện tình yêu nam nữ mới tạo nên nét độc đáo hơn cho tác phẩm của nhà thơ.

+++ Những câu thơ giàu chất duy lý nhưng không lên gân mà trở thành lời nhắn nhủ tha thiết. Ở đây có những từ tượng trưng rất đáng chú ý: máu xương, gắn bó, san sẻ, hoá thân, dáng hình, muôn đời. Sau rất nhiều suy nghĩ cụ thể về đất nước, đến đây nhà thơ khẳng định Đất nước là máu xương của mình. Máu xương là sự sống. Rất ít trường hợp người ta ví một điều gì đó với máu xương, bởi nó có ý nghĩa biểu trưng cho sự thiêng liêng. Đất nước là máu xương có nghĩa là đất nước tồn tại như một sự sống và để có sự sống ấy hẳn phải có rất nhiều hi sinh. Quả đúng như vậy, biết bao con người, bao thế hệ đã ngã xuống cho sự sống còn của đất nước. Vì thế, mỗi một con người phải biết gắn bó và san sẻ. Gắn bó là yêu thương, quan hệ mật thiết với nhau. Từ sự gắn bó ấy mới có thể san sẻ. San sẻ trách nhiệm, san sẻ niềm vui, niềm hạnh phúc cho nhau. Đất nước vĩ đại nhưng đất nước là một thực thể sống. Thực thể ấy không phải là sự tập hợp của những cá nhân rời rạc mà là một cộng đồng. Hoá thân cũng có nghĩa là dâng hiến. Thời bình, người ta dâng hiến sức lực, mồ hôi cho Tổ quốc. Thời chiến, người ta dâng hiến cả sự sống của mình. Sự dâng hiến ấy, theo suy ngẫm của nhà thơ, là cuộc hoá thân. Bóng dáng mỗi người đã làm nên bóng dáng quê hương xứ sở, đất nước. Không có sự hoá thân kia làm sao đất nước trường tồn, làm sao có được đất nước muôn đời!

+++ Đoạn thơ là một đoạn thơ hay trong bài *Đất Nước*. Nhà thơ đã thể hiện những suy nghĩ mới mẻ của mình về đất nước bằng một giọng trữ tình, ngọt ngào. Câu chuyện về đất nước đối với mỗi người luôn là câu chuyện của trái tim, vừa thiêng liêng, cao cả, cũng vừa gắn bó, thân thiết. Từ suy nghĩ và tình cảm ấy, khi đối diện với kẻ thù của dân tộc, hẳn người ta phải biết làm gì cho Tổ quốc, giang sơn.

++ Nghệ thuật:

+++ Bằng giọng văn trữ tình kết hợp với chính luận; bằng cách sử dụng câu cầu khiến, điệp ngữ “phải biết -

phải biết” nhắc lại hai lần cùng các động từ mạnh “gắn bó, san sẻ, hoá thân” ... nhà thơ như nhắn nhủ mình, nhưng cũng là nhắn nhủ với mọi người (nhất là thế hệ trẻ) về trách nhiệm thiêng liêng của mình với đất nước. Cái hay là lời nhắn nhủ mang tính chính luận nhưng lại không giáo huấn mà vẫn rất trữ tình, tha thiết như lời tự dặn mình - dặn người của nhà thơ.

+++ Sự vận dụng những yếu tố dân gian kết hợp với cách diễn đạt và tư duy hiện đại, tạo ra màu sắc thẩm mỹ vừa quen thuộc lại vừa mới mẻ. Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng tối đa đã tạo nên không khí, giọng điệu, không gian nghệ thuật riêng: vừa có sự bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa bay bổng, mơ mộng của ca dao, truyền thuyết nhưng lại mới mẻ qua cách cảm nhận và cách diễn đạt bằng hình thức thơ tự do. Có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên đặc điểm nghệ thuật độc đáo của đoạn thơ này.

- So sánh:

+ Giống nhau:

++ Tư tưởng của hai đoạn thơ đều là tư tưởng về tình yêu và sự hi sinh hết mình, hiến dâng cho tình yêu.

++ Khát vọng của hai đoạn thơ đều lớn lao và cao thượng.

+ Khác nhau:

++ *Sóng* là vẻ đẹp của tình yêu lứa đôi, trong khi đó, *Đất Nước* là vẻ đẹp tình cảm cá nhân của con người đối với Tổ quốc.

++ *Sóng* được diễn tả bằng thể thơ ngũ ngôn với âm điệu phong phú và đậm chất nữ tính của Xuân Quỳnh, *Đất Nước* được diễn tả bằng thể thơ tự do với không gian nghệ thuật đậm chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả.

3. Kết bài:

Qua sự thể hiện tình yêu của Xuân Quỳnh và Nguyễn Khoa Điềm trong hai bài thơ *Sóng* và *Đất Nước*, ta có thể thấy được sự muôn màu muôn vẻ của tình yêu. Nhưng dù là tình yêu được thể hiện như thế nào, thì cuối cùng, nó vẫn được bao hàm trong tình yêu đất nước, tình yêu cộng đồng to lớn.

ĐỀ SỐ 2

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Tranh Tết Đông Hồ rất phong phú về nội dung, có tranh đơn chiếc, nhưng đa số là tranh bộ đôi, bộ tứ, dường như chịu ảnh hưởng từ thể biền ngẫu trong văn học. Chúng đối với nhau từ màu nền, nội dung và cả chữ trên tranh. Chủ đề trừ tà, cầu phúc, chúc tụng như các tranh: Gà đại cát, Gà trống, Tiến tài Tiến lộc, Ông tướng trần môn,... chủ đề cảnh vật, cảnh sinh hoạt quan hệ gia đình, xã hội có: Lợn đàn, Gà đàn, Thầy đồ cóc, Trạng chuột vinh quy, Đánh vật, Rước trống, Hứng dừa, Đánh ghen, Rước rồng, Múa kì lân,.. hay những tranh có nội dung ca ngợi anh hùng dân tộc như: Hai Bà Trưng, Triệu Âu xuất quân, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, hoặc bắt nguồn cảm hứng từ các tác phẩm văn học cổ điển như: Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên...

(2) Hầu hết tranh Đông Hồ đều có thơ hoặc phương ngôn bằng chữ Nôm hay chữ Hán. Trong thơ có họa và trong họa có thơ đã thể hiện mỹ cảm của người phương Đông. Thơ và họa gắn bó với nhau vừa tạo nên vẻ đẹp hoàn chỉnh của bố cục, vừa nói lên tâm tư, tình cảm của người nghệ sĩ dân gian “đối cảnh sinh tình”.

(Đặng Thế Minh, *Thuyết minh Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam*, 2000)

Câu 1: Anh (Chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Đoạn văn (1) đã sử dụng phép tu từ gì? Chỉ ra tác dụng của phép tu từ ấy.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép liên kết trong đoạn trích trên.

Câu 4: Nhiều làng nghề truyền thống ngày nay đang bị mai một. Trong khoảng 5 - 7 dòng, thể hiện suy nghĩ của anh (chị) về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với việc gìn giữ các làng nghề truyền thống ấy.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Bằng đoạn văn khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời khuyên của Phrít-mên: *Kĩ năng đầu tiên và quan trọng nhất mà bạn cần có trong một thế giới hiện đại là khả năng “học phương pháp học” – nghĩa là thường xuyên tiếp thu và học hỏi những phương pháp mới để làm những công việc cũ hay những phương pháp cũ để làm những công việc mới... Trong một thế giới như vậy không chỉ kiến thức mà cả phương pháp học hỏi của bạn mới tạo ra giá trị riêng. Bởi những kiến thức ngày hôm nay sẽ trở nên lỗi thời nhanh hơn bạn tưởng nhiều.*

(Theo Phrít-mên, *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, 2005)

Câu 2 (5 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về thông điệp gửi gắm qua hai đoạn trích sau đây trong hai truyện ngắn *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong gia đình*:

Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này!

(*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành)

Chú thường ví chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, cũng lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn ruộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta.

(*Những đứa con trong gia đình* - Nguyễn Thi)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích trên: đoạn trích trên nói về những đề tài chính và nội dung phản ánh của tranh Đông Hồ.

Câu 2:

- Đoạn văn (1) sử dụng phép liệt kê. Ở đây, tác giả đã kể ra hàng loạt các đề tài, cảm hứng xuất hiện trong tranh Đông Hồ

- Việc sử dụng phép tu từ liệt kê đã cho thấy sự phong phú, đa dạng trong đề tài, cảm hứng, nội dung của tranh Đông Hồ. Các chủ đề ấy bao phủ nhiều mảng của cuộc sống, từ những đề tài giản dị, dân dã, gần gũi với đời sống lao động nhưng cũng có những chủ đề mang tính bác học, cổ điển.

Câu 3: Các phép liên kết trong đoạn trích trên:

- Phép điệp: *tranh, Đông Hồ.*

- Phép liên tưởng: *tranh Tết Đông Hồ, màu nền, tranh bộ đôi, bộ tứ, chủ đề, cảm hứng, thơ, họa, bố cục, thẩm mỹ, nghệ sĩ dân gian.*

- Phép thế: *chúng.*

Câu 4: Học sinh trình bày suy nghĩ của cá nhân, có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

- Trước tình trạng nhiều làng nghề đang bị mai một, những người trẻ càng cần phải có trách nhiệm trong việc gìn giữ và phát huy những nét đẹp truyền thống đó.

- Mỗi người cần phải trang bị một thái độ trân trọng, tích cực tìm hiểu về những làng nghề truyền thống, đồng thời, thay vì sử dụng nhiều vận dụng hiện đại không cần thiết, người trẻ có thể sử dụng chính những sản phẩm thủ công của người lao động nước ta. Bên cạnh đó, tuyên truyền và giới thiệu những sản phẩm truyền thống của dân tộc đến bạn bè quốc tế cũng là một việc làm có ý nghĩa.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:*

Học phương pháp học, theo Phrít-mên là *tiếp thu và học hỏi những phương pháp mới để làm những công việc cũ hay những phương pháp cũ để làm những công việc mới.* Điều này có nghĩa, đối với những vấn đề cũ nếu biết

vấn dụng những phương pháp tiếp cận mới cũng sẽ đem đến những kết quả bất ngờ. Những vấn đề cũ, những hiện tượng cũ nhưng được nhìn nhận theo một góc độ mới, với một quan điểm mới, cũng sẽ đem đến cho chúng ta những hiểu biết, những đánh giá mới. Câu nói của Phrít-mên đã khẳng định vai trò của việc học phương pháp học trong xã hội ngày hôm nay.

- *Phân tích, lý giải*

+ Phương pháp học có vai trò thế nào trong xã hội ngày nay? Câu trả lời nằm trong chính câu nói của Phrít-mên: *Trong một thế giới như vậy không chỉ kiến thức mà cả phương pháp học hỏi của bạn mới tạo ra giá trị riêng. Bởi những kiến thức ngày hôm nay sẽ trở nên lỗi thời nhanh hơn bạn tưởng nhiều.*

+ Kiến thức là một đại dương rộng lớn mà những hiểu biết của mỗi người chúng ta chỉ là một giọt nước nhỏ bé trong đại dương ấy. Bên cạnh đó, trong xã hội hiện đại, tri thức của con người đang tăng theo cấp số nhân. Không ai có thể nhớ chính xác mọi mốc lịch sử, am hiểu hết mọi thành tựu về cả khoa học lẫn nghệ thuật, theo kịp hết mọi sự kiện đang diễn ra trong đời sống. Vì vậy, ngày nay, người ta không quan tâm đến việc học cái gì, học được bao nhiêu mà là học như thế nào.

+ Làm thế nào để con người theo kịp thời đại mà mình đang sống nếu không tự trang bị cho mình những phương pháp học, phương pháp tiếp cận thông minh? Phương pháp tiếp cận thông minh giúp người học tiếp thu kiến thức một cách trọn vẹn hơn, nhanh chóng hơn, thậm chí mới mẻ hơn, sâu sắc hơn. Lượng kiến thức tăng nhanh nên những gì ta biết ngày hôm qua, có thể đến hôm nay đã trở nên lỗi thời, lạc hậu. Có một phương pháp tiếp cận mới mẻ, con người sẽ có thể dễ dàng đuổi kịp thời đại mình đang sống.

+ Phương pháp học có một vai trò to lớn như vậy nên việc học phương pháp học trở nên vô cùng quan trọng. Để giải quyết được các vấn đề trong cuộc sống, con người phải tự trang bị cho mình rất nhiều kĩ năng, nhưng trong số đó, học phương pháp học là *kĩ năng đầu tiên và quan trọng nhất.* Học phương pháp học cũng chính là con người học cách học các kĩ năng khác, giúp con người nắm bắt các kĩ năng khác một cách nhanh chóng hơn, dễ dàng hơn.

+ **Phê phán:**

Học phương pháp học có một vai trò quan trọng, tuy nhiên không phải ai cũng nhận ra điều đó. Tuy với nhiều cái cách, nhiều đòi hỏi trong giáo dục nhưng những câu

chuyện buồn trong mùa thi vẫn diễn ra. Nhiều học sinh thay vì tìm cách để biến kiến thức trở thành của mình thì lại học vẹt, học tù, học nhồi nhét kiến thức, ghi nhớ một cách máy móc. Với phương pháp học như vậy, người học trở nên thụ động, kiến thức sẽ trở nên sáo mòn, khô cứng.

- *Bình luận:* Lời khuyên của Phrit-mên rất có ý nghĩa đối với mỗi chúng ta, khi cuộc sống hiện đại biến đổi từng ngày. Nó nêu lên vai trò quan trọng của việc học phương pháp học. Chỉ bằng việc học phương pháp học mới có thể phát triển và theo kịp được trong xã hội hiện đại – xã hội bùng nổ thông tin. Lời khuyên đã đưa ra định hướng đúng đắn cho chúng ta trong quá trình học tập và thích ứng với cuộc sống ngày nay.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là hai tác phẩm xuất sắc viết về đề tài chiến tranh cách mạng ở miền Nam vào những năm 60 thế kỷ trước. Cả hai tác phẩm đều xứng đáng là bản anh hùng ca ca ngợi những con người miền Nam anh hùng, bất khuất, căm thù giặc cháy bỏng, yêu quê hương đất nước thiết tha, thủy chung tình nghĩa sắt son với cách mạng, kháng chiến. Tuy nhiên hai tác phẩm đã có những vẻ đẹp riêng mang đậm hương vị của mỗi miền đất và mang dấu ấn tài năng của mỗi tác giả.

- Thông qua hai đoạn trích, ta sẽ cảm nhận được những thông điệp sâu sắc, ý nghĩa mà Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi gửi gắm.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Nhà văn Nguyễn Ngọc (Nguyễn Trung Thành) là người có duyên với Tây Nguyên. Cả hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ, Nguyễn Ngọc đã sống gắn bó với mảnh đất hùng vĩ và kiên cường này. Hai tác phẩm chính làm nên sự nghiệp văn học của Nguyễn Ngọc là *Đất nước đứng lên* và *Rừng xà nu* được coi là một điểm son trong văn học Việt Nam thời chống Mỹ, là bản anh hùng ca về cuộc khởi nghĩa quật cường của đồng bào Tây Nguyên đánh Mỹ. Câu chuyện diễn ra ở làng Xô Man, một góc Tây Nguyên hùng vĩ. Ở đó có những rừng xà nu bạt ngàn và người dân strá bất khuất, kiên cường hết lớp này đến lớp khác đang nối nhau cùng đánh Mỹ. Tác giả đã lựa chọn một loại cây họ thông mọc nhiều ở rừng núi Tây Nguyên gỗ và nhựa đều rất quý, có sức sống mãnh liệt và dẻo dai, rất gắn gũi và thân thiết với đời sống của người Tây Nguyên để tượng trưng cho phẩm chất và sức

manh, cho tinh thần bất khuất của dân làng Xô Man nói riêng và các dân tộc Tây Nguyên nói chung. Hình ảnh cây xà nu đã tạo nên những liên tưởng bất ngờ và thú vị trong lòng người đọc.

+ Nguyễn Thi là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì đánh Mĩ, xứng đáng với danh hiệu nhà văn của người nông dân Nam Bộ. Tác phẩm của Nguyễn Thi bắt nguồn từ hiện thực chiến đấu nóng bỏng, ác liệt của chiến tranh, nhưng vẫn đậm thắm chất trữ tình. Những đứa con trong gia đình là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Thi. Truyện được viết trong những ngày chiến đấu gian khổ, ác liệt nhất của chiến trường miền Nam. Qua truyện, tác giả thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người dân Nam Bộ và khẳng định: lòng yêu nước, căm thù giặc, tình cảm gia đình thiêng liêng là sức mạnh tinh thần to lớn của họ trong công cuộc chống Mĩ cứu nước.

- Cảm nhận về thông điệp gửi gắm qua hai đoạn văn:

+ Đoạn văn trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành:

++ Nội dung:

+++ Hình tượng cây xà nu được tác giả miêu tả từ nhiều góc độ và đưa lại hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt. Trong truyện ngắn này, nhà văn không chỉ mở đầu và kết thúc truyện bằng hình ảnh rừng xà nu bát ngát đến chân trời, mà đã gần 20 lần nói đến *Rừng xà nu*. “Cây xà nu”, “nhựa xà nu”, “lửa xà nu”... Chất sử thi của thiên truyện sẽ không trở thành giọng điệu chính của tác phẩm, nếu thiếu đi hình tượng cây xà nu được khai thác từ nhiều góc độ, được lặp đi lặp lại nhiều lần đến như vậy, nhất là “các đồi xà nu – 4 lần”, “Rừng xà nu – 5 lần”. Thủ pháp điệp trùng khi mô tả cây xà nu đó, vừa làm nền cho toàn bộ diễn biến của câu chuyện, vừa gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc về cây xà nu. Nhưng xà nu không chỉ có mặt trong đoạn mở đầu và đoạn kết, mà nó còn hiện diện trong suốt câu chuyện về Tnú và làng Xô Man của anh. Xà nu gắn bó với cuộc sống sinh hoạt hằng ngày như đã từ ngàn đời nay thân thuộc với dân làng, xà nu tham dự vào những sự kiện quan trọng của cuộc sống làng Xô Man... Hình tượng cây xà nu qua ngòi bút Nguyễn Trung Thành đã trở thành một nhân chứng về tội ác của chiến tranh hủy diệt; là người chứng kiến cho sự giác ngộ, hy sinh thầm lặng và sự quật khởi của người dân Xô Man.

+++ Cụ Mết và người dân tộc Strá rất đỗi tự hào về cây xà nu của quê hương. Chính cụ Mết cũng đã khẳng định được cái sức sống bất tử ấy như một chân lí giản dị:

“Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta, cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này”. Chính vì hình ảnh cây xà nu mang ý nghĩa tượng trưng, nên sự miêu tả loài cây này, luôn luôn được tác giả đặt trong sự đối chiếu với con người, gợi ra những liên tưởng về đời sống và số phận cùng phẩm chất của họ. Cây xà nu rất ham ánh sáng và khí trời, cũng như Tnú, như dân làng Xô Man yêu tự do, khát khao ánh sáng. Bất chấp sự hủy diệt tàn khốc của bom đạn kẻ thù, cây xà nu vẫn vươn lên với một sức sống mãnh liệt không gì tiêu diệt, tàn phá nổi “Bên cạnh một cây Xà nu mới ngã gục, đã có 4, 5 cây con mọc lên ngọn xanh rờn hình nhọn như mũi tên lao thẳng lên bầu trời”, cũng như các thế hệ làng Xô Man, lớp này kế tiếp lớp khác đứng lên, tiếp tục cuộc chiến đấu.

+++ Khả năng sinh sôi mãnh liệt của cây xà nu cùng sự rộng lớn, bạt ngàn của rừng xà nu gợi nghĩ đến sự tiếp nối của nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên đoàn kết bên nhau kháng chiến. Phải chăng đó là vẻ đẹp của cụ Mết, người truyền và giữ ngọn lửa tinh thần cách mạng với chân lí ngời sáng “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. Là vẻ đẹp của người anh hùng Tnú với tinh thần kim nén đau thương để biến thành sức mạnh quật khởi. Là vẻ đẹp của Dít với đôi mắt mở to trong suốt, bình thản. Dít như cây xà nu nhanh chóng trưởng thành, nhanh chóng trở thành bí thư chi bộ cùng cụ Mết lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc. Vẻ đẹp của bé Heng, thế hệ xà nu măng non, chưa trưởng thành nhưng tinh thần thì đã “nhọn hoắt như những mũi lê”... Có thể nói hình tượng xà nu nổi bật xuyên suốt tác phẩm, câu chuyện mở ra trong vẻ đẹp mãnh liệt của sự sống trước đau thương mất mát để rồi khép lại vẫn là hình ảnh hào hùng của sự thách thức. Bên cạnh “bốn năm cây xà nu đã bị đánh ngã đã có vô số những cây con đang mọc lên”. Mới mọc thôi nhưng tinh thần chiến đấu lại rất mãnh liệt “Có những cây mới nhú khỏi mặt đất nhọn hoắt như những mũi lê”.

++ Nghệ thuật:

+++ Nghệ thuật xây dựng hình tượng: Thủ pháp nghệ thuật so sánh, đối chiếu, ngôn ngữ sử thi hào hùng, thủ pháp nhân cách hóa ... đã tạo nên sự chuyển hóa, hòa hợp giữa hình tượng thiên nhiên và con người, tạo nên một bản hợp xướng đầy chất thơ hào hùng tráng lệ về sức sống bất diệt về cuộc chiến đấu bất khuất kiên trung của nhân dân Tây Nguyên giành tự do.

+++ Tác giả đã kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan khi miêu tả cây

xà nu tạo nên hình ảnh cây xà nu đầy sức lực, tràn trề sức sống. Tác giả luôn miêu tả hình tượng cây xà nu với con người, các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động về hung vĩ của thiên nhiên và gợi ra những liên tưởng về con người. Nhờ thế những đoạn văn miêu tả rừng xà nu giống như một bài thơ trữ tình với giọng văn đầy biểu cảm.

+++ Chất thơ và chất sử thi hòa làm một thể hiện rõ phong cách văn xuôi Nguyễn Trung Thành: vừa say mê, vừa trầm tư, vừa giới tạo hình vừa giàu tính khái quát.

+ Đoạn văn trong truyện ngắn “Những đứa con gia đình” của Nguyễn Thi:

++ Nội dung:

+++ Giải thích câu nói của chú Năm: Nguyễn Thi ví chuyện gia đình ta cũng dài như dòng sông là Nguyễn Thi muốn nhấn mạnh sự trôi chảy, sự tiếp nối của mỗi gia đình cũng như dòng sông vậy. Nếu sông có khúc trên khúc dưới, thì gia đình có thế hệ già, thế hệ trẻ. Sự kế tục và tiếp nối ấy chúng ta gọi là truyền thống. Mỗi con người, mỗi đời người trong một gia đình phải là một khúc sông trong một dòng sông truyền thống. Mỗi người chỉ được gọi là thành viên trong gia đình với những ai đã ghi được, đã làm nên được khúc sông của mình trong cái dòng sông truyền thống gia đình ấy. Có nghĩa là, con người không chỉ là sự tiếp nối huyết thống mà quan trọng hơn còn là sự tiếp nối một truyền thống. Hơn nữa ta không thể hiểu khúc sông sau của một dòng sông nếu không hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó. Cũng như vậy, ta chỉ có thể hiểu về những đứa con của một gia đình khi và chỉ khi đã hiểu ít nhiều về chính cái truyền thống gia đình đã sinh ra những đứa con ấy.

+++ Trong truyện ngắn thực sự đã có một dòng sông của truyền thống gia đình. Dòng sông ấy liên tục chảy từ thế hệ cha anh đến thế hệ những chiến sĩ trẻ anh hùng thời chống Mĩ. Ở họ đều có những phẩm chất chung đó là yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, thù chung son sắt với quê hương, cách mạng. Ở họ luôn có sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình với tình yêu đất nước, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc. Và chính sự hòa quyện ấy đã tạo nên sức mạnh to lớn của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam thời đánh Mĩ. Nhưng mỗi thành viên trong gia đình lại là một khúc sông riêng, có những nét riêng đem đến vẻ đẹp phong phú đa dạng của con người miền Nam thời đánh Mĩ.

Chú Năm chính là khúc thượng nguồn, là nơi kết tinh đầy đủ nhất truyền thống gia đình. Chú là một người nông dân Nam bộ, thật thà bộc trực vui tính và giàu tình

cảm. Cái chất nam bộ ấy được thể hiện ngay trong ngôn ngữ đầy cá tính không thể trộn của chú. Chú là người giàu tình cảm. Trong truyện chú Năm là người hay hò, “chú hay kể về sự tích của gia đình và cuối câu chuyện thế nào chú cũng hò lên mấy câu... những câu nói về cuộc đời cơ cực của chú và những chiến công của đất này”. Chú Năm đại diện cho truyền thống và luôn có ý thức tự hào và lưu giữ truyền thống.

Má Việt cũng là một hiện thân của truyền thống và là một hình tượng mạng đậm dấu ấn riêng của phong cách Nguyễn Thi. Má là một người mẹ chắc khỏe về thể chất và mạnh mẽ về tinh thần, tần tảo xốc vác thương chồng thương con. Gan góc, căm thù giặc sâu sắc, biết ghim nén, biết vượt lên đau thương để sống, chiến đấu và che chở cho đàn con. Chồng bị chặt đầu, nỗi đau ấy khác gì dao cứa ngang tim, nhưng mẹ cố không để rơi nước mắt. Và nếu lệ cứ ứa ra, thì má chỉ nằm chứ không kể chi hết. Đau thương ấy, người mẹ một mình nuốt sâu vào đáy lòng, để lặng lẽ một mình chịu đựng sức thiêu đốt của nỗi đau âm ỉ cháy. Dưới một núi đau thương, người mẹ ấy vẫn hiên ngang đối mặt với kẻ thù, vừa làm công cấy gặt vừa do tinh thể địch. Một hình ảnh, một truyền thống như thế, tác giả muốn phải là bắt từ, cho dù con người cụ thể có phải hi sinh. Người mẹ ngã xuống, nhưng dòng sông truyền thống kia vẫn chảy. Và hình ảnh của mẹ lại hiện về qua những đứa con của mẹ.

Chị em Chiến và Việt: Là hai chị em ruột, lại cùng là chiến sĩ giải phóng, Chiến và Việt có nhiều điểm giống nhau: là con em của một gia đình cách mạng giàu truyền thống anh hùng, ông bà ba má đều bị sát hại nên cả hai em đều có một mối thù chất chứa trong lòng, đều nung nấu ước nguyện lên đường đánh giặc trả thù cho gia đình và quê hương. Qua ngòi bút của Nguyễn Thi Chiến hiện lên là một tính cách khá đa dạng: Vừa là một cô gái mới lớn tính khí còn rất trẻ con, vừa là một người chỉ biết nhường nhịn, biết lo toan, đảm đang tháo vát. Còn Việt có nét riêng dễ mến của cậu con trai mới lớn. Là em lại là con trai, nên Việt còn ngây thơ trẻ con và rất vô tư. Việt cũng thật đường hoàng chững chạc trong tư thế của người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường. Trong dòng sông truyền thống, Việt là con sóng vươn xa nhất, là người tiêu biểu nhất cho tinh thần tiến công cách mạng.

+++ Tóm lại hai chị em Chiến, Việt, má Việt, chú Năm là con nòi gốc gác nông dân. Họ đều là những con người tiêu biểu cho khí phách anh hùng của nhân dân miền Nam thời đánh Mĩ. Ở họ tuy có nhiều điểm giống nhau trong dòng sông truyền thống nhưng mỗi người

một bản sắc, một tính cách điển hình sinh động, làm rạng rỡ khúc sông của riêng mình. Nguyễn Thi, qua thiên truyện ngắn này đã khám phá, phân tích và lí giải sức mạnh, chiến công của thế hệ trẻ miền Nam thời chống Mĩ không chỉ ở tinh thần của thời đại mà còn có nguồn gốc sâu xa trong truyền thống gia đình. Chính dự hòa quyện giữa tình cảm gia đình với tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Và thực sự trong truyện ngắn Những đứa con trong gia đình đã có một dòng sông của truyền thống gia đình. Dòng sông ấy liên tục chảy từ thế hệ cha anh đến thế hệ những chiến sĩ trẻ anh hùng.

++ Nghệ thuật:

+++ Với nghệ thuật xây dựng hình tượng dòng sông độc đáo, Nguyễn Thi đã dựng được những tính cách nhân vật phong phú, hấp dẫn. Qua dòng hồi tưởng của Việt, một “đứa con trong gia đình” cách mạng, ta thấy hiện lên các nhân vật: ba, má Việt, chú Năm, chị Chiến và Rất dễ dàng nhận thấy cả năm nhân vật đều cùng chung bản chất, xét về phương diện phẩm chất cách mạng: yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với cách mạng và tự hào về dòng sông truyền thống mạng của gia đình.

+++ Mang đậm màu sắc Nam Bộ: Tính cách nhân vật, ngôn ngữ, bức tranh thiên nhiên, đời sống sinh hoạt và văn hoá của người dân Nam Bộ đều được miêu tả sinh động, chân thực.

- So sánh:

+ Giống nhau:

++ Cả hai nhà văn cùng ngợi ca, tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước; xây dựng hình ảnh thiên nhiên biểu tượng cho con người.

++ Những hình tượng biểu trưng đó là hình thức giáo dục cháu con lòng tự hào về truyền thống.

++ Khẳng định chính tuổi trẻ miền Nam sẽ viết tiếp những trang sử vẻ vang cho truyền thống, là những truyện ngắn đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

+ Khác:

++ *Rừng xà nu* đậm sắc màu, không khí Tây Nguyên qua hình tượng cây xà nu, hệ thống nhân vật, sinh hoạt, phong tục của người dân Tây Nguyên; nghệ thuật trần thuật.

++ *Những đứa con trong gia đình* mang sắc màu Nam Bộ rõ nét qua hình ảnh dòng sông, giọng hò của

chú Năm, tính cách nhân vật là người nông dân; ngôn ngữ.

+ Lí giải sự khác biệt:

++ Do cá tính sáng tạo và phong cách nhà văn.

++ Do hoàn cảnh sáng tác.

3. Kết bài :

Tóm lại, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là những tác phẩm xuất sắc của văn học chống Mỹ ở miền Nam. Mỗi tác phẩm có vẻ đẹp riêng, không khí riêng,

cách nhìn riêng và cách xây dựng những hình tượng biểu trưng độc đáo về hiện thực đấu tranh cách mạng và nghệ thuật xây dựng nhân vật. Sức mạnh chiến thắng trong tác phẩm Nguyễn Trung Thành chủ yếu là sức mạnh đoàn kết của các thế hệ, của quá khứ và hiện tại. Sức mạnh chiến thắng trong tác phẩm Nguyễn Thi là sức mạnh từ cội nguồn truyền thống yêu nước, cách mạng của gia đình và đó cũng là mảnh đất màu mỡ làm nảy sinh những đứa con anh hùng, trung dũng của thế hệ trẻ trong những ngày chống Mỹ và thắng Mỹ oanh liệt của dân tộc ta.

ĐỀ SỐ 3**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

... Đối với ông già, bà già, thanh niên phải có thái độ kính nhường và hết lòng giúp đỡ, bởi vì một lẽ dễ hiểu là có ông già, bà già thì mới có chúng ta...

Khi đi tàu, đi xe, thanh niên không được chen lấn phụ nữ. Trong trường hợp phụ nữ, nhất là phụ nữ có thai, chưa có chỗ ngồi, thanh niên phải nhường chỗ của mình cho họ...

Trong xã hội ta, nhiều thanh niên biết tỏ lòng thương yêu quý mến nhân dân bằng hành động dũng cảm và hào hiệp; lúc chiến tranh xông pha lửa đạn để bảo vệ tính mạng và tài sản của đồng bào; lúc bình thường cứu giúp trẻ em bị tai nạn, đỡ đần người đi đường bị ốm đau,...

Thanh niên phải luôn có tinh thần xung phong, gương mẫu; bất cứ việc gì tập thể cần thì thanh niên phải làm với tinh thần trách nhiệm cao nhất; song phải luôn luôn khiêm tốn, thật thà, không phô trương, dối trá...

Thanh niên cũng phải dành thì giờ nhất định để giúp đỡ cha mẹ, săn sóc các em, chăm lo một phần công việc gia đình ...

(Con đường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên,

Ngữ văn 12, tập một, NXBGD 2013, trang 37)

Câu 1: Nội dung chính của văn bản là gì?**Câu 2:** Anh (chị) hãy chỉ ra những biện pháp tu từ được sử dụng để làm nổi bật lên nội dung của văn bản?**Câu 3:** Qua văn bản trên, em thấy phẩm chất cần có nhất của thanh niên là gì?**Câu 4:** Ngoài những phẩm chất cần có trên, theo em thanh niên thời đại hiện nay cần có thêm những phẩm chất gì? Vì sao?**Phần II. Làm văn (7 điểm)****Câu 1 (2 điểm):**

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc làm của người mù trong câu chuyện sau:

Có một người mù đi trên một con đường tối, trên tay lại cầm theo một chiếc đèn lồng. Một người thấy thế liền hỏi:

- Ông có thấy đường đâu mà cần phải cầm theo chiếc đèn lồng làm gì?

Người mù liền mỉm cười trả lời:

- Tôi cầm theo chiếc đèn này là để người khác không đâm sầm vào tôi. Làm vậy có thể giữ an toàn cho bản thân mình.

(Trích Bài học lớn từ những câu chuyện nhỏ)

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Tây Tiến – Quang Dũng)

*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời*

(Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Nội dung chính của văn bản trên là: nêu những nghĩa cử cao đẹp trong cuộc sống mà thanh niên cần phải làm.

Câu 2. Những biện pháp tu từ được sử dụng để làm nổi bật lên nội dung của văn bản là: lặp từ vựng (*thanh niên, phải*), liệt kê (*thanh niên phải có thái độ kính nhường và hết lòng giúp đỡ; thanh niên cũng phải dành thì giờ nhất định để giúp đỡ cha mẹ; thanh niên phải luôn có tinh thần xung phong, gương mẫu; thanh niên không được chen lấn phụ nữ...*).

Câu 3. Phẩm chất cần có nhất của thanh niên là: Có tinh thần xung phong, gương mẫu; việc gì tập thể cần phải làm với tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 4. Học sinh trả lời theo ý hiểu, có thể tham khảo những ý sau:

- Thanh niên ngày nay cần phải có sức khỏe tốt để xây dựng sự nghiệp cho bản thân và cống hiến được nhiều hơn cho nhân dân, đất nước.
- Thanh niên cần phải có tri thức, có văn hóa để làm chủ các phương tiện công nghệ thông tin góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng như sự phát triển của nền kinh tế tri thức đã và đang được đặt ra trong thời đại ngày nay.
- Thanh niên phải sống có lý tưởng cao đẹp, biết giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa câu chuyện:* Câu chuyện về người mù gửi đến chúng ta một bài học nhẹ nhàng mà thấm thía về sự chủ động trong cuộc sống. Không để đến

khi sự việc xảy ra mới hành động, để tránh được những rủi ro không đáng có, con người cần có những hành động chuẩn bị cần thiết. Đó là yếu tố quan trọng để con người có thể sống tốt trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh.

- *Phân tích, lí giải*

+ Tại sao cần phải chủ động chuẩn bị trước trong mọi hoàn cảnh?

++ Cuộc sống luôn tiềm tàng nhiều tình huống bất ngờ xảy đến với con người. Những tình huống đó nếu không có sự chuẩn bị trước, con người khó có thể đối phó, giải quyết. Bên cạnh đó, không phải ai cũng có đủ khả năng để giải quyết mọi tình huống. Ngược lại, con người luôn có những hạn chế, thậm chí những điểm yếu. Để giảm thiểu và khắc phục những rủi ro do những điểm yếu của con người mang lại, con người cần phải luyện tập, phải tự trang bị cho mình nhiều kĩ năng cần thiết.

++ Có sự chuẩn bị, lường trước những tình huống xấu xảy ra, con người sẽ luôn ở trong tư thế chủ động, có thể xử lý tình huống một cách nhanh chóng, dễ dàng. Sự chuẩn bị còn giúp cho con người tự tin hơn, mạnh dạn hơn khi hành động. Như câu chuyện ngụ ngôn về một vị vua nọ, thay vì sửa chữa mọi con đường cho dễ đi hơn, ông đã trang bị cho mình một đôi giày thật tốt để có thể đi lại trên mọi địa hình, con người cũng cần luôn tự thay đổi bản thân, tự chuẩn bị cho mình những yếu tố cần thiết để thích nghi với hoàn cảnh, xử lý các tình huống bất ngờ xảy ra. Có như vậy, con người mới có thể tồn tại được trong một thế giới vốn tiềm tàng nhiều bất trắc, hiểm nguy.

+ Làm thế nào để có được một sự chuẩn bị tốt?

Để có được sự chuẩn bị tốt, con người cần phải có những nhận thức đúng đắn về những gì mình đang có, về điểm mạnh, điểm yếu. Từ sự hiểu biết đúng đắn về bản thân, mỗi người cần phải lường trước được những tình huống xấu có thể xảy ra bằng cách quan sát những người xung quanh, rút kinh nghiệm từ những sai lầm đã mắc phải, tự điều chỉnh và trang bị cho mình nhiều yếu tố để có thể đối phó với mọi tình huống xấu xảy ra. Khi có được những sự chuẩn bị đó, mọi tình huống sẽ được giải

quyết một cách nhanh chóng, thuận lợi.

+ Từ xa xưa, ông cha ta đã đúc kết kinh nghiệm về giá trị của sự chuẩn bị, chủ động trước mọi tình huống như “Mắt bò mới lo làm chuồng”, “phòng còn hơn chống”... Trong cuộc sống ngày hôm nay, với nhiều thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, con người càng trở nên mạnh mẽ thì sự chủ động chuẩn bị trước mọi tình huống vẫn luôn cần thiết.

+ Dẫn chứng: câu chuyện phòng chống bão lũ, sự chuẩn bị chu đáo của con người trước những thảm họa của thiên nhiên luôn là điều cần thiết. Thiết bị hiện đại tới đâu, cơ sở hạ tầng vững chắc đến mức nào cũng không thể đối chọi lại với sức tàn phá của thiên nhiên nếu không có sự chuẩn bị trước. Mọi việc trong cuộc sống, nếu có sự chuẩn bị từ trước, con người đều có thể giải quyết nhanh chóng, dễ dàng.

+ Phê phán: Trong cuộc sống, không phải ai cũng được như người mù trong câu chuyện, chủ động chuẩn bị để tránh những rủi ro. Căn bệnh “nước đến chân mới nhảy” không còn là điều xa lạ, đặc biệt trong giới trẻ hiện nay. Nhiều người lại chủ quan, đợi đến khi sự việc xảy ra mới tìm cách sửa chữa, khắc phục. Không phải lúc nào con người cũng có thể dự đoán hết và chính xác mọi tình huống xảy ra, tuy nhiên, nếu không có sự chuẩn bị trước, con người cũng khó có thể đạt được những mục tiêu, giải quyết công việc một cách suôn sẻ.

- *Bình luận:* Bài học mà câu chuyện để lại luôn đúng đắn trong mọi thời đại. Để hạn chế những việc bất lợi xảy đến với mình, mỗi con người luôn phải ở trong tư thế chủ động, chuẩn bị trước những tình huống có thể xảy ra, thay đổi bản thân cho phù hợp với hoàn cảnh, thích nghi với điều kiện. Chỉ có như thế, cuộc sống của con người mới trở nên dễ dàng hơn, tránh được những điều không may.

Câu 2 (5 điểm)

1. Mở bài:

- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mỹ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam - thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

Xé dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc họa sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt

Nam trong kháng chiến: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn; những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường; những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước... Họ sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng cống hiến tuổi xuân và tình yêu cho đất nước.

- Hai đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm cũng thể hiện rất rõ nguồn cảm hứng đó.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Quang Dũng là nhà thơ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc... nhưng thành công nhất vẫn là thơ ca. Các tập thơ tiêu biểu của Quang Dũng được bạn đọc biết đến nhiều như *Mây đầu ô*, *Mùa hoa gạo*... Nhưng tên tuổi của Quang Dũng có lẽ đã gắn liền với bài thơ *Tây Tiến*. Bài thơ ra đời vào năm 1948 in trong tập *Mây đầu ô* là bài thơ tiêu biểu nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp. *Tây Tiến* là bài hát của tình thương mến, là khúc ca chiến trận của anh Vệ quốc quân năm xưa, những anh hùng buổi đầu kháng chiến “áo vải chân không đi lùng giặc đánh” (*Nhớ – Hồng Nguyên*), những tráng sĩ ra trận với lời thề “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”. Quang Dũng viết bài thơ *Tây Tiến* vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh bên bờ sông Đáy thương yêu: “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc – Sáo diều khuya khoát thổi đêm trăng” (*Mắt người Sơn Tây – 1949*). *Tây Tiến* là một đơn vị quân đội thành lập vào năm 1947, hoạt động và chiến đấu ở thượng nguồn sông Mã, miền Tây Hòa Bình, Thanh Hóa sang Sầm Nứa, trên dải biên cương Việt – Lào. Quang Dũng là một đại đội trưởng trong đoàn binh *Tây Tiến*, đồng đội anh nhiều người là những chàng trai Hà Nội yêu nước, dũng cảm, hào hoa. Bài thơ *Tây Tiến* nói lên nỗi nhớ của tác giả sau một thời gian xa rời đơn vị.

+ Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ trẻ tiêu biểu thời chống Mỹ, cứu nước. Thơ ông giàu chất trí tuệ, cảm xúc được dồn nén và có nhiều liên tưởng phong phú. Trường ca *Mặt đường khát vọng* (1971) khá điển hình cho vẻ đẹp của thơ Nguyễn Khoa Điềm những năm tháng ấy. Bài thơ *Đất nước* là một phần của trường ca *Mặt đường khát vọng*. Cả bản trường ca có chung một nguồn cảm hứng to lớn là cảm hứng về đất nước được gọi lên từ những năm tháng nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bài thơ *Đất nước* là phần cảm hứng ấy được thể hiện một cách tập trung nhất, cùng với những suy ngẫm của tác giả, một nhà thơ trẻ khi đối diện với chiến tranh. Đoạn trích ở đây, nhà thơ

Nguyễn Khoa Điềm thể hiện suy nghĩ của mình về mối quan hệ riêng – chung, quan hệ cá nhân – cộng đồng, sự tiếp nối của các thế hệ trong một đất nước, một dân tộc. Dĩ nhiên, những suy ngẫm ấy được thể hiện bằng thơ, tức không đơn thuần là tư tưởng, mà chứa đựng cảm xúc, tình cảm của tác giả.

- Cảm nhận về hai đoạn thơ:

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng:

++ Nội dung:

+++ Câu thơ “Rải rác biên cương mồ viễn xứ” toàn từ Hán Việt gọi không khí cổ kính: “biên cương”, “viễn xứ” là nơi biên giới xa xôi, nơi heo hút hoang lạnh. Nhà thơ nhìn thẳng vào sự khốc liệt của chiến tranh, miêu tả về cái chết, không né tránh hiện thực. Những nấm mồ hoang lạnh vô danh mọc lên dọc đường quân hành nhưng không làm chùn bước chân Tây Tiến. Khi miêu tả những người lính Tây Tiến, ngòi bút của Quang Dũng không hề nhả chìm người đọc vào cái bi thương, bi lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào cái bi thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính Tây Tiến. Vì thế cho nên câu thơ tiếp theo dữ dội như một lời thề sông núi: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

+++ Chiến trường là đạn bom ác liệt là hi sinh mất mát. Đời xanh là tuổi trẻ của mỗi người ai cũng quý cũng yêu. Vậy mà người lính lại “chẳng tiếc đời xanh”. Câu nói ấy vang lên chắc nịch mang cái vẻ bất cần, mang cái vẻ ngạo nghễ rất lính. Họ đã ra đi không tiếc tuổi thanh xuân là họ đã hiến trọn đời mình cho Tổ quốc, đất nước. Bởi chết cho Tổ quốc chính là chết cho lí tưởng. Còn quyết tâm nào cao quý và thiêng liêng hơn thế nữa chẳng? Ta chợt nhớ tới tích Kinh Kha sang đất Tần hành thích bạo chúa Tần Thủy Hoàng, bên bờ sông Dịch chàng dứt áo ra đi với khẩu khí yêng hùng tráng sĩ: “Sông Dịch ù ù gió thổi/ Tráng sĩ một đi không trở về”. Vậy là người lính cụ Hồ không chỉ mang vẻ đẹp của thời đại mà còn mang một vẻ đẹp cổ kính đượm màu hiệp sĩ xa xưa. Thật rằng, họ cũng có những tiếc nuối nhưng trên hết là vì lý tưởng:

Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình

(Tuổi hai mươi làm sao không tiếc)

Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc

(Thanh Thảo)

+++ Áo bào là áo vua ban cho những người làm nên công trạng. Ở đây, điều kiện thiếu thốn đủ bề, người lính

ra đi trong manh chiếu rách nhau bọc lấy thân rồi vùi xuống đất. Nhưng qua câu thơ của Quang Dũng, manh chiếu rách ấy đã trở thành áo bào. Bởi vậy, cuộc tiễn đưa trở nên bi tráng. Nhà thơ vẫn gọi lên sự thật chung của cả thời chống Pháp là sự thiếu thốn về vật chất, ở vùng biên giới xa xôi thì sự thiếu thốn ấy còn nhân lên gấp bội. Người chiến sĩ đã ngã xuống không có một cỗ quan tài, thậm chí không có lấy một tấm chiếu để liệm thân mà khi ngã xuống vẫn cứ mặc nguyên tấm áo thường ngày trên đường hành quân. Đó có thể là tấm áo sòn vai, tấm áo bạc màu, tấm áo có vài mảnh vá. Nhưng với thái độ trân trọng đồng đội, nhà thơ Quang Dũng đã thấy họ như đang mặc tấm áo bào của chiến tướng mà đi vào cõi vĩnh hằng, bắt từ cùng sông núi.

+++ Đoạn thơ kết thúc bằng một âm hưởng hào hùng. Dường như linh hồn người tử sĩ đã hòa cùng sông núi, con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc đau thương, hùng tráng để tiễn đưa người lính vào cõi bất tử. Hình tượng “sông Mã” ở cuối bài thơ được phóng đại và nhân hóa, tô đậm cái chết bi hùng của người lính - sự hi sinh làm lay động đất trời, khiến dòng sông gầm lên đờn đau, thương tiếc. Sự ra đi của người lính được Quang Dũng dùng nghệ thuật nói giảm nói tránh “anh về đất” làm dịu đi cái đau thương nhưng không tránh cho người đọc khỏi ngậm ngùi. “Anh về đất” là về với đất mẹ. Đất mẹ giang rộng vòng tay đón các anh trở về sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt sự hi sinh ấy không chỉ làm cảm động đến con người mà còn làm cảm động đến cả thiên nhiên Tây Bắc. Con sông Mã xuất hiện ở đầu bài thơ trong nỗi nhớ chơi vơi của nhà thơ thì ở đoạn thơ này sông Mã lại xuất hiện trong tiếng gầm dữ dội. Đó là “khúc độc hành” của thiên nhiên đang tấu lên khúc nhạc thiêng liêng, trầm hùng đưa người lính về nơi an nghỉ cuối cùng.

+++ Cả bài thơ *Tây Tiến* không có một trận đánh nào được nói tới, không có một tiếng súng nào vang lên mà cái chết vẫn hiện hình rõ nét, vẫn hiện lên một cách chân thực. Đó chính là cái nhìn mới về sự khốc liệt, nghiệt ngã của chiến tranh. Rất nhiều người lính đã hi sinh dọc đường hành quân, trên đường ra mặt trận. Họ hi sinh vì điều kiện sống, chiến đấu quá gian khổ, thiếu thốn: thiếu lương thực, thiếu muối, thiếu thuốc, lại sống ở những nơi rừng thiêng nước độc...

++ Nghệ thuật:

+++ Thành công của đoạn thơ là nhà thơ đã sử dụng nhiều từ Hán Việt gọi sắc thái cổ kính, trang nghiêm. Sử dụng nghệ thuật đối lập, nhân hóa, nói giảm nói tránh.

Lời thơ hàm súc vừa đượm chất hiện thực vừa gợi chất hào hùng, bi tráng.

+++ Bút pháp lãng mạn và sử thi đã làm nên hình tượng người lính cụ Hồ trong chín năm kháng chiến gian lao mà oai hùng lắm liệt.

+++ Cảm xúc của nhà thơ rất chân thành; giọng điệu thơ có chút xót xa nhưng nổi bật là sự dứt khoát, mạnh mẽ làm nên sự bi tráng trong cái chết của người Tây Tiến.

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm:

++ Nội dung:

+++ Bốn câu thơ nhẹ nhàng, chân thành và tha thiết. Cách dùng đại từ “em” gợi cảm, gần gũi, thân mật dù để làm “mềm hóa” những điều mang tính chất rộng lớn bao quát: đó là những suy niệm về Đất Nước. “Em ơi” trong câu thơ này không mệnh mang điu đặt đưa người về cõi xa bên dòng sông Đuống, pha lẫn chút vị hư ảo trong câu thơ toàn vần bằng như “Em ơi buồn làm chi” (*Bên kia sông Đuống* – Hoàng Cầm). “Em ơi” ở đây là lời nói và tâm niệm của chàng trai với cô gái, người “đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”, là lời tâm tình của người yêu với người yêu. Chọn câu chuyện tình yêu nam nữ để nói lên tình yêu đất nước, phải chăng là Nguyễn Khoa Điềm đã “mạo hiểm”? Không, chính tình yêu đất nước hòa lẫn trong câu chuyện tình yêu nam nữ mới tạo nên nét độc đáo hơn cho tác phẩm của nhà thơ.

+++ Nguyễn Khoa Điềm đã khám phá một định luật rất mới “Đất Nước là máu xương của mình”. Đối với mỗi con người, máu xương là yếu tố cần thiết cho sự sống. Hình ảnh so sánh độc đáo ấy có hàm ý khẳng định: Đất nước là sự sống thiêng liêng đối với mỗi con người:

Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta, như vợ như chồng

Ôi Tổ quốc, nếu cần ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...

Ngoài ra, hình ảnh “máu xương” còn gợi lên trong lòng người đọc lịch sử đất nước với biết bao con người anh hùng đã hi sinh đời mình cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc:

Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm

Có những ngày trốn học bị đòn roi

Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

Có một phần xương thịt của em tôi.

(Giang Nam)

+++ Cấu trúc của câu thơ cũng theo kiểu suy luận:

Đất nước là ... nêu lên một tiền đề. Từ tiền đề ấy, phải

biết.../ phải biết... để làm nên ... Câu thơ giàu chất duy lý nhưng không lên gân mà trở thành lời nhắn nhủ tha thiết.

Ở đây có những từ tượng trưng rất đáng chú ý: máu xương, gắn bó, san sẻ, hoá thân, dáng hình, muôn đời. Sau rất nhiều suy nghĩ cụ thể về đất nước, đến đây nhà thơ khẳng định Đất nước là máu xương của mình. Máu xương là sự sống. Rất ít trường hợp người ta ví một điều gì đó với máu xương, bởi nó có ý nghĩa biểu trưng cho sự thiêng liêng. Đất nước là máu xương có nghĩa là đất nước tồn tại như một sự sống và để có sự sống ấy hẳn phải có rất nhiều hi sinh. Quả đúng như vậy, biết bao con người, bao thế hệ đã ngã xuống cho sự sống còn của đất nước. Vì thế, mỗi một con người phải biết gắn bó và san sẻ. Gắn bó là yêu thương, quan hệ mật thiết với nhau. Từ sự gắn bó ấy mới có thể san sẻ. San sẻ trách nhiệm, san sẻ niềm vui, niềm hạnh phúc cho nhau. Đất nước vĩ đại nhưng đất nước là một thực thể sống. Thực thể ấy không phải là sự tập hợp của những cá nhân rời rạc mà là một cộng đồng. Hoá thân cũng có nghĩa là dâng hiến. Thời bình, người ta dâng hiến sức lực, mồ hôi cho Tổ quốc. Thời chiến, người ta dâng hiến cả sự sống của mình. Sự dâng hiến ấy, theo suy ngẫm của nhà thơ, là cuộc hoá thân. Bóng dáng mỗi người đã làm nên bóng dáng quê hương xứ sở, đất nước. Không có sự hoá thân kia làm sao đất nước trường tồn, làm sao có được đất nước muôn đời! Những câu thơ in đậm chất duy lý cất lên như tiếng gọi của trái tim, vì thế nó thiết tha, thúc giục lòng người. Tinh thần này đã từng bắt gặp trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi:

Người ra đi đâu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.

Hay:

Người đi? Ừ thì, người đi thực!

Mẹ thì coi như chiếc lá bay

Chị thì coi như là hạt bụi

Em thì coi như hơi rượu say.

(Tổng biệt hành – Thâm Tâm)

Một khi ra đi chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng, người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ quên hết tình riêng một lòng hướng về nhân dân và đất nước.

++ Nghệ thuật:

+++ Thể thơ tự do với những câu thơ co duỗi nhịp nhàng, linh hoạt gợi về quá trình lịch sử đầy gian khổ của Đất Nước, gợi về sự hi sinh vĩ đại của nhân dân ta.

+++ Thành công nghệ thuật của đoạn thơ này chính là sự vận dụng những yếu tố dân gian kết hợp với cách diễn đạt và tư duy hiện đại, tạo ra màu sắc thẩm mỹ vừa

quen thuộc lại vừa mới mẻ. Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng tối đa đã tạo nên không khí, giọng điệu, không gian nghệ thuật riêng: vừa có sự bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa bay bổng, mơ mộng của ca dao, truyền thuyết nhưng lại mới mẻ qua cách cảm nhận và cách diễn đạt bằng hình thức thơ tự do. Có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên đặc điểm nghệ thuật độc đáo của đoạn thơ này.

+++ Đoạn thơ mang tính chính luận nhưng được diễn đạt bằng hình thức đối thoại, giọng điệu trữ tình kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ. Từ *Đất Nước* được lặp lại hai lần kết hợp cách viết hoa đã tăng thêm sự tôn kính thiêng liêng, thể hiện quan niệm lớn: “Đất Nước của Nhân dân”.

- So sánh:

+ Giống nhau: Tư tưởng của cả hai đoạn thơ đều là tư tưởng cao đẹp: cống hiến, dâng hiến tuổi trẻ mình cho đất nước non sông.

+ Khác nhau:

++ *Tây Tiến* với cảm hứng đất nước được gọi lên từ nỗi nhớ của người lính vùng cao về những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với nỗi nhớ của nhà thơ về đồng đội, bằng kí ức về một thời oanh liệt của người trong cuộc. Đoạn thơ được viết bằng cảm xúc mãnh liệt chân thành, sự kết hợp bút pháp tả thực và lãng mạn. *Đất Nước* hoàn thành trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ tại mặt trận Trị Thiên bộc lộ cảm hứng đất nước qua cái nhìn tổng quát đưa đến những chiêm

nghiệm mới mẻ, sâu sắc về đất nước: Đất nước là tất cả những gì gắn bó máu thịt với mỗi con người. Bài thơ, đoạn thơ này nhằm thức tỉnh tuổi trẻ về trách nhiệm đối với Đất Nước – cũng là một cách kêu gọi tinh thần đấu tranh của tuổi trẻ.

++ Đoạn thơ trong bài *Tây Tiến* được viết bằng thể thơ thất ngôn, có sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng với giọng điệu thơ dứt khoát, mạnh mẽ, âm hưởng hào hùng để tô đậm hiện thực khốc liệt của chiến tranh và khẳng định sự bất tử của người chiến sĩ vô danh. Đoạn thơ trong bài *Đất Nước* được viết bằng thể thơ tự do, giọng điệu tâm tình trò chuyện, từ ngữ giản dị, gần gũi nhằm khẳng định vai trò to lớn của nhân dân vô danh.

3. Kết bài :

Qua hai đoạn thơ trong hai bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm, các tác giả đã đem đến những nhận thức sâu sắc về vai trò của những người anh hùng vô danh. Họ đã “*hoá thân cho đáng hình xirô - Làm nên Đất Nước muôn đời*”. Đó là những con người trầm lặng, giản dị mà cao cả, đáng kính vô cùng. Hai bài thơ cùng viết về đề tài những con người kháng chiến, nhưng ra đời trong hai hoàn cảnh lịch sử khác nhau nên đã có những nét tương đồng và sự khác biệt rất sâu sắc. Hai đoạn thơ trên đã đem đến cho chúng ta những cảm xúc sâu lắng về sự khốc liệt nghiệt ngã của chiến tranh, về lí tưởng cao đẹp của những người chiến sĩ, về sự hi sinh trầm lặng của các thế hệ nhân dân để ta thêm yêu cuộc sống, yêu đất nước của chúng ta ngày hôm nay.

ĐỀ SỐ 4

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Em là ai ? Cô gái hay nàng tiên
Em có tuổi hay không có tuổi
Mái tóc em đây, hay là mây là suối
Đôi mắt em nhìn hay chớp lữa đêm giông
Thịt da em hay là sắt là đồng ?*

*Cho tôi hôn bàn chân em lạnh ngắt
Cho tôi nâng bàn tay em nắm chặt
Ôi bàn tay như đôi lá còn xanh
Trên mình em đau đớn cả thân cành*

*Tỉnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng
Em đã sống lại rồi, em đã sống!
Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung
Không giết được em, người con gái anh hùng!*

*Ôi trái tim em trái tim vĩ đại
Còn một giọt máu tươi còn đập mãi
Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời
Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người!*

(Người con gái Việt Nam, Tố Hữu, Gió lộng, NXB Văn học, 1961)

Câu 1: Đoạn trích trên được sáng tác vào giai đoạn văn học nào?

Câu 2: Hình tượng nhân vật trung tâm của đoạn thơ là ai? Hình tượng nhân vật ấy được tác giả thể hiện với thái độ gì?

Câu 3: Anh (chị) hãy chỉ ra và phân tích giá trị của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở đoạn thơ đầu.

Câu 4: Trong khoảng từ 5 – 7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề lẽ sống của tuổi trẻ được đặt ra trong khổ thơ cuối cùng của đoạn trích .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về bài học mà người cha muốn nói với con trong bài thơ sau:

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời dầy ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hỏi hám úa tàn
Nhà mình sát đường họ đến
Có cho thì có là bao
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán*

*Minh tạm gọi là no ám
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

(Dặn con, Trần Nhuận Minh)

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Sông Hương là bản tình ca ca ngợi vẻ thiên nhiên và văn hóa xứ Huế*. Qua phân tích tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Đoạn thơ trên được sáng tác trong giai đoạn văn học 1945 – 1975.

Câu 2: Hình tượng trung tâm của đoạn thơ là hình tượng người con gái Việt Nam (nữ anh hùng Trần Thị Lý).

Hình tượng nhân vật được tác giả thể hiện với thái độ:

- Ngợi ca:

*Em là ai ? Cô gái hay nàng tiên
Em có tuổi hay không có tuổi
Mái tóc em đây, hay là mây là suối
Đôi mắt em nhìn hay chớp lùa đêm giông
Thịt da em hay là sắt là đồng ?*

[...]

*Ôi trái tim em trái tim vĩ đại
Còn một giọt máu tươi còn đập mãi
Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời
Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người!*

- Thương xót:

*Cho tôi hôn bàn chân em lạnh ngắt
Cho tôi nâng bàn tay em nắm chặt
Ôi bàn tay như đôi lá còn xanh
Trên mình em đau đớn cả thân cành*

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ mở đầu là:

- Biện pháp so sánh: *cô gái – nàng tiên ; mái tóc – mây, suối ; đôi mắt – chớp lùa đêm đông*. Những hình ảnh so sánh gợi tả vẻ đẹp của người con gái Trần Thị Lý. Những vẻ đẹp ấy là những vẻ đẹp hoàn hảo được nhìn bằng con mắt yêu thương, ngợi ca của tác giả

- Biện pháp nghệ thuật câu hỏi tu từ: bốn câu hỏi tu

từ. Hời hợt nhưng không có hàm ý nghi vấn mà nhằm khẳng định vẻ đẹp của người con gái Việt Nam anh hùng

Câu 4: Học sinh triển khai theo suy nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

- Khổ thơ cuối cùng của đoạn trích đưa ra một lẽ sống: sống là cống hiến, sống cho lẽ phải. Quan niệm sống được đưa cách ngày nay nửa thế kỉ nhưng vẫn còn nguyên giá trị.

- Đề cuộc đời mỗi con người trôi qua không vô nghĩa, con người không thể chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân mà còn cần phải biết hy sinh và cống hiến, tạo nên những giá trị cho cuộc đời chung.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa bài thơ:*

Dặn con là một bài thơ mang đậm tính triết lý, thể hiện sự trải nghiệm của một người đã đi qua nhiều thăng trầm của cuộc đời.

Bài thơ là lời gan ruột của một người cha, một người đã đi qua cuộc đời, nếm trải và thấu hiểu nhiều quy luật cuộc sống, nhấn nhủ đến người con của mình. Có thể nói, bài thơ đã nhắc tới đạo lí làm người, bài học làm người: *Lá lành đùm lá rách, Thương người như thể thương thân*. Sống trên đời phải có lòng yêu thương, trắc ẩn đối với những cùng khổ. Trao đi lòng yêu thương, con người sẽ nhận về nhiều điều vô giá.

- *Phân tích, lí giải*

+ Những lời người cha dạy con tuy chỉ dựa trên một sự việc, hiện tượng ta thường gặp nhưng thể hiện một

thái độ, một đạo lí sống. Đó là một thái độ, một đạo lí sống thân thiện, tốt đẹp, thông minh và thực tế. Bởi lẽ:

++ Sinh ra trên đời, ai cũng có quyền sống, quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc. Nhưng không phải ai cũng hạnh phúc và sung sướng như nhau. Mọi người sống trên đời đều có một hoàn cảnh, một số phận riêng, không ai giống ai. Tùy thuộc những sự phân bố vừa ngẫu nhiên vừa tất nhiên mà những số phận khác nhau ấy sẽ may mắn hay hẩm hiu, hạnh phúc hay bất hạnh... không như nhau (những điều kiện tự nhiên, xã hội và di truyền...). Nghèo khổ, bất hạnh không phải là tội lỗi, chỉ là sự rủi ro. Rủi ro sẽ dẫn đến thiệt thòi.

++ Được sinh sống trong một điều kiện tốt, được thụ hưởng một cuộc sống bình yên, con người phải biết chia sẻ, đùm bọc, giúp đỡ những người bất hạnh, thiệt thòi. Đó là lương tâm hướng tới sự công bằng, là trách nhiệm với đồng loại, là thiên tính tự nhiên của nhiều loài, nhất là ở con người. Cha ông ta có câu *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ* là vì thế.

Dẫn chứng: yêu thương giúp đỡ lẫn nhau là truyền thống tự ngàn đời nay của dân tộc ta. Mỗi khi có thiên tai tràn về một tỉnh nào đó, trái tim cả nước đều hướng về. Những chương trình như “Nối vòng tay lớn”, “Áo ấm mùa đông”, “Áo trắng đến trường”... đều là những hoạt động thiết thực nhằm thể hiện tấm lòng hào tâm, tình yêu và sự đùm bọc lẫn nhau của người dân Việt.

+ Phê phán:

Trong cuộc sống ngày hôm nay, căn bệnh vô cảm, vị kỉ càng đang trở thành một đại dịch. Con người chỉ biết mưu cầu hạnh phúc cá nhân mà sống thiếu sự đồng cảm, sẻ chia, vô cảm trước những bất hạnh, éo le của người khác. Những ngôi nhà càng được xây rộng ra nhưng lòng người ngày càng chật hẹp, các căn hộ được xây san sát nhưng người ta chẳng bao giờ đến thăm hỏi nhau, những con đường ngày càng nhiều, càng đẹp nhưng người ta chỉ biết tới con đường từ nơi làm việc về nhà mà quên mất con đường đến nhà người bạn cũ... Khi chúng ta không tự bồi dưỡng được một cách nhìn, một thái độ và một cách ứng xử tốt đẹp thì hậu quả sẽ tiêu cực: người thiệt thòi càng khổ, mỗi chúng ta không thanh thản, không hoàn thiện, đạo lí tốt đẹp của dân tộc bị mai một, xã hội không phát triển...

- *Bình luận, liên hệ bản thân*: Lời dạy của người cha cũng chính lời nhắc nhở đối với con người trong cuộc sống hiện đại. Hãy biết mở lòng ra, cho đi yêu thương nhiều hơn. Và cũng chỉ bằng cách cho đi yêu thương, con người mới nhận về những điều xứng đáng.

32 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là một trong những tác phẩm thành công nhất khi viết về sông Hương, xứ Huế. Tác phẩm thể hiện phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác, đậm chất trữ tình và trí tuệ của Hoàng Phủ Ngọc Tường (dẫn lại ý kiến).

2. Thân bài

- *Khái quát về tác giả, tác phẩm*

+ *Tác giả*:

Là thế hệ nhà văn trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Ông từng sáng tác thơ, viết bút kí nhưng nổi bật hơn cả vẫn là những bài kí về sông Hương, xứ Huế. Nghệ thuật kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường vừa giàu tính triết lí, trí tuệ lại vừa mềm mại, bay bổng.

+ *Tác phẩm*

Thể loại kí: Kí là thể loại đặc trưng của văn học dùng để tái hiện những sự việc, hoàn cảnh mang tính chân thực. Giá trị cơ bản của kí là đưa đến cho người đọc những hình dung sống động và cụ thể nhất về đối tượng.

+ *Sông Hương, xứ Huế*:

Xứ Huế là một khung cảnh có vẻ đẹp lãng mạn, hữu tình. Trong thi ca, hội họa, xứ Huế là nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca, rất nhiều văn nghệ sĩ đã đắm say trước vẻ đẹp của mảnh đất này từ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương,... Đến với đề tài này, bài kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường tôn lên vẻ đẹp, sự thơ mộng đến kì diệu của dòng sông – một bản tình ca đẹp về thiên nhiên và văn hóa xứ Huế.

- *Vẻ đẹp của sông Hương trong dòng chảy tự nhiên*

+ *Sông Hương ở thượng nguồn Trường Sơn hùng vĩ*

++ Khi bắt đầu tiếng nói đầu tiên với cuộc đời, sông Hương là một bản trường ca mãnh liệt, hào hùng với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau. Có lúc rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy vào những đáy vực bí ẩn, lại có lúc nó trở nên dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi của hoa đỗ quyên rừng. Chính sông Hương với vẻ đẹp bản thể của nó trở thành bản trường ca về núi rừng Trường Sơn hùng vĩ, mỗi nốt nhạc của bản trường ca này là một vẻ đẹp tự nhiên của nó.

++ Khi hòa mình vào Trường Sơn, với những vẻ đẹp tự nhiên vừa phóng khoáng, man dại, vừa trong sáng, bí ẩn, dòng sông đã mang một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan. Vẻ đẹp phá vỡ mọi khuôn thước đó

khiến sông Hương có dáng hình rất riêng, khác hoàn toàn so với “thứ kẻ thù số 1” của con người như sông Đà.

++ Tuy phóng khoáng nhưng không dễ dãi, dòng sông không phô diễn vẻ đẹp của mình một cách hời hợt, những biểu hiện của nó chỉ dừng lại vừa đủ để hấp dẫn du khách còn bản chất của nó vẫn là một con sông bí ẩn. Khi rừng già chế ngự mọi bản năng của nó, dòng sông gói ghém tất cả mọi vẻ đẹp trước khi ra cửa rừng. Nó đóng kín lại và ném chìa khóa dưới chân núi Kim Phụng.

+ *Sông Hương về đến ngoại vi thành phố*

++ Sức mạnh bản năng đã được chế ngự, dòng sông trải nghiệm nhiều hơn với vẻ đẹp của mình, có khi là nàng công chúa ngủ trong rừng, lại có lúc hiền hòa như người mẹ phù sa của một vùng văn hóa, xứ sở.

++ Trong bút pháp nhân cách hóa, ở mỗi không gian, sông Hương lại mang những vẻ đẹp khác nhau của con người. Khi là người mẹ phù sa, nó ôm ấp, chờ che, bồi đắp cho Huế; khi mang dáng hình của một nàng công chúa trong huyền thoại thì mọi vẻ đẹp của nó đột nhiên bùng tinh. Huế trở thành người tình trong mộng đã thức tỉnh sông Hương ở cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại.

++ Vẫn trong hành trình tìm về với Huế, sông Hương đã đổi thay đột ngột. Nó không còn phóng khoáng, man dại như ở thượng nguồn, mà nó trầm tĩnh ý nhị hơn với những khúc quanh đột ngột, những cái uốn mình thật mềm để trở thành một dải lụa.

++ Sự đổi thay cá tính của sông Hương là một cuộc kiếm tìm có ý thức. Khi nó gặp tình yêu của cuộc đời mình, nó trở nên kín đáo, e lệ, mọi vẻ đẹp như ẩn như hiện để khẽ khàng chinh phục du khách.

++ Quãng đường của sông Hương khi về đến vùng trung du là một nốt nhạc trầm nhưng dư âm cả nó lại vang vọng sâu xa. Gói ghém tất cả những vẻ đẹp bản thể của mình, sông Hương hòa lẫn với danh thắng của Huế từ ngã ba Tuần, vấp Ngọc Trầm đến Nguyệt Biều, Lương Quán,... Dòng sông trở thành tấm gương phản chiếu để vẻ đẹp của Huế trở nên lung linh, huyền ảo hơn. Cũng vì thế mà sắc nước của sông Hương đổi thay, nó như có cá tính, cảm xúc “sớm xanh trưa vàng chiều tím”.

++ Khi trải mình với những lãng tâm, đèn đài, kinh thành, sông Hương trầm mặc mang vẻ đẹp như triết lí, cổ thi. Nó tĩnh lặng, hoang dại đến độ tác giả phải nghi ngờ. Bởi cái phong lưu của Huế, cái trầm mặc của sông Hương đã làm nên một bức tranh vô giá:

Bốn bề núi phủ mây phong

Mảnh trăng Thiên cổ, bóng tùng Vạn Niên.

+ *Sông Hương trong lòng thành phố*

++ Không còn là sắc màu, là dáng hình phô diễn, dòng sông như một dòng tình cảm đầy khát khao yêu đương khi nhìn thấy cầu Tràng Tiền in ngần lên nền trời; sông Hương yên tâm về cuộc hành trình, nó vui tươi hẳn lên, những biểu lộ của dòng sông càng kín đáo, e lệ như tiếng văng không nói ra của tình yêu.

++ Tác giả có những so sánh rất thú vị khi nói về cơ duyên của dòng sông với các thành phố, như sông Xen của Pari, sông Đa-nuyép của Pu-na-pép,... và Hương giang của Huế. Nhưng điều khác biệt là chỉ có sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất, nó chung tình với Huế, nó đắm say với cuộc tình trăm năm và trôi đi thật chậm như điệu slow tình cảm.

++ Đáp lại thành phố trong tình yêu, nỗi nhớ của sông Hương làm nên những chi lưu mang nước để nuôi sống cho Huế để tạo thành những xóm làng xúm xít với cây đa, cây dừa cổ thụ.

++ Chúng mình cho sự gắn bó thủy chung giữa sông Hương và Huế, tác giả đã có liên tưởng rất thú vị. Từ bản tứ đại cảnh trong đêm hội hoa đăng, Huế vẫn luôn tự hào về khúc tứ đại cảnh của mình. Sông Hương với sự thủy chung, nét kiều diễm đã hiển dăng hết mình cho Huế, làm phong nền cho mọi vẻ đẹp của Huế được thăng hoa.

++ Trước khi về với biển cả, sông Hương không vội vã. Dòng sông đột ngột chuyển hướng đổi dòng để trở lại thị trấn Bao Vinh nói lời chia tay với Huế. Đến đây, tác giả ví như lời thề của Thúy Kiều với Kim Trọng trong đêm tình tự: “Còn non, còn nước, còn về, còn nhớ”.

Tiểu kết: Rất đa dạng ở màu sắc và đường nét miêu tả nhưng lại thống nhất trong một nghệ thuật tiêu biểu của Hoàng Phủ Ngọc Tường: so sánh và nhân cách hóa để sông Hương không còn là dòng sông của tự nhiên nó trở thành một nhân vật văn học có cá tính với gương mặt của một người con gái Huế vừa mềm mại, dịu dàng; vừa kín đáo, e lệ lại ẩn chứa khát khao mãnh liệt trong một tình yêu thủy chung.

- *Sông Hương với vẻ đẹp văn hóa Huế*

Trong suốt cuộc hành trình của mình, sông Hương đã hóa thân vào rất nhiều tín hiệu văn hóa của Huế, mà mỗi vùng, mỗi khúc dấu ấn văn hóa đó lại biểu hiện những vẻ đẹp khác nhau.

+ Là bà mẹ phù sa ôm ấp, che chở cho một vùng văn hóa, xứ sở.

+ Vẫn trong chi lưu của nó, sông Hương làm nên một nét văn hóa rất riêng cho Huế. Đó

là những đêm hội hoa đăng, là những tiếng đàn thà theo dư âm của sóng nước,...

+ Từ lâu nay, tà áo dài tím và chiếc nón bài thơ là những hình ảnh quen thuộc gắn bó với

xứ Huế mơ màng. Và chính sông Hương với màu sương khói ẩn hiện đã hóa thân vào màu tím đặc trưng của Huế. Dòng nước sông Hương “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” trở thành cội nguồn của những tà áo điều lục mà người con gái Huế thường mặc sau tiết sương giáng.

+ Hơn cả một dòng sông, Hương giang còn là một dòng thi ca đem lại nguồn cảm hứng bất tận cho các thi nhân từ Nguyễn Du, bà Huyện Thanh Quan, Tân Đà, Tố Hữu. Với mỗi thi nhân, sông Hương lại mang một vẻ đẹp khác nhau, không bao giờ lặp lại mình. Nhà thơ Cao Bá Quát thấy Hương giang là một dòng khí phách, bà Huyện Thanh Quan lại vương vấn nỗi niềm hoài cổ, Tố Hữu lại thấy nó là một dòng sông của ánh trăng lấp lánh:

Trên dòng Hương giang em buông mái chèo

Trời trong veo nước trong veo.

(Cô gái sông Hương -- Tố Hữu)

+ Trên hết vẫn là sự gắn bó của dòng sông với xứ Huế và con người xứ Huế trải qua ngàn đời với biết bao thăng

trầm lịch sử. Vẻ đẹp của sông Hương vẫn nguyên vẹn, vừa thân thiết lại vừa kiêu diễm để rồi trở thành huyền thoại và câu hỏi *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được lí giải.

- *Những nét đặc sắc về nghệ thuật kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường*

+ Ngôn ngữ kí của tác giả vừa nhẹ nhàng, tinh tế, vừa sâu lắng vừa đậm đà

+ Bút pháp tài hoa lãng mạn của tác giả

+ Sử dụng các thủ pháp nghệ thuật tu từ

+ Những trải nghiệm, những hiểu biết sâu sắc của tác giả về văn hóa mang tên dòng Hương giang.

3. Kết bài

Uyên bác trong chiều sâu tri thức văn hóa, tài hoa trong lối dùng ngôn ngữ nghệ thuật và đầy chất thơ trong cảm xúc, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã góp thêm một “bài thơ đẹp” về sông Hương, xứ Huế qua *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

ĐỀ SỐ 5

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Màu hoa sim chỉ màu hoa vẩy thôi
Khắp đảo tiền tiêu này chẳng có
Lời riêng nói cùng ngọn gió
Nhờ gió hái những chùm hoa
Gió hái những chùm hoa quê nhà
Vẹn nguyên màu thược dược
Hoa mướp vàng
tương tự hoa cúc
Hoa đào, hoa mận nhớ thương...*

*Đào xa
Chum nước dần vơi
Không đủ tưới bồn hoa bên công sự
Mùa khô đi qua
lá vàng rơi lối nhớ
Con chuồn chuồn cánh đỏ nép bờ lau*

*Thiếu vắng mùa hoa trên đảo xa
Cùng đồng đội đón mặt trời nhìn hoa sóng
Khẩu súng ngược chiều gió lộng
Đem về san hô đá
làm hoa.*

(Hoa đảo xa, Bùi Văn Bồng)

Câu 1: Các phương thức liên kết chính trong đoạn thơ là gì? Trình bày giá trị của các phương thức liên kết đó?

Câu 2: Hình thức ngắt dòng của các câu thơ có gì đặc biệt? Anh (chị) hãy trình bày giá trị của hình thức đó đối với việc thể hiện tư tưởng của nhà thơ Bùi Văn Bồng?

Câu 3: Khổ thơ cuối xuất hiện những loài hoa đặc biệt theo cách nhìn tinh nghịch của người lính. Đó là những loài hoa nào? Anh (chị) hãy phân tích giá trị của những hình ảnh này trong việc thể hiện tâm hồn cao đẹp của người lính biển đảo xa nhà.

Câu 4: Trong khoảng từ 5 – 7 dòng, hãy nêu suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ biển đảo quê hương.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trong đoạn kết của bộ phim *Fast and Furious 7* (Quá nhanh, quá nguy hiểm), sau khi cùng nhau trải qua hàng loạt khó khăn để bảo vệ gia đình của mình nhân vật Dom đã nói với người anh em của mình rằng: *Cho dù cậu có ở đâu, cách hàng dặm xa hay là nửa vòng trái đất, cậu sẽ mãi ở trong tim chúng tôi và chúng tôi sẽ mãi là gia đình của cậu.*

Từ câu nói trên, anh (chị) bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ về vai trò của tình cảm gia đình đối với đời sống mỗi con người.

Câu 2 (5 điểm): Về nhân vật thị trong tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân, có ý kiến cho rằng: *Đó là người phụ nữ lao động nghèo, cùng đường và liêu lĩnh.* Nhưng cũng có ý kiến khác lại nhấn mạnh: *Thị là người giàu nữ tính và khát vọng.*

Từ cảm nhận của mình về nhân vật, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Đoạn thơ sử dụng hai phương thức liên kết chính như sau:

- Phương thức liên tưởng: Nhà thơ Bùi Văn Bồng sử dụng trường liên tưởng về các loài hoa bằng trường từ vựng “hoa” để liên kết chủ đề của bài thơ. Các từ ngữ thuộc trường từ vựng loài hoa được nhà văn sử dụng là: loài hoa, tím hồng, thược dược, hoa sim, rực nắng, màu hoa sim, chùm hoa, hái, màu thược dược, hoa mướp vàng, hoa cúc, hoa đào, hoa mận, bông hoa, mùa khô, lá vàng, bờ lau, mùa hoa, hoa sóng,...

- Phương thức lặp: Nhà thơ lặp cụm “gió hái những chùm hoa” để liên kết hai khổ thơ:

Lời riêng nói cùng ngọn gió

Nhờ gió hái những chùm hoa

Gió hái những chùm hoa quê nhà

- Tác dụng của các phương thức liên kết: Hướng người đọc đến một chủ đề thống nhất.

Câu 2: Nhà thơ có sự ngắt dòng độc đáo, các câu thơ được vắt từ dòng nọ sang dòng kia thành những cụm từ có sức biểu đạt cao:

Chi có đá trắng

cát vàng

mây nước [...]

Hoa mướp vàng

tương tư hoa cúc

Hoa đào, hoa mận nhớ thương... [...]

Đem về san hô đá

làm hoa.

Cách ngắt dòng, vắt dòng như trên có hai ý nghĩa sau:

- Thể hiện dòng suy nghĩ của nhà thơ muốn nhấn mạnh đến những hình ảnh đầy ấn tượng trong kí ức của những người lính. Họ không thể quên được những hình ảnh về những góc thân thương của quê nhà.

- Thể hiện ý thức cách tân của nhà thơ Bùi Văn Bồng muốn đi theo hướng hiện đại hóa thơ ca nước nhà, không đi theo những cách viết cũ mòn của thơ ca những giai đoạn trước. Thơ ca được viết theo lối hiện đại phụ thuộc hoàn toàn vào cảm xúc của người sáng tác chứ không phụ thuộc vào đặc điểm của lề luật trong thơ.

36 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

(học sinh trình bày thành các đoạn văn đối với ý hỏi này)

Câu 3:

Thiếu vắng mùa hoa trên đảo xa

Cùng đồng đội đón mặt trời nhìn hoa sóng

Khẩu súng ngược chiều gió lộng

Đem về san hô đá

làm hoa.

Trong đoạn thơ cuối, nhà thơ nhắc đến hai loại hoa đặc biệt là hoa sóng và hoa san hô đá.

Ý nghĩa của hình ảnh hai loài hoa đặc biệt trên: Cách nhìn tinh nghịch của người lính khi nhìn nhận những thứ vốn bình thường, giản dị, gắn bó với đời sống lính tráng của họ lại là những loài hoa thật đẹp. Biển gợn sóng hay những san hô đá đều được trở thành những loài hoa đặc biệt của riêng người lính, trong đó gửi gắm những kí ức về những loài hoa quê nhà và hơn cả là sự kì thác của những khát khao cao cả của người lính. Phải có một tâm hồn tràn đầy niềm lạc quan, những người lính mới có thể có cách nhìn tinh nghịch như vậy. Đó là một cách nhìn mới của nhà thơ Bùi Văn Bồng khi hiểu về tâm hồn của những anh lính biển đảo xa nhà, một đóng góp mới đầy giá trị trong kho tàng thơ ca về những người lính biển đảo Việt Nam.

(đối với ý hỏi này học sinh có thể trình bày những cảm nhận riêng của mình, không nhất thiết theo đáp án nhưng phải đảm bảo được các ý cơ bản đề cập ở trên)

Câu 4:

Học sinh tự triển khai theo suy nghĩ riêng của mình. Tuy nhiên, có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

- Bảo vệ biển đảo là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó, lớp trẻ là bộ phận nòng cốt, tiên phong.

- Những người trẻ có thể bảo vệ biển đảo quê hương bằng cách: tích cực tìm hiểu lịch sử biển đảo nước nhà, tham gia các chương trình tình nguyện, cộng đồng nhằm tuyên truyền, thể hiện tình yêu đối với lãnh thổ quốc gia, giới thiệu với bè bạn quốc tế về lãnh thổ, đất nước và con người Việt Nam...

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích:* Ý kiến là lời tâm sự của nhân vật Dom nói với người anh em của mình thể hiện tình cảm gia đình có thể vượt ra khỏi rào cản của khoảng cách địa lí (Cho dù cậu có ở đâu, cách hàng dặm xa hay là nửa vòng trái đất) để mãi lưu giữ được thứ tình cảm trong trẻo đó trong trái tim (cậu sẽ mãi ở trong tim chúng tôi). Tình cảm gia đình là thứ tình cảm không điều gì xóa nhòa được, không điều gì có thể cản trở và làm nó trở nên nhạt nhòa được (chúng tôi sẽ mãi là gia đình của cậu).

Câu nói đã thể hiện sức mạnh của tình cảm gia đình như một điểm tựa tinh thần có thể giúp con người vượt qua mọi rào cản của không gian, thời gian để đem đến cho mỗi cá nhân những giá trị sống tốt đẹp nhất. Tình cảm gia đình không bó hẹp trong phạm vi sự gắn kết giữa những người cùng huyết thống mà hiểu rộng ra, những người ngoài huyết thống vẫn có thể có được tình cảm cao quý này, khi đó “gia đình” được hiểu là cộng đồng, là xã hội nhân quần.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tình cảm gia đình được thể hiện trên những phương diện nào?

++ Tình cảm gia đình trước hết là tình cảm mà những người trong gia đình dành cho nhau, đó có thể là tình mẫu tử, tình phụ tử hoặc tình cảm vợ chồng, anh em trong một nhà. Mỗi tình cảm nhỏ đó có bền vững, có sâu nặng thì tình cảm gia đình mới thực sự mang ý nghĩa vốn có của nó.

++ Tình cảm gia đình ngoài của những con người có cùng huyết thống dành cho nhau là của những con người không cùng huyết thống.

++ Tình cảm gia đình có nhiều cách để thể hiện, đôi khi những sự quan tâm rất nhỏ lại làm nên những điều rất lớn như câu nói khuyết danh: *Nhiều người đi tìm những sự lớn lao, vĩ đại ở những nơi rất xa mà không biết rằng thế giới được tạo ra từ những điều rất nhỏ.*

Dẫn chứng: Sự quan tâm mà người con dành cho cha mẹ có thể làm cha mẹ ấm lòng. Trong những lần cha mẹ đi làm đồng vất vả giữa trời oi bức, không cần phải điều hòa mát lạnh mới làm tan mệt mỏi mà đơn giản chỉ là cốc nước chanh pha với của người con cũng

làm cho cha mẹ cảm thấy xua tan đi những mệt mỏi của công việc. Đó chính là những điều vô cùng giản dị của tình cảm gia đình.

+ Tại sao tình cảm gia đình có thể vượt qua rào cản của không gian địa lí?

++ Tình cảm gia đình có thể khiến con người luôn cảm thấy gần bên nhau cho dù đang ở khoảng cách rất xa nhau. Khoảng cách địa lí càng xa đôi khi lại chính là nguyên nhân làm khắc sâu hơn nỗi nhớ, khắc sâu niềm mong ngóng của những người thân trong gia đình. Quy luật tình cảm đó thật khó giải thích nhưng lại là điều mà mỗi người trong chúng ta đều phải công nhận.

++ Nếu những người trong gia đình thực sự muốn dành tình cảm cho nhau thì không điều gì có thể là rào cản. Kể cả một nửa vòng trái đất như nhân vật trong phim với người anh em của mình thì đó cũng chỉ là một không gian rất ngắn so với thứ tình cảm cao đẹp này.

++ Dẫn chứng: Bức thư của người cha Đỗ Xuân Thảo gửi cho người con là cậu bé Đỗ Nhật Nam (được ghi lại trên mạng internet) đã thể hiện tình cảm sâu sắc, đó là lòng tự hào, lòng nhớ mong da diết đến người con của mình cho dù khoảng cách địa lí rất xa. Tình cảm của cha dành cho con là một biểu hiện của tình cảm gia đình vô cùng thiêng liêng và cao quý.

+ Tại sao tình cảm gia đình có thể vượt qua rào cản về thời gian, tồn tại mãi mãi trong tâm trí mỗi con người?

++ Tình cảm gia đình là thứ tình cảm đẹp có thể tồn tại vĩnh hằng bởi những gì thuộc thế giới tinh thần là những gì cao quý nhất, bền vững nhất.

++ Cuộc sống luôn tiềm ẩn những giá trị tốt đẹp, nó không thể nào bị mất đi trong thế giới con người nếu người ta có ý thức trân trọng và giữ gìn nó.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Xây dựng ý thức cho mỗi cá nhân về việc tạo dựng tình cảm “gia đình” đối với những người xa lạ, không cùng huyết thống trong xã hội.

+ Bài học nhận thức, hành động của bản thân.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Kim Lân là một nhà văn có nhiều trang viết gắn liền với hơi thở của vùng nông thôn Bắc Bộ Việt Nam. Ông có nhiều tác phẩm viết về con người và mảnh đất này như : *Làng, Vợ nhặt, Con chó xấu xí...*

- Tác phẩm *Vợ nhặt* được trích từ tập truyện *Con chó xấu xí* là tác phẩm xuất sắc của Kim Lân. Tác phẩm vừa là bức tranh chân thực về nạn đói khủng khiếp năm 1945 vừa là bài ca ca ngợi về vẻ đẹp tình người và khát vọng sống, niềm tin vào tương lai của người lao động nghèo. Điều đó được thể hiện rõ nét nhất qua nhân vật người vợ nhặt. Về nhân vật này, có ý kiến cho rằng: *Đó là người phụ nữ lao động nghèo, cùng đường và liều lĩnh*. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: *Thị là người giàu nữ tính và khát vọng*.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Tác phẩm *Vợ nhặt* trích trong tập truyện *Con chó xấu xí*. Truyện được viết ngay sau Cách mạng với tên gọi *Xóm ngụ cư*. Nhưng do thất lạc bản thảo nên sau khi hòa bình lập lại, tác giả đã viết lại thành *Vợ nhặt*. Tác phẩm có nhiều nhân vật nhưng nhân vật người “vợ nhặt” là nhân vật mang lại nhiều thương cảm nhất cho người đọc. Nhân vật này được khắc họa sống động, theo lối đối lập giữa bề ngoài và bên trong, ban đầu và về sau.

+ Người vợ nhặt là một nhân vật đặc biệt. Nhà văn không đặt cho chị một cái tên, không tuổi, không quê quán họ hàng, xuất hiện giữa chợ tình bởi kiểu người như chị trong nạn đói năm 1945 được coi là phổ biến. Ngay từ nhan đề tác phẩm, nhà văn đã gọi ra cho người đọc một cái nhìn éo le, đau xót về sự rẻ rúng của giá trị con người. Đúng là phận gái giữa đường, nước chảy hoa trôi.

- Bình luận hai ý kiến:

+ Trước hết, ý kiến thứ nhất nói về hình ảnh người vợ nhặt là “người phụ nữ nghèo, cùng đường và liều lĩnh”. Đây là một nhận xét về tính cách tâm lý của người đàn bà năm đói, vì đói mà sẵn sàng bất chấp cả thể diện để có được miếng ăn cho mình. Ý kiến thứ hai bàn về vẻ đẹp của thị “giàu nữ tính và khát vọng”. Ý kiến này khẳng định và góp phần tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ và lòng ham sống, khát vọng sống vươn lên hướng đến ánh sáng ngày mai. Cả hai ý kiến này đều sâu sắc mang đến cho người đọc cái nhìn đúng đắn về người vợ nhặt – nạn nhân của nạn đói năm 1945.

+ Ý kiến thứ nhất:

++ Đi suốt chiều dài của tác phẩm đúng là người vợ nhặt là “người phụ nữ nghèo, cùng đường và liều lĩnh”. Thị là nạn nhân của nạn đói với cuộc sống trôi nổi, bấp bênh. Dưới ngòi bút của Kim Lân, người vợ nhặt là người phụ nữ không tên không tuổi, không quê hương, không quá khứ. Không phải là nhà văn nghèo ngôn ngữ đến độ không thể đặt cho thị một cái tên mà bởi vì thị là

cánh bèo nổi trôi trong nạn đói, là người đàn bà vô danh. Từ đầu đến cuối tác phẩm, nhân vật này chỉ được gọi là “cô ả”, “thị”, “người đàn bà”, “nàng dâu mới”, “nhà tôi”. Nhưng nhân vật này để lại cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc.

++ Thị bị cơn bão nạn đói thổi cho phiêu dạt đến miền đất này, cuộc sống lê la tháng ngày không biết đến ngày mai nếu như không có cái lần anh Tràng *hò một câu chơi cho đỡ nhọc* ấy. Thị xuất hiện với ngoại hình kém hấp dẫn, nếu như không muốn nói là xấu. Chân dung của thị được gọi tả với *những nét không dễ nhìn*. Đó là người phụ nữ gầy vêu vao, *áo quần tả tơi như tổ đũa, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt nổi bật với hai con mắt trũng hoáy*. Có thể nói, cái đói đã khiến thị càng nhếch nhác, tội nghiệp lại càng nhếch nhác, tội nghiệp hơn nữa. Cái đói không chỉ tàn hại dung nhan của thị mà còn tàn hại cả tính cách, nhân phẩm, đẩy chị đến bước đường cùng. Vì đói mà thị trở nên “chao chát”, “chông lòn”, “chua ngoa, danh đá”. Thị “cong cớn”, “sung sĩa” khi giao tiếp, nói chuyện. Cái đói khiến thị quên cả việc phải giữ ý tứ, lòng tự trọng của người con gái. Được cho ăn, thị sẵn sàng *sà xuống cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì*. Thị đã đặt sự tồn tại của mình, đặt miếng ăn lên trên nhân cách. Đó phải chăng là cái cùng đường của thị?

++ Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, người “vợ nhặt” lại có một lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo Tràng là vì để được sống chứ không phải là loại đàn bà con gái lẳng lơ. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa *có muốn theo tớ về nhà thì ra khuôn đờ lên xe rồi ta cùng về* thì người đàn bà kia lại im lặng sau câu đùa của Tràng. Nói đúng hơn là thị đồng ý, đồng ý mà không hề đo dự, phân vân. Cái giá của người phụ nữ ít nhất cũng là: *Ba trăm một mụ đàn bà*

Mua về mà trái chiếu hoa cho ngồi.

Ở đây, thị đã “đại hạ giá” xuống còn bốn bát bánh đúc, hai hào dầu, một thúng con... Thị nào có biết Tràng là ai, tốt xấu như thế nào, quê quán, gốc tích ra sao? Chỉ một câu hò băng quơ và mấy bát bánh đúc là thị có thể theo ngay Tràng. Phải chăng thị theo Tràng chỉ vì miếng ăn? Thị dễ dàng, hời hợt thế ư? Thực ra hành động theo Tràng của thị xuất phát từ nhu cầu bám lấy sự sống, từ lòng khao khát được sống. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Niềm lạc quan yêu sống của thị chính là một phẩm chất

rất đáng quý. Nói như Kim Lân: *Khi viết về con người năm đời người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai.*

+ Ý kiến thứ hai:

++ Phía sau hình ảnh một kẻ “cùng đường và liều lĩnh”, bạn đọc thật sự xúc động trước vẻ đẹp chiều sâu tâm hồn của thị. Đó là một người phụ nữ giàu nữ tính, giàu lòng tự trọng và có khát vọng sống mãnh liệt. Hoàn cảnh tàn nhẫn xô đẩy chị có lúc thành ra kẻ trơ tráo, cong cớn, nhưng cái bản chất thực của chị không phải vậy. Ân sâu trong tâm hồn chị vẫn là người con gái giàu lòng tự trọng. Bởi thế, cái hay của tác phẩm là không để cảnh ngộ xua con người đi đến tận cùng của cái tầm thường, hèn kém.

++ Trên đường về nhà chồng, trước cái nhìn “săm soi”, trước những lời bông đùa, chòng ghẹo của người dân ngụ cư. Nếu như anh cu Tràng sung sướng, tự mãn, cái mặt vênh lên tự đắc với mình thì người đàn bà lại cảm thấy xấu hổ. Thị ngượng nghịu, thiếu tự tin *chân nọ bước dúi cả vào chân kia... cái nón rách tàng che nửa khuôn mặt*. Đây là sự thể hiện nữ tính và cũng là hình ảnh của một người phụ nữ giàu lòng tự trọng. Thực ra, cái dúi đã đẩy đưa thị phải theo Tràng. Con bảo tố cuộc đời đã xô đẩy thân phận cùng cực ấy ngã vào đôi vai người đàn ông thô kệch. Nhưng biết đâu đấy lại là cái may mắn của thị. Bởi cũng biết đâu, nếu không có câu bông đùa ấy của Tràng, ít bữa nữa thôi, thị có khi lại trở thành thầy ma giữa nạn đói khủng khiếp này.

++ Kim Lân rất tinh tế khi miêu tả nét tâm lý, tính cách của thị. Nhà văn như lọt vào trong nỗi trầm sâu tâm tư tình cảm ấy của người phụ nữ năm đời. Ông như nhìn thấy cả nỗi tủi nhục của kiếp người, thấy cả trong bước chân liêu xiêu, bước dúi vào nhau kia là cả tủi hờn, xấu hổ. Cả tiếng thở dài náo nức kia cũng đáng để ông xót xa và mến yêu. Ấy là lúc thị về đến nhà Tràng, nhìn thấy *ngôi nhà vắng teo đứng rùm rỏ trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại, thị nén một tiếng thở dài*. Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách. Trong tiếng thở dài đó vừa có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của thị về gia cảnh nhà chồng. Đó phải chăng là thị đã ý thức được phận trách của mình đối với việc cùng

chồng chung tay gây dựng gia đình? Tâm lòng của thị thật đáng quý biết bao. Hay chính Kim Lân đã thổi vào tâm hồn thị niềm lạc quan ấy để thị vững lòng cho một cuộc sống ngày mai. Quả thật là thị không tìm thấy ở Tràng một chút gì gọi là nương tựa về vật chất nhưng Tràng chính là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất cho thị vào lúc này. Chính hạnh phúc, lòng nhân ái đã làm cho người ta đổi thay, vui vẻ, tự tin vượt lên cái tăm tối của thực tại, vươn tới những ngày tươi sáng, tốt đẹp.

++ Đến lúc này người đọc chợt nhận ra, bên trong vẻ chao chát, chòng lòn, thị lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan và cũng giàu lòng tự trọng. Vào trong nhà, thị e thẹn, dè dặt “ngồi mớm” vào mép giường (“Ngồi mớm” – thế ngồi bấp bênh, không ổn định nhưng cũng rất ý tứ). Thị ý tứ, cung kính, lễ phép chào bà cụ Tứ (chào đến hai lần). Đây là hình ảnh đẹp của người con dâu rất mực thước trong quan hệ với mẹ chồng.

Sáng hôm sau, thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Đến đây, người đọc dễ nhận thấy: bao nhiêu về *chòng lòn, sung sĩa* của thị trước kia không còn nữa. Thay vào đó, chúng ta đã được cảm nhận vẻ đẹp rất nữ tính của thị. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đủ đầy sự thay đổi tuyệt vời ấy: *Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chòng lòn như những lần Tràng gặp ở ngoài tình*. Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của Tràng trước sự đổi thay tích cực của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với thị?

++ Trong bữa cơm đầu đón nàng dâu: Dù bữa ăn chỉ có *niêu cháo loãng, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhẵn*, lại phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ, bằng lòng. Thị đã làm cho không khí gia đình ấm cúng, thân thương hơn bao giờ hết. Thị chính là ngọn gió mát lành thổi vào cuộc sống của gia đình Tràng, thổi vào cả tâm hồn người đàn ông phu xe cục mịch, thổi cả vào khuôn mặt *búng beo u ám* của bà cụ Tứ để hôm nay trông bà *rang rỡ hẳn lên*. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: *Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy*. Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn. Qua đó, ta cảm thấy nhân vật vợ Tràng, “nàng dâu mới” cũng là người truyền tin cách mạng.

- Đánh giá:

+ Cả hai ý kiến đều đúng, không đối lập mà bổ sung cho nhau để hoàn thiện vẻ đẹp của nhân vật. Có thể nói, người vợ nhặt được miêu tả ít, song đó lại là nhân vật không thể thiếu trong tác phẩm. Thiếu thị, Tràng vẫn chỉ là Tràng của ngày xưa; bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Chính thị đã thổi một luồng sinh khí, một luồng gió mới vào cuộc sống tối tăm, nghèo khổ của Tràng, làm người sáng lên niềm tin vào cuộc sống.

+ Viết về sự đổi thay trong tâm tính của thị, Kim Lân bày tỏ tình cảm trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người dân nghèo. Tình cảm nhân đạo của nhà văn thể hiện ở đây. Chính vì thế, cả hai ý kiến nêu trên ta thấy đều đúng, xác đáng. Thị nghèo khổ, cùng đường, liều lĩnh nhưng đáng thương hơn là đáng giận bởi đằng sau cái cùng đường liều lĩnh ấy là phẩm chất ham sống, giàu lòng tự trọng và khát vọng vượt lên thảm cảnh nạn đói để được sống cho một ánh sáng ngày mai.

+ Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật người vợ nhặt, nhà văn đã đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo; diễn biến tâm lí được miêu tả chân thực, tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.

3. Kết bài :

- Người vợ nhặt là một sáng tạo tài tình của Kim Lân. Thông qua nhân vật này, nhà văn đã thể hiện một ý nghĩa nhân văn cao đẹp. Con người Việt Nam dù sống trong hoàn cảnh khốn cùng nào cũng sẽ luôn hướng về tương lai với niềm tin vào sự sống. Qua đó nhà văn cũng bộc lộ niềm cảm thông sâu sắc với những số phận con người bé nhỏ của nhân dân ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

- Nhà văn đã lên án, tố cáo xã hội cũ đã đẩy dân ta vào thảm cảnh này đồng thời ca ngợi tấm lòng yêu thương, đùm bọc của con người Việt Nam trong nạn đói mà tiêu biểu là nhân vật Tràng và bà cụ Tứ.

ĐỀ SỐ 6

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Với mỗi người dân Việt Nam, Vua Hùng là vị Tổ đã có công dựng nên quốc gia Văn Lang – Nhà nước sơ khai của dân tộc Việt Nam. Vua Hùng chính là nguồn gốc tổ tiên chung của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có một vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh và tình cảm của các thế hệ người dân Việt Nam, vừa thiêng liêng, vừa cụ thể, vừa là điểm tựa tinh thần, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc cùng nhau dựng nước và giữ nước mà Bác Hồ đã khái quát thành chân lí của dân tộc và của thời đại: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Chính vì vậy, đã thành truyền thống, vào những ngày đất trời đón tiết Xuân ấm áp, dù là hòa bình hay thời chiến, dù đất nước thịnh vượng hay khó khăn thì trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng – Vua Hùng vẫn giang rộng vòng tay đón hàng triệu cháu con từ khắp mọi miền đất nước và trên khắp năm châu bốn biển về đất Tổ thấp nén tâm nhang tri ân công đức Quốc Tổ Hùng Vương. Trên núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng, trong sắc trời xanh cao lồng lộng của ngày Giỗ Tổ hàng năm ta như thấy có ánh hào quang rực rỡ cuốn theo trên những dải cánh chim Lạc.

(Hà Thanh, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, bản sắc văn hóa của người Việt,
Tạp chí Khoa học và công nghệ, số 39, tháng 3/2015)

Câu 1: Đoạn trích trên đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2: Vai trò, ý nghĩa của hoạt động thờ cúng trong đoạn trích được thể hiện bằng một loạt từ và cụm từ. Hãy chỉ ra các từ ngữ đó.

Câu 3: Hai đoạn văn đều lặp lại một từ ngữ rất có giá trị trong nghệ thuật lập luận. Đó là từ ngữ nào? Tác dụng của từ ngữ đó là gì?

Câu 4: Hoạt động uống nước nhớ nguồn nói trên gọi nhớ cho anh (chị) đến trường ca nào được học trong chương trình phổ thông? (Nêu rõ tác giả).

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trong bộ phim *You're the apple of my eye*, nhân vật chính Kha Đăng sau khi đã đi qua tuổi thanh xuân sôi nổi, nhiều thăng trầm, đã nhận ra rằng: *Tuổi trẻ như một cơn mưa rào, cho dù bị cảm, vẫn muốn quay lại, để được ướt thêm một lần nữa.*

Từ câu nói trên, anh (chị) có suy nghĩ gì về ý nghĩa của những thăng trầm trong những năm tháng tuổi trẻ? Hãy trình bày suy nghĩ ấy bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm): Về đoạn thơ:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Hãy đọc sách Lovebook để đạt kết quả tốt nhất trong kỳ thi THPT quốc gia | 41

*Gục lên súng mũ bỏ quên đời
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
 Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.”*

Có ý kiến cho rằng: Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng song cũng đầy dữ dội, khắc nghiệt. Ý kiến khác lại khẳng định: Đoạn thơ vẽ nên bức tượng đài về người chiến sĩ Tây Tiến kiêu hùng, bi tráng song cũng rất đổi lãng mạn, hào hoa.

Từ cảm nhận của mình về đoạn thơ, anh (chị) suy nghĩ như thế nào về hai ý kiến trên?

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Vấn đề được đề cập đến trong đoạn trích là tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một nét đẹp thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc ta hằng năm.

Câu 2: Các từ ngữ chỉ ra ý nghĩa của hoạt động thờ cúng Hùng Vương là: vị trí rất quan trọng, thiêng liêng, điểm tựa tinh thần, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết.

Các từ và cụm từ trên thể hiện vai trò không thể phủ nhận của hoạt động thờ cúng tín ngưỡng Hùng Vương của nhân dân ta hằng năm. Hoạt động đó đem lại cho mỗi con người ý thức phát huy truyền thống dân tộc rất lớn, đặc biệt là tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Câu 3: Hai đoạn văn trên đều lặp lại từ “chính vì vậy”. Cụ thể như sau:

Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có một vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh và tình cảm của các thế hệ người dân Việt Nam và Chính vì vậy, đã thành truyền thống, vào những ngày đất trời đón tiễn Xuân ấm áp, dù là hòa bình hay thời chiến, dù đất nước thịnh vượng hay khó khăn thì trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng

Tác dụng: Đây là cụm từ nổi trong văn nghị luận, tác dụng của cụm từ này đối với việc lập luận là dùng để đưa ra kết luận, tổng kết. Việc lặp lại hai lần cụm từ khiến cho lập luận của đoạn văn trở nên chặt chẽ hơn, cấp độ khẳng định được tăng lên.

Câu 4: Trường ca *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm)

Giải thích: Có nhắc đến những câu thơ như *Hàng năm ăn dầu làm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ tổ...*

Lưu ý: Ý giải thích chỉ để học sinh hiểu thêm câu hỏi, không yêu cầu phải có trong bài làm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích:** Ý kiến khẳng định về đẹp của tuổi trẻ, lứa tuổi tuy ngắn ngủi, con người nhiều bồng bột, nhiều vấp ngã, nhiều khó khăn cần phải trải qua nhưng là lứa tuổi đáng nhớ nhất, đáng để kể lại nhất trong cuộc đời mỗi con người. Thông qua khảo quát được trở về tuổi trẻ của nhân vật Kha Đăng sau khi đã trải qua những năm tháng thăng trầm ấy, mỗi người trong chúng ta càng hiểu thêm lời nói đó không chỉ có ý nghĩa là mong muốn mà dường như còn là sự tiếc nuối vì một thời đã qua.

- Phân tích, bình luận ý kiến

+ Tuổi trẻ trải qua vô cùng nhanh chóng, nếu không sống một cách có ý nghĩa thì con người sẽ cảm thấy hối tiếc vì lứa tuổi tươi đẹp đó: Tuổi trẻ vô cùng ngắn ngủi trong cuộc đời mỗi con người. Nếu không ý thức được điều đó, chúng ta sẽ sống phí hoài khoảng thời gian đẹp đẽ này. Cuộc sống có ý nghĩa là khi con người sống nhiệt huyết, sống hết mình trong mọi thời điểm, thể hiện hết những điều mà con người có thể làm được để không cảm thấy hối tiếc vì những gì mình đã làm trong cuộc đời, mà cụ thể là tuổi trẻ của mình.

+ Tuổi trẻ là lứa tuổi gặp nhiều thất bại, nhưng sau những thất bại đó, con người được trưởng thành hơn rất nhiều: Những thăng trầm trong cuộc sống là điều không thể thiếu được đối với tuổi trẻ bởi tuổi trẻ là lứa tuổi vẫn chưa có những suy nghĩ chín chắn. Cuộc sống luôn đặt ra những thử thách cho con người, đặc biệt là những khó khăn trong con đường đi đến thành công của tuổi trẻ nhưng đó không phải cản trở đối với lứa

tuổi này, trái lại, nó là những điều đáng nhớ nhất trong cuộc sống.

+ Làm thế nào để không phải hối tiếc về tuổi trẻ của mình? Tuổi trẻ là lứa tuổi đẹp nhất của mỗi con người, do đó cần phải sống hết mình với tuổi trẻ, không ngại vấp phải những khó khăn trước mắt mà ngại xông pha, ngại vượt qua chính mình để vươn lên, không bỏ lỡ những cơ hội quý báu mà chính tuổi trẻ mang lại. Dám vượt qua bản thân để mạnh mẽ sống hết mình là cách để giới trẻ không hối tiếc về tuổi thanh xuân của mình. Cần phải nâng niu, trân trọng những gì đã trải qua, không coi đó là rào cản mà trái lại coi đó là cơ hội cho bản thân mình.

- *Bài học nhận thức và hành động*: Tuổi trẻ nhiều vụng dại là những điều đáng nhớ nhất đối với mỗi con người nhưng mỗi lần thất bại là một lần con người lớn lên. Quan trọng hơn những mất mát mà con người phải chịu là cách mà tuổi trẻ dũng cảm trải qua khó khăn của mình, thể hiện niềm tin và sự quyết đoán trong việc thực hiện công việc.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài. Ông làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Ở bất cứ lĩnh vực nghệ thuật nào ngòi bút của Quang Dũng cũng thể hiện được sự tài hoa và lãng mạn. Với không gian của thơ ca, mỗi sáng tạo của ông đều làm cho người đọc say mê. Trong đó nổi bật lên là bài thơ *Tây Tiến*. Thi phẩm này đã từng mang trong mình số phận khá long đong khi bị lịch sử thắm mĩ khước từ nhưng theo thời gian thì chân giá trị của tác phẩm càng được khẳng định. Và cho đến nay khi nhắc đến bài thơ tiêu biểu nhất của thơ ca Việt Nam thời chống Pháp thì chúng ta không thể bỏ qua được *Tây Tiến*.

- Đoạn thơ "*Sông Mã...thơm nếp xôi*" là một trong những đoạn thơ đặc sắc, kết tinh những giá trị nổi bật của thi phẩm *Tây Tiến*. Chính vì thế mà có ý kiến cho rằng: *Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng song cũng đầy dữ dội, khắc nghiệt*. Nhưng ý kiến khác lại khẳng định: *Đoạn thơ vẽ nên bức tượng đài về người chiến sĩ Tây Tiến kiêu hùng, bi tráng song cũng rất đỗi lãng mạn, hào hoa*. Mỗi ý kiến lại thể hiện những thành công trên phương diện khác nhau của đoạn thơ. Tổng hòa các ý kiến làm nên sự trọn vẹn cho đoạn thơ.

2. Thân bài

- Giới thiệu chung

+ *Tây Tiến* là một bài thơ gắn liền với tên tuổi của Quang Dũng. Bài thơ được gọi cảm hứng từ nỗi nhớ về thiên nhiên, con đường hành quân và những người chiến binh Tây Tiến. Trong thi phẩm này, thiên nhiên Tây Bắc hiện lên đẹp diệu kì, vừa có nét hoang vu dữ dội của cảnh trùng điệp những núi cao, vực thẳm; lại vừa đẹp mê hồn bởi những nét thơ mộng và trữ tình của cảnh sắc. Hiện lên trên phong nền ấy là dáng hình những người chiến binh vừa kiêu hùng, bi tráng vừa lãng mạn, hào hoa. Gọi tả về những hoài niệm ấy, ngòi bút của Quang Dũng chứa chan cảm xúc. Và cảm xúc đó được định hình và lan tỏa ngay từ khúc dạo đầu của thi phẩm.

+ *Tây Tiến* của Quang Dũng không đơn thuần chỉ là một bài thơ mà còn là nhạc, là họa và đoạn thơ được trích là những câu thơ thể hiện những cung bậc cảm xúc đầu tiên của nhà thơ khi nhắc về một kỉ niệm đã xa. Đó là những dòng kí ức rất trong trẻo, đắm thắm về thiên nhiên Tây Bắc và về những con người đã ra đi làm nên lịch sử. Cho dù trên bản đồ lai chữ, không có một địa danh nào được gọi bằng cái tên như thế nhưng nơi tâm hồn bạn đọc *Tây Tiến* là một địa chỉ rất thân quen. Nhắc đến địa danh này chúng ta nhớ về một Quang Dũng rất tài hoa, lãng mạn, nhớ về những chàng trai Hà Nội ra đi năm 1947 và nhớ về một miền đất thiêng – nơi có biết bao con người thân yêu đã hóa thân cho đất mẹ. Những dòng kí niệm về họ sẽ mãi trường tồn trong cảm xúc của con người Việt Nam hôm nay và mãi về sau.

- Nhận định thứ nhất: Đoạn thơ là bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng song cũng đầy dữ dội, khắc nghiệt:

+ Thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng:

++ Các hình ảnh sương mờ bao phủ cả vùng Tây Bắc rộng lớn, hoa về trong đêm hơi, những ngôi nhà bông bênh trong biển sương mờ...

++ Không gian núi rừng bao la cứ trải ra mênh mông, vô tận trước mắt người lính.

++ Những câu thơ nhiều thanh bằng gợi nên những gam màu êm dịu, huyền ảo, thoáng nhẹ, thơ mộng: *Mường Lát hoa về trong đêm hơi, Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*. Một loạt các thanh bằng kết hợp với vần "ơi" khiến nét vẽ mềm mại, tạo cảm giác lâng lâng, chơi vơi trước cảnh bao la hùng vĩ của đất trời, non nước.

++ Thiên nhiên miền Tây có những khung cảnh rất đậm ám, đó là khi đoàn binh Tây Tiến dừng chân ở một bản làng nào đó. Họ được hòa mình vào cuộc sống gia đình, quây quần bên bếp lửa, bên nồi xôi nếp đầu mùa

thơ nông nghì ngút khói. Hai câu cuối của đoạn thơ tạo nên một cảm giác êm dịu, ấm áp tình quân dân.

+ Thiên nhiên dữ dội, khắc nghiệt:

++ Gọi lên qua các địa danh xa xôi, heo lánh: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu...

++ Về hoang dại, dữ dội, chứa đầy bí ẩn của núi rừng miền Tây được nhà thơ khai thác không chỉ theo chiều không gian mà còn được mở ra cả ở chiều thời gian. Núi rừng hoang vu ấy luôn là mối đe dọa khủng khiếp đối với con người: *Chiều chiều oai linh thác gầm thét/ Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.*

++ Song hành cùng với những nét vẽ mềm mại là những nét vẽ gân guốc, chắc khỏe mở ra bức tranh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hiểm trở với những núi cao, vực thẳm: từ lấy *khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút và cụm từ sừng ngửi trời*; kết hợp với hai động từ ngược hướng: lên – xuống, với các từ chỉ số nhiều: ngàn thước – ngàn thước gọi ra hình khe thế núi cao vút, đồ gập, khúc khuỷu quang co, trùng điệp, hiểm trở, chọc trời. Cùng với đó là âm thanh dưng dợn: “thác gầm thét”, “cọp trêu người” khiến cho sự dữ dội của thiên nhiên được đẩy lên cao đến cực độ.

++ Những câu thơ nhiều thanh trắc, nghệ thuật đối, lặp từ, lặp cấu trúc, cách ngắt nhịp câu thơ...

Tiểu kết: Với con mắt thi, nhạc, họa kết hợp với cảm hứng bi tráng, lãng mạn, Quang Dũng đã tái hiện sinh động một bức tranh nghệ thuật ngôn từ về thiên nhiên Tây Bắc với sự kết hợp của nhiều nét vẽ: vừa thơ mộng, trữ tình; vừa hùng vĩ, dữ dội.

- Nhận định thứ 2: Đoạn thơ vẽ nên bức tượng đài về người chiến sĩ Tây Tiến kiêu hùng, bi tráng song cũng rất đời lãng mạn, tài hoa

+ Họ phải đối mặt với bao khó khăn, thử thách, mất mát, hi sinh:

++ Ấn tượng đầu tiên của Quang Dũng về người lính Tây Tiến trên con đường hành quân là những bước đi mệt mỏi lần khuất như chìm đi trong màn sương dày đặc (sương lấp đoàn quân mỏi).

++ Người lính Tây Tiến phải đối mặt, vượt qua những dốc núi vô cùng hiểm trở với bao gian nan, vất vả: những dốc núi cao như “ngồi” trời xanh, những vực sâu thẳm, những sườn đèo dốc. Khi tái hiện lại những gian khổ đó, nỗi lòng của Quang Dũng đã có điểm gặp gỡ với Lí Bạch trong *Thực đạo nan*: “*Thực đạo chi nan, nan vu thường thanh thiên*” (“*Đường Thực khó, khó hơn lên trời xanh*”).

++ Cái hoang vu, dữ dội của núi rừng thường trực,

đeo bám người lính Tây Tiến như một định mệnh, luôn hiện hình và đeo bám, hành hạ họ.

++ Dù can trường trong khó khăn nhưng trên con đường hành quân gian khổ đó, đã có những người phải hi sinh bởi những núi cao, vực thẳm. Họ hi sinh trong tư thế vẫn như đang hành quân, vẫn chắc tay súng, vẫn ôm lấy và gục lên quân trang: “*Anh bạn dãi dẫu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời*”.

+ Tâm hồn lãng mạn, hào hoa:

++ Về tinh nghịch, tếu táo, chất lính ngang tàng như thách thức cùng với hiểm nguy, gian khổ của người lính Tây Tiến.

++ Trên đường hành quân vất vả, họ thả hồn mình vào thiên nhiên, để trút bỏ mọi nhọc nhằn thể xác, đắm mình vào thiên nhiên, cảnh vật.

++ Có những phút giây, đoàn quân dừng chân ở một bản làng, quây quần bên những bữa cơm thơm tình quân dân cá nước. Chính khung cảnh đầm ấm đó đã giúp họ xua đi những mệt mỏi, dãi dẫu, tiếp thêm niềm tin, sức mạnh để tin vào ngày mai toàn thắng.

++ Cái nhìn lãng mạn đã nâng đỡ cho ngòi bút Quang Dũng tạo nên màu sắc bi tráng khi nói tới sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

++ Nét đẹp trong tâm hồn lãng mạn, hào hoa của những chàng trai thủ đô giúp họ có cái nhìn tươi sáng ngay trong gian khổ, hi sinh và có thêm động lực để hoàn thành nhiệm vụ.

Tiểu kết: Người chiến binh hiện lên vừa kiêu hùng, bi tráng vừa lãng mạn, hào hoa (lí giải từ xuất thân của họ).

- Đánh giá chung (0, 5 điểm)

+ Hai nhận định đều khái quát được nội dung cơ bản của đoạn thơ.

+ Cả hai nhận định đều cho thấy cái nhìn đầy đủ, rõ nét về thiên nhiên Tây Bắc và người lính Tây Tiến đời về trong nỗi “nhớ chơi vơi” của nhà thơ khi ông đã rời xa Tây Tiến, rời xa sông Mã.

+ Đoạn thơ không chỉ đơn thuần gợi nhớ về thiên nhiên và người chiến sĩ mà quan trọng hơn thế còn là tình yêu và sự gắn bó máu thịt của nhà thơ với Tây Bắc, với Tây Tiến.

+ Đoạn thơ là sự phối hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và bút pháp lãng mạn. Chính sự hòa quyện đó khiến cho bức tranh về thiên nhiên và con người hiện lên đa chiều, trọn vẹn.

3. Kết bài

Khái quát lại vấn đề và đánh giá về thành công của tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam gia đoạn 1945 - 1954.

ĐỀ SỐ 7**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Con mèo nằm thân nhiên
trong mảnh thảm nhung góc nhà
Nó bị xích như xích chó
Thức ăn được phục vụ tại chỗ
Thấy chuột, tôi thả con mèo ra
Mèo nhìn chuột đứng đưng, lạnh lùng
Rồi lại nằm khoèo trên mảnh thảm nhung,
gối đầu lên cái xích...*

(Con mèo, Trần Nhuận Minh, Cửa Lục, 2.1999).

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2. Các từ “*đứng đưng, lạnh lùng, nằm khoèo*” thể hiện điều gì?

Câu 3. Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong bài thơ.

Câu 4. Có ý kiến cho rằng, bài thơ *Con mèo* của Trần Nhuận Minh đã lên tiếng cảnh báo về một thế hệ thích sống hưởng thụ, ỷ nại, thụ động. Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

“Hôm nay (19/4), là ngày đầu tiên Công viên nước Hồ Tây (Hà Nội) mở cửa miễn phí cho người dân Thủ đô và du khách đến vui chơi và bơi lội. Ngay từ sáng, hàng nghìn người dân đồng loạt kéo đến, khiến công viên rơi vào tình trạng quá tải. Phía Công viên phải phát đi thông báo trên hệ thống loa truyền thanh có nội dung tạm dừng phục vụ nhân dân miễn phí và tiến hành cho lực lượng an ninh đóng cổng ngay sau đó.

Tuy nhiên, nhiều người thay vì chấp hành thông báo trên, đã “quyết” vào trong bằng cách trèo qua hàng rào sắt bất chấp nguy hiểm cho bản thân. Lực lượng an ninh quá mỏng so với “biển người” đang xuất hiện tại đây, khiến việc ngăn cản người dân vượt rào vào trong gặp nhiều khó khăn”.

(Theo Nguyễn Dương - báo Dân trí)

Đoạn văn trên gợi cho anh chị suy nghĩ gì về lối ứng xử thiếu văn hóa của một bộ phận người Việt hiện nay? Trình bày những suy nghĩ đó bằng một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5 điểm):

Về đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua hai tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài và *Vợ nhặt* của Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: miêu tả.

Câu 2. Các từ “*dùng dưng, lạnh lùng, nằm khoèo*” thể hiện thái độ không quan tâm, không cần biết của con mèo đối với loại thức ăn tự nhiên (chuột) mà chúng yêu thích nhất. Thấy chuột thì “*dùng dưng*” “*lạnh lùng*” là trái ngược với bản năng động vật của chúng. Việc nhà văn miêu tả như vậy sẽ gợi trí tò mò của độc giả, bắt buộc độc giả phải đi tìm lí do cho thái độ “*dùng dưng, lạnh lùng*” đó của con mèo.

Câu 3.

- Nghĩa tường minh: Bài thơ là hình ảnh con mèo được nuôi đầy đủ vật chất nên lâu ngày đánh mất bản năng sinh tồn của động vật, nhìn thấy chuột cũng không muốn bắt.

- Nghĩa hàm ẩn: “*Con mèo*”: bị xích- bị phụ thuộc, thức ăn được phục vụ- sống ý nại, hưởng thụ, thấy chuột, dùng dưng không bắt- đánh mất bản năng. Hình tượng con mèo là ẩn dụ lớn cho lối sống hưởng thụ, ý nại, tùy bị phụ thuộc nhưng không biết đấu tranh, phản kháng.

Câu 4. Có ý kiến cho rằng, bài thơ *Con mèo* của Trần Nhuận Minh đã lên tiếng cảnh báo về một thế hệ thích sống hưởng thụ, ý nại, thụ động. Thí sinh có thể trả lời là đồng ý/ hay không đồng ý với ý kiến trên. Tuy nhiên cần phải nêu được lí lẽ thuyết phục cho ý kiến của mình. Câu hỏi mở, giáo viên linh động cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

+ Hiện tượng được phản ánh trong đoạn trích trên là một biểu hiện của lối ứng xử thiếu văn hóa của một bộ phận không nhỏ người Việt hiện nay.

+ Ứng xử thiếu văn hóa là cách ứng xử lỗ mắng, bất lịch sự, thiếu tế nhị, gây khó chịu cho người khác. Ứng xử thiếu văn hóa đang là căn bệnh của một bộ phận không nhỏ người dân, phản ánh sự xuống cấp về mặt đạo đức cũng như ý thức.

- Phân tích thực trạng, giải thích nguyên nhân, nêu hệ quả và đề xuất một số phương pháp xử lý đối với hiện tượng được nhắc đến. Lập luận phải chặt chẽ, có sức thuyết phục:

+ Thực trạng:

Không chỉ riêng vụ việc vượt rào ở Công viên nước Hồ Tây thời gian vừa qua, mà báo chí cũng đã không ít lần đưa tin về những vụ việc tương tự. Giành giật đồ ăn, áo mưa miễn phí, giẫm đạp lên nhau để đòi mũ bảo hiểm... báo động sự vắng mặt của văn hóa và ý thức trong cộng đồng người Việt.

+ Nguyên nhân của ứng xử thiếu văn hóa:

++ Nguyên nhân đầu tiên và trực tiếp nhất là do ý thức của người dân chưa cao. Căn bệnh thực dụng, thói tham lam, ích kỉ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình đã dẫn đến những hành động bất chấp cả lòng tự trọng, luật pháp.

++ Do ảnh hưởng tiêu cực của đời sống hội nhập.

Con người mãi chạy theo đồng tiền, những giá trị vật chất mà không có gốc văn hóa.

+ Do căn bệnh đám đông, một người làm thì nhiều người sẽ làm theo.

+ Giải pháp:

++ Mỗi người phải tự ý thức và điều chỉnh những hành vi, ứng xử của bản thân sao cho phù hợp với chuẩn mực về văn hóa của xã hội.

++ Để nâng cao ý thức ứng xử có văn hóa của người dân, bản thân mỗi người, gia đình và toàn xã hội phải có sự chung tay, hợp sức.

- Bình luận:

+ Cuộc sống hiện đại với vòng quay của đồng tiền khiến những nét đẹp trong văn hóa ứng xử dần bị mai một, tha hóa. Phép lịch sự tối thiểu trong giao tiếp, ứng xử như lời chào, lời xin lỗi, lời cảm ơn dần bị coi nhẹ.

+ Mối quan hệ giữa người với người cũng dần dần bị vật chất hóa, con người chỉ quan tâm đến những giá trị vật chất, trọng người giàu, coi khinh người nghèo. Đó cũng chính là mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Trong nền văn học Việt Nam hiện đại 1945 – 1975, cùng với thơ, truyện ngắn là một trong những thể loại đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Bên cạnh những truyện ngắn có giá trị viết về đề tài chiến đấu và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, còn có những truyện ngắn xuất sắc viết về cuộc sống mới thường ngày, phản ánh số phận người lao động, đặc biệt là số phận người phụ nữ, khám phá những khát vọng và vẻ đẹp tâm hồn họ.

- Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài và Vợ nhặt của Kim Lân là những tác phẩm tiêu biểu mang giá trị nhân văn sâu sắc về số phận con người, thể hiện cái nhìn sâu sắc của nhà văn với cuộc đời. Bên cạnh những nét chung, mỗi tác phẩm lại mang những nét riêng đặc sắc để tạo nên giá trị, tạo nên sức sống lâu bền trong nền văn học nước nhà.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Con người là trung tâm của mọi tác phẩm văn học, cho nên số phận con người, nhất là số phận người phụ nữ đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các nghệ sĩ lớn xưa nay. Như Gorki đã có bốn câu thơ tuyệt hay:

*Trời không ánh sáng hoa nào nở
Đạ vắng yêu thương đạ những sầu
Đời không mẹ hiền, không phụ nữ
Anh hùng, thi sĩ hỏi còn đâu...*

+ Vấn đề số phận người phụ nữ cũng đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt văn học Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là thân phận một nàng Kiều tài hoa và bạc mệnh một người chinh phụ phải sống trong sào tui cô đơn; một cung nữ sắc nước hương trời bị vua ghê lạnh phải sống trong cảnh lạnh lùng; một Hồ Xuân Hương thông minh, sắc sảo, khát khao hạnh phúc ngọt ngào mà cuộc đời gặp toàn cay đắng, hẩm hiu. Những số phận người phụ nữ trong văn học quá khứ là bất hạnh, khổ đau, bế tắc. Đến các tác phẩm văn học thời kỳ hiện đại, ta sẽ thấy được các nhà văn đã thổi vào số phận của người phụ nữ một luồng sinh khí mới.

- Nhân vật người phụ nữ trong hai tác phẩm:

+ Các nhân vật phụ nữ trong *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* là những con người lao động có cuộc đời khổ cực, bất hạnh. Nhưng các tác giả Tô Hoài và Kim Lân đã có cái nhìn sự vật hiện tượng theo chiều hướng vận động đi lên nên đã có một cách đánh giá khác về số phận của những người phụ nữ ấy. Số phận nhân vật đi từ bóng tối đến ánh sáng, đi từ “thung lũng đau thương đến cánh đồng vui”.

+ Mị trong *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, bị bọn thống trị, đại diện là thống lý Pá Tra áp bức đọa đày. Mị tiêu biểu cho số phận người phụ nữ Mèo ở vùng rừng núi Tây Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

++ Mị vốn là cô gái Mèo trẻ đẹp, đảm đang, hiếu thảo, giàu đức hy sinh vị tha, giàu lòng ham sống, yêu đời và rất mực tài hoa. Mị có tài thổi sáo, tiếng sáo của Mị có sức lôi cuốn đặc biệt làm cho biết bao chàng trai mê mẩn.

Với những phẩm chất tốt đẹp ấy, Mị rất xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Và thực sự Mị đã sống những giây phút tươi đẹp của tuổi trăng rằm dù trong hoàn cảnh nghèo khổ. Song tương lai của tuổi trẻ với hạnh phúc và tình yêu đã không đến được với cô gái Mèo nghèo khổ đó. Chỉ vì một món nợ truyền kiếp của bố mẹ, Mị bị bắt đem về làm con dâu trừ nợ cho nhà thống lý Pá Tra. Những ngày sống trong nhà ngục thống lý, Mị phải chịu biết bao nỗi đau thương, tủi nhục tâm tối. Mị không chỉ bị hành hạ về thể xác mà còn bị đày đọa về tinh thần. Như vậy, cũng như bao người lao động khác, vì nghèo đói, Mị đã trở thành nô lệ cho bọn giàu có. Thời gian đầu làm con dâu gạt nợ, người phụ nữ này đã phản kháng quyết liệt. Đã có lúc Mị muốn từ tự, nhưng vì thương bố, dù có chết thì món nợ vẫn còn, bố còn khổ hơn cả bây giờ, Mị đành âm thầm chấp nhận cuộc đời trâu ngựa. Bây giờ Mị nghĩ rằng mình là con vật, thậm chí còn không bằng con trâu, con ngựa.

++ Bị đày đọa khủng khiếp trong địa ngục nhà thống lý, Mị như bông hoa rừng đang héo tàn theo năm tháng. Người con gái tài hoa, trẻ đẹp, ham sống, yêu đời thuở nào giờ chỉ còn là người đàn bà thân xác héo khô, tâm hồn lạnh lẽo, trống vắng. Từ đây, ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Mị ngày càng ít nói, Mị gần như tê liệt hết sức sống, mất hết cảm giác về thời gian, không gian. Cuộc đời Mị chỉ còn thu nhỏ lại qua lỗ vuông cửa sổ bằng bàn tay mờ mờ trắng trắng, không biết là sương hay là nắng, nó cũng mờ đục tâm tối như số phận và tâm hồn Mị vậy, khiến *Mị cứ lùi lùi như con rùa nuôi trong xô cửa*. Ở đây, cuộc đời tâm tối, tủi nhục của Mị được Tô Hoài khắc họa một cách chân thực, cảm động. Hơn nữa, nhà văn không chỉ dừng lại ở đó, mà còn phát hiện niềm ham sống, khát khao hạnh phúc tình yêu, hạnh phúc tự do của người đàn bà tội nghiệp này bằng việc miêu tả sinh động sự hồi sinh trong ý thức nhân vật. Không chỉ rạo rục trong đêm tình mùa xuân với những âm thanh náo nức, tiếng sáo, tiếng khèn của trai làng đã làm sống dậy tình yêu cuộc đời trong tâm hồn Mị mà lâu nay bị vùi dập bởi cuộc sống trâu ngựa khổ đau. Mị hồi tưởng lại quá khứ tươi đẹp và cảm thấy tâm hồn mình như phơi phới trở lại. Rồi *Mị với tay lấy váy hoa, quần lấy tóc sửa soạn đi chơi ngày Tết*. Nhưng giữa lúc sức sống bùng lên một cách mãnh liệt thì cũng là lúc Mị bị vùi dập một cách phũ phàng. Mị bị A Sử thân nhiên trói đứng ở cột nhà như trói một con vật. Như vậy, khát vọng sống của Mị đã bị vùi dập một cách hết sức tàn nhẫn.

++ Rồi một đêm chứng kiến cảnh A Phủ bị đánh, bị trói một cách thảm khốc. Vì niềm đồng cảm của những con người cùng cảnh ngộ, vì lòng thương người, Mị đã vượt qua được nỗi sợ hãi khủng khiếp, dám nghĩ tới một hành động táo bạo: cắt dây trói giải cứu cho A Phủ rồi chạy theo A Phủ để thoát khỏi nhà ngục thống lý. Mị đến Phiềng Sa gặp A Châu, một cán bộ trung kiên của Đảng. Được A Châu giúp đỡ, Mị tham gia du kích chiến đấu giải phóng mình và giải phóng quê hương như là một tất yếu.

Như vậy, viết về một số phận người phụ nữ ở đây, Tô Hoài đã đặt ra vấn đề khát vọng tự do, hạnh phúc chân chính của người phụ nữ miền núi và con đường giải phóng cho họ. Với khát vọng cao đẹp và sức sống tiềm tàng mạnh mẽ, Mị đã đến với cách mạng để trở thành con người làm chủ.

+ Ở tác phẩm *Vợ nhặt*, số phận con người chưa hoàn toàn sang trang mới, nhưng ở đoạn kết của tác phẩm đã hé mở cho họ một tương lai tốt đẹp. Ngay nhan đề *Vợ nhặt* cũng đã phần nào nói lên được hoàn cảnh khốc liệt của số phận bị cái đói khủng khiếp, đe dọa cướp đi sự sống. Xưa nay, lấy vợ là phải cưới xin, nhưng đằng này lại nhặt được vợ như người ta nhặt được cái rơm, cái rác bên đường mà chỉ nhờ bốn bát bánh đúc. Đó là hậu quả của nạn đói năm 1945 khủng khiếp. Cái nạn đói khiến cho bao người kinh hoàng, khiến cho bao số phận của con người trở nên mong manh như chiếc lá vàng trước gió. Đó cũng là bức tranh chân thực của xã hội Việt Nam năm 1945, đặt nhân vật vào tình huống ấy, Kim Lân có điều kiện làm nổi rõ số phận và phẩm chất nhân vật.

++ Số phận người phụ nữ đầu tiên là “vợ nhặt”:

+++ Ngay cái tên của chị cũng không có, cái đói đã hủy hoại đi cả hình thể lẫn tâm hồn của thị: *nom chị ta rách rưới quá; áo quần tả tơi như tổ đũa; chị ta gầy sọp, cái ngực lép lép, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt*. Chị ngồi với mấy người bạn trước kho thóc trông thật thảm hại. Kim Lân không miêu tả gia cảnh của người đàn bà này mà mở đầu cuộc đời chị là hai người quen nhau: một câu nói vu vơ trên chộc của Tràng. Cái đói khiến thị phải gọi ý Tràng cho ăn và cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc rồi lon ton chạy theo về làm vợ nhặt người đàn ông xa lạ kia.

+++ Đời người con gái hạnh phúc nhất là khi rước dâu, vậy mà thị phải theo không Tràng về. Cái dáng người lấm lũi, e thẹn đi cách Tràng vài bước trong lời trên chộc và ánh mắt của trẻ con, người lớn xóm ngụ cư khiến người đọc xót thương. Thương nhất là cảnh chị

ngồi mép giường, cái thúng ôm khư khư trước mặt. Thế ngồi của thị cũng chông chênh như cuộc đời, như lòng thị, như tương lai của thị. Nhưng tình thương bao la của người mẹ chồng cùng tấm lòng chân thành của Tràng đã xua đi nỗi e dè, tủi cực của thị. Sáng hôm sau, thị dậy sớm với cử chỉ dịu dàng, chăm chỉ. Đến đây, số phận của thị đã khác. Từ một người bơ vơ đầu đường xó chợ, bị cái đói rình rập làm cho thị trở nên *cong cớn, liều linh, chua chát, chông lòn*, đã trở thành một người phụ nữ hiền hậu, đung mực. Thị đã có mái ấm gia đình thực sự với một người chồng và mẹ chồng luôn luôn yêu thương thị...

++ Bà cụ Tứ, mẹ Tràng cũng là một số phận người phụ nữ gây nhiều xót thương cho người đọc. Độc giả có thể tìm thấy ở hình tượng nhân vật này bao bà mẹ Việt Nam nghèo khổ mà cần cù, chịu thương, chịu khó, rất mực thương con và lúc nào cũng hướng về cái thiện, về tương lai tươi sáng.

+++ Cái dáng người lụng khọng, cái thân hình còm cõi, cái gương mặt u ám của bà như đã nói với ta tất cả số phận nghèo khổ dưới đáy của xã hội xóm ngụ cư. Cho nên khi có người đàn bà xa lạ xuất hiện ở đầu giường của con mình, bà cụ ngạc nhiên đến sững sờ, không hiểu nổi. Và khi hiểu ra đó là đứa con đầu mới của mình thì cụ lại hiểu ra biết bao cơ sự vừa ai oán, vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình và rồi *trong đôi mắt kèm nhèm của bà cụ rỉ xuống hai hàng nước mắt*. Đó là giọt nước mắt của một người mẹ nghèo vừa mừng vui, vừa âu lo, xót thương, vừa buồn tủi. Tủi vì làm mẹ không lo được cho con. Nay con có vợ rồi lại phải lấy vợ theo cách ấy: không cưới cheo hay bất cứ một nghi thức nào vẫn thường được tôn trọng ở nông thôn ta ngày xưa.

+++ Nhưng dù niềm vui hay nỗi buồn, dù nỗi lo toan hay tủi phận thì người mẹ Việt Nam ở bà cụ Tứ vẫn bừng sáng một tấm lòng yêu thương độ lượng. Bữa cỗ cưới ngày đói thật thảm hại: *giữa cái met rách có độc một lùm rau chuối thái rối và một đĩa muối ăn với cháo... Trong bữa ăn bà cụ Tứ toàn chuyện vui chuyện tốt đẹp về sau... bà nhìn cuộc sống bằng đôi mắt lạc quan “không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”*. Cuộc sống khắc nghiệt đầy đọa con người, bắt họ phải sống cuộc sống loài vật. Nhưng nó không thể dập tắt được phần người, rất người trong lòng bà mẹ khốn khổ kia. Đó chính là nét đặc sắc của tư tưởng nhân đạo Kim Lân.

- Đánh giá: Cùng viết về người phụ nữ, Tô Hoài và Kim Lân gặp gỡ nhau ở sự nắm bắt rất rõ tâm lý nhân vật cũng như chiều sâu tư tưởng nhân đạo mới mẻ, với

tấm lòng yêu thương và đồng cảm với số phận người phụ nữ. Nhưng ở mỗi tác phẩm cũng có nét riêng.

+ Viết về *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài không chỉ phản ánh chân thực số phận khổ đau của người phụ nữ, ông còn phát hiện và miêu tả sức sống tiềm tàng trong Mị, từ đó thể hiện một khả năng nắm bắt mới đối với hiện thực đời sống của người lao động trong xã hội cũ. Nhà văn không chỉ còn thấy con người là nạn nhân đau khổ của chế độ xã hội tàn bạo mà còn thấy ở họ sức mạnh và khả năng làm chủ cuộc sống của chính mình. Đó là một thực tế không thể phủ nhận và đã được chứng minh bằng quá trình đấu tranh cách mạng của cả dân tộc, đất nước trong những năm tháng đó. Về nghệ thuật, nhà văn đã thể hiện biệt tài miêu tả tâm lý nhân vật qua giọng điệu trữ tình và ngôn ngữ giản dị, phong phú, sáng tạo, giàu chất thơ, chất tạo hình, gợi cảm.

+ Viết về *Vợ nhặt*, Kim Lân không chỉ dừng lại ở việc phản ánh chân thực nạn đói khủng khiếp năm 1945, mà tiến lên một bước nữa nhằm khắc họa nét đẹp tâm hồn người lao động, đặc biệt là người phụ nữ. Dù rơi vào hoàn cảnh khốn cùng, dù kề bên cái chết, họ vẫn hướng về cuộc sống gia đình, hạnh phúc tình yêu với một niềm

tin bất diệt. Chọn tình huống “vợ nhặt” do nạn đói rừng rợn gây nên, Kim Lân không nhằm miêu tả sự sệt giá, tha hóa con người, trái lại nhà văn còn khẳng định khát khao sống và phẩm giá của họ. Tình yêu cuộc sống của những con người nằm bên bờ vực cái chết đã trở thành nguồn sáng, nguồn ấm áp sưởi ấm lòng người, thôi thúc họ đi cứu lấy đời mình. Về nghệ thuật, nhà văn đã đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo; diễn biến tâm lý được miêu tả chân thực, tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.

3. Kết bài :

- Qua việc miêu tả chân thực và rõ nét số phận khổ đau của các nhân vật phụ nữ và phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn họ, các tác giả đã đề cập đến các vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa muôn đời của văn học. Đó là vấn đề phấn đấu cho con người được sống trong tự do, hạnh phúc, tình yêu, gia đình.

- Khẳng định tài năng, phẩm chất, cá tính và tấm lòng trân trọng tin yêu ở người phụ nữ đã giúp cho các tác giả có được những tác phẩm giá trị và có sức hấp dẫn lâu dài trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 8

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Một tư tưởng chuẩn bị cho một tương lai vững bền là phải bắt đầu làm điều gì đó trước, để đón nhận nó và sống vì chân lí đó. Trồng cây xanh là một lẽ sống không chỉ một công việc mà là một triết lí nảy sinh từ sự phát triển cho sự nghiệp và dân tộc. Bác thể hiện tư tưởng của mình một cách giản dị khi phát động “Tết trồng cây” rằng, chúng ta sẽ có những cây vừa ăn quả, vừa cô hoa, vừa có cả cây làm cột nhà. Thêm nữa, Người còn tô đậm cho một tương lai của môi trường sống; khi ấy phong cảnh nước ta sẽ ngày càng tươi đẹp hơn, khí hậu điều hòa hơn, cây gỗ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống của dân tộc ta. [...]

Tư tưởng của Bác Hồ ngày càng sâu sắc và là ngọn đuốc chỉ đường cho một tương lai của dân tộc ta trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác. Nếu điểm lại những vụ cháy rừng, hay những trận lũ lụt liên tiếp xảy ra trên vùng cao, mới thấy triết lí của Bác trong “Tết trồng cây” thấu tình đạt lí làm sao. Sự hối hận đã trở nên muộn màng khi con người triệt phá rừng cây. Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt. Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cánh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình. Mỗi cây xanh bị đốn chặt là một tội ác. Hạ sát thiên nhiên bao giờ cũng để lại hậu quả lâu dài. Và máu người lại đổ xuống. Mạng người lại bị vùi lấp trong những con lũ tràn về bất ngờ hay những trận lở núi ập xuống đem lại tai họa khó lường.

(Chung Tử, 55 mùa xuân và “Tết trồng cây”, Sổ Xuân Ất Mùi tạp chí Tri thức và Thời đại, 1+2/ 2015)

Câu 1: Đoạn trích nhắc đến hoạt động đẹp nào của dân tộc ta được Bác Hồ phát động?

Câu 2: Đoạn trích được triển khai thành hai luận điểm cơ bản. Hãy chỉ ra hai luận điểm đó.

Câu 3: Đoạn thứ hai nhắc nhở con người bài học gì?

Câu 4: Chỉ ra mối quan hệ giữa hai câu văn sau: *Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt. Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cánh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình.*

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Cuộc sống là nguyên liệu thô, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

Nhân đạo là một trong hai cảm hứng xuyên suốt nền văn học Việt Nam. Cảm hứng nhân đạo đó ở văn học từ 1930-1945 có gì giống và khác ở văn học từ 1945-1975?

Qua việc phân tích và chứng minh qua hai truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao (Ngữ văn 11, Tập 1) và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài (Ngữ văn 12, Tập 2).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Hoạt động được Bác Hồ phát động được đề cập đến trong đoạn trích là “Tết trồng cây”.

Câu 2: Hai luận điểm được đề cập đến trong đoạn trích là:

- Nguyên nhân Bác phát động “Tết trồng cây” với những lợi ích của việc trồng cây xanh đối với sự phát triển của sự nghiệp và dân tộc ta.

- Chỉ ra thực trạng của rừng hiện nay và hậu quả của việc chặt phá rừng, từ đó lên tiếng cảnh tỉnh con người phải bảo vệ rừng.

Câu 3: Đoạn trích thứ hai có mục đích nhắc nhở con người cần phải bảo vệ rừng vì khí thiếu rừng, con người sẽ phải gánh chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng. Đó là việc “tàn phá chính sự sống của chính mình”, hơn nữa hậu quả không chỉ diễn ra thời hiện tại mà còn ảnh hưởng lâu dài đến mai sau (“những cơn lũ tràn về bất ngờ hay những trận lở núi ập xuống”).

Câu 4: Hai câu văn sử dụng từ “nhưng” để kết nối quan hệ. Thông thường, từ “nhưng” biểu thị quan hệ tương phản, tuy nhiên trong trường hợp này “nhưng” chỉ biểu thị ý bổ sung, bổ trợ ý của câu thứ nhất (*Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt*) cho câu thứ hai (*Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cánh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phạm hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình*).

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích**

+ *Cuộc sống là nguyên liệu thô:* Cách nói hình ảnh để chỉ những bộn bề phức tạp của cuộc sống: thuận lợi và khó khăn, tốt đẹp và ác xấu, bình lặng và bão giông.

+ *Nghệ nhân:* con người tài năng, tâm huyết đạt đến độ tinh túy trong công việc của mình.

+ *Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta:* Từ nguyên liệu cuộc sống mỗi người sẽ tạo nên tác phẩm cuộc đời của mình.

Ý cả câu: Câu nói đã khẳng định và đề cao vai trò quyết định của mỗi cá nhân đối với cuộc sống của chính mình. Chính thái độ sống, năng lực sống của bản thân sẽ làm nên giá trị, ý nghĩa cuộc sống của mỗi người.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Khẳng định: Đây là một quan điểm sống tích cực, mạnh mẽ và sâu sắc.

+ Cuộc sống luôn mang trong mình những bộn bề, phức tạp, nếu chúng ta sống một cách chủ động và tích cực, biết gạt bỏ những cái xấu, tận dụng và phát huy những điều tốt đẹp, biến khó khăn, thử thách thành cơ hội thì ta sẽ có một *tác phẩm* cuộc đời mình thật *tuyệt đẹp*.

+ Nếu buông xuôi và phó mặc, bị động và để cuộc sống trôi đi, khi ấy *tác phẩm* cuộc đời của mỗi chúng ta chỉ là những *vật thể xấu xí*.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Nhận thức rõ việc “chỉ có bản thân chúng ta mới tạo ra số phận cho mình”, cá nhân con người là nhân tố quyết định đến cuộc sống của chúng ta chính vì thế, bản thân mỗi người phải không ngừng nỗ lực phấn đấu hoàn thiện bản thân mình.

+ Mỗi người phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ. Hãy cố gắng trở thành những nghệ nhân chuyên tâm và tài hoa nhất để làm nên *tác phẩm tuyệt đẹp* cho cuộc đời mình

+ Lên tiếng phê phán thái độ sống hưởng thụ, ỷ nại, chờ đợi người khác ban phát cho mình.

Câu 2 (5 điểm):**1. Mở bài**

- Tư tưởng nhân đạo vốn là nguồn mạch xuyên suốt trong nền văn học Việt Nam. Tùy theo mỗi giai đoạn văn học mà giá trị ấy có cách thể hiện khác nhau. *Chí Phèo* của Nam Cao và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài là hai tác phẩm tiêu biểu cho những giá trị ấy.

- *Chí Phèo* của Nam Cao và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài là hai tác phẩm thấm đẫm tinh thần nhân đạo. Nếu như Nam Cao luôn đau đáu về số phận bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo, về số phận hẩm hiu của những người nông dân bị đẩy vào con đường bán cùng tha hóa thì Tô Hoài lại trần trụi khuôn người về cuộc đời khổ đau của nhân vật Mị và A Phủ khi bị gia đình thống lí Pá Tra áp bức, bóc lột và cướp đoạt quyền sống. Thông

qua những mảnh đời đó, nhà văn thể hiện tấm lòng xót thương, chia sẻ với những bi kịch của người nông dân đồng thời lên tiếng tố cáo những thế lực phong kiến đã trà đạp, cướp đi quyền sống của con người. Nhưng cao cả hơn thế là sự đề cao, trân trọng với những vẻ đẹp, phẩm chất tốt đẹp trong con người họ và niềm tin vào sự đổi thay xã hội của mỗi nhà văn. Đó chính là cội rễ, mạch nguồn sâu xa của giá trị nhân đạo chân chính.

2. Thân bài

- Giới thuyết về khái niệm: giá trị nhân đạo.

+ Chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người Việt Nam. Nó xuyên suốt quá trình lịch sử văn học, từ cội nguồn văn học dân gian đến văn học hiện đại.

+ Theo *Từ điển tiếng Việt* thì giá trị nhân đạo là giá trị cơ bản của một tác phẩm văn học chân chính, là tiếng nói tố cáo những thế lực chà đạp lên quyền sống của con người, là niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn đối với nỗi đau của con người; sự khẳng định, đề cao con người về các mặt: phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính như quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền tự do, quyền công lí, chính nghĩa và niềm tin vào khả năng vươn dậy của con người trong mọi hoàn cảnh khốn cùng. Nói cách khác, bản chất của tinh thần nhân đạo chính là thái độ, cảm xúc của nhà văn trước hiện thực.

+ Văn học Việt Nam từ xưa đến nay luôn coi trọng nội dung nhân đạo và xem đó là chuẩn mực trong sáng tác văn học. Nhìn chung từ những năm 1930 cho đến năm 1975, văn học nước ta đứng trước nhiều cơn bão táp lịch sử, những cuộc chiến tranh trường kì và những đổi thay của chế độ xã hội nên mỗi giai đoạn, cảm hứng nhân đạo lại có những biểu hiện giống và khác nhau. Và giá trị nhân đạo những năm 1930-1945 thể hiện rõ nét trong truyện ngắn *Chi Phèo* của Nam Cao và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

- Khái quát về giá trị nhân đạo trong hai tác phẩm:

+ Trong *Chi Phèo* của Nam Cao:

++ Tư tưởng nhân đạo của Nam Cao thể hiện trong các tác phẩm đó là tấm lòng nhân hậu, chan chứa yêu thương đối với những con người nghèo khổ bị áp bức, bị khinh miệt trong xã hội.

+++ Ông luôn trăn trở trước vấn đề nhân phẩm con người bị chà đạp, đau đớn trước tình trạng xã hội đọa đày con người trong sự nghèo đói, vui dập ước mơ, lẽ sống cao đẹp, làm chết mòn đời sống tinh thần, thậm chí hủy hoại cả thân xác, nhân cách.

+++ Cả cuộc đời lao động nghệ thuật, Nam Cao phần đầu không mệt mỏi vì lí tưởng nhân đạo. Ông quan niệm, không có tình thương đồng loại thì không đáng gọi là con người.

++ Tư tưởng nhân đạo sâu sắc được thể hiện trong truyện ngắn *Chi Phèo* chính là bi kịch của người nông dân hiền lành, nhẫn nhục bị xã hội chà đạp tàn nhẫn, vùi dập vào cảnh nghèo đói, bị xua đuổi, cự tuyệt, bị đẩy vào con đường bần cùng, tha hóa.

+++ Viết về đau khổ của nhân vật Chí, Nam Cao kết án đanh thép xã hội tàn bạo đã hủy diệt nhân cách của con người, đẩy con người đến bước đường cùng và kết thúc cuộc đời trong bế tắc, bi kịch.

+++ Điều mới mẻ trong tư tưởng nhân đạo của Nam Cao là tìm tòi, đi sâu vào đời sống nội tâm nhân vật, phát hiện và khẳng định nhân phẩm, bản chất lương thiện của họ, ngay cả khi họ bị cướp mất hình hài, nhân phẩm.

+ Trong *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài:

++ Kể về tội ác của cha con thống lí Pá Tra đối với Mị và A Phủ, Tô Hoài tố cáo sự tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi đối với những con người nghèo khổ.

++ Kể về thân phận nô lệ, bị áp bức, chà đạp đến cùng cực của Mị và A Phủ, nhà văn bày tỏ niềm thương cảm sâu sắc với những khổ đau và bất hạnh của họ.

++ Nhà văn đi sâu, tìm hiểu, khám phá, trân trọng những khát vọng và sức sống tiềm tàng trong Mị và A Phủ. Đó là sự ngợi ca phẩm chất tốt đẹp trong con người lao động.

++ Nhà văn đồng tình với tinh thần đấu tranh của Mị và A Phủ và tin tưởng về một hướng đi tốt đẹp dành cho nhân vật của mình.

- Điểm gặp gỡ giữa hai tác phẩm:

+ Cả Nam Cao và Tô Hoài đều có chung điểm nhìn. Đó là họ đã nhìn thấy nỗi đau của con người bị áp bức, bị bóc lột, bị chà đạp, bị lãng nhục. Đó là những người nông dân nghèo khổ dưới chế độ cũ.

++ Nam Cao là đại diện xuất sắc của trào lưu hiện thực phê phán. Ông luôn tâm niệm “đứng trong lao khổ để nhìn về phía lao khổ” cho nên những nhân vật của ông hiện lên rõ nhất từ những cảm thông, đồng cảm. Trước đây có nhiều ngộ nhận cho rằng, Nam Cao đã bôi nhọ danh dự người nông dân khi xây dựng họ qua hình tượng Chí Phèo và Thị Nở. Bởi một người thì xấu đến ma chê, quỷ hờn còn kẻ kia thì mang dáng hình của một con quý dữ. Có thể thấy, nhận xét đó là vội vàng, chủ quan bởi ngọn nguồn của sự tha hóa này đã chỉ ra rằng, những người nông dân như Chí Phèo vốn có bản tính hiền lành,

lương thiện chỉ vì hiện thực quá tủi cực, tối tăm, mà họ lại là nạn nhân của xã hội, trở thành những con người tha hóa và tuyệt vọng như Chí. Trong câu chuyện này, Nam Cao đã tái hiện trọn vẹn cuộc đời Chí Phèo để đồng cảm và thấu hiểu cho những bi kịch mà Chí Phèo phải trải qua. Hần bước vào tác phẩm từ cái lò gạch cũ với bản tính hiền lành, lương thiện nhưng nhà tù thực dân và tầng lớp thống trị phong kiến đã cướp đi tất cả. Xót xa nhất là chúng đã cướp đi giá trị con người hẳn ở cả thân hình và nhân tính. Cuộc đời hẳn chỉ là số 0 tròn trĩnh. Từ một anh canh điền lương thiện, Chí biến thành một kẻ lưu manh, con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Không những thế, nhân tính của hẳn cũng bị tha hóa, Chí trở thành quỷ dữ: “đạp đổ biết bao cảnh yên vui, làm chày máu và nước mắt của biết bao người dân lương thiện”. Và cứ thế, Chí Phèo dần thân vào con đường tha hóa, từng bước một, hẳn bị khước từ quyền làm người với những vết sẹo dày lên theo năm tháng với nghề rạch mặt ăn vạ và trở thành tay sai cho Bá Kiến – công cụ đòi nợ thuê.

++ Sự xuất hiện của Thị Nở và tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn nhất là sau cái đêm chung chạ với Thị đã khiến Chí thức tỉnh, khát khao hoàn lương, khát khao “làm hòa với mọi người”. Nhưng trong xã hội còn đầy rẫy những bất công và định kiến thì ước mơ đó của Chí mãi mãi bị vùi dập và lãng quên để rồi cuối cùng Chí Phèo phải chết tức tưởi trên ngưỡng cửa trở về của mình. Câu hỏi kết lại tác phẩm “Ai cho tao lương thiện” mãi là niềm day dứt của Chí, của Nam Cao, của chúng ta về nỗi đau thân phận con người.

++ Miêu tả Thị Nở như sự trêu đùa của tạo hóa: xấu, nghèo, dở hơi và đồng giống mà hùi, Nam Cao đã thể hiện niềm cảm thông sâu sắc đối với những mảnh bất hạnh, thiếu nhan sắc và chịu nhiều thiệt thòi. Nhưng đằng sau hình hài vốn dĩ xấu xí của Thị Nở là những ước mơ và bản chất con người. Thị biết mơ hạnh phúc gia đình hay chính hạnh phúc đã làm thay đổi Thị từ một phụ nữ ngần ngại đến giờ đây Thị biết ngượng ngùng khi nghĩ về hai từ “chồng vợ”. Rõ ràng đây là một con người hoàn chỉnh cho dù tạo hóa không cho Thị những tài sản mà đáng lẽ một người phụ nữ đáng được hưởng nhưng bù lại vẻ đẹp tâm hồn đã trở thành cứu cánh cho Thị. Chúng ta không chỉ đồng cảm mà còn rất trân trọng Thị Nở như một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa nhân đạo trong ngôi bút của Nam Cao.

++ Ở Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài lại dành tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với số phận những người lao động nghèo ở miền núi như Mị và A Phủ. Toàn bộ

câu chuyện là cuộc đời của Mị và A Phủ được gọi tên ở Hồng Ngài. Họ là những đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của con người miền núi song cũng là nạn nhân tiêu biểu trong bàn tay thống trị dã man của bọn chúa đất.

++ Với Mị vốn là một cô gái trẻ trung, xinh đẹp, yêu đời và nhiều khát khao. Mị có ý thức về mình, về lòng hiếu thảo nhưng vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ mà cô phải chấp nhận trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí. Và khi về làm dâu nhà thống lí một lần nữa cuộc đời cô bị đẩy dọa trong nỗi cay cực đến khôn cùng. Mị phải lao động vất vả quanh năm suốt tháng đầy khổ nhục “hơn trâu hơn ngựa”, phải chịu những trận đòn dã man của A Sử, thậm chí hẳn còn vô tâm trói đứng cô vào cột trong những đêm tình mùa xuân. Tất cả những điều đó cộng với sự thống trị của thần quyền đã làm cho Mị tê liệt về ý thức sống, cô sống như một công cụ lao động biết nói, dần dần Mị chấp nhận số phận nô lệ trong nhà Pá Tra “lầm lũi như một con rùa nuôi trong xó cửa” và chỉ còn biết “chờ ngày chết rũ xương ở đây thôi”.

++ Nhà văn cũng đau đớn trước số phận của A Phủ bị đánh đập trong một buổi xử kiện bất công mà cả người đi kiện lẫn người xử kiện đều là gia đình nhà thống lí. A Phủ cũng giống như Mị, từ cuộc đời của một chàng trai tự do, bản lĩnh, anh không chôn khoi vòng quay khắc nghiệt của số phận. A Phủ phải làm người ở gạt nợ trong nhà thống lí Pá Tra và mang thân phận của kẻ tội đồ. Khi tái hiện những điều này, Tô Hoài thể hiện tấm lòng xót thương đến tận cùng với những cảnh đời lầm lũi, khốn khổ của người nông dân ở vùng cao Hồng Ngài.

+ Thương xót trước số phận chịu nhiều bi kịch của người nông dân, Nam Cao và Tô Hoài đã cùng nhau cất lên tiếng nói tố cáo, lên án những thế lực bạo tàn gây đau khổ cho con người:

++ Không chỉ dừng lại ở những thấu hiểu, cảm thông mà ngôi bút nhân đạo của Nam Cao còn bênh vực cho người nông dân, đấu tranh với tầng lớp thống trị phong kiến và các hủ tục xã hội vì những người như Thị Nở, Chí Phèo là nạn nhân của xã hội đương thời mà Chí Phèo là tiêu biểu nhất. Nhân vật này bị cướp đi phần người ở phần thân hình của mình vì nhà tù thực dân, bị bàn tay thống trị phong kiến cướp đi phần người trong nhân tính và cuối cùng là những định kiến xã hội, hủ tục phong kiến đã chặn đứng con đường hoàn lương của Chí. Vì vậy, ngôi bút của Nam Cao lên tiếng đấu tranh gay gắt với những thế lực hủy diệt quyền người cơ bản của con người.

++ Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài lên án giai cấp thống trị, bọn chúa đất miền núi mà tiêu biểu là cha con thống lí Pá Tra. Chúng bóc lột người lao động bằng cách cho vay nặng lãi và lợi dụng sức lao động của con người. Mị làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí và A Phủ cũng chịu chung số phận đó: người ở gạt nợ. Chính sự bạo tàn của thống trị, mà bọn chúa đất đã hủy diệt đi ý thức về tự do của người nông dân. Mị từng là một cô gái khát khao yêu đời trở thành lầm lũi, mất mọi ý thức về thời gian. Còn A Phủ trước khi về nhà thống lí là một chàng trai tự do gan dạ nhưng dưới sự thống trị bằng cường quyền và thần quyền, anh trở nên cam chịu và chấp nhận số phận nô lệ trong nhà thống lí.

+ Bằng tấm lòng nhân đạo cao cả, bằng tình yêu thương dành cho những số phận nhỏ nhoi, Tô Hoài và Nam Cao đã khám phá, trân trọng và nâng niu những vẻ đẹp và khát vọng thầm kín của người nông dân. Đồng thời cả hai nhà văn cũng đồng tình với ước mơ, nguyện vọng chính đáng của con người, khát khao đổi thay số phận của họ.

++ Ở *Chí Phèo*, Nam Cao phát hiện bên trong sâu thẳm con quỷ dữ ấy là anh Chí hiền lành, lương thiện. Hồn hiền như đất, có lòng tự trọng, biết “nhục hơn là thích” khi bị bà Ba bắt bóp chân “mà cứ bóp lên trên”. Cuộc gặp gỡ với Thị Nở đã làm đổi thay nhận thức và số phận của Chí Phèo. Khi được yêu thương, chăm sóc, phần Người còn sót lại trong con người Chí đã được đánh thức. Chí tinh táo để nhận ra đã sang đến dốc bên kia của cuộc đời mà hắn vẫn bơ vơ, hắn nghĩ về tương lai già, đói, và cô độc của mình mà hắn sợ. Hắn nhận ra hương sắc và âm thanh của cuộc sống “tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá, tiếng gõ mái thuyền đuổi cá, tiếng của mấy bà đi chợ về” để rồi giấc mơ thời trai trẻ lại sống dậy, Chí đã từng có ước mơ về cuộc sống gia đình “chồng cuốc mướn cây thuê, vợ ở nhà dệt vải...”. Chí biết xúc động khi thấy Thị Nở chăm sóc cho mình mà bát cháo hành kia như là hiện thân của một câu chuyện cổ tích. Nó mộc mạc, bình dị nhưng cũng kì diệu biết bao, nó làm thức tỉnh phần Người bị khuất nấp bấy lâu trong dáng hình của một con quỷ dữ, làm cho Chí có khát khao về cuộc sống. Chí muốn được yêu thương, làm nũng với Thị Nở như với mẹ và điều quan trọng hơn là hắn nhận ra hắn có thể làm hòa với mọi người và khát khao sống lương thiện. Như vậy, tình thương có giá trị thật thiêng liêng, nó đã cứu rỗi và thức tỉnh Chí Phèo, đánh đổ bức bình phong vô hình của quyền lực và chiến

thắng mọi bạo tàn của nhà tù thực dân và bàn tay tàn độc của Bá Kiến.

++ *Vợ chồng A Phủ* không chỉ là câu chuyện đơn thuần về số phận, cuộc đời người Mèo ở Tây Bắc mà thông qua đó Tô Hoài còn lên tiếng ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp rất thiêng liêng trong tâm hồn họ: Mị và A Phủ.

+++ Cuộc đời cô con dâu gạt nợ mang tên Mị là chồng chất những bất hạnh, những cay cực và khổ đau. Cô phải mang thân mình để đánh đổi món nợ truyền kiếp của cha mẹ, phải sống tủi nhục như thân trâu ngựa trong nhà thống lí Pá Tra nhưng bên trong tâm hồn cô vẫn toát lên vẻ đẹp rất đáng được đề cao. Đó là một tâm hồn trẻ trung, yêu đời và khao khát tự do. Mị xinh đẹp lại thổi sáo hay, có biết bao nhiêu người mê ngày đêm thổi sáo đi theo Mị. Trong tâm hồn ấy còn là một sức sống tiềm tàng, mãnh liệt. Đã bao mùa xuân trôi qua, bao lần Mị lên nương phá rẫy, dù làm bất cứ việc gì cô cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Tưởng rằng, sức sống của cô sẽ cạn kiệt đi theo năm tháng nhưng mùa xuân ở Hồng Ngài năm đó với những bông bi đỏ, những chiếc váy hoa xòe và tiếng sáo gọi bạn đã làm thức tỉnh ý thức sống trong con người Mị. Quá khứ ulla về, sức sống bùng lên mãnh liệt, Mị nhận thấy mình vẫn còn trẻ, cô muốn đi chơi và sống theo tiếng gọi nơi con tim chứa chan tình yêu của mình. Chính từ giây phút ý thức trở lại đó, Mị đã vượt qua mọi nỗi sợ hãi, đồng cảm với những số phận khốn cùng như mình, cởi trói cho A Phủ để giải thoát cho anh ta và cũng là giải thoát cho chính Mị.

+++ Còn A Phủ lại là vẻ đẹp của sự bản lĩnh, gan dạ. Dù xuất phát là một đứa trẻ mồ côi nhưng lớn lên A Phủ sống rất phóng khoáng, yêu đời, ham thích tự do và không chịu luồn cúi trước quyền lực.

+++ Cho dù vòng quay số phận khác nhau nhưng cả trái tim Mị và A Phủ cùng chung nhịp đập khi họ cùng có khát vọng được giải phóng. Những ngày tủi cực trong nhà thống lí, họ mang thân phận nô lệ, sợ con ma nhà Pá Tra đã “nhận mặt mình”. Tưởng chừng họ đã đầu hàng trước số phận nhưng khi ranh giới giữa sự sống và cái chết còn rất mong manh thì bản năng sống trong họ trỗi dậy mạnh mẽ. Vượt qua nỗi sợ hãi, họ cùng nhau bỏ trốn khỏi Hồng Ngài. Đó là ước mơ được giải phóng, để rồi xuống Phiêng Sa họ trở thành vợ chồng và tham gia cách mạng.

- Sự khác biệt:

+ Ở *Chí Phèo*, Nam Cao nhìn những người nông dân như Chí Phèo, Thị Nở là những nạn nhân, sản phẩm của

hoàn cảnh xã hội thực dân phong kiến. Mặc dù đồng cảm và khát khao thay đổi số phận cho những người nông dân khốn cùng, những con người dưới đáy xã hội, bị bóc lột, chịu nhiều bất công nhưng cuối cùng tác giả cũng đành bất lực. Kết thúc tác phẩm là sự chấm dứt đột ngột của mối tình Chí – Thị, là cái chết đau đớn của Chí Phèo trong tuyệt vọng, là sự quẩn quanh, bế tắc trong hành trình đổi thay số phận người nông dân của nhà văn.

+ Ở *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài nhìn người lao động miền núi Tây Bắc không phải là nạn nhân của hoàn cảnh mà là những người có khả năng cải tạo hoàn cảnh. Đồng tình với khát vọng đổi thay số phận của họ, quan trọng hơn, Tô Hoài đã chỉ ra con đường tất yếu họ cần phải đi và khẳng định khả năng giác ngộ cách mạng của họ, tin vào khả năng tự giải phóng của họ. Mị và A Phủ đã cùng giải thoát cho nhau, cùng tới Phiêng Sa trở thành du kích.

- Thông qua việc phân tích hai tác phẩm trên, ta thấy giá trị nhân đạo trước và sau năm 1945 vừa thống nhất vừa có những điểm riêng biệt.

+ Điểm chung:

++ Đồng cảm, chia sẻ với những số phận bất hạnh với những số phận chịu nhiều bất hạnh, khổ cực.

++ Tố cáo, lên án những thế lực bạo tàn gây đau khổ cho con người.

++ Trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp, những ước mơ trong sáng giản dị của con người.

+ Điểm khác biệt:

++ Văn học 1930 -1945 coi con người là nạn nhân của hoàn cảnh, nhà văn khao khát đổi thay số phận con người nhưng bất lực (Mở đầu và kết thúc *Chí Phèo* là hình ảnh cái lò gạch cũ: vòng quẩn quanh, bế tắc).

++ Văn học 1945 – 1975: đề cao vai trò của con người, tin vào con người có khả năng cải tạo hiện thực và thay đổi số phận của mình bằng con đường đấu tranh cách mạng.

+ Lí giải nguyên nhân của sự khác biệt:

++ Các nhà văn giai đoạn 1930- 1945 (chủ yếu là các nhà văn hiện thực phê phán) mang ý thức hệ tư sản, tiểu tư sản, hầu hết chưa tham gia cách mạng nên mới chỉ nhìn thấy tác động một chiều của hoàn cảnh đối với con người, nhìn con người và hiện thực khách quan có phần bị quan, bế tắc.

++ Do hạn chế khách quan từ hoàn cảnh lịch sử.

++ Các nhà văn giai đoạn 1945-1975, họ đều là những người chiến sĩ cách mạng, họ trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giác ngộ và thấm nhuần cao độ lí tưởng cộng sản nên có tinh thần lạc quan, thấu suốt tương lai.

c. *Kết luận*

- Cảm hứng nhân đạo là nguồn mạch xuyên suốt tiến trình văn học Việt Nam. Tuy có những điểm gặp gỡ nhưng ở mỗi thời kì do sự chi phối từ hoàn cảnh khách quan và các nhân tố chủ quan khác nên tồn tại những đặc điểm riêng.

- Nhưng chính sự giống nhau và khác nhau đó ở các giai đoạn văn học tạo nên sự phong phú, đa dạng cho nền văn học Việt Nam cả trên bình diện nội dung và tư tưởng. Và *Chí Phèo* của Nam Cao và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài là minh chứng sinh động cho sự đa dạng đó. Với mạch nguồn nhân đạo vững chắc, Nam Cao và Tô Hoài cùng với tác phẩm của hai ông sẽ có sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc.

ĐỀ SỐ 9

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đạo này, dường như ngày càng có nhiều người, nhất là lớp trẻ, khi nói và viết tiếng Việt thường chen tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh. Hồi nước ta còn thuộc Pháp, thói quen dùng chen tiếng Pháp cũng đã khá phổ biến và được gọi là nói “tiếng lai”.

Phải nhận rằng, trong sự phát triển mau lẹ của khoa học và công nghệ, nhất là của tin học và công nghệ thông tin, nhiều thuật ngữ mới ra đời, mà do chưa kịp có từ tương ứng trong tiếng Việt, nên buộc phải dùng thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài khi nói cũng như khi viết.

Song điều đáng nói là, đang có nhiều người cứ thích nói bằng tiếng Anh những từ hoàn toàn có thể diễn đạt được bằng tiếng Việt, và hãnh diện coi đó là thời thượng, là “sành điệu”.

(Theo Trần Đức Nguyên – Trần Việt Phương, *Câu chuyện tiếng lai*,
báo điện tử Vietnamnet ngày 03/03/2007)

Câu 1: Đoạn trích trên nhắc tới hiện tượng nào đang xảy ra trong xã hội?

Câu 2: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau: *Phải nhận rằng, trong sự phát triển mau lẹ của khoa học và công nghệ, nhất là của tin học và công nghệ thông tin, nhiều thuật ngữ mới ra đời, mà do chưa kịp có từ tương ứng trong tiếng Việt, nên buộc phải dùng thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài khi nói cũng như khi viết.* Câu văn vừa phân tích là câu đơn, câu ghép hay câu phức?

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép liên kết trong đoạn trích trên?

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, thể hiện suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của giới trẻ trong việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trong bộ phim *Three Idiots* (Ba chàng ngốc), câu nói cuối phim đọng lại một cách sâu sắc trong lòng mỗi khán giả đó là: *Hãy theo đuổi đam mê, thành công sẽ theo đuổi bạn.*

Anh (chị) hiểu thế nào về câu nói trên? Viết một đoạn văn khoảng 200 từ, bàn về vấn đề theo đuổi đam mê là cách tốt nhất để đi đến thành công.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về nét riêng của hai hồn thơ Nguyễn Bính và Xuân Quỳnh qua việc diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu ở hai đoạn thơ sau:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng?*

(*Tương tư*, Nguyễn Bính, Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục, 2008, tr.55)

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.*

(*Sóng*, Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr.123)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Đoạn trích trên đang nói về một hiện tượng phổ biến trong xã hội ngày nay: hiện tượng nói tiếng bồi/nói nhiều từ nước ngoài chen vào cuộc trò chuyện bằng tiếng mẹ đẻ một cách không cần thiết.

Câu 2:

- Phân tích cấu trúc ngữ pháp:

Trạng ngữ: trong sự phát triển mau lẹ của khoa học và công nghệ

Thành phần phụ chú: nhất là của tin học và công nghệ thông tin

Chủ ngữ 1: nhiều thuật ngữ mới

Vị ngữ 2: ra đời

Chủ ngữ 2: khuyết thiếu (có thể là từ chúng ta)

Vị ngữ 2: chưa kịp có từ tương ứng trong tiếng Việt

Chủ ngữ 3: khuyết thiếu (có thể là từ chúng ta)

Vị ngữ 3: buộc phải dùng thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài khi nói cũng như khi viết

- Câu trên thuộc kiểu câu ghép.

Câu 3: Các phép liên kết trong đoạn trích trên:

- Phép điệp: *tiếng, tiếng Việt, tiếng Anh, nói.*

- Phép liên tưởng: *tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, thuật ngữ, nói, viết...*

- Phép nói: *Phải nhận rằng, Song.*

Câu 4: Học sinh tự triển khai theo suy nghĩ cá nhân, có thể tham khảo một số gợi ý sau:

- Giới trẻ là những người nhạy bén nhất với những cái mới, dễ tiếp thu những thứ cách tân, mới lạ. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa, đối với tiếng nói mẹ đẻ, giới trẻ được tùy ý sáng tạo, bóp méo. Mỗi người trẻ cần phải trang bị cho mình ý thức, sự trân trọng và hiểu biết vốn từ của nước ta.

- Mỗi người trẻ cần cố gắng tận dụng vốn từ phong phú của dân tộc, viết đúng chính âm, chính tả đồng thời, cũng cần làm giàu tiếng Việt bằng cách cập nhật những từ ngữ mới của ngôn ngữ nước ngoài mà tiếng Việt chưa có từ tương đương.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích:** Vai trò của đam mê, khát vọng và ý thức thực hiện những đam mê và khát vọng đó là cách hiệu quả nhất để mỗi người đi đến thành công. Việc tìm đến thành công không có phương hướng, mục đích và những kế hoạch cụ thể thì sẽ không thể đạt được hiệu quả, muốn có được thành công thì con người không quá bận tâm, không quá lo lắng một cách mù quáng mà hơn cả là sự theo đuổi đam mê, theo đuổi ước mơ và dần dần thực hiện những kế hoạch đề ra.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

+ Tại sao thành công thường không đến với những ai theo đuổi đam mê?

++ Mỗi người đều mang trong mình những định hướng, những đam mê trong cuộc đời mình. Những đam mê tạo cho họ động lực làm mọi thứ, động lực vượt qua những khó khăn trở ngại trong cuộc sống, trong mọi công việc để giải quyết chúng một cách dễ dàng. Những người này sống vì đam mê của họ, những thành công họ đạt được sẽ rất đáng giá.

++ Những người không đến với thành công bằng niềm đam mê thường tìm đến thành công như một cuộc đua, họ mong muốn có được thành công một cách nhanh chóng và tiến đến nó một cách vội vàng. Họ không có kế hoạch và sự thực hiện những kế hoạch đó nên con đường đến thành công của họ thường không có định hướng.

+ Để theo đuổi đam mê của mình, con người cần chuẩn bị những hành trang gì?

++ Mỗi người đều có đam mê nhưng vấn đề gìn giữ đam mê và thực hiện đam mê đó mới là điều quan trọng. Những người có đam mê trong cuộc sống sẽ có những động lực rất lớn trong việc tìm đến thành công của họ. Niềm đam mê sẽ tạo cho mỗi con người định hướng đúng đắn về tương lai của họ, về những điều mà họ mong muốn làm được trong tương lai.

++ Để giữ vững và thực hiện đam mê, con người cần không *bận rộn tìm kiếm thành công* mà bỏ qua những giá trị cuộc sống dù là đơn giản nhất, điều này có nghĩa là họ tiến đến thành công một cách chậm rãi, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng. Điều này đem đến việc mỗi người sẽ từng bước đến với thành công. Thành công đến với họ một cách tự nhiên bởi họ đã chuẩn bị sẵn sàng từng bước qua từng kế hoạch.

- **Bài học nhận thức và hành động:** Con người luôn phải ý thức được việc theo đuổi đam mê của mình để hướng đến một thành công trong cuộc sống, không để

thành công định hướng mà quên đi đam mê của bản thân.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Tình yêu là đề tài muôn thuở của thi ca. Nhiều nhà thơ nổi tiếng đã viết về tình yêu với tất cả sự nồng nhiệt của một trái tim tuổi trẻ. Ta bắt gặp một Xuân Diệu nồng nàn, đắm say và khát khao dâng hiến cho tình yêu, một Nguyễn Bính mơ màng tìm về tình yêu đồng nội, một Anh Thơ tha thiết nhưng thẹn thùng cái duyên con gái... hay một Xuân Quỳnh với một tình yêu vừa phong phú, phức tạp, vừa thiết tha sôi nổi của một trái tim phụ nữ dang dáo dạt, dang khao khát yêu đương.

- Nguyễn Bính là nhà thơ lãng mạn trong phong trào Thơ mới 1932 - 1945. Xuân Quỳnh là nữ nhà thơ tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ chống Mỹ. Hai tác giả ở hai thời đại, nhưng có điểm gần gũi: đều là những nhà thơ viết rất hay về đề tài tình yêu. Hai tác phẩm *Tương tư* của Nguyễn Bính và *Sóng* của Xuân Quỳnh, hai bài thơ trải ra những cung bậc đa dạng của nỗi nhớ, tiêu biểu là hai đoạn thơ: "...".

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới (1932 – 1945). Giữa những giọng điệu mới lạ, thơ Nguyễn Bính vẫn giữ được âm hưởng gần gũi với ca dao dân ca, giản dị hồn nhiên mà ngọt ngào, thấm thiết. Đoạn thơ trích trong bài thơ *Tương tư* nói lên tâm trạng khắc khoải chờ mong của một chàng trai đang yêu với tình yêu đơn phương không được đáp đền. Mỗi tương tư ấy được đặt vào khung cảnh nông thôn với dáng dấp một mối tình chân chất như trong ca dao và mang hương vị đồng quê mộc mạc...

+ Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ của chị là tiếng nói nhân hậu, thủy chung, giàu trực cảm và da diết khát vọng hạnh phúc đời thường. *Sóng* là bài thơ được làm năm 1967 nhân chuyến đi thực tế ở biển Diêm Điền. Bài thơ sau đó được in trong tập *Hoa dọc chiến hào*. *Sóng* là bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ tình yêu của Xuân Quỳnh. Đoạn thơ trích trong bài thơ *Sóng* là sự bồi hồi của trái tim người con gái đang yêu, là sự nhớ thương, thao thức của một tâm hồn nhiều nhung nhớ.

- Đoạn thơ trong bài thơ *Tương tư*:

+ Cũng như các nhà thơ lãng mạn cùng thời, Nguyễn Bính say mê với đề tài tình yêu, nhưng tình yêu trong thơ

Nguyễn Bính có một lối nói riêng. "Cái tôi" trong thơ Nguyễn Bính không nổi lên mà tan hòa vào không gian đồng quê bằng biện pháp ẩn dụ, nhân hóa như trong ca dao.

+ Đây là đoạn mở đầu của bài thơ, người con trai đã tình chân thành thú nhận nỗi tương tư đơn phương. Anh có mối quan hệ gắn bó sâu sắc với làng mạc quê hương. Từng lời, từng chữ, cách nói, lối nói mang đậm chất thơ ca dân gian: *thôn Đoài, thôn Đông, một người, chín nhớ mười mong*. Nói chuyện thôn Đoài nhớ thôn Đông là nói chuyện một người đang nhớ một người. Dùng lối diễn đạt ước lệ để giải bày niềm thương nỗi nhớ dâng đầy - giống như trong ca dao:

++ *Nhớ ai bồi hồi bồi hồi*

Như đứng đống lửa như ngồi đống rơm.

++ *Nhớ ai ra ngân vào ngo*

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai.

++ *Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai*

Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ.

Cái khác lạ ở Nguyễn Bính, vận dụng ca dao nhưng rất sáng tạo, nhà thơ đặt niềm thương nỗi nhớ ấy trong cấu trúc điều luyện của riêng mình: *Một người chín nhớ mười mong một người*. Hai từ *một người* được đẩy ra hai điểm nút của câu thơ tạo sự xa cách, trống vắng, cô đơn và giữa hai đầu xa thẳm ấy là cả một trời thương nhớ: *chín nhớ mười mong*. Nỗi tương tư của người con trai được diễn tả thật da diết, mãnh liệt, vô biên tuyệt đích để cuối cùng trở thành bệnh tương tư.

+ Từ nỗi nhớ người yêu luôn thường trực, chấy bông trong lòng, cái tôi trữ tình suy ngẫm, liên tưởng, nhận diện nỗi nhớ. Người ta thường nói nỗi nhớ là sự sống của tình yêu, còn Nguyễn Bính thì quy kết thành bệnh. Cái bệnh kinh niên sinh ra từ tâm lý con người, không ai nói mình yêu mà không nhớ, nhớ mà không yêu. Yêu là nhớ, đó là quy luật. Quy luật của lòng người cũng như quy luật của tự nhiên. Trời đất không thể không có gió mưa, sóng không thể *Không nhớ không thương một kẻ nào* (Xuân Diệu). Một sự thừa nhận thành thật, ý vị khẳng định tính tất yếu của tự nhiên cũng như tâm lý con người.

+ Đoạn thơ sử dụng các hình ảnh sóng đôi: *Đông – Đoài; gió – mưa; tôi – nàng...* tô đậm khát vọng lứa đôi. Sử dụng thể thơ lục bát cùng với các hình thức diễn đạt, cách dùng địa danh quen thuộc của ca dao, dân ca khiến đoạn thơ có vẻ đẹp dung dị, duyên dáng dễ đi vào lòng người. Chất chân quê của hồn thơ Nguyễn Bính được biểu hiện rất tài tình, khiến đọc lên người ta cứ ngỡ ca dao chứ không phải thơ hiện đại, và nhiều người mượn

nó để nói hộ lòng mình. Đó là tiếng tơ đồng điệu và được xem là những câu thơ bất hủ.

- Đoạn thơ trong bài thơ *Sóng*:

+ Hòa cùng những con sóng: sóng thơ, sóng lòng, ta tìm về cõi sâu kín của tâm hồn thi sĩ và cũng là của muôn kiếp “má hồng”. Bài thơ *Sóng* ra đời khi những con sóng lòng dâng lên dữ dội, những con sóng nhớ thương, thao thức của một tâm hồn đang yêu. Cả bài thơ là những đợt sóng nối nhau vỗ vào tâm hồn người đọc. Sóng và nhân vật em đan quện vào nhau để thi thắm những nỗi niềm, những tâm tư. Đây là một khổ thơ vô cùng đặc biệt bởi trong bài thơ chỉ tuy nó có sáu câu. Sáu câu thơ trải dài như nổi thao thức, băn khoăn của tâm hồn thi sĩ trong đêm.

+ Hai câu thơ đầu với hình thức lặp cấu trúc quện hòa cùng nghệ thuật đối “*dưới lòng sâu – trên mặt nước*” tạo nên sự điệp trùng của những con sóng với nhiều dạng thức khác nhau. Có con sóng găm gào trên mặt đại dương nhưng cũng có con sóng cuộn trào trong lòng biển cả. Con sóng ngầm còn mãnh liệt hơn cả con sóng trên mặt nước. Cả hai kết hợp với nhau làm nên sự đa dạng của sóng biển. Sóng là em, em là sóng. Cũng như sóng kia, tâm hồn em cũng vô vàn những phức tạp khó hiểu. Lúc lặng lẽ, êm đềm khi nồng nàn dữ dội, nhưng thế nào đi nữa, em vẫn mãi là em, vẫn mãi ôm trong lòng một nỗi nhớ thương không dứt. Cũng như sóng kia thôi, dù dịu êm hay dữ dội thì sóng vẫn luôn nhớ bờ, và em vẫn luôn nhớ anh.

+ Xuân Quỳnh vô cùng tinh tế khi mượn một hình tượng rất động để diễn tả nỗi niềm của người phụ nữ khi yêu. Sóng muôn đời vẫn thế, có bao giờ thôi vỗ sóng, có khi nào chẳng cồn cào, có khi nào thôi ngừng hành trình đến với bờ dù muôn vời cách trở. Sóng chẳng còn là sóng nếu tĩnh yên, lặng lẽ. Vì vậy mà sóng đã được Xuân Quỳnh diễn tả bằng một từ ngữ rất sáng tạo “*không ngủ được*”. Sóng là vậy, dù lặng yên dưới lòng biển hay dữ dội trên mặt đại dương thì ngàn đời vẫn khát khao tìm về bến bờ tình tại. Chưa đến được bờ thì nhớ thương, thương nhớ thì thao thức một nỗi niềm. Nên con sóng đã hành trình vượt qua không gian bao la và thời gian xa thẳm. Nó bất chấp cả thời gian “*ngày đêm không ngủ được*” để quyết tâm hướng vào bờ cho thỏa nỗi niềm mong nhớ.

+ Và nếu sóng nhớ bờ thì em nhớ anh. Đó âu cũng là quy luật của tình yêu. Xuân Quỳnh dùng chữ “lòng” rất tinh tế. Lòng là nơi sâu kín nhất của tâm hồn con người. Nơi bí mật thâm sâu của tình yêu và nỗi nhớ. Khi Xuân

Quỳnh nói *lòng em nhớ* nghĩa là chị đã phơi bày tất cả gan ruột của mình để dốc hết yêu thương mà gửi về người mình yêu. Nỗi nhớ không chỉ có mặt trong thời gian được ý thức mà còn gắn với tiềm thức – thời gian trong mơ. Vị ngọt ngào mê đắm của tình yêu lan tỏa trong cách nói nghịch lý “*cả trong mơ còn thức*”. Câu thơ “*cả trong mơ còn thức*” lóe lên điểm sáng của nghệ thuật. Nó làm đảo lộn nhịp sống, nỗi nhớ không chỉ làm lòng em “*bồi hồi bồi hồi, như đứng đống lửa như ngồi trong than*” mà nó còn làm cho em nhớ nhung, thao thức ngay cả trong giấc ngủ. Có thể nói, với câu thơ ấy, Xuân Quỳnh đã có thể được xem là thi sĩ tài năng bậc nhất của thơ ca hiện đại Việt Nam.

- Nét tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ:

+ Nét tương đồng:

++ Cùng đề tài về nỗi nhớ - một cảm xúc đặc trưng của tình yêu. Đó là nỗi nhớ của người đang yêu, người sống trọn vẹn trong không gian thương nhớ, vì nhớ mà cứ mặt mình tưởng tượng, một mình thao thức nghĩ suy, thậm chí người kia có biết, có hiểu, có thấu hay không còn chẳng rõ.

++ Đều đặt nhân vật trữ tình trong mối quan hệ với không gian và thời gian để thể hiện trọn vẹn nỗi nhớ ở mức độ lắng sâu, da diết nhất: nỗi nhớ triền miên, đầy ắp trong tâm hồn, nỗi nhớ tràn ra khiến cả không gian xung quanh nhuộm màu nhưng nhớ, nỗi nhớ trải ra, choán đầy cả bề rộng lẫn bề sâu.

++ Đều thể hiện được tác động mạnh mẽ của nỗi nhớ đối với tâm hồn con người: chàng trai trong *Tương tư* bị nỗi nhớ dày vò; trong *Sóng*, nỗi nhớ chiếm trọn cả phần ý thức và vô thức bởi tình yêu đã làm chủ trái tim người con gái.

+ Nét khác biệt:

++ Chủ thể trữ tình:

+++ *Tương tư*: thể hiện nỗi nhớ và gương mặt tình yêu của chàng trai nơi thôn quê dân dã: vừa e dè, kín đáo lại vừa sâu sắc, mãnh liệt, chân thành.

+++ *Sóng*: là tình yêu, là sự thể hiện vẻ đẹp tâm hồn người con gái khi yêu. Trong quá trình biểu hiện gương mặt tình yêu, Xuân Quỳnh đã giải bày nỗi nhớ vừa đạt dào, sôi nổi, vừa đắm thắm, lắng sâu, da diết, thường trực như những con sóng ngoài đại dương.

++ Cách thức biểu hiện:

+++ *Tương tư*: Nguyễn Bính đã xây dựng hình tượng chàng trai nơi thôn dã với nỗi tương tư giăng mắc trong không gian, trải ra trong thời gian, vò xé trong tâm hồn. Nhà thơ đã dựng lên cả một thế giới thôn quê với thôn

Đoài, thôn Đông, ... trong không gian ấy, con người hiện lên như một kẻ đồng bệnh với giới đề nổi tương tư mang tâm vóc vũ trụ. Nếu nổi nhớ được giải tỏa thì hạnh phúc sẽ đến. Nhưng vì không được giải tỏa nên tâm trạng chàng trai rơi vào nỗi dầy vò làm nảy sinh bao trạng thái cảm xúc phức tạp xuyên suốt nỗi nhớ.

+++ *Sóng*: Xuân Quỳnh xây dựng cặp hình tượng sóng – em vừa song hành, sóng đôi lại vừa hòa nhập, thống nhất. Nữ sĩ đã đi từ quy luật của tự nhiên để khẳng định quy luật của tâm hồn: sóng dưới lòng sâu là con sóng ngầm, sóng trên mặt nước là con sóng tự bộc lộ mình trọn vẹn. Song dù ở dạng nào, con sóng vẫn dạt dào, vẫn nhớ bờ, cũng như em biểu hiện ra bên ngoài hay ẩn kín trong tâm tư thì cũng là nhớ đến anh – nghĩ về anh - hướng về anh, thậm chí cả trong mơ còn thức. Con sóng thức là con sóng ở dạng tồn tại, nỗi nhớ anh và tình yêu với anh làm nên ý nghĩa tồn tại của em. Cái sâu sắc, mãnh liệt của nỗi nhớ cũng chính là độ sâu sắc, mãnh liệt của tình yêu.

++ Nghệ thuật:

+++ *Tương tư*: Chọn thể thơ lục bát với âm điệu dầm thắm và kế thừa những hình thức biểu hiện quen thuộc của ca dao như ẩn dụ, hoán dụ, phép điệp, đại từ... Nguyễn Bính đã tạo nên một hình tượng tương tư rất chân quê. Hình ảnh thơ giản dị, gần gũi góp phần tạo nên không gian nghệ thuật thôn dã.

+++ *Sóng*: Nhà thơ xây dựng cặp hình tượng sóng – em vừa song hành, sóng đôi lại vừa hòa nhập, thống nhất; đồng thời chọn thể thơ năm chữ với nhịp ngắn, liền mạch

để chuyển tải dòng cảm xúc dạt dào, âm điệu của khổ thơ là âm điệu của những con sóng lòng nhiều dư ba.

- Đánh giá:

+ *Tương tư* cho thấy hồn thơ Nguyễn Bính mang nét riêng, không lặp lại khi tìm về cội nguồn thơ ca dân gian để thể hiện nỗi nhớ trong tình yêu của chàng trai thôn quê. Đó là chất “quê mùa” đáng yêu của một nhà thơ mới. Đồng thời cũng là sự đóng góp làm nên tên tuổi của Nguyễn Bính trong phong trào Thơ mới 1932 – 1945.

+ *Sóng* là bài thơ giàu giá trị nội dung và nghệ thuật. Thành công của bài thơ là nhờ vào thủ pháp nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, đối lập... nhất là thể thơ ngũ ngôn giàu nhịp điệu. Nhịp điệu của sóng, nhịp điệu của tâm hồn. Tất cả đã làm hiện lên vẻ đẹp rất Xuân Quỳnh giàu trác ẩn suy tư và khát vọng trong tình yêu. Đọc xong bài thơ “Sóng” ta càng ngưỡng mộ hơn những con người phụ nữ Việt Nam, những con người luôn thủy chung, luôn sống hết mình vì một tình yêu. Xuân Quỳnh xứng đáng là một nhà thơ nữ của tình yêu lứa đôi, chị đã làm phong phú hơn cho nền thơ ca nước nhà.

3. Kết bài :

- Tình yêu là tình cảm rất nhân văn của con người, nỗi nhớ là trạng thái cảm xúc đặc trưng, làm nên sắc thái của tình yêu đôi lứa. Thể hiện nỗi nhớ của tình yêu, các nhà thơ đã thể hiện được chất nhân văn, màu sắc văn hóa trong đời sống tâm hồn con người.

- Những đóng góp, khám phá riêng của mỗi nhà thơ góp phần làm phong phú thêm mảng đề tài tình yêu trong thơ ca, khẳng định tài năng của mỗi nhà thơ và sức hấp dẫn lâu bền của mỗi tác phẩm.

ĐỀ SỐ 10

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đi lễ đầu năm là truyền thống lâu đời và trở thành nét đẹp văn hóa trong đời sống tâm linh của người Việt Nam cứ mỗi độ Tết đến Xuân về. Phong tục này đã thấm nhuần vào sâu trong tâm trí của mỗi người dân, để rồi khi không khí Tết ủa về, mọi người lại chuẩn bị sắm sửa lễ quà, cùng gia đình bạn bè, người thân nô nức đến các nơi thờ phụng linh thiêng.

Tục lệ đi đền, chùa, phủ... đầu năm không chỉ thể hiện khát vọng về một cuộc hạnh phúc, no đủ mà đây còn là dịp để người dân Việt tìm về với cội nguồn dân tộc. Cổ lễ trong từng nhịp thờ của tiết Xuân, chúng ta lại cảm nhận được sự giao hòa của trời đất. Sự linh thiêng của những bức tượng Phật, mùi hương trầm lan tỏa, hương hoa ướt đầm mưa Xuân, mùi của đất mới hòa trong sắc màu rực rỡ của đèn, hoa... tất cả quyện vào nhau tạo nên một không gian thanh tịnh, để lại trong lòng người sự thanh thản và bình yên. Sau một năm cố gắng hết mình vì công việc, chìm trong những bộn bề lo toan của cuộc sống hàng ngày thì đây là thời khắc mọi người dân Việt được lắng lòng lại, một lòng hướng về nơi linh thiêng, cầu nguyện một cuộc sống sung túc đủ đầy hơn cho năm sau.

(Phương Anh, *Đi lễ đầu năm – Nét đẹp văn hóa tâm linh của người Việt*, tạp chí Quê Hương, số 3/2015)

Câu 1: Đoạn trích trên nhắc đến tục lệ đẹp nào của dân tộc Việt ta?

Câu 2: Giá trị, ý nghĩa của tục lệ được tác giả miêu tả như thế nào?

Câu 3: Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu sau: *Sự linh thiêng của những bức tượng Phật, mùi hương trầm lan tỏa, hương hoa ướt đầm mưa Xuân, mùi của đất mới hòa trong sắc màu rực rỡ của đèn, hoa... tất cả quyện vào nhau tạo nên một không gian thanh tịnh, để lại trong lòng người sự thanh thản và bình yên.*

Câu 4: Theo anh (chị), mỗi người dân cần có ý thức như thế nào trong việc lưu giữ, bảo tồn văn hóa Việt?

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Khi trời đẹp hãy chuẩn bị cho thời tiết xấu. (Thomas Fuller).

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của sự chủ động, chuẩn bị trước những tình huống xấu của cuộc sống.

Câu 2 (5 điểm): Cùng tái hiện vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận mỗi nhà thơ lại có cách khám phá thể hiện riêng. Trong bài *Tây Tiến*, Quang Dũng viết:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá, dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”.*

Trong *Việt Bắc*, Tố Hữu viết:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.*

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Đoạn trích nhắc đến tập tục đi lễ chùa đầu năm của dân tộc ta.

Câu 2: Đoạn trích miêu tả tục lệ đi lễ đầu năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với dân tộc ta như sau:

- Phong tục này đã thấm nhuần vào tâm trí của người Việt

- Thể hiện khát vọng về một cuộc sống hạnh phúc
- Là thời điểm để mỗi người lắng đọng tâm hồn sau một năm cố gắng hết mình vì công việc

Câu 3: Câu văn được phân tích cấu trúc như sau:

Thành phần phụ chú: *Sự linh thiêng của những bức tượng Phật, mùi hương trầm lan tỏa, hương hoa ướp dầm mưa Xuân, mùi của đất mới hòa trong sắc màu rực rỡ của đèn, hoa...*

Chủ ngữ: *tất cả*

Vị ngữ: *quyện vào nhau tạo nên một không gian thanh tịnh, để lại trong lòng người sự thanh thản và bình yên.*

Lưu ý cho điểm: Có thể chấp nhận đáp án cho rằng thành phần phụ chú là chủ ngữ của câu văn trên.

Câu 4: Đối với câu hỏi này, học sinh trả lời theo ý hiểu của bản thân mình, dưới đây là một số gợi ý cơ bản:

Mỗi người dân cần có ý thức bảo tồn văn hóa Việt như sau:

- Giữ gìn những nét đẹp cổ truyền
- Hiểu được ý nghĩa của những hoạt động truyền thống của dân tộc để phát huy chúng một cách tích cực nhất
- Tuyên truyền, bảo vệ những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc nếu nó có nguy cơ bị mai một.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích.*
- + *Giải thích từ ngữ:*
- ++ *Thời tiết đẹp:* Ý nói những hoàn cảnh thuận lợi, những điều kiện thuận lợi để thực hiện một công việc gì đó.

++ *Thời tiết xấu:* Ý nói những hoàn cảnh khó khăn, bất lợi trước mắt có thể xảy ra.

++ *Hãy chuẩn bị:* Thể hiện sự cần thiết của việc chủ động trước bất cứ hoàn cảnh nào.

+ Ý kiến khẳng định để đạt được một việc nào đó, con người phải có cái nhìn thấu suốt không chỉ hiện tại mà còn cả tương lai, hướng đến một lối sống biết chừng mực, không quá vui với kết quả trước mắt mà quên nghĩ đến tương lai có thể xảy ra những điều khó khăn... Cái nhìn thấu suốt đó hướng con người đến một lối sống biết chủ động trước hoàn cảnh, chuẩn bị trước những giải pháp cho điều khó khăn có thể xảy ra.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Sự chuẩn bị, lường trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống được thể hiện như thế nào?

++ Một người biết chủ động lường trước những tình huống xấu có thể xảy ra là những người chuẩn bị những điều kiện, những cơ sở để đối phó với những điều không thể lường trước được. Họ không chủ quan trước những thuận lợi đã có từ trước mà luôn luôn đề phòng bằng những khả năng của mình.

++ Dù hiện tại có kết quả như thế nào đi chăng nữa, những người chủ động là những người suy nghĩ điều xảy ra ở hiện tại có thể không đúng với tương lai.

+ Tại sao cần phải chủ động trước mọi tình huống của cuộc sống?

++ Cuộc sống là thiên biến vạn hóa, không thể lường trước được điều gì có thể xảy ra trong tương lai. Nếu chúng ta chủ quan, dựa vào kết quả của hiện tại mà không nghĩ đến việc tương lai có thể thay đổi thì sớm muộn gì cuộc sống cũng đưa ra những sự cố mà mỗi người không thể lường trước được.

++ Để cuộc sống không gặp phải những tình huống khó khăn, bất trắc cần phải có sự chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần.

++ Muốn nắm bắt những cơ hội trong cuộc sống và không bỏ lỡ những dịp quan trọng thì mỗi người cần tạo cho mình những cơ hội một cách chủ động trong tương lai.

++ *Dẫn chứng:* Adam Khoo, tác giả cuốn sách *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* nhờ đổi mới phương pháp học tập mà từ một học sinh kém đã thành học sinh giỏi, là một trong những sinh viên xuất sắc của Singapore, trở thành triệu phú khi chỉ mới 26 tuổi. Đó là một biểu hiện cho sự chủ động, sự đổi mới trên cơ sở những gì ý thức về thực tại học tập của mình để thay đổi trong tương

lai. Không ý lại vào những gì của hiện tại mà anh luôn luôn chủ động thay đổi để tương lai được tốt đẹp hơn.

+ Mở rộng, phân đề: Sự chuẩn bị và chủ động trước mọi hoàn cảnh, không quá lệ thuộc vào những điều xảy ra ở hiện tại mà quên việc chuẩn bị cho tương lai không có nghĩa là lúc nào cũng lo âu, suy tính đến những điều chưa xảy ra một cách không có căn cứ.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Cuộc sống là những biến đổi xoay vần không ngừng, đó là lí do con người cần phải chủ động trong mọi việc để ứng biến với mỗi biến động của cuộc sống. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là con người quá lo lắng vào tương lai để kìm nén bản thân và phức tạp hóa cuộc sống của họ.

+ Bài học nhận thức, hành động của bản thân

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Trong cuộc đời ai cũng có ít nhất một niềm thương nỗi nhớ. Có lẽ vì thế mà nỗi nhớ đã trở thành đề tài quen thuộc được các nhà văn, nhà thơ ưu ái nói đến. Nếu như trong *Tây Tiến*, Quang Dũng nhớ da diết thiên nhiên và con người miền Tây thì đến với *Việt Bắc*, nhà thơ không chỉ nhớ về con người và thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng, nhớ về những ngày tháng kháng chiến gian khổ, hào hùng mà hơn thế nữa là những dấu ấn tươi nguyên về những ngày chiến thắng. Trong rất nhiều nỗi nhớ đó nổi bật lên là những kỉ ức của Quang Dũng và Tố Hữu về hình ảnh những đoàn quân ra mặt trận. Và điều đó được thể hiện rõ nhất qua hai đoạn thơ sau:

“*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

Quân xanh màu lá, dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”.

Và:

“*Những đường Việt Bắc của ta*

Đêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.

2. Thân bài

- Khái quát về tác giả, tác phẩm:

+ *Tây Tiến* – Quang Dũng

++ Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, ngoài viết văn, làm thơ, ông còn vẽ tranh, soạn nhạc. Và ở bất kì một lĩnh vực nào, Quang Dũng cũng để lại những dấu ấn đặc sắc cho nền nghệ thuật của chúng ta. Riêng ở lĩnh vực thơ ca, ông không chỉ là thi sĩ mà còn là thi nhân, sống

hết mình cho thơ bằng cách tài hoa, lãng mạn. Những vần thơ của Quang Dũng có sức gợi rất sâu sắc với người đọc, nhất là thơ tình.

++ *Tây Tiến* được sáng tác năm 1948, in trong tập *Mây đầu ô* (1986), là tác phẩm tiêu biểu cho đời thơ của Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ. *Tây Tiến* là tên của một đơn vị bộ đội thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào để bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao sinh lực địch. Địa bàn hoạt động của người lính *Tây Tiến* rất rộng, đó là núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng rất thơ mộng, trữ tình. Chiến sĩ *Tây Tiến* ra đi năm ấy phần đông là thanh niên Hà Nội, là những học sinh, sinh viên trí thức như Quang Dũng. Họ chiến đấu trong hoàn cảnh khắc nghiệt, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn nhưng họ vẫn lạc quan, thể hiện được vẻ đẹp hào hùng, hào hoa của tuổi trẻ. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị mang theo nỗi nhớ tha thiết, một ngày ở Phù Lưu Chanh, nhớ về đơn vị cũ của mình, tâm hồn Quang Dũng đã rung lên và cứ thế nỗi nhớ về thiên nhiên và con người cứ trào ra và kết tinh lại thành *Tây Tiến*. Thi phẩm bộc lộ nỗi nhớ sâu sắc của nhân vật trữ tình đối với miền Tây Bắc và đoàn binh *Tây Tiến*, thông qua đó khắc họa chân dung người lính *Tây Tiến* bi tráng và hào hoa.

+ *Việt Bắc* – Tố Hữu

++ Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Mỗi thời kì lịch sử, Tố Hữu lại để lại dấu ấn riêng mang đậm hồn thơ trữ tình chính trị, như: *Từ Ấy*, *Việt Bắc*, *Gió lộng*, *Ra trận*, *Máu và hoa*... Trong đó, *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu nói riêng và thơ ca chống Pháp nói chung. Cảm xúc bao trùm bài thơ là hoài niệm về một địa danh lịch sử biết bao gắn bó nghĩa tình. Trong hoài niệm ấy, sâu đậm nhất là nỗi nhớ cảnh, nhớ người, nhớ về những năm tháng gian nan mà hào hùng.

++ *Việt Bắc* là địa danh cách mạng gắn liền với cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam (1945 – 1954). Địa danh được thành lập vào năm 1946 do yêu cầu của kháng chiến, Đảng và Bác Hồ phải rời Thủ đô Hà Nội để hoạt động và củng cố lực lượng ở khu vực rừng núi phía Đông Bắc, gồm: Cao – Bắc – Lạng – Thái – Hà – Tuyên. Từ đó trở đi, *Việt Bắc* được coi là thủ đô cách mạng và trong thơ ca nó được gọi là “thủ đô gió ngàn”.

+++ Tháng 7/ 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, cuộc kháng chiến chống Pháp của chúng ta đã thành công, thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng.

Đây là cơ sở quan trọng để Đảng và cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội, để củng cố và phát triển đất nước.

+++ Tháng 10/ 1954, Đảng và Chính phủ đã dời chiến khu Việt Bắc để về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Từ sự kiện lịch sử trọng đại này, Tố Hữu đã viết lên bài thơ Việt Bắc để ca ngợi tình cảm gắn bó quân dân sâu nặng giữa nhân dân và cách mạng.

- Phân tích đoạn thơ: *"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc... Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*

+ Hai câu thơ đầu, Quang Dũng khắc họa vẻ đẹp bi tráng của người lính:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.*

++ "Bi" là đau thương, "Tráng" là hùng tráng, hào hùng. Bi tráng có nghĩa là trong gian khổ, đau thương vẫn hào hùng, lắm liệt. Đầu tiên đó là cái bi thương gợi lên từ ngoại hình ốm yếu, tiêu tụy, đầu trọc, da dẻ xanh như màu lá. Đoàn quân trông thật khác lạ: "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc".

++ Trong thủ pháp tả thực, tác giả dùng cảm đối diện với thực tại của chiến tranh. Đó là con đường hành quân gian khổ, là những căn bệnh sốt rét rừng vì các anh sống ở nơi rừng sâu, nước độc làm cho người chiến binh Tây Tiến ốm yếu, bệnh tật, làm các anh xanh da, rụng tóc. Bằng cái nhìn lãng mạn, sự tếu táo của lính tráng thì điểm yếu của họ trở thành nét đẹp riêng mang thương hiệu của người chiến binh Tây Tiến, đó là đoàn quân "Vệ trọc".

++ Bằng thủ pháp nghệ thuật đảo ngữ, Quang Dũng đã nhấn mạnh riêng vào vẻ đẹp riêng của những người chiến binh. Đoàn binh Tây Tiến là những người không mọc tóc, là quân xanh màu lá. Cũng là hình ảnh người chiến binh bi bệnh tật làm rụng tóc, xanh da nhưng thông qua cách miêu tả của tác giả thì điều đó lại không trở nên đáng sợ bởi họ ở tư thế chủ động là không mọc tóc, xanh da để "dữ oai hùm".

++ Những con sốt rét rừng, những gian khổ mà người chiến binh phải vượt qua không chỉ xuất hiện trong thơ Quang Dũng mà còn để lại dấu ấn đau thương trong thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung:

*Tôi với anh biết từng con ớn lạnh
Sốt run người vùi trần ấm mồ hôi.*

(*Đồng chí* – Chính Hữu)

Hay

*Cuộc đời gió bụi pha xương máu
Đói rét bao lần xé thịt da
Khướn mặt đã lên màu bệnh tật*

*Đâu còn tươi nữa những ngày hoa!
Lòng tôi xao xuyên tình thương xót
Muốn viết bài thơ thấm lệ nhòa
Tặng những anh tôi từng rõ máu
Dem thân xơ xác giữ sơn hà.*

(*Lên Cám Sơn* – Thôi Hữu)

++ Bên cạnh cái bi ta còn thấy cái hào hùng: thủ pháp nghệ thuật đối lập giữa ngoại hình ốm yếu và tâm hồn bên trong đã làm nên khí chất mạnh mẽ của người lính. "Không mọc tóc" là cách nói ngang tàng rất lính, hóm hỉnh vui đùa với khó khăn gian khổ của người lính. Mặt khác cái hào hùng còn hiện lên qua cách dùng từ Hán Việt "đoàn binh". Chữ "đoàn binh" chứ không phải là đoàn quân đã gợi lên được sự mạnh mẽ, hùng dũng lạ thường, trong đó có dáng dấp của "Quần đi điệp điệp trùng trùng" trong thơ Tố Hữu, của "Tam quân tì hổ khí thôn ngưu" (Sức mạnh ba quân nuốt trôi trâu) trong thơ Phạm Ngũ Lão. Ba từ "dữ oai hùm" gợi lên dáng vẻ oai phong lắm liệt, oai của chúa sơn lâm. Qua đó, ta thấy người lính Tây Tiến vẫn mạnh mẽ làm chủ tình hình, làm chủ núi rừng, chế ngự mọi khắc nghiệt xung quanh, đập bằng mọi khó khăn gian khổ.

+ Hai câu thơ tiếp theo là vẻ đẹp của tâm hồn của những chàng trai Hà Nội lãng mạn, hào hoa:

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

++ "Mắt trừng" gợi nhiều liên tưởng: mắt trừng là mắt mở to nhìn thẳng về phía kẻ thù với chí khí mạnh mẽ, quyết liệt, thề sống chết với kẻ thù. Nhưng đôi mắt trừng ấy còn "gửi mộng qua biên giới" là đôi mắt chan chứa tình, đôi mắt thao thức nhớ về quê hương Hà Nội, về một dáng kiều thơm trong mộng trong mơ. Với ý nghĩa đó ta thấy, người lính Tây Tiến không chỉ biết cảm sung cảm gươm theo tiếng gọi của non sông mà còn rất hào hoa, giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động, nhớ nhung về vẻ đẹp của Hà Nội: đó có thể là phố cũ, trường xưa, những con đường mùa thu thơm lừng hoa sữa hay chính xác hơn là nhớ về một dáng kiều thơm, bóng dáng của những người bạn gái Hà Nội yêu kiều, diễm lệ. Có một thời người ta đã phiến diện hiểu rằng câu thơ này mang mộng tiêu tư sản quá nhiều làm giảm đi chất chiến đấu. Nhưng thời gian đã chứng minh rằng đó là một vẻ đẹp của tấm lòng luôn hướng về Tổ quốc, hướng về Thủ đô. Người lính dẫu ở nơi biên cương hay viễn xứ xa xôi nhưng lòng lúc nào cũng hướng về Hà Nội, về quê hương.

++ Thơ ca kháng chiến chống pháp cũng đã khắc họa bao gương mặt nổi nhớ như thế. Đó là nỗi nhớ ruộng đồng “*Ba năm rồi gửi lại mái lều tranh/ Luống cày đất dõ/ Tiếng mõ đêm trường/ Ít nhiều người vợ trẻ / Mòn chân trên cối gạo canh khuya*” (Hồng Nguyên). Đó là nỗi nhớ “giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” (Chính Hữu). Mỗi gương mặt nổi nhớ ấy là lính nông dân hay lính thành thị thì nỗi nhớ ấy cũng là nỗi nhớ của những tâm hồn luôn hướng về đất nước, Tổ quốc, quê hương.

- Phân tích đoạn thơ: “Những đường Việt Bắc của ta... Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan”.

+ Nhà thơ đã tập trung thể hiện không khí hào hùng trong cuộc kháng chiến của quân ta. Theo dòng hồi tưởng, Tố Hữu đã đưa người đọc trở về khung cảnh chiến đấu ở Việt Bắc với không gian núi rừng rộng lớn, với những hoạt động tấp nập, những hình ảnh, âm thanh sôi nổi, dồn dập làm náo nức lòng người. Ánh sáng cách mạng đã xua tan màn đêm, vẽ u ám, hiu hắt của núi rừng đồng thời khơi dậy sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên và con người Việt Bắc. Đoạn thơ mang dáng vẻ của một khan sử thi hiện đại, tràn đầy âm hưởng anh hùng ca. Giọng điệu dịu dặt, du dương ở đoạn thơ trước đến đây đã chuyển thành giọng điệu dồn dập, rắn rỏi và phấn khích.

+ Trước hết đó là ấn tượng chân thực và sinh động về khung cảnh chiến khu Việt Bắc với khí thế tiến công hào hùng của đoàn quân:

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung.

++ Câu thơ vang lên rất đỗi tự hào. Đó là niềm tự hào về những con đường Việt Bắc. “Những đường Việt Bắc” đó là những con đường rất thực, rất cụ thể như tác giả từng viết:

Ta đi giữa ban ngày

Trên đường cái, ung dung ta bước

Đường ta rộng thênh thang tám thước

Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên

Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên

Đường cách mạng, dài theo kháng chiến...

++ Chỉ với hai câu thơ trên, tác giả đã khái quát lên bức tranh toàn cảnh của đoàn quân. Hai từ “của ta” thể hiện quyền tự hào, tự chủ của đất nước và tự hào hơn nữa là những con đường kháng chiến, những con đường “Đêm đêm rầm rập như là đất rung”. Trong câu thơ ta bắt gặp từ láy “đêm đêm”. Từ láy ấy gợi không gian và thời gian, thời điểm hành quân của những người lính. Nó gợi tả cái khó khăn, gian khổ của đoàn quân. Thời gian

kéo dài không chỉ còn là một đêm cụ thể mà có biết bao nhiêu đêm như thế, chính điều đó đã tô đậm những khó khăn, vất vả mà người lính gặp phải. Trong thơ ca kháng chiến, cũng có nhiều cuộc hành quân ban đêm như thế:

Những đêm dài hành quân nung nấu

Bóng bốn chồn nhớ mắt người yêu

(*Đất nước*, Nguyễn Đình Thi).

++ Trong đời sống hằng ngày, đêm xuống là lúc vạn vật chìm trong giấc ngủ, là thời điểm nghỉ ngơi của con người sau một ngày dài mệt nhọc. Thế nhưng trong chiến tranh, đêm đến là thời điểm chiến đấu, hành quân với khí thế âm vang “rầm rập” của những bước chân người lính. Nó diễn tả sức mạnh của đoàn quân, là sức mạnh của số đông và cũng là sức mạnh của tinh thần chiến đấu. Những bước chân chuyển động “như là đất rung” thể hiện tác động của con người tới thiên nhiên, dường như sức mạnh của con người làm thiên nhiên rung chuyển. Biện pháp cường điệu hóa được sử dụng đã nêu bật được sức mạnh của đoàn quân, sự quyết tâm của đoàn quân đạp bằng mọi chông gai, thử thách, tiêu diệt kẻ thù bảo vệ nền độc lập, tự do. Như vậy, qua không gian rộng lớn, thời gian đằng đẵng và khí thế hào hùng ở Việt Bắc, có thể thấy rõ cuộc kháng chiến chống Pháp là trường kì, là gian khổ nhưng dân tộc Việt Nam bằng tinh thần yêu nước, đấu tranh quật cường đã vững vàng, kiên định trong gian khổ, chung sức đồng lòng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

+ Hai câu thơ tiếp theo miêu tả cụ thể hình ảnh bộ đội ta hành quân ra trận:

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.

++ Đó là một hình ảnh vừa hào hùng, vừa lãng mạn. Từ láy “điệp điệp trùng trùng” khắc họa đoàn quân đông đảo, bước đi mạnh mẽ như những đợt sóng dâng trào, đợt này nối tiếp đợt kia tưởng chừng kéo dài vô tận. Qua đó, ta thấy được sức mạnh và khí thế của quân ta trong kháng chiến chống Pháp.

++ Từ cái nhìn viễn cảnh, tác giả chuyển sang cái nhìn cận cảnh, từ những nét vẽ trải ra theo chiều rộng, có những nét vẽ theo chiều cao qua đó làm hiện lên vẻ đẹp bình dị của người chiến sĩ. Vẻ đẹp đó hiện ra qua hình ảnh chiếc mũ nan và hình ảnh cây súng. Đó là những hình ảnh quen thuộc. Tố Hữu đã tôn lên vẻ đẹp của những người lính khi nhìn và cảm nhận hình ảnh “Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan”. Trong những đêm dài hành quân chiến đấu ấy, ở mỗi đầu súng của người lính ngồi ngồi “ánh sao”.

++Hình ảnh “ánh sao” vừa mang nghĩa tả thực lại vừa mang nghĩa biểu tượng. Trước hết, đó là hình ảnh tả thực, ánh sáng của những ngôi sao làm cho không gian sáng sủa hơn, làm cho hình ảnh những người lính hiện ra rõ ràng hơn, đẹp hơn, là hình ảnh của thiên nhiên hiền dịu. Thiên nhiên đó có sự giao hòa, hòa quyện với con người, vì thế mà thiên nhiên làm đẹp cho con người. Ngoài ra, “ánh sao” còn mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng cách mạng soi đường dẫn lối cho người chiến sĩ chiến đấu chống kẻ thù bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc. Với ý nghĩa đó khiến ta liên tưởng tới hình ảnh “đầu súng trăng treo” trong *Đồng chí* của Chính Hữu. Nhưng nếu ánh trăng trong *Đồng chí* là hình ảnh biểu tượng cho khát vọng hòa bình, cho vẻ đẹp yên ả của quê hương thì ánh sao của bài thơ này là biểu tượng của lí tưởng, của niềm lạc quan chiến thắng trong tâm hồn người lính ra trận.

++ Bộ ba hình ảnh: “ánh sao”, “đầu súng”, “mũ nan” hợp thành một hình tượng khòe khoắn, vững chãi về mặt tạo hình, phản ánh tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến cũng như tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chiến thắng tất yếu của quân dân ta.

- Nét tương đồng:

+ Cả hai bài thơ đều viết trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

+ Đề sử dụng bút pháp sử thi, lãng mạn để miêu tả đoàn quân, đặc biệt là cảm hứng lãng mạn được các nhà thơ khai thác triệt để.

- Điểm khác biệt:

+ Người lính trong thơ Quang Dũng có cái đẹp vừa bi vừa hùng, vừa kiêu hùng, bi tráng vừa lãng mạn hào hoa mang chất lính tiểu tư sản không trộn lẫn. Còn Tố Hữu chủ yếu miêu tả cái đẹp toàn thể, hướng tới số đông.

Tâm vóc của câu thơ lãng mạn đầy hình ảnh người lính chống Pháp sánh ngang với vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ.

+ Quang Dũng viết bài thơ *Tây Tiến* trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp do đó hình ảnh người lính hiện lên với nhiều khó khăn, gian khổ, đói cơm, sốt rét đến xanh da, rụng tóc nhưng không vì thế mà mất đi chất thép vốn có của người lính, rất “dữ oai hùng” nhưng vẫn đổi mơ mộng chất Hà thành. Qua đó ta thấy hồn thơ Quang Dũng thiên về miêu tả những cái phi thường trong những hoàn cảnh rất phi thường.

... + Thi phẩm *Việt Bắc* được Tố Hữu viết sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Dù có gian khổ, hi sinh, có bị rạn, lưu luyến khi chia ray nhưng cũng là chia tay trong chiến thắng, trong khúc khai hoàn. Mặt khác, nét trữ tình chính trị thấm đẫm trong hồn thơ Tố Hữu nên ngòi bút của tác giả thiên về xu hướng ngợi ca, biểu dương nên hình ảnh thơ bay bổng, tự hào. Hình ảnh đoàn quân ra trận trong *Việt Bắc* vì thế mà mang tâm vóc lớn lao, kì vĩ của “Bốn mươi thế kỉ cùng ra trận”.

c. Kết luận

- Tóm lại, cùng miêu tả vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận nhưng do xuất phát từ cảm hứng miêu tả khác nhau của các nhà thơ nên hành trình đó rất khác nhau. Chính vì thế mà hình ảnh người lính thời chống Pháp hiện lên trong hai đoạn thơ vừa có nét chung, lại vừa có những nét riêng độc đáo. Cũng từ nét riêng đó làm nổi bật tâm vóc con người Việt Nam trong kháng chiến, kiêu hùng, bất khuất. Năm tháng rồi cũng qua đi, mọi cuộc chiến tranh rồi sẽ kết thúc nhưng những bản anh hùng ca về người lính đã anh dũng chiến đấu vì nền hòa bình, độc lập của dân tộc sẽ không bao giờ phai mờ trong trái tim độc giả nhiều thế hệ.

ĐỀ SỐ 11

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.*

(2) *Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp. Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người "nghe" và chỉ nghe thôi. Tuy vậy lời bình phẩm của họ có phần chắc không phải chỉ là một lời khen xã giao. Những nhân chứng có đủ thẩm quyền hơn về mặt này cũng không hiếm. Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng "đẹp" và "rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ".*

(Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*, trong *Tuyển tập Đặng Thai Mai*, Tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1984).

Câu 1: Chọn ra câu chủ đề của đoạn trích trên? .

Câu 2: Đoạn trích trên được viết bằng phương thức biểu đạt nào? .

Câu 3: Đoạn (2) có những phép liên kết nào? Nêu tác dụng của các phép liên kết đó trong việc thể hiện nội dung chủ đạo của đoạn văn. .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) về việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt của bộ phận giới trẻ hiện nay.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

"Người mình cũng ít công nhận tài năng của nhau. Không chịu thừa nhận trên đời, có những con người, tạo hoá cho họ khả năng hơn, và dĩ nhiên họ sẽ thành công hơn. Nhà văn Châu Á ít ai đọc tác phẩm của người khác, chỉ say sưa đọc đi đọc lại văn mình. Nhà báo hay vài người biết viết lách cũng vậy, không ai đọc ai, nên đề tài viết ngày càng teo tóp, bó hẹp, tư tưởng càng ngày càng bảo thủ. Nếu có thì ráng moi móc chê bai nhau cho được, dù chỉ là một lỗi nhỏ xíu".

(Tony Buổi sáng – nguồn <https://www.facebook.com/TonyBuoisang>)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về căn bệnh đố kỵ được đề cập đến trong đoạn trích trên.

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Ở Tnú không có vấn đề nhận đường, tìm đường như nhân vật A Phủ. Câu chuyện về Tnú được mở ra từ chính chỗ A Phủ dần khép lại.*

Anh/chị hãy so sánh hai nhân vật A Phủ (*Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài) và nhân vật Tnú (*Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành) để thấy được những phẩm chất mới mẻ ở Tnú.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Học sinh trả lời chính xác câu chủ đề của đoạn trích là: *Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.*

Câu 2: Đoạn trích được viết bằng phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Đoạn trích đã đưa ra những biểu hiện cụ thể và sinh động để chứng tỏ vẻ đẹp của tiếng Việt. Điều này thể hiện rõ đặc điểm của phép lập luận trong văn nghị luận.

Câu 3: Các Phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích (2) là:

- Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về ngôn ngữ như *tiếng Việt, tiếng nói, tiếng ta, nghe, câu kéo, tục ngữ,...*

- Phép nói: sử dụng các từ như *tuy vậy, lại, do đó, ...*

- Phép thế: “phương diện này” được dùng để thay thế “phương tiện trao đổi tình cảm ý nghĩ giữa người với người”...

Giá trị của các phép liên kết là: Liên kết các câu trong đoạn khi hướng về một chủ đề duy nhất là làm sáng tỏ vẻ đẹp và cái hay của tiếng Việt, góp phần làm tăng tính thuyết phục cho lập luận của đoạn văn.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Một bộ phận giới trẻ hiện nay không có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt bằng cách sử dụng những từ ngữ, kí tự lạ chưa được chính thức đưa vào sử dụng trong tiếng mẹ đẻ.

- Mặt khác, phần lớn giới trẻ vẫn biết dùng tiếng mẹ đẻ đúng cách, luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của nó.

- Là một người con của đất Việt, cần phải biết sử dụng tiếng mẹ đẻ sao cho đúng, cho hay.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: Tác giả của đoạn trích đã đề cập đến một căn bệnh trầm kha trong xã hội ta hiện nay: căn bệnh đố kỵ.

Thái độ đố kỵ là tỏ ra khó chịu khi thấy người khác được hơn mình. Nếu không phải là người có tâm trong sáng, lúc đó tâm đố kỵ sẽ xuất hiện. Sự nguy hiểm của tính đố kỵ chính là ở chỗ ác tâm, mang lòng thù ghét, thậm chí nghĩ ra cách làm hại người khác để thỏa mãn thù hận của mình.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Thực trạng của lòng đố kỵ xã hội hiện nay:

Có một căn bệnh đang phổ biến trong xã hội hiện nay, đó là căn bệnh đố kỵ. Biểu hiện của lòng đố kỵ rất phong phú, nhưng tựu chung lại, nó là cảm giác bực bội, tức tối khi thấy người khác hơn mình. Khi đi học, đó là ghen ghét với người học giỏi hơn mình. Tại cơ quan, đó là cảm giác khó chịu với người giỏi chuyên môn, được tín nhiệm, đạt nhiều danh hiệu cao quý hơn mình. Trong đời sống, đó là sự tức tối khi thấy người này, người kia có ngôi nhà, chiếc xe đẹp hơn, hay đơn giản là tấm áo, tấm quần sang trọng hơn...

+ Nguyên nhân của người có thói đố kỵ là do thiếu tự tin, mặc cảm, tự ti mà lại sẵn lòng tự cao, tự đại. Có thể còn do lối sống cô độc, ít giao tiếp và thói quen hay chỉ trích, đá kích người khác. Một số do cuộc sống thiếu tình cảm hoặc thường xuyên gặp thất bại trong cuộc sống

+ Tác hại của tính đố kỵ:

++ Người có tính ganh ghét, đố kỵ bao giờ cũng căng thẳng về tinh thần, tổn hại về sức khỏe. Họ sẽ bị chứng bệnh “stress” hành hạ. Là một người có tính đố kỵ sẽ có rất ít thời gian để nhận ra và hưởng thụ nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống.

++ Sự ganh ghét, đố kỵ phá hoại mối quan hệ giữa người với người. Vì ganh ghét, đố kỵ mà hòa khí bị rạn nứt, đổ vỡ, sức mạnh đoàn kết và sự hợp tác của tập thể bị tổn thương.

++ Lòng ganh ghét, đố kỵ còn cản trở con người phát triển tài năng. Trong một tập thể chỉ cần phàn nàn phát chút lòng ganh ghét, đố kỵ là nội bộ lung lay, mất đoàn kết, mọi người không sao sống thân thiện, thoải mái, chân tình với nhau, nhân tài sẽ không có môi trường thuận lợi để phát huy tác dụng.

+ Dẫn chứng: học sinh có thể đưa dẫn chứng đan xen vào các luận điểm. Dưới đây là một vài dẫn chứng minh họa:

- Bình luận:

+ Lòng đố kỵ là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không

chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.

+ Hãy tập cạnh tranh một cách lành mạnh, chính đáng.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài được viết trong thời kì chống Pháp và *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành được viết trong thời kì chống Mĩ, nhưng cả hai tác phẩm đều đề cập đến số phận người nông dân miền núi bị áp bức dưới ách thống trị của bọn thực dân, đế quốc, tiêu biểu là nhân vật A Phủ và Tnú.

- Có ý kiến cho rằng: ở Tnú không có vấn đề tìm đường, nhận đường như nhân vật A Phủ. Câu chuyện về Tnú được mở ra từ chính chỗ A Phủ dần khép lại. Điều đó có nghĩa Tnú là thế hệ nối tiếp, đi sau sẽ có những bước phát triển và phẩm chất mới mẻ hơn so với thế hệ đàn anh – A Phủ.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Hai tác giả với hai tác phẩm:

++ *Vợ chồng A Phủ* là một truyện ngắn được rút ra từ tập *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài viết vào năm 1953 ngay sau chuyến thâm nhập thực tế của tác giả. Truyện đã được tặng giải Nhất của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Đây là truyện ngắn đặc sắc nhất của Tô Hoài nói riêng và của văn xuôi chống Pháp nói chung, tác phẩm là một bức tranh chân thực về cuộc sống và thân phận khổ đau của những người nông dân nghèo miền núi dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, đồng thời là bài ca về phẩm chất, sức sống, khát vọng tự do của con người lao động miền núi, là hình ảnh con đường giải phóng và sự đổi đời của họ. Tiêu biểu cho những con người ấy là A Phủ.

++ Mỗi nhà văn thường có một vùng đất riêng, với Nguyễn Trung Thành đó là Tây Nguyên. Ông đã có rất nhiều những tác phẩm viết về mảng đề tài này, đặc biệt là hình ảnh của những con người bất khuất, kiên cường nơi núi rừng Tây Nguyên. Một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sáng tác của Nguyễn Trung Thành là truyện ngắn *Rừng xà nu*. Tác phẩm là câu chuyện về dân làng Xô Man trong kháng chiến chống Mĩ. Trong số những con người hiên ngang bất khuất của làng Xô Man nổi bật lên là hình ảnh Tnú. Câu chuyện về cuộc đời anh đã được tái hiện cụ thể qua lời kể của già làng bên bếp lửa nhà ưng.

+ Giải thích vấn đề tìm đường, nhận đường:

++ Tìm đường, nhận đường là vấn đề nhận thức về lý tưởng - mục đích cao cả nhất của cuộc sống.

++ Nhân vật A Phủ của Tô Hoài được coi là nhân vật đang trên con đường đi tìm lý tưởng và nhận thức lý tưởng. Còn nhân vật Tnú đã có lý tưởng ngay từ khi anh còn nhỏ.

- Điểm giống nhau của hai nhân vật:

+ Điều sinh ra từ những vùng cao xa xôi, hẻo lánh.

+ Điều mồ côi, lớn lên đều là những chàng trai khỏe mạnh, cường tráng. A Phủ được ví như con trâu tốt trong làng, Tnú được ví như cây xà nu cường tráng bất chấp đạn bom, vươn thẳng lên đón ánh sáng mặt trời.

+ Cả Tnú và A Phủ đều sớm có phẩm chất dũng mãnh, căm thù cái ác, sự bất công và đi theo cách mạng.

- Điểm khác nhau của hai nhân vật:

+ Nhân vật A Phủ:

++ Lai lịch, số phận: tác giả cho A Phủ xuất hiện khá đột ngột trong một hoàn cảnh là cuộc đánh nhau với A Sừ, bị bắt bị đánh đập tàn nhẫn ở nhà thống lý Pá Tra rồi mới kể về lai lịch của nhân vật. Đó là một người nghèo khổ đã mất hết cả cha mẹ và anh em trong một trận dịch đậu mùa khủng khiếp, đã phải sống kiếp bơ vơ khi còn rất nhỏ và người làng đời bụng đã bắt A Phủ đưa xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. Không cam chịu cuộc sống khốn khổ, mới mười tuổi đầu, A Phủ đã tự khẳng định tính cách gan góc, một mình kiếm sống, học hỏi đủ thứ nghề: *biết đục lưỡi cày, cày giỏi và đi săn bò tót rất táo bạo*. Khi lớn lên, A Phủ chẳng những hiền lành, lao động giỏi mà còn có sức khỏe hơn người: *công việc làm, hay đi săn, cái gì cũng làm phẳng phẳng*.

++ Vượt lên trên hoàn cảnh khắc nghiệt, A Phủ vẫn sống một đời sống tâm hồn phóng khoáng, hồn nhiên, yêu đời, yêu chính nghĩa, tự tin của tuổi trẻ: *đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù chẳng có quần áo mới như trai làng khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, kèn, con quay và của người Dao đi tìm người yêu ở các làng trong rừng*. Vì vậy, A Phủ đã trở thành niềm mơ ước của biết bao cô gái Mèo. Họ khao nhau *đưa nào được A Phủ cũng bằng có được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu*.

++ Tính cách của A Phủ rất đặc biệt, gan góc, có ý thức phản kháng mỗi khi không chịu nổi điều gì, tiêu biểu là việc đánh lại A Sừ con quan. Chính từ sự việc này, anh bị thống lý Pá Tra bắt về đánh đập tàn nhẫn và phải trả giá bằng cả cuộc đời làm nô lệ cho nhà thống lý. Là đứa con của núi rừng tự do mà A Phủ vẫn không sao

thoát khỏi kiếp sống nô lệ. Bị đày đọa triển miên ở nhà thống lý Pá Tra khiến anh phải cam chịu kiếp sống bị khinh rẻ, bị ngược đãi và những công việc nặng nhọc, nguy hiểm như cày ruộng, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn ngựa quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò bãi, nương rừng nhưng vẫn cá tính gan góc và tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Anh bị thống lý trói đứng vào cột vì để hổ bắt mất một con bò. Nhưng với khát vọng sống mãnh liệt, bản chất gan góc, bất khuất sẵn có, anh không van xin, không cầu cứu, cũng không cam chịu chết mà tìm mọi cách tự giải thoát: *Đêm đến, A Phù cúi xuống nhay đứt hai đầu dây, nhích dần dây trói một bên tay và khi được Mị cứu, anh quật sức vùng chạy thoát.* Cuộc giải thoát ấy chính là ý thức làm người, là tinh thần phản kháng của A Phù.

++ Có cá tính mạnh mẽ như vậy nhưng vì sao A Phù vẫn phải tập tễnh đi giết lợn phục dịch những kẻ vừa hành hạ mình? Vì sao anh vẫn phải nghe lời thống lý tự đi lấy cọc, đóng cọc, lấy dây để hãm trói mình? Vì sao một mình rong ruổi cùng đàn trâu, đàn ngựa ngoài rừng mà không chạy trốn? Đó là vì thói quen cam chịu, cam phận của người nông dân trên các vùng núi cao, khi ánh sáng của Đảng chưa vươn tới. Họ sống như trong đêm tối không biết đường ra, không ai chỉ đường vạch lối. Để đến khi cái chết cận kề, họ mới biết dựa vào nhau để giành giật lấy sự sống.

Tô Hoài rất biện chứng trong hai mặt đối lập của nhân vật và chỉ ra cho người đọc thấy đó là bước tìm đường, nhận đường của A Phù để sau này sang Phiêng Sa gặp A Châu (con người của Đảng), anh được giác ngộ và sẵn sàng cầm súng trở thành du kích quay về giải phóng quê hương.

+ Nhân vật Tnú:

++ Khác với nhân vật A Phù, câu chuyện cuộc đời Tnú được mở ra từ chính câu chuyện về A Phù được khép lại. Tnú mồ côi nhưng được sống trong vòng tay yêu thương đùm bọc của dân làng Xô Man, được gắn cán bộ cách mạng là anh Quyết. Cả buôn làng Xô Man đều là những người có lòng trung thành với cách mạng trong những thời điểm khốc liệt nhất, kẻ thù khủng bố gay gắt nhất, cả làng vẫn thay nhau đi nuôi giấu cán bộ, vẫn tin tưởng ở Đảng và cách mạng. Tnú có những điều kiện mà các nhân vật anh hùng miền sơn cước trước đó chưa có, hay chỉ có khi đã trải qua vô vàn đau khổ, gian truân. Vì thế, ở Tnú không còn là nhân vật tìm đường, nhận đường nữa, anh đã có những điều kiện thuận lợi và phẩm chất mới mẻ, vượt xa so với A Phù.

++ Tính cách của Tnú bộc lộ ngay từ khi còn nhỏ, Tnú là con người gan góc, dũng cảm, mưu trí, táo bạo và đặc biệt trung thành với cách mạng. Từ nhỏ, Tnú đã tham gia tiếp tế, nuôi giấu cán bộ là anh Quyết. Học chữ thì Tnú hay quên nhưng đi rừng thì nó rất sáng dạ. *Tnú xé rừng mà đi, lựa chỗ thác mạnh mà bơi.* Khi bị giặc bắt, Tnú nuốt thư vào bụng, bị tra tấn Tnú nhất định không khai, giặc hỏi cộng sản ở đâu, Tnú chỉ tay vào bụng. Làm liên lạc, Tnú thông minh, nhanh nhẹn và dũng cảm, anh hội tụ đầy đủ phẩm chất của một chú bé liên lạc với quyết tâm lớn lên sẽ thay thế anh Quyết làm cách mạng. Tnú là hình ảnh của thiếu niên Việt Nam anh hùng, là hình ảnh của chú bé Lượm trong bài thơ của Tố Hữu, luôn hoàn thành tốt nghĩa phụ liên lạc, anh dũng. Đó là những đặc điểm cần thiết để tạo nên hình tượng người cách mạng Tnú trưởng thành có tính kiêu hãnh cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng sau này.

+ Tnú là người yêu thương, gắn bó với buôn làng, là đứa con của làng Xô Man. Khi đi bộ đội về thăm làng một đêm, *Tnú xúc động để cho vôi nước của làng mình giội lên khắp người như ngày trước.* Lòng anh trong như con suối, anh yêu làng, yêu nước, gan góc, dũng cảm, mưu trí, không sợ hi sinh, trung thành tuyệt đối với cách mạng. Phẩm chất đẹp đẽ này đã được minh chứng qua thời gian và các sự kiện: Tnú cùng Mai đi tiếp tế cho cán bộ, làm giao liên rồi bị bắt, bị tra tấn và tù đày... Khi vượt ngục trở về, Tnú đã thành chàng trai hoàn hảo, rắn chắc, cao lớn, đẹp đẽ như cây xà nu cường tráng nhất khu rừng, như tráng sĩ Đăm Săn, Xinh Nhã thuở xưa, lãnh đạo dân làng kháng chiến.

++ Tnú có một trái tim yêu thương và sự căm thù giặc, anh sống rất nghĩa tình và luôn mang trong mình ba mối thù lớn: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng. Khi vượt ngục về làng, Tnú mang trong mình sức mạnh của lòng căm thù và ý chí của những năm tháng được rèn luyện trong tù rồi anh có gia đình và hạnh phúc với vợ con. Giặc về làng tra tấn vợ con anh. Tnú tận mắt chứng kiến cảnh kẻ thù đánh đập vợ con: *Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai... Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng hét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bật... Tnú quay lại... Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn.* Anh bứt đứt hàng chục quả vả, mắt anh thành ngọn lửa, lửa căm thù bùng cháy dữ dội, anh lao ra xông vào giữa bọn giặc nhưng chỉ với hai bàn tay không, Tnú không thể cứu sống vợ con. Kẻ thù dùng nhựa xà nu đốt mười ngón tay Tnú hòng tiêu diệt ý chí

của anh nhưng chúng không thể đốt được lòng dũng cảm và sự kiên cường *Tnú không thêm, không thêm kêu van...* . Bọn giặc tra tấn anh bằng chính khối nhựa của buôn làng, mười ngón tay Tnú thành mười ngọn đuốc căm thù, ngọn lửa kêu gọi đấu tranh cách mạng.

Cuộc đời bi tráng và con đường đến với cách mạng của Tnú là điển hình cho con đường sống và đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại, phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng và cũng là con đường duy nhất.

- Đánh giá:

+ Tnú - người anh hùng mà cụ Mết kể trong cái đêm dài ấy có những phẩm chất thật đáng quý. Anh may mắn hơn so với thế hệ đàn anh của mình như anh hùng núp và A Phủ, không còn phải sống kiếp tôi đòi cam phận, cam chịu và được thừa hưởng phong trào cách mạng từ cuộc kháng chiến chống pháp của dân tộc. Nhưng:

Lớp cha trước, lớp con sau

Đã thành đồng chí chung câu quân hành.

Tất cả các anh đều là những con người ưu tú của núi rừng Tây Bắc, Tây Nguyên trong các cuộc đấu tranh vệ quốc, mang trong mình chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam, mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ tiếp nối.

+ Trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã rất thấu hiểu nỗi khổ của người dân miền núi, từ đó thấy được sự thức tỉnh, sự vùng dậy của họ, trước hết là thoát khỏi dây trói của cường quyền và thần quyền. Quá trình giác ngộ cách mạng của A Phủ tiêu biểu cho con đường

đến với Đảng, đến với cách mạng của đồng bào các dân tộc ít người ở miền núi Tây Bắc. Tô Hoài khi tái hiện bức tranh hiện thực với những nét bản chất của nó, không thể không miêu tả quá trình vận động mang tính quy luật của cuộc sống. Đây cũng là giá trị nhân đạo và tiến bộ của *Vợ chồng A Phủ*.

+ Xây dựng thành công nhân vật Tnú, nhà văn đã khắc họa được hình ảnh tiêu biểu của con người mang đậm dòng máu, tính cách của núi rừng Tây Nguyên. Và qua hình tượng Tnú, Nguyễn Trung Thành còn gọi ra được số phận và phẩm chất của cả cộng đồng trong cuộc chiến đấu bảo vệ buôn làng thân yêu. Đó là tình cảm gắn bó thiết tha sâu nặng với quê hương đất nước, với núi rừng Tây Nguyên, là lòng căm thù giặc sâu sắc, một lòng một dạ đi theo cách mạng, không ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh, tin tưởng tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng.

3. Kết bài :

- Qua sự so sánh hai nhân vật A Phủ trong tác phẩm của Tô Hoài và Tnú trong tác phẩm của Nguyễn Trung Thành, thấy được sự khép lại câu chuyện của A Phủ là sự mở ra câu chuyện của Tnú. Từ đó thấy được sự vận động, phát triển của thế hệ sau trong cuộc kháng chiến mang đậm chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc so với thế hệ trước.

- Khẳng định tài năng xây dựng hình tượng nhân vật sắc sảo, đậm giá trị nhân văn của Tô Hoài và Nguyễn Trung Thành. Chính tài năng nghệ thuật cũng như tấm lòng của nhà văn đã khiến cho nhân vật có sức sống trường tồn và hấp dẫn trong lòng độc giả.

ĐỀ SỐ 12

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bạn khắp năm châu và giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

(Hồ Chí Minh, *Di chúc*, in trong *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia)

Câu 1: Chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên. .

Câu 2: Tác giả của đoạn trích hướng bài viết đến những đối tượng nào? Tại sao anh (chị) nhận ra điều đó? .

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép liên kết trong đoạn trích trên? .

Câu 4: Tương lai mà Hồ Chí Minh dự đoán trong di chúc thể hiện vẻ đẹp nào của Người? Trong khoảng 5 - 7 dòng, thể hiện suy nghĩ của anh (chị) về nét đẹp đó. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trong bức thư của một du học sinh Nhật bản về “văn hóa Việt” có đoạn:

“Thật đáng tự hào vì Việt Nam có 4000 năm văn hiến. Thật xấu hổ nếu 4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường”.

Là một người Việt trẻ tuổi, anh/chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/ chị về chi tiết “bát cháo hành” (*Chí Phèo* - Nam Cao) và chi tiết “nồi cháo cám” (*Vợ nhặt* - Kim Lân) để thấy được giá trị của những chi tiết nghệ thuật này.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích là lời khẳng định chắc chắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thắng lợi hoàn toàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và mong muốn, dự định của Người vào ngày trọng đại khi dân tộc ta giành chiến thắng. .

Câu 2: Đoạn trích hướng tới đối tượng là toàn thể nhân dân Việt Nam, các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và bạn bè khắp năm châu, những nước luôn ủng hộ và sát cánh với nước Việt Nam ta.

Người đọc nhận ra điều đó vì Người đã nhắc đến các đối tượng này trong bài viết của mình, bài viết không hề gài đến riêng một đối tượng nào. Cụ thể các từ trong

đoạn trích thể hiện điều đó là: *để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước bạn khắp năm châu đã giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.*

Đối với ý hỏi thứ hai, học sinh có thể trả lời như sau thì vẫn cho điểm tối đa: Vì nội dung của bài viết nhằm tuyên bố những dự định của Hồ Chí Minh tới tất cả những đối tượng trên nên người đọc nhận ra những đối tượng mà Người hướng tới trong bài viết. .

Câu 3: Các phép liên kết:

- Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về nhân dân: *đồng bào, cán bộ, chiến sĩ anh hùng, cụ phụ lão...*

- Phép thế: “đó” dùng để thay thế cho “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”

- Phép nối: “kể theo đó” .

Giá trị của phép liên kết: Hướng nội dung của đoạn trích đến chủ đề là lời dự đoán của Bác về chiến thắng của dân tộc ta. .

Câu 4: Học sinh triển khai thành đoạn trong khoảng 5 -7 dòng viết về vẻ đẹp của Bác, đó có thể là vẻ đẹp của lòng lạc quan, vẻ đẹp của lòng yêu nước sâu sắc, tùy học sinh cảm nhận. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích ý kiến*

Tự hào: là sự hạnh diện, tự tin về điều gì đó, **4000 năm văn hiến:** là quá trình lịch sử dài lâu, gắn liền với công cuộc dựng nước và giữ nước, tạo nên những truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp của dân tộc. **Xấu hổ:** cảm giác hổ thẹn vì lỗi lầm hoặc sự kém cỏi, không xứng đáng. **4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường:** chỉ sự tương phản đầy nghịch lý, nhấn mạnh những truyền thống văn hoá lâu đời tốt đẹp chỉ là lý thuyết đóng khung trong sử sách, còn thực tế đời sống không chứng minh cho truyền thống văn hoá lâu đời đó.

Ý cả câu là một lời cảnh tỉnh đối với mỗi người Việt Nam: *không nên ngủ quên trong quá khứ và hãnh diện về truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc mà cần để truyền thống văn hoá tốt đẹp đó thể hiện trong thực tế cuộc sống hằng ngày.*

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ *Vì sao nói “thật đáng tự hào vì Việt Nam có 4000 năm văn hiến”?*

Trong suốt 4000 năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần, hình

thành bản sắc văn hoá của dân tộc với những nét tốt đẹp, biểu hiện phong phú ở nhiều lĩnh vực của đời sống.

+ *Vì sao nói “Thật xấu hổ nếu 4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường”?*

++Vì 4000 năm văn hiến là nền tảng, hành trang quý báu, nhưng nó hoàn toàn là thành tựu của quá khứ. Không thể chỉ tự hào về những điều trong sử sách, vì văn hoá của một dân tộc cần biểu hiện thành những điều cụ thể trong cuộc sống hiện tại.

++Thực tế hiện nay đáng cảnh báo vì sự xuống cấp của những giá trị văn hoá trong lối sống, VD: truyền thống nhân đạo, tương thân tương ái ngàn xưa đang đứng trước nguy cơ bị đẩy lùi bởi thói vô cảm và chủ nghĩa cá nhân; truyền thống trọng tình nghĩa mai một trước chủ nghĩa thực dụng và toan tính...

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Ý kiến trên có tác dụng nhắc nhở, cảnh tỉnh mỗi người Việt Nam nhìn lại chính mình, để biết trân trọng quá khứ của cha ông đồng thời có ý thức gìn giữ và phát triển những truyền thống văn hoá tốt đẹp trong hiện tại.

+ Tuy nhiên, sẽ là phiến diện nếu không ghi nhận những tấm gương nỗ lực để bảo vệ và phát huy truyền thống đó trong đời sống.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Đề tài người nông dân đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều thể hệ nhà văn, nhà thơ. Viết về đề tài người nông dân không thể không kể đến hai tác giả lớn là Nam Cao với *Chi Phèo* và Kim Lân với *Vợ nhặt*.

- Mỗi tác phẩm có một sự khám phá về hình tượng người nông dân, bộc lộ tư tưởng mà các nhà văn muốn gửi gắm. Khám phá người nông dân Việt Nam, hai nhà văn đã khám phá những điều nhỏ bé, hạnh phúc đời thường. Ở *Chi Phèo* là sự phát hiện bản chất lương thiện ở người nông dân vốn đã “bị tha hóa”. Ở *Vợ nhặt* là niềm tin, tình yêu thương con người giữa nạn đói và cái chết. Đặc biệt, ở cả hai tác phẩm đều có những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, là bước ngoặt trong đời sống tinh thần của nhân vật. Chi tiết “*bát cháo hành*” trong truyện ngắn *Chi Phèo* và chi tiết “*nồi cháo cám*” trong truyện ngắn *Vợ nhặt* là hai chi tiết đặc sắc như vậy.

2. Thân bài

- Khái quát về tác phẩm

Chi Phèo (1939) là truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Truyện ngắn kết tinh

những tìm tòi, khám phá của nhà văn từ hình tượng người nông dân, bộc lộ tư tưởng nhân đạo thống thiết của tác giả. Trong tác phẩm, Nam Cao đã khá thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật Chí Phèo sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở khi hẩn tỉnh rượu, suy ngẫm về cuộc đời. Cuộc gặp gỡ đó đã thức tỉnh Chí, khiến Chí từ một “con quỷ dữ của làng Vũ Đại” trở lại thành người nông dân lương thiện khát khao cuộc sống con người mãnh liệt cho dù phải chết.

Vợ nhặt là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về nông thôn Việt Nam trước Cách mạng khi mà cái đói cái chết đang rình rập. Truyện được in trong tập *Con chó xấu xí* (1962). Qua *Vợ nhặt* Kim Lân đã tái hiện hình ảnh của người nông dân lao động nghèo trong đời sống xã hội chênh vênh cực nhọc. Thế nhưng, khác với Nam Cao, khác với người nông dân bị tha hóa, bị ruồng bỏ gay gắt, bị hủy hoại về cả nhân hình lẫn nhân tính, người nông dân trong sáng tác của Kim Lân là những con người bình dị ở những làng quê bình dị nhưng phải chịu cảnh cái đói hành hạ, cái chết rình rập. Nhưng trong cái cảnh khốn cùng ấy, ở những người nông dân như Tràng, như bà cụ Tứ, như thị vẫn sáng lên tình yêu thương dành cho nhau. Đặc biệt truyện ngắn là sự phát hiện những chi tiết đặc sắc.

Chi tiết là những tình tiết nhỏ nhặt, thậm chí là vụn vặt có thể bị bỏ qua, nhưng những chi tiết đó đều có tác động lớn đến diễn biến tâm lí và số phận của nhân vật. Nếu tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân đánh thức sức sống tiềm tàng đã ngủ quên trong người Mị để Mị biết phản kháng, biết đấu tranh cho hạnh phúc của mình (*Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài) thì bát cháo hành của Thị Nở là chi tiết quan trọng, đánh thức khao khát muốn làm người lương thiện trong Chí Phèo. Bên cạnh đó, chi tiết “nồi cháo cám” trong bữa ăn ngày đói của gia đình Tràng lại là hình ảnh về một hiện thực khốc liệt của đói nghèo và chết chóc. Hai chi tiết đó đều là phát hiện quan trọng của Nam Cao và Kim Lân.

- Chi tiết bát cháo hành.

+ Chi tiết bát cháo hành được Nam Cao miêu tả là bát cháo hành do Thị Nở mang đến giải rượu cho Chí Phèo. Đêm hôm trước, trong cơn say, Chí gặp Thị và giữa hẩn và thị đã có một đêm bên nhau. Sáng hôm sau, biết Chí Phèo bị thổ một trận thừa sống thiếu chết, thị đã nghĩ ngay đến việc cho hẩn cháo hành “*ra được mồ hôi thì nhẹ người ngay đó mà*”, nghĩ là làm sáng thị chạy ngay đi tìm gạo, hành thì may ra nhà thị còn.

+ Nam Cao miêu tả nguồn gốc bát cháo hành rất kĩ càng, trước hết đó là liều thuốc giải rượu, sau cùng đó là bát cháo của tình yêu thương, của lòng người ấm áp. “*Bát cháo hành*” là tượng trưng cho tình yêu của hai con người bị đặt ra ngoài lề của xã hội, Chí thì là “*con quỷ dữ làng Vũ Đại*”, thị Nở lại là “*người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn*” hơn nữa lại “*dở hơi*”, “*nhà lại có má hủi*”. Hai con người khốn khổ đó đã bị xã hội làng Vũ Đại từ chối, không chấp nhận đặt họ trong xã hội lương thiện của con người. Nam Cao với việc khắc họa chi tiết này, ông xứng đáng là nhà văn của chủ nghĩa nhân đạo, khi đã phát hiện ra tình yêu giữa hai con người dị hợm, và miêu tả tình yêu đó với mọi cung bậc tình cảm, giống như những tình yêu khác.

+ Ngoài ra “*bát cháo hành*” còn tượng trưng cho tình cảm đồng loại, cho tình thương mà con người dành cho nhau khiến người ta tưởng rằng cái cách thị đối xử với Chí như là mẹ đối xử với con, như là chị chăm sóc em. Quả thật, nếu thị Nở với bát cháo hành đánh thức niềm khát khao làm người lương thiện của Chí, thì Chí đã đánh thức bản năng của người phụ nữ nằm trong con người dị hợm, xấu xí như thị. Hai con người khốn khổ ấy đã tìm thấy nhau, đã khơi dậy cho nhau những niềm khát khao về một cuộc sống bình thường.

+ Chi tiết đó được miêu tả qua dòng suy nghĩ của nhân vật thị Nở “*Tiếng vợ chồng thấy ngưỡng ngưỡng mà thỉnh thích*”. Đó là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chẳng. Hay sự khoái lạc về xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

+ “*Bát cháo hành*” của thị đã tác động rất lớn đến tâm lí, nhận thức của Chí Phèo. Nếu trước khi thị bước vào, hẩn đã có những cảm nhận về cuộc sống xung quanh, về âm thanh của cuộc sống lương thiện, rồi những âm thanh đó đánh thức suy nghĩ về một giấc mơ xa xôi trong quá khứ của hẩn, khiến hẩn bùng tình nhận thức được tương lại với tuổi già, đói rét và cô độc, thì bây giờ, sau khi được “*người đàn bà cho*” bát cháo hành, hẩn “*ngạc nhiên*” bởi từ trước đến nay chưa có ai cho không hẩn cái gì, tất cả đều là hẩn phải cướp giật, dọa nạt mới có được. Sau đó là hàng loạt những cảm xúc ở Chí Phèo: bàng khuâng, vừa vui lại vừa buồn, vừa như là ăn năn, hối hận. Chí đã thấy được tình yêu thương trong bát cháo hành và cả tình thương giữa những con người, mở ra nhiều lối đi trong cuộc đời hẩn. Dù rằng lối đi đó rất mờ hồ nhưng hẩn cũng lờ mờ cảm nhận được, đánh dấu sự thức tỉnh dần dần của Chí Phèo. Bản tính lương thiện của

Chí không biến mất hoàn toàn mà chỉ bị che lấp đi. Giống như một đốm sáng nhỏ nhoi trong cuộc đời tăm tối. Bản tính đó vẫn tồn tại trong sâu thẳm trái tim Chí Phèo mà “bát cháo hành” của thị Nở đã đánh thức bản tính vốn đã bị che lấp từ lâu ấy. Hẳn thèm lương thiện, hẳn muốn trở thành người lương thiện biết bao. Tất cả những khát khao đó của Chí đều đặt cả vào Thị Nở. Thị sẽ là người mở đường cho hắn, thị đã chung sống được với hắn tại sao mọi người lại không thể. Đối với Chí, Thị không chỉ là người yêu mà thị còn là cây cầu nối hắn với thế giới người lương thiện mà bấy lâu nay hắn bị đặt ra ngoài.

+ “*Bát cháo hành*” đã gợi cho Chí nhiều suy nghĩ, nhiều khát khao, đầu tiên là khát khao được chung sống với Thị Nở. Chí Phèo ước mơ “Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ” câu nói đó thể hiện niềm mong ước nhỏ nhoi của Chí: ốm thì được ăn cháo hành, ốm thì có người chăm sóc. Đó là ước muốn bình dị, nhưng xa vời với người nông dân khổ khổ này. Mơ hồ cảm thấy điều ấy nên Chí nói với thị bằng một tâm trạng phấp phồng lo lắng “*Hay là mình sang đây ở chung với tớ một nhà cho vui*”. Lời tỏ tình bình dị của Chí Phèo nhưng chứa đựng niềm khát khao có một gia đình nhỏ nhỏ, mơ ước từ cái thuở xa xưa của anh canh điền hiền lành có chồng có vợ, có con, có cháu.

Tiểu kết:

- Chi tiết “bát cháo hành” là sự phát hiện tinh tế của nhà văn Nam Cao. Qua đó nhà văn muốn khẳng định phẩm chất tốt đẹp của con người. Đối với Nam Cao bản chất tốt đẹp của người nông dân không bao giờ mất đi, Chí Phèo sau khi gặp thị Nở, nhận được tình yêu thương từ thị thông qua bát cháo hành, hẳn đã khát khao được trở lại cuộc sống lương thiện. Và khi sự khát khao lương thiện đã trở lại thì nó sẽ không mất đi, cho dù người nông dân có phải trả giá bằng cái chết để bảo vệ điều đó.

- Cuối truyện, Chí Phèo bị Thị Nở cự tuyệt, những lời lẽ của bà cô thị cũng là định kiến của xã hội. Chí đã bị gạt ra khỏi xã hội thì hẳn không thể nào trở về nữa. Nhưng không chấp nhận kiếp sống của con quỷ dữ, Chí Phèo đã cầm dao đâm chết Bá Kiến rồi tự sát. Cái chết của Chí Phèo khiến người đọc chúng ta cứ băn khoăn mãi: Lối thoát nào cho người nông dân khổ khổ này. Cho đến lúc chết, hắn vẫn cứ thấy thoảng hương cháo hành- hương vị của cuộc sống lương thiện.

- Chi tiết “nồi cháo cám”:

+ Chi tiết “nồi cháo cám” là chi tiết xuất hiện ở phần gần cuối của truyện ngắn *Vợ nhặt*. Chi tiết được nhà văn

miêu tả trong bữa cơm đầu tiên khi người vợ nhặt về làm dâu.

+ Trở lại với truyện *Vợ nhặt*, câu chuyện là bức tranh ngày đói tàn tạ xơ xác của nông thôn Việt Nam trước cách mạng. Anh cu Tràng là anh phu xe cục mịch, xấu xí và ế vợ. Nhưng trong những ngày đói kém, tình cờ anh “nhặt” được vợ. Người đàn bà theo không anh về là người đàn bà xa lạ, không tên, không quê quán. Chi với bốn bát bánh đúc và câu hò vu vơ, Thị đã theo về làm vợ Tràng. Cái đói đã hủy hoại nhân hình của thị, biến thị thành người đàn bà gầy khô, quần áo rách “như tờ diêm”, cái đói cũng hủy hoại luôn cả nhân cách của con người, khiến thị bỏ qua sĩ diện của một người con gái theo không về làm vợ người đàn ông xa lạ. Qua ngòi bút miêu tả của Kim Lân, số phận con người hiện lên thật rẻ rúng, nhỏ nhoi. Trong cái đói, thị lấy Tràng để có nơi bầu vùi, để chạy trốn cái chết đang rình rập. Nhưng không, gia cảnh Tràng cũng nghèo đói, khó khăn không kém. Thị nhìn gia cảnh ấy và “thờ dài”. Cái thờ dài của thị là sự chấp nhận làm hòa với số phận. Thị lấy Tràng để chạy trốn cái đói, nhưng cũng không thể trốn được. Nhưng bù lại, thị được Tràng và bà cụ Tứ hết lòng đón nhận, hết lòng yêu thương. Sau một ngày về làm vợ Tràng, thị đã trở lại là một người phụ nữ nết na, hiền thực, không còn cái vẻ chao chát, chông lòn như khi Tràng gặp thị ngoài chợ nữa. Sáng hôm sau, trong bữa cơm đầu tiên khi thị về làm vợ Tràng được nhà văn Kim Lân miêu tả thật thâm hại “chỉ có độc một cái mẹt chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo”... bữa cơm trôi qua trong vui vẻ, nhưng chỉ một loáng là hết sạch. “Nồi cháo cám” được bà cụ Tứ chuẩn bị rồi mang lên cho con trai và con dâu ăn.

+ Nếu chi tiết “bát cháo hành” là biểu trưng cho tình yêu thương của thị Nở dành cho Chí thì “nồi cháo cám” cũng là biểu trưng cho tình yêu thương của bà cụ Tứ dành cho các con. Trong ngày đói kém, tình yêu thương của người mẹ già ấy hiện lên thật đáng thương. “Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bung lên một cái nồi nghi ngút”, “vừa khuấy vừa cười”... Hình ảnh của người mẹ nông dân dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn Kim Lân hiện lên thật xót xa. Nhưng ở đây nhà văn đã rất tinh ý khi miêu tả phản ứng của các nhân vật khi ăn “cháo cám”. Cô con dâu mới được nhà văn miêu tả “Hai con mắt thị tối lại”, “thị điềm nhiên và vào miệng”.

+ Có thể nói Kim Lân là nhà văn thấu hiểu tâm lí người nông dân rất sâu sắc. Cái “tối mắt lại” của người vợ nhặt là chi tiết miêu tả hiện thực đói kém và chết chóc.

Thị lấy Tràng để chạy trốn cái chết, nhưng cuối cùng cái chết cái đói lại vẫn không buông tha thị. Như thái độ của thị lại “điềm nhiên và vào miệng” tức là thị chấp nhận. Chấp nhận gắn bó với gia đình này, chấp nhận thỏa hiệp với cuộc sống đói nghèo, thỏa hiệp với cái chết. Hiện thực cay đắng đối khổ len lỏi vào trong tâm tư của từng người. Hiện thực ấy xua tan đi những ảo vọng về tương lai mà mẹ con bà cụ Tứ vừa mới vẽ lên “ Khi nào có tiền ta mua mấy đôi gà... ngoảnh đi ngoảnh lại chớ mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem”.

+ Hiện thực của đói nghèo hiện diện ngay trong “nồi cháo cám”: “Tràng-nhăn mặt, chun mũi” “miếng cám đắng chát nghẹn bứ trong cổ”, không khí gia đình vui vẻ đã biến mất, bữa cơm không ai nói với ai câu gì... có một nỗi tủi hờn len lỏi vào trong tâm trí họ.

Tiểu kết

- Bằng việc phát hiện và miêu tả chi tiết “nồi cháo cám”, Kim Lân đã lên tiếng tố cáo hiện thực đen tối đương thời. Nạn đói và cái chết luôn rình rập cuộc sống của người nông dân. Nhưng đằng sau đó cũng lấp lánh niềm tin, tình yêu thương của nhà văn vào con người, rằng Tràng, thị, bà cụ Tứ, họ sẽ đổi đời, sẽ có một cuộc sống tương lai tươi sáng hơn, Chi tiết “lá cờ đỏ bay phấp phới” trong suy nghĩ của Tràng là chi tiết thể hiện niềm tin đó.

- Điểm gặp gỡ giữa hai chi tiết:

+ Hai chi tiết “bát cháo hành” và “nồi cháo cám” đều là phát hiện tinh tế và giàu sức gợi của nhà văn.

+ “Bát cháo hành” của Thị Nở và “nồi cháo cám” của bà cụ Tứ tuy đơn giản về vật chất nhưng chứa đựng tình cảm yêu thương lớn lao vô bờ.

+ Có giá trị thức tỉnh và niềm tin vào vào tương lai, cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Phơi bày hiện thực xã hội đen tối, khổ cực và và lên tiếng tố cáo xã hội nông thôn Việt Nam thối nát đương thời, xã hội mà bóp nghẹt người nông dân, không cho họ con đường trở về lương thiện (*Chí Phèo*), xã hội mà cái đói cái chết luôn lẩn khuất rình rập (*Vợ nhặt*).

+ Nhưng trên hết, qua hai chi tiết đó, nhà văn muốn khẳng định niềm tin vào tình yêu thương của con người và sự đổi thay xã hội.

- Điểm riêng biệt:

+ “Bát cháo hành” là hiện thân cho tình yêu thương cùng cảnh ngộ giữa hai con người đều “không được coi là người” như Chí Phèo và Thị Nở.

++ Mang giá trị thức tỉnh, đánh thức bản năng trong Chí và Thị, để Chí tỉnh táo nhận ra hiện thực cuộc đời mình, để khát khao trở về làm người lương thiện, để Thị được sống đúng với bản năng của một người phụ nữ bình thường.

+ “Nồi cháo cám” là chi tiết tố cáo hiện thực xã hội bấy giờ, khi mà cái đói, cái chết luôn rình rập cuộc sống của con người.

++ Là hiện thân cho tình thương yêu bao la của bà cụ Tứ dành cho các con của mình trong những ngày đói kém. Tuy nó mặn chát nơi đầu lưỡi nhưng chan chứa tình yêu của người mẹ.

++ Cụ thể hóa cho những giá trị vật chất nhỏ nhoi trong những năm đói kém.

3. Kết bài

- Cả hai chi tiết đều là phát hiện rất độc đáo, mới mẻ và giàu giá trị của nhà văn. Nó là minh chứng sống động cho tình yêu thương bao la giữa con người và con người. Tuy mộc mạc, giản đơn về mặt vật chất nhưng những chi tiết đó lại chứa đựng những giá trị tinh thần lớn lao, giúp con người biết yêu thương và trân trọng nhau hơn. Mặc dù không được tác giả gia công, tô vẽ cầu kì nhưng “bát cháo hành” của Thị Nở và “nồi cháo cám” của bà cụ Tứ sẽ mãi là những biểu tượng đẹp để cho lòng trắc ẩn và tình yêu thương.

- Qua hai chi tiết đó càng khẳng định tài năng và phong cách của hai nhà văn. Nam Cao và Kim Lân xứng đáng là hai cây bút truyện ngắn xuất sắc nhất nền văn học Việt Nam hiện đại

ĐỀ SỐ 13

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Làng Quan họ quê tôi
 Những ngày bom Mỹ dội
 Quán đồ dưới góc đa
 Chín nhịp cầu đứt nối
 Pháo lên núi Thiên Thai
 Súng trường lên Quán Dốc
 Loan phượng vẫn ăn xoài
 Vườn xoan đào vẫn mọc
 Em tiễn anh lên đường
 Đứng bên bờ em hát
 Muốn gửi đi theo anh
 Cả dòng sông trong mắt
 Mẹ mang nước lên đồi
 Yêu các con mẹ hát
 Bao nhiêu máy bay rơi
 Sau mái đầu tóc bạc...
 Thuyền thúng thuyền thúng ơi
 Có ghé về tỉnh Bắc
 Nghe tiếng hát quê tôi
 Trên tầm bom đạn giặc.

(Trích *Làng quan họ*, Nguyễn Phan Hách,

Theo *Tinh tuyển Thơ Việt Nam 1945-1975*, NXB Khoa học và Xã hội, 1998).

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. .

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn thơ. .

Câu 3. Hình ảnh “làng quê” và “con người làng quê” trong đoạn trích được miêu tả bằng những chi tiết nào? Suy nghĩ của anh/chị về những chi tiết đó.

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về “tiếng hát” xuyên suốt ba khổ cuối đoạn trích.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Làm việc nhóm từ lâu đã trở thành một hình thức làm việc hiệu quả ở các nước phương Tây nhưng ở Việt Nam, làm việc nhóm vẫn chưa phát huy được hết vai trò và giá trị của nó.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) về thực trạng trên.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của nỗi nhớ trong hai đoạn thơ sau:

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
 Một người chín nhớ mười mong một người
 Gió mưa là bệnh của đời
 Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

(Tương tư - Nguyễn Bính)

Nhớ gì như nhớ người yêu
 Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương.
 Nhớ từng bàn khói cùng sương
 Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

(Việt Bắc - Tố Hữu)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: tự sự

Câu 2. Nội dung chính: Hình ảnh làng quê vùng Kinh Bắc (làng quan họ) trong những năm tháng chiến tranh bị giặc phá hủy, nhưng vượt lên trên tất cả là tinh thần dũng cảm, kiên cường chiến đấu của người dân nơi đây cùng với niềm lạc quan về một ngày mai thắng lợi.

Thí sinh có thể diễn đạt theo cách khác, giáo viên linh hoạt cho điểm.

Câu 3. Thí sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng theo định hướng sau đây. Hình ảnh “làng quê” được miêu tả bằng những chi tiết: quán đồ dưới gốc đa, nhíp cầu đút đôi, pháo trên núi, súng trên dốc.... Đặc biệt là hình ảnh cô gái/ người mẹ tiễn người con trai của làng ra mặt trận. Hình ảnh “làng quê” bị giặc ném bom tàn phá thể hiện hiện thực ác liệt của chiến tranh. Bên cạnh đó, hình ảnh những chàng trai rời quê ra trận thể hiện tinh thần chiến đấu bảo vệ độc lập của dân tộc. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Câu 4. Cảm nhận về “tiếng hát”.

- Trước hết “tiếng hát” là đặc trưng của quê hương quan họ, nuôi dưỡng tâm hồn những chàng trai, cô gái miền quan họ.

- Thứ hai: “tiếng hát” là biểu hiện của sự lạc quan, của niềm tin tưởng vào một ngày mai chiến thắng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

+ **Đội, nhóm** là hai hay nhiều người làm việc với nhau để cùng hoàn thành một mục tiêu chung. Làm việc nhóm là nhiều người kết hợp với nhau cùng giải quyết một

công việc, mỗi người phân chia một nhiệm vụ, giúp đỡ nhau thực hiện để đạt được mục tiêu đã đề ra.

+ **Làm việc nhóm** là hình thức tổ chức làm việc hiệu quả và được nhiều tổ chức áp dụng thành công. Tuy nhiên, ở nước ta, tinh thần làm việc nhóm còn chưa cao. Nhiều người không thể phối hợp với những người khác để hoàn thành công việc. Đây là một thực tế đáng buồn, đáng phải suy ngẫm.

- **Phân tích thực trạng**, giải thích nguyên nhân, nêu hệ quả và đề xuất một số phương pháp xử lý đối với hiện tượng được nhắc đến. **Lập luận** phải chặt chẽ, có sức thuyết phục:

+ **Thực trạng** làm việc nhóm của người Việt:

Nhiều nhóm hoạt động của người Việt dễ nảy sinh xung đột, thậm chí bế tắc vì xung đột. Nhiều công ty, tổ chức được thành lập nhưng nhanh chóng tan rã vì không thể duy trì, các thành viên không thể phối hợp, làm việc cùng nhau.

+ Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khó khăn trong làm việc nhóm:

++ Một trong những căn bệnh cố hữu của nhiều người Việt Nam là tâm lý ỷ lại, thiếu tự giác, tự lập trong công việc. Khi làm việc trong một nhóm, các thành viên trong nhóm thường đùn đẩy trách nhiệm, công việc cho nhau, trông chờ vào việc các thành viên trong nhóm sẽ làm đỡ phần việc của mình.

++ Mặt khác, lo sợ bị mất quyền lợi của bản thân mình là tâm lý của nhiều người khi làm việc nhóm. Trong quá trình làm việc, nhiều người dựa dẫm, phụ thuộc vào các thành viên khác trong nhóm nhưng lại luôn mong nhận được những quyền lợi tương đương.

+ **Giải pháp:**

++ **Trách nhiệm** của mỗi cá nhân trong đội là phải gánh lấy, nhận lấy một công việc nào đó giao cho mình. Không thụ động chờ ra lệnh mà là mỗi người một việc, một nhiệm vụ. Do đó, mỗi cá nhân cần tham gia vào quá trình ra quyết định về mục tiêu và công việc của đội, đảm trách vai trò và nhiệm vụ cụ thể để hoàn thành mục tiêu đề ra, và cần phải có sự tin nhiệm lẫn nhau.

++ Đề đội làm việc có hiệu quả và đạt đến thành công trong công việc, cần phải có tinh thần đồng đội, nghĩa là cần phải liên kết với nhau để hoàn thành mục tiêu chung của đội. Hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên trong đội, không thể làm ngơ mạnh ai nấy làm: Bảo vệ uy tín của đội và cá nhân trong đội, tuyệt đối không phê bình nói xấu, hạ phẩm giá, danh dự của nhau, cần phải có kỹ năng giao tiếp, tự chấp nhận và giải quyết mâu thuẫn nội bộ.

+ Dẫn chứng: Học sinh có thể đưa dẫn chứng đan xen vào các luận điểm. Dưới đây là một vài dẫn chứng minh họa:

++ Trong các môn thể thao đồng đội, việc phối hợp giữa các thành viên có vai trò quyết định đến sự thắng thua của trận đấu. Gần đây nhất, thành tích dẫn đầu bảng xếp hạng Premier League 2015 của Chelsea chính là nhờ công sức rất lớn đến từ bộ đôi Diego Costa và Cesc Fabregas. Sự ăn ý giữa bộ đôi này đã đem đến những làn gió mới cho hàng công Chelsea. Cụ thể, theo như thống kê, Fabregas đã có tổng cộng 6 đường chuyền “dọn cỗ” cho Costa ở giải Ngoại hạng Anh năm nay. Đồng nghĩa rằng, cựu ngôi sao Barca đã kiến tạo gần 1/3 số bàn thắng giúp tiền đạo gốc Brazil lập công. Tại Chelsea, ngoài Costa thì Eden Hazard cũng là một trong những cầu thủ được hưởng lợi đáng kể từ khả năng kiến tạo của Fabregas, với 4 bàn thắng sau các đường chuyền đến từ tiền vệ người Tây Ban Nha.

- Bình luận:

+ Cuộc sống hiện đại càng đặt ra nhiều thách thức. Để giải quyết những thách thức đó, người ta cần phải phối hợp, sát cánh bên nhau. Kỹ năng làm việc nhóm, bởi vậy đã và đang trở thành một kỹ năng cơ bản.

+ Thế hệ trẻ ngày nay cần phải trau dồi, luyện tập kỹ năng làm việc nhóm. Học cách lắng nghe, chấp nhận những điểm khác biệt từ những người xung quanh, tích cực, chủ động tham gia và hoàn thành các công việc được giao là những bước đầu tiên và cơ bản nhất để có được một tập thể vững mạnh. Tuy nhiên, làm việc nhóm không đồng nghĩa với việc con người đánh mất đi khả năng làm việc, tự duy độc lập. Phối hợp với đồng đội, song mỗi người cũng cần phải học cách tự lập, tự giải quyết những vấn đề của riêng mình. Có như vậy, con người mới có thể phát triển toàn diện và bền vững.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Tình yêu là đề tài muôn thuở của thi ca. Sự sống của tình yêu là nỗi nhớ. Nỗi nhớ trong tình yêu rất đa dạng

và nhiều cung bậc. Theo dòng chảy của văn học Việt Nam, nỗi nhớ luôn được các nhà thơ cảm nhận và thể hiện vô cùng phong phú, sinh động và hấp dẫn.

- Những sắc thái và cung bậc của nỗi nhớ được thể hiện rất đẹp qua hai đoạn thơ trích trong *Tương tư* của Nguyễn Bính và *Việt Bắc* của Tố Hữu. *Tương tư* là bài thơ tình nổi tiếng của Nguyễn Bính, nói về nỗi tương tư, nhưng nhớ của một người con trai với người con gái mình thầm yêu. *Việt Bắc* của Tố Hữu diễn tả nỗi nhớ với chiến khu. Nhà thơ đã lấy trạng thái nhớ nhưng trong tình yêu để so sánh, khẳng định niềm nhớ thương da diết không nguôi của những người cán bộ về xuôi đối với quê hương Cách mạng.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Nguyễn Bính là gương mặt nổi bật của phong trào Thơ mới và cũng tiêu biểu cho thơ ca sau Cách mạng, với hồn thơ chân quê, có sở trường về lục bát. Và đường như ở đâu, thơ ông cũng được chào đón với tình cảm cuồng nhiệt, tươi thắm bởi mọi bạn đọc đều tìm thấy ở đây những mảnh hồn quê Việt Nam trong lành mà mình từng ấp ủ nâng niu. Giữa những giọng điệu mới lạ, thơ Nguyễn Bính vẫn giữ được âm hưởng gần gũi với ca dao dân ca, giản dị hồn nhiên mà ngọt ngào, thấm thiết. *Tương tư* in trong tập *Lỡ bước sang ngang*, xuất bản năm 1940 tại Hà Nội. Tập thơ này đã mang lại tiếng vang cho tác giả và đẩy lên trong đông đảo người đọc một phong trào thuộc thơ, yêu thơ Nguyễn Bính. Bài thơ *Tương tư* nói lên tâm trạng khắc khoải chờ mong của một chàng trai đang yêu với tình yêu đơn phương không được đáp đền. Mỗi tương tư ấy được đặt vào khung cảnh nông thôn với dáng dấp một mối tình chân chất như trong ca dao và mang hương vị đồng quê mộc mạc...

+ Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca Cách mạng, với phong cách trữ tình chính trị. Những bài thơ lớn của Tố Hữu đều sáng tác vào những điểm mốc của lịch sử Cách mạng Việt Nam. Bài thơ *Việt Bắc* – kiệt tác của Tố Hữu cũng được sáng tác trong một thời điểm trọng đại của đất nước. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, hoà bình được lập lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh, trung ương Đảng, cán bộ, bộ đội rời Việt Bắc trở về Thủ đô Hà Nội. Trong không khí chia tay đầy nhớ thương lưu luyến giữa nhân dân Việt Bắc và những người cán bộ Cách mạng, nhà thơ Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Việt Bắc”. Với tầm nhìn của một nhà thơ Cách mạng, một nhà tư tưởng, Tố Hữu đã phản ánh sâu sắc hiện thực kháng chiến mười lăm năm của Việt Bắc và dự báo

những diễn biến tư tưởng trong hoà bình. Đoạn trích bài thơ *Việt Bắc* miêu tả cuộc chia li đầy thương nhớ lưu luyến giữa Việt Bắc và những người cán bộ kháng chiến và gọi lại những kỉ niệm kháng chiến anh hùng mà đầy tình nghĩa. Tác giả đã chọn thể thơ lục bát và lối hát đối đáp như trong ca dao dân ca và hình tượng hoá Việt Bắc và những người cán bộ kháng chiến là Ta – Minh. Cuộc chia li giữa nhân dân Việt Bắc và những người chiến sĩ Cách mạng như là cuộc chia tay của một đôi bạn tình đầy bịn rịn, nhớ nhung, lưu luyến.

- Cảm nhận về đoạn thơ trong bài thơ *Tương tư*.

+ Cũng như các nhà thơ lãng mạn cùng thời, Nguyễn Bính say mê với đề tài tình yêu, nhưng tình yêu trong thơ Nguyễn Bính có một lối nói riêng. “Cái tôi” trong thơ Nguyễn Bính không nổi lên mà tan hòa vào không gian đồng quê bằng biện pháp ẩn dụ, nhân hóa như trong ca dao.

+ Đây là đoạn mở đầu của bài thơ, người con trai đa tình chân thành thú nhận nỗi tương tư đơn phương. Anh có mối quan hệ gắn bó sâu sắc với làng mạc quê hương. Từng lời, từng chữ, cách nói, lối nói mang đậm chất thơ ca dân gian: *thôn Đoài, thôn Đông, một người, chín nhớ mười mong*. Nói chuyện thôn Đoài nhớ thôn Đông là nói chuyện một người đang nhớ một người. Dùng lối diễn đạt ước lệ để để giải bày niềm thương nỗi nhớ dâng đầy - giống như trong ca dao:

++ *Nhớ ai bồi hồi bồi hồi*

Như đứng đồng lúa như ngồi đồng rơm.

++ *Nhớ ai ra ngăn vào ngõ*

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai.

++ *Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai*

Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ.

Cái khác lạ ở Nguyễn Bính, vận dụng ca dao nhưng rất sáng tạo, nhà thơ đặt niềm thương nỗi nhớ ấy trong cấu trúc điệp luyến của riêng mình: *Một người chín nhớ mười mong một người*. Hai từ *một người* được đẩy ra hai điểm nút của câu thơ tạo sự xa cách, trống vắng, cô đơn và giữa hai đầu xa thẳm ấy là cả một trời thương nhớ: *chín nhớ mười mong*. Nỗi tương tư của người con trai được diễn tả thật da diết, mãnh liệt, vô biên tuyệt đích để cuối cùng trở thành bệnh tương tư.

+ Từ nỗi nhớ người yêu luôn thường trực, cháy bỏng trong lòng, cái tôi trữ tình suy ngẫm, liên tưởng, nhận diện nỗi nhớ. Người ra thường nói nỗi nhớ là sự sống của tình yêu, còn Nguyễn Bính thì quy kết thành bệnh. Cái bệnh kinh niên sinh ra từ tâm lý con người, không ai nói mình yêu mà không nhớ, nhớ mà không yêu. Yêu là nhớ,

đó là quy luật. Quy luật của lòng người cũng như quy luật của tự nhiên. Trời đất không thể không có gió mưa, sông không thể *Không nhớ không thương một kẻ nào* (Xuân Diệu). Một sự thừa nhận thành thật, ý vị khẳng định tính tất yếu của tự nhiên cũng như tâm lý con người. Tại sao lại là bệnh tương tư, tại sao lại phải vin vào *bệnh nắng mưa của trời* để biện hộ cho mình? Trong xã hội cũ, và cả trong xã hội hiện đại, bệnh vì tình, bệnh tương tư đối với nam giới, là thứ bệnh khó được chấp nhận, vì nó chứng tỏ sự “yếu đuối nữ tính”. Một trang nam nhi *phải xông pha nơi chiến trường, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao* (Chinh Phụ Ngâm), *phải có chí chọc trời khuấy nước, nếu có chết thì chết nơi chiến trường da ngựa bọc thây* (Mã Viện), sao lại để cho tình yêu làm mềm yếu chí khí nam nhi. Nguyễn Bính cho rằng mưa gió là chuyện thường hằng của trời, thì tương tư cũng là cái thường hằng của con người. Tương tư là nhớ mong, nhớ mong nhiều lắm: *Một người chín nhớ mười mong một người*, như thôn Đoài nhớ thôn Đông. Chẳng có gì sai trái, chẳng có gì là không đúng về đạo đức... Nhớ mong là tình cảm của con người như mọi thứ tình cảm khác, vì thế “tôi yêu nàng” đến nỗi mang bệnh tương tư cũng là thường tình con người.

+ Câu thơ vừa có cái dân dã ca dao, vừa có cái mới của thơ lãng mạn. Đó là cách nói ví von, cách nói ẩn dụ, sử dụng chất liệu ca dao, sử dụng cách thể hiện biểu cảm của ca dao, sử dụng thành ngữ của ngôn ngữ dân gian: *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông, Một người chín nhớ mười mong một người*. Đọc câu thơ, người đọc Việt Nam thấy quen thuộc lắm, như là tiếng nói mang hồn dân tộc. Thôn Đoài thôn Đông là cách trở như phương đông phương tây, gió mưa của giờ làm người khổn khổ. Dù vậy, vẫn yêu, vẫn chín nhớ mười mong. Câu thơ *Một người chín nhớ mười mong một người* là một câu phiếm chi, vừa là nỗi nhớ của nhân vật tôi, vừa là tâm trạng của mọi người đang yêu. Cái lãng mạn cũng chính là ở sự tỏ lộ tình yêu. Với nhân vật tôi, tình yêu là tất cả. Tình yêu là chín nhớ mười mong, chẳng còn phần nào của tâm hồn, cuộc sống dành cho những trách nhiệm xã hội. Khi yêu đúng là như vậy. Nguyễn Bính khác với ca dao ở chỗ tình yêu trong ca dao gắn với con người, quê hương và cuộc sống lao động, vì thế ca dao mang tính tự dân tộc.

+ Đoạn thơ sử dụng các hình ảnh sóng đôi: *Đông – Đoài; gió – mưa; tôi – nàng*... tô đậm khát vọng lứa đôi. Sử dụng thể thơ lục bát cùng với các hình thức điệp đạt, cách dùng địa danh quen thuộc của ca dao, dân ca khiến đoạn thơ có vẻ đẹp dung dị, duyên dáng dễ đi vào lòng

người. Chất chân quê của hồn thơ Nguyễn Bính được biểu hiện rất tài tình, khiến đọc lên người ta cứ ngỡ ca dao chứ không phải thơ hiện đại, và nhiều người mượn nó để nói hộ lòng mình. Đó là tiếng tơ đồng điệu và được xem là những câu thơ bất hủ.

- Cảm nhận về đoạn thơ trong bài thơ *Việt Bắc*:

+ Như trên đã nói, tình yêu trong mỗi con người là một xúc cảm tuyệt vời, nỗi nhớ trong tình yêu cũng đa sắc thái, nhiều cung bậc. Nếu Nguyễn Bính giải bày nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa thì Tố Hữu trong đoạn thơ này lại diễn tả tình yêu, nỗi nhớ da diết khôn nguôi của cán bộ, chiến sĩ Việt Bắc – quê hương Cách mạng biết bao nghĩa tình. Bao trùm lên tất cả trong tâm trạng của kẻ ở và người đi là nỗi nhớ da diết mê mẩn mang với nhiều sắc thái khác nhau. Người ở lại băn khoăn tự hỏi về lòng thủy chung son sắt của người ra đi thì ngược lại người ra đi khẳng định nghĩa tình mãi không phai nhòa trong kí ức. Và cứ thế Việt Bắc hiện lên trong hoài niệm thật sinh động và cụ thể.

+ Suốt mười lăm năm *từ khi kháng Nhật* chưa còn *Việt Minh* cho đến lúc cuộc kháng Pháp vĩ đại thắng lợi, cán bộ, chiến sĩ Cách mạng đã gắn bó cùng đồng bào Việt Bắc đánh giặc, cùng chia sẻ vất vả, gian lao: *bát cơm chấm muối mỗi thù nặng vai; bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng*, nay chiến thắng trở về xuôi làm sao có thể quên những kỉ niệm sâu nặng ấy. Qua hồi tưởng của chủ thể trữ tình, cảnh và người Việt Bắc hiện lên thật đẹp. Nỗi nhớ thiết tha của người cán bộ sắp về xuôi đã khắc sâu thiên nhiên núi rừng Việt Bắc với vẻ đẹp vừa hiện thực, vừa thơ mộng, thi vị, gợi rõ những nét riêng biệt, độc đáo, khác hẳn những miền quê khác của đất nước. Chỉ những người đã từng sống Việt Bắc, coi Việt Bắc cũng là quê hương thân thiết của mình mới có nỗi nhớ thật da diết, những cảm nhận thật sâu sắc, thấm thía về ánh nắng ban chiều, ánh trăng buổi tối, những bàn làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, những núi rừng sông suối mang những cái tên thân thuộc – tất cả là khoảng thời gian và không gian lóng lánh kỷ niệm.

+ Tố Hữu đã diễn tả nỗi niềm thương nhớ thường trực, da diết, day dứt khôn nguôi của người cán bộ, chiến sĩ với đồng bào và thiên nhiên Việt Bắc cũng giống như trong nỗi nhớ tình yêu của đôi lứa vậy. Nhưng nỗi nhớ không dành riêng cho một người mà dành cho tất cả đồng bào và thiên nhiên Việt Bắc. Nỗi nhớ giăng mắc khắp không gian, lung linh bao kỉ niệm: nhớ những đêm trăng treo trên đầu núi, những buổi chiều nắng tóa vàng khắp

đồi nương, những bàn làng ảo mờ trong sương khói, đặc biệt là bóng dáng của *người thương đi về* quây quần bên bếp lửa mỗi đêm đông. Cảnh vật và con người quyện hòa thanh bình, yên ả, ấm áp biết bao!

+ Nhà thơ phải là người đã từng đi, từng ở, từng gắn bó máu thịt với mảnh đất ấy mới chất lọc được những câu thơ diu dặt, đẹp như khúc hát đồng quê, diễn tả nỗi niềm: *nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương; khi ta ở, chi là nơi đất ở; khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn* (Chế Lan Viên). Việt Bắc không chỉ đơn thuần là khu căn cứ Cách mạng, nơi ấy còn là mảnh đất anh hùng, nghĩa tình sâu nặng đã hóa vào tâm hồn nhà thơ thành lời đồng vọng da diết, khôn nguôi và cũng là của tất cả những người tham gia Cách mạng.

+ Diễn biến tâm trạng như trong tình yêu lứa đôi được tổ chức theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao, dân ca, bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ tâm sự, người hô ứng, đồng vọng. Hỏi và đáp đều mở ra bao nhiêu kỉ niệm về một thời Cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, mở ra bao nhiêu nỗi niềm nhớ thương. Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là độc thoại, là sự biểu hiện tâm tư, tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến. Tố Hữu đã phát huy được hình thức nghệ thuật mang tính dân tộc, trong đó nổi bật là cách sử dụng thể thơ lục bát và ngôn ngữ thơ đậm sắc thái dân gian.

- Nét tương đồng và khác biệt giữa hai đoạn thơ:

+ Nét tương đồng: hai đoạn thơ đều vận dụng hình thức thơ ca dân tộc để diễn tả nỗi nhớ nhưng, đi từ nguồn mạch dân tộc cho nên giọng điệu tha thiết, ngọt ngào, sâu lắng. Hình ảnh thơ quen thuộc, gắn gũi với cảnh sắc thiên nhiên của đất nước, với tâm hồn người Việt mặn mà yêu thương. Sử dụng phép điệp ngữ, cách ví von điêu luyện, tuyệt vời.

+ Nét khác biệt:

++ Tương tự: Nguyễn Bính bộc bạch lòng mình trong nỗi nhớ tình yêu đôi lứa riêng tư. Nỗi nhớ trong *Tương Tư* là nỗi nhớ cháy bỏng nhưng đơn phương của chàng trai thôn Đoài với cô gái thôn Đông, nỗi nhớ tràn ngập không gian, ngày càng tha thiết, mãnh liệt: nhớ, mong, tương tư, yêu và cuối cùng trở thành một căn bệnh tương tư.

++ Việt Bắc: Tố Hữu mượn tình yêu đôi lứa để bày tỏ lòng mình với quê hương, đất nước, con người. Nỗi nhớ trong Việt Bắc là nỗi hoài niệm của người cán bộ Cách mạng khi phải chia tay với thiên nhiên và con người Việt Bắc, nỗi nhớ cũng giăng mắc khắp không

gian, lung linh những kỉ niệm, nhưng nổi nhớ không chỉ dành riêng cho một đối tượng riêng tư mà trở thành tiếng lòng chung của tất cả những người Cách mạng với Việt Bắc...

- Đánh giá:

+ *Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn* (Nguyễn Khải). Cả hai đoạn thơ đã rung ngân lên những cung bậc tình cảm yêu thương đậm thắm, vừa có những nét chung đậm hồn dân tộc, vừa thể hiện những nét riêng độc đáo mang phong cách riêng của mỗi tác giả.

+ Nguyễn Bính đã đóng góp cho thơ ca Lãng mạn một tiếng nói riêng, một phong cách tài hoa, một khuynh hướng đặc sắc, khuynh hướng kết hợp thi pháp ca dao, chất dân dã với chủ nghĩa lãng mạn. Phải là người gần gũi với làng quê, thấm đượm ngôn ngữ, tâm tình làng quê mới có thể sáng tạo nên những bài thơ chứa đựng được cái đẹp của hồn dân tộc.

+ Bài thơ là khúc ca ân nghĩa, là sự hồi tưởng đầy xúc động và ân tình của Tố Hữu về chặng đường mười lăm

năm đã qua của đất nước (từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến hoà bình lập lại năm 1954), từ đó mà hướng về tương lai tươi sáng, nhắc nhớ tâm nguyện thủy chung. Viết về nghĩa tình dân tộc và hướng về đồng bào mình, Tố Hữu đã phát huy được hình thức nghệ thuật mang tính dân tộc, trong đó nổi bật là cách sử dụng thể thơ lục bát và ngôn ngữ thơ đậm sắc thái dân gian. Có thể coi Việt Bắc là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về Cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến mà cội nguồn sâu xa của nó là tình yêu quê hương đất nước, là niềm tự hào về sức mạnh của nhân dân, là truyền thống ân nghĩa, đạo lí thủy chung của dân tộc Việt Nam.

3. *Kết bài :*

- Nguyễn Bính là nhà thơ của hương đồng gió nội, Tố Hữu là nhà thơ của lý tưởng Cách mạng. Mỗi nhà thơ một phong cách, mỗi đoạn thơ một vẻ đẹp. Điều đó không chỉ thể hiện tài năng, nét độc đáo riêng biệt trong văn phong của mỗi nhà thơ mà còn khẳng định sức sống trường tồn của thi phẩm trong lòng độc giả.

- Thơ là tiếng hát của tâm hồn làm rung động bao trái tim con người. Chính các nhà thơ đã cho ta biết yêu, biết rung động trước cái đẹp của cuộc đời qua những trang thơ

ĐỀ SỐ 14

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trương ca, phở Tư... [...] Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà - Nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hãy đứng ở đầu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu ông bán phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người bán phở trứ danh của thủ đô sau này. [...] Trong nghề phở, nó cũng có những cái nể nếp của nó.

(2) Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. [...] Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở éch, phở dê, chó, khi, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, cắc kè... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có lẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó.

(Nguyễn Tuân – Phở)

Câu 1: Món ăn mà Nguyễn Tuân đề cập đến trong đoạn trích trên đem lại cho anh (chị) ấn tượng gì? .

Câu 2: Đoạn trích trên được triển khai thành hai ý cụ thể. Đó là những ý nào? .

Câu 3: Đoạn trích sử dụng nhiều từ ngữ đặc biệt như: *cứ cái đà tìm tòi ấy, thứ phở Mỹ miếc, đó lại là chuyện khác*. Anh (chị) hãy phân tích tác dụng của những từ ngữ đó. .

Câu 4: Chỉ ra thao tác lập luận của đoạn trích (2). .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Thời gian qua, cộng đồng mạng xôn xao câu chuyện về một cụ ông khắc khổ, già nua cầm miếng bìa giấy ghi dòng chữ "xin tiền về quê". Ngay khi câu chuyện lan rộng, đã có hẳn một diễn đàn kêu gọi lòng hào tâm hỗ trợ kinh phí đủ để đưa cụ ông trở về quê.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu kỹ lưỡng về hoàn cảnh gia đình, phóng viên được biết ông già khắc khổ kể trên hoàn toàn đủ sống với một người vợ, ba con trai đã lập gia đình, hai sào ruộng và một con bò ở quê.

(Nguồn: Báo điện tử Dân Trí, tháng 8/2015)

Từ câu chuyện trên, anh (chị) suy nghĩ gì về vấn đề lòng tốt bị lợi dụng trong xã hội hiện nay? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

"Kí Hoàng Phủ Ngọc Tường vừa giàu chất trí tuệ, vừa giàu chất thơ, nội dung thông tin về văn hóa lịch sử rất phong phú" (Ngữ văn 12 – Tập I).

Anh (chị) hãy phân tích bài kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường để làm rõ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Ấn tượng của người đọc đối với món ăn mà Nguyễn Tuân miêu tả: Bình thường một món ăn người ta chỉ quan tâm đến những công thức, nguyên liệu, cách thưởng thức, cách bảo quản... Còn nhà văn Nguyễn Tuân lại nhìn nhận món ăn ở khía cạnh khác: Món ăn cũng có những quy tắc, luật lệ và có sự phá vỡ luật lệ. Cùng một vấn đề nhưng Nguyễn Tuân triển khai ở một góc nhìn khác, một khía cạnh khác, làm nên sự thú vị cho người đọc.

Câu 2: Hai ý được triển khai trong đoạn trích trên:

- Ý 1: Phở có những quy định riêng của nó. Phần này miêu tả cách gọi tên các quán phở cũng dựa vào một quy định nào đó, một hình thức nào đó. Chẳng hạn đặt tên theo tên cúng cơm, theo một cái tật nguyên trên thân thể, theo một người mà họ yêu tin...

- Ý 2: Phở cũng có sự phá luật lệ. Phở không chỉ được làm bằng bò như “nguyên tắc cơ bản” mà còn có thể làm bằng nhiều nguyên liệu khác như gà, vịt, ốc, ếch....

Câu 3: Các từ ngữ đặc biệt như: *cứ cái đà tìm tòi ấy, thứ phở Mỹ miếc, đó lại là chuyện khác* là những từ mang tính khẩu ngữ có đặc điểm bình dị, tự nhiên, gần gũi.

Tác dụng: Phù hợp để thể hiện giọng điệu cá nhân, cung cấp những hiểu biết cá nhân về vấn đề được nói tới. Cách nói không khoa trương hình thức đem lại cảm giác nhẹ nhàng, gần gũi với người đọc.

Câu 4: Đoạn trích (2) sử dụng thao tác lập luận chính là thao tác chứng minh (chứng minh phở cũng phá vỡ những quy luật của nó bằng việc tạo ra nhiều loại phở phong phú đa dạng).

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

+ *Giải thích từ ngữ:* Lòng tốt được hiểu là sự cảm thông giữa người với người trong xã hội, thường là đối với con người phải chịu hoàn cảnh khổ cực về vật chất hoặc tinh thần trong xã hội. Lòng tốt có thể biểu hiện

bằng sự chia sẻ về tinh thần hay san sẻ về vật chất để giúp con người trở nên tốt đẹp hơn.

+ *Giải thích vấn đề:* Vấn đề được đặt ra là cụ ông trong câu chuyện đã lợi dụng lòng tốt của một bộ phận không nhỏ thanh niên hiện nay, kêu gọi lòng thương xót từ mọi người để kiếm lợi.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Lòng tốt trong xã hội hiện đại bị lợi dụng như thế nào? Tại sao lại dẫn đến sự việc này trong xã hội hiện đại?

++ Lòng tốt trong xã hội là điều cần được ngợi ca và phát huy tới tất cả các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là giới trẻ. Tuy nhiên lòng tốt trong xã hội bị lợi dụng dưới nhiều hình thức: Có những kẻ đội lốt những con người đáng thương về mặt vật chất và tinh thần để lừa gạt người khác, kêu gọi sự đồng cảm từ những người cá tin để lợi dụng lòng tốt của họ nhằm trục lợi cho bản thân; Có những kẻ thực hiện những hành vi mang tính thương mại, buôn bán nhưng lại đội lốt những hành động nhân đạo nhằm kêu gọi mọi người thực hiện hành động buôn bán không chính đáng đó...

++ Xã hội ngày càng phát triển, điều này dẫn đến nhu cầu về đời sống của con người ngày càng tăng lên, đặc biệt đối với đời sống vật chất. Một nghịch lí cho rằng, kinh tế càng đi lên thì xã hội chứng kiến sự đi xuống của đời sống tinh thần của mỗi con người về mặt đạo đức và nhân cách.

++ Dẫn chứng: Trong một số thành phố hiện nay, tồn tại không ít những trường hợp lừa lọc xuất hiện với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt còn đội lốt những việc làm tốt, nhân đạo, hoặc giả làm người nghèo khổ để mong nhận được sự giúp đỡ từ những người hảo tâm.

+ Làm thế nào để hướng đến một lối sống tích cực, không để lòng tốt bị đặt nhầm chỗ?

++ Mỗi con người cần ý thức được đâu là người xấu, đâu là người tốt để biết ứng xử một cách phù hợp, không để lòng thương người bị lợi dụng.

++ Đất nước cần phát triển những tổ chức tạo những công ăn việc làm cho người dân để tránh tình trạng con người không có việc làm, không tìm được việc mà phải làm những điều trái lương tâm.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Mỗi người cần có ý thức phát huy lòng tốt của mình đúng chỗ, không để bị lợi dụng một cách đáng tiếc lòng tốt của mình. Đồng thời mỗi con người cũng

cần rèn luyện ý thức lao động để kiểm tra những đồng tiền chính đáng cho bản thân mình, không nên sử dụng những mảnh khoe để lừa gạt người khác.

+ Học sinh có thể mở rộng phạm vi đề bài không chỉ dừng lại ở việc lòng tốt bị lợi dụng, bên cạnh đó còn là việc nhiều người cả tin tham gia vào các tổ chức, đoàn thể để mong sẽ mau chóng kiếm lời, mau chóng làm giàu... mà không muốn lao động theo đúng nghĩa của những công việc chân chính thì sớm muộn cũng phải nhận những bài học thích đáng vì sự cả tin, mong giàu nhanh chóng của mình.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong những cây bút kí tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại. Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong những nhà văn chuyên về bút kí. Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và chính luận, sử thi hoá lịch sử và khám phá chiều sâu văn hoá của đối tượng. Chất trữ tình trong bút kí của ông xuyên thấm vào tất cả và thăng hoa thành chất thơ của ngôn ngữ.

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Tác phẩm ca ngợi vẻ đẹp của sông Hương, thiên nhiên và con người xứ Huế với những trang văn vừa giàu chất trí tuệ, vừa giàu chất thơ, nội dung thông tin về văn hóa lịch sử rất phong phú.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* rút từ tập bút kí cùng tên, được xuất bản năm 1984. Tập bút kí gồm tám bài viết về nhiều đề tài. Có những bài đậm chất sử thi với cảm hứng anh hùng, ca ngợi đất nước, con người Việt Nam. Có những bài thiên về miêu tả thiên nhiên, qua đó nhà văn bộc lộ lòng gắn bó với quê hương đất nước và niềm tự hào về truyền thống, văn hóa, lịch sử của dân tộc. Đặc biệt là những bài viết về Huế.

+ Trong số những bút kí ông đã viết, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là bài kí độc đáo về sông Hương. Dòng sông khơi gợi cảm hứng cho thơ ca, nhạc họa đã được nhà văn cảm nhận từ nhiều góc nhìn, đặc biệt là góc nhìn tâm linh, mang những nét riêng của “văn hóa Phú Xuân”.

- **Chất trí tuệ của một cái tôi uyên bác:**

Viết về sông Hương, Hoàng Phủ Ngọc Tường thể hiện một sự hiểu biết sâu rộng về mọi mặt: văn hóa, lịch sử, địa lí, văn học nghệ thuật... Nhà văn đã cung cấp cho

người đọc một lượng thông tin đa dạng để hiểu sâu hơn về dòng sông Hương và thiên nhiên, con người Huế.

+ Vẻ đẹp của sông Hương từ góc nhìn địa lí:

++ Hành trình của dòng sông: với câu hỏi gợi tìm *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, bằng những bước chân rong ruổi, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tìm về cội nguồn và dòng chảy của sông Hương:

+++ Ở thượng nguồn: Sông Hương nhìn từ cội nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn. Sông Hương vùng thượng lưu mang vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, hoang dại, bí ẩn, sâu thẳm nhưng cũng có lúc dịu dàng, say đắm. Sự mãnh liệt, hoang dại của con sông được thể hiện qua những so sánh: *Như một bàn trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn. Khi chảy qua miền địa hình hiểm trở, sông Hương mang vẻ đẹp dữ dội: mãnh liệt qua ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc xoáy vào đáy vực bí ẩn*, nhưng cũng có lúc nó lại hiền lành trữ tình *dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng*. Nhà văn đã nhân hoá dòng sông giống như *một cô gái Di gan phóng khoáng và man dại*. Con sông được rừng già hun đúc cho *một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng*. Đó là sức mạnh bản năng của người con gái, sức mạnh ấy được chế ngự bởi cấu trúc địa lý lãnh thổ để đi ra khỏi rừng, nó *nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở*.

+++ Ở đồng bằng, sông Hương trở nên dịu dàng, uốn mình theo những đường cong thật mềm; *Dòng sông mềm như tấm lụa”, êm đềm trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, chảy qua những lăng tẩm đồ sộ, chảy qua chùa Thiên Mụ và “những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà*. Sông Hương trở thành *người mẹ phù sa* mang vẻ đẹp *dịu dàng và trí tuệ*. Sông Hương có vẻ đẹp trầm mặc chảy dưới chân những rừng thông u tịch với những lăng mộ âm u mà kiêu hãnh của các vua chúa triều Nguyễn. Đó là vẻ đẹp mang màu sắc triết lí, cổ thi khi đi trong âm hưởng ngân nga của tiếng chuông chùa Thiên Mụ. Có vẻ đẹp *vui tươi* khi đi qua những bãi bờ xanh biếc vùng ngoại ô Kim Long. Có vẻ đẹp *mơ màng trong sương khói* khi nó rời xa thành phố để đi qua những bờ tre, lũy trúc và những hàng cau thôn Vĩ Dạ.

+++ Giữa lòng thành phố Huế, dòng sông trở nên tĩnh lặng, trôi thật chậm, in bóng cầu Tràng Tiền xa trông nhỏ nhắn như “những vành trăng non”. Xuôi về Cồn Hến “quan năm mơ màng trong sương khói”, hòa với màu xanh của thôn Vĩ Dạ, sông Hương mang vẻ đẹp huyền

áo, mơ màng... Từ sông Hương xinh đẹp nhà văn liên tưởng tới nhiều con sông trên thế giới như sông Xen, sông Nê-va, sông Đa – nuýp... và nhận ra điểm tương đồng giữa chúng là cùng chảy giữa lòng thành phố. Nhưng sông Hương khác với các dòng sông khác là bởi vì nó vẫn giữ được những nét cổ kính và nếu sông Nê-va chảy nhanh quá thì sông Hương lại rất chậm buồn như *điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế*. Tình cảm của dòng sông dành cho thành phố Huế cũng rất sâu nặng. Dường như sông Hương không muốn xa thành phố: *Rời như sự nhớ lại một điều gì đó chưa kịp nói. Nó đột ngột đổi dòng rẽ ngoặt sang hướng Đông Tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc Bao Vinh xưa cũ*. Nhà văn vì von sông Hương giống như nàng Kiều chỉ tình trở lại tìm Kim Trọng. Vì thế nên nhìn *khúc quanh* này thấy nó *thật bất ngờ*. Nhà văn cảm nhận nó giống như là *nổi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu...*

++ Sông Hương và thiên nhiên Huế: Lăn theo dòng chảy của sông Hương, ta bắt gặp những bức tranh thiên nhiên đẹp mượt mà: Thiên nhiên Huế được nhà văn tái hiện với vẻ đẹp đa dạng trong thời gian và không gian. Sông Hương phản quang vẻ đẹp biến ảo của Huế *sớm xanh, trưa vàng, chiều tím*. Gắn liền với dòng sông, những địa danh quen thuộc: Hòn Chén, Nguyệt Biều, Vọng Cảnh, Thiên Thai dường như sống động hơn: *sông Hương vẫn đi trong du vang của Trường Sơn, sắc nước trở nên xanh thắm...* Sông Hương tôn tạo vẻ đẹp cho cảnh sắc thiên nhiên Huế và ngược lại dòng sông cũng hun đúc mọi sắc trời, văn hóa của vùng đất cổ đô.

++ Sông Hương và con người Huế:

+++ Thiên nhiên và dòng sông luôn gắn bó, gắn gũi với con người. Qua điệu chảy của dòng sông nhà văn thấy được tính cách con người xứ Huế: mềm mại, chí tình, *mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở*.

+++ Qua màu sắc của trời Huế, màu sương khói trên sông Hương nhà văn thấy cách trang phục trang nhã, dịu dàng của các cô gái Huế xưa *sắc áo cưới màu điều – lục các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giăng...*

+ Vẻ đẹp của sông Hương từ góc nhìn lịch sử:

++ Từ góc nhìn lịch sử, sông Hương không còn là cô gái Digan man dại, không còn là *người đẹp ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa* mà trở thành chứng nhân của những biến thiên lịch sử. Nhà văn ví sông Hương như *sứ thi viết giữa màu xanh cỏ lá xanh biếc*. Sông Hương là một bản anh hùng ca, đồng thời giữa đời thường sông Hương là một bản tình ca *Còn non, còn nước, còn dài – Còn về, còn nhớ...*

++ Nhà văn đã ngược về quá khứ để khẳng định vai trò của dòng sông Hương trong lịch sử dân tộc. Đã có một thời sông Hương mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Tổ quốc (Tên của dòng sông Hương được ghi trong “Dư địa chí” của Nguyễn Trãi là Linh giang). Dòng sông ấy là điểm tựa, bảo vệ biên cương thời kì Đại Việt. Thế kỉ XVIII, nó vẽ vầng soi bóng kính thành Phú Xuân, gắn liền với tên tuổi của người anh hùng Nguyễn Huệ. Nó đọng lại đến bầm da, tím máu, *nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX*. Nó đi vào thời đại của Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Nó chứng kiến cuộc nổi dậy tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968. Sông Hương đã gắn liền với lịch sử của Huế, lịch sử dân tộc.

+ Vẻ đẹp của sông Hương từ góc nhìn văn hóa: Tác giả gắn sông Hương với âm nhạc cổ điển Huế: *Sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya... Quả đúng vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được hình thành trên mặt nước của dòng sông này*. Tác giả liên tưởng tới việc có người nghệ nhân già gầy thế kỷ chơi đàn, một đêm khuya nghe con gái đọc Kiều. Bằng ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã nhớ tới Nguyễn Du *đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều*. Đây là cách liên tưởng độc đáo, tài hoa mang đến cho người đọc một sự bồi hồi, xao xuyến.

+ Sông Hương - dòng sông âm nhạc:

++ Từ âm thanh của dòng sông (tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga, tiếng mái chèo khua sóng đêm khuya, tiếng nước vỗ vào mạn thuyền...) đã hình thành những làn điệu hò dân gian và nền âm nhạc cổ điển Huế. Và rồi cũng chính trên dòng sông ấy, những câu hò Huế vút lên, mênh mang, xao xuyến...

++ Viết về sông Hương, nhiều lần nhà văn đã liên tưởng đến “Truyện Kiều” của Nguyễn Du. Đại thi hào đã từng có thời gian sống ở Huế, những trang Kiều ra đời từ mảnh đất có truyền thống nhã nhạc cung đình. Đó là cơ sở để nhà văn hóa thân vào một nghệ nhân già, nghe những câu thơ tà tiếng đàn của nàng Kiều, chợt nhận ra âm hưởng của âm nhạc cung đình và bật thốt lên: *Đó chính là Tứ đại cảnh*. Bóng dáng Nguyễn Du và những trang Kiều nhiều lần xuất hiện trong bài kí bộc lộ một khả năng liên tưởng phong phú, một vốn văn hóa sâu rộng và sự gắn kết với truyền thống, một sự đồng điệu tâm hồn nhà văn.

+ Sông Hương - dòng sông thi ca:

++ Hoàng Phủ Ngọc Tường đã làm sống dậy những vần thơ biếc xanh của Tân Đà về xứ Huế: *Dòng sông trắng – Lá cây xanh*. Hình ảnh thơ này cùng với câu chữ của tác giả *màu cỏ lá xanh biếc* là minh chứng cho sự tương giao của những tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm với sắc biếc của thiên nhiên Huế.

++ Nhà văn cũng làm sống dậy một sông Hương hùng tráng bắt từ *như kiếm dựng trời xanh* trong thơ Cao Bá Quát, một sông Hương *nổi quan hoài vạn cổ* trong thơ Bà Huyện Thanh Quan...

- Chất thơ của một ngòi bút tài hoa:

+ Chất thơ toát ra từ những hình ảnh đẹp, từ độ nhòe mờ của hình tượng nghệ thuật: *những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà, lấp lờ trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ...*; qua cách so sánh liên tưởng gợi cảm: *Chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời nhỏ nhắn như những vàng trắng non*.

+ Chất thơ còn lấp lánh ở cách Hoàng Phủ Ngọc Tường điểm xuyết ca dao, lời thơ Tân Đà, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan.

+ Chất thơ còn tỏa ra từ nhan đề bài kí gợi mãi những âm vang trầm lắng của dòng sông: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Đánh giá:

+ Chất trí tuệ và chất thơ kết hợp hài hòa, nội dung thông tin văn hóa lịch sử phong phú được thể hiện trong tác phẩm tạo nên phong cách đặc sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

+ Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường: Ngôn ngữ trong sáng, phong phú, uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ,...Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Bút ký có sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân.

3. Kết bài :

- Trích đoạn bài kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* đã gợi ra vẻ đẹp của Huế, của tâm hồn người Huế qua sự quan sát sắc sảo của Hoàng Phủ Ngọc Tường về dòng sông Hương. Hoàng Phủ Ngọc Tường xứng đáng là một thi sĩ của thiên nhiên, một cuốn từ điển sống về Huế, một cây bút giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Bài kí góp phần bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào đối với dòng sông và cũng là với quê hương đất nước.

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* không chỉ là một trong những tác phẩm hay nhất viết về sông Hương mà còn là bút kí đặc sắc vào bậc nhất của hiện đại.

ĐỀ SỐ 15**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1). Các thầy giáo, cô giáo phải gần gũi dân chúng. Các thầy giáo cũng như các trí thức khác là lao động trí óc. Lao động trí thức khác là lao động trí óc. Lao động trí óc phải biết sinh hoạt của nhân dân, nếu chỉ giờ sách đọc thì không đủ. Phải yêu dân, yêu học trò, gần gũi nhau, gần gũi cha mẹ học trò. Giáo dục ở trường và ở gia đình có quan hệ với nhau. Các chú các cô phải thi đua trao đổi kinh nghiệm. Bác nói thế là hết. Văn hay không cần nói dài [...]

(2). Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí phải tư dưỡng đạo đức cách mạng, "cố gắng trau dồi tư tưởng nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động [...]

(Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh toàn tập*, in trong *Một số lời dạy và mẫu chuyện về tám gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn văn trên. .

Câu 2: Hồ Chí Minh là một nhà văn bậc thầy về viết văn chính luận, thể hiện ở sự lập luận chặt chẽ trong câu văn, trước hết về mặt liên kết. Anh (chị) hãy làm sáng tỏ điều đó bằng việc chỉ ra các phép liên kết của đoạn văn (1). .

Câu 3: Hồ Chí Minh hướng đến đối tượng nào trong đoạn trích trên? Những điều Bác dạy đối với đối tượng đó là gì? .

Câu 4: Trong khoảng 5 – 7 dòng, anh (chị) hãy trình bày bài học của Chủ tịch Hồ Chí Minh anh (chị) được biết đến khiến anh (chị) có ấn tượng sâu sắc nhất..

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Xã hội ngày càng phát triển, con người lại phải đối diện với nhiều vấn đề nhức nhối. Thời gian vừa qua, dư luận đang rất xôn xao thông tin hai bé gái bị bạo hành, trong đó bé gái 5 tuổi bị bà ngoại kẻ đánh đa chấn thương, bé gái 9 tuổi bị mẹ ruột đánh đuổi ra khỏi nhà, phải ngủ ở chuồng gà.

(Nguồn tin: Báo điện tử Dân Trí, 2015)

Anh (chị) có suy nghĩ gì khi đọc được những câu chuyện trên? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Nhận xét về nhân vật Phùng trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, có ý kiến cho rằng: *Nét nổi bật ở người nghệ sĩ này là một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Vẻ đẹp sâu xa của nghệ sĩ Phùng chính là một tấm lòng đầy trân trọng, lo âu về thân phận con người.*

Từ cảm nhận của anh/chị về nhân vật Phùng, hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

Câu 2: Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích (1) trên là:

- Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về giáo dục: thầy giáo, cô giáo, lao động trí thức, dân, cha mẹ, học trò, giáo dục, gia đình, nhà trường,...

- Phép lặp: thầy giáo, trí thức, lao động trí óc.

Phân tích giá trị phép liên kết để làm sáng tỏ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh: Tác giả đã hướng nội dung của đoạn trích nói về một chủ đề duy nhất là giáo dục tầng lớp trí thức không được xa rời đời sống của nhân dân, mà phải gần gũi họ, biết sinh hoạt của họ để giúp đỡ họ.

Câu 3: Đoạn trích hướng đến đối tượng tầng lớp trí thức trong xã hội. Bác dặn tầng lớp trí thức phải gần bó với nhân dân, gần bó với đời sống của họ. Cụ thể những điều Bác dạy là:

- Đối với các thầy giáo, cô giáo: Phải thi đua trao đổi kinh nghiệm, gần gũi với học trò và cha mẹ học trò, luôn kết hợp giữa giáo dục gia đình và nhà trường.

- Đối với nhà báo: Phải tu dưỡng đạo đức cách mạng để hoàn thiện bản thân, trau dồi bản thân mình, hướng tới viết những bài đi sâu vào thực tế đời sống lao động của nhân dân.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây

- Bài học mà Bác dạy có thể được rút ra từ một câu chuyện, một câu nói của Bác tại những bài phát biểu, trong những điều Bác dạy thiếu niên nhi đồng, thanh niên...

- Kể những kỉ niệm liên quan đến việc thực hiện những lời dạy đó của Bác.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

+ *Giải thích vấn đề:* Bạo lực gia đình được hiểu là hành động của một thành viên trong gia đình dùng vũ lực để thực hiện việc hành hạ những thành viên khác trong gia đình.

+ *Giải thích hiện tượng thực tế:* Hiện tượng được đưa ra là việc hai trẻ nhỏ trong gia đình bị bạo hành một cách thương tâm, đây là hành động đáng lên án, phê phán và là điều cảnh tỉnh cho tất cả mọi người trong xã hội.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Hiện tượng bạo hành gia đình tồn tại dưới những hình thức nào?

++ Bạo hành gia đình có thể là hành động và lời nói mang tính chất vũ phu, bạo ngược, thậm chí là độc ác, cụ thể có thể là việc đánh đập, lăng mạ, đay nghiến, xúc phạm, xỉ vả, chà đạp, tra tấn gây ra những hậu quả nghiêm trọng về thể chất và tinh thần của những thành viên trong gia đình.

++ Nạn bạo hành đáng lên án, phê phán nhất trong xã hội hiện nay, đang bị lên án là bạo hành trẻ em

++ Bên cạnh nạn bạo hành trẻ em là nạn bạo hành phụ nữ. Nó diễn ra trên khắp mọi miền đất nước với số lượng ngày một gia tăng. Đó là hiện tượng chồng đánh đập, si nhục, đe dọa, hoặc bị bỏ mặc không quan tâm, bị cấm đoán tham gia các hoạt động xã hội hoặc bị chồng ép phải sinh con theo ý muốn của mình.

+ Tại sao bạo hành gia đình vẫn còn diễn ra trong xã hội hiện đại?

++ Sự quản lí của các cấp chính quyền đối với đời sống của từng gia đình còn lỏng lẻo, khiến cho các thành viên trong gia đình cam chịu, không dám khai báo các sự việc đã xảy ra để kịp thời giải quyết.

++ Ý thức kém của một bộ phận không nhỏ trong xã hội, không ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Những người đánh vợ nghĩ rằng đánh vợ là việc riêng của mình, không ai có quyền can thiệp.

(học sinh trình bày dẫn chứng cụ thể)

+ Bạo hành gia đình đem đến những hậu quả nghiêm trọng như thế nào, làm thế nào để giảm thiểu trường hợp bạo hành gia đình trong xã hội hiện nay?

Bạo lực gia đình dù tồn tại dưới bất kì hình thức nào cũng đều gây ra những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe thể chất cũng như tinh thần của người bị hại

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Mỗi người dân cần ý thức được hậu quả không thể lường trước được của nạn bạo hành gia đình để biết

cách phòng tránh nó. Khi thấy trường hợp bạo hành gia đình diễn ra, mỗi người cần biết báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết.

+ Học sinh cũng nên mở rộng việc bạo hành cần phải được ngăn chặn không chỉ trong phạm vi gia đình mà ngoài xã hội cũng cần bị cảnh báo như trong các quán ăn, trường học.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Văn học cách mạng sau năm 1975 đã chuyển mình bước sang một giai đoạn mới, thoát ra khỏi cái vỏ xưa cũ để làm mới diện mạo nền văn học, khám phá sự thật đời sống ở bình diện đạo đức, thế sự. Nguyễn Minh Châu là một trong số những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất trên con đường đổi mới ấy.

- *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu là một tác phẩm xuất sắc nêu lên vấn đề về nghệ thuật và cuộc sống thông qua nhân vật nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng trong một chuyến đi công tác ở tại vùng biển. Nhận xét về nhân vật Phùng trong truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: *Nét nổi bật ở người nghệ sĩ này là một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Về đẹp sâu xa của nghệ sĩ Phùng chính là một tấm lòng đầy trăn trở, lo âu về thân phận con người.*

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung: Nguyễn Minh Châu là người suốt đời đi tìm cái đẹp và cái thật, tha thiết kiếm tìm hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người. Trước 1975, Nguyễn Minh Châu được biết đến với những tác phẩm đậm chất sử thi như: *Cửa sông, Miền cháy, Dấu chân người lính*. Thế nhưng, sau 1975, chính Nguyễn Minh Châu lại là người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. *Chiếc thuyền ngoài xa* được in năm 1983 là một bước tiến dài rất đáng trân trọng trong hành trình khám phá vào tầng chìm, vào chiều sâu của cuộc sống và con người của văn xuôi Nguyễn Minh Châu. Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* đã thể hiện những đổi mới thành công của Nguyễn Minh Châu. Bằng việc xây dựng tình huống thắt nút và việc sử dụng những hình ảnh có sức biểu trưng lớn, tác phẩm đã đi sâu khám phá cuộc sống đời thường với bao đa sự, đa đoan thời hậu chiến. Phải có cái nhìn tinh tế, sâu sắc, Nguyễn Minh Châu mới thấu hiểu và phát hiện được những vẻ đẹp tiềm ẩn giấu trong tâm hồn người phụ nữ khốn khổ ấy. Tác phẩm do

vậy còn cho thấy tài năng và tấm lòng người cầm bút của Nguyễn Minh Châu.

- Bình luận hai ý kiến:

+ Trong tập tiểu luận *Trang giấy trước đèn*, Nguyễn Minh Châu đã bày tỏ quan điểm: *Tôi không tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong lòng mình tình yêu thương cuộc sống và nhất là yêu thương con người. Tình yêu này của một người nghệ sĩ vừa là niềm hân hoan say mê, vừa là nỗi đau đớn khắc khoải một nỗi quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người xung quanh.* Nhà văn đã gửi gắm quan điểm ấy qua nhân vật nghệ sĩ Phùng trong *Chiếc thuyền ngoài xa*. Ở ý kiến thứ nhất nói về vấn đề là người nghệ sĩ trước hết phải là người có tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp, là người có khả năng khám phá, phát hiện tinh tế và có những rung động mãnh liệt trước vẻ đẹp phong phú của đời sống. Ở ý kiến thứ hai khẳng định Người nghệ sĩ còn phải có tấm lòng trăn trở, lo âu về thân phận con người. Bời xét cho cùng, mối quan tâm lớn nhất của người cầm bút là con người, nhất là những cảnh đời khổ đau, bất hạnh.

+ Ý kiến thứ nhất:

++ Là người nghệ sĩ giàu tâm huyết, Phùng luôn khát khao tìm kiếm cái đẹp, yêu cái đẹp và rung động tinh tế trước mọi vẻ đẹp của cuộc sống và con người. Niềm đam mê nghệ thuật ấy khiến anh phục kích hàng tuần liền trên bờ biển và thu được những tấm ảnh tuyệt đẹp. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh đi tìm những vẻ đẹp đích thực của cuộc sống, ngỡ như anh đã phát hiện ra một khung cảnh thật đáng yêu đáng ca tụng, hướng người xem về cái đẹp có thể làm quên đi những phiền não cuộc sống: *Qua khuôn hình ảnh sáng, tôi đã hình dung thấy trước những tấm ảnh nghệ thuật của tôi sẽ là vài ba chiếc mũi thuyền và một cảnh đan chéo của những tấm lưới đọng đầy những giọt nước, mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc trong bản hòa tấu ánh sáng và bóng tối, tượng trưng cho khung cảnh bình minh là một khoảng sáng rực rỡ đến mức chói mắt, trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sai cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đòn bẩy nâng bóng hai chiếc gọng lưới chĩa thẳng lên trời.* Và những người dân vùng biển ấy hiện lên thật đáng yêu, đáng ca ngợi: *cuộc sống lao động đầm ấm khoẻ khoắn, những con người gặp gỡ thật đáng yêu...*

++ Sau gần một tuần phục kích, nghỉ suy và tìm kiếm, Phùng đã quyết định thu vào tờ lịch tháng bảy năm sau cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc bình minh. Với tâm hồn nhạy cảm của người nghệ sĩ, anh thấy đây là một cảnh *đất trời cho* - cảnh biển trước bình minh phong tỏa một lớp sương mù, lại lất phất mấy hạt mưa, *đẹp như một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào... Toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa và đẹp, một vẻ đẹp đơn giản và toàn bích.* Anh say mê thường lãm và *thấy bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào.* Trong giây phút ngất ngây ấy, anh tưởng chính mình cũng vừa khám phá thấy *cái khoảnh khắc trảng ngảng của tâm hồn – cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa đem lại.*

++ Phùng vô vấp, nắm bắt, háo hức bấm máy ghi hình, liên thanh một hồi hết phần tư cuốn phim. Trong niềm hân hoan của khám phá và sáng tạo tràn ngập ấy, anh chìm đắm trong những suy tưởng về cái đẹp và cái thiện, về sự tận thiện, tận mỹ của nghệ thuật và cuộc sống. Phùng là một nghệ sĩ trên đường săn tìm cái đẹp. Anh thực sự biết quan sát lựa chọn cái đẹp của thiên nhiên, cảnh vật, con người. Sự rung động của người nghệ sĩ đã đến đúng lúc. Sự rung động thực sự khi đứng trước cái đẹp. Cái đẹp tự nhiên “mới thực sự làm rung động lòng người. Từ đây, ta thấy người nghệ sĩ phải là người phát hiện và mang cái đẹp đến cho đời. Phùng còn nhận ra trong suy nghĩ của mình *chẳng biết ai đó lần đầu phát hiện ra bản thân cái đẹp là đạo đức.* Đó là cái đẹp kết hợp với cái tâm, cái tài kết hợp với cái thiện.

+ Ý kiến thứ hai:

++ Ngay sau khoảnh khắc tuyệt vời của sự khám phá cái đẹp, chiếc thuyền mộng từ ngoài xa kia đâm thẳng vào chỗ Phùng đứng. Bất ngờ anh chứng kiến cảnh bạo hành của gia đình hàng chài bước ra từ đây. Bạo lực gia đình lại diễn ra ngay sau chiếc xe dò phá mìn của mĩ trên bãi cát. *Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy, dùng cái thắt lưng quật tới tấp lên lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thò hồng hộc, hai hàm răng nghiến vào nhau ken két.* Cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyện rửa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn *Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết đi cho ông nhờ.* Người đàn bà bị đánh có vẻ *cam chịu nhẫn nhục không hề kêu một*

tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy. Bạo lực trong gia đình thuyền chài ấy diễn ra thường xuyên: *Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.*

++ Thái độ của Phùng: anh thấy kinh ngạc và bức xúc, vút chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới nhưng không kịp. Lần thứ hai, sau ba ngày, vẫn trong làn sương sớm ấy anh lại chứng kiến cảnh bạo hành của người đàn ông hàng chài đối với vợ con, Phùng không thể nén chịu được hơn nữa, anh xông ra buộc gã đàn ông phải chấm dứt hành động tàn độc. Lão đàn ông đánh trả khiến Phùng bị thương. Trong phút chốc, Phùng xót xa cay đắng nhận ra cái xấu, cái ác, cái bị kịch trong gia đình hàng chài kia giống như câu chuyện cổ đầy quái đản và chiếc thuyền vô thơ mộng kia phút chốc cũng biến mất.

++ Một trái tim nhạy cảm, mê say, xúc động trước cái đẹp của cảnh vật trong buổi sớm ban mai, trái tim ấy cũng thật sự xúc động, nhạy cảm, đau thắt trước nỗi đau của con người. Cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn phút chốc hóa thành nghịch cảnh. Thế ra, cái đẹp toàn thiện, toàn bích của *Chiếc thuyền ngoài xa* chẳng phải là *đạo đức*, là *chân lí* của sự toàn thiện mà người nghệ sĩ thường nhìn bằng con mắt mộng mơ của mình. Trớ trêu thay, cái đẹp, cái thiện luôn tiềm ẩn cái xấu xa, độc ác, hạnh phúc luôn tiềm ẩn bất hạnh, bị kịch.

++ Những trần trờ, khúc mắc sẽ theo mãi Phùng nếu như anh không được chứng kiến câu chuyện của người đàn bà nhẫn nhục, cam chịu kia ở tòa án huyện. Anh được hiểu sâu hơn sự thật về một cuộc đời, một thân phận, những nghĩ suy và những cam chịu của người đàn bà hàng chài. Anh lắng nghe, day dứt, thế ra đằng sau cái vẻ xấu xí, thô kệch, khổ ải của người đàn bà hàng chài lam lũ kia lại là một người phụ nữ cao thượng am hiểu lẽ đời. Bà nhẫn nhịn, cam chịu, vị tha, bao dung cho người chồng, làm tất cả mọi thứ cho con, vì con. Cái thiên chức của người phụ nữ là sinh con và sống cho con nên chị hi sinh bản thân mình. Đúng là hạt ngọc lấp lánh giấu trong lớp quặng thô, chị là một người phụ nữ nhân hậu đáng thương, đáng trọng.

++ Trong lòng Phùng nặng trĩu nỗi đau về thân phận con người, nhất là những người làm nghề cá trên biển. Họ luôn phải đối mặt với những cơn thịnh nộ của thiên nhiên, đời sống nghèo đói, bấp bênh. Anh ngồi bên ông lão ngoài sáu mươi mà vẫn phải đeo đuổi nghề cá, mắt vẫn không rời khỏi những chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá. Đối với một người đàn ông độc dữ, Phùng và Đầu phải làm gì đây để cải tạo để cải tạo, phát quang cái đầu và hành động của hắn để người đàn

bà và những đứa trẻ yếu ớt, tội nghiệp kia không còn phải chịu cảnh bạo hành? Đối với những đứa trẻ sống chen chúc trên chiếc thuyền chài chật hẹp, phải làm gì để giúp chúng được cơm no áo ấm, được vô tư vui đùa?

++ Bộ lịch năm ấy và mãi mãi về sau vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong những gia đình sành chơi nghệ thuật. Nhưng lạ thay, mỗi lần Phùng ngắm kĩ, nhìn lâu tấm ảnh thuyền và biển, hình ảnh người đàn bà hàng chài lam lũ lại hiện ra, vừa xót xa thương cảm, vừa nhắc nhở Phùng về nghệ thuật và cuộc sống. Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật phục vụ con người, vì con người. Trước khi biết rung động trước cái đẹp nghệ thuật, người nghệ sĩ phải biết rung động trước mọi lẽ đời.

- Đánh giá:

+ Mỗi ý kiến đề cập đến một vẻ đẹp trong phẩm chất của người nghệ sĩ. Nếu ý kiến thứ nhất nhằm vào phẩm chất hàng đầu của người nghệ sĩ là tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thì ý kiến thứ hai lại nhằm vào phẩm chất sâu xa của người nghệ sĩ chân chính là tấm lòng trân trọng, lo âu về số phận con người. Đây là hai phẩm chất rất cần cho một người nghệ sĩ mà Nguyễn Minh Châu luôn trân trọng và đòi hỏi.

+ Hai ý kiến khác nhau nhưng không đối lập mà bổ sung, chi phối nhau tạo nên cái nhìn toàn diện và thống

nhất về phẩm chất người nghệ sĩ, giúp người đọc nhận thức sâu sắc hơn về vẻ đẹp toàn diện của nhân vật này, cũng như thấm thía hơn ý tưởng, quan điểm nghệ thuật của nhà văn.

3. Kết bài :

- Truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* qua những phát hiện của Phùng về vẻ đẹp của thiên nhiên, về sự thật cay đắng, đầy bi kịch, nghèo khổ của những con người lao động bằng nghề chài lưới, đã bộc lộ những lo lắng, trăn trở của nhà văn về nhân cách, đời sống con người, bộc lộ lòng thương cảm, trắc ẩn, trân trọng những vẻ đẹp trong tâm hồn người dân lao động. Truyện đậm chất tự sự, triết lý, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.

- Nguyễn Minh Châu coi *văn học và cuộc sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người*, còn nhà văn chân chính thì bao giờ cũng *mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống, nhất là tình yêu thương đối với con người* nên có thể thấy được tài năng cũng như tấm lòng của ông trong việc thể hiện hình tượng nhân vật, đồng thời khẳng định giá trị và sức hấp dẫn trường tồn của tác phẩm

ĐỀ SỐ 16

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm
Bà mẹ đón tôi trong gió đêm
- Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ
Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chần chà đủ
Rồi mẹ ôm rom lót ổ tôi nằm*

*Rom vàng bọc tôi như kén bọc tằm
Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng
Trong hơi ẩm hơn nhiều chần đệm
Của những cọng rom xơ xác gãy gò*

*Hạt gạo nuôi hết thày chúng ta no
Riêng cái ẩm nồng nàn như lửa
Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người*

(Hơi ẩm ở rom, Nguyễn Duy, In trong tập *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973).

Câu 1. Chỉ ra không gian và thời gian được nhắc miêu tả trong bài thơ.

Câu 2. Theo anh/chị, nhan đề *Hơi ẩm ở rom* có những cách hiểu nào.

Câu 3. Nhận xét về việc sử dụng các từ *láy xơ xác, gãy gò* trong câu thơ *Trong hơi ẩm hơn nhiều chần đệm /Của những cọng rom xơ xác gãy gò*.

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ hiện lên trong bài thơ. Trả lời trong khoảng từ 5~7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Lí giải về nguyên nhân của sự thành đạt, có người khẳng định: *Thành đạt là do có điều kiện, được học tập hơn người*; có người lại cho rằng: *Thành đạt là do tài năng thiên bẩm*, cũng có người nói: *Thành đạt là do may mắn gặp thời*.

Theo anh/ chị mấu chốt của sự thành đạt là ở đâu? Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, hãy nêu quan điểm của mình.

Câu 2 (5 điểm):

Nhà văn Kim Lân tâm sự:

Rất lạ những con người khốn cùng chẳng hề từ bỏ lòng ham sống, ham hạnh phúc. Trong cái đói người ta vẫn chỉ nghĩ tới sung sướng. Vì vậy họ lầy nhau. Những người đói họ không hề nghĩ tới cái chết mà nghĩ tới sự sống.

Anh/chị hãy làm sáng tỏ điều đó qua truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1.

Không gian: Một ngôi nhà tranh bé nhỏ ven đồng chiêm.
 Thời gian: Ban đêm

Câu 2. Nhan đề *Hơi ấm ổ rom* có thể hiểu như sau.

- Đó là hình ảnh tả thực: người lính không có chăn đắp nên dùng rom thay chăn, hơi ấm này có thể là hơi ấm thật từ những ổ rom mang lại cho người lính.

- Thứ hai, hơi ấm ổ rom có thể là ẩn dụ của hơi ấm tình thương của bà mẹ vùng đồng chiêm mà người lính được thụ hưởng trong đêm đi công tác lỡ đường. (Ổ rom tình người)

Câu 3. Việc sử dụng các từ láy *xơ xác, gầy gò* trong câu thơ *Trong hơi ấm hơn nhiều chăn đệm /Của những cọng rom xơ xác gầy gò* đem lại nhiều hiệu quả nghệ thuật.

Từ láy có tác dụng tả thực vì để lâu nên những cọng rom “*xơ xác, gầy gò*”. Nhưng chúng còn cho hơi ấm hơn cả chăn đệm dày dặn và cao sang. Nhưng người đọc biết rằng, tác giả không chỉ nói điều đó mà còn ẩn chứa một liên tưởng sâu xa: những cọng rom nhỏ bé đó cho hơi ấm cũng giống như một bà mẹ già trong ngôi nhà tranh bé nhỏ ở ven đồng chiêm cho tình thương ấm áp, ấp ủ người lính.

Câu 4. Câu hỏi kiểm tra năng lực cảm thụ cá nhân, thí sinh có thể tự do trình bày những cảm nhận của riêng mình. Tham khảo một số ý cơ bản sau.

Người mẹ trong đoạn trích là một người mẹ tuy rằng xa lạ với người chiến sĩ, nhưng khi người chiến sĩ lỡ đường xin ở qua một đêm mẹ liền nồng hậu đón tiếp với tất cả tình cảm yêu thương nhất, “chật nhà nhưng rộng tình thương”, sẵn lòng thu xếp cho nơi ngủ. Chỉ cần gặp người lính trong hoàn cảnh ấy là bà mẹ đã hiểu người lính cần gì, không cần đợi anh trình bày, vì có thể anh đâu phải là người lính đầu tiên ghé vào nhà mẹ. Mẹ nói ngay: “*Nhà mẹ hẹp nhưng còn mẹ chỗ ngủ...*” Hình ảnh người mẹ nghèo nhưng rất giàu tình thương đó hiện lên thật cảm động và đẹp đẽ. Ngoài ra bài thơ cũng ca ngợi tình cảm quân dân gắn bó...

Chấp nhận nhiều cách diễn đạt khác nhau. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

94 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích**
- + **Ý kiến thứ nhất:** Thành đạt là do có điều kiện, được học tập hơn người, ý kiến này khẳng định việc thành đạt của mỗi người là do những yếu tố khách quan về cơ sở vật chất tác động đến.

- + **Ý kiến thứ hai:** Thành đạt là do tài năng thiên bẩm, ý kiến này khẳng định vai trò của tài năng quyết định đến sự thành công mỗi con người. Tài năng này không chỉ là tài năng của cá nhân do rèn luyện mà là tài năng do thiên bẩm, tài năng sẵn có.

- + **Ý kiến thứ ba:** Thành đạt là do may mắn gặp thời, ý kiến này khẳng định người thành đạt là người biết cách lựa chọn thời cơ phù hợp để thực hiện những công việc của mình, hoặc là người sinh ra vào thời điểm may mắn, thuận lợi trong công việc.

- + **Tóm lại:** Cả ba ý kiến này khẳng định: Thành công đối với cuộc đời mỗi con người là do tác động của các nguyên nhân khách quan, những nguyên nhân được hình thành từ ngoài bản thân chủ thể.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

- + Tại sao điều kiện vật chất, điều kiện học hành là một nguyên nhân của thành công nhưng không phải là nguyên nhân chính?

Nếu có điều kiện học hành hơn người, con người sẽ tiếp thu được những kiến thức, những kinh nghiệm quý báu mà người khác không có được. Tuy nhiên, nếu chỉ có điều kiện học hành hơn người mà không có nỗ lực phấn đấu của bản thân thì không thể nào phát huy được hết những điều kiện vốn có của mình.

- + Tại sao tài năng cũng là một nguyên nhân nhưng không phải là điều mấu chốt để dẫn tới thành công?

Tài năng là điều quan trọng để mỗi con người khẳng định mình trong xã hội. Tuy nhiên, tài năng do thiên bẩm mà không qua rèn luyện thì sẽ không được phát huy hết giá trị của nó. Một người có một đôi tay mềm mại, uyển chuyển, rất thích hợp để chơi đàn violon – một bộ môn nghệ thuật cần nhiều đến năng khiếu nhưng không biết rèn luyện, không biết tập luyện thường xuyên thì sẽ không thể chơi đàn được.

- + Tại sao thời cơ có vai trò quan trọng đối với việc con người đi đến thành công nhưng không phải là

nguyên nhân quan trọng nhất?

Thời cơ đóng vai trò quan trọng để mỗi người đi đến thành công. Tuy nhiên, có cơ hội mà bản thân không nắm bắt, cứ trông chờ mọi thứ tự đến theo kiểu “há miệng chờ sung” thì không những những cơ hội đó sẽ không đến, con người để nó tuột qua mà con người còn trở nên thụ động, không phát triển được bản thân.

+ Nguyên nhân chính để con người trở thành người thành đạt là gì?

Không chỉ những nguyên nhân khách quan như điều kiện học hành, tài năng hay cơ hội đem con người đến thành công mà quan trọng hơn là cách con người vượt qua chính mình, biết nỗ lực phát huy những yếu tố đó theo đúng nghĩa của nó thì con người mới có thể trở thành người thành đạt.

- Bài học nhận thức và hành động

Mỗi cá nhân không chỉ dựa vào những điều kiện khách quan từ bên ngoài mà phải biết dựa vào chính bản thân mình để phát huy những yếu tố đó đạt hiệu quả cao nhất để đi tới thành công.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Kim Lân là cây bút chuyên về đề tài nông thôn. Sáng tác của ông phản ánh một cách chân thực và xúc động cuộc sống của người dân quê mà ông am hiểu sâu sắc về cảnh ngộ và tâm lí của họ. Một trong những sáng tác xuất sắc của Kim Lân là truyện ngắn *Vợ nhặt*. Tác phẩm vừa là bức tranh chân thực về nạn đói khủng khiếp vừa là bài ca ca ngợi về sức sống và niềm tin của con người Việt Nam.

- Về truyện ngắn *Vợ nhặt* của mình, Kim Lân tâm sự: *Rất lạ những con người khốn cùng chẳng hề từ bỏ lòng ham sống, ham hạnh phúc. Trong cái đói người ta vẫn chi nghĩ tới sung sướng. Vì vậy họ lấy nhau. Những người đói họ không hề nghĩ tới cái chết mà nghĩ tới sự sống.*

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung: Tác phẩm *Vợ nhặt* trích trong tập truyện *Con chó xấu xí*. Truyện được viết ngay sau Cách mạng với tên gọi *Xóm ngụ cư*. Nhưng do thất lạc bản thảo nên sau khi hòa bình lập lại, tác giả đã viết lại thành *Vợ nhặt*.

- Giải thích lời tâm sự của nhà văn:

+ Truyện ngắn *Vợ nhặt* là tác phẩm góp phần khẳng định tên tuổi của nhà văn Kim Lân. Tác phẩm là kết quả

của quá trình suy nghĩ sâu sắc về số phận của người nông dân trong nạn đói năm 1945.

+ Lời tâm sự của nhà văn Kim Lân thể hiện sự ngạc nhiên, khâm phục của ông đối với khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của con người dù hoàn cảnh có khốn cùng đến thế nào chẳng nữa. Họ đã vượt lên trên cái đói để mở lòng ra đón nhận sự sống. Họ dám giành lấy hạnh phúc từ tay thần chết. Điều này được thể hiện rõ qua hình tượng các nhân vật trong truyện: bà cụ Tứ, Tràng, người vợ nhặt.

- Chứng minh nhận định qua truyện ngắn *Vợ nhặt*:

+ Nạn đói năm 1945 và những số phận trôi dạt, khốn cùng:

Kim Lân mượn cái đói như một phép thử để làm nổi bật cái tinh, như một bối cảnh khảo sát sức sống của con người. Chỉ bằng vài nét phác thảo của Kim Lân, nạn đói ghê rợn năm 1945 hiện lên thật khủng khiếp qua bức tranh xóm ngụ cư đã khái quát được hình ảnh nông thôn Việt Nam trong nạn đói với hai phương diện.

++ Không gian năm đói:

+++ Cái đói được Kim Lân miêu tả thật tảm tóc, có tầng có lớp: Tầng cao là bầu trời đen sẫm bóng quạ: quạ bay vùn vùn trên trời thành những đám mây đen, tiếng quạ gào từng hồi thảm thiết. Tầng thấp là mặt đất còng queo xác người, lờn vờn mùi tử khí. Những cái ngõ khằng khiu vì đói, gió lạnh ngăn ngắt thổi qua, không có nhà nào có ánh đèn, ánh lửa, từng hồi trống thúc thuế vang lên, đêm đêm vắng tiếng khóc ai oán của những gia đình có người chết.

+++ Cái chết đã bao phủ cả bầu trời và mặt đất. Dưới ngòi bút của Kim Lân, không gian nghệ thuật của tác phẩm ngọt ngào bức bối đến tận tởm.

++ Con người năm đói:

+++ Cái đói tàn phá hiện hình lên từng gương mặt người: Trẻ con không nhúc nhích – cái đói đã giết chết bản tính trẻ thơ của chúng. Người lớn khuôn mặt hốc hác vì đói vì sợ.

+++ Đáng sợ nhất là có tới hai lần Kim Lân so sánh người với ma: Những gia đình từ vùng Nam Định, Thái Bình đội chiếu, lủ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma; bóng những người đói dật dờ đi lại lạng lẽ như những bóng ma. Kiểu so sánh đó bộc lộ cái nhìn tẻ tái của Kim Lân về cái thời ghê rợn. Cuộc sống được nhìn như một bãi tha ma khổng lồ, ranh giới giữa sống và chết mong manh như sợi tóc.

Tác giả đã tạo cho thiên truyện một phong nền đặc biệt nhàu nát, ám đám, tối tăm, có phần nghiệt ngã. Máng

tối của bức tranh hiện thực đau buồn chính là phép đòn bẩy cho mảng sáng của tình người, của khát vọng hạnh phúc tỏa ánh hào quang.

+ Lòng ham sống, ham hạnh phúc của những con người trong hoàn cảnh khốn cùng:

++ Nhân vật Tràng:

+++ Giống như mọi thân phận ngụ cư bèo bọt khác đứng trước nạn đói và cái chết đang đe dọa, với Tràng là việc kiếm miếng ăn để bảo toàn sự sống cho hai mẹ con chứ không phải đi tìm hạnh phúc lứa đôi. Khi Tràng đùa bỡn mời thị về nhà, thị về thật. Khi đó, nghĩ đến tình thế hiện tại, nghĩ tình cảnh thóc cao gạo kém, lo thân mình chưa xong, Tràng thấy sợ. Nhưng khát vọng hạnh phúc âm thầm bấy lâu trỗi dậy, nó mạnh hơn cả những sợ hãi. Tràng quyết định một cách liều lĩnh: “Chắc, kẹ!”. Tràng đã đánh đổi tất cả để có một người vợ, một mái ấm gia đình.

+++ Khi có được tình yêu, hạnh phúc, Tràng sống trong những cảm giác mới mẻ. Trên đường về nhà, Tràng muốn nói với thị những câu tình tứ mà ngượng ngùng không nói được. Tràng hạnh phúc và sung sướng, bàng hoàng, quên hết lo âu. Một lúc Tràng quên hết những cảnh đời é chề, tăm tối, quên cả những tháng ngày trước mắt. Trong lòng Tràng bây giờ chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên. Đêm tân hôn của vợ chồng Tràng diễn ra giữa trùng vây của tăm tối, đói khát, chết chóc, Tràng thấp lên ngọn đèn dầu vàng đục mà anh dành dụm hai hào để mua được như thấp lên ánh sáng của khát vọng và niềm tin yêu vào cuộc sống. Giữa thế giới ngổn ngang người sống kè chết, Kim Lân dám đặt vào đó một mối tình thì quả là táo bạo. Nếu truyện ngắn *Một đám cưới* của Nam Cao, nhà văn nhìn đám cưới như một đám ma thì trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân phát hiện giữa những đám ma là một đám cưới, éo le nhưng cảm động. Điều đó thể hiện khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc gia đình của những người đói còn mạnh hơn cái chết.

+++ Tình yêu giống một thứ rượu biến Tràng thành kẻ say, tạo ra ở Tràng những cơn say tinh thần kì lạ: *Trong người êm ái lừng lơ như người ở trong giấc mơ đi ra. Cái say cồn trờn ra ngoài da thịt: một cái gì mới mẻ, lạ lắm chưa từng thấy ở người đàn ông ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.* Câu văn đã diễn tả những xúc cảm rất nhân tính, nó minh chứng rằng sức mạnh của tình yêu, của hạnh phúc vượt lên cái đói, cái chết. Kim Lân không chỉ hóa thân vào nhân vật mà còn sống trong nhân vật để tự

nhập sinh niềm thiết tha kia trong những ngày đói khổ. Lần đầu tiên Tràng run rẩy, sống trong một cảm giác rất người khi thấy vợ và mẹ dọn dẹp nhà cửa quang đãng, sạch sẽ. Bỗng nhiên Tràng thấy yêu thương, gắn bó với mái nhà của hẳn. Tràng đã có một gia đình, anh sẽ cùng vợ sinh con ở đây. Cái nhà như tổ ấm che mưa che nắng, bây giờ Tràng thấy mình đã *nen người*. Hai chữ *nen người* hạ xuống như một nốt nhấn thấm thía về sự biến đổi ở trong Tràng. Cái gốc của sự biến đổi ấy là hạnh phúc gia đình, Tràng phục sinh nhân tính nhờ vươn tới ý thức về gia đình, đặc biệt là đã tìm được hạnh phúc gia đình thực sự. ...

++ Nhân vật bà cụ Tứ:

+++ Bà cụ Tứ là người nhiều tuổi nhất trong tác phẩm nhưng lại là người nuôi giữ trong mình nhiều hy vọng hơn cả. Khi biết người phụ nữ chấp nhận theo không con trai mình, bà cụ Tứ đã khóc. Những giọt nước mắt vừa xót tui vừa mừng vui của người mẹ hiểu đời. Cụ nói với các con: *Các con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng.* Không chỉ mừng cho con mà bà còn cảm thông với người vợ nhặt, cụ ân cần nói với thị: *Con ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.* Dẫu miếng cơm manh áo liên quan đến sinh mạng, cụ Tứ vẫn sẵn sàng chia sẻ với người vợ nhặt. Hơn thế, cụ còn xót xa, cảm thông cho thị, cụ nghĩ gặp tình cảnh này người ta mới theo không con trai mình.

+++ Trong hoàn cảnh đói quay đói quắt, người mẹ nghèo gần đất xa trời ấy với sức mạnh của tình yêu thương con đã thổi bùng lên hy vọng, niềm tin vẫn ánh lên trong chất chồng buồn lo nhằm thấp lên ngọn lửa khát vọng sống, niềm lạc quan sống cho các con. Cụ Tứ dậy sớm cùng con dâu chăm chỉ dọn dẹp nhà cửa... với hy vọng nhà cửa sân vườn sạch sẽ, cuộc sống sẽ có những điều tốt đẹp. Ở bà cụ Tứ có cái lạ. Một bà lão gần đất xa trời lại nói về tương lai, hy vọng nhiều hơn tất cả. Cụ nhắc nhở các con chăm chỉ làm ăn may ra ông giời cho khá, khi nào có tiền mua lấy đôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy chốc có ngay đàn gà... Thật là ngược đời bởi xưa nay tương lai vốn là câu chuyện của tuổi trẻ, nhưng nghịch lí này phải bao hàm một chân lí sâu xa. Bà cụ không ao ước cho mình mà ao ước cho các con. Đời người mẹ sống vì con, cho con tất cả, kể cả ước mơ, cho đến cuối đời, niềm hy vọng của mẹ không bị tàn theo đói nghèo.

+++ Cảm động nhất là Kim Lân để niềm vui của bà mẹ lan tỏa ra từ nồi cháo cám. Cụ Tứ lễ mễ bung ra một nồi cháo cám trong bữa cơm sáng đón nàng dâu mới và

gọi một cách hài hước là chè khoán. Cụ khen ngon *đáo để cơ*, tươi cười đon đả mức cho con dâu. Chữ ngon phải được cảm nhận bằng xúc cảm tinh thần, niềm vui trước hạnh phúc của con đã biến đắng chát thành ngọt ngào, một nỗi cháo cám dù sức làm sáng lên chất người khi hạnh phúc, hy vọng đang bị chèn ép bởi áp lực của cái đói. Nỗi cháo cám đắng chát kì diệu thay là nơi chứa đỉnh điểm khát vọng làm người. Nét tâm trạng này cho thấy bà cụ điển hình cho tinh thần lạc quan, ý chí hướng về cuộc sống của người lao động, trong bất kì hoàn cảnh nào người lao động cũng luôn có niềm tin bất diệt vào cuộc sống.

++ Nhân vật người vợ nhặt:

+++ Thị đại diện cho thân phận đói khát, trôi dạt. Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa: *có muốn về nhà với tớ thì ra khuôn đờ lên xe rồi ta cùng về* thì người đàn bà kia lại im lặng (mà thường tâm lý im lặng là đồng ý). Thị đồng ý, đồng ý mà không hề do dự, phân vân. Trong khi đó, Tràng là ai, tốt xấu như thế nào? Gốc tích ra sao? Thị nào hay nào biết. Chỉ mấy bát bánh đúc là thị có thể theo ngay Tràng. Phải chăng thị theo Tràng chỉ vì miếng ăn? Thị dễ dàng, hời hợt thế ư? Thực ra hành động theo Tràng của thị xuất phát từ nhu cầu bám lấy sự sống, từ lòng khao khát được sống. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Thị chấp nhận theo không Tràng. Đó là ý thức bám lấy sự sống là vì để được sống chứ không phải là loại người lẳng lơ. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái đói tham đạ để dựng xây mái ấm gia đình. Niềm lạc quan yêu sống của thị chính là một phẩm chất rất đáng quý.

+++ Trên đường về nhà chồng tâm trạng của thị có sự thay đổi rõ nét. Nếu như anh cu Tràng sung sướng, tự mãn, cái mặt vênh lên tự đắc với mình thì người đàn bà lại cảm thấy xấu hổ. Trước cái nhìn “săm soi”, trước những lời bông đùa, chòng ghẹo của người dân ngụ cư. Thị ngượng nghịu, thiếu tự tin: *chân nọ bước dều cả vào chân kia... cái nón rách tàng che nửa khuôn mặt*. Đó phải chăng là vẻ đẹp của cô dâu về nhà chồng. Về đến nhà chồng, nhìn thấy *ngôi nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại*, thị *nén một tiếng thở dài*. Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách. Trong tiếng thở dài đó vừa có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của thị về gia cảnh nhà

chồng. Đó phải chăng là thị đã ý thức được trách của mình đối với việc cùng chồng chung tay gây dựng gia đình. Tấm lòng của thị thật đáng quý biết bao.

+++ Sau đêm tân hôn, người phụ nữ ấy có sự thay đổi hoàn toàn về tâm trạng và tính cách. Thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có cảm hóa với thị. Trong bữa cơm đầu tiên tại gia đình chồng, dù bữa ăn chỉ có *niêu cháo loãng, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhãn*, lại phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ, bằng lòng. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: *Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người nghèo nữa đấy*. Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn *trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói ãm đi trên đê Sộp, phía trước có lá cờ đỏ to lắm*.

- Đánh giá:

+ Nhà văn Kim Lân không chỉ tái hiện chân thực cảnh nghèo đói của nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám, mà còn phát hiện và ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn họ. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo xuất phát từ cái tâm của nhà văn.

+ Cái đọng lại cuối cùng của thiên truyện chính là cách nhìn đời, nhìn người đầy xót xa và thương yêu của nhà văn, là niềm tin mà ông muốn trao gửi đến chúng ta: dù cuộc sống có bi thảm đến đâu thì cái cội nguồn nhân bản lưu giữ trong nhân dân vẫn bất diệt, rằng con người có quyền khao khát được sống như một con người, nên người.

3. Kết bài :

- *Vợ nhặt* là thành công xuất sắc của nền văn học cách mạng. Với truyện ngắn này, Kim Lân bày tỏ thiện cảm sâu sắc với những người nghèo khổ, nhưng giàu lòng nhân ái. Ông luôn khẳng định cái đói khát, chết chóc không thể giết chết niềm tin vào cuộc sống, Năm tháng qua đi, còn mãi với thời gian là chất nhân văn cao cả của một người nghệ sĩ nhân đạo.

- Khẳng định tài năng của nhà văn Kim Lân. Ông tỏ ra am hiểu đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động. Bút lực nhà văn rất đời đảo, tinh tường trong việc lựa chọn tình huống, miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật

ĐỀ SỐ 17

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Đối với mỗi người Việt Nam chúng ta, Cách mạng tháng Tám là sự kiện lịch sử ghi sâu vào kí ức không thể phai mờ. Đó là cuộc cách mạng vĩ đại đã đưa nhân dân ta thoát khỏi vòng nô lệ kéo dài suốt thập kỉ, ghi lại dấu son chói lọi trong lịch sử dân tộc. Đó là những ngày sôi sục cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân ta nhất tề vùng lên giành độc lập dân tộc mở hướng mới đi lên của đất nước.

(2) Gần nửa thế kỉ qua, nhân dân ta không quên hi sinh gian khổ, chiến đấu kiên cường, giữ vững nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, tự do của nhân dân. Con đường cách mạng không chỉ có hoa thơm và có lạ. Trên bước đường đi lên có nhiều trắc trở, tiến trình cách mạng đã đạt được những thành tựu to lớn song cũng có những vấp vấp, sai lầm nhưng cuộc sống đã chứng tỏ sự lựa chọn con đường đi lên của dân tộc ta mở ra từ Cách mạng tháng Tám là hoàn toàn đúng đắn. Đó là con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội – một chế độ xã hội đủ sức giải đáp những vấn đề đặt ra của loài người, phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử.

(Nguyễn Hữu Thọ, *Kiên định mục tiêu vững bước trên con đường Cách mạng tháng Tám*, in trong *Bản lĩnh Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội)

Câu 1: Chỉ ra vấn đề chính được đề cập đến trong đoạn trích trên. .

Câu 2: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích. Chỉ ra những đặc điểm của đoạn trích thể hiện phong cách ngôn ngữ đó. .

Câu 3: Đọc đoạn trích và cho biết Cách mạng tháng Tám đem đến những điều gì mới mẻ cho dân tộc ta, đất nước ta. .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về những nhiệm vụ cần phải làm của nhân dân ta trong việc phát huy những giá trị mà cuộc Cách mạng tháng Tám đã mang lại. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Người đi quá nhanh sẽ đến quá muộn. (Publilius Syrus)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

Đánh giá về bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh (sách Ngữ văn 12, Tập một), có ý kiến cho rằng: *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá. Nhưng cũng có ý kiến nhận định: *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn chính luận mẫu mực. Bằng cảm nhận của mình về tác phẩm, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Vấn đề chính được đề cập trong đoạn trích trên là tái hiện lại những kí ức của cuộc Cách mạng tháng Tám của dân tộc, trên cơ sở đó khẳng định những điều mà người đời sau phải làm để tiếp tục xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp và phát triển hơn.

Câu 2: Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích là phong cách chính luận.

Có 3 dấu hiệu để nhận diện phong cách ngôn ngữ chính luận được thể hiện trong đoạn trích là: tính bình giá công khai (thể hiện qua cách nhà văn bình luận về những điều Cách mạng tháng Tám mang lại và những điều nhân dân thời sau phải ý thức về phát triển đất nước), tính lập luận chặt chẽ (thể hiện qua các luận điểm cụ thể mà tác giả chỉ ra) và tính truyền cảm (bộc lộ mong muốn nhắc nhở ý thức phát triển đất nước).

Câu 3: Theo đoạn trích, Cách mạng tháng Tám đem lại cho đất nước Việt Nam nhiều giá trị to lớn như sau:

- Mở ra những hướng đi mới cho lịch sử dân tộc Việt Nam.
- Xây dựng con đường đúng đắn cho dân tộc ta – con đường đi lên xây dựng xã hội chủ nghĩa.
- Đem lại động lực không thể phủ nhận để người đời sau kiểm nghiệm cuộc sống của chính mình, thấy rõ những điều cách mạng mang lại để phát triển hơn nữa đất nước.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Mỗi người dân cần biết trân trọng những giá trị lịch sử của dân tộc, ghi nhớ những mất mát mà nhân dân ta phải gánh chịu trong những năm tháng đau thương của chiến tranh.
- Ý thức được trách nhiệm của mình với đất nước để xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp hơn, phồn vinh hơn.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích

+Giải thích từ ngữ:

++ *đi quá nhanh:* chỉ việc con người mất bình tĩnh, nôn nóng muốn đạt được thành công.

++ *đến quá muộn:* Chỉ việc con người đạt được thành công muộn hơn dự định, kết quả không như mong muốn hoặc đơn giản là không thể hoàn thành một công việc gì đó.

+ Ý kiến *Người đi quá nhanh sẽ đến quá muộn:* Thể hiện chân lí của cuộc sống, nếu con người không bình tĩnh trải qua quá trình chuẩn bị kĩ lưỡng, không đi bằng chính đôi chân của mình mà lại tìm những con đường tắt, không chính đáng thì không những không đạt được công việc mình muốn một cách nhanh chóng như dự định mà trái lại còn gây ra những hậu quả không lường trước được.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao quá nóng vội khi làm một việc gì đó sẽ khiến con người khó đến được thành công?

++ Đi quá nhanh là khi con người không có những sự chuẩn bị cần thiết để đi tới thành công. Không có sự chuẩn bị những điều kiện cần thiết sẽ dẫn tới việc con người không giải quyết được những tình huống khó khăn mà cuộc sống mang lại. Trong những trường hợp như vậy, con người sẽ đánh mất nhiều cơ hội đáng quý trong cuộc sống.

++ Đi quá nhanh không chỉ thể hiện ở việc không chuẩn bị kĩ càng những điều kiện thích hợp mà còn được hiểu là không biết dung hòa trong cuộc sống, luôn mong muốn mọi thứ ở mức cao hơn có thể mà không chú ý đến năng lực và cảm xúc của bản thân. Điều này thể hiện ở việc con người không bình tĩnh giải quyết mọi chuyện (có thể là một cuộc tranh luận, có thể là việc thực hiện một công việc trong cuộc sống,...) để làm mọi chuyện trở nên rối tung vượt ngoài tầm kiểm soát của bản thân.

+ Tại sao bình tĩnh trong mọi việc lại có thể đem ta đến với thành công sớm hơn so với dự định?

++ Cuộc sống luôn tiềm ẩn những rào cản bất ngờ mà ta không lường trước được, một người bình tĩnh đi đến thành công sẽ dễ dàng trải qua những khó khăn đó bởi họ có sự chuẩn bị kĩ càng, sự lường trước những điều có thể xảy ra trong cuộc sống của họ. Những người như vậy thường đến với thành công theo cách mà họ mong muốn.

++ Người bình tĩnh trong mọi chuyện, không vội vàng sẽ đem đến những lựa chọn đúng đắn, không phụ

thuộc vào những cảm xúc nhất thời, không bỏ lỡ những cơ hội trong cuộc sống.

+ Để đi đến thành công, con người cần có những phẩm chất gì?

++ Trước hết là sự chuẩn bị chu đáo trên con đường đi tới thành công. Để chuẩn bị chu đáo, cần có thời gian nhất định, sự kiên nhẫn và lòng tin tưởng khi làm một việc gì đó.

++ Bất cứ điều gì cũng được tích lũy dần dần, một thành công đạt đến không phải là tự dung mà có, trái lại, muốn có nó con người phải trải qua nhiều thử, kể cả những thất bại. Do đó, muốn làm một việc gì đó, không được ngại khó, ngại khổ, ngại lâu thực hiện, không được nản lòng trước những thất bại trước mắt mà không cố gắng nỗ lực cho tương lai.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Bất cứ một thành quả nào đáng kể đều phải trải qua một quá trình dài rèn luyện, bồi đắp mới có được, do đó, mỗi cá nhân đều cần tạo cho bản thân tính kiên nhẫn và lòng quyết tâm mạnh mẽ khi thực hiện bất cứ điều gì.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, cùng với sự sụp đổ của chủ nghĩa phát xít, một trào lưu đấu tranh đòi độc lập dân tộc diễn ra sôi nổi trên thế giới, mạnh mẽ nhất là hệ thống các nước bị thực dân, phát xít chiếm đóng ở châu Á, châu Phi... Trên toàn lãnh thổ Việt Nam, nhân dân ta vùng lên chiến đấu chống phát xít Nhật, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai. Đến cuối tháng 8/1945, từ chiến khu, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà Nội, soạn thảo *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đọc bản Tuyên ngôn này.

- Dưới ánh sáng của nguyên lý phổ quát, không ai chối cãi được, và cảm hứng nhân văn về quyền tự do, bình đẳng, quyền sống và mưu cầu hạnh phúc của con người, *Tuyên ngôn Độc lập* đã phản ánh chân thực tinh thần đấu tranh kiên cường, bền bỉ, khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Vì thế, bản tuyên ngôn có giá trị về nhiều mặt. Đánh giá về bản *Tuyên ngôn Độc lập*, có ý kiến cho rằng: *Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử vô giá*. Nhưng cũng có ý kiến nhận định: *Tuyên ngôn Độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực*.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Hồ Chí Minh (1890 – 1969) là một tác gia lớn của nền văn học dân tộc Việt Nam. Người viết thành công trên nhiều thể loại văn chính luận, truyện ký, thơ ca và ở thể loại nào cũng có những tác phẩm xuất sắc mẫu mực. Riêng ở thể loại văn chính luận, Hồ Chí Minh đã chứng tỏ mình là một cây bút xuất sắc mẫu mực mà dẫn chứng hùng hồn là tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* 1945.

+ *Tuyên ngôn Độc lập* vừa tuyên bố nền độc lập của dân tộc Việt Nam vừa bác bỏ luận điệu xâm lược của kẻ thù. *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn chính luận vừa có giá trị pháp lí, giá trị lịch sử, giá trị nhân văn và giá trị nghệ thuật cao. *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học vô giá.

- Ý kiến thứ nhất:

+ Một văn bản được gọi là văn kiện lịch sử khi nó ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử trọng đại, khi văn kiện đó có nội dung liên quan đến những sự kiện lịch sử của dân tộc, đánh dấu một giai đoạn một bước ngoặt lịch sử của dân tộc. Hiểu theo nghĩa như vậy ta thấy *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá vì văn kiện này xuất hiện sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, đánh dấu một giai đoạn mới của nước Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuyên bố với thế giới về quyền độc lập tự chủ và quyết tâm bảo vệ đến cùng nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.

+ Khi đã là một văn kiện đòi hỏi phải có kết cấu rõ ràng, có mục đích nội dung và kết luận tuyên bố. *Tuyên ngôn Độc lập* được kết cấu hết sức chặt chẽ. Nó khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc, tư thế và chủ quyền của nhân dân đối với đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền ấy: *Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*. *Tuyên ngôn Độc lập* được một người soạn thảo, nhưng đó là tiếng nói của cả một dân tộc, quốc gia, của một chính phủ.

+ Đó là một văn kiện lịch sử vô giá vì:

++ Đối với toàn thể nhân dân Việt Nam, *Tuyên ngôn Độc lập* vừa là văn kiện tổng kết chặng đường hơn 80 năm đấu tranh gian khổ đẫm máu và nước mắt chống thực dân Pháp, chống phát xít Nhật, vừa là văn kiện khẳng định thắng lợi, khai sinh ra nước Việt Nam mới, cùng cố, khích lệ toàn dân tộc tiếp tục đấu tranh giữ vững nền độc lập cho đất nước, nền dân chủ cho nhân dân.

+ Đối với những lực lượng thù địch quốc tế, *Tuyên ngôn Độc lập* công bố rõ ràng quan điểm, thái độ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam về quyền lực của mình. Bằng cơ sở pháp lí, bằng lẽ phải và bằng thực tế thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, *Tuyên ngôn Độc lập* bác bỏ luận điệu mà nhà cầm quyền Pháp đưa ra: *Đông Dương (trong đó có Việt Nam) là thuộc địa của Pháp, sau khi Nhật đã hàng và rút lui thì Đông Dương phải trả lại cho Pháp, đặt dưới sự "bảo hộ" của Pháp.*

+ Đối với phe Đồng minh (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp) và những lực lượng yêu chuộng hòa bình, trọng công lí, *Tuyên ngôn Độc lập* tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của họ để công nhận quyền độc lập, tự do của Việt Nam và nhân dân Việt Nam.

Như vậy, *Tuyên ngôn Độc lập* đã tuyên bố trước quốc dân đồng bào và nhân dân toàn thế giới về việc xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến gần 100 năm ở Việt Nam; khẳng định quyền độc lập, tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc Việt Nam trên thế giới. *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là tấm giấy khai sinh, là mốc son mở ra kỉ nguyên mới cho nước Việt Nam mà còn là một đóng góp có ý nghĩa đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, "suy rộng ra" *Tuyên ngôn Độc lập* có tư tưởng mang tầm thời đại.

- Ý kiến thứ hai:

+ *Tuyên ngôn Độc lập* tuy là văn kiện chính trị, chứa đựng những nội dung chính trị, nhưng đây không phải là tác phẩm khô khan, trừu tượng. Về hình thức, đây là tác phẩm thuộc thể văn chính luận. Đặc trưng của văn chính luận là hệ thống lập luận chặt chẽ, với những lí lẽ sắc bén và những bằng chứng thuyết phục. Đó là một áng văn chính luận mẫu mực trong nền văn học Việt Nam.

+ *Tuyên ngôn Độc lập* có hệ thống lập luận chặt chẽ, với những lí lẽ sắc bén, những bằng chứng thuyết phục:

++ *Tuyên ngôn Độc lập* nhằm khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Nhưng trong hoàn cảnh *Tuyên ngôn Độc lập* ra đời, lời khẳng định đó không đơn thuần là một sự tuyên bố. Trái lại, để có ngày Quốc Khánh 02/09/1945, nhân dân ta đã phải làm một cuộc tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền từ tay thực dân, đế quốc. Và, con đường của dân tộc đang đứng trước biết bao thử thách khắc nghiệt. Bởi vậy, Hồ Chí Minh phải tranh luận, phân bác với những luận điệu của kẻ thù hòng phủ nhận quyền độc lập tự chủ đó.

++ Trước hết, Hồ Chí Minh xây dựng một cơ sở pháp lí của chủ quyền dân tộc Việt Nam. Cơ sở ấy là hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mĩ và *Tuyên ngôn*

Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp. Từ việc trích dẫn *Tuyên ngôn* của các nước, Hồ Chí Minh nêu lên quyền độc lập tự do của các dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam, là lẽ phải trong quan hệ quốc tế. Lẽ phải ấy không phải do người Việt Nam nghĩ ra, mà chính là do các nước lớn đó xác lập.

++ Tiếp đến, Hồ Chí Minh đưa ra cơ sở thực tế của chủ quyền dân tộc Việt Nam:

+++ Thực dân Pháp đã chiếm lấy đất nước ta trên 80 năm và hiện giờ, đang lăm le tái chiếm. Để dọn đường cho cuộc xâm lược mới, chúng chuẩn bị dư luận, rêu rao về quyền của chúng ở Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung. Bởi vậy, để khẳng định chủ quyền của dân tộc, phải phủ nhận quyền của thực dân Pháp đối với Việt Nam. Hồ Chí Minh phủ nhận bằng cách chứng minh ngược lại những lời rêu rao của chúng. Về chính sách khai hóa, thực dân Pháp luôn kể công của mình đối với Việt Nam cũng như các nước thuộc địa, xem đây là công cuộc khai hóa, đem lại ánh sáng văn minh. Trước đây, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất xấu xa, vô nhân đạo của chính sách khai hóa ấy. Ở đây, trong phạm vi của một bản *Tuyên ngôn*, Hồ Chí Minh vạch trần rất khái quát, đầy đủ những tội ác về chính trị, kinh tế, về chính sách bảo hộ của thực dân Pháp. *Tuyên ngôn Độc lập* vạch trần đây không phải là công, mà là tội. Khi vạch trần thực chất việc bảo hộ Việt Nam của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh còn gián tiếp chỉ ra một tội lỗi rất lớn của chúng. Đó là đầu hàng phát xít Nhật, phản bội Đồng minh! Với những luận chứng rõ ràng, rành mạch đã đưa ra, thực dân Pháp đã không còn quyền gì đối với Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng.

+++ Khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền trên đất nước mình. Để khẳng định quyền ấy, Hồ Chí Minh đưa ra những luận chứng. Từ những cơ sở pháp lí và cơ sở thực tế hết sức đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, Hồ Chí Minh đã đi đến tuyên bố độc lập. Lời tuyên bố ấy bao gồm: Thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước với Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam; các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng quyết không thể không công nhận chủ quyền độc lập của dân tộc Việt Nam; dân tộc Việt Nam có quyền độc lập, tự do.

+ *Tuyên ngôn Độc lập* chứa đựng tình cảm nồng nhiệt, tâm huyết của người viết:

++ Khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, không ít người dân Việt đã khóc. Ngày nay, mỗi khi được nghe lại, đọc lại, nhiều người vẫn còn cảm xúc ấy. Điều ấy có được vì Tuyên ngôn Độc lập đã chứa đựng tình cảm nồng nhiệt, với bao tâm huyết của tác giả. Lời văn Tuyên ngôn Độc lập có lúc vang lên chắc chắn, vững chãi khi tác giả trích dẫn những bản Tuyên ngôn của nước Mĩ, Pháp; có lúc đau đớn, cảm giận khi kể tội giặc Pháp, lúc lại sung sướng, tự hào với sức mạnh quật khởi của nhân dân khi đứng lên đánh đuổi phát xít Nhật, giành lấy chính quyền và quyết tâm sắt đá khi nói về việc bảo vệ quyền tự do và độc lập của dân tộc.

++ Chính vì chứa đựng rất rõ tình cảm, tâm trạng của người viết, một điều ít thấy ở văn bản chính luận nên Tuyên ngôn Độc lập không đơn thuần là một văn bản chính trị khô khan, thuần túy. Trong văn bản, đã có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa lí và tình. Nhờ đó, Tuyên ngôn Độc lập có một giọng điệu riêng, mà âm hưởng chính vẫn là hùng tráng, tự hào.

+ Tuyên ngôn Độc lập được viết bởi bàn tay điêu luyện của một bậc thầy về ngôn ngữ. Sự điêu luyện về ngôn ngữ thể hiện ở nhiều mặt, chủ yếu là:

++ Câu văn uyển chuyển, sinh động, theo nhịp của giọng điệu bản Tuyên ngôn Độc lập; có những câu đơn, nhưng phần lớn là câu phức, nhiều mệnh đề. Ví dụ, câu Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị là một câu phức nhưng hết sức ngắn gọn, mỗi mệnh đề đánh

dấu một sự kiện, thể hiện được sự thay đổi mau lẹ của thời cuộc.

++ Sử dụng hàng loạt cấu trúc trùng điệp: trùng điệp về từ, ngữ; trùng điệp về câu; trùng điệp về nội dung theo chiều hướng tăng tiến ở nhiều cấp độ.

++ Văn chính luận có nhiều hình ảnh đặc sắc: thẳng tay chém giết; tắm các cuộc khởi nghĩa trong bể máu; bóc lột đến xương tủy; nước ta xơ xác, tiêu điều; ngóc đầu lên; quỳ gối đầu hàng...

- Đánh giá: Hai ý kiến không mâu thuẫn mà thống nhất, bổ sung cho nhau tạo nên sự hoàn chỉnh cho tác phẩm. Tuyên ngôn Độc lập thực sự không chỉ là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một áng văn chính luận hay, cấu trúc chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực và ngôn từ chọn lọc. Giọng văn vừa hùng hồn, danh thép nhằm tố cáo mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp, vừa thống thiết, trữ tình bộc lộ khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của tác giả với toàn dân tộc Việt Nam.

3. Kết bài :

- Nếu coi bài thơ “thần” của Lý Thường Kiệt như là bản Tuyên ngôn đầu tiên thì từ đó đến nay để có bản Tuyên ngôn này dân tộc Việt Nam đổ bao xương máu mới có được. Đây là bản Tuyên ngôn được viết bằng máu và được tạo nên bằng khí phách của dân tộc.

- Khẳng định tấm lòng vĩ đại cũng như tài năng xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ sinh ra dân tộc mà còn để lại cho dân tộc những tài sản tinh thần vô giá cho lịch sử và văn học nước nhà.

ĐỀ SỐ 18

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Điều gì phải, thì cố làm cho kì được, dù là một việc nhỏ. Điều gì trái, thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ.*

(2) *Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Phải yêu và trọng lao động. Phải giữ gìn kỉ luật. Phải bảo vệ của công. Phải quan tâm đến đời sống của nhân dân. Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì ta là một bộ phận quan trọng của thế giới, mọi việc trong thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới...*

(3) *Thanh niên cần phải có tinh thần và gan dạ sáng tạo, cần phải có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng. Cần phải trung thành, thật thà, chính trực.*

(Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh toàn tập*, in trong *Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia).

Câu 1: Đối tượng hướng đến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn trích trên là gì? .

Câu 2: Chỉ ra phong cách ngôn ngữ của đoạn văn trên và các phép liên kết mà tác giả sử dụng.

Câu 3: Người gửi gắm lời dạy nào thông qua đoạn trích trên? .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về việc thế nào là nếp sống có đạo đức? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Nghịch cảnh không chỉ là một phép thử của tình cảm mà còn là thước đo của trí tuệ và bản lĩnh con người (Danh ngôn Pháp).

Bảng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói trên

Câu 2 (5 điểm):

Về đẹp con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ qua hai tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi và *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Trong đoạn trích trên, đối tượng Bác hướng đến là thanh niên. Điều này được thể hiện trong câu cuối: *Thanh niên cần phải có...*

Học sinh lưu ý: Đây là lời Bác dặn thanh niên, nó có thể đúng với việc hướng đến cả các đối tượng khác, tuy nhiên cần phải nắm được đúng đối tượng mà Bác muốn hướng đến chứ không chỉ dựa vào nội dung câu nói mà kết luận. .

Câu 2:

- Phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích là chính luận. .

- Các phép liên kết được sử dụng là:

+ Phép lặp: lập cấu trúc “điều gì...thì phải...dù là một điều nhỏ”, lặp từ ngữ như “phải...phải, cần... cần...”

+ Phép liên tưởng: Nhà văn sử dụng trường từ vựng về đạo đức (chẳng hạn như các từ sau: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, trung thành, thật thà, chính trực...).

Câu 3: Lời dạy của Bác ở đoạn trích trên là:

- Thanh niên cần phải tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức đúng đắn của người làm cách mạng, phải tránh những điều xấu, phải thực hiện những điều tốt”.

- Cụ thể phẩm chất đạo đức mà Bác dạy gồm có những điều sau: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu và trọng lao động, giữ gìn kỉ luật, bảo vệ của công, quan tâm đến đời sống của nhân dân, chú ý đến tình hình thế

giới. Ngoài ra cần có tinh thần và gan dạ sáng tạo, có chí khí hăng hái và tinh thần tiến lên, vượt mọi khó khăn, gian khổ để tiến mãi không ngừng, phải trung thành, thật thà, chính trực. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Một nếp sống có đạo đức là nếp sống theo những chuẩn mực mà xã hội thừa nhận, đó là lối sống lành mạnh, tích cực.

- Để có lối sống đạo đức, mỗi người cần ý thức về thái độ sống của bản thân, cách cư xử đối với những người xung quanh hoặc cách tham gia vào công việc chung của tập thể...

- Liên hệ tới lối sống có đạo đức của lứa tuổi thanh niên (chính là lứa tuổi của học sinh) có những biểu hiện như thế nào. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích ý kiến:** Khẳng định ý nghĩa của nghịch cảnh trong quá trình nhận thức và tự nhận thức của con người.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

+ Nghịch cảnh là một phần tất yếu của cuộc sống và ai cũng phải trải qua ít nhất một lần trong đời.

+ Qua nghịch cảnh, ta hiểu thêm về trái tim mình và trái tim người, thấy được tình cảm của tập thể và cả dân tộc.

+ Đối diện và vượt qua nghịch cảnh, mỗi người và cả dân tộc sẽ chứng tỏ được tâm vóc của trí tuệ và bản lĩnh của mình.

+ Phê phán quan niệm và hành động sai lầm: chay trốn hay đầu hàng nghịch cảnh, thiếu tinh táo, sáng suốt khi gặp hoàn cảnh éo le, ngang trái, dễ thất bại trong công việc, thậm chí bị kẻ thù lợi dụng.

- **Bài học nhận thức và hành động**

+ Tự làm giàu cho tâm hồn và trí tuệ để có đủ sức mạnh vượt qua nghịch cảnh. Nhưng không chỉ trong nghịch cảnh mới giúp ta nhận thức được nhiều điều mà ngay trong những hoàn cảnh bình thường của cuộc sống thường ngày thì mỗi người cần luôn có ý thức học hỏi,

câu tiến để rút ra kinh nghiệm cho mình, trau dồi kiến thức cho bản thân.

+ Sống yêu thương, đoàn kết, tinh táo để cùng nhau chiến thắng nghịch cảnh với cả cộng đồng.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Hình ảnh những con người Việt Nam đã đi vào thơ ca với những phẩm chất cao đẹp: cần cù trong lao động, anh hùng trong chiến đấu. Văn thơ thời kì kháng chiến chống Mĩ đã dựng lại cả một thời kì máu lửa, đi sâu tìm tòi, khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của con người. Tôi nhớ mãi một Tnú, cụ Mết trong *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành; chú Năm, chị Chiến, anh bộ đội tên Việt trong *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

- *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong gia đình* đều là hai tác phẩm xuất sắc viết về đề tài chiến tranh cách mạng ở miền Nam vào những năm 60 của thế kỉ trước. Qua hai tác phẩm, ta thấy được vẻ đẹp của con người Việt Nam được thể hiện rất rõ nét. Họ là hiện thân của vẻ đẹp con người Việt Nam, của sức sống dân tộc. Năm tháng trôi đi và lịch sử đã bước sang trang mới nhưng những con người ấy vẫn sáng ngời lên, nhắc nhở ta về một quãng đường đầy gian khổ, đau thương, lại rất đổi anh hùng mà đất nước mình đã đi qua.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Mỗi nhà văn thường có một vùng đất riêng, với Nguyễn Trung Thành đó là Tây Nguyên. Ông đã có rất nhiều những tác phẩm viết về mảng đề tài này, đặc biệt là hình ảnh của những con người bất khuất, kiên cường nơi núi rừng Tây Nguyên. Một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sáng tác của Nguyễn Trung Thành là truyện ngắn *Rừng xà nu*. Truyện ngắn *Rừng xà nu* được nhà văn Nguyễn Trung Thành viết năm 1965, in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*. Tác phẩm là câu chuyện về dân làng Xô Man trong kháng chiến chống Mĩ.

+ Nguyễn Thi là cây bút tiêu biểu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kỳ chống Mĩ. Ông được mệnh danh là *Nhà văn của nông dân Nam Bộ*. Văn Nguyễn Thi vừa giàu chất hiện thực quyết liệt, dữ dội của chiến tranh, vừa đậm thắm, trữ tình với một ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ. Nhân vật trong tác phẩm của ông là những người nông dân Nam Bộ có lòng căm thù giặc sâu sắc, vô cùng gan góc, kiên cường, thủy chung son sắt với quê hương và cách

mạng. *Những đứa con trong gia đình* là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi, được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác ở tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng*.

- Về đẹp của con người Việt Nam trong *Rừng xà nu*:

+ *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành là một truyện ngắn xúc động, hào hùng về cuộc đấu tranh anh dũng của dân làng Xô Man. Nhà văn đã đi sâu khám phá những con người Tây Nguyên, những con người cả đời gắn bó với cây xà nu như gắn bó với Đảng, với cách mạng. Con người hiện lên trong trang văn của Nguyễn Trung Thành là hình ảnh của một tập thể anh hùng nhiều thế hệ. Trang sử hào hùng của Tây Nguyên không chỉ một người viết mà là sự nối tiếp, kế tục từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Họ đã cùng nhau dựng xây làng bản, dựng xây lịch sử của một đất nước đứng lên. Nói đến phong trào đấu tranh của dân làng Xô Man, ta không quên hình ảnh những con người hiện lên với vẻ đẹp và phẩm chất đáng quý:

++ Anh Quyết, anh là cán bộ của Đảng, là người đã nhen nhóm phong trào cách mạng cho cộng đồng dân làng Xô Man. Tnú còn nhớ như in lời của anh: *sau này, nếu Mi-Diệm giết anh, Tnú phải làm cán bộ thay anh*. Anh đã chính là người đã truyền sức mạnh, niềm tin cho Tnú, cho Mai. Anh là một người chiến sĩ dũng cảm, anh hùng.

++ Nếu như anh Quyết là hiện thân của lớp trẻ, của Đảng thì hình ảnh cụ Mết lại sáng lên trong truyện ngắn như một trụ cột của dân làng Xô Man. Ông như lịch sử bao trùm nhưng không che lấp đi sự nối tiếp mãnh liệt, ngày càng mãnh liệt hơn, sành sỏi và tự giác hơn. Mỗi lời nói của cụ Mết như lời nói của sông núi, là lời nói của dân tộc. Ông cụ là cuội nguồn của dân làng Xô Man, là người đã lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc: *Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*. Cụ hiện thân cho truyền thống, cho nét đẹp từ ngàn xưa của dân làng. Cụ rất ít khen tốt giỏi mà chỉ nói “được”, cụ truyền lại sức mạnh, răn dạy con cháu: *Nhớ lấy ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại với con cháu*. Hình ảnh của cụ Mết là hình ảnh của một già làng suốt đời đã gắn bó với Tây Nguyên, chiến đấu bảo vệ buôn làng, tự hào về cây xà nu. Đẹp thay hình ảnh của một ông cụ *râu bầy giờ đã dài tới ngực đen bóng, mắt vẫn sáng và xếch ngược* hiện hiện giữa núi rừng Tây Nguyên. Và hình ảnh của cùng lớp thanh niên trong làng cầm giáo mà cứu Tnú cho thấy cụ là hiện thân của sức sống dân tộc, tâm hồn dân tộc. Nguyễn Trung Thành ngợi ca cụ Mết như ca

ngợi cuội nguồn, ngợi ca Tây Nguyên bởi vẻ đẹp tâm hồn cụ là vẻ đẹp của ngày xưa, trường tồn và mãnh liệt cho đến hôm nay.

++ Viết về Rừng xà nu viết về những con người anh hùng quả cảm, nhà văn đã khắc hoạ hình tượng nhân vật trung tâm: Tnú. Tnú là một thanh niên trẻ, anh dũng, gan dạ với cuộc đời bi kịch, đau thương nhưng anh đã vượt lên trên tất cả để sống, để chiến đấu và vẻ đẹp của Tnú là vẻ đẹp của một con người chiến thắng, của một chiến sĩ anh hùng.

Phẩm chất anh hùng của Tnú được bộc lộ từ khi còn là một cậu bé cùng Mai đưa thư, tiếp tế cho cán bộ. Tnú yêu cách mạng, yêu Đảng. Một lần bị giặc bắt, anh quyết không khai mặc dù bị tra tấn dã man. Lòng căm thù giặc đã trở thành dòng máu chảy trong lòng anh từ lúc làng Xô Man còn chưa biết vùng dậy đánh giặc. Tnú lớn lên trong sự yêu thương của dân làng, trong mối hận của trả thù cho vợ, cho con và ao ước được làm cán bộ. Anh trở thành anh thanh niên xung phong của dân làng Xô Man. Cuộc Tnú chỉ đấu đấu một nỗi niềm với cách mạng, với Đảng. Và khi mười đầu ngón tay của anh cháy như mười ngón đuốc anh cũng không kêu van, anh thấy lửa cháy trong bụng, thấy máu đã mặn chát nơi đầu lưỡi. Tnú hi sinh tất cả, quên mình vì đồng loại, bàn tay của anh là bàn tay của người anh hùng, bàn tay ấy kể với ta về số phận một con người đau thương mà không hề chùn bước.

++ Bé Heng, Dít, ... tất cả đều mang cái hồn của dân làng Xô Man. Nguyễn Trung Thành đã ngợi ca vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời kì chống Mĩ cứu nước với bản chất anh hùng, quả cảm của cả một cộng đồng vừa anh dũng lại vừa nhân ái trong công cuộc bảo vệ quê hương.

- Về đẹp của con người Việt Nam trong *Những đứa con trong gia đình*:

+ Nhân vật Việt và Chiến:

++ Cả hai chị em đều phải sống trong cảnh thiếu thốn tình thương khi ba và má đã bị giặc sát hại. Việt và Chiến tranh nhau đi bộ đội, nỗi đau sự thiếu hụt tình cảm gia đình đã hun đúc cho cả hai chị em lòng căm thù giặc sâu sắc. Việt là một anh bộ đội gan dạ, dũng cảm, tuy bị thương nhưng vẫn cố tìm và quyết đi theo cùng đồng đội. Trên mặt trận chiến đấu, Việt là một anh lính Cụ Hồ anh hùng quả cảm lập chiến công mà vẫn khiêm tốn không muốn báo cho chị biết. Chị Chiến cũng là một người gan dạ, dũng cảm, chị mong mỏi, khát khao được đánh giặc để trả thù cho ba má. Nguyễn Thi đã ca ngợi phẩm chất anh hùng của “những đứa con trong gia đình” tuy nhỏ

tuổi mà nặng lòng với cách mạng sẵn sàng hi sinh thân mình vì sự nghiệp cứu nước. Bản chất anh hùng của con người Việt Nam có ở mọi thế hệ, mọi dân tộc tựa như đã trở thành dòng máu chảy ngầm ở mỗi người con đất Việt. Chiến và Việt là hình ảnh của lớp trẻ hăng hái, dũng cảm trên bước đường chiến đấu gian khổ, khốc liệt của quê hương. Họ tiêu biểu cho sức trẻ có thể làm đổi thay sử lịch sử là ghi thêm trang mới.

++ Nguyễn Thi đã phát hiện vẻ đẹp anh dũng của con người Việt Nam nhưng chưa đủ, nhà văn còn tìm thấy ẩn sâu bên trong những con người gan góc, quả cảm ấy là một tình yêu thương lớn lao, tình yêu thương gia đình. Việt tuy đã là anh bộ đội song vẫn ngây thơ, trẻ con như cậu bé thuở nào. Đoạn hai chị em Việt khiêng bàn thờ ba má sang nhà chú Năm gửi đề đi bộ đội thật cảm động, nó để lại trong lòng ta biết bao rung động, tình cảm ngọt ngào: *Nào, đưa ba má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má.* Câu văn như nghẹn ngào mà lại chứa chan biết bao nhiêu sự quyết tâm của hai chị em Chiến và Việt. Con người Việt Nam trong chiến tranh đâu không chỉ biết chiến đấu mà còn biết yêu thương. Họ đã vượt lên trên nỗi đau của cá nhân để chiến đấu vì nỗi đau đồng loại. Hình ảnh của Chiến và Việt hiện lên trong trang viết Nguyễn Thi thật xúc động, neo lại trong tâm hồn ta vừa ngạc nhiên vừa như ngỡ ngàng vì vẻ đẹp của con người Việt Nam một thuở.

+ Nhân vật chú Năm:

++ Chú Năm là người nông dân Nam Bộ yêu lao động, sống gắn bó với quê hương, miệt vườn, đồng ruộng. Lòng yêu quê hương xứ sở của chú Năm được thể hiện qua giọng hò đặc biệt của chú. Chú Năm hò không hay bởi chú đã già, giọng chú đục và tức như gà gáy. Chú chỉ hò khi kể lại sự tích gia đình, cuối câu chuyện thế nào chú cũng hò mấy câu nói về cuộc đời cay cực của chú. Đặc biệt những chiến công ở miền đất Nam Bộ, cuộc sống con người nơi đây theo tiếng hò chú Năm hiện lên tha thiết: hình ảnh chiếc áo và quần, ngọn đèn biển gò công, hay nghĩa quân Trương Định. Qua giọng hò, chú muốn nhắc Chiến và Việt về cội nguồn. Tình yêu quê hương như thấm vào máu thịt, hơi thở của chú Năm qua những điệu hò.

++ Chú Năm là con người tình cảm, nhân hậu, luôn tự hào về truyền thống gia đình. Chú Năm không chỉ ghi chép các thế hệ gia đình, mà cuốn sổ còn trở thành nơi ghi những chiến công và nỗi đau của gia đình. Nó không chỉ có ý nghĩa một cuốn gia phả mà nó còn là tấm bia ghi món nợ máu với bọn đế quốc. Chú Năm ghi chép cuốn

sổ với một sứ mệnh đặc biệt. Chú quý cuốn sổ như báu vật, ghi chép tỉ mỉ những sự kiện gia đình với mục đích gìn giữ truyền thống để giáo dục con cháu. Bởi vậy, khi Chiến và Việt lớn lên, chú yêu cầu hai chị em đọc hết cuốn sổ gia đình. Mong ước của chú là muốn lấy truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước của gia đình để giáo dục Chiến và Việt, từ đó có trách nhiệm đứng lên chiến đấu và sống đúng nghĩa. Lòng tự hào về truyền thống gia đình còn được chú Năm nói với Chiến và Việt một thông điệp mang tính triết lí: *Chú thường ví chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, cũng lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn ruộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta.* Câu nói khẳng định mỗi con người là một khúc sông, mỗi gia đình là một dòng sông để đổ vào biển lớn của nhân dân, đất nước. Từ đó nhắc nhở mỗi người phải biết kế thừa, trân trọng, tôn vinh truyền thống cha ông.

++ Về tình cảm gia đình: chú là người nhân hậu, yêu thương ba chị em như con đẻ. Sau khi ba má Việt mất, chú thay vai trò của người cha người mẹ nuôi dưỡng, giáo dục chị em Việt. Chú luôn đặt niềm tin vào thế hệ con cháu. Khi thấy Chiến thu xếp việc nhà ổn thỏa trước khi ra trận, chú khen: *Khôn. Việc nhà nó thu gọn được thì việc nước nó mở rộng được. Gọn bề gia thất, dặng bề nước non. Con nít chúng bay đánh giặc kì này khôn hơn các chú kì trước.*

++ Chú Năm luôn luôn tin tưởng vào cách mạng. Từng tham gia kháng chiến nhưng khi già không trực tiếp cầm súng đánh giặc, chú bày tỏ lòng nhiệt thành với cách mạng, tinh thần yêu nước bằng cách khích lệ các cháu tòng quân nhập ngũ. Khi hai chị em Chiến, Việt tranh nhau đi bộ đội, chú đồng ý cho cả hai ra trận. Chú Năm đặt quyền lợi đất nước lên trên quyền lợi gia đình. Chú nhắc nhở Chiến và Việt phải giữ gìn truyền thống của cha mẹ, thù cha mẹ chưa trả mà trốn về thì chú chặt đầu. Điều này cho thấy dũng khí yêu nước mãnh liệt phảng phất tinh thần trượng nghĩa, bộc trực của người Nam Bộ nói riêng cũng như con người Việt Nam nói chung.

- Đánh giá: Cùng viết về vẻ đẹp của con người Việt Nam, cả hai tác phẩm đều là những bản anh hùng ca hào hùng, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của những người con

của đất rừng miền Nam trong lửa đạn sáng ngời. Những con người mang vẻ đẹp bất khuất, kiên cường cùng lòng căm thù giặc sâu sắc ngàn ngút, yêu quê hương tha thiết, giàu tình nghĩa, thủy chung, son sắt với gia đình, cách mạng. Hai tác phẩm đều là truyện ngắn rất thành công của mỗi tác giả, khi mà tài năng của họ đã đạt đến đỉnh cao. Bằng tài năng nghệ thuật đặc sắc cùng những nét cảm nhận riêng biệt về hai vùng đất Tây Nguyên và Nam Bộ. Cả hai nhà văn đã khắc họa thành công những nhân vật điển hình, đại diện cho những mảnh đất và cũng là đại diện cho những con người Việt Nam nói chung trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Tuy nhiên, ở mỗi tác phẩm cũng có những nét riêng trong sự thể hiện vẻ đẹp của con người Việt Nam:

+ Ở *Rừng xà nu*: giàu không khí Tây Nguyên và giàu chất sử thi hùng tráng trang nghiêm; không khí sử thi ấy đã chi phối nhà văn trong việc xây dựng những nhân vật điển hình mang màu sắc được lý tưởng hóa phù hợp với nội dung và chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Những nhân vật mà Nguyễn Trung Thành xây dựng không chỉ mang tính cá nhân mà còn là đại diện cho cả một dân tộc. Không chỉ ở hình tượng nhân vật mà ngay cả trong giọng điệu của câu chuyện cũng mang tính chất sử thi hùng tráng.

+ Qua hệ thống hình tượng nhân vật của *Những đứa con trong gia đình*, Nguyễn Thi nhằm giải thích về những phẩm chất anh hùng của những đứa con trong gia đình. Cội nguồn truyền thống của gia đình đã tạo nên những phẩm chất tuyệt vời cho những đứa con. Câu

chuyện được xây dựng qua một điểm nhìn rất độc đáo đó là sự hồi tưởng, nhớ lại của Việt. Khác với rừng xà nu, khi mà cụ Mết là người nhớ lại thì đây lại là chính những người trong gia đình nhớ lại những kỉ niệm gần gũi thân thương, mang ý nghĩa thẩm mỹ và nhân sinh sâu sắc. Đặc sắc trong cách xây dựng hình tượng nhân vật của Nguyễn Thi là phân tích tâm lý nhân vật, nhưng chi tiết tưởng như rất bé nhưng lại có những ý nghĩa to lớn, đi liền với nội tâm nhân vật. Đồng thời, nếu như câu chuyện của cụ Mết là câu chuyện đại diện cho một tộc người thì trong tác phẩm không dừng lại ở một chủ thể cụ thể nào. Nó không chỉ là câu chuyện của một gia đình mà Nguyễn Thi như xây dựng một con sông và muốn mọi người góp sức mình để xây dựng nên hàng trăm con sông khác.

3. Kết bài :

- *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là tác phẩm xuất sắc của văn học chống Mỹ ở miền Nam. Mỗi tác phẩm có vẻ đẹp riêng, không khí riêng, cách nhìn riêng về hiện thực đấu tranh cách mạng và nghệ thuật xây dựng nhân vật.

- Vẻ đẹp con người Việt Nam đã làm nên cái hồn của cả dân tộc và góp phần làm cho tác phẩm còn sống mãi với thời gian. Văn học thời kì chống Mỹ cứu nước đã bắt được nhịp sống của dân tộc, đã ngợi ca sức sống và vẻ đẹp của con người Việt Nam. Giờ lật lại, chúng ta không khỏi tự hào, xúc động về những năm tháng đất nước nước mình đã đi qua, về vẻ đẹp muôn đời của người con đất Việt.

ĐỀ SỐ 19

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Khổng Tử là một nhà tư tưởng, nhà giáo dục vĩ đại trong lịch sử, là người sáng lập học phái Nho gia. Ông có công rất lớn trong việc chỉnh lí, nghiên cứu và truyền bá văn hóa cổ Trung Quốc. Tư tưởng và học thuyết của ông đã cống hiến cho nền văn hóa Trung Quốc nói riêng và nền văn minh nhân loại nói chung những giá trị bất hủ [...]*

(2) *Khổng Tử là người sáng lập Nho gia. Ông đã kế thừa tiền nhân, phát huy quan điểm của đạo nhân, lấy quan niệm đạo đức làm trung tâm học thuyết, xây dựng triết học đạo nhân, cũng tức là triết học nhân văn mang tính nhân bản chủ nghĩa. Trong đó, lễ nhạc là biểu hiện chính của văn đức, Khổng Tử chọn để dạy, là nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng nhân văn trong học thuyết về nhân và lễ của Khổng Tử.*

(Trần Tiến Khôi, *Luận ngữ với người quân tử thời hiện đại*, NXB Từ điển bách khoa).

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. .

Câu 2: Thông tin về Khổng Tử được triển khai thành bao nhiêu ý chính? Đó là những ý nào? .

Câu 3: Phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu sau: *Ông đã kế thừa tiền nhân, phát huy quan điểm của đạo nhân, lấy quan niệm đạo đức làm trung tâm học thuyết, xây dựng triết học đạo nhân, cũng tức là triết học nhân văn mang tính nhân bản chủ nghĩa.* Xác định câu văn vừa phân tích thuộc kiểu câu nào? .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, anh (chị) hãy trình bày vai trò của giáo dục và sự phát triển giáo dục đối với nhân loại? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau: *Những người bạn già đối giống như những chiếc bóng: chúng theo gót ta ra ngoài nắng ấm, và rời bỏ ta ngay khi ta bước vào bóng râm* (C. Bôvi).

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ sau:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi.*

(Tây Tiến – Quang Dũng)

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương
Nhớ cùng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là thuyết minh (thuyết minh về một nhân vật lịch sử).

Câu 2: Thông tin về Khổng Tử được triển khai thành 2 ý chính như sau:

- Những nét khái quát nhất về tiểu sử của ông: nhà tư tưởng, nhà giáo dục, vai trò của những tư tưởng và học thuyết của ông trong việc truyền bá văn hóa cổ Trung Quốc.

- Cụ thể về vai trò sáng lập và truyền bá tư tưởng Nho gia của ông.

Câu 3: Ông đã kế thừa tiền nhân, phát huy quan điểm của đạo nhân, lấy quan niệm đạo đức làm trung tâm học thuyết, xây dựng triết học đạo nhân, cũng tức là triết học nhân văn mang tính nhân bản chủ nghĩa.

Chủ ngữ: Ông

Vị ngữ 1: đã kế thừa tiền nhân

Vị ngữ 2: phát huy quan điểm của đạo nhân

Vị ngữ 3: lấy quan niệm đạo đức làm trung tâm học thuyết

Thành phần phụ chú: cũng tức là triết học nhân văn mang tính nhân bản chủ nghĩa.

Chỉ ra kiểu câu: Câu đơn có nhiều vị ngữ.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây

- Khổng Tử là một con người có vai trò rất lớn trong ngành giáo dục với việc truyền bá những tư tưởng tốt đẹp trong giáo dục cho nhân loại, giúp nhân loại tiến đến văn minh, đạo đức chuẩn mực.

- Liên hệ: Giáo dục có vai trò quan trọng trong phát triển đất nước phồn vinh, xây dựng xã hội tốt đẹp và con người có đạo đức, nhân phẩm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích:** Câu nói của Bôvi mang đến cho chúng ta những bài học thấm thía về sự giả dối trong tình bạn,

thứ tình cảm đến với nhau không bằng sự chân thành, trong sáng mà chỉ để lợi dụng vì lợi ích của bản thân.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

+ Tình bạn là gì?

Tình bạn có thể là bạn tri kỉ, bạn nối khố, bạn học, bạn đồng hương, bạn đồng lứa, bạn đồng minh hay bạn chiến đấu. Bạn là người có cùng sở thích, cùng lí tưởng, quan niệm sống với chúng ta. Bạn là người cho ta một bờ vai mỗi khi ta khóc, cho ta một điểm tựa khi ta rơi vào tuyệt vọng, cho ta một bầu trời ánh sáng khi ta lạc bước vào thế giới tăm tối, là người sẽ luôn bên ta dù cuộc đời có đổi thay, khi ta gặp hoạn nạn cũng như tìm thấy hạnh phúc. Tình bạn đến với mỗi chúng ta một cách rất tự nhiên bởi lẽ nó xuất phát từ trái tim của mỗi người.

++ Dẫn chứng: Tình bạn của Lưu Bình và Dương Lễ ngày xưa. Tình bạn vô cùng tốt đẹp và sâu sắc của hai nhà chính trị lớn là Các Mác và Ăng-ghen.

+ Tình bạn giả dối:

++ Đó là tình bạn dựa trên sự giả dối và lợi dụng. Tình bạn ấy sẽ không bao giờ vĩnh cửu cả. Bởi tình bạn được xây dựng dựa trên những tình cảm, những cảm xúc chân thành nhất. Chính vì vậy, nếu thiếu đi những thứ này, tình bạn sẽ không bao giờ bền vững. Viên pha lê “tình bạn” óng ánh kia sẽ không còn sáng lấp lánh nữa mà thay vào đó là những ánh sáng mờ nhạt, đen tối. Tình bạn dối lừa sẽ làm cho con người ta mất đi nhân phẩm, đạo đức của mình. Tình bạn dối trá sẽ khiến cho hai chữ “tình bạn” không còn thiêng liêng và cao quý nữa. Tình bạn này sẽ khiến cho bất cứ ai trong cuộc đều cảm thấy buồn phiền và thất vọng. Không những ta đã gây cho người khác sự tổn thương mà chính ta cũng bị tổn thương ngược lại bởi những gì ta đã gây ra. Tình bạn sống trong sự giả dối, đố kỵ sẽ không thể bền lâu.

++ Dẫn chứng:

Trong học tập: Lúc thi cử thì luôn ra sức nhờ cậy để đạt điểm tốt còn lúc bình thường thì nói xấu, lép bè kết phái lẫn nhau. Đó là tình bạn dựa trên sự toan tính và vị kỉ của cá nhân con người.

Trong cuộc sống: khi còn địa vị, quyền cao chức trọng thì nhiều người đến thăm hỏi, quan tâm nhưng khi mất chức quyền hay đến tuổi về hưu thì lại không có ai đến nữa.

+ **Mở rộng, nâng cao vấn đề:**

++ Câu nói của Bôvi là nhằm lên án, phê phán bản chất của những kẻ cơ hội, đó không phải là tình bạn chân chính, mà là những con người dựa trên danh nghĩa tình

bạn để lợi dụng một cách thấp hèn, ích kỉ. Qua đó vừa cảnh báo về cách chọn bạn, vừa nhắn nhủ với người đời hiểu đúng về tình bạn và sống với bạn cho ra nhân cách con người. Đồng thời ca ngợi những tình bạn tốt đẹp trong cuộc sống.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Làm sao để có một người bạn tốt? Câu trả lời duy nhất là chính mình phải là một người bạn. Hãy biết quan tâm, cảm thông với người khác nhiều hơn, nhất là bạn bè của mình. Hãy nghĩ đến người khác trước, thay vì chỉ nghĩ đến mình đầu tiên.

+ Làm cách nào để duy trì tình bạn? Hãy tôn trọng người bạn của mình, cũng như tôn trọng các mối quan hệ của họ.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Trong cuộc đời ai cũng có ít nhất một niềm thương nỗi nhớ. Có lẽ vì thế mà nỗi nhớ đã trở thành đề tài quen thuộc được các nhà văn, nhà thơ ưu ái nói đến. Nếu như trong *Tây Tiến*, Quang Dũng nhớ da diết thiên nhiên và con người miền Tây thì đến với *Việt Bắc*, nhà thơ không chỉ nhớ về con người và thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng, nhớ về những ngày tháng kháng chiến gian khổ, hào hùng mà hơn thế nữa là những dấu ấn tươi nguyên về những ngày chiến thắng. Trong rất nhiều nỗi nhớ đó nổi bật lên là những kỉ ức của Quang Dũng và Tố Hữu về những vùng đất, những địa danh đã làm nên lịch sử. Và điều đó được thể hiện rõ nhất qua hai đoạn thơ sau:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

Và:

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương

Nhớ cùng bàn khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

2. Thân bài

- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm:

+ Quang Dũng là một người nghệ sĩ tài hoa, vẽ đẹp, hát giỏi, thơ hay. Ông gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam vào ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trở thành phóng viên tiền phương của báo *Chiến đấu*. Năm 1947, ông được điều đi học Trường bổ túc trung cấp quân sự Sơn Tây. Sau khóa học, ông đảm nhận chức vụ Đại đội trưởng ở tiểu đoàn 212, Trung đoàn Tây Tiến.

Ông tham gia chiến dịch Tây Tiến đợt hai, mở đường qua đất Tây Bắc. Cuối năm 1948, sau chiến dịch Tây Tiến, ông làm Trưởng tiểu ban tuyên huấn của Trung đoàn 52 Tây Tiến, rồi làm trưởng đoàn Văn nghệ Liên khu III.

++ Quang Dũng viết rất nhiều truyện ngắn và sáng tác kịch, tham gia nhiều triển lãm tranh sơn dầu cùng với nhiều họa sĩ nổi danh. Ông viết bài thơ *Tây Tiến* năm 1948 khi tham dự Đại hội toàn quân ở Liên khu III tại làng Phù Lưu Chanh. *Tây Tiến* là một bài thơ mang đậm nét hào hùng, bi tráng pha chất lãng mạn, hào hoa.

+ Tố Hữu là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng, với phong cách trữ tình chính trị. *Việt Bắc* là bài thơ tiêu biểu nhất của ông, thể hiện tình cảm cách mạng sâu nặng của nhân dân và cách mạng, của người ra đi với người ở lại và những kỉ niệm kháng chiến gian khổ mà hào hùng.

- Phân tích đoạn thơ: *"Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi... Mường Lát hoa về trong đêm hơi"*.

+ Hai câu thơ đầu: gọi tên cho cảm xúc chủ đạo của toàn bộ thi phẩm. Đó là nỗi nhớ và những hoài niệm.

++ Câu thơ thứ nhất với nhịp 2/2/3, vừa như đứt quãng, vừa như liền mạch. Khi Quang Dũng nhớ về sông Mã thì ngay lập tức lại thấy nó xa rồi nên "Tây Tiến ơi" vừa như một lời gọi, vừa như một cảm xúc dâng trào và nỗi nhớ đã nổi hình, nổi khối. Vì sao khi nhớ về Tây Tiến, Quang Dũng lại gọi tên sông Mã? Vì dọc con đường hành quân của họ, dòng sông Mã như một địa danh đồng hành, từng chứng kiến bao kỉ niệm, đau thương, mất mát.

++ Câu thơ thứ hai, tác giả nói rõ hơn về nỗi nhớ của mình, nỗi nhớ rừng núi và mang cảm xúc chơi vơi. Vì địa bàn hoạt động của người chiến binh chủ yếu là núi rừng hiểm trở nên hình ảnh núi, rừng đã ăn sâu vào tâm khảm những người chiến binh cho dù đã xa Tây Tiến. Còn nỗi nhớ chơi vơi, đó là cảm xúc không định hình rõ rệt, nó không có nguồn gốc nhưng cũng không có tận cùng nên cứ lan tỏa mênh mông. Những tình cảm này cũng từng được cha ông ta nói đến trong ca dao như là nỗi nhớ chơi vơi, sự băng khuâng, xao xuyến: "Ra về nhớ bạn chơi vơi"

++ Cả hai câu thơ cùng kết lại trong vần "ơi", "chơi vơi". Nó vẽ lên điều gì đó như xa xôi, như mất mát. Cảm xúc của tác giả như hụt hẫng, chơi vơi vì Tây Tiến lúc này chỉ là quá khứ. Từ nỗi nhớ và tiếng vẫy gọi của tác giả làm cho Tây Tiến như một sinh thể có hồn, đang chuyển tải cảm xúc của nhà thơ Quang Dũng.

+ 2 câu thơ tiếp theo:

++ Sài Khao, Mường Lát là những địa danh rất quen thuộc của Tây Bắc góp phần gợi nỗi nhớ chơi vui. Hình ảnh Tây Bắc hiện lên trong câu thơ mật mù và cà mật môi, gian khổ của đoàn quân như lẩn vào sương. Bên cạnh cái gian khổ lại pha một chút rất thơ, dường như huyền hoặc:

Mường Lát hoa về trong đêm hơi

++ Câu thơ rất độc đáo, hoa về chứ không phải là hoa nở, đêm hơi chứ không phải là đêm sương. Hoa hiện ra mờ mờ trong sương, trong màn sương vẫn cảm thấy hoa. Đọc đến đây, cái “môi” của đoàn quân dường như tan biến. Quang Dũng thật tài tình khi viết một câu thơ hầu hết là thanh bằng, lằng lằng, chơi vui như sương, như hoa, như hồn người. Bên cạnh cái khắc nghiệt của núi rừng, nguy hiểm của chiến tranh là những giây phút người lính thả hồn đầy lãng mạn. Đó cũng là chất thơ toát lên từ hiện thực cuộc chiến, rất đặc trưng cho hồn thơ tài hoa của Quang Dũng.

- Phân tích đoạn thơ: “*Nhớ gì như nhớ người yêu...Sớm khuya bếp lửa người thương đi về*”

+ Nỗi nhớ đầm thắm, sâu nặng của người cán bộ kháng chiến dành cho Việt Bắc, trong đó chan hòa tình nghĩa riêng chung.

+ Đoạn thơ là nỗi nhớ người, nhớ cảnh Việt Bắc – mảnh đất gắn bó máu thịt với người cách mạng. Không phải thể hiện một cách chi tiết nỗi nhớ, Tố Hữu sử dụng hình ảnh so sánh hết sức độc đáo “nhớ gì như nhớ người yêu”. Nhà thơ đã lấy nỗi nhớ trong tình yêu làm thước đo giá trị để cất nghĩa, lí giải cho tình cảm cán bộ đối với nhân dân. Vì thế, đó không phải là nỗi nhớ của ý thức, của nghĩa vụ mà là nỗi nhớ của hai trái tim yêu, của tình cảm chân thành.

+ Câu thơ “*Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương*” thể hiện hai nửa thời gian của nỗi nhớ: về đầu là thời gian đêm trăng, về sau là thời gian buổi chiều lao động. Thời gian như chảy ngược, nỗi nhớ đi từ gần tới xa. Để rồi tình yêu như chuyển thành nỗi nhớ trong tình cảm gia đình. Toàn không gian núi rừng Việt Bắc được gói gọn trong không khí gia đình ấm áp tình thương:

Nhớ từng bàn khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

Hiện lên trong nỗi nhớ là một Việt Bắc thân thương, đẹp bình dị mà thơ mộng với nhịp sống êm đềm. Hình ảnh “bếp lửa” là một hình ảnh nhiều sức gợi. Nó cho thấy con người Việt Bắc ấm áp, giàu yêu thương đồng thời thể hiện tình cảm chứa chan, nồng nàn mà người cán bộ cách mạng dành cho con người nơi đây mỗi khi nhớ về. Tình cảm quân dân kết tinh trong ngọn lửa thiêng liêng bất diệt ấy.

- Điểm giống nhau:

+ Đều thể hiện nỗi nhớ gắn với một vùng đất cụ thể. Nếu như nỗi “nhớ chơi vui” của Quang Dũng gắn với địa danh Tây Tiến thì nỗi “nhớ người yêu” của Tố Hữu gắn chặt với không gian Việt Bắc.

+ Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, đầy ý nghĩa.

- Điểm khác nhau:

+ *Tây Tiến*: sử dụng một loạt các tên địa danh để cụ thể hóa nỗi nhớ, sử dụng khéo léo bút pháp lãng mạn khi viết về hiện thực. Thể thơ 7 chữ điêu luyện.

+ *Việt Bắc*: nếu rất nhiều không gian (đầu núi, lưng nương, bản, bếp lửa), thời gian khác nhau (trăng lên đầu núi, nắng chiều, sớm khuya), thể thơ lục bát làm cho nỗi nhớ đậm chất dân gian.

- Nguyên nhân của sự khác biệt:

+ Lí giải từ hoàn cảnh sáng tác và phong cách nghệ thuật của từng nhà thơ.

3. Kết bài

- Hai đoạn thơ đều diễn tả những nỗi nhớ rất sâu đậm về một địa danh cụ thể gắn với một vùng đất chan chứa kỉ niệm. Dù là nỗi nhớ chơi vui hay nỗi nhớ người yêu thì chúng ta đều nhận thấy mức độ sâu nặng trong tình cảm nhớ thương của hai nhà thơ. Họ không chỉ nhớ về một nơi cụ thể mà đó còn là nơi cất giấu những kỉ niệm, những ân tình kháng chiến, những gian khổ đã từng trải qua và hơn thế nữa còn là tình cảm quân dân gắn bó. Từ đó, có thể coi *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Việt Bắc* của Tố Hữu là hai bài thơ tình đặc sắc trong nền thi ca cách mạng. Thông qua cách thể hiện nỗi nhớ rất riêng biệt của từng nhà thơ chúng ta thấy được cá tính sáng tạo đặc biệt của họ và điều đó tạo nên dấu ấn lâu bền trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 20

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Quảng cáo là để chào hàng, bán hàng, lúc đầu nó mới chỉ có ý nghĩa như thế, cho nên sản xuất tự cấp tự túc thì không cần quảng cáo, nó chỉ ra đời khi có sản xuất hàng hóa nhỏ. Người ta nói là quảng cáo ra đời cùng với báo chí ở thế kỉ XVII, nhưng thật ra lúc đó quảng cáo được thêm phương tiện thông tin mới có thể mạnh để phát triển, chứ quảng cáo có trước khi báo chí ra đời [...]

(2) Quảng cáo ở nước ta cũng mới phát triển thôi, mà xem ra đã tiến rất nhanh với nhiều hình thức phong phú. Đường phố đã thấy xuất hiện pa-nô, áp-phích quảng cáo hàng hóa. Và cũng đã thấy những người đến từng cơ quan, xí nghiệp, gia đình chào hàng, bán hàng. Nghĩa là quảng cáo ở nước ta đã phát triển cả ba hình thức, trong đó quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng chiếm phần quan trọng nhất.

(Nguyễn Hữu Thọ, *Quảng cáo và kinh doanh*,
in trong *Bản lĩnh Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội)

Câu 1: Anh (chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên. .

Câu 2: Nội dung chính đó được tác giả triển khai thành bao nhiêu ý? Đó là những ý nào? .

Câu 3: Chỉ ra những từ mượn mà đoạn trích sử dụng. .

Câu 4: Chỉ ra các phép liên kết được sử dụng đoạn trích trên. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Có ý kiến cho rằng, khi cuộc đời cho bạn cả trăm lý do để khóc, hãy cho đời thấy bạn có cả ngàn lý do để cười.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh chị về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

So sánh chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong hai tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích trên là sự phát triển của quảng cáo trong những năm gần đây ở nước ta.

Câu 2: Sự phát triển của hình thức quảng cáo được tác giả triển khai thành hai ý chính. Mỗi ý được triển khai thành một đoạn văn:

- Đoạn (1): Quảng cáo dần dần đã phát triển thành nhiều ý nghĩa khác nhau: lúc đầu chỉ là chào hàng, bán hàng đơn thuần, vai trò là phụ đối với chất lượng sản phẩm, về sau mở rộng thành một ngành phát triển mạnh với ý nghĩa riêng.

- Đoạn (2): Quảng cáo phát triển thành nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

Câu 3: Đoạn trích sử dụng các từ mượn của nước ngoài như pa-nô, áp-phích. .

Câu 4: Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích là:

- Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về ngành quảng cáo như *quảng cáo, chào hàng, bán hàng, phương tiện thông tin đại chúng,...*

- Phép lặp: Các từ được lặp lại nhiều lần như *quảng cáo, chào hàng, bán hàng, hàng hóa.*

- Phép nối: sử dụng từ “và”, “nghĩa là”. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích:* Câu nói có nghĩa khi cuộc sống trở nên vô cùng khó khăn, mang lại cho ta nhiều tổn thương, bất hạnh thì điều quan trọng là mỗi người phải tự tìm kiếm cho mình niềm tin yêu, lạc quan để vui sống.

- *Chứng minh ý kiến:*

+ Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm, bằng phẳng. Trong hành trình cuộc đời, con người không ít lần gặp phải những khó khăn, thử thách, thậm chí là những lần vấp ngã. Tuy nhiên, những khó khăn, bế tắc ấy không kéo dài vĩnh viễn. Như Nguyễn Khải đã từng khẳng định: *“Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình trong hy sinh gian khổ, trên đời này không có đường cùng, chỉ có những ranh giới”*.

+ Ngay trong những giờ phút cam go nhất vẫn luôn tồn tại những điều bé nhỏ mang lại cho con người niềm vui sống. Lối sống lạc quan là một lối sống tích cực. Khi con người biết lạc quan, tìm thấy niềm vui trong cuộc sống thì cuộc đời cũng trở nên dễ chịu hơn. Những người có suy nghĩ lạc quan thường có khuynh hướng tiếp nhận sự việc tiêu cực với thái độ bình tĩnh, tự tin rồi dần dần đưa sự việc tiêu cực đó vào tầm điều khiển của mình. Bởi vậy, họ sẽ mang niềm tin đó vào công việc, làm việc quyết tâm hơn, hăng say và chịu khó hơn rất nhiều lần để đạt được thành quả mà họ mơ ước...

+ *Phê phán:* Cuộc sống hiện đại mang lại cho con người nhiều áp lực. Bởi vậy, căn bệnh stress đang dần trở nên phổ biến. Nhiều bạn trẻ, vì không chịu đựng những áp lực của cuộc sống mà rơi vào bế tắc, bi quan, từ đó buông xuôi, sa vào các tệ nạn cuộc sống. Gặp những vấp ngã đầu đời, họ chán nản, thất vọng và đánh mất niềm tin vào cuộc sống. Họ bỏ qua những niềm vui nhỏ nhất, giản dị đời thường để mãi mê chạy theo những thứ phù du, vô nghĩa. Những con người như vậy làm sao có thể trưởng thành, đạt được thành công, đến được với mơ ước?

- *Bình luận:*

+ Câu nói đã gửi gắm một bài học vô cùng ý nghĩa – bài học về lòng lạc quan, niềm vui sống.

+ Thế hệ trẻ là những người giàu nhiệt huyết thì sự lạc quan lại càng có một vai trò quan trọng. Để rèn luyện được tinh thần lạc quan, mỗi người cần phải học cách

nhìn vào những mặt tích cực của cuộc sống, trân trọng, nâng niu những điều bé nhỏ, bình dị của cuộc đời.

Câu 2 (5 điểm):

1. *Mở bài*

- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặc biệt là những tác phẩm thể hiện phẩm chất anh hùng của con người Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc chống lại kẻ thù xâm lược là thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi là hai tác phẩm rất thành công trong việc khắc họa những hình tượng nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cao đẹp.

2. *Thân bài*

- Giới thuyết về khái niệm: Chủ nghĩa anh hùng cách mạng

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện ở lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc sâu sắc, tinh thần chiến đấu bất khuất chống lại kẻ thù xâm lược để bảo vệ Tổ quốc và con người Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, là sự trung thành với lí tưởng cách mạng được thử thách trong hoàn cảnh khốc liệt, qua đó bộc lộ được vẻ đẹp của phẩm chất anh hùng có tính chất tiêu biểu cho cả dân tộc.

- *Khái quát chung:*

+ Cả hai tác giả Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đều gắn bó với cuộc chiến đấu chống Mĩ, là những nhà văn chiến sĩ ở tuyến đầu máu lửa. Tác phẩm của họ mang hơi thở nóng hổi của cuộc chiến đấu với những hình tượng nhân vật sinh động, bước vào văn học từ thực tế chiến đấu.

+ Nguyễn Trung Thành sinh năm 1932, năm 1950, ông vào bộ đội, sau đó làm phóng viên báo quân đội nhân dân Liên khu V. Những năm tháng lăn lộn trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã giúp ông hiểu biết sâu sắc về Tây Nguyên, chính những điều này để lại dấu ấn đậm nét trong các sáng tác của ông sau này.

+ Nguyễn Thi, sinh năm 1928, năm 1945, ông tham gia cách mạng rồi gia nhập lực lượng vũ trang. Ông trở thành một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ.

+ Chính từ những năm tháng chiến đấu ác liệt đó, *Rừng xà nu* (1965) và *Những đứa con trong gia đình* (1966) ra đời. Xuất phát từ bối cảnh lịch sử đó, hai tác

phẩm đều ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng với phẩm chất sừ thi đậm đà.

- Biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng:

+ Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trước tiên thể hiện ở những nhân vật mang phẩm chất anh hùng, bất khuất, từ đau thương trở dậy để chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược. Những nhân vật chính trong hai câu chuyện đều là những người con sinh ra từ truyền thống bất khuất của gia đình, của quê hương, dân tộc.

++ Làng Xô - Man – quê hương của Tnú ở trong tầm đại bác của giặc, nơi mà từng người dân đều hướng về cách mạng, bảo vệ cán bộ với tư tưởng “Đảng còn thì núi nước này còn”.

++ Việt và Chiến sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, căm thù giặc: Cha là cán bộ cách mạng, má là người phụ nữ Nam Bộ trung hậu, đảm đang và kiên cường, bất khuất, hai chị em Việt lớn lên trong bầu không khí truyền thống của gia đình.

+ Cùng với đó, họ phải chịu những đau thương, mất mát do kẻ thù gây ra, những nỗi đau ấy tiêu biểu cho đau thương mất mát của cả dân tộc.

++ Tnú có một mối tình đẹp với Mai, những tưởng họ sẽ có một cuộc sống ấm êm, hạnh phúc nhưng bị kịch lại liên tiếp dồn xuống gia đình họ. Tnú phải chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn đến chết, bản thân bị giặc đốt mười đầu ngón tay. Tnú tận mắt chứng kiến tất cả và lòng yêu thương lẫn lòng căm thù giặc đã khiến mắt anh hiện lên như hai ngọn lửa. Anh lao thẳng vào lũ giặc nhưng không cứu được vợ con và bản thân anh cũng bị giặc tra tấn. Tnú mang trong mình nỗi đau quá lớn, không có sự đau đớn nào hơn khi bị tra tấn về cả tinh thần và thể xác.

++ Chiến và Việt lại chứng kiến cái chết của ba má: ba bị chặt đầu, má chết vì đạn giặc. Những đau thương đó hun đúc tinh thần chiến đấu, lòng căm thù giặc sâu sắc của hai chị em.

+ Biến đau thương thành sức mạnh chiến đấu cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Tnú lên đường đi lực lượng dù mỗi ngón tay mất đi một đốt, Chiến và Việt cùng vào bộ đội, coi việc đánh giặc trả nợ nước thù nhà là lẽ sống. Họ chiến đấu bởi sức mạnh của lòng căm thù giặc, cũng là bởi sức mạnh của tình yêu thương, vì với họ, chỉ có căm vũ khí đứng lên, ta mới có thể bảo vệ được những gì thiêng liêng nhất, bảo vệ tình yêu và sự sống. Chân lí đó đã được minh chứng qua số phận và con đường cách mạng của những người dân Nam Bộ trong hai tác phẩm trên, chân lí đó cũng được

rút ra từ thực tế đau thương mất mát nên nó càng có giá trị, càng phải khắc sâu vào lòng người.

+ Tuy đi lên từ những đau thương, mất mát nhưng họ đều mang phẩm chất anh hùng, bất khuất, là những con người Việt Nam dũng cảm trong cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

++ Tnú là nhân vật được kết tinh từ vẻ đẹp tiêu biểu của con người Tây Nguyên: gan góc, dũng cảm, mạnh mẽ và giàu lòng yêu thương. Trước hết, Tnú một lòng theo Đảng, hết mình vì lí tưởng cách mạng. Được cụ Mết chỉ dạy từ nhỏ, Tnú cùng Mai tham gia nuôi giấu cán bộ và hoàn thành xuất sắc công việc giao liên. Thú nữa, Tnú một lòng nghe lời chỉ dạy của cán bộ. Được anh Quyết dạy chữ, Tnú khắc phục khó khăn, cố gắng học tập. Ngoài ra, ngay từ nhỏ Tnú đã tỏ ra là một cậu bé vô cùng gan dạ và dũng cảm. Trong những lần lâm giao liên, Tnú không bao giờ chịu đi đường mòn, cậu cứ xé rừng mà đi; qua sông, cậu không thích lội chỗ nước êm, cứ lựa chỗ nước mạnh mà bơi qua vì những chỗ đáy thì thẳm Mĩ không ngờ. Khi bị giặc bắt, dù bị giặc tra tấn dã man nhưng anh nhất quyết không khai mà còn khẳng khái đặt tay lên bụng: “Cộng sản ở đây này”. Tnú vẫn tiếp tục cùng cụ Mết lãnh đạo dân làng Xô - Man mài giáo, mài rựa chống lại kẻ thù. Khi bản làng bị tàn phá, mẹ con Mai bị giết hại dã man, nhất là khi anh bị thằng Dục tẩm nhựa xà nu đốt cụt mười ngón tay, Tnú càng thấm thía nỗi đau thương, căm thù giặc và nhận thức sâu sắc hơn về kẻ thù. Anh tham gia lực lượng quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, bởi lẽ “chúng nó đũa nào cũng là thằng Dục cả”.

++ Ngoài ra, Tnú còn là một người giàu tình cảm yêu thương. Anh yêu bản làng của mình, yêu cánh rừng xà nu cạnh con nước lớn. Sinh ra và lớn lên giữa núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ, giữa những con người mộc mạc, thuần hậu, Tnú thấy gắn bó thân thiết với cảnh và con người quê hương mình. Ba năm đi lực lượng xa bản làng, khi trở về, Tnú vô cùng xúc động. Anh nhớ rõ từng hàng cây, con đường, nơi mà ngày xưa Mai đã thổ lộ tình cảm yêu mến ngay khi anh mới đi tù về. Tnú còn yêu thương gia đình nhỏ của mình tha thiết. Chính vì lẽ đó nên anh căm thù giặc sâu sắc, căm thù bọn giặc đã giết hại mẹ con Mai một cách dã man. Không chỉ yêu thương gia đình, Tnú cũng yêu thương mọi người. Làng Xô - Man đã dành cho anh một tình cảm đặc biệt nồng hậu, thân thiết. Những cặp mắt tròn xoe rồi những tiếng ré lên và tiếng reo vui của mọi người đã thể hiện niềm vui mừng khi đón Tnú về làng. Dũng cảm đối diện với kẻ thù, tha thiết yêu thương gia đình, quê hương, bản làng và luôn

gắn bó mật thiết với cách mạng đã làm toát lên ở Tnú vẻ đẹp của người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên và vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng thời chống Mĩ.

++ Còn Việt và Chiến lại mang những vẻ đẹp rất riêng. Trước hết là nhân vật Chiến, người con gái mang vẻ đẹp của chị Út tịch, một vẻ đẹp rất riêng của người phụ nữ Nam Bộ mà Nguyễn Thi hằng yêu mến: hồn nhiên, chất phác, trung hậu, đảm đang, biết lo toan việc nước, việc nhà chu toàn, đánh giặc xông xáo, gan góc, dũng cảm nhưng khi trở về cuộc sống đời thường lại rất giàu tình cảm và lòng yêu thương. Trong kí ức của Việt, chị Chiến là sự hiện thân, kế thừa của má. Chị mang vóc dáng của mẹ “hai bắp tay tròn vo, sạm đỏ màu cháy nắng... thân người to và chắc nịch”. Đặc biệt vào đêm trước khi ra trận, chị lo lắng, cất đặt việc nhà rất chình chu. Chưa bao giờ Việt thấy chị Chiến liệu việc nhà giống má đến như vậy: “Chà, chị Chiến bữa nay nói in hệt má vậy. Cũng ở trong giường mà nói với ra, cũng nằm giường với thằng út em, ở trên cái giường đó”. Chính Chiến đêm ấy cũng thấy mình như đang hòa vào mẹ. Chính sự chình chu trong cách lo liệu việc nhà của Chiến đã được chú Năm khen: “Khôn, việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mới mở được rộng, gọn bề gia thế đặng bề nước non”. Hai chị em đều là những chiến sĩ dũng cảm mặc dù còn nhỏ tuổi, nhưng so với Việt, Chiến chỉ hơn Việt một tuổi mà đã người lớn hơn hẳn Việt. Chiến cũng gắn bó với lớp người đi trước nhiều hơn. Chị có thể bỏ ăn để đánh vắn cuốn sổ gia đình. Không chỉ giống má, Chiến còn học cả cách nói “trọng trọng” của chú Năm. Ví truyền thống cách mạng của cả gia đình là một dòng sông và mỗi người là một khúc của dòng sông ấy thì so với lớp người đi trước Chiến là một khúc sông sau vượt xa hơn khúc sông trước.

++ Việt là nhân vật xuất hiện trong tác phẩm nhiều hơn cả và cũng mang nhiều nét tâm lí, tính cách khá độc đáo. Người đọc ấn tượng với nhân vật này trước hết ở cái vẻ ngoài lộc ngộc, vô lo, vô nghĩ của một cậu con trai đang tuổi lớn. Nhưng sự trẻ con, hồn nhiên đó không ngăn cản Việt trở thành một chiến sĩ dũng cảm, ngược lại nó còn làm cho phẩm chất anh hùng của nhân vật được tô đậm lên. Theo dõi tiến trình câu chuyện, chúng ta nhận thấy Việt dù là một cậu thanh niên chưa trưởng thành nhưng chưa bao giờ cậu chịu khuất phục trước sự bạo tàn của kẻ thù. Ngay từ nhỏ, Việt đã theo má và chị Chiến đi đòi dầu của ba. Đến lúc bị thương nặng, nằm lại một mình ở chiến trường hoang vắng nhưng Việt luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Việt là hiện thân của khí thế

tiến công của thời đại và chị Chiến “những đứa con trong gia đình” đã thật sự cứng cáp, trưởng thành và chững chạc trong tư thế người anh hùng.

+ Chủ nghĩa anh hùng cách mạng không chỉ thể hiện riêng ở từng nhân vật mà còn thể hiện ở tập thể các nhân vật anh hùng và mỗi nhân vật đều tượng trưng cho phẩm chất của cả cộng đồng: cụ Mết, Mai, Dít, bé Heng trong *Rừng xà nu*; ba, má, chú Năm trong *Những đứa con trong gia đình*. Họ đều là những người con yêu quê hương đất nước, gắn bó với buôn làng, với gia đình và người thân yêu. Tình yêu Tổ quốc của họ bắt nguồn từ những tình cảm bình dị đó nên nó càng có sức mạnh lớn lao khiến kẻ thù phải run sợ.

++ Như vậy, các nhân vật của hai truyện ngắn đều đã vượt lên nỗi đau và bi kịch cá nhân để sống có ích cho đất nước. Những đau thương của họ cũng chính là tinh thần của cả dân tộc Việt Nam, là biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

+ Chủ nghĩa anh hùng cách mạng còn thể hiện ở sức sống bất diệt của con người Việt Nam trong cuộc chiến đấu ác liệt.

++ Dân làng Xô - Man như cây xà nu mặc dù “Trong rừng hàng vạn cây, không cây nào không bị thương” nhưng vẫn “ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho làng”, một cây ngã xuống thì bốn năm cây con mọc lên. Mai hi sinh thì có Dít và Heng thay thế. Heng như cây xà nu non hứa hẹn trở thành cây xà nu cường tráng tiếp nối cha anh. Tầng tầng, lớp lớp những người dân Xô - Man tiếp nối đứng lên, kiên cường chiến đấu với quân thù để bảo vệ quê hương, đất nước mình

++ Trong *Những đứa con trong gia đình*, ông nội bị giặc giết, cha của Chiến và Việt trở thành cán bộ Việt Minh, cha bị giết hại dã man, má Việt tiếp tục nuôi con và chiến đấu, đến khi má ngã xuống thì hai chị em lại tiếp tục con đường chiến đấu, thực hiện lí tưởng của gia đình và trong dòng sông truyền thống, họ là khúc sông sau hứa hẹn đi xa hơn cả thế hệ trước.

++ Sự tiếp nối và kế thừa đó đã làm nên chủ nghĩa anh hùng cách mạng của con người Việt Nam thời chống Mĩ, là sức sống bất diệt giúp họ vượt qua bao đau thương do kẻ thù gây ra để tiếp tục chiến đấu và chiến thắng.

- Nghệ thuật sử thi:

+ Nghệ thuật sử thi với những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của đất nước đã góp phần phản ánh sâu sắc chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là những lời ngợi ca, thắm đẫm cảm hứng lãng mạn cách mạng, ngợi ca phẩm chất anh hùng của con người Việt Nam trong

kháng chiến chống Mĩ, những con người tiêu biểu cho cộng đồng về lí tưởng và phẩm chất, nhân danh cộng đồng mà chiến đấu, hi sinh.

3. Kết bài

- Như bản anh hùng ca thời đại đánh Mĩ, hai tác phẩm đã khắc sâu cuộc chiến đấu của dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược hết sức ác liệt và gay go. Qua đó, tác giả ngợi ca phẩm chất anh hùng của con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ, là những con người tiêu biểu cho

cộng đồng về lí tưởng và phẩm chất, nhân danh cộng đồng mà chiến đấu hi sinh. Với giọng văn ngợi ca, thấm đẫm cảm hứng lãng mạn cách mạng, hai tác phẩm đã chạm tới trái tim của con người khắp mọi miền của đất nước. Tất cả tạo nên một sức mạnh to lớn nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước. Qua đó cũng thấy rằng, cuộc đời và sự hi sinh anh hùng của những con người Việt Nam mãi mãi là bản anh hùng ca tuyệt đẹp cho các thế hệ mai sau noi theo

ĐỀ SỐ 21

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Xuân Diệu tiết kiệm từng tích tắc. Nếu đi đâu về, thường thì ông treo áo lên mắc luôn chứ không vắt ở ghế, để khỏi phải mất một khoảng thời gian treo nó lên mắc áo. Có lần, Xuân Diệu mời tôi đến nhà để chuẩn bị cho cuộc hội thảo thơ ở trường Nguyễn Du. Ông hẹn chính xác tới từng phút. Tôi đến trước hẹn chừng nửa tiếng, Xuân Diệu kéo cái ghế mây mời tôi ngồi, rồi đưa cho tôi mấy tập bản thảo thơ tình chép tay của ông, để tôi đọc. Còn ông lại tiếp tục làm việc nửa tiếng nữa trên cái bàn cũ kỹ có lót một tấm kính cũng rất cũ kỹ. [...]

Xuân Diệu về nhà tôi vào năm 1968. [...] Theo lời mẹ tôi kể, thì bác nhà báo đã mượn cây đèn bão, xách ra vườn, soi từng giàn trái, gốc cau, luống mía và mấy cây bưởi. Xuân Diệu tìm gặp những nhân vật thân thuộc của tôi. Bác ấy kiểm tra xem mày nói có đúng không. Khó, có thể nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kéo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hà con? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện.

(Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại*, NXB Thanh niên).

Câu 1: Nhân vật trung tâm được tác giả Trần Đăng Khoa nhắc đến trong đoạn trích trên là ai? .

Câu 2: Chỉ ra phong cách ngôn ngữ của đoạn trích trên. Tại sao anh (chị) nhận ra phong cách ngôn ngữ đó? .

Câu 3: Những câu sau có đặc điểm đặc biệt gì về giọng điệu? Hãy phân tích giá trị của cách sử dụng từ mang lại giọng điệu như vậy: *Khó, có thể nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kéo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hà con? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện. .*

Câu 4: Qua đoạn trích, anh (chị) nhận xét gì về mối quan hệ giữa tác giả và nhân vật được nói đến? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Nhà văn Gabriel Garcia Marquez từng phát biểu: *“Không phải người ta ngừng theo đuổi giấc mơ vì mình già đi, người ta già đi vì ngừng theo đuổi giấc mơ”*.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Mị (*Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài), bà cụ Tứ (*Vợ nhặt* của Kim Lân).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Nhân vật trọng tâm mà Trần Đăng Khoa nhắc đến là nhà thơ Xuân Diệu. .

Câu 2: Phong cách ngôn ngữ sử dụng là phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Dấu hiệu nhận diện là các từ ngữ mang tính đời thường: *có lần, quên bưng, bỏ xoài, khốn khổ, mãi sau này, ...* .

Câu 3: Các câu văn: *Khó có thể nào thì cứ nói như*

thế, đừng đặt điều thêm ra, kéo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hà con? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện là lời dẫn gián tiếp của Trần Đăng Khoa dẫn lời của mẹ mình.

Giọng điệu của các câu văn trên rất giản dị, chân thật, thể hiện cái lo âu đời thường của một người mẹ nông dân nghĩ về thơ phú của con cái mình. Người mẹ của Trần Đăng Khoa tiêu biểu cho những người nông dân hăng

ngày bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, luôn lo lắng cho con cái. .

Dấu hiệu nhận ra giọng điệu đó là những lời nói mang tính khẩu ngữ của người mẹ và cách kể một cách hài hước của Trần Đăng Khoa khi dẫn lại những từ ngữ đó như: *Khó, có thể nào thì, tao lo quá, hà con, mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa, cứ đi cây như bố mày, yên chuyện. .*

Câu 4: Đoạn trích thể hiện mối quan hệ rất thân thiết giữa tác giả và Xuân Diệu, điều này thể hiện qua cách xưng hô, cách kể những câu chuyện về Xuân Diệu để toát lên sự vất vả của nhà thơ khi làm công tác sáng tạo nghệ thuật. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: Câu nói của Gabriel Garcia Marquez khẳng định vai trò, ý nghĩa của ước mơ trong hành trình cuộc đời của mỗi con người. Ước mơ giúp nối dài sự sống, nối dài sức trẻ trong mỗi con người. Chừng nào còn mơ ước và theo đuổi mơ ước, chừng đó con người còn sống và tâm hồn con người còn trẻ trung.

- Chứng minh ý kiến:

+ Ước mơ, hoài bão của con người trong cuộc sống vô cùng đa dạng, phong phú. Có những ước mơ bình dị, nhỏ bé, nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả.

Ước mơ mang đến cho tâm hồn con người sự tươi mới. Còn ước mơ tức là con người còn hướng tới tương lai, còn muốn vươn tới những điều tốt đẹp ở phía trước. Khi sống trong bầu không khí của ước mơ, tâm hồn con người sẽ tràn ngập niềm vui, tinh thần lạc quan, nhiệt huyết và đam mê.

Không có ước mơ nghĩa là không có gì chờ đợi ở ngày mai. Không có ước mơ nghĩa là không còn muốn cố gắng và vươn lên. Bởi vậy, nếu không có ước mơ, đời sống bên trong của mỗi người sẽ giống như mảnh đất khô cằn, cằn cỗi, thiếu sức sống.

+ Ước mơ mang đến cho con người sức sống, động lực, niềm tin và sức mạnh để vượt qua những thử thách, gian lao ở phía trước. Ước mơ giống như ngọn hải đăng trong cuộc đời mỗi con người, nó dẫn bước con người

bước trên đường đời, định hướng cho con đường mà con người cần đi.

Thiếu đi ước mơ, mọi hành động của con người sẽ trở nên vô nghĩa, cuộc đời con người sẽ mất phương. Thiếu đi ước mơ, con người cũng không thể có đủ sức mạnh để vượt qua những thử thách phía trước.

- Bình luận:

Con người sống phải có khát vọng và biết cách giữ niềm tin ở bản thân để có thể vươn tới bao mục tiêu chờ ta chinh phục, phải biết kết hợp ước mơ và thực tại, ước mơ phải bắt nguồn từ cuộc sống, phải có ước mơ, có những khao khát mãnh liệt, cháy bỏng nhưng đừng mơ ước hão huyền, vạch ra những kế hoạch để biến ước mơ thành hành động, phải trau dồi tri thức, phải rèn luyện ý chí, những kĩ năng sống, rèn đức luyện tài để có khả năng biến ước mơ thành hiện thực.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Trong nền văn học Việt Nam hiện đại 1945 – 1975, cùng với thơ, truyện ngắn cũng là thể loại có nhiều thành tựu nổi bật. Bên cạnh những truyện ngắn có giá trị viết về đề tài chiến tranh và chủ nghĩa anh hùng cách mạng còn có những truyện ngắn viết về cuộc sống thường ngày, phản ánh số phận người lao động, đặc biệt là số phận người phụ nữ với những khám phá rất mới mẻ về khát vọng và vẻ đẹp tâm hồn của họ. Tiêu biểu là *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài và *Vợ nhặt* của Kim Lân. Đây là hai tác phẩm có những tìm tòi, phát hiện rất mới về vẻ đẹp của người phụ nữ trong văn học. Bên cạnh những nét chung, mỗi tác phẩm lại có cách tái hiện người phụ nữ rất riêng và đáng trân trọng. Chính điều này đã tạo nên giá trị, sức sống lâu bền cho từng tác phẩm.

2. Thân bài

- Khái quát chung

+ Từ cổ chí kim, hình tượng người phụ nữ Việt Nam như sợi chỉ đỏ, xuyên suốt nền văn học Việt Nam. Đó là những nàng Kiều với số phận đầy nghiệt ngã, người chinh phụ phải sống trong sầu tủi, cô đơn; một Hồ Xuân Hương thông minh, sắc sảo, khát khao hạnh phúc nhưng cuối cùng vẫn rơi vào bi kịch “san sẻ”. Những số phận phụ nữ trong gia đoạn văn học trước đều mang số phận khổ đau, bế tắc. Đến thời hiện đại họ hóa thân vào nhân vật Mai (*Nửa chừng xuân*), nhân vật Loan (*Đoạn tuyệt*) trong những trang văn đầy lãng mạn của Tự lực văn đoàn và họ còn là một chị Dậu bị xã hội vùi dập đến cùng cực phải bán con bán chó, để cả cuộc đời của chị là một đêm

tối dày đặc, không lối thoát. Thị Nở trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao – một con người sinh ra đã không được ông trời ban cho nhan sắc, vậy mà chuyện tình duyên cũng không được trọn vẹn. Thị Nở muốn được chung sống với Chí Phèo, muốn chăm sóc cho Chí nhưng đó cũng là một ước muốn xa vời. Làng xóm chế cười, bà cô của Thị lại ngăn cấm. Cuộc đời của người phụ nữ thật bất công, chịu nhiều đắng cay, tủi nhục, nhưng ở họ luôn sáng ngời vẻ đẹp nhân phẩm. Họ chính là những đại diện tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam có cuộc đời bất hạnh.

+ Qua nhiều giai đoạn lịch sử, vị trí thay đổi, nhưng hình ảnh người phụ nữ vẫn nổi bật trong văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Các nhà thơ, nhà văn luôn hướng về những phụ nữ có số phận bất hạnh, thiệt thòi, đau khổ. Họ thông cảm, khóc thương cho thân phận nhỏ bé. Với cái nhìn nhân đạo của mình, các nhà thơ, nhà văn đã làm nổi bật lên những phẩm chất cao quý sáng ngời của người phụ nữ Việt Nam.

+ Góp vào nền văn học nước nhà, Tô Hoài với tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*, Kim Lân với *Vợ nhặt* càng tô đậm hơn hình tượng người phụ nữ. Những nhà văn này đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm, đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những nhà văn còn trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ.

+ Đến giai đoạn văn học 1945 – 1975, hình tượng người phụ nữ đã đứng lên, vượt lên trên số phận để khẳng định mình. Với *Vợ chồng A Phủ*, ta bắt gặp hình ảnh Mị – một người phụ nữ dân tộc Mèo bất hạnh với sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Đọc *Vợ nhặt* của Kim Lân, ta cảm thấy xót xa cho bà cụ Tứ – một người giàu tình yêu.

+ Những người phụ nữ trong hai câu chuyện nói trên là những con người lao động có cuộc đời cực khổ, bất hạnh. Nhưng dưới góc nhìn sự vật, hiện tượng theo chiều hướng vận động đi lên, các nhà văn đã phát hiện, khám phá ra những vẻ đẹp khuất nấp, ẩn sâu trong hình ảnh bị kịch của họ. Để từ đó số phận của họ luôn được nhìn nhận và phát triển theo quy luật đi lên, từ bóng tối đến ánh sáng, từ “thung lũng đau thương đến cánh đồng vui”.

- Vẻ đẹp của nhân vật Mị:

+ Mị vốn là một cô gái Mèo xinh đẹp, trẻ trung hồn nhiên và có tài thổi sáo cô “uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo có bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị”. Đây là dấu hiệu về một vẻ đẹp tâm hồn phong phú và lãng mạn, biểu hiện của một sức sống

trẻ trung, rạo rực. Mị cũng đã từng được yêu và cô cũng đã từng yêu. Trái tim giàu khao khát của cô đã từng rung động theo tiếng gọi của tình yêu, hồi hộp trước những âm thanh hò hẹn. Nhưng người con gái vùng sơn cước ấy lại bị rơi vào hoàn cảnh éo le vì món nợ của cha mẹ mà cô đành phải cam chịu làm con dâu gạt nợ trong nhà thống lý. Đó là cái cảnh ngộ làm dâu trên danh nghĩa còn trong thực tế chẳng khác gì kẻ ăn người ở trong nhà, không bằng con trâu con ngựa “con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ. Đàn bà con gái nhà này thì vùi đầu vào cả đêm cả ngày, không những thế còn bị đánh, phạt, trói cho đến chết bất cứ lúc nào”. Mị mới ngày nào là cô gái tươi tắn, xinh đẹp, giờ biến thành một cái xác không hồn, dần dần Mị trở nên chai sạn, cạn kiệt nhựa sống. Cô sống vật vờ y một cái bóng “lủi lủi như một con rùa nuôi xó cửa”.

+ Nhưng điều quan trọng là nhà văn đã phát hiện ra rằng, bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng lên mạnh mẽ. Và trong tác phẩm của mình nhà văn đã miêu tả thành công sự trỗi dậy sức sống tiềm tàng đó bằng một quá trình phát triển tâm lí, hành động khá sâu sắc và hợp lý.

+ Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí, hàng tháng dài đêm nào Mị cũng khóc. Mị cảm nếm lá ngón về nhà lay chào vĩnh biệt cha. Cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủi nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy. Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đọa nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát nhưng rồi cô lại không thể chết vì còn đó món nợ truyền kiếp. Thương cha không muốn cha phải khổ và thế là Mị đành phải sống, sống mà như đã chết bởi “ở lâu trong cái khổ dần dần Mị cũng quen đi”. Chính lúc này, Mị lại trở nên đáng thương hơn, bởi muốn chết nghĩa là con người ấy còn ham sống, không chấp nhận một cuộc sống tủi nhục đọa đày và khi không còn ý nghĩ đến cái chết nữa tức là ý nghĩa của sự sống dường như không còn tồn tại nữa.

+ Với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên nhưng không thể biến mất, bị tiêu tan. Trong tâm hồn trẻ trung sớm bị chai sạn vì đọa đày, đau khổ kia âm ỉ một ngọn lửa ham sống và chắc chắn sẽ bùng cháy mạnh mẽ khi gặp những điều kiện thuận lợi.

+ Và khoảnh khắc ấy đã đến, đó là vào một đêm tình mùa xuân. Sự thức tỉnh trong tâm hồn Mị là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố. Năm ấy, Tết dường như đến sớm hơn mọi năm, rất có không khí và tâm trạng, do đó, nó cũng khơi gợi sự sống tràn đầy, trẻ trung. Tết ở Hồng Ngài năm ấy thật đẹp và thanh bình: “Trên đầu núi, các nương ngô nương lúa đã gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các kho [...] trong các làng mèo đó, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá xoè như con bướm sặc sỡ [...] hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ hau, đỏ thắm rồi chuyển sang màu tím ngắt...” Đặc biệt, cái không khí chờ đợi Tết, những đứa trẻ con chơi bi, chơi quay, tiếng sáo gọi bạn yêu lơ lửng, tha thiết bồi hồi khi đêm về. Mị nghe tiếng sáo vọng lại tha thiết, bồi hồi, Mị ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi sáo “Mày có con trai con gái / Mày đi làm nương / ta không có con trai con gái ta đi tìm người yêu”.

+ Những yếu tố ngoại cảnh đó là những nhân tố cực kỳ quan trọng dẫn đến sự diễn biến tâm lý nhân vật nó đóng vai trò của nhân tố gợi hứng đánh thức kí ức và gọi lại kỉ niệm yêu đương bị lùi vấp bấy lâu trong tâm hồn lầm lũi thường ngày, trở thành tiếng gọi tha thiết nơi trái tim đã bao lâu nay âm thầm, cảm nín. Từ ngoại cảnh đã tác động làm đổi thay cảm xúc, tâm trạng và cuối cùng cụ thể hóa bằng hành động. Năm đó Mị đã uống rượu “uống ừng ực từng bát” rồi say lịm người, hơi men lâng lâng đã gọi lại cho Mị quá khứ tươi đẹp mà cô đã lãng quên. Mị nhớ về những ngày còn con gái, nhớ những đêm xuân hò hẹn và lãng quên thực tại. Mị nhìn, nghe mà không thấy, cuộc rượu tàn lúc nào không hay “Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng người hát [...] rượu đã tan lúc nào người về, người đi chơi đã vắng cả. Mị không biết Mị ngồi trơ một mình giữa nhà”.

+ Nhưng “lòng Mị đang nhớ về ngày trước tai Mị vắng vắng tiếng gọi bạn đầu làng” Quá khứ dồn dập trở về rất sống động, thiết tha làm “Mị phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng trở lại như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị muốn đi chơi, bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi tết hưởng chi, A sử với Mị không có lòng với nhau nhưng phải ở với nhau...” Trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh ấy, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rắt “gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường anh ném pao, em không bắt/ em không yêu quá pao rơi rồi” ý thức đã thực sự trở lại với Mị. Khi ý thức trở lại đã dẫn đến một loạt các hành động “cô quấn lại tóc và với tay lấy váy mới, chuẩn bị đi chơi”.

+ Nhưng chính lúc yêu đời đang trỗi dậy mãnh liệt, tâm hồn cô đang phơi phới trở lại cũng là lúc Mị bị vùi dập phủ phàng. Vừa lúc A Sử về biết ý định của Mị, hắn lấy dây trói nghiêng cô vào cột nhà rồi bỏ đi chơi. Suốt cái đêm đen tối bị trói đứng vào cái cột giữa nhà thống lí đó Mị hết thiếp đi rồi chợt tỉnh dậy, nhưng hình như cả đêm ấy, tiếng sáo diu dặt của đám bạn trai vẫn đưa tâm hồn Mị sống lại những ngày đẹp đẽ ở quê nhà, tiếng sáo vẫn đưa cô đi theo những cuộc chơi của đám trai làng. Tâm hồn cô vẫn sống với không khí của ngày hội xuân. Cô định bước đi nhưng tay chân đã bị trói chặt cứng, không tài nào cựa quậy được. Những lúc ấy Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủi nhục. Mị lại thẫn thức, miên man nghĩ về thân phận không bằng con trâu, con ngựa của mình rồi dần thiếp đi. Gần sáng cô bừng tỉnh, thử cựa quậy xem mình còn sống hay đã chết, ý thức được sống lại trở về và trong lòng Mị lo sợ rằng nếu phải chết cay, chết đứng trên cái cột trói này.

+ Sau cái Tết ấy, những năm tháng nặng nề trong phần thân nô lệ tủi nhục của Mị tưởng lại cứ âm thầm lặng lẽ trôi đi... cho đến khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói vì tội dè mắt trâu của nhà thống lí. Cái cảm giác ban đầu của Mị thật thân nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Một suy nghĩ thật giản đơn và có phần nhẫn tâm chiếm lĩnh tâm trí cô “Nếu A Phủ là một cái xác chết đứng đấy cũng thế thôi”. Có khi Mị cứ cả đêm nhìn ngọn lửa nhảy múa và nghĩ, những ý nghĩ tủi cực, đau xót. Cho đến hôm ấy, “trời đã khuya, Mị lại trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại...” thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rừng rợn về những người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây... Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong lòng Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật tàn bạo và vô lí, bất công “Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết [...]. Nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác [...]. Ta là thân đàn bà đã bị nó bắt về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi...Người kia việc gì mà phải

chết...” Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bắt giặc chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài. Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đầy ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới. Đó chính là cái nhìn nhân đạo của Tô Hoài đối với những kiếp người bất hạnh, đau thương - một cái nhìn luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp trong mỗi con người.

- Nhân vật bà cụ Tứ:

+ Xuất hiện trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân in năm 1961, tác phẩm lấy bối cảnh của nạn đói năm 1945 nhưng bị mất bản thảo nên sau này Kim Lân mới viết lại. Nỗi ám ảnh của cái đói, của cái chết trở nên khủng khiếp và nó khiến cho con người rơi vào tình cảnh éo le, ngang trái nhưng chính ở đây giá trị của tình thương lên ngôi và vẻ đẹp tâm hồn của con người được khẳng định. Người đọc đến với câu chuyện này đặc biệt ấn tượng với nhân vật bà cụ Tứ: một người mẹ giàu tình thương, luôn lạc quan vào cuộc đời và sẵn sàng hi sinh cho hạnh phúc của con cái.

+ Bà cụ Tứ hiện lên là một người rất chịu khó và cần cù. Con lấy vợ ngay trong lúc nạn đói hoành hành, bà đã cố gắng thu vén, dọn dẹp nhà cửa đoàng hoàng, tươm tất. Buổi sáng hôm sau, khi Tràng bước ra khỏi cửa đã thấy mẹ đang lúi húi nhỏ đám cỏ dại giữa sân. Rồi bà vẽ ra viễn cảnh mua gà về nuôi thành đàn, thành bầy, bảo con đóng chuồng gà chỗ bếp...

+ Bà cụ Tứ bị đặt vào hoàn cảnh rất bất ngờ và éo le: Xúc động cụ thể, hiểu hơn ai hết gia cảnh của mình cùng cảnh ngộ của con trai trong những ngày đói kém hiện tại cho nên lúc đầu thấy có một người đàn bà xa lạ đến nhà mình, ngồi đầu giường con trai mình, lại chào bằng “U, bà hết sức ngạc nhiên. Nhưng bằng kinh nghiệm và sự từng trải qua thái độ rồi rít như một đứa trẻ và những phân trần cắt nghĩa không mấy rành rẽ của con trai, bà đã hiểu ra tất cả cơ sự.

+ Kim Lân đã khôn khéo chọn giọng điệu và ngôn ngữ nội tâm rất đúng với nhân vật để diễn tả tâm trạng của một bà lão nghèo khổ, già cả nhưng vẫn còn rất nhạy cảm và từng trải “bà lão cúi đầu nín lặng” một sự nín

lặng chứa đựng biết bao nỗi thương xót và trĩu nặng suy tư: bà lão hiểu rồi lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán xót thương cho số kiếp đứa con vừa cảm thấy tội phạm cho bản thân mình. “Chao ôi người ta dựng vợ gả chồng lúc ăn nên làm nổi, những mong sinh con mở mặt sau này còn mình thì ...Biết chúng nó có nuôi nổi nhau qua con đời khát này không”. Đó là tâm lí thương thân tội phạm. Nhưng là sự thương thân tội phạm của một người mẹ từng trải và giàu lòng nhân hậu, bởi trong cái ý nghĩ buồn tủi của bà còn chứa đựng biết bao nhiêu tình thương và trách nhiệm. Do vậy mà nó ẩn chứa bao nỗi lo lắng, dằn vặt, xót xa của tấm lòng người mẹ trước cảnh ngộ trở trêu và đáng thương của đời trẻ trong những ngày đói khát.

+ Nhưng bằng tình thương con vô bờ bến, bà không nghĩ cho mình, bà nuốt nghẹn những cảm xúc đắng cay, giấu đi những niềm xót xa tủi hổ, bà chỉ nghĩ đến cuộc đời Tràng và người vợ nhặt ở ngày mai. Bà lão chuyển sang cảm thông, thương xót cho người đàn bà xa lạ bỗng nhiên trở thành “vợ nhặt” con mình: “bà lão nhìn người đàn bà lòng đầy thương xót”. Tác giả đã diễn tả những ý nghĩ âm thầm, tủi cực mà đầy thông cảm của người mẹ ấy “Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: người ta có gặp bước khó khăn, đời khổ này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới được vợ”. Vậy là chính tình yêu thương con, yêu thương đồng loại và bằng một trái tim giàu lòng nhân ái mà bà mẹ nghèo đã vượt qua được những định kiến nặng nề trong xã hội cũ để đạt đến sự cảm thông lớn lao - bà vui mừng chấp nhận cuộc hôn nhân của Tràng và đón nhận nàng dâu mới.

+ Sáng hôm sau, bà lão xăm xắn nhanh nhẹn khác hẳn ngày thường, bà vui tươi quét dọn cùng với cô con dâu. Trong bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, người mẹ nhân hậu và từng trải đã khơi dậy một niềm vui sống, niềm hi vọng mới giúp các con của mình có thêm sức sống để vượt qua những khắc nghiệt của đời nghèo hiện tại, hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Câu chuyện đã tỏa sáng tấm lòng nhân ái của bà cụ Tứ.

+ Cái nhìn đầy cảm thông, yêu thương của bà cụ Tứ đối với con dâu hay đó cũng là cái nhìn đầy nhân đạo của Kim Lân đối với người vợ nhặt nói riêng và với những số phận chịu nhiều bất hạnh trong nạn đói nói chung. “Dù kể bên cái chết vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng vẫn tin vào sự sống và hi vọng ở hiện tại, vẫn muốn sống, sống cho ra người”.

- Đánh giá chung

+ Thông qua hình tượng nhân vật Mị trong *Vợ chồng A Phủ* và bà cụ Tứ trong *Vợ nhặt*, cả hai nhà văn đều phát hiện ra vẻ đẹp ẩn chứa trong tâm hồn người phụ nữ.

+ Họ đều mang những vẻ đẹp rất đối bình dị, đời thường. Từ đó, họ như bước ra từ tác phẩm, hóa thân thành những con người có thật trong cuộc sống ngày hôm nay.

+ Thông qua hình tượng hai nhân vật trên, chúng ta nhận thấy tài quan sát, phát hiện tinh tế của nhà văn. Qua đó, chúng ta nhận ra một chân lí bất diệt: sứ mệnh của nhà văn là tìm kiếm, phát hiện và ca ngợi giá trị của con người.

- Nhận xét:

+ Giai đoạn văn học 1945 – 1975, các tác phẩm văn học được thấp sáng bằng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. Không chỉ có *Vợ chồng A Phủ*, *Vợ nhặt* nói đến vẻ đẹp ấy mà rất nhiều tác phẩm cũng ngợi ca. Đó là nhân vật Nguyệt với vẻ đẹp thanh khiết trong *Mảnh trăng cuối rừng*, là nhân vật Đào yêu lao động và hăng hái xây dựng cuộc sống mới trong *Mùa lạc*, là Chiến yêu thương gia đình, dũng cảm, gan góc trong *Những đứa con trong gia đình*. Tất cả những vẻ đẹp ẩn chứa nơi họ làm bừng sáng lên hình tượng người phụ nữ Việt Nam đến tuyệt vời.

+ So với giai đoạn trước, vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ tỏa sáng mãnh liệt hơn. Nếu như trước đây ta bắt gặp những số phận người phụ nữ cam chịu, chìm đắm

trong đau khổ, nước mắt, bị kịch thì trong giai đoạn này, các tác giả với ý thức cách mạng đã nâng tầm những người phụ nữ, giúp họ vượt lên trên số phận, đứng vững trên chính đôi chân của mình, tự khẳng định vị trí và chỗ đứng của mình. Họ sẵn sàng tham gia cách mạng, cầm súng chiến đấu để thay đổi cuộc đời, số phận của mình.

3. Kết bài

- Như vậy, hình tượng người phụ nữ đã xuất hiện trong nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 đến hết thế kỉ XX đầy ấn tượng và đặc sắc. Đó là những số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực mà các nhà văn còn tô đậm lên những vẻ đẹp phẩm chất thật đáng trọng - thứ ánh sáng đẹp đẽ của tâm hồn người phụ nữ. Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ họ đã vượt qua những rào cản, bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc. Như nhà văn Nguyễn Khải đã từng viết: “*Sự sống này sinh trong cái chết, hạnh phúc hiện hữu từ trong những cái hi sinh gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy*”.

ĐỀ SỐ 22

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Tre xanh xanh tự bao giờ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh*

*Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu*

*Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chất dồn lâu hoá nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con ...*

(Tre Việt Nam, Nguyễn Duy, In trong tập *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973).

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Nêu tác dụng của thể thơ đối với việc tiếp nhận đoạn thơ của bạn đọc. .

Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ. .

Câu 3. Cảm nhận của anh/chị về hình ảnh “Tre Việt Nam” trong bốn câu thơ đầu. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. .

Câu 4. Qua những câu thơ *Bão bùng thân bọc lấy thân* đến: *Có manh áo cộc tre nhường cho con* nhà thơ Nguyễn Duy nhắc đến những phẩm chất gì của con người Việt Nam? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Chia sẻ về bí quyết thành công của mình, Albert Einstein đã từng khẳng định: “*Không phải là tôi quá thông minh, chỉ là tôi chịu bỏ nhiều thời gian hơn với rắc rối*”.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh chị về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích nhân vật cụ Mết trong truyện ngắn *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) và nhân vật chú Năm trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi) để thấy rõ vai trò của sự tiếp nối những giá trị truyền thống

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Thể thơ lục bát.

Tác dụng: Thể thơ lục bát có ưu thế bởi chất ngâm khiến cho đoạn thơ có điệu ru ngọt ngào, êm ái, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người và phù hợp với điệu hồn của người Việt Nam.

Câu 2. Các phép tu từ nổi bật : ẩn dụ (*tre- người Việt Nam*), so sánh (*nồi tre- như chông lạ thường*), nhân hóa (*lung trần- manh áo cộc*).

Thí sinh nêu được 2/3 biện pháp tu từ trên là được điểm tối đa

Câu 3. Câu hỏi mở, thí sinh tự do trình bày cảm nhận của mình theo một số hướng chính sau: Bằng hình ảnh đối lập giữa *thân gầy guộc lá mong manh với xanh tươi, nên lụy nên thành*, tác giả đã miêu tả loài tre mộc mạc, bình dị mà có sức sống mãnh liệt vượt lên những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt (*đất sỏi, đất vôi, bạc màu*)... tre vẫn thích nghi để xanh tươi, sinh sôi trường tồn, và dựng nên thành lũy vững bền không sức mạnh nào có thể tàn phá, huỷ diệt. Khổ thơ đầu tiên đã xây dựng cả một hệ thống hình ảnh giản dị, mộc mạc mà cụ thể, sinh động mang ý nghĩa biểu trưng cho tính cách Việt Nam.

Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Câu 4. Qua những câu thơ *Bão bùng thân bọc lấy thân đến Có manh áo cộc tre nhường cho con* nhà thơ Nguyễn Duy nhắc đến những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam, đó là:

- Lòng nhân ái, vị tha, tình yêu thương đùm bọc, đoàn kết cuu mang, chia sẻ trong lao động, đấu tranh cũng như khi khó khăn hoạn nạn (*bão bùng thân bọc lấy thân/ tay ôm tay níu/ thương nhau tre không ở riêng...*).
- Dũng cảm, anh hùng, không chịu khuất phục trước mọi thế lực (*nồi tre đầu chịu mọc cong/ chưa lên đã nhọn như chông...*).
- Sự nhường nhịn, hy sinh, chăm chút cho thế hệ tương lai (*Có manh áo cộc tre nhường cho con*).

Với câu hỏi này, thí sinh chỉ cần nêu được ¾ ý của đáp án là đạt điểm tối đa

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:
+ “Thông minh” sự sáng suốt, nhạy bén của trí tuệ - đây là phẩm chất trời cho mà không phải ai cũng có. “Không phải là tôi quá thông minh” là cách nói phủ định vai trò tiên quyết của những yếu tố thiên bẩm trong hành trình.

+ “Rắc rối” là những khó khăn, những thử thách cản trở quá trình thực hiện một mục tiêu nào đó. “Bỏ nhiều thời gian hơn với rắc rối” là tinh thần dám đương đầu, đối mặt với những khó khăn, thử thách, chấp nhận, chịu đựng vấp ngã nhiều lần và dành nhiều thời gian hơn để suy ngẫm, phân tích các rắc rối để từ đó rút ra nhiều bài học có ích.

Câu nói của Albert Einstein đã đem đến một bài học sâu sắc về tinh thần dám vấp ngã, kiên trì để đạt với con đường mà mình đã lựa chọn.

- Chứng minh ý kiến:

+ Trí tuệ, sự thông thái là một món quà vô giá mà thượng đế ban tặng cho con người. Trí tuệ giúp con người dễ dàng đạt được nhiều thành công trong cuộc sống. Tuy nhiên, có trí tuệ mà thiếu đi sự chăm chỉ, kiên trì với con đường đã lựa chọn, nghị lực, ý chí vượt qua những khó khăn, thử thách thì con người cũng không thể đến được với bến bờ mơ ước.

+ Con đường đến với những mục tiêu đặt ra không bao giờ bằng phẳng. Để đạt được những điều mong muốn, con người phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách. Đó có thể là những thử thách từ bên ngoài, do hoàn cảnh bên ngoài tác động nhưng cũng là khó khăn

đến từ bên trong, do chính con người tự tạo ra cho mình như căn bệnh lười biếng, thiếu ý chí, thiếu nghị lực, thiếu tinh thần tự lập, tự giác.

+ Khó khăn, thử thách dù đến từ đâu thì nó cũng đều là những rào cản ngăn bước con người đến với mục tiêu đã đặt ra. Là rào cản chứ không phải là bức tường của đường cùng, bởi vậy, mọi khó khăn, thử thách đều có cách giải quyết, vượt qua.

+ Phê phán

Trong cuộc sống hiện nay, có nhiều bạn trẻ dễ dàng cúi đầu trước những khó khăn, thử thách, ngại vấp ngã, ngại thất bại. Họ sa vào những cảm dỗ, buông xuôi, bỏ cuộc khi gặp rắc rối. Thậm chí, báo chí ngày nay vẫn thường đưa tin, không ít người lựa chọn cái chết để giải thoát khỏi tình trạng khó khăn, bế tắc hiện tại. Đầu hàng trước những rắc rối, những kẻ ấy không bao giờ nếm được hương vị ngọt ngào của thành công.

- Bình luận:

+ Để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong cuộc sống, con người phải cần có bản lĩnh, đức tính kiên trì, dám đối đầu với thử thách, chấp nhận vấp ngã.

+ Quan trọng hơn việc vượt qua những thử thách, những khó khăn từ bên ngoài, mỗi con người cần phải học cách chiến thắng nỗi sợ hãi, sự lười biếng của chính bản thân mình.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Nguyễn Trung Thành là nhà văn gắn bó mật thiết và có duyên nợ với mảnh đất và con người Tây Nguyên. Và *Rừng xà nu* là một trong những truyện ngắn đặc sắc nhất của ông về mảnh đất nhiều gắn bó, nghĩa tình này. Có thể nói, trong tác phẩm này, nhà văn đã xây dựng rất thành công hình tượng nhân vật cụ Mết – một cây xà nu đại thụ, là linh hồn trong đấu tranh cách mạng của dân làng Xô - Man. Không giống với Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Thi lại có nhiều duyên nợ với mảnh đất và con người Nam Bộ. Và kết tinh cho tình cảm đẹp đẽ đó là truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*. Truyện ngắn tái hiện lại một dòng sông truyền thống trong lịch sử đấu tranh của một gia đình nông dân ở Nam Bộ mà tiêu biểu là khúc sông mang tên chú Năm.

- Nhân vật cụ Mết (*Rừng xà nu*) và chú Năm (*Những đứa con trong gia đình*) tuy được đặt trong những bối cảnh khác nhau nhưng ở họ đều toát lên vẻ đẹp cương nghị, chất phác. Họ chính là nhịp cầu nối giữa quá khứ

và hiện đại, người lưu giữ truyền thống và là điểm tựa của tương lai, là pho lịch sử sống của dân tộc, đất nước.

2. Thân bài

- Khái quát về tác phẩm

+ Nguyễn Trung Thành từng có thời gian dài hoạt động ở Tây Nguyên. Những năm tháng lăn lộn trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên Khu V đã giúp ông hiểu biết sâu sắc về Tây Nguyên và có nhiều tác phẩm thành công về mảnh đất, con người nơi đây. Truyện ngắn *Rừng xà nu* ra đời năm 1965, in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*, được viết trong bối cảnh khi đế quốc mỹ bắt đầu bỏ bộ áo ạt vào miền Nam. Đây là câu chuyện kể về cuộc nổi dậy của dân làng Xô - Man.

+ Nguyễn Thi quê ở miền Bắc nhưng đã gắn bó rất sâu nặng với nhân dân miền Nam và thực sự xứng đáng với danh hiệu “Nhà văn của người nông dân Nam Bộ” trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. *Những đứa con trong gia đình* được sáng tác ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác ở tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng*. Đây là câu chuyện kể về một gia đình nông dân Nam Bộ giàu truyền thống yêu nước và cách mạng.

- Nhân vật cụ Mết

+ Tuy không được miêu tả thật nhiều nhưng cụ Mết là một trong những nhân vật rất quan trọng của tác phẩm. Nhân vật này được xây dựng với vai trò người kể chuyện và phát ngôn cho tư tưởng của nhà văn trong tác phẩm.

+ Nói về nhân vật cụ Mết, Nguyễn Trung Thành từng viết: “ông là cội nguồn, là Tây Nguyên của một thời đất nước đứng lên còn trường tồn đến hôm nay”. Có thể thấy hình tượng cụ Mết mang dáng hình anh hùng Núp – người con ưu tú thời kháng chiến chống Pháp được nhà văn khắc họa trong tác phẩm *Đất nước đứng lên*. Cũng như Tnú, cụ đại diện cho vẻ đẹp và phẩm chất anh hùng của người dân Xô - Man trong kháng chiến gian khổ.

+ Những nét nổi bật về ngoại hình:

++ Cụ Mết không xuất hiện ở ngay đầu tác phẩm nhưng sự xuất hiện của cụ qua ngòi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành cũng thực sự để lại những ấn tượng mạnh mẽ trong lòng bạn đọc. “Một bàn tay nặng trĩu nắm chặt lấy vai anh như một kim sắt... Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt sáng và xếch ngược, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng!...ngực căng như một cây xà nu lớn...”

++ Cụ Mết hiện lên với một thân hình khỏe mạnh, hùng tráng; bộ râu dài tới ngực mà vẫn đen bóng cho

thấy cụ mang dáng dấp đúng của một người già làng, đôi mắt sáng xéch ngược hiện lên một con người có trí tuệ tinh nhanh và uy cường. Với những nét miêu tả đó nhà văn cũng đã phần nào chứng tỏ được Cụ Mết là sức mạnh của núi rừng Tây Nguyên.

++ Qua đó, bạn đọc có thể thấy cụ Mết hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, biểu tượng cho sức mạnh dân tộc của các đồng bào vùng Tây Nguyên, là niềm tự hào của cộng đồng dân làng Xô - Man. Giọng nói của cụ như là tiếng của cội nguồn, của núi rừng, của lịch sử, lời nói của cụ là sấm truyền sử thi, đó còn như những phán quyết của lịch sử, là sức mạnh hào hùng của thời đại.

+ Về đẹp tâm hồn:

++ Cụ Mết là một già làng trầm tính, kín đáo, uy nghi: Là người đứng đầu bản, cụ được người Xô - Man từ trẻ đến già yêu mến, kính trọng. Tiếng nói của cụ ồ ồ vang dội trong lồng ngực như âm vang của núi rừng, như lời phán truyền của lịch sử, quá khứ. Cách nói của cụ như ra lệnh, ngôn ngữ giản dị mà dứt khoát thể hiện sự quyết đoán của người đứng đầu. Mỗi khi cụ cất lời cả dân làng đều im lặng, lũ trẻ con như nuốt lấy từng lời. Hầu như nét nào ở cụ Mết cũng đặc biệt, cụ không bao giờ khén giỏi, khen tốt, khi vừa ý nhất cụ chỉ nói là “Được”. Mệnh lệnh chiến đấu phát ra chắc nịch đó được thể hiện trong đêm Tnú bị giặc đốt mười ngón tay. Tiếng hô vang “Chém! Chém hết!” của cụ như tiếng sấm bên tai không chỉ thúc giục tinh thần trong mỗi người xông lên cứu Tnú, mà còn phần nào đã khiến cho bọn thằng Dục bị đòn bất ngờ và có phần khiếp sợ. Nhưng cũng có lúc giọng nói cụ Mết cũng thật đầm ấm, trang nghiêm, linh thiêng như một huyền thoại – đó là khi cụ Mết kể về câu truyện của Tnú cho dân làng Xô - Man. Mọi người vây quanh đồng lửa trong không gian của nhà ưng và nghe cụ kể về Tnú với “tiếng nói rất trầm”.

++ Cụ là người giàu tình yêu thương dân làng, quê hương:

+++ Là già làng, trưởng bản, cụ luôn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với tất cả mọi người bằng tấm lòng nhường nhịn và san sẻ. Khi Dít đi dự hội nghị chiến sĩ thì đưa được thưởng muối dành phần biểu cụ nhưng cụ không ăn mà để phần cho người già và người ốm. Đặc biệt cụ hết mực thương yêu Tnú, người con mồ côi, trung thực và anh hùng của Xô - Man. Khi Tnú về thăm làng một đêm, cụ đón anh về nhà và tiếp đãi chu đáo.

+++ Cụ luôn tự hào về vẻ đẹp và truyền thống của bản làng Xô - Man. Theo cụ “gạo của người Strá là ngon nhất núi rừng... không cây nào mạnh bằng cây xà nu đất

ta”. Niềm kiêu hãnh về vẻ đẹp quê hương làm sang trọng vẻ đẹp tâm hồn của cụ Mết. Vì tự hào về vẻ đẹp truyền thống của bản làng nên cụ luôn lấy truyền thống Xô - Man để giáo dục con cháu.

++ Cụ ca ngợi tính cách trung thực của Tnú “Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”. Trong đêm mưa rừng Tây Nguyên, giữa nhà rông, bên ánh lửa xà nu cụ kể lại cuộc đời bi tráng của Tnú cho thế hệ con cháu kế tiếp nghe. Cụ nhắc nhớ: “Nhớ lấy, ghi lấy sau này tau chết chúng bay kể cho con cháu chúng bay nghe”. Cụ là nhịp cầu kết nối quá khứ và hiện tại, mang trong mình sức mạnh của truyền thống cộng đồng. Cụ rất mực yêu thương và đặt niềm tin vào thế hệ kế cận tiếp theo như: Tnú, Mai, Dít, bé Heng,... Trong niềm tự hào về Xô - Man, có lẽ niềm tự hào lớn nhất của cụ chính là tự hào về những đứa con ưu tú của buôn làng.

++ Người một lòng tin tưởng đường lối cách mạng của Đảng:

+++ Trong mối quan hệ với Đảng và cách mạng cụ Mết càng là sợi dây gắn kết dân làng với lí tưởng, chỉ dẫn của Đảng, bởi cụ luôn có niềm tin sâu sắc vào những đường lối của Đảng, tinh thần này càng được giáo dục một cách nghiêm khắc cho đám đông làng Xô - Man để khắc cốt ghi tâm. Đã có lần cụ từng khẳng định niềm tin ấy: “Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn”. Nhưng quan trọng hơn là cụ Mết đã đưa chân lí đó vào thực tiễn của cuộc đấu tranh chống bọn đế quốc Mĩ bằng những chân lí thật giản dị: “Nhớ lấy, ghi lấy sau này tao chết rồi, bay còn sống kể lại cho con cháu: Chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo!”. Nhờ vào ý thức luôn giáo dục truyền thống về vang của làng cho các thế hệ tiếp cận đó mà dân làng Xô - Man giữ được truyền thống kiên cường bất khuất, khả năng giữ bí mật tuyệt đối, để làng Xô - Man mãi tự hào khi trong suốt 5 năm kháng chiến chưa có cán bộ nào bị giặc bắt hay bị giết trong cánh rừng xà nu này.

+++ Cụ Mết có niềm tin sâu sắc vào Đảng là nhờ vào sự am hiểu tường tận và rành rọt đường lối kháng chiến. Không chỉ là phương châm kháng chiến lấy bạo lực cách mạng để đập tan bạo lực phản cách mạng (chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo) mà đặc biệt hơn cụ còn am hiểu về cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc: “đánh thắng Mĩ phải đánh lâu dài”. Ngoài ra, qua ngòi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành ta còn thấy được tinh ki luật cao trong con người cụ Mết qua cách chỉ huy dân làng khi trốn vào rừng lánh giặc chờ đợi thời cơ tiến hành khởi nghĩa: “thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên! Tất cả

người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông”. Chính vì thế, cụ Mết được nhà văn miêu tả với hình tượng một cây xà nu đại thụ trong rừng xà nu, luôn là bóng lớn cho dân làng Xô - Man chống bọn Mĩ nguy, góp phần vào sự thành công của cuộc cách mạng trong cả nước.

+++ Cụ mét không phải là nhân vật chính trong ý đồ miêu tả của nhà văn nhưng qua tác phẩm ta cũng thấy được vai trò to lớn của cụ Mết trong việc tô đậm hình tượng nhân vật Tnú với lối kể chuyện lồng trong chuyện, qua chuyện một đêm mã dài như cả đời người ở làng Xô - Man. Hình ảnh cụ Mết tuy ít xuất hiện nhưng những gì nhà văn miêu tả về người già làng một lòng theo Đảng, tin tưởng cách mạng càng làm tăng thêm giá trị cho tác phẩm *Rừng xà nu* đề nó có sức âm vang tới hôm nay và mai sau. Trong lòng bạn đọc cụ Mết mãi là hình tượng bất tử của cây xà nu đại thụ vươn sức bảo vệ cho thế hệ trẻ phát triển, để thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc.

- Nhân vật chú Năm:

+ Nhân vật chú Năm không phải nhân vật chính nhưng góp phần quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc họa qua dòng hồi tưởng của nhân vật Việt và là đối tượng để thông qua đó, Nguyễn Thi gửi gắm những tư tưởng của mình.

+ Chú Năm là người nông dân Nam Bộ yêu lao động, sống gắn bó với quê hương, đồng ruộng

++ Theo dòng hồi ức của Việt, chú Năm được nhắc tới là “người đi đây đi đó nhiều, ham sông ham biển”. Qua đó cho thấy cuộc đời của chú sống trôi dạt, lênh đênh trên mặt nước đồng thời chú cũng là người hiểu rộng, biết nhiều. Đặc biệt, dấu tích cuộc đời trải qua bom đạn còn hằn rõ qua chi tiết “Bà vai chú còn một đầu đạn của thằng Tây hồi chín năm”.

++ Lòng yêu quê hương, xứ sở của chú Năm được thể hiện qua giọng hò đặc biệt của chú. Trong con người chú có sự hòa quyện đến lạ lùng giữa chất nông dân thuần hậu với chất tài tử, nghệ sĩ, chính vì vậy mà nhà văn dành nhiều ưu ái khi miêu tả chi tiết giọng hò của chú Năm. Chú Năm không hay hò bởi chú đã già, giọng chú đục và tức như gà gáy. Chú chỉ hò khi kể lại sự tích của gia đình, cuối câu chuyện thế nào chú cũng hò mấy câu nói về cuộc đời cay cực của chú. Qua giọng hò, chú muốn nhắc Việt và Chiến về cội nguồn, về những truyền thống đấu tranh anh dũng của gia đình và chú muốn hai

chị em khắc sâu vào trí nhớ. Khi thấy Chiến và Việt đã đủ lớn, đủ sức gánh vác việc gia đình và cách mạng thì : “câu hò của chú Năm nổi lên giữa ban ngày, cất lên như hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, kéo dài từng tiếng một rồi vỡ ra, nhấn nhá tha thiết cuối cùng ngắt lại như một lời thề dũ dội”. Giọng hò của chú chứa đựng bầu nhiệt huyết, lời kêu gọi thế hệ trẻ lên đường đánh Mĩ cứu nước, nhắc họ hướng về gia đình, quê hương.

+ Chú Năm là con người tình có cảm đơn hậu, luôn tự hào về truyền thống của gia đình mình

++ Bên cạnh giọng hò thiết tha chú Năm còn là người lưu giữ cuốn sổ ghi chép của gia đình – là cuốn gia phả không đơn thuần chỉ ghi lại các thế hệ của gia đình mà nơi đó còn lưu lại những chứng tích và nỗi đau của gia đình. Nó không chỉ có ý nghĩa là một cuốn gia phả mà nó còn là tấm bia ghi món nợ máu với bọn đế quốc. Chú Năm ghi chép cuốn sổ với một sứ mệnh đặc biệt. Chú quý cuốn sổ như báu vật, ghi chép tỉ mỉ những sự kiện gia đình với mục đích giữ gìn truyền thống để giáo dục con cháu. Bởi vậy khi Việt và Chiến lớn lên, chú yêu cầu hai chị em đọc hết cuốn sổ gia đình. Mong ước của chú là muốn lấy truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước của gia đình để giáo dục các cháu, để từ đó có trách nhiệm đứng lên chiến đấu và sống đúng nghĩa.

++ Lòng tự hào về truyền thống gia đình còn được chú Năm nói với Việt và Chiến qua một thông điệp giàu tính triết lí: “Chú thường ví chuyện gai đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, cũng lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn rộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta”. Câu nói khẳng định mỗi con người là một khúc sông, mỗi gia đình là một dòng sông để đổ vào biển lớn của nhân dân, đất nước. Từ đó nhắc nhở mỗi người phải biết kế thừa, trân trọng, tôn vinh giá trị truyền thống của cha ông.

++ Về tình cảm gia đình: Chú luôn yêu thương và đùm bọc chị em Chiến như con đẻ của mình. Chú luôn đặt niềm tin vào thế hệ con cháu. Khi thấy Chiến thu xếp ổn thoả công việc gia đình trước khi ra mặt trận, chú khen: “Khôn. Việc nhà nó thu gọn được thì việc nước nó mở rộng được. Gọn bề gia thất đặng bề nước non. Con nít chúng bay đánh giặc kì này khôn hơn các chú kì trước”.

+ Chú Năm có niềm tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng.

++ Từng kinh qua lửa bom trận mạc nhưng khi về già không trực tiếp cảm súng đánh giặc, chú bày tỏ lòng nhiệt thành với cách mạng, tinh thần yêu nước khi khích lệ các cháu đăng kí nhập ngũ. Khi hai chị em Chiến, Việt tranh nhau đi độ đội, chú đồng ý cho cả hai chị em đi. Chú nói với huyện đội: “Hai đứa cháu tôi một lòng theo Đảng như vậy tôi cũng mừng. Việc lớn ta tính theo việc lớn, việc thòn mòn trong nhà tôi thu xếp khắc xong”. Chú Năm đã đặt quyền lợi đất nước lên trên quyền lợi của gia đình. Chú nhắc nhở hai chị em phải giữ vững truyền thống của gia đình, thù cha mẹ chưa trả được mà trốn về thì chú chặt đầu. Qua đó cho thấy dũng khí yêu nước mãnh liệt phảng phất tinh thần trượng nghĩa, bộc trực của người Nam Bộ.

- Điểm gặp gỡ giữa hai nhân vật:

+ Cùng lấy cảm hứng từ tinh thần đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhà văn Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đã gặp nhau trong việc xây dựng hình tượng cụ Mết (trong *Rừng Xà Nu*) và chú Năm (trong *Những đứa con trong gia đình*). Đó là hai nhân vật đc ví như khúc thượng nguồn của một dòng sông về lòng yêu nước, truyền thống cách mạng được chảy từ thế hệ này sang thế hệ khác.

+ Đều là hiện thân cho vẻ đẹp của những người đi trước, là cầu nối giữa những giá trị quá khứ và hiện đại, người lưu giữ, nhắc nhở và giáo dục con cháu về truyền thống, có niềm tin son sắt vào Đảng, vào cách mạng.

+ Cùng sống trong cảnh đất nước đang phải gánh gồng với các cuộc kháng chiến chống đế quốc, thực dân, cùng chứng kiến và chịu nhiều đau thương mất mát do giặc Mỹ gây ra.

+ Cùng mang trong mình dòng máu anh hùng, yêu nước, tính cách khảng khái, bộc trực, giàu tình yêu thương.

+ Người sâu sắc, trọng nghĩa tình và ít nói.

+ Đều là người có niềm tin và tầm ảnh hưởng (con cháu, buôn làng, cộng đồng...).

+ Đều có lòng tự hào về quê hương, con người.

+ Đều được xây dựng bằng ngòi bút cá thể hóa, được khắc họa bằng những chi tiết đặc sắc, mang tầm khái quát cao.

- Điểm khác biệt:

+ Cụ Mết :

++Nhân vật cụ Mết mang dáng dấp của người anh hùng, của già làng Tây Nguyên, là người lãnh đạo dân làng trong cuộc nổi dậy chống giặc ngoại xâm. Cụ Mết là nhân vật tượng trưng cho lịch sử, truyền thống hiên ngang bất khuất, cho sức sống bền bỉ. Ở cụ có những nét gần gũi với các tù trưởng hùng mạnh, thể hiện khát vọng, hoài bão của cả một cộng đồng trong một số sử thi Tây Nguyên. Viết về cụ Mết tác giả đã phát huy cao độ bút pháp sử thi và cảm hứng lãng mạn, lý tưởng hóa, trên hình tượng một nhân vật có thật, người đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (được ví như anh hùng Núp vậy).

+ Chú Năm: mang dáng dấp của người dân Nam Bộ yêu nước, hiền lành, chất phác, giàu cảm xúc, là người hun đúc tinh thần chiến đấu cho thế hệ con cháu.

+ Hai nhân vật đại diện cho vẻ đẹp tâm hồn cho con người Tây nguyên và người nông dân Nam Bộ. Lòng yêu nước và căm thù giặc của họ đã phản ánh chân thực và tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Qua hai câu chuyện một cộng đồng buôn làng Tây Nguyên, một gia đình Nam Bộ, các tác giả còn đề cập tới tầm khái quát rộng hơn đó chính là đại gia đình Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ gian khổ.

3. Kết bài

- Nhân vật cụ Mết trong *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và chú Năm trong *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là kết tinh những vẻ đẹp của con người Việt Nam, là điểm sáng của truyền thống cách mạng của dân tộc Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

ĐỀ SỐ 23

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu.

*Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?
- Chua đau! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc
Hung Đạo diệt quân Nguyên trên sôngng Bạch Đằng...*

*Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả
Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn!
Trái cây rơi vào áo người ngấm quả
Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh rờn
Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...*

(Trích *Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*)

Theo *Chế Lan Viên toàn tập*, NXB Văn học, 2002, Vũ Thị Thường sưu tập và biên soạn).

Câu 1. Chỉ ra những danh từ riêng chỉ người có trong đoạn trích trên..

Câu 2. Xác định 01 câu hỏi tu từ trong đoạn trích. .

Câu 3. Theo anh/chị khoảng thời gian mà tác giả nhắc đến trong câu thơ “*Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả*” là khoảng thời gian nào? .

Câu 4. Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Ngạn ngữ Nga có câu: *Nếu có hai cái bánh mì, tôi sẽ bán đi một cái để mua hoa hồng. Cà tâm hồn cũng cần phải được ăn uống.*

Bằng một đoạn văn khoảng 200 từ, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về bài học đặt ra từ câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Về truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi, có ý kiến cho rằng: *Việt và Chiến là những nhân vật tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mĩ.* Lại có ý kiến khác khẳng định: *Việt và Chiến là những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có cá tính riêng, không lặp lại.*

Qua truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*, anh chị hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Câu 1. Danh từ riêng chỉ người: Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo. .

Câu 2. Câu hỏi tu từ : *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*

Câu 3. Khoảng thời gian mà tác giả nhắc đến trong câu thơ *Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả* là thời điểm mà đất nước giành lại được độc lập, đang tiến lên trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Đoạn thơ thể hiện niềm hạnh phúc, vui sướng, phấn khởi, không thể che giấu của nhân vật trữ tình khi được sống trong thời khắc lịch sử của dân tộc- cả dân tộc được độc lập, nhân dân được hưởng quyền tự do, hạnh phúc...

Thí sinh có thể diễn đạt theo những cách khác nhưng phải hợp lí. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm):****Yêu cầu về hình thức:**

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:
- + “Bánh mì” ở đây là ẩn dụ cho những giá trị vật chất thiết yếu của sự sống mỗi con người

- + “Hoa hồng” ở đây biểu trưng cho những giá trị tinh thần, là đời sống tâm hồn, tình cảm của con người

Nghĩa cả câu: Vật chất và tinh thần cần được cân bằng, hài hoà coi trọng như nhau, đó mới là cách khiến cuộc sống con người hoàn thiện, trọn vẹn.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Theo triết học, con người gồm hai mặt, thể xác và tinh thần, phần con và phần người. Tâm hồn chính là phần quan trọng khiến con người được là Người với cái nghĩa đầy đủ nhất.

+ Đời sống tâm hồn không phải tự sinh ra, tự di dưỡng. Tâm hồn con người luôn cần được “ăn uống” nghĩa là được bồi đắp, chăm sóc. Nếu để tâm hồn cần cỗi, khô héo, nghèo nàn, con người sẽ chỉ là cỗ máy, không khác gì loài vật.

+ Khi đời sống tinh thần được đáp ứng đầy đủ, nó sẽ tạo nên động lực, sức mạnh giúp con người sáng tạo, sản xuất ra những giá trị vật chất và sống một cuộc sống vui vẻ, thanh thản hơn. Đời sống tâm hồn được cân bằng và đáp ứng, những áp lực của đời sống vật chất cũng sẽ được giảm nhẹ, vơi bớt.

+ Nếu chỉ quan tâm đến đời sống vật chất, những ham muốn tiền tài, địa vị con người sẽ dễ rơi vào lối sống ích kỉ, vô cảm, thậm chí bất hạnh, đau khổ... Hoặc cuộc sống sẽ rất nhàm chán, vô vị...

+ Tuy nhiên, không thể phủ nhận vai trò của cuộc sống vật chất. Khi cuộc sống vật chất chưa được đáp ứng, con người không thể có đời sống tinh thần phong phú. Con người nếu quá coi trọng đời sống tinh thần mà không quan tâm đến nhu cầu vật chất thì sẽ xa rời thực tế, cũng không thể nuôi dưỡng được tâm hồn mình... Ngạn ngữ phương Tây có câu: “Trong bàn ăn, những người làm nghệ thuật nói với nhau về chuyện ngân hàng. Trong bàn ăn, những người làm ngân hàng nói với nhau về nghệ thuật” cũng là vì thế.

- Bình luận:

+ Nói tóm lại, cần phải hài hoà cả tâm hồn và thể xác, cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần, đó mới là hạnh phúc, cần nhận thức đầy đủ về hai nhu cầu làm nên cuộc sống của mỗi người.

+ Lao động hết mình để thoả mãn đầy đủ nhu cầu vật chất song cũng không ngừng nâng cao chất lượng đời sống tinh thần phong phú cho bản thân và gia đình.

Câu 2 (5 điểm):**1. Mở bài:**

- Nguyễn Thi là cây bút tiêu biểu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kỳ chống Mĩ. Ông được mệnh danh là *Nhà văn của nông dân Nam Bộ*. Văn Nguyễn Thi vừa giàu chất hiện thực quyết liệt, dữ dội của chiến tranh, vừa đậm thắm, trữ tình với một ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ. Nhân vật trong tác phẩm của ông là những người nông dân Nam Bộ có lòng căm thù giặc sâu sắc, vô cùng gan góc, kiên cường, thủy chung son sắt với quê hương và cách mạng.

- *Những đứa con trong gia đình* là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi, được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác ở tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng*. Về truyện ngắn này, có ý kiến cho rằng: *Việt và Chiến là những nhân vật*

tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mĩ. Lại có ý kiến khác khẳng định: *Việt và Chiến là những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có cá tính riêng, không lặp lại.*

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ *Những đứa con trong gia đình* kể lại rất chân thực về Việt, Chiến... những người nông dân vùng đất Nam Bộ này, những con người bản chất vừa hồn nhiên, bộc trực, trung hậu, vừa có lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng hy sinh cho quê hương, đất nước. Trong họ luôn hòa quyện sâu nặng giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, yêu cách mạng, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc. Tất cả đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, giúp họ vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

+ Tính cách là sản phẩm của hoàn cảnh. Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng phẩm chất anh hùng, lòng yêu nước của hai chị em Chiến và Việt. Cha mẹ đều là những chiến sĩ dũng cảm nên Chiến và Việt cũng là những chiến sĩ giải phóng quân can đảm và lập được nhiều chiến công. Hai chị em đều là những con người bộc trực, nhân hậu, có tấm lòng hiếu thảo. Cả Chiến và Việt đều còn rất trẻ. Chính nét trẻ thơ đã làm cho hình tượng người anh hùng thời chống Mĩ ở Chiến và Việt trở nên sát đá, mềm mại mà nhân tính rất con người.

- Bình luận hai ý kiến:

+ Ý kiến thứ nhất: *Việt và Chiến là những nhân vật tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mĩ* khẳng định giá trị đại diện, tính điển hình của hai hình tượng Việt và Chiến. Hai hình tượng này có những phẩm chất đặc trưng, tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ như: có lòng căm thù giặc sâu sắc, yêu gia đình, quê hương, sẵn sàng dâng hiến tuổi xuân cho đất nước. Ý kiến thứ hai *Việt và Chiến là những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có cá tính riêng, không lặp lại* nêu bật nét riêng, tính cá thể của hai hình tượng Việt và Chiến. Đó là những biểu hiện cá tính riêng của từng nhân vật như: sự hồn nhiên, vô tư, lộc ngọc của cậu bé mới lớn ở Việt, sự chín chắn, chu toàn, nữ tính ở Chiến.

++ Việt và Chiến là hai chị em sinh ra trong một gia đình chịu nhiều đau thương, mất mát do tội ác Mĩ - Diệm: cha bị Tây chặt đầu, má bị đại bác Mĩ bắn chết. Mẹ coi cha mẹ, lại phải sống trong chiến tranh, ở hoàn cảnh đó, con người thường bị huyệt huyệt về tình cảm, rất dễ khủng hoảng tinh thần, nhưng không, chị em Việt vẫn trụ lại trước cuộc đời, vẫn không đơn côi lẻ loi, vẫn thấy

rõ con đường của mình phải đi. Khát vọng lớn nhất của họ là được tòng quân, là được hoà nhập vào cuộc chiến của quê hương đất nước, kế tục truyền thống đánh giặc của cha ông.

++ Việt và Chiến mới bước vào ngưỡng cửa của tuổi trưởng thành nhưng họ tranh nhau tòng quân để rồi cả hai người cùng nhập ngũ, cũng được ra mặt trận. Con đường đến với mặt trận của họ xuất phát từ đâu? Nguyễn Thi không miêu tả dài dòng, ông chỉ lọc lấy một vài chi tiết đặc quánh hiện thực, tự nó làm sống lại cái quá khứ bi thương của gia đình Việt, để lí giải nguyên do thúc đẩy những đứa con trong gia đình đi tòng quân. Cuốn sổ gia đình mà Việt, Chiến dùng để đánh vần chính là “cuốn gia phả” bi thương của một dòng họ, ở cuốn gia phả ấy, mỗi trang, mỗi dòng đều thấm máu và nước mắt người thân của họ, từ ông bà đến má chú bác, ngày nào kẻ thù gây ra đau thương cho gia đình cũng bị ghi chép một cách cụ thể. Ở “cuốn gia phả” ấy không chỉ có bi thương mà còn có chiến công dù “thôn mồn” hay to lớn những chiến công do cha ông họ, do chính họ viết nên. Học chữ từ cuốn sổ gia đình thực chất là để học lấy cái đạo lí người, nhớ lấy đau thương. Nhớ lấy cái mối thù sâu nặng và để viết tiếp những chiến công cho lịch sử gia đình. Không phải ngẫu nhiên mà chú Năm - người đại diện cho thế hệ đi trước, người chấp bút “cuốn gia phả” - lại ghi câu này: “Còn nhiều việc thôn mồn tôi không ghi hết, để rồi sắp nhò nó ghi thêm” và kể câu đó là chiến công của chị em Việt trên sông Định Thủy. Thiết tưởng đây không phải là chuyện nhớ gì ghi nấy, mà là chuyện trọng đại: lời dặn dò của thế hệ trước với thế hệ sau, một sự gửi gắm đầy tin tưởng của cha ông với cháu con. Và quả thực lớp trẻ như Việt, Chiến đã không phụ lại niềm tin đó.

++ Việt và Chiến cũng có một tinh thần yêu quê hương đất nước và căm thù giặc sâu sắc. Dường như đây là dòng máu chung của đại gia đình này, cứ chảy từ bầu tâm huyết của thế hệ này sang huyết quản của thế hệ khác. Tinh yêu quê hương của họ gần như là bản năng. Nhất là lòng căm thù. Tuy là những đứa trẻ mới lớn nhưng Việt và Chiến đã khắc sâu trong tâm khảm mình mối thù với những kẻ đã giết hại ba má mình. Thậm chí, họ coi ý nghĩa của toàn bộ đời mình giờ đây là ở chỗ: phải trả thù bằng được cho ba má. Chính vì nung nấu mối thù này mà cả Việt và Chiến đều rất giàu ý chí. Mối thù mang trong lòng ấy đã làm cho họ lớn nhanh hơn, khấn trương hơn. Khi nghe chú Năm nói: “lần này ra đi, thù ba má chưa trả mà trở về thì chặt đầu”. Nhân vật Việt

đã nói tình queo: *Chi có bị chặt đầu thì bị chứ chừng nào tôi mới bị.* Còn Chiến thì cũng khẳng khái nói: *Tao đã nói rồi, làm thân con gái ra đi chuyến này, nếu địch còn thì tao mất, vậy à!* Điều này đã thể hiện được vẻ đẹp tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, đầy nhiệt huyết, sục sôi ý chí chiến đấu bảo vệ đất nước.

Như vậy, ở hai chị em sáng lên phẩm chất anh hùng, tinh nghĩa của lớp trẻ vùng đồng bằng Nam Bộ nói riêng, tuổi trẻ Việt Nam nói chung trong kháng chiến chống Mỹ: Nung nấu căm thù đối với tội ác quân giặc và có khát khao mãnh liệt được trả thù nhà nợ nước; kiên cường, mạnh mẽ, gan góc, cương trực trong cuộc sống và đứng cam trong chiến đấu. Đồng thời ở họ là sự gần bó thiết tha, sâu nặng, ân tình với gia đình, quê hương xứ sở, đầy ý thức về truyền thống gia đình và có những hành động cụ thể để tiếp nối, phát huy truyền thống ấy.

+ Ý kiến thứ hai:

Ngoài những nét chung nổi bật, ở hai chị em lại có những nét riêng làm nên sức hấp dẫn của nhân vật và góp phần thể hiện vẻ đẹp phong phú của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh chống Mĩ.

++ Nhân vật Chiến:

+++ Ngoại hình và tính cách của Chiến thừa hưởng nhiều nét từ má. Nguyễn Thi đã khắc họa chân dung Chiến một cách ấn tượng, như là bản sao của má Tư Năng: *bắp tay tròn vo, sạm đỏ màu cháy nắng, thân người to và chắc nịch, bước đi bịch bịch.* Đây là nét đặc sắc trong sáng tác của Nguyễn Thi khi miêu tả người phụ nữ. Trong trang văn của ông không có hình ảnh người phụ nữ mảnh dẻ mà chỉ có hình ảnh người phụ nữ khỏe mạnh về thể chất, họ đặc trưng cho con người sinh ra từ sông nước Nam Bộ. Vẻ đẹp mạnh mẽ như chứng minh họ sinh ra để gánh vác, chống chọi với bom đạn, để chiến đấu và chiến thắng. Tính cách của Chiến cũng giống má lạ thường. Chiến lo việc hết như má, ven bề trước sau. Những điểm giống má của Chiến có ý nghĩa đặc biệt: má là khúc sông trước, Chiến là khúc sông sau trong dòng sông truyền thống gia đình. Nó thể hiện sức sống, sự nối tiếp mãnh liệt, bền bỉ giữa những thế hệ của một gia đình và rộng hơn là của một dân tộc trong bão táp chiến tranh.

+++ Chiến là người chị yêu thương, nhường nhịn em. Khi chưa ra trận, chú Năm sai Chiến và Việt đi bắt ếch. Chiến bắt được nhiều hơn Việt, về đến nhà Việt tranh phần nhiều hơn, trước mặt chú Năm Chiến nhường em. Khi lớn lên, hai chị em bắn chết giặc Mĩ trên sông Định Thủy, Việt giành công với chị, Chiến cũng nhường. Có

một việc Chiến nhất định không nhường em, đó là việc ghi tên tòng quân đánh giặc. Hành động này vừa cho thấy khao khát ra trận trả thù nhà, đền nợ nước của Chiến, vừa thấy rõ bản chất người chị giàu lòng thương em. Sống trong hoàn cảnh neo đơn, cha mẹ hy sinh, chị Hai ở xa, Chiến tần tảo chăm sóc các em. Khi phải ra trận, mối bận tâm lớn nhất của Chiến là cậu em út. Chiến gửi em sang nhà chú Năm, an lòng rồi mới ra đi.

+++ Chiến là cô gái kiên nhẫn, chu toàn trong mọi việc. Chị hơn Việt một tuổi nhưng Chiến tỏ ra già dặn hơn hẳn, tư cách làm chị và bản tính con gái hòa vào nhau rất rõ. Chiến có cái gan góc và tế nhị rất riêng của người con gái. Khi được chú Năm giao cho đọc cuốn sổ gia đình, Chiến kiên trì ngồi đánh vần, tiếng được tiếng mất, bỏ ăn, quên cả trời chạng vạng. Chiến còn ít tuổi nhưng chững chạc trong việc làm và suy nghĩ. Chiến tính toán tường tận, thu xếp việc nhà đầu vào đầy khiến chú Năm tấm tắc khen: *Khôn. Việc nhà nó thu gọn được thì việc nước nó mở rộng được. Gọn bề gia thất, dặng bề nước non.*

+++ Vào bộ đội, Chiến chiến đấu anh dũng, quả cảm, trở thành đại đội trưởng bộ đội nữ địa phương quân Bến Tre. Đặc biệt Chiến luôn mang theo chiếc gương trong túi. Đây là một chi tiết thật thiếu nữ, không chỉ là thiếu nữ duyên dáng mà còn là thiếu nữ anh hùng bởi chỉ có người thiếu nữ anh hùng mới biết làm duyên, làm đẹp trong khói lửa chiến tranh. Chi tiết này biểu hiện lòng yêu cuộc sống, tinh thần lạc quan của Chiến cũng như của người phụ nữ Việt Nam trong khói lửa chiến tranh.

++ Nhân vật Việt:

+++ Việt là chàng trai hồn nhiên, trong sáng. Việt được bạn đọc yêu thích trước hết là ở vẻ ngoài lộc ngọc, vô tư của một chàng trai đang tuổi ăn tuổi lớn. Nguyễn Thi tô đậm một ngoại hình hồn nhiên trẻ thơ của Việt: *gò má căng mướt như trái vú sữa, nụ cười lòn lòn, có lúc toét miệng ra cười hồn nhiên như một đứa trẻ.* Việt hồn nhiên, vô tư, vô lo, mọi việc đều phó thác cho chị. Vào bộ đội, nếu Chiến mang theo chiếc gương soi đầy nữ tính thì Việt lại mang theo chiếc ná thun đượm hương cây trái, nắng gió quê hương. Vẻ trẻ con ngây thơ còn thể hiện ở chi tiết khi vào bộ đội rất quý mến, tin tưởng đồng đội nhưng giấu biệt chuyện mình có chị gái vì sợ các anh trong đơn vị tán mất chị của mình.

+++ Việt là chàng trai có tâm hồn nhạy cảm và trái tim nhân hậu. Khi bị thương nằm lại chiến trường, Việt lắng nghe và cảm nhận rõ về thế giới xung quanh. Đó là âm thanh tiếng ếch nhái kêu dậy lên trong đêm mưa,

tiếng chim cu rừng, tiếng đé gáy u u... Hai mắt Việt bị thương không nhìn thấy gì nhưng cậu vẫn nhận ra bóng đêm với hương gió lạnh đang lùa trên má, nhận ra ban ngày đã đến với mùi của nắng, vị ngọt ngào của bong hoa rừng lan tỏa đầu dây. Việt là cậu trai giàu tình cảm, yêu gia đình, quê hương và đồng đội. Bị thương một mình giữa chiến trường, sau mỗi lần ngất đi tỉnh lại Việt lại nhớ đến hình ảnh của người thân. Cậu Việt hồn nhiên bỗng nhận ra những cảm xúc khác thường: lòng thương chị, mối thù giặc đè nặng trên vai...

+++ Việt là chiến sĩ giải phóng quân anh hùng. Khi trở thành chiến sĩ giải phóng quân, Việt dũng cảm lập được chiến công lớn trong một trận đọ lê giữa ta và địch. Lúc bị thương, Việt vẫn quyết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Sau khi được đồng đội tìm thấy, câu hỏi đầu tiên của Việt là tin chiến sự. Việt cười khi nghe anh Tánh báo tin chiến thắng, tư thế ấy, nụ cười ấy là biểu hiện tuyệt đẹp của người anh hùng.

- Đánh giá:

+ Cả hai ý kiến đều đúng, không đối lập mà bổ sung cho nhau, giúp người đọc cảm nhận hình tượng nhân vật một cách trọn vẹn. Với hai hình tượng nghệ thuật này,

Nguyễn Thi đã xây dựng thành công chân dung tiêu biểu của lớp trẻ vùng sông nước Nam Bộ nói riêng, con người Việt Nam nói chung kiên cường và tinh nghĩa trong kháng chiến chống Mỹ.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: thông qua việc lựa chọn một tình huống truyện độc đáo, lựa chọn điểm nhìn trần thuật phù hợp, chọn lọc các chi tiết đặc sắc, miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế, sinh động, ngôn ngữ mang sắc thái Nam Bộ rõ nét... tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp của “những đứa con trong gia đình”.

3. Kết bài :

- Chiến và Việt tiêu biểu cho vẻ đẹp con người Việt Nam thời chống Mỹ sống trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, chịu nhiều mất mát nhưng có trái tim nhân hậu, giàu lòng yêu thương gia đình, quê hương, đất nước.

- Khẳng định tài năng cá thể hóa trong việc khắc họa nhân vật của nhà văn Nguyễn Thi. Chiến và Việt tuy khác biệt và thống nhất. Sự thống nhất lớn nhất là ở truyền thống gia đình, cái cội rễ thăm sâu đã gắn kết những đứa con thành một khối thống nhất. Nguyễn Thi đã dùng lăng kính gia đình để cắt nghĩa sức mạnh con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

ĐỀ SỐ 24

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Lại một vị khác hẳn, ấy là hai thứ bún sườn và canh bún. Bún sườn thì hiền lành thôi, về sắc sảo chẳng có gì. Cứ quý hồ nước cho ngọt, bún cho dẻo là được rồi. Người ta ăn bún sườn như đọc những tiểu thuyết ngon ngọt, thích thôi chứ không dám mê. Không có người ghét những cũng không có người tha thiết quá. Cái gì cũng ở nửa chừng.

(2) Canh bún thì cao hơn một bậc vì có rau cần, sánh và gấc, và nhất là có cá rô con, lạng từng miếng một, cũng có nơi nấu với cải, nhưng không ngon bằng. Thịt cá rô ấy đem lại cho thức ăn một vị đậm ngọt khác thường, không hiền lành, bởi vì chỉ ngon trong một độ nào đó, khiến người ăn có cái cảm tưởng đi gần một vị ghê lợm ở đầu này và ở đầu kia, và bởi thế, càng khiến cho thức quà ngon hơn, có cái ngon của sự chênh vênh và lo sợ... Thực vậy, canh bún để nguội thì tanh mà đun già nóng quá thì nồng ruồng. Ấy chỉ lúc nóng vừa đổ miệng, ăn phải xuýt xoa. Và người ta cho hồ tiêu và, để thêm cái cay nóng có mực thước.

(Thạch Lam, *Bún sườn và canh bún*, in trong *Hà Nội băm sáu phố phường*, NXB Văn học).

Câu 1: Đoạn trích trên nhắc đến mấy món ăn, đó là những món ăn nào? .

Câu 2: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép liên kết trong đoạn văn trên. .

Câu 3: Các món ăn trong đoạn trích luôn được đặt ở sự so sánh lẫn nhau. Chỉ ra sự so sánh đó. Việc so sánh này có tác dụng như thế nào? .

Câu 4: Trong khoảng 5 – 7 dòng, kể về một món ăn gây cho anh (chị) ấn tượng nhất. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

"Chúng ta đều là thiên thần chỉ có một chiếc cánh, và ta phải ôm lấy lẫn nhau để học bay".

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh chị về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ sau:

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và mây, và cỏ rặng

Cho chênh choáng mùi hương, cho đã đầy ánh sáng

Cho no nê thanh sắc của thời tươi.

Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

(Vội vàng, Xuân Diệu, Ngữ văn 11, Tập 1, NXB Giáo dục, trang 23)

"Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ."

(Sóng, Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo Dục, trang 156)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)**Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)**

Câu 1: Đoạn trích nhắc tới hai món ăn là bún sườn và canh bún. .

Câu 2: Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích là:

- Phép liên tưởng: nhà văn sử dụng trường từ vựng về món ăn như: vị, món, bún sườn, canh bún, ngọt, dẻo, rau cần, cá rô, ngon,...

- Phép lặp: bún sườn, canh bún,...

- Phép nối: “và” đứng ở đầu câu để nối các câu với nhau

Tác dụng: Liên kết nội dung trong câu nói về một chủ đề thống nhất là hai món bún sườn và canh bún. .

Câu 3: Các món ăn bún sườn và canh bún luôn được đặt đối sánh nhau với những điểm tương chùng như trái ngược nhưng đều toát lên nét đặc trưng riêng của từng loại món ăn. Nếu món bún sườn là món *hiền lành thoải, về sắc sảo chẳng có gì* thì món canh bún lại là món *sánh và gắt*. Những từ ngữ miêu tả bún sườn là những từ mang tính nhẹ nhàng, hiền hòa như *cái gì cũng ở nửa chừng*, còn canh bún thì khát khe hơn về yêu cầu, phải nấu đạt đến độ *Ấy chỉ lúc nóng vừa đổ mặng, ăn phải xuyết xoa*. Và người ta cho hồ tiêu và, để thêm cái cay nóng có mục thước thì mới thực sự phát huy được sự thơm ngon của món ăn.

Tác dụng của việc so sánh: Đặt hai món ăn cạnh nhau với những đặc điểm trái ngược về bề ngoài cho thấy mỗi món ăn có một đặc điểm riêng biệt nhưng chúng đều thể hiện sự thơm ngon, tinh túy của món ăn, sự tinh tế của người cảm nhận nó. Đặt chúng bên cạnh nhau có vai trò soi chiếu lẫn nhau, làm cho các món ăn trở nên hấp dẫn hơn. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Món ăn mà anh (chị) muốn nhắc đến là món ăn gì? Là đặc sản hay là món ăn truyền thống, món ăn dân dã thông thường?

- Món ăn để lại cho anh (chị) ấn tượng gì về mùi vị cũng như cách thưởng thức đặc biệt của nó? Món ăn gắn với những nếp sống, nếp sinh hoạt văn hóa nào của người Việt nói chung hoặc người của địa phương nơi món ăn đó được chế biến nói riêng?

- Ngoài ra, học sinh có thể trình bày những kỉ niệm của bản thân đối với món ăn đó (chẳng hạn món chè, món hoa quả dầm gắn bó với thời học sinh, hoặc món

thịt kho tàu gắn với kỉ niệm lần đầu vào bếp cùng với mẹ...). Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm):****Yêu cầu về hình thức:**

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

“Thiên thần một cánh” là cách nói thể hiện sự không hoàn hảo, không toàn vẹn.

“Ôm lấy nhau” trước hết cần được hiểu là phối hợp với nhau, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, hành động “ôm” không đơn giản chỉ là một hành động thể hiện sự gắn kết đơn thuần mà hành động đó phải xuất phát từ tình yêu thương chân thành, sự bao dung, đùm bọc.

“Học bay” là học cách vươn lên trong cuộc sống, vượt qua những khó khăn. Khi sử dụng từ “học”, phải chăng, tác giả câu nói muốn nhấn mạnh đến con đường mà con người phải cùng nhau vượt qua – con đường ấy không ai biết trước, muốn đi được qua, con người cần phải dò dẫm, học tập từng chút một. Trên cuộc hành trình mà tất cả đều cảm thấy mới lạ thì con người lại càng cần đến nhau, nương tựa vào nhau.

Như vậy, câu nói đã khẳng định một bài học ý nghĩa: trong cuộc sống, con người phải đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau, có như vậy, con người mới có thể vượt qua được những khó khăn, thử thách, vươn lên đến những tầm cao mới.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ “Nhân vô thập toàn”, con người không có ai là hoàn hảo. Mỗi người đều có những khiếm khuyết, những điểm yếu riêng. Khi được hòa mình trong tập thể, điểm yếu của người này sẽ được lấp đầy bằng điểm mạnh của người khác. Bởi vậy, con người cần đến nhau để bù lấp những khuyết điểm của nhau, tạo thành một khối đoàn kết có sức mạnh lớn lao.

+ Hòa mình vào môi trường tập thể, các cá nhân hoạt động và bộc lộ khả năng, năng lực của bản thân. Tập thể giúp cho mỗi con người phát hiện được những điểm yếu của mình, đồng thời cũng có điều kiện để phát triển những năng lực riêng biệt của bản thân.

+ Phê phán:

++ Ta vẫn có thể bắt gặp đâu đó trong các tập thể, các cộng đồng những “con sâu làm rầu nồi canh”. Đó là những kẻ phá rối, gây mất đoàn kết trong tập thể. Lại cũng có những kẻ tự tách mình ra, sống quay lưng lại với cộng đồng, chỉ nghĩ đến lợi ích bản thân.

++ Sống trong tập thể, nếu cá nhân không có sự rộng lượng và hăng hái, không có trách nhiệm cho tập thể thì cũng không có đủ sức mạnh, sự tự tin để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống để đi đến thành công.

- Bình luận:

+ Bằng một cách nói hình ảnh, câu nói đã mang đến một thông điệp có ý nghĩa muôn đời: tinh thần đoàn kết, sức mạnh của tập thể chính là đôi cánh nâng đỡ cho mỗi cá nhân, giúp con người chiến thắng mọi khó khăn của cuộc sống.

+ Tuy nhiên, nếu cá nhân chỉ dựa vào người khác mà không có ý thức tự vươn lên thì không thể trưởng thành được. Con cái lúc nào cũng cậy vào cha mẹ thì lớn lên không thể tạo sự nghiệp cho mình. Sự khẳng định, nỗ lực của cá nhân vẫn là điều quan trọng. Những gian nan thử thách trong cuộc sống luôn đến bất ngờ, lúc đó ta không có sẵn người để giúp đỡ, an ủi thì ta tự chọn cho mình hướng giải quyết riêng.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Xuân Diệu và Xuân Quỳnh là hai đại diện thơ tình xuất sắc nhất trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Nhắc đến Xuân Diệu chúng ta nhớ đến kiệt tác *Vội vàng* và chúng ta nhớ đến Xuân Quỳnh nhiều hơn với thi phẩm *Sóng*. Cả hai bài thơ đều thể hiện quan niệm rất mới mẻ về tình yêu và tuổi trẻ, khát khao được tận hưởng và dâng hiến trọn vẹn trong tình yêu đồng thời thể hiện ước muốn về một tình yêu vĩnh hằng, trọn vẹn.

Bài thơ *Vội vàng* nằm trong tập *Thơ thơ* là bài thơ rất tiêu biểu cho phong cách thơ của Xuân Diệu. Tác phẩm để lại dấu ấn về nội dung và nghệ thuật đặc sắc mà tiêu biểu là đoạn thơ: “*Ta muốn ôm...cắn vào người*”. Nếu Xuân Diệu vội vàng, quyết trong tình yêu thì thi sĩ Xuân Quỳnh lại dịu dàng, dằm thắm mà khát khao có một tình yêu vĩnh hằng ngát hương. Ước muốn đó của thi sĩ được thể hiện rõ nét nhất trong đoạn thơ: “*Làm sao được tan ra.....để ngàn năm còn vỗ*”.

2. Thân bài

- Khái quát về tác phẩm

+ *Vội vàng* của Xuân Diệu

++ Bài thơ *Vội vàng* nằm trong tập *Thơ thơ*, xuất bản năm 1938, là bài thơ tiêu biểu của tập thơ nói riêng, của hồn thơ Xuân Diệu nói chung. Đây là tiếng nói của hồn thơ sôi nổi, ngân vang, chân thành nhất ở những năm tháng tuổi trẻ, hồn nhiên, trong sáng. Trong *Lời đưa duyên*, Xuân Diệu viết: “Đây là lòng tôi đương thời sôi nổi, đây là tâm hồn tôi vừa lúc ngân vang và đây là tuổi xuân của tôi và đây là sự sống của tôi nữa... Tôi gửi hồn tôi cho những người trẻ tuổi và nhất là trẻ lòng”.

++ *Vội vàng* là tiếng nói của một hồn thơ yêu đời, yêu cuộc sống đến cuồng nhiệt. Cho nên có thể coi thi phẩm là lời tự bạch của thi sĩ. Nó là dòng cảm xúc dạt dào, bỗng bật bị cuốn theo cảnh sắc trần gian nhưng nó cũng là một bản tuyên ngôn bằng thơ về quan niệm nhân sinh, về lẽ sống vội vàng. Nếu ở phần đầu của bài thơ, thi sĩ vẽ ra cảnh thiên đường trên mặt đất để mời gọi, hối thúc mọi người hãy đắm say, tận hưởng cảnh sắc của trần gian vì mùa xuân cũng như tuổi trẻ là “chẳng hai lần thắm lại”. Đời người ngắn ngủi, tuổi xuân có hạn và thời gian trôi đi vĩnh viễn không trở lại. Vì vậy thi nhân “giục già” chúng ta phải “nhanh lên”, “vội vàng lên” để tận hưởng bữa tiệc của trần gian khi mà “mùa chưa ngà chiều hôm”:

Nhanh lên chứ vội vàng lên với chứ

Em, ơi em! Tình non sắp già rồi.

Có lẽ vì thế chẳng mà Xuân Diệu đã khép lại bài thơ bằng một đoạn thơ mang sắc thái ái ân mãnh liệt. Ở đó, ta thấy được sự vô vấp, đắm say rất đời Xuân Diệu.

+ *Sóng* của Xuân Quỳnh

++ Bài thơ ra đời năm 1967, là kết quả trong chuyến đi thực tế của Xuân Quỳnh ở vùng biển Diên Điền. Đây là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh, in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

++ Bài thơ được Xuân Quỳnh viết khi nữ sĩ 25 tuổi, đã từng nếm trải mọi sự đổ vỡ trong tình yêu. Thế nhưng, nó không phảng phất màu sắc đau khổ, bi quan mà ngược lại tràn đầy niềm tin và hi vọng vào tình yêu, vào tuổi trẻ.

++ *Sóng* được Xuân Quỳnh gọi lại từ một đề tài rất quen thuộc trong thi ca: đề tài về tình yêu và khát vọng tình yêu của mỗi con người. Vườn thơ tình vốn đã nhiều hương sắc nhưng *Sóng* vẫn có chỗ đứng riêng với dư vị đặc biệt của nó: vừa ồn ào, vừa dịu êm. Bài thơ làm lay động biết bao tâm hồn bạn đọc bởi tiếng nói rất chân thành và mãnh liệt về tình yêu của người phụ nữ. Xuân Quỳnh lại là một hồn thơ trong sáng nên mỗi hình ảnh, mỗi vần thơ của chị để khiến tâm hồn bạn đọc có những

lay động riêng. Bằng hình tượng sóng nhà thơ đã giải bày tâm trạng của người con gái khi yêu và cũng chính là bộc lộ tâm hồn đang yêu của mình. Tình yêu bao giờ cũng thế, nó luôn gắn liền với những ước mơ, khát khao và điều đó được thể hiện rõ ở khổ cuối của bài thơ.

- Đoạn thơ: *“Ta muốn ôm...Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào người”*.

+ Mỗi dòng thơ là một cung bậc của vẻ đẹp thiên nhiên, là một giai điệu của niềm đam say vô tận.

+ Đoạn thơ mở đầu bằng ba chữ “Ta muốn ôm” như phơi bày ra hết sự ham hố và cuồng nhiệt của Xuân Diệu với cuộc sống trần thế: Trước đó nhà thơ xưng “tôi” với ước muốn táo bạo “tắt nắng, buộc gió” nhưng ở đoạn thơ cuối này cái tôi ấy đã hòa thành cái ta chung để tận hưởng hết những hương sắc của cuộc đời. Ngay liền đó là câu thơ thể hiện cái tươi non của “Cà sự sống mới bắt đầu mơn mớn”. “Mơn mớn” là từ láy rất gợi cảm và giàu ý nghĩa diễn tả. Nó gợi cảm sự vật, cây cối đang ở độ non nớt, tươi tốt đầy sức sống “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”, khiến cho thi nhân tràn lên bao khao khát:

*Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn,
Làm giầy da quần quýt của mình xuân;
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần,
Chân hóa rễ để hút mùa dưới đất.*

(*Thanh niên*, Xuân Diệu).

Và đằng sau khao khát “ôm cả sự sống mơn mớn” ấy là những câu thơ mạnh bạo, gấp gáp, giục giã tràn đầy nỗi yêu:

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi hương, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;*

+ Sự sống vốn đã bắt đầu từ hàng triệu năm trước nhưng với Xuân Diệu sự sống như vừa “mới bắt đầu”. Mới bắt đầu bởi chỉ hôm nay đây, lúc này đây, Xuân Diệu mới nhìn được hết từng khía cạnh, từng chi tiết nhỏ của cuộc sống. Vì “mới bắt đầu” nên cái gì cũng non xanh, tất cả đều mang một dáng vẻ hồn nhiên, ngây thơ, trữ tình: “Mây đưa gió lượn”, “cánh bướm tình yêu”. Cảnh vật dường như có sự chuyển động rất nhẹ nhàng “mây đưa”, “bướm lượn”. Xuân Diệu sợ cái bình yên, tẻ nhạt vì nó sẽ khơi dậy nỗi cô đơn ẩn náu trong nhà thơ nhưng ông cũng cái gì quá mạnh mẽ sẽ phá vỡ “thiên đường mặt đất”. Vì quá đam say, quá yêu đời nên nhà

thơ luôn sống trong dự cảm mọi vật sẽ tàn phai, tình yêu và tuổi trẻ sẽ theo thời gian mà trôi đi mất.

+ Một đoạn thơ ngắn mà có tới bốn, năm từ “ta muốn” được lặp đi, lặp lại như nhịp điệu hồi hà, như hơi thở gấp gáp của thi nhân. Chúng tỏ Xuân Diệu nồng nhiệt đến rồi rít, cuồng quýt, như muốn cùng lúc dang tay ôm hết cả vũ trụ, cả cuộc đời, mùa xuân vào lòng mình. Sống như thế với Xuân Diệu mới thực là sống, mới đi đến tận cùng của niềm hạnh phúc được sống. Điệp ngữ “Ta muốn” như ý nghĩa của nó đã nói lên được cái ham muốn khát thèm đến hăm hở, cuồng nhiệt của nhà thơ. Thi nhân như muốn ôm hết vào lòng mình “mây đưa và gió lượn”, muốn đắm say với “cánh bướm tình yêu”, muốn gom hết vào lòng ngực trẻ trung ấy “một cái hôn nhiều”. Muốn thu hết vào hồn nhựa sống đạt dào “Và non nước, và cây, và cỏ rạng”. Để rồi, chàng như con ong bay đi hút nhụy đời cho đến say “chénh choáng”, hút cho đã đầy ánh sáng, “*Cho no nê thanh sắc của thời tươi*” mới lao đảo bay đi.

+ Câu thơ:

*Cho chénh choáng mùi hương, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi.*

Điệp từ “cho” với nhịp độ tăng tiến nhấn mạnh các cấp độ khát vọng hưởng thụ đạt đến độ thỏa thuê, sung mãn, trọn vẹn. Xuân Diệu muốn tận hưởng cuộc sống cho đến “no nê”, “chénh choáng”, “đã đầy”. Trong niềm cảm hứng ở độ cao nhất, Xuân Diệu nhận ra cuộc đời, mùa xuân như một cái gì quý nhất, trọn vẹn như một trái đời đỏ hồng, chín mọng, thơm ngát, ngọt ngào, xuân hồng, để cho nhà thơ tận hưởng trong niềm khao khát cao độ.

+ Thơ Xuân Diệu có đặc trưng là sự vô vấp, cuồng nhiệt, mạnh bạo. Mỗi một lần khao khát “Ta muốn” thì lại đi liền với một động từ chỉ trạng thái yêu đương mỗi lúc một mạnh mẽ, nồng nàn hơn “ôm – sự sống”, “riết – mây đưa, gió lượn”, “say – cánh bướm, tình yêu”, “thâu – cái hôn nhiều”, để cuối cùng là một tiếng kêu của sự cuồng nhiệt, đắm say thể hiện niềm yêu đời, khát sống chưa từng có trong thơ ca Việt Nam: “Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người!”. Đây chính là đỉnh điểm của sự khát khao cháy bỏng của nhà thơ.

+ Dưới ngòi bút của Xuân Diệu và trong ánh mắt “xanh non”, “biếc rờn” của thi sĩ, mùa xuân hiện lên rõ rệt và sống động như có hình có dáng, có hồn có sắc “Xuân hồng”. Mùa xuân như môi, như má của một người thiếu nữ trẻ trung, tràn trẻ nhựa sống và đẹp xinh, trinh nguyên đang rạo rực yêu đương, hay như một quả chín

ngọt thơm trong vườn “*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*”. Đứng trước cái hấp dẫn của mùa xuân, cuộc sống, thi sĩ hình như không nén nổi lòng yêu đã đi đến một cử chỉ cũng thật đáng yêu: “*Ta muốn cắn vào người!*”.

+ Có lẽ trong các bài thơ của Xuân Diệu trước cách mạng thì đây là những vần thơ Xuân Diệu nhất. Vì mỗi câu, mỗi chữ đều mang hơi thở nồng nàn, đắm say, ham sống của “*một nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*”.

- Đoạn thơ:

Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ.

+ Đoạn thơ thể hiện ước vọng của thi sĩ về một tình yêu vĩnh hằng.

+ Nhà thơ lo sợ về tình yêu của em rồi cũng sẽ mất đi, sẽ đi vào lãng quên cùng năm tháng giữa cuộc đời. Cho nên nữ sĩ bày tỏ một khát vọng thật chính đáng, mới mẻ, đó là lẽ sống đẹp về quan niệm tình yêu trong tâm hồn người phụ nữ của thời đại hôm nay. Với tiếng gọi: “*Làm sao được tan ra/ Thành trăm con sóng nhỏ*”. Những vần thơ hàm chứa một ý nghĩa thật đẹp, thật sâu xa, nói về khát vọng tình yêu của em về tình yêu muôn thuở, vĩnh hằng.

+ Xuân Quỳnh vẫn mượn hình tượng của sóng nhằm ví von con sóng vỗ muôn đời trước không gian bao la, thời gian bất tận thì con sóng ấy không giữ nguyên thể trạng của nó mà phải biết phân thân thành những con sóng nhỏ li ti khác, hòa vào lòng đại dương, hòa vào biển lớn, lúc ấy sóng mãi mãi vỗ bất tận đến muôn đời. Như vậy, ước vọng về một tình yêu của em cũng như thế. Tình yêu của em chỉ là tình yêu cá nhân, vị kỉ, chật hẹp giữa chốn đời thường. Muốn tình yêu ấy vĩnh hằng, ngát hương thì tình yêu của em không chỉ: “*Hạnh phúc đượm trong một tà áo đẹp/ Một mái nhà yên rù bóng xuống tâm hồn*” mà phải biết: “*Làm sao được tan ra*”

+ Lời thơ ngắn gọn, khẳng định dứt khoát nhưng thể hiện một nét sống đẹp, một quan niệm về tình yêu thật đẹp, ví: “*Sống là cho đâu phải nhận riêng mình*”. Nói cách khác, tình yêu của em phải biết hòa nhập, phải biết tan ra, hòa vào với tình yêu cộng đồng, tình yêu quê hương, đất nước.

+ Với hai tiếng “*tan ra*” mang ý nghĩa thật đẹp. “*Tan ra*” có nghĩa là dần thân nhập cuộc, hòa vào lòng biển lớn cuộc đời, biển lớn tình yêu. Chính là lúc tình yêu của em từ nhận thức phải biến thành hành động: “*Phải biết*

gắn bó và san sẻ. Phải biết hóa thân mình cho dáng hình xứ sở.” Hình thành “*những cuộc chia ly màu đỏ*” từ sân ga, sân trường,... sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, chính là lúc tình yêu của em hòa cùng tình yêu cộng đồng, tình yêu quê hương, Tổ quốc để “*Xê dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mãi lòng phơi phới dậy tương lai*”. Thực hiện điều ấy bằng hành động cụ thể, quyết tâm của chính mình và biết quên mình thì tình yêu của em sẽ mãi là vĩnh hằng, bất tử. Đây là lẽ sống đẹp, một quan niệm về tình yêu rất mới mẻ trong tâm hồn người nữ và điều đó làm nên sức sống vĩnh hằng cho thi phẩm.

...+ Thể thơ năm chữ với hình tượng “*sóng*”: vừa ẩn dụ, vừa giàu tính thẩm mỹ khiến đoạn thơ sâu sắc, giàu nữ tính.

+ Nằm trong âm hưởng chung của toàn bài, đoạn thơ có nhạc điệu da diết, sâu lắng và giàu chất suy tư nên đoạn thơ cuối là kết tinh của cảm xúc tự nhiên và cảm xúc trí tuệ của toàn bài.

+ So với thơ lãng mạn trước Cách mạng thì gương mặt tình yêu trong thơ thời đại mới dù riêng tư nhưng không cô đơn, lẻ loi, lạc lõng với cộng đồng mà tình cảm riêng chung hài hòa tạo cho con người hôm nay một dáng dấp mới, một tinh thần mới. Điều này được thể hiện trọng vẹn trong thi phẩm *Sóng* của Xuân Quỳnh.

- Điểm gặp gỡ:

+ Hai đoạn thơ đều bộc lộ cảm xúc mãnh liệt về tình yêu, những suy ngẫm, chiêm nghiệm trước cuộc đời. Đây là hai đoạn thơ có sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc và triết lí.

+ Cả hai đều nhận ra cái hữu hạn và tiếc cho cuộc đời ngắn ngủi.

+ đều thể hiện một lẽ sống đẹp, một quan niệm rất mới mẻ về tình yêu.

- Điểm khác biệt

+ Khác biệt trong phong cách thơ của hai thi sĩ: Xuân Diệu: sôi nổi, mãnh liệt đầy nam tính còn Xuân Quỳnh: thủ thỉ, tâm tình đầy nữ tính.

+ Cách ứng xử trong tình yêu giữa hai nhà thơ có điểm khác biệt: Xuân Diệu tiếc cho tuổi trẻ nên trước sự chày trôi của thời gian, nhà thơ chọn cách sống vội vàng, cuồng quýt tận hưởng. Còn Xuân Quỳnh nói về cuộc đời và tiếc cho cuộc đời nên nữ sĩ thể hiện khát vọng muốn được tan ra và hòa cái riêng vào cái chung để vun đắp một tình yêu vĩnh cửu, trường tồn.

c. Kết luận

- Nhận thức thời gian một đi không trở lại, cuộc đời rồi sẽ qua đi nên nhà thơ hiện đại luôn mang nỗi buồn

luyện tiếc và chi biết gửi khát vọng vào đất trời và thiên nhiên vô tận. Thông thường, cái gì dễ đến sẽ dễ đi chi còn lại vĩnh hằng là những chân giá trị. Và tình yêu là một trong những chân giá trị đó. Dù chọn cách sống này hay cách sống khác, chọn cách thể hiện tình yêu cuồng nhiệt, gấp gáp hay dịu dàng, đằm thắm thì cả Xuân Diệu

và Xuân Quỳnh đều gửi đến bạn đọc ngày hôm nay những tư tưởng và quan niệm về tình yêu rất đẹp, rất mới mẻ, độc đáo. Dù có hướng đến mục đích riêng tư hay cao cả cộng đồng, thì những tâm hồn tình yêu đó xứng đáng được trân trọng, ngợi ca và nhận được sự đồng điệu, đắm say từ nhiều thế hệ độc giả.

ĐỀ SỐ 25

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:.

Kìa hội thăng bình tiếng pháo reo
 Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.
 Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,
 Thằng bé lom khom ghé hát chèo.
 Cây súc cây đu nhiều chị nhún,
 Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.
 Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
 Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!

(Hội Tây, Nguyễn Khuyến, Theo *Thơ Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 2014).

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ. .

Câu 2. Nêu tác dụng của việc sử dụng hai từ *tênh nghếch*, *lom khom* trong hai câu thơ “*Bà quan tênh nghếch xem bơi trái/Thằng bé lom khom ghé hát chèo*” .

Câu 3. Có ý kiến cho rằng, ở hai câu thơ thứ 5 và thứ 6 của bài, tác giả Nguyễn Khuyến đã sử dụng thủ pháp đối hiệu quả. Anh/chị có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao? .

Câu 4. Xác định giọng điệu chủ đạo trong hai câu kết của bài thơ. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Chụp ảnh “tự sướng” là cách mà nhiều bạn trẻ sử dụng để thể hiện bản thân, khẳng định cái tôi của mình. Tuy nhiên, một số người bị nghiện quá mức đã gây ra nhiều hệ lụy đáng tiếc.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về thói quen này của giới trẻ.

Câu 2 (5 điểm):

Tình yêu đất nước và tình yêu lứa đôi trong giai đoạn văn học 1945-1975 luôn đan xen hài hòa tạo nên tình yêu cao đẹp của con người Việt Nam.

Hãy phân tích *Đất nước* (Nguyễn Khoa Điềm) và *Sóng* (Xuân Quỳnh) để làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Thể thơ: thất ngôn bát cú. .

Phương thức biểu đạt chính: miêu tả .

Câu 2. Hai từ “*tênh nghếch*”, “*lom khom*” đã miêu tả tư thế nực cười của bà quan (bà đầm Tây) đối lập với dáng vẻ đáng thương của đứa bé. Qua đó lột trần thực tại xót xa của cảnh đất nước trong nô lệ, dưới gót giày của lũ xâm lược. Đau xót hơn, những con người nô lệ ấy không nhận thức được nỗi nhục mất nước lại còn cuốn vào những trò chơi mà bọn thực dân Pháp bày ra để mỉa dân.

Câu 3. Đồng ý.

Cụ thể: *cây súc* đối với *tham tiền* (lí do tham gia trò chơi) , *cây đu* đối với *cột mỡ* (danh từ chỉ sự vật) , *nhiều* đối với *lắm* (lượng từ chỉ số người tham gia) , *chị* đối với *anh* (chỉ người tham gia), *nhún* đối với *leo* (động từ chỉ hành động).

Câu 4. Giọng điệu chủ đạo trong hai câu kết của bài thơ: châm biếm, giễu nhại.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: Chụp ảnh tự sướng (tiếng Anh gọi là selfie) dùng để chỉ thói quen tự chụp ảnh và cập nhật trạng thái đăng tải lên các trang mạng xã hội nhằm thu hút sự chú ý của mọi người.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Mạng xã hội là một thế giới ảo, những nội dung được đăng tải trên mạng xã hội có thể là thật nhưng cũng có thể không. Tuy nhiên, những ảnh hưởng đến đời sống lại là thật. Những phát ngôn ở trên mạng xã hội có độ tin cậy thấp. Nhiều bạn trẻ quá tin tưởng vào những lời tán dương của “cư dân mạng”, từ đó mà ảo tưởng về giá trị của bản thân. Cho đến khi va vấp với hiện thực, nhiều bạn sẽ không khỏi thất vọng về bản thân. Ngược lại, cũng có những bạn trẻ phải nhận những lời nhận xét ác ý, thậm chí thóa mạ của nhiều người sử dụng ác ý.

+ Việc ham mê sử dụng mạng xã hội khiến cho thời gian trôi đi lãng phí. Đặc biệt, nhiều bạn trẻ tốn hàng giờ đồng hồ để chỉnh sửa, đăng tải một bức ảnh và tham gia bình luận vào những bức ảnh “tự sướng”. Dành quá nhiều thời gian vào thế giới ảo, những người trẻ sẽ bỏ lỡ, đánh mất nhiều điều của cuộc sống thật.

+ Theo nhiều chuyên gia về tâm thần học, nghiện chụp hình “tự sướng” cũng là một loại bệnh lý, một chứng rối loạn về tâm thần, là hội chứng chứng ám ảnh, mặc cảm về ngoại hình... Những người bị chứng ám ảnh này luôn không ngừng lo lắng về dung nhan, diện mạo của họ. Họ cho rằng có vài chỗ trên cơ thể của họ bị khiếm khuyết.

+ Chụp và đăng ảnh selfies thực sự có thể làm người khác khó chịu. Trong những nơi sinh hoạt công cộng, nhiều bạn trẻ mãi mê tự sướng làm cản trở công việc của những người xung quanh, gây cho những người bên cạnh cảm giác phiền phức.

+ Trên thế giới đã có nhiều trường hợp người đăng ảnh bị kẻ xấu lấy ảnh rồi lắp ghép, chỉnh sửa... nhằm bôi nhọ hình ảnh khiến nạn nhân xấu hổ, tự ti đến mức tự tử. Nhiều người chỉ nhận thấy ưu điểm của các trang mạng xã hội, nhưng chưa lường hết những việc xấu có thể xảy ra. Và khi vướng vào rắc rối, không phải ai cũng đủ can đảm, tự tin để đối phó với làn sóng phản ứng từ bạn bè, xã hội.

- Bình luận:

+ Sử dụng phương tiện công nghệ hiện đại thế nào cho phù hợp là điều không phải ai cũng biết. Các phương

tiện công nghệ hiện đại chỉ là công cụ giúp cho cuộc sống trở nên tiện nghi hơn, thuận lợi hơn. Không nên phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ hiện đại để làm mất đi nhiều giá trị của cuộc sống thực. Đó là điều mà mỗi người cần phải ý thức được, đặc biệt là những người trẻ.

+ Dành nhiều thời gian hơn để trò chuyện với gia đình, bạn bè và những người xung quanh sẽ giúp cho mỗi người cảm nhận được những giá trị chân thực của đời sống.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Tình yêu là đề tài muôn thuở trong thơ ca và có thể nói đây là đề tài rất quen thuộc nhưng chưa bao giờ cũ. Đã có biết bao nhà văn, nhà thơ đã viết về đề tài này nhưng ở mỗi cách nhìn khác nhau, tình yêu lại hiện lên với những dáng hình và màu sắc khác nhau. Nói bất trong mảng đề tài này là tình yêu đất nước và tình yêu lứa đôi. Văn học giai đoạn 1945 – 1975 đã thể hiện sự đan xen hài hòa giữa hai tình yêu này. Và có thể nói, *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm và *Sóng* của Xuân Quỳnh đã thể hiện rất thành công sự kết hợp hài hòa này, tình yêu lứa đôi hòa quyện nồng thắm trong tình yêu đất nước tạo nên vẻ đẹp của con người Việt Nam.

2. Thân bài

- Khái quát chung

+ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm:

Thơ ca giai đoạn 1945 – 1975 có nhiều sáng tác đặc sắc về đề tài đất nước như *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Mũi Cà Mau* của Xuân Diệu, *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng* của Chế Lan Viên,... Các sáng tác đó đều tái hiện rất sinh động hình ảnh của đất nước trên các phương diện khác nhau và có sức sống lâu bền trong lòng độc giả bởi những đóng góp riêng độc đáo. Nằm trong nguồn cảm hứng chung đó, trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, tiêu biểu là chương *Đất nước* có những đóng góp đặc sắc cho đề tài này. Với giọng điệu giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén, Nguyễn Khoa Điềm mang đến cho người đọc một cách nhìn mới mẻ về đất nước. Vẻ đẹp của đất nước được phát hiện ở chiều dài của lịch sử, chiều rộng của không gian địa lí và chiều sâu của không gian văn hóa, tinh thần, truyền thống của dân tộc. Ba phương diện này được thể hiện trong sự gắn bó và thống nhất xuyên suốt đoạn trích *Đất Nước* và cùng hướng tới một tư tưởng cốt lõi: “Đất nước của nhân dân”.

+ *Sóng* của Xuân Quỳnh

++ Xuân Quỳnh viết *Sóng* vào năm 1967 trong chuyến đi thực tế tại vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, mang đậm phong cách thơ Xuân Quỳnh.

++ *Sóng* được xem là bài thơ tinh thuộc hàng kiệt tác nghệ thuật trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Hình tượng trung tâm của bài thơ là “sóng” và vì thế mà mạch thơ cũng giống như từng lớp sóng trào dâng. Ngoài ra, “sóng” còn ẩn dụ cho tình yêu, nỗi nhớ của “em” – của nhân vật trữ tình. Có những lúc sóng và em hợp thành cặp hình ảnh song hành, quấn quýt, soi chiếu vào nhau tô đậm vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam khi yêu với tất cả các sắc thái, cung bậc của nỗi nhớ, lòng yêu: một tình yêu thủy chung, bền bỉ và nhiều trắc trở trong cảm thức hợp – tan thời chiến.

- Hình ảnh “Đất Nước” trong thơ Nguyễn Khoa Điềm:

+ Đất nước hiện lên thật gần gũi, quen thuộc

++ Nguyễn Khoa Điềm miêu tả về quá trình hình thành và phát triển của đất nước bằng tư duy rất mới mẻ. Quan điểm quen thuộc khi định danh về đất nước thường dựa vào những khảo sát lịch sử, khoa học hay những biểu hiện của văn hóa, địa lí. Nó là những cách đánh giá khoa học, đúng đắn nhưng cũng vì thế mà làm cho hình ảnh của đất nước trở nên xa lạ, tách biệt với nhân dân. Còn trong cách đánh giá của Nguyễn Khoa Điềm, tác giả dựa vào những câu chuyện cổ tích, ca dao, truyền thuyết để kiến giải về đất nước, để khẳng định đất nước vốn dĩ là hình ảnh gần bó, gần gũi với nhân dân đồng thời nhân dân mới là người khai sinh ra đất nước.

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

*Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa...”
mẹ thường hay kể*

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

+ Đất nước tồn tại trong đời sống, tiềm thức của nhân dân. Vì “Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi”, đất nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mà mẹ thường hay kể. Điều đó khẳng định với chúng ta, đất nước là một hình ảnh tồn tại lâu bền bởi vì mỗi con người Việt Nam

sinh ra và lớn lên đều đã thấy đất nước mình với lịch sử và dáng hình của nó. Đất nước còn tồn tại trong cái “ngày xưa ngày xưa” của những câu chuyện cổ tích dân gian. Mà chuyện cổ tích lại là sản phẩm trong đời sống văn hóa – tinh thần của nhân dân cho nên có thể nói, đất nước có trong trái tim, tiềm thức của con người Việt Nam.

+ Đất nước không chỉ có trong tiềm thức, kí ức mà đất nước còn là những điều gần gũi, thân quen ngay trong đời sống vật chất của con người. Nguyễn Khoa Điềm luôn dẫn người đọc đến một triết luận, cái hiện tại lớn lên từ trong quá khứ, cái lớn lao bắt đầu từ cái nhỏ bé, bình dị: “Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn”. Hai chữ “miếng trầu” gọi cho người đọc nghĩ về phong tục, tập quán ngàn đời của dân tộc (“Miếng trầu là đầu câu chuyện”, “Miếng trầu nên dâu nhà người”), miếng trầu trong cổ tích *Trầu cau* mang truyền thống nhân văn cao đẹp của tâm hồn dân tộc. Đất Nước thật lớn lao kì vĩ nhưng chân phải bắt đầu từ những điều nhỏ bé đó sao!

+ Đất Nước còn có trong những tập tục, thói quen, ngôn ngữ, tên gọi,... tất cả những gì có trong đời sống của con người: “Tóc mẹ thì bới sau đầu/ Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn/ Cái kèo, cái cột thành tên/ Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng...”. Đất Nước thật không xa lạ mà ở ngay trong thói quen bới tóc sau đầu của mẹ, trong tình nghĩa sâu nặng vợ chồng, trong ngôi nhà ấm áp, trong hạt gạo trắng ngần một nắng hai sương, trong sự hình thành của ngôn ngữ dân tộc – cái kèo, cái cột cũng thành tên...

+ Đất Nước không chỉ hình thành từ trong không gian tinh thần, trong kí ức mà đất nước còn lớn lên cùng chiều dài lịch sử, gắn với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc: “Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”. Câu thơ nhắc nhở ta về với cội nguồn, với truyền thuyết Thánh Gióng – hình ảnh cậu bé vươn vai thành tráng sĩ nhổ tre đánh đuổi giặc Ân ra khỏi bờ cõi – là biểu tượng sức mạnh quật cường của đất nước đứng lên trong suốt bốn ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

+ Và trên dải đất hình chữ S ấy đã có một dân tộc quân tử “Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ”

*Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về núi bạc
Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi.*

Nguyễn Khoa Điềm đã vận dụng khéo léo cả ba mặt cổ tích, ca dao, tục ngữ để lí giải về đất nước. Một tình yêu đất nước thâm kín, sâu lắng đã được nhà thơ thể hiện trong quá trình tìm hiểu, lí giải về nguồn gốc của

đất nước. Phải có một tình yêu nước nồng nàn, rất thiết tha thì Nguyễn Khoa Điềm mới thấy được đất nước trong câu chuyện cổ mẹ kể, trong miếng trầu với truyền thuyết về sự thủy chung trong tình cảm của vợ chồng, anh em, trong cây tre Thánh Gióng chống ngoại xâm... Và trong tình yêu lớn đó là một tình cảm riêng tư, tình yêu lứa đôi:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn tay trong nỗi nhớ thầm.

+ Với tư duy nghệ thuật sắc sảo, sáng tạo, nhà thơ đã tách thành hai yếu tố Đất – Nước để tạo nên nhiều liên tưởng bất ngờ, sinh động. Đất gắn với anh, Nước gắn với em. Khi anh và em yêu nhau thì đất nước gắn bó, hòa quyện vẹn tròn, to lớn. Sự hòa hợp của “Đất” và “Nước” để tạo thành “Đất Nước” không chỉ là ngôn ngữ Đất nước còn là văn hóa, mà còn là “Thời gian đặng đặng/ Không gian menh menh”.

+ Đất nước là không gian sinh tồn rất gần gũi, thân quen; con đường anh đến trường, bến nước em tắm, mảnh đất ta sinh ra và lớn lên, mà còn là quê hương của tinh thần, tình yêu đôi lứa “nơi ta hò hẹn”, “nơi em đánh rơi chiếc khăn tay trong nỗi nhớ thầm”. Điều đó khẳng định Đất Nước không chỉ gắn với những phong tục tập quán, truyền thống lao động mà còn gắn liền với tình cảm cá nhân. Tình yêu của đôi trai gái thật đẹp. Đó là một tình yêu gắn liền với đất nước, với quê hương và họ cũng sẽ gạch nối con đường người đi trước:

Yêu nhau và sinh con để cái

Gánh vác phần người đi trước để lại

Dẫn dò con cháu chuyện mai sau.

+ Trong đời sống mỗi con người, ai cũng phải biết yêu, yêu quê cha đất tổ, yêu vợ chồng, con cái. Đó là một tình cảm thiêng liêng, là mối ràng buộc với cuộc sống hiện tại.

- *Sóng* của Xuân Quỳnh thể hiện tình yêu nồng nàn, mãnh liệt và ước vọng về một tình yêu cao thượng, thủy chung.

+ Bằng hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã diễn tả về tình yêu của người phụ nữ:

Dữ dội và dịu êm

Ồn ào và lặng lẽ

Sóng không hiểu nổi mình

Sóng tìm ra tận bể.

++Khô thơ sử dụng nghệ thuật đối ý song hành khiến người đọc ngỡ ngàng trước khám phá thi vị của tác giả

về tính cách của sóng. Sóng biển luôn tồn tại những trạng thái tưởng chừng như đối lập: dữ dội đầy rồi lại dịu êm, ồn ào đầy nhưng rồi lặng lẽ. Thông qua tính cách của sóng, nhà thơ muốn nói đến trái tim người phụ nữ đang yêu cũng giống như những con sóng đó. Dẫu “dữ dội” và “ồn ào” đến đâu sóng vẫn không đánh mất bản chất “dịu dàng”, “im lặng” như người phụ nữ Á Đông hiện đại mà vẫn giữ được nét đảm thắm, trữ tình

++ Khát vọng nhận thức của nhân vật trữ tình: tương quan sóng – bể vẽ ra một hành trình không gian, một hành trình nhận thức. Từ sóng đến bể là từ cái hữu hạn đến cái vô cùng. Sóng dứt khoát từ bỏ sự chật chội, tù túng để đến với chân trời bao la, phóng khoáng. Tình yêu cũng sống như sóng luôn mang trong mình những khát vọng về không gian lớn lao, vĩnh hằng.

+ Chưa có một định nghĩa nào về tình yêu và chúng chưa ai tìm được ngọn nguồn của nó:

Sóng bắt đầu từ gió

Gió bắt đầu từ đâu?

Em cũng không biết nữa

Khi nào ta yêu nhau.

++ Xuân Quỳnh cũng không nằm ngoài quy luật đó, bản khoản đi kiếm tìm câu trả lời mà chính ông hoàn thơ tình Xuân Diệu còn lúng túng: “Đố ai cắt nghĩa được tình yêu”. Có lẽ tình yêu là một loại cảm xúc thật khó nắm bắt, thật khó diễn tả bằng lời. Điều này khiến cho ta liên tưởng đến cô gái trong câu hát dân gian bồi rồi trả lời mẹ: “Yêu nhau cởi áo cho nhau/ Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay”. Lời nói dối thật dễ thương làm sao, nó là “tiếng văng không nói ra của tình yêu”, như cách nói ý nhị của Hoàng Phủ Ngọc Tường khi viết về Hương giang trong bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*. Cũng như vậy, từ cái lắt léo dễ thương rồi lặng lẽ trải lòng mà không thốt lên lời đã bộc lộ sự tinh tế, thông minh và khiêm nhường của nhân vật trữ tình – tác giả - một hồn thơ con gái. “Sóng bắt đầu từ gió” như tình yêu bắt đầu từ nỗi nhớ.

+ Tình yêu muôn đời là điều bí mật. Nhưng khi đã yêu và gắn bó với nhau, họ sẽ nhìn chung về một hướng:

Dẫu xuôi về phương bắc

Dẫu ngược về phương nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hương về anh – một phương.

++ Mượn phương hướng để khẳng định lòng chung thủy là sáng tạo mới mẻ của Xuân Quỳnh.

++ Sử dụng hàng loạt những hình ảnh đối lập, đặc biệt là nói ngược với cách nói thông thường: xuôi bắc, ngược nam. Sự mất tin hiệu của lí trí trong thơ ca đôi khi

là điều kiện cho sự xôn xang của cảm xúc. Ở đây, nhân vật trữ tình muốn nhấn mạnh: trong trời đất có bốn phương tám hướng còn em chỉ có duy nhất một phương, đó là phương anh.

++ Nhân vật trữ tình ~ tác giả mang một tình yêu nồng nàn, tha thiết. Đó là tình yêu vượt mọi không gian, thời gian, mọi cách trở để đến với người mình yêu. Đó là một tình yêu luôn rạo rức, nồng thắm và không bao giờ nguội ngoai:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức.

+ Nếu như thông qua sóng chi thấy được tình yêu lứa đôi, với đời sống phong phú trong tâm hồn mỗi con người thì thật là thiếu sót. Ở khổ cuối, Xuân Quỳnh đã cho thấy khát vọng tình yêu cao thượng:

Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ.

++ Tình yêu cá nhân rồi cũng sẽ phai mờ, đổi thay theo thời gian, chính vì vậy Xuân Quỳnh mong muốn được “tan ra”, được hòa mình vào nhịp sống chung của đất nước, góp tình yêu nhỏ bé của mình vào tình yêu vĩ đại của dân tộc. Trong thời điểm, cuộc chiến đấu đang diễn ra gay go, ác liệt thì sự hi sinh cá nhân thật là đáng quý. Chính mong ước đó đã làm cho tình yêu của Xuân Quỳnh trong sáng hơn, cao đẹp hơn.

- Đánh giá chung:

+ Đoạn thơ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm đã khắc họa sâu hơn về tình yêu đất nước, con người Việt Nam trong khi *Sóng* của Xuân Quỳnh lại tô đậm nét đẹp của tình yêu đôi lứa.

++ Với *Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm đã khắc họa chân thật tình yêu với đất nước bốn nghìn năm lịch sử, trong đó có anh, có em:

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần của đất nước.

++ Một sự kết hợp hài hòa giữa cái chung và cái riêng, Nguyễn Khoa Điềm đã cho ta biết yêu quý đất nước vì nó là mồ hôi và xương máu của biết bao thế hệ:

Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng

Họ chuyển lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi

Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến đi dân

Họ đắp đập, be bờ cho những người sau trồng cây trái

Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh bại

Đề Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân.

++ Tình yêu đất nước của Nguyễn Khoa Điềm thật đẹp khi ông nhìn rõ đất nước của nhân dân. Đó là một điều rất đặc biệt vì theo suy nghĩ thông thường khi nhắc đến đất nước người ta thường nhắc đến những vĩ nhân với những chiến công hiển hách nhưng ở đây tác giả lại nói về những người lao động bình dị. Họ là hình ảnh xuyên suốt đất nước Việt Nam, chính họ - bằng những việc làm của mình - đã làm ra đất nước. Và từ tình yêu đất nước của nhân dân, Nguyễn Khoa Điềm cho thấy:

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp lên hòn Trống Mái

Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho thẳng cánh Hạ Long.

++ Tình yêu đất nước trong thơ Nguyễn Khoa Điềm thật thâm kín và sâu lắng nhưng nó thật ngọn nguồn, sâu lắng. Đó là tình yêu quê hương, đất nước của thế hệ trẻ với lòng khát khao yêu đời và nỗ lực tận hiến hết mình cho dáng hình của núi sông. Cứ thế bao nhiêu con người đã sinh và lớn lên, bao nhiêu thế hệ qua đi làm nên đất nước, nhiều người đã trở thành anh hùng nhưng cũng rất nhiều người vô danh, sống giản dị và bình tâm, họ cống hiến cho đời bằng những khát khao thầm lặng:

Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm

Không ai biết biết mặt, đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước..

+ Đến với *Sóng* của Xuân Quỳnh, ta lại cảm nhận sự ngọt ngào của tình yêu đôi lứa:

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ồi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

++ Tình yêu luôn đồng hành cùng nỗi nhớ, chẳng biết từ bao giờ ca dao đã ghi lại những xúc cảm thật chân thành và nóng bỏng của lòng người trong nỗi nhớ tình yêu: “Nhớ ai ra ngân vào ngõ”, “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi / Như đứng đống lửa như ngồi đống than”... Trong thơ hiện đại, nhiều nhà thơ cũng bày tỏ thật tha thiết, mãnh liệt cảm xúc ấy: “Anh nhớ lắm. Anh nhớ hình. Anh nhớ ánh/ Anh nhớ em. Anh nhớ lắm em ơi!” (Xuân Diệu) hay “Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét” (Chế Lan

Viên). Xuân Quỳnh cũng diễn tả nỗi nhớ của “em” với “anh” cũng sâu đậm, tha thiết, khắc khoải, mãnh liệt như thể “Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức”.

++ Khổ thơ đối hẳn ra hai câu để đủ sức ôm chứa những cảm xúc vô bờ của nỗi nhớ tình yêu. Hoài Thanh đã từng đánh giá: *dòng cảm xúc quá chừng sôi nổi khiến câu chữ không thể đi theo những đường viền có sẵn, ý thơ xô đẩy, khuôn khổ thơ phải lung lay*. Khổ thơ này được đánh giá là hay nhất trong toàn bộ thi phẩm *Sóng*. Bởi Xuân Quỳnh đã diễn tả thật xúc động nỗi nhớ tình yêu, nỗi nhớ vắt ngang tiềm thức, xuyên thấu cả cõi thực và cõi mộng – “Cả trong mơ còn thức”.

++ Nữ sĩ đã sử dụng hai hình ảnh so sánh thật đặc địa: Nỗi nhớ của “sóng” và “em”. Sóng thì nhớ bờ, em thì nhớ anh. Con sóng dưới lòng sâu – trên mặt nước nhớ bờ ngày đêm không ngủ; lòng em nhớ đến anh cũng như con sóng kia mà thậm chí hơn thế: cả trong mơ còn thức. Sự so sánh cộng hưởng, diễn tả nỗi nhớ vô biên tuyệt đích khi em yêu anh.

+ Với thể thơ ngũ ngôn nhịp nhàng, *Sóng* như một khúc vĩ thanh trong trẻo về tình yêu đôi lứa cao đẹp, thể hiện khát vọng sống, khát vọng được yêu của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. Lời

thơ giản dị nhưng ý thơ thì đạt đến độ sâu lắng, thấm thía khôn cùng.

+ Ngược lại, với thể thơ tự do, mang đậm tính triết lí, Nguyễn Khoa Điềm lại nêu bật tình yêu đất nước và khẳng định nghĩa vụ mỗi con người với đất nước:

Em ơi Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời.

+ Nhưng nhìn chung, trong cả hai bài thơ nét đẹp của tình yêu đất nước, tình yêu lứa đôi đều hài hòa vào nhau.

3. Kết bài

- Tóm lại, *Sóng* của Xuân Quỳnh và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm đều là những bản tình ca hòa quyện đậm đà tình yêu đất nước và tình yêu đôi lứa. Đặt vào bối cảnh những năm 1945 – 1975 trong không khí chiến đấu, con người hòa mình vào công cuộc chung của đất nước, sống và làm việc bằng cả lí trí và con tim thì hai bài thơ này có ý nghĩa thật đặc biệt, thể hiện sâu sắc tinh thần yêu nước và niềm tự hào được hòa nhập vào tình yêu lớn lao, cao cả của cộng đồng. Với sự kết hợp hài hòa như thế, hai bài thơ sẽ mãi là những dư âm thật đẹp về tình yêu thời chiến.

ĐỀ SỐ 26**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Hơn 2 triệu người đã chết vì đói... Cả nhà đói, cả dòng họ đói, cả làng cả xóm cùng đói. Cái đói kinh hoàng năm Ất Dậu 1945 ấy, người trẻ hôm nay sẽ không tưởng tượng nổi. Và bước vào Ất Dậu 2005 này, chúng ta hãy cùng mở lại những trang hồ sơ về trận đói khủng khiếp để đừng bao giờ quên nỗi đau ấy...

Chúng ta tự hào bởi lịch sử dân tộc hào hùng và kiêu hãnh. Nhưng chúng ta cũng không thể quên những đau thương, mất mát của dân tộc mình. Những người đang sống hạnh phúc hôm nay không hẳn ai cũng nhớ tới nỗi khổ nhục kinh hoàng nhất trong lịch sử dân tộc Việt với hơn 2 triệu đồng bào đã chết trong sự đày đoạ đến tận cùng của cái đói. Năm đó, 1945, cũng là năm Ất Dậu, cách đây tròn một vòng quay 60 năm của vũ trụ.

(GS. Văn Tạo – GS. Furuta Moto, *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam – Những chứng nhân lịch sử*)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.**Câu 2:** Hoàn cảnh nạn đói năm 1945 được miêu tả như thế nào?**Câu 3:** Chỉ tiết về cái đói được điệp lại nhiều lần, anh (chị) hãy chỉ ra tác dụng của việc điệp lại chi tiết đó.**Câu 4:** Hậu quả nạn đói được nhắc tới trong hai tác phẩm nào anh (chị) được học trong chương trình lớp 12 THPT? Trong khoảng 5 – 7 dòng, anh (chị) hãy liên hệ tới hai tác phẩm đó để trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả nạn đói năm 1945.**Phần II. Làm văn (7 điểm)****Câu 1 (2 điểm):**

“Ở Nhật, bạn khó có cơ hội bắt taxi để đi một cuộc đường dài. Vì sao? Các bác tài sẽ tự chờ bạn thẳng đến nhà ga tàu điện ngầm, kèm lời hướng dẫn “Hãy đi tàu điện ngầm cho rẻ”.

Quyển thanh toán cũng không đặt ngay công ra vào. Người Nhật tự hào khẳng định động từ ăn cắp vặt gần như đã biến mất trong từ điển.

(Trích “Bốn chuyện lạ ở đất nước Nhật Bản” – theo Internet)

Bảng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh chị về phẩm chất được nói đến trong đoạn văn trên.

Câu 2 (5 điểm):

Tùy bút *Sông Đà* là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc, nơi ông đã khám phá ra chất vàng mười của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những người lao động.

Anh/chị hãy làm rõ “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở nhân vật người lái đò trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)**Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)**

Câu 1: Đoạn trích là sự kết hợp giữa phương thức miêu tả và biểu cảm.

Câu 2: Hoàn cảnh của nạn đói được miêu tả một cách kĩ lưỡng trên các mặt số lượng (2 triệu người), mức độ lan rộng (Cả nhà đói, cả dòng họ đói, cả làng cả xóm cùng đói). Chi trong vài câu miêu tả mà mức độ cái đói đã được phản ánh một cách rõ ràng và sâu sắc trong tâm trí người đọc.

Câu 3: Chi tiết về cái đói được trở đi trở lại trong đoạn trích. Bên cạnh những chi tiết miêu tả cái đói *Cả nhà đói, cả dòng họ đói, cả làng cả xóm cùng đói* còn là những cảm xúc của tác giả về những nỗi đau, nỗi mất mát của dân tộc ta (*với hơn 2 triệu đồng bào đã chết trong sự dày dụa đến tận cùng của cái đói. Năm đó, 1945, cũng là năm Ất Dậu, cách đây tròn một vòng quay 60 năm của vũ trụ*).

Tác dụng: Nhấn mạnh cái đói đã xâm chiếm hiện thực nước ta trong một thời gian không thể quên được. Bên cạnh đó, việc nhắc đi nhắc lại hình ảnh cái đói cũng góp phần liên kết nội dung của đoạn trích nói về nỗi mất mát lớn trong lịch sử dân tộc. Lịch sử dân tộc có một trang không thể nào xóa nhòa được, nó sẽ trở thành điều nhắc nhở những người có cuộc sống hạnh phúc hôm nay nhớ về quá khứ mà biết trân trọng giá trị cuộc sống hiện tại.

Câu 4: Hai tác phẩm trong chương trình có nhắc tới nạn đói 1945 là tác phẩm *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân và tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Hai tác phẩm dù miêu tả nạn đói theo cách nào tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* chi đơn thuần kể lại sự kiện, *Vợ nhặt* thì xây dựng một cách chi tiết hơn thì nạn đói vẫn hiện lên như một thảm họa khủng khiếp để lại hậu quả không thể nào phai nhạt trong tâm trí người Việt Nam.

- Là thế hệ trẻ, mỗi người trong chúng ta cần ý thức được nỗi mất mát to lớn đó để biết giá trị của sự ấm êm mà chúng ta có được ngày hôm nay.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

Phần II. Làm văn (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm):****Yêu cầu về hình thức:**

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

+ Đoạn trích trên đưa ra hai tình huống:

++ Ở tình huống thứ nhất, các tài xế taxi Nhật Bản không vì những món lợi trước mắt mà lừa dối những vị khách của mình, các tài xế Nhật Bản đã thể hiện lòng tốt, sự chân thành mà quan trọng hơn cả là sự trung thực.

++ Ở tình huống thứ hai, các cửa hàng Nhật Bản tỏ ra tuyệt đối tin tưởng các vị khách của mình khi “Quầy thanh toán cũng không đặt ngay công ra vào” để giám sát, theo dõi khách hàng

+ Trung thực là luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí, lẽ phải, sống ngay thẳng, thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Trung thực là một biểu hiện của lòng tự trọng. Những người có lương tâm, trách nhiệm sẽ không cho phép mình lừa dối mình, lừa dối người khác. Cuộc sống luôn có những góc khuất, những mặt lẩn khuất mà không phải ai cũng nhìn nhận ra. Kẻ lừa dối và làm việc không có trách nhiệm sẽ lợi dụng những góc khuất đó để làm ầu, thậm chí, chuộc lợi cho bản thân.

+ Sống trung thực, ngay thẳng với chính mình và mọi người, con người mới có được sự thanh thản, nhẹ nhõm, mới có thể làm hết trách nhiệm của bản thân. Khi sống trung thực, con người sẽ không cần phải lo lắng về việc có người phát hiện, tìm ra sự thật, cũng không phải mệt mỏi vì tính toán, suy nghĩ những lời nói dối.

+ Người trung thực, ngay thẳng luôn có được lòng tin, sự tín nhiệm của mọi người, được những người xung quanh quý mến, tôn trọng.

- Bình luận:

+ Câu chuyện về người Nhật chính là minh chứng tiêu biểu nhất cho đức tính trung thực, ngay thẳng. Chính phẩm chất này đã khiến cho người Nhật, dân tộc Nhật Bản nhận được sự kính trọng, tin tưởng của toàn thế giới, đưa đất nước Nhật Bản phát triển vững bền.

+ Là một công dân trong thời đại mới, mỗi người trẻ phải tự trang bị cho mình rất nhiều kĩ năng và phẩm chất. Nhưng trong đó, quan trọng nhất là đức tính trung thực, thật thà. Đức tính trung thực, thật thà ấy xuất phát từ lòng

tự trọng, từ việc ý thức được phẩm giá của bản thân, tôn trọng sự thật và không vụ lợi cá nhân.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

- Nguyễn Tuân là một nhà văn suốt đời đi săn tìm cái đẹp. Trước cách mạng, ông quan niệm cái đẹp chỉ có trong quá khứ *Vang bóng một thời* và tài hoa nghệ sĩ chỉ có ở những con người xuất chúng của thời trước còn vương sót lại. Còn sau cách mạng, ông không đối lập quá khứ với hiện tại, đặc biệt là phẩm chất tài hoa có thể tìm thấy ở nhân dân đại chúng. Tùy bút *Sông Đà* là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc, nơi ông đã khám phá ra chất vàng mười của thiên nhiên cùng “thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những người lao động. Và hình ảnh ông lái đò trong tùy bút *Người lái đò sông Đà* là một minh chứng sống động cho sự thay đổi quan niệm nghệ thuật ấy.

2. Thân bài

- Khái quát phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân
 + Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tài hoa, uyên bác bậc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. Cuộc đời sáng tác của ông là đi săn tìm cái đẹp. Cho nên, trong con mắt của tác giả, mọi đối tượng thiên nhiên và con người đều tồn tại trên phương diện thẩm mỹ, lấy cái đẹp làm tiêu chuẩn.

+ Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Tuân chia ra làm hai thời kì lớn: trước và sau cách mạng.

++ Những năm trước cách mạng, Nguyễn Tuân còn đam mê chủ nghĩa lãng mạn, ông chối từ hiện tại, tìm về với vẻ đẹp cội nguồn của văn học sùng cổ, hoàn toàn xa lạ với cuộc cách mạng của chúng ta. Nhưng từ sau năm 1945, một lớp văn nghệ sĩ như Nguyễn Tuân có sự giác ngộ tư tưởng, họ tìm được đến với Ánh sáng, phù sa của cách mạng. Nguyễn Tuân cũng hồ hởi với công việc này nhưng ông không lấy văn chương làm công cụ tuyên truyền cách mạng mà ông thể hiện tinh thần yêu nước ở phương diện khác. Đó là sự đam mê, khám phá vẻ đẹp của non sông, đất nước. Trong đó có dòng sông Đà, đảo Cô Tô, đảo Bạch Long Vĩ,...

++ Với đòi hỏi của thời cuộc, Nguyễn Tuân cũng lao mình vào thực tại để hòa nhập vào công cuộc xây dựng kinh tế sau chiến tranh, để hàn gắn vết thương mà kháng chiến chống Pháp để lại. Nguyễn Tuân cùng các đồng nghiệp của mình không quản khó khăn gian khổ bằng

đèo, lội suối đến với miền Tây Bắc để tìm cho ra, cho thật nhiều: “Cái thứ vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc và nhất là cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí của những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công việc, xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa, tươi vui và bền vững”. (Nguyễn Tuân). Vì vậy, cảm hứng chủ đạo trong tùy bút này là ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân, những con người thầm lặng, vô danh mà vĩ đại.

- “Thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở tâm hồn của những người lao động: để chỉ về đẹp tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên vùng sông núi hùng vĩ và thơ mộng. Họ là những con người bình dị, đời thường nhưng có khát khao chinh phục và làm chủ thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên, góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc xây dựng kinh tế đất nước. Vẻ đẹp “qua thử lửa” chính là những khó khăn, gian khổ mà họ đã trải qua trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, vẻ đẹp đó sáng ngời như một thứ “vàng mười” của thiên nhiên Tây Bắc.

- Khái quát về tác phẩm:

+ *Người lái đò Sông Đà* được in trong tập kí *Sông Đà*, đây là một tác phẩm tùy bút có giá trị rất sâu sắc cả về văn học và xã hội. Tác phẩm này là kết quả của một cuộc hành trình lớn mà Nguyễn Tuân tìm đến Tây Bắc để tìm kiếm “thứ vàng mười của thiên nhiên và thứ vàng mười của con người lao động đã qua thử lửa”. Tác phẩm này còn đặt nền móng cho nhiều dự án mang tính lịch sử - chính trị - xã hội sâu sắc nhưng hơn hết được mệnh danh là một tác phẩm văn chương gần như đạt đến sự hoàn mỹ.

+ Tập kí *Sông Đà* ra đời năm 1960, trong công cuộc xây dựng vùng Tây Bắc sau chiến tranh. Mỗi nhà văn, nhà thơ lại mang đến cảm hứng riêng của mình cho đề tài này. Chế Lan Viên hồ hởi với chuyến tàu lên Tây Bắc, còn Nguyễn Khải lại thấy sự đổi thay trong con người. Cũng trong đề tài đó, Nguyễn Tuân khám phá và phát hiện vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc như bản thể của núi rừng. Nó chính là thứ vàng mười mà nhà văn đang tìm kiếm.

- Hình tượng người lái đò sông Đà: hình ảnh người lái đò trong tác phẩm không được miêu tả chi tiết về hình ảnh và cá tính mà phần lớn được gợi lên thông qua vẻ đẹp của con người lao động trí tuệ và tài hoa.

+ Trong tác phẩm, nhà văn xây dựng hai nhân vật đó là con sông Đà và người lái đò trên dòng sông ấy. Đó là một dụng ý nghệ thuật cao tay của bậc tu từ tài hoa. Bức tranh thiên nhiên dữ dội, con quái vật hiểm ác, kẻ thù số

l kia chỉ là phong nền để tác giả tô vẽ, ngợi ca, tôn vinh sức mạnh kì vĩ của con người. Vì thế, hình tượng người lái đò sông Đà được nhà văn xây dựng như một dũng tướng tài ba, là một nghệ sĩ lão luyện trong nghề chèo đò vượt thác.

+ Vốn dĩ xuất thân từ núi rừng nên ông lái đò gắn bó chặt chẽ với cuộc sống nơi đây. Ông sinh ra trên bờ sông Đà, dòng sông thác lũ đó là nguồn nuôi sống cho ông ngay từ khi còn trẻ chòm. Cho đến cuộc sống sau này, cuộc đời ông vẫn là những hành trình leo thác, vượt sông, hình như con người và thiên nhiên gắn bó mật thiết cho nên khi đã nghỉ đò mà ông vẫn nhớ về thác lũ và trận địa đá trên sông.

+ Trên dòng sông Đà, người lái đò xuôi ngược cả trăm lần. Dòng sông với ông “như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng”. Ông hiểu được quy luật của các dòng nước, đóng đinh vào trí nhớ của mình từng con thác, xoáy nước, luồng lạnh luồng dữ, cửa sinh, cửa tử; thông minh, gan dạ, hoạt bát, tự tin như một dũng tướng trong trận đồ bát quái, đưa người và hàng vượt qua 73 con thác đến đích an toàn. Con người ấy được ví như “thứ vàng mười” nhưng lại là một tay nhà đò nghèo khổ, tay lêu nghêu như cái sào, chân lúc nào cũng khuyên khuyên như kẹp lấy cái cuống lái tưởng tượng, giọng ồn ào như tiếng thác nước mặt ghềnh sông, nhõn giời vời vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó trong sương mù. Thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng chất mun, khuôn mặt khắc khổ in hằn dấu vết của công việc đầy gian nan, nguy hiểm. Ông là một nhân vật không tên, vì ông là đại diện cho bao nhiêu con người trên đất nước Việt Nam ngày đêm âm thầm, cần mẫn trong lao động, không ngừng phải đối diện với thiên tai địch họa để giành lấy sự sống và bảo vệ quê hương đất nước. Nhờ đó mà hình tượng trở nên lớn lao, kì vĩ.

+ Người lái đò là người rất mực tài hoa và bản lĩnh

Để làm nổi bật phẩm chất này, Nguyễn Tuân đã có dụng ý nghệ thuật sâu xa là để cho người lái đò xuất hiện trên một hoàn cảnh đầy thử thách, khốc liệt. Nguyễn Tuân khẳng định “Ông muốn ghi cái đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận sông Đà”. Nhà văn đã mô tả một cách chân thật vừa trân trọng, vừa yêu thương, vừa cảm phục nhân vật ông lái đò vô cùng hiên ngang, trí dũng trong cuộc chiến đấu với những con sóng, con thác đầy hung dữ, nguy hiểm. Cuộc vượt thác, dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân diễn ra như một cuộc

thủy chiến dữ dội có nhiều hồi, nhiều đợt, mỗi đợt lại có những thử thách ác liệt khác nhau, dòng sông bày ra những thạch trận hiểm hóc khác nhau: “Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục trong lòng sông... để vồ lấy con thuyền. Đá bày ra thạch trận trên sông với những boongke chìm và pháo đài nổi, phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác”. Kho từ vựng giàu có và vốn kiến thức văn hóa khoa học phong phú, uyên bác như quân sự, võ thuật, thể dục thể thao, điện ảnh... của Nguyễn Tuân được dịp huy động để miêu tả cuộc thủy chiến ác liệt giữa người lái đò và sóng thác sông Đà: “Sóng nước thúc gối vào bụng và hông thuyền... có lúc chúng đội cả thuyền lên... sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất”. Có lúc tưởng như ông lái đò sẽ bị con thủy quái sông Đà vô cùng hung bạo ấy ngấu nghiến nuốt chửng. Trước sức mạnh của kẻ thù số một của con người, ông lái đò vẫn không hề nao núng, trái lại vẫn bình tĩnh chủ động chiến đấu một cách dũng cảm đầy mưu trí như một vị chỉ huy tài trí tuyệt vời, điều khiển con thuyền lần lượt vượt qua các thác ghềnh như “Phá cái trận đồ bát quái của dòng sông hung bạo”... “Dòng nước hùm beo đang hồng hộc té mạnh trên sông Đà”. Nhưng người lái đò vẫn “Cười lên thác sông Đà... đến cùng như cười hổ”.

+ Người lái đò tài hoa nghệ sĩ:

Ông lái đò còn là người rất mực tài hoa, có phong thái ung dung, pha chút nghệ sĩ. Sóng, thác sông Đà rất khắc nghiệt, chỉ cần người lái đò một phút thiếu chính xác, khinh suất, nhỡ tay, hoa mắt là có thể phải trả giá bằng cả chính sinh mạng của mình. Nhưng sóng, thác sông Đà dù có hung dữ đến đâu, cũng bị khuất phục trước người lái đò trí dũng đó. Bởi người lái đò là một nghệ sĩ có kĩ nghệ chớ đồ kỳ diệu. Nghệ thuật ấy được biểu hiện rõ nhất ở khả năng nắm chắc quy luật tất yếu của sông Đà, nhờ thế mà người lái đò ở tư thế chủ động, tự do, người chiến thắng. Ông lái đò đã nắm chắc mọi quy luật của dòng sông. Lúc thì “Ông cười thác nắm lấy bờm sóng mà phóng nhanh qua cửa tử” lúc lại “Ghi cương đề sấn lên mà chặt đôi con thác để mở đường tiến”. Bằng những động tác thuần nhuỷ trong nghề nghiệp của mình, ông lái đò đã lái con thuyền “như một mũi tên tre xuyên qua hơi nước”, xuyên qua biết bao ghềnh thác hiểm nghèo của dòng sông hung bạo này. Nguyễn Tuân gọi người lái đò của mình có “tay lái ra hoa” là như vậy. Người lái đò trở thành một người nghệ sĩ, một người anh hùng chiến thắng thiên nhiên.

+ Ông lái đò còn hiện lên với vẻ đẹp của người lao động bình dị: Khác với cảm xúc của tác giả, thì việc vượt sông của ông lão chỉ là công việc lao động bình thường, ông đã quên ngay khi hành trình kết thúc. Con sông Đà hung dữ như vậy nhưng ông chỉ coi nó như chiếc lá thu. Ông đến với nó như người lấm chũng nhiều tật nhưng đắm thắm như một cố nhân. Ông hiểu nó và lắng nghe âm vang của nó, thủy chung với nó. Quả mỗi lần chinh phục, mọi nguy hiểm lại tan biến: “Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ”. Họ lại đốt lửa nướng cơm lam, bàn chuyện về cá anh vũ, cá dầm xanh, như không hề có chuyện gì xảy ra, cho dù ngày nào họ cũng phải vật lộn, đối mặt. Đó là vẻ đẹp bình dị của những con người lao động trên miền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ.

Tiểu kết: Với cá tính sáng tạo độc đáo, Nguyễn Tuân luôn có những phát hiện mới lạ nơi con người và sự vật. Nhà văn mang đến cho người đọc một cảm nhận thú vị về vẻ đẹp của con người lao động, chủ nghĩa anh hùng đâu chỉ có ở những nơi chiến trường, nó hiện hình ngay trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân ta phải lao động, vật lộn với miếng cơm, manh áo và cho những điều lớn lao hơn thế. Trí dũng, tài hoa không phải tìm ở đâu xa mà nó hiện hữu ngay trong những con người bình thường, giản dị nhưng luôn ánh lên chất “vàng mười” vô cùng quý giá. Cuộc đời ông lái đò vô danh nơi ngọn thác hoang vu là một khúc vĩ thanh tuyệt vời của núi rừng Tây Bắc, là ngọn nguồn sáng tạo nghệ thuật chân chính của người nghệ sĩ. Vì lẽ đó, tác phẩm đã trở thành một tuyệt phẩm vinh danh sự tìm tòi và sáng tạo không ngừng trong cuộc đời lao động nghệ thuật của Nguyễn Tuân. Ông xứng đáng là “ông vua” của thể loại tùy bút – một bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kí của Nguyễn Tuân

+ Thiên tùy bút mang đậm cá tính sáng tạo của Nguyễn Tuân. Độc đáo, tài hoa, uyên bác ở cách tiếp cận và khai thác đối tượng từ nhiều phương diện thẩm mỹ, văn hóa: dòng sông được miêu tả như một công trình mỹ thuật tuyệt vời của Tạo hóa; người lái đò được khắc họa với tư chất trí dũng, tài hoa, nghệ sĩ.

+ Vận dụng ngôn ngữ điêu luyện của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau như hội họa, âm nhạc, điện ảnh, điêu khắc,... huy động kiến thức của nhiều lĩnh vực: địa lý, lịch sử, võ thuật, thể thao, quân sự để xây dựng hình tượng.

+ Sử dụng hình ảnh mới lạ, độc đáo, hấp dẫn.

+ Sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, liên tưởng, tương tượng làm cho đối tượng miêu tả trở nên sống động và hấp dẫn hơn.

+ Tất cả những kết tinh nghệ thuật như trên đều nhằm làm nổi bật vẻ đẹp của dòng sông Đà hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng rất đỗi thơ mộng, trữ tình; vẻ đẹp của người lao động trên sông nước rất đỗi bình dị, ki vĩ mà lớn lao.

3. Kết bài

- Qua hình tượng người lái đò, nhà văn tố thái độ yêu mến, tự hào và cảm phục trước những con người lao động bình dị vùng Tây Bắc, những con người mà nhà văn gọi là “chất vàng mười” quý giá của Tổ quốc. Sáng tạo nên hình tượng này, Nguyễn Tuân đã mang đến một thông điệp: chủ nghĩa anh hùng đâu phải tìm kiếm đâu xa, nó có trong cuộc sống tìm miếng cơm manh áo của nhân dân lao động và những người bình dị có trí dũng tài ba, họ có thể tạo hình tạo mẫu cho nghệ thuật văn chương.

ĐỀ SỐ 27

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Một dàn nhạc truyền thống kết hợp nhiều tay tài năng: tay chơi vi ô lông, tay thổi ô boa, tay đánh chũm chọe. Điều thú vị là dàn nhạc đường phố Việt Nam cũng kết hợp nhiều tay tài năng không kém.*

(2) *Tay còi già là một tay còi lừa đảo. Hãy tưởng tượng khi đang đi xe thì mình nghe tiếng còi ngay sát đằng sau - có thể là xe ô tô lớn, xe buýt, xe công te nơ Minh hút hoàng chuyển sang làn bên phải vừa lúc một đĩa hư hỏng vụt qua trên xe Wave Alpha bé tí. Hóa ra hần cài còi to vào chiếc xe nhỏ — cảm giác từ sợ thành tức, như vừa phát hiện “con ma” trên tầng ba hóa ra cũng chỉ là chuột hamster do cháu ngoại bỏ rơi.*

(3) *Tay còi khẫn bóp còi nhiều đến mức không còn còi để bóp; bóp cái còi lại ra tiếng ho yếu ớt của một xe máy bị viêm thanh quản. Điều thú vị là hần vẫn cứ bóp bình thường, vẫn tỏ ra bực mình khi các xe đi trước không nghe tiếng và nhường chỗ.*

(4) *Kỳ lạ hơn là Tay còi liên thanh. Hần “bíp bíp bíp bíp” như cái còi của mình là súng chống máy bay và các xe đi trước đều là B52 hết.*

(Joe Ruelle, *Ngược chiều vùn vút*)

Câu 1: Chỉ ra câu chủ đề trong đoạn trích trên. Câu chủ đề này nói lên nội dung gì?

Câu 2: Những “tay còi” nào được nhắc đến trong đoạn trích? Những “tay còi” này thể hiện những đối tượng nào trên đường giao thông? .

Câu 3: Đoạn trích trên mang đậm tính chất hài hước. anh (chị) hãy chỉ ra những chi tiết trong đoạn trích khiến anh (chị) nhận thấy điều đó. .

Câu 4: Đoạn trích là lời được viết ra từ một người nước ngoài khi nhìn nhận về giao thông ở Việt Nam. Là một người Việt Nam, anh (chị) nghĩ gì về điều này? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Khi con người mãi mê chạy theo những giá trị ảo thì những giá trị đích thực của cuộc sống có nguy cơ bị mai một, lung lay.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

Nhà giáo Trần Đồng Minh nhận xét về tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân:

“Nhà văn dùng Vợ nhặt làm đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đầy bóng tối nhưng từ trong đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng”.

(Nhà văn trong nhà trường: Kim Lân, NXB Giáo dục, 1999, tr 39).

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về “bóng tối” và “những tia sáng ấm lòng” trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Câu chủ đề: *Điều thú vị là dàn nhạc đường phố Việt Nam cũng kết hợp nhiều tay tài năng không kém.*

Nội dung của đoạn trích: Chỉ ra thực trạng của giao thông Việt Nam từ hành động đơn giản nhất của người tham gia giao thông – hành động bóp còi khi tham gia giao thông.

Câu 2: Có 3 tay còi được nhắc tới trong đoạn trích là: tay còi giả, tay còi khản và tay còi liên thanh. Ba tay còi này chỉ những đối tượng sau:

- Tay còi giả: Chỉ những người lắp những chiếc còi to của xe ô tô, xe buýt, xe công ten nơ để đánh lừa người đi đường
- Tay còi khản: Chỉ những người bóp còi vô tội vạ mặc dù còi sắp hỏng không còn sử dụng được nữa
- Tay còi liên thanh: Chỉ những người bấm còi liên tục mà không để ý đến người xung quanh.

Câu 3: Đoạn trích mang đậm tính hài hước thể hiện ở cách nhà văn châm biếm những “tay còi” trên phố bằng cách nói ngược, cách nói hàm ý. Mở đầu, nhà văn đã gọi hành động đáng phê phán về ý thức tham gia giao thông ở Việt Nam là “dàn nhạc đường phố Việt Nam”. Tiếp đó, nhà văn dùng các cách nói “tay còi” để chỉ các đối tượng khác nhau thực hiện hành vi bóp còi của mình làm mất trật tự đường phố như “tay còi khản”, “tay còi giả”, “tay còi liên thanh”.

Bên cạnh cách sử dụng từ ngữ hài hước như trên, Joe cũng dùng những cách ví von so sánh với những hình ảnh gây cười như: *cảm giác từ sợ thành tức, như vừa phát hiện “con ma” trên tầng ba hóa ra cũng chỉ là chuột hamster do cháu ngoại bỏ rơi hay bóp cái còi lại ra tiếng ho yếu ớt của một xe máy bị viêm thanh quản, Hân “bíp bíp bíp bíp” như cái còi của mình là súng chống máy bay và các xe đi trước đều là B52 hết.*

Câu 4: Joe là một tác giả người nước ngoài nhưng rất thông thạo tiếng Việt, tác phẩm *Ngược chiều vùn vút* anh viết bằng tiếng Việt, không trải qua công đoạn dịch do đó thể hiện rõ nhất những quan điểm của tác giả khi nghĩ về giao thông Việt Nam.

Học sinh trình bày ý kiến của bản thân, có thể tham khảo các ý như sau:

- Giao thông Việt Nam hiện nay quả thật có tình trạng bóp còi một cách thiếu ý thức của không ít thanh niên.

Điều này có nguyên nhân từ ý thức muốn nhanh, muốn vội, muốn thể hiện trên đường phố một cách khác người, hoặc đơn giản họ bấm còi như vậy cho thỏa mãn “sở thích” của họ.

- Để làm cho đường phố Việt Nam trở nên văn minh hơn, mỗi người cần nâng cao ý thức trách nhiệm trên đường phố, không để những hành động rất nhỏ của mình gây ấn tượng không tốt, kể cả đối với những người nước ngoài. .

Học sinh trình bày chung chung, không rõ ý thì không cho điểm phần này.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

Giá trị ảo là những giá trị không bền vững, thường chỉ tồn tại tạm thời, phút chốc. Giá trị ảo thiên về biểu hiện bề ngoài, hình thức, không phản ánh đúng bản chất đối tượng.

Giá trị đích thực là những giá trị có thật trong cuộc sống, là những giá trị bền vững, tồn tại lâu bền.

Cả câu có nghĩa: khi con người mãi mê theo đuổi (sống dựa vào đó, xem đó là mục đích tối thượng) những giá trị bề ngoài, hình thức, ảo, thì con người không chỉ sẽ đánh mất những phẩm chất tốt đẹp của bản thân mà nền tảng đạo đức xã hội cũng dễ bị tha hoá, mai một.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

++ Coi trọng sống ảo hơn sống thực, con người sẽ đánh mất thời gian, sức lực để tô vẽ cho gương mặt ảo của mình, thỏa mãn những xúc cảm có được từ thế giới ảo, họ sẽ không còn tâm trí vun đắp, bồi dưỡng, trân trọng những mối quan hệ, những tình cảm đích thực trong cuộc sống hằng ngày, và ngày một ngày hai, những điều đó sẽ bị tàn lụi đi.

++ Chạy theo hình thức, nô lệ của tiền bạc, địa vị, danh lợi một cách mù quáng, con người không chỉ đánh mất những người thân yêu, mà thậm chí còn bị tha hóa về nhân cách, dẫm đạp lên những chuẩn mực đạo đức xã hội, sống hưởng thụ, ích kỉ.

++ Khi theo đuổi những giá trị ảo, đời sống bên trong con người luôn luôn bị những tính toán, suy nghĩ thiệt

hơn, sự bon chen bao phủ. Cuối cùng, đến một lúc nào đó khi những giá trị ảo và vấp vào cuộc đời thực và biến mất, con người cũng sẽ thấy mệt mỏi, hoang mang, trống rỗng.

++ Xã hội sẽ trì trệ, chậm phát triển khi con người coi trọng những giá trị bên ngoài hơn là những gì thực chất bên trong, coi trọng danh hơn thực, hình thức hơn nội dung, tiền tài địa vị hơn là tâm hồn trí tuệ, thì những giá trị ảo dễ trở thành tiêu chí để đánh giá sự thành - bại, hay xác định, vị trí, công việc của con người.

- Bình luận:

++ Mỗi người trẻ cần có nhận thức sâu sắc về tác hại của lối sống chạy theo những giá trị ảo, cũng như những vai trò quan trọng của giá trị thực trong cuộc sống.

++ Tiêu chí đánh giá con người là ở nhân phẩm, nhân cách, trí tuệ, học vấn. Bởi vậy, trong cuộc sống, con người phải biết tiết chế những tham vọng về tiền bạc, về địa vị để có cuộc sống ý nghĩa, bình yên, thanh thản.

++ Thế giới ảo tự nó không phải là xấu, là tiêu cực, nhưng cách sử dụng thế giới ảo của con người nhiều lúc đã làm nó có tác động ngược lại đến đời sống xã hội.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước Cách mạng và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công là truyện ngắn *Vợ nhặt*.

- Nhận xét về truyện ngắn *Vợ nhặt*, có ý kiến cho rằng: *Nhà văn dùng Vợ nhặt làm đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đẩy bóng tối nhưng từ đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng* (Theo *Nhà văn trong nhà trường*, Kim Lân, NXB Giáo dục, 1999).

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác phẩm

+ *Vợ nhặt* là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng. Truyện được in trong tập *Con chó xấu xí* (1962).

+ Đây là tác phẩm mà Kim Lân đã tái hiện thành công bức tranh ám đạm và khủng khiếp về nạn đói Ất Dậu (1945) của nước ta. Trên cái nền tăm tối và đau thương ấy, nhà văn đã đặt vào đó hình ảnh của các nhân vật tuy nghèo đói, bất hạnh nhưng lại có một khát vọng sống và tình yêu thương mãnh liệt.

- Giải thích sơ lược về nhận định

+ bóng tối: chỉ không khí ám đạm của nạn đói năm 1945 trong tác phẩm.

+ những tia sáng ấm lòng: những tia sáng – ánh sáng lóe lên từ tình người, từ khát vọng sống trong tác phẩm...

- Phân tích, chứng minh nhận định. *Nhà văn dùng Vợ nhặt làm đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đẩy bóng tối nhưng từ đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng* (Theo *Nhà văn trong nhà trường*, Kim Lân, NXB Giáo dục, 1999)

+ Câu chuyện *Vợ nhặt* đầy “bóng tối”:

++ Bóng tối trong truyện ngắn *Vợ nhặt* chính là bức tranh hiện thực chết chóc, nghèo đói, tuyệt vọng của nạn đói năm 1945 bủa vây lấy người nông dân. Kim Lân là một nhà văn của nông thôn, rất hiểu người nông dân, lại là người trong cuộc của cái nạn đói khủng khiếp này, nên ông đã dựng lên trong *Vợ nhặt* một bức tranh cô đúc mà đầy đủ, khái quát mà cụ thể, khắc sâu thành ấn tượng rõ nét.

++ Khung cảnh đầy “chết chóc”

+++ Bức tranh toàn cảnh về nạn đói khủng khiếp năm 1945 với cảnh người đói bồng bề, dắt diu nhau xanh xám như những bóng ma, và nằm ngón ngang khắp lều chợ, bóng những người đói dật dờ đi lại lạng lẽ như những bóng ma, và sau đó là người chết như ngã rạ, không khi vẫn lên mùi gậy của xác người, rồi mùi dốt dốt rảm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt và tiếng hò khóc ti tê trong đêm khuya... Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư, ùa vào gia đình anh Tràng, bủa vây và đe dọa số phận từng con người, không trừ một ai.

+++ Thời gian, không gian ám ảnh: một buổi chiều tối sẫm lại vì đói khát giữa những năm tháng người chết như ngã rạ thì thoảng lại thấy từng đợt người bồng bề, dắt diu nhau lên xanh xám như những bóng ma. Sáng nào đi chợ hay làm đồng người ta cũng bắt gặp hình ảnh ba bốn cái thây nằm công queo bên đường... Tiếng quạ kêu ma quái, mùi dốt rảm dốt từ những nhà có người chết xen lẫn với mùi không khí. Cái đói đã biến con người thành cái xác không hồn vật vờ, quần quai. Cái đói đang tràn lan như một bệnh dịch, tàn nhẫn và phò bày sức mạnh hủy diệt khủng khiếp của mình.

++ Con người cũng chìm trong “bóng tối” của đói khát, tuyệt vọng và cái chết.

+++ Ở xóm ngụ cư là những khuôn mặt hốc hác u tối trong cuộc sống đói khát, không nhà nào có ánh đèn, lửa, đến cả trẻ con cũng ngồi ủ rũ dưới những xó đường không buồn nhúc nhích.

+++ Trong gia đình Tràng thì bà cụ Tứ già lão không làm được gì, anh con trai đẩy xe bò thuê để kiếm sống qua ngày, người con dâu áo quần tã tời như tổ đũa, gầy sọp hẳn đi, hai con mắt trũng hoáy, cái ngực gầy lép nhô hẳn lên... Số phận của họ có khác gì cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại và bữa cơm ngày đói với nồi cháo cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ...

+ Truyện ngắn *Vợ nhặt* cũng lóe lên những tia sáng ấm lòng.

Vợ nhặt đưa ta về với số phận những con người trên bờ vực thẳm của nạn đói khủng khiếp năm 1945. Nhưng những người đói, họ không nghĩ đến cái chết, mà nghĩ đến cái sống (Kim Lân). Chính lòng khát sống, tình yêu thương, sự cứu mang đùm bọc mà những con người nghèo khổ, cùng đường như Tràng, như bà cụ Tứ dành cho người đàn bà xa lạ “thị”... ấy là “những tia sáng ấm lòng”, là điểm sáng đáng quý nhất trên cái hiện thực đen tối bao trùm lấy tác phẩm. Phát hiện ra “những tia sáng ấm lòng”, trân trọng tình yêu thương giản dị nhưng sâu sắc ấy đã khẳng định tấm lòng của nhà văn Kim Lân – một tấm lòng luôn tha thiết, khắc khoải vì Con Người.

Trên bờ vực thẳm của cái chết, trong bóng tối của số phận bi thảm lại lóe sáng tình người cao đẹp và sức sống kì diệu của con người.

++ Niềm khát khao tổ ấm gia đình của nhân vật Tràng.

+++ Anh cu Tràng giữa cái lúc “không biết có nuôi nổi thân mình qua cáiặng này không” thì Tràng lại còn “đèo bồng” thêm một cô vợ “nhặt”. Lúc đầu Tràng phảng phất lo sợ về cái đói và cái chết mới đầu anh cũng chọn, nghĩ: *thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng*. Đó là nỗi sợ hãi cô thật nhất lại là thời đói kém như thế này. Nhưng có lẽ tình thương người và khát vọng hạnh phúc đã lớn hơn nỗi sợ hãi nên sau đó anh chặc lưỡi “*Chặc kệ!*”. Chi một từ “*kệ*” thôi, Tràng như đã bỏ lại sau lưng mình tất cả nỗi sợ hãi, mọi lo nghĩ để vun vén cho cái hạnh phúc của mình. Từ trên bờ vực thẳm của cái chết, họ đã dám khát khao đến tổ ấm gia đình, đến một cuộc sống đích thực và cao đẹp của con người.

+++ Giữa cái đói và cái chết, con người càng yêu thương và có trách nhiệm với nhau. Cùng nhau nghĩ về một tương lai sáng lạn hơn.

+++ Khi có vợ, anh cu Tràng vừa xấu hổ lại vừa tự hào khi đưa vợ đi qua xóm ngụ cư, bởi vì có một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy dâng lên ôm ấp, mong

man khắp đa thịt...; và nhất là, trong buổi sáng đầu tiên khi có vợ, Tràng thấy cuộc đời mình bỗng nhiên thay đổi hẳn: Hẳn thấy thương yêu gắn bó với cái nhà của hẳn là lòng, một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng, bây giờ hẳn mới thấy hẳn nên người, hẳn thấy hẳn có bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này...

+++ Khi trở thành vợ Tràng, thị đã trở về với chính con người thật của mình là một người đàn bà hiền thực, e lệ, lễ phép, đảm đang. Điều đó được thể hiện qua dáng vẻ bên lên đến tội nghiệp của thị khi bên Tràng vào lúc trời chạng vạng (thị đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, “rón rén, e thẹn”, ngượng nghịu, “chân nọ bước dúi cả vào chân kia”...). Trong tận cùng của đói khát và chết chóc, người đàn bà này đã đến, nhen nhóm ở đây một tổ ấm, một cuộc sống mới... Sau một ngày làm vợ, chị dậy sớm, quét tước, dọn dẹp cho căn nhà khang trang, sạch sẽ. Đó là hình ảnh của một người vợ biết lo toan, thu vén cho cuộc sống gia đình hình ảnh của một người vợ hiền, một cô dâu thảo...

++ “Tia sáng ấm lòng” hiện lên từ tình yêu thương con vô bờ bến của bà cụ Tứ.

+++ Tình thương yêu, sự cứu mang lẫn nhau của những người nghèo khổ được thể hiện rất cao đẹp và cảm động qua tấm lòng bà cụ Tứ đối với con trai và con dâu. Bà khóc vì thương con trai và con dâu, bà “mừng lòng”, bà hi vọng cũng vì thương chúng nó. Tình thương ấy dồn vào câu nói từ đáy lòng bà: *Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá*. Vượt lên tình thương con – nhất là đối với người đàn bà lạ bỗng nhiên thành con dâu mới – đó là tình thương yêu của những người nghèo khổ. Bà gọi thị là “con”, tôn trọng thị, nói chuyện thân mật với thị ngay đêm đầu gặp mặt...

+++ Giữa lúc đói nghèo lại phải “đèo bồng” thêm một miệng ăn bà cụ Tứ nghĩ về nàng dâu mới không phải ở cảm giác của một người biết ơn, mà tràn đầy tình yêu thương. Người mẹ nghèo nhân hậu ấy càng thấu hiểu cảnh ngộ xót xa của nàng dâu mới càng thương chị ta hơn. Tâm trạng bà cụ buồn vui lẫn lộn. Hình như niềm vui của bà cụ Tứ ở đây cũng trở nên héo hon, như không thể thoát ra khỏi nỗi ám ảnh của sự buồn tủi, xót thương của cái không khí thời đại lúc bấy giờ. Đầu có hơi ẩm tình người nhưng sự thật về hiện thực đen tối chết chóc lúc bấy giờ vẫn bủa vây lấy tâm trí bà cụ...

+++ Nhưng với tấm lòng của người mẹ, bà vẫn gượng làm vui cái mặt bưng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão sấm sấn thu dọn, quét tước nhà cửa, vừa ăn vừa

kể chuyện làm ăn, nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng ngày sau. Tất cả như vẽ ra trước mắt chúng ta khung cảnh đầm ấm, hoà thuận của một gia đình, bình thường nhưng lại rất bất bình thường trong những ngày đói năm 1945. Tác giả đã khéo giấu đi cái không khí âm ảm thể lương ngày thường chẳng? Nhưng không, dường như chính lòng mẹ đang vun vén cho hạnh phúc mới của con đây. Dù chẳng trọn vẹn nhưng cũng phần nào gieo vào lòng đôi vợ chồng trẻ niềm tin vào ngày mai. Một ngày mai tươi sáng hơn đang chờ họ.

- Đánh giá, bình luận về nhận định.

+ Nhận định đề cập đến hai giá trị to lớn của tác phẩm: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo. Trong đó, nhấn mạnh và khẳng định giá trị nhân đạo to lớn... Chính giá trị nhân đạo sâu sắc đó khiến cho tác phẩm có sức sống lâu bền trong dòng chảy văn học nước nhà.

c. Kết bài:

- Bằng tình huống truyện độc đáo, Kim Lân đã mở ra bức tranh nạn đói mùa xuân năm 1945 với cái nghèo khó, tàn tạ của một gia đình nông dân, những thân phận thấp hèn, tủi buồn.

- Quan trọng hơn cả là tác giả đã nhìn vào hiện thực ấy bằng cái nhìn yêu thương, tin tưởng nên đã thấy được vẻ đẹp tâm lòng của những mảnh đời khốn khó, thấy được sự vận động đi lên khốc khoắn của hiện thực sẽ làm thay đổi những kiếp người trong cuộc đời cũ.

- Khẳng định lại sự đúng đắn, chính xác của nhận định *Nhà văn dùng Vợ nhặt làm đòn bẩy để nâng con người lên trong tình nhân ái. Câu chuyện Vợ nhặt đầy bóng tối nhưng từ đó đã lóe lên những tia sáng ấm lòng*

ĐỀ SỐ 28

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

(Hồ Chí Minh, *Di chúc*, In trong *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia)

Câu 1: Thao tác lập luận nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2: Từ “nhất định” được lặp lại rất mấy lần trong đoạn trích? Hãy chỉ ra tác dụng của việc lặp lại từ ngữ này trong đoạn trích.

Câu 3: Anh (chị) hãy phân tích cái hay, cái đẹp của câu thơ của Bác được dẫn ra ở đoạn trích trên.

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, từ niềm tin của Người đối với hòa bình dân tộc, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về lòng lạc quan trong cuộc sống.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bạo lực học đường đang trở thành một trong những vấn đề được gây nhiều nhức nhối trong xã hội ngày nay. Là một học sinh, anh (chị) có suy nghĩ gì về hiện tượng này? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm): So sánh cảm hứng nghệ thuật của hai tác phẩm: bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo) và vở kịch *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

của tác giả. .

Câu 1: Đoạn trích sử dụng thao tác lập luận chính là chứng minh. .

Câu 3: Hai câu thơ *Còn non, còn nước, còn người, / Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!* được trích dẫn ở giữa đoạn trích làm cho nội dung của đoạn trở nên sâu lắng, ấn tượng hơn trong tâm trí người đọc.

Câu 2: Từ “nhất định” được lặp lại 4 lần như sau *Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. .*

Câu thơ thể hiện tâm niệm của Người về một ngày mai tươi sáng, đất nước được hòa bình thống nhất, phát triển ngày càng giàu đẹp, con người được sum họp, yên ấm. Câu thơ còn là niềm tin, niềm hi vọng chắc chắn của Bác về tương lai của dân tộc. Nó nhắc nhở mỗi con người phải biết đóng góp công sức của mình vào mục tiêu chung là phát triển đất nước ngày một phần vinh hơn quá khứ. Câu thơ đặt cạnh những đoạn lí lẽ hùng hồn là một dấu lặng in đậm dấu ấn về tâm niệm cao quý của Bác đối với dân tộc. .

Tác dụng:

- Nhấn mạnh sắc thái khẳng định trong đoạn trích, thể hiện niềm tin chắc chắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc dù khó khăn gian khổ đến đâu thì nhân dân ta vẫn có thể vượt qua để giành thắng lợi

- Liên kết nội dung của đoạn trích

- Thể hiện nghệ thuật lập luận hùng hồn, đanh thép

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Lòng lạc quan là luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp, nhìn nhận mọi thứ theo chiều hướng tích cực nhất mà vấn đề có thể xảy ra.

- Lòng lạc quan có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi người, đưa con người đến những hành động tích cực.

Học sinh trình bày thật ngắn gọn ý hỏi này, không trình bày dài dòng ảnh hưởng đến việc phân bố thời gian đối với các câu khác. Học sinh lưu ý đề bài yêu cầu ở mức đọc – hiểu chỉ yêu cầu các em mở rộng vấn đề, không yêu cầu các em lập luận như bài văn nghị luận xã hội.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

+ Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có hai cấp độ:

++ Cấp độ thứ nhất là xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.

++ Cấp độ thứ hai, cấp độ cao hơn là đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.

+ Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, hiện đang xâm nhập và lan rộng ở Việt Nam.

- Phân tích thực trạng, giải thích nguyên nhân, nêu hệ quả và đề xuất một số phương pháp xử lý đối với hiện tượng được nhắc đến. Lập luận phải chặt chẽ, có sức thuyết phục

+ Nguyên nhân:

++ Thanh thiếu niên là độ tuổi chưa phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Ở độ tuổi này, các em thường dễ bị kích động, ham thích thể hiện, khẳng định bản thân, tuy nhiên lại chưa nhận thức được trọn vẹn đúng sai, phải trái.

++ Sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình là những nhân tố đầu tiên và quan trọng nhất sản sinh ra căn bệnh bạo lực ở học đường.

++ Sự giáo dục trong nhà trường nặng về dạy kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người - tiên học lễ hậu học văn.

++ Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để

+ Hậu quả:

++ Với nạn nhân bị bạo hành, những tổn thương về thể xác và tinh thần là điều không thể tránh khỏi. Bên cạnh đó, gia đình, người thân, bạn bè của người bị hại cũng bị ảnh hưởng, tâm lý bất ổn.

++ Đối với người gây ra bạo lực, hậu quả đầu tiên là sự phát triển không toàn diện về nhân cách - quay trở lại phần “con”, mất dần nhân tính.

- Bình luận:

+ Đứng ngồi trên ghế nhà trường, học sinh cần có quan điểm nhận thức, hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp...

+ Không nên mất niềm tin vào con người. Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người vào thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình, hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung.

Câu 2 (5 điểm):

a. Mở bài:

Nghệ thuật luôn khởi nguồn từ cái nhìn chân chính. Đúng như thế, nói đến nghệ thuật ta không thể không nhắc đến cuộc sống vì phạm trù ấy luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Hai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Thanh Thảo tuy viết hai tác phẩm ở hai giai đoạn khác nhau nhưng họ cùng hướng đến quan niệm về nghệ thuật. Quan niệm đó được thể hiện qua hình tượng hai nhân vật Lorca trong *Đàn ghita của Lorca* và Vũ Như Tô trong *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*. Hai nhà văn đã xây dựng lên hai nhân vật có nhiều nét tương đồng một cách trùng hợp và tài tình. Qua đó thể hiện những quan điểm của mình về nghệ thuật chân chính và những người nghệ sĩ tận hiến cho nghệ thuật.

b. Thân bài:

- Khái lược chung:

+ Trước cách mạng, Nguyễn Huy Tưởng là nhà văn

tiến bộ, yêu nước. Những đóng góp của Nguyễn Huy Tường thiên về tiểu thuyết và kịch, đặc biệt là tiểu thuyết và kịch lịch sử. vở kịch *Vũ Như Tô* được Nguyễn Huy Tường viết xong vào mùa hè 1941, đề tựa tháng 6 - 1942, đăng trên tạp chí *Tri tân* năm 1943 - 1944, in trong tập Kịch Nguyễn Huy Tường (Nxb Văn học, Hà Nội, 1963).

+ Thanh Thảo là gương mặt tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ và trong thời hậu chiến. Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập *Khối vuông ru-bích* (1985) là một trong những sáng tác tiêu biểu của Thanh Thảo. Bài thơ viết theo thể tự do, cấu tứ trên dòng cảm xúc mãnh liệt về cái chết bi thảm của Lor-ca.

- So sánh cảm hứng nghệ thuật của hai tác phẩm

+ Giống nhau

Cả hai tác phẩm đều có chung cảm hứng về số phận của cái đẹp và khai thác bi kịch của người nghệ sĩ tài hoa nhưng bạc mệnh.

++ Năm 1516, hôn quân Lê Tương Dực bị giết, Cừu Trùng Đài bị phá, người phụ trách công trình đó là Vũ Như Tô cũng bị giết. Từ sự kiện lịch sử có thật ấy, bằng tài năng tưởng tượng, hư cấu Nguyễn Huy Tường đã sáng tác vở kịch dài Vũ Như Tô gồm 5 hồi. Từ một sự kiện lịch sử có thật ở thế kỉ XVI, Nguyễn Huy Tường đã tạo nên một vở kịch hiện đại có yếu tố bi kịch, đặt ra một vấn đề có tầm quan trọng. Đó là số phận của nghệ thuật và của người nghệ sĩ trong hoàn cảnh đất nước chìm đắm trong chế độ phong kiến mục ruỗng, thối nát.

++ Phê-đê-ri-cô Gar-xi Lor-ca (1898 - 1936) là một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha. Lor-ca vừa nồng nhiệt cổ vũ nhân dân đấu tranh cho tự do vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật. Hoàng sợ trước ảnh hưởng xã hội to lớn của tên tuổi Lor-ca, nhà cầm quyền phát xít Tây Ban Nha đã sát hại ông. Nhân cách cao đẹp cùng số phận oan khuất của người nghệ sĩ Tây Ban Nha tài hoa đã khiến Thanh Thảo ngưỡng mộ và xúc động sâu sắc. Bài thơ lấy cảm hứng trực tiếp từ những giây phút đầy bi phẫn trong cuộc đời của G. Lorca

+ Khác nhau

++ Từ bi kịch của Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tường chỉ ra mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật thuần túy của Vũ Như Tô với lợi ích thiết thực của nhân dân.

+++ Nhân vật Vũ Như Tô là một nhân vật bi kịch. Mâu thuẫn giữa cái tài, cái ước vọng cao cả, niềm khát

khao và đam mê sáng tạo cái đẹp của nhân vật này với thực tế phũ phàng, ngang trái của xã hội dẫn đến sự vỡ mộng thể thảm: Cừu Trùng Đài bị đốt, cả người sáng tạo ra cái đẹp - Vũ Như Tô và người biết trân trọng cái đẹp - Đan Thiềm đều bị đưa ra pháp trường chịu chết...

+++ Có thể hiểu thái độ, cách đánh giá của Nguyễn Huy Tường về Vũ Như Tô qua thái độ, cách đánh giá của Đan Thiềm về nhân vật này (Trong lời đề tựa viết một năm sau khi viết xong vở kịch, chính Nguyễn Huy Tường đã công khai bày tỏ nỗi băn khoăn của mình: "Đài Cừu Trùng không thành, nên mừng hay nên tiếc?", "Chẳng biết Vũ Như Tô phải hay những kẻ giết Vũ Như Tô phải [...] - Than ôi, Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết - cảm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm". Đan Thiềm trân trọng, cảm phục Vũ Như Tô nồng nhiệt đến quên mình. Nhưng Nguyễn Huy Tường cũng thận trọng, tỉnh táo nhận ra Vũ Như Tô chỉ là người tài, chưa phải bậc hiền tài, cái đẹp mà Vũ Như Tô tạo ra là tuyệt mỹ mà không tuyệt thiện. Chân lí chỉ thuộc về Vũ Như Tô một nửa, còn nửa kia thuộc về đời sống của dân chúng. Như vậy, Vũ Như Tô là tính cách đa diện, phức tạp. Thái độ nhà văn, chủ yếu là trân trọng cái tài, khâm phục cái hoài bão, cảm thông với bi kịch Vũ Như Tô, không thể là thái độ ca ngợi một chiều và có những chỗ ông không đồng tình với nhân vật của mình.

++ Bi kịch của Gar-xi-a Lor-ca lại xuất phát từ mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật và khát vọng tự do của người nghệ sĩ đứng về phía nhân dân với chế độ phát xít độc tài Phrang-co đầu thế kỉ XX.

Hình tượng Lor-ca trong bài thơ là hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính trong môi trường bạo lực chính trị.

+++ Một người nghệ sĩ tự do và cô đơn

Mở đầu bài thơ là hình ảnh "những tiếng đàn bọt nước" cho người đọc ấn tượng sâu sắc. Đây là hình ảnh đem lại sự cảm thụ vừa bằng thính giác vừa bằng thị giác. Hình ảnh ấy xuất hiện cùng với hình ảnh "Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt" – hình ảnh ít nhiều gợi lên bối cảnh chính trị với những cuộc đàn áp khốc liệt của chính quyền độc tài ở đây. Cả Tây Ban Nha lúc bấy giờ như một đấu trường, giữa dân chủ và độc tài, giữa tự do bị bóp nghẹt và một thể chế chính trị hà khắc.

Hình ảnh Lor-ca – người nghệ sĩ cô đơn "đi về miền đơn độc". Sự cô đơn của nghệ sĩ đi tìm cái đẹp trong thế giới bạo tàn không phải ai cũng cảm nhận và thấu hiểu được. Người nghệ sĩ đơn lẻ, cô đơn trong "miền đơn

độc”, một mình trên “yên ngựa mồi mòn” và ánh trăng như một bạn đồng hành trên trời cao.

+++ Một cái chết oan khuất, bị phân bối thế lực tàn ác:

Người nghệ sĩ đơn độc trên hành trình kiếm tìm cái đẹp, vẫn cất lên những âm thanh “nghêu ngoao”. Câu thơ thay đổi nhịp điệu khi miêu tả cảnh Lor-ca bị “điều về bãi biển” cùng với tiếng đàn.

Bằng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác, Thanh Thảo đã thể hiện tiếng đàn ghi ta của Lor-ca. Tiếng ghi ta hóa thành màu nâu – màu của đất, màu của tang thương – khi Lor-ca sắp từ giã cuộc đời. Tiếng ghi ta “xanh biếc mảy” và tiếng ghi ta “tròn bọt nước” cùng với “bầu trời cô gái ấy” như là niềm luyến tiếc, tình yêu của Lor-ca với cuộc sống.

Tiếng đàn vang lên kết hợp với hình ảnh thị giác “ròng ròng”, biểu thị sự đau đớn tột cùng. Tiếng đàn cũng có nỗi đau của mình, cũng chịu đựng sự bất hạnh như chính người đã sáng tạo ra nó..

+++ Sự ra đi của Lor-ca để lại một niềm đau, sự tiếc thương vô tận cho nhân loại nói chung và nhân dân Tây Ban Nha nói riêng:

*không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vàng trăng
long lanh trong đáy giếng.*

Di chúc “Khi tôi chết, hãy chôn tôi với cây đàn” của Lor-ca được lấy làm đề từ của bài thơ không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà nó như một chiếc chìa khoá ngầm hướng người đọc hiểu thông điệp thực sự của bài thơ. Di chúc này, trong nhận thức của độc giả hiển nhiên bộc lộ tình yêu say đắm của Lor-ca với nghệ thuật. Nhưng không chỉ có vậy, nó còn là tình yêu tha thiết với xứ sở Tây Ban cầm. Nhưng Lor-ca không phải là một nghệ sĩ sinh ra để nói những điều đơn giản. Do đó, di chúc của Lor-ca còn những ý nghĩa sâu xa khác. Nhà cách tân thiên tài Lorca biết thi ca mình một ngày nào đó sẽ án ngữ, ngăn cản những người đến sau trong sáng tạo nghệ thuật nên đã dặn lại cần phải biết chôn nghệ thuật của ông để đi tới. Nhưng vì quá ngưỡng mộ Lor-ca, người ta đã không biết vượt qua Lor-ca.

Chẳng phải do trùng hợp khi Thanh Thảo viết: “không ai chôn cất tiếng đàn - tiếng đàn như cỏ mọc hoang...”. Câu thơ mở ra nhiều hướng tiếp cận khác nhau: là nỗi xót thương cái chết của một thiên tài; là nỗi xót tiếc hành trình cách tân dang dở không chỉ với bản thân Lor-ca mà còn với nền văn chương Tây Ban Nha.

Bởi lẽ, người nghệ sĩ đã ra đi, nghệ thuật vắng thiếu kẻ dẫn đường. Nghệ thuật thành thứ cỏ mọc hoang. Nhưng ý thơ đâu chỉ dừng lại ở đó. Đường như còn có cả nỗi buồn của người nghệ sĩ ham tìm tòi cách tân, không ai cụ thể hóa được di chúc của Lor-ca. Nỗi xót đau trước cái chết của Lor-ca và trước sự dang dở của một khát vọng cách tân đọng lại thành những hình ảnh đẹp và buồn được viết theo lối *sắp đặt*, dựa trên nguyên lí cốt lõi của cấu trúc *gián đoạn*: giọt nước mắt vàng trăng – long lanh trong đáy giếng,... do đó, tạo lập một hệ hình ảnh trùng phức giao thoa, ánh xạ vào nhau, gọi những suy tư đa chiều.

+++ Một tâm hồn bất diệt:

++++ Với Lor-ca, cây đàn là sản phẩm của sự sáng tạo. Con người sáng tạo và cây đàn sáng tạo đã không còn nhưng sản phẩm của sự sáng tạo ấy mãi mãi trường tồn, mãi mãi bền vững. Hình ảnh Lor-ca nằm đó và trở nên long lanh trong làn giếng. “Vàng trăng” bây giờ không “chénh choánh” nữa mà nó “long lanh” soi tỏ một con người đã chết cho quê hương.

++++ Lor-ca bơi sang thế giới bên kia, bơi qua dòng sông ấy bằng chiếc “ghi ta màu bạc”. “Chiếc ghi ta màu bạc” chờ Lor-ca sang thế giới khác có màu bạc – màu của sự trong trắng, biểu tượng của sự chân thật, ngay thẳng không chịu quỳ gối trước bất công cường bạo và đồng thời là sự chân thành, trung thực với chính mình, với mọi người.

++++ Lor-ca đã ném “lá bùa” của “cô gái Di-gan” là để sẵn sàng đương đầu với số phận và ném trái tim mình của một con người đã sống trọn vẹn vào “im lặng”, để cho nhịp thời gian vẫn chảy dài mãi mãi: li la li la, để cho sự sống tiếp tục hành trình vô tận của nó, để cho sự sáng tạo nghệ thuật vẫn mãi mãi hồi sinh.

++ Bài thơ làm sống lại huyền thoại về một con người, một nghệ sĩ, một chiến sĩ; về một xứ sở và về chính âm nhạc, thi ca.

++ Qua việc khắc họa hình tượng Lor-ca, Thanh Thảo bày tỏ sự đồng cảm, thương tiếc và ngưỡng mộ sâu sắc người nghệ sĩ – chiến sĩ vĩ đại của đất nước Tây Ban Nha.

c. Kết bài

Từ cảm hứng sáng tạo riêng của từng nhà thơ đã đem đến cho người đọc những hình dung cụ thể về số mệnh của nghệ thuật và của người làm nghệ thuật – nghệ sĩ qua các không gian – thời gian khác nhau. Tựu trung lại, nghệ thuật và những sóng gió, gian nan luôn song hành với nhau trên con đường phát triển và đôi khi nghệ thuật còn là sự trả giá trên sự mất mát, hy sinh.

ĐỀ SỐ 29

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

....Cô bé nhà bên (có ai ngờ)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn thương quá đi thôi
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời
Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi..

Hòa bình tôi trở về đây
Với mái trường xưa, bãi mía, luống cà
Lại gặp em
Thẹn thùng nép sau cánh cửa
Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ
Chuyện chồng con khó nói lắm anh ơi!
Tôi nắm bầy tay nhỏ nhắn ngậm ngùi
Em vẫn để yên trong tay tôi nóng bỏng
Rồi hôm nay nhận được tin em
Không tin được đâu đó là sự thật
Giặc bắn em rồi, quăng mắt xác
Chi vì em là du kích em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người.

Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn, roi
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.

(Trích *Quê hương*, Theo Giang Nam, 1960)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

Câu 2. Các thành phần (có ai ngờ), (thương quá đi thôi), (khó nói lắm anh ơi!) là thành phần gì của câu? .

Câu 3. Hình ảnh *cô bé nhà bên* được miêu tả như thế nào? Hình ảnh đó xuyên suốt đoạn thơ gợi lên cho anh/chị những suy nghĩ gì?

Câu 4. Anh/chị cảm nhận như thế nào về tình yêu quê hương của tác giả được bộc lộ trong khổ thơ cuối? Từ đó nêu suy nghĩ của anh/chị về lòng yêu nước của thanh niên thời hiện đại. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

“Tôi khao khát làm được những điều vĩ đại và cao cả, nhưng trách nhiệm chính của tôi là làm được những điều nhỏ nhất như thể chúng vĩ đại và cao cả” (Helen Keller)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: Ở truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân chú tâm miêu tả kỹ lưỡng hiện thực tàn khốc trong nạn đói thể thảm mùa xuân 1945. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Ở tác phẩm này, nhà văn chủ yếu hướng vào thể hiện vẻ đẹp tiềm ẩn của những người dân nghèo sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ.

Từ cảm nhận của mình về tác phẩm, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm .

Câu 2. Các thành phần (có ai ngờ) , (thương quá đi thôi), (khó nói lắm anh ơi!) là thành phần phụ chú của câu .

Câu 3. Hình ảnh *cô bé nhà bên* được miêu tả qua nụ cười khúc khích và vẻ thẹn thùng “*nép sau cửa*” .

Hình ảnh *cô bé nhà bên* luôn hiện diện trong tâm trí nhà thơ thể hiện nỗi nhớ thường trực của người chiến sĩ. Tuy rằng chiến đấu ngoài tiền tuyến nhưng không lúc nào người nỗi nhớ thương về quê nhà mà ở đó hình ảnh cô bé nhà bên - điều thân thuộc với tác giả nhất trở thành trung tâm của nỗi nhớ mong. Hơn nữa, đây cũng là hình ảnh xuyên suốt bài thơ nhằm thể hiện sự tự nguyện cống hiến của tuổi trẻ cho công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Câu 4. Tình yêu quê hương của tác giả được thể hiện trong khổ thơ cuối: Tình yêu quê hương đã được thay đổi. Xưa yêu quê hương vì đây là nơi mà nhà thơ sinh ra, lớn lên; là nơi gắn liền với những kỉ niệm thời thơ ấu của tác giả. Nay, yêu quê hương không chỉ vì đây là mảnh đất đã gắn bó với tác giả, mà hơn hết, quê hương ngày hôm nay là quê hương mà biết bao thế hệ đã ngã xuống, đánh đổi xương máu để giành lại từ tay quân thù.

Suy nghĩ của anh/chị về lòng yêu nước của thanh niên thời hiện đại

Câu hỏi mở, thí sinh được tự do trình bày suy nghĩ của mình. Giáo viên linh động cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: Câu nói đưa ra bài học: con người luôn có khát khao làm những điều lớn lao, kì vĩ mà lại quên rằng phải bắt đầu từ những điều rất nhỏ bé, bình thường và quan trọng hơn cả, ngay cả với những điều nhỏ bé, bình thường, con người cũng cần làm việc với một thái độ tận tình, trân trọng.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

Mơ ước làm điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng, cần thiết của mỗi người, cần được hoan nghênh, khuyến khích. Mơ ước càng lớn lao, con người càng có động lực để tiến lên. Song phải luôn ý thức được rằng:

+ Cuộc sống con người vốn là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, rất nhiều bình diện, được tạo nên từ vô số mảnh ghép nhỏ. Ý nghĩa của cuộc sống đôi khi nằm trong những điều hết sức bé nhỏ, đời thường. Trân trọng những điều bé nhỏ, nắm trọn từng khoảnh khắc của cuộc sống, cuộc đời con người mới trôi đi không vô nghĩa.

+ Mọi thành tựu lớn lao đều bắt đầu từ những công việc nhỏ nhất. Phải bắt đầu từ những công việc nhỏ, tích tiểu thành đại, con người mới có được những thành công lớn.

+ Những việc rất nhỏ nhưng nếu làm ầu, làm bừa cũng không đem lại kết quả tốt. Ngược lại, dù là việc nhỏ bé, bình thường nhưng nếu được thực hiện bởi một trái tim tràn đầy nhiệt huyết, một bàn tay chăm chút khéo léo thì cũng tạo nên những thành phẩm tuyệt vời.

+ Mỗi con người có một giới hạn nhất định về năng lực. Không phải ai cũng có thể làm tốt được tất cả mọi việc và có khả năng làm được những điều lớn lao. Bởi vậy, lựa chọn những công việc vừa sức với bản thân, chăm chút cho công việc ấy sẽ mang lại hiệu quả hơn việc chạy theo những công việc quá sức và không thể thực hiện được.

+ Khi làm việc bằng lòng say mê, sự tận tình, con người sẽ luôn nhận được sự kính trọng, yêu mến của

những người xung quanh. Những người làm việc say mê và tận tình, dù là làm những công việc nhỏ bé, luôn đóng góp được nhiều giá trị cho xã hội.

- Bình luận:

+ Con người phải luôn có ý thức kiểm soát hành động và nhận thức rằng việc gì nhỏ mọn mà có ích kiên quyết làm...

+ Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để có thể hướng tới những điều lớn lao.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân là truyện ngắn *Vợ nhặt*. Nhận xét về tác phẩm có ý kiến cho rằng *Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945. Ý kiến khác lại nhấn mạnh: nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ*. Quả thật, chính niềm tin và tình yêu thương đó đã đem lại cho tác phẩm những giá trị nhân văn cao cả.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác phẩm.

+ *Vợ nhặt* là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng. Truyện được in trong tập *Con chó xấu xí* (1962)

+ Bằng cách dựng lên tình huống truyện “nhặt vợ” độc đáo, qua tình huống đó nhà văn Kim Lân đã kín đáo lên tiếng phê phán xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám, đói rách, nghèo khổ. Nhân phẩm con người bị rẻ rúng, vì đói, vì chạy trốn khỏi cái chết mà người ta có thể liều về làm vợ một người không quen biết chỉ bằng vài bát bánh đúc... Đó là những đau đớn, nhục nhằn của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. Nhưng trên nền hiện thực đen tối ấy vẫn sáng lên niềm yêu thương, niềm tin vào cuộc đời mới tốt đẹp hơn. Đó là cái nhìn phát hiện đầy nhân đạo của nhà văn Kim Lân.

- Phân tích ý kiến *Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945*.

+ Hiện thực đầy rẫy chết chóc đe dọa đến tính mạng của con người.

++ Thời gian, không gian ám ảnh: Một buổi chiều tối *sẫm lại vì đói khát* giữa những năm tháng người chết như

ngả rạp thì thoảng lại thấy từng đợt người bồng bề, dẫu diu nhau lên xanh xám như những bóng ma.

++ Sáng nào đi chợ hay làm đồng người ta cũng bắt gặp hình ảnh “*ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường*”... Tiếng quạ kêu ma quái, mùi đồng rảm đốt từ những nhà có người chết xen lẫn với mùi không khí... Kim Lân đã đặt hình ảnh những người sống bên cạnh hình ảnh những người chết, cho thấy ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết.

++ Cái đói đã biến con người thành cái xác không hồn vật vờ, quẩn quại. Cái đói đang tràn lan như một bệnh dịch, tàn nhẫn và phò bày sức mạnh hủy diệt khủng khiếp của mình.

+ Hiện thực nghèo đói, chết chóc hủy hoại tính cách nhân phẩm của con người.

Đối với Kim Lân, cái đói không chỉ cướp đi sinh mạng của con người mà nó còn hủy hoại tính cách của họ, biến họ thành những kẻ rẻ rúng, vì miếng ăn mà không cần nhân phẩm. (minh chứng qua sự đổi thay của nhân vật thị)

++ Chân dung của người phụ nữ ấy hiện ra ngay từ đầu là những nét không mấy dễ nhìn đó là hình ảnh của người đàn bà *gầy vêu vao, ngực gầy lép, khuôn mặt lưỡi cây xám xịt, quần áo thì rách như tổ đĩa*. Thị đã biến đổi ghê gớm: từ cô gái khỏe mạnh “*liếc mắt, cười tít*”, “*ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng*”, qua ít hôm đã trở nên “*rách quá, áo quần tả tơi như tổ đĩa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cây xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt*” khiến Tràng không nhận ra được.

++ Khi được Tràng mời ăn “*Hai con mắt trứng hoáy của thị tức thì sáng lên*”. Cái đói khiến thị “*cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyên trò gì*”. Trông thật đáng thương! Với cái cách ăn ấy thì chỉ có thể là đói lâu ngày rồi. Cách kết thúc bữa ăn cũng rất hồn nhiên theo kiểu đói: “*cắm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thờ*”, vừa có vẻ khoái trá, vừa có vẻ tiếc rẻ. Cái đói trong một lúc nào đó nó có thể làm biến dạng tính cách của con người.

- Phân tích ý kiến *“Nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ”*.

+ Nhân vật Tràng:

++ Giàu lòng thương người

Thấy người đàn bà đói, rách rưới thảm hại. Tràng động lòng thương. Tràng cho người đàn bà kia ăn, không chỉ ăn mà còn cho ăn rất nhiều “*bốn bát bánh đúc*”. Đó

chính là lòng thương một con người đói khát hơn mình chứ Tràng không hề có ý định lợi dụng hoặc chòng ghẹo.

++ Khát khao hạnh phúc

Tràng lại tâm phơ tâm phào “*Nói đùa chứ có về với thị thì ra khuôn đó lên xe rồi về*”. Nói đùa thế thôi, ai ngờ thị về thật. Lúc đầu Tràng phảng phất lo sợ về cái đói và cái chết “*mới đầu anh cũng chợn, nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng*”. Đó là nỗi sợ hãi có thật nhất lại là thời đói kém như thế này. Nhưng có lẽ tình thương người và khát vọng hạnh phúc đã lớn hơn nỗi sợ hãi nên sau đó anh chặc lưỡi “*Chặc kệ!*”. Chỉ một từ “*kệ*” thôi, Tràng như đã bỏ lại sau lưng mình tất cả nỗi sợ hãi, mọi lo nghĩ để vun vén cho cái hạnh phúc của mình. Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn mà nhà văn Kim Lân đã tinh tế nhận ra trong người nông dân cục mịch này.

++ Chăm sóc, có ý thức trách nhiệm với thị- người “*vợ nhặt*” xa lạ.

+++ Khi người phụ nữ chấp nhận làm vợ, Tràng đã có ý thức chăm sóc: hắt đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vải thứ lật vật và ra hàng com đánh một bữa no nê... Anh còn mua hai hào dầu để thắp sáng...

+++ Sau khi lấy vợ, Tràng trở thành một người sống có trách nhiệm, biết suy nghĩ chín chắn. Sau cái đêm tân hôn. Tràng thức dậy, đầu tiên đó là một cảm giác dễ chịu “*Trong người êm ái lừng lờ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra*”. Đó là tâm trạng hạnh phúc. Tràng cảm động khi thấy mẹ và vợ dọn dẹp lại nhà cửa nhất là khi nghe tiếng chổi tre quét từng nhát sần sật trên sân. Một nỗi lòng yêu thương, một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng “*Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng*”. Hạnh phúc đang làm anh thay đổi.

+ Nhân vật bà cụ Tứ:

++ Giàu lòng yêu thương con.

Thấy Tràng “*lấy vợ*” giữa cảnh đói kém, bà cụ nửa mừng nửa lo. Bà thấy tủi nhục cho cái thân con bà, khi đói rách người ta mới lấy đến con bà. Nhưng đáng trân trọng thay, bà không hề coi thường, ghét bỏ cô con dâu “*nhật*” mà ngược lại bà đón nhận thị chân thành, nồng hậu với tất cả tình yêu thương của một người mẹ nghèo.

++ Niềm tin lạc quan vào tương lai tươi sáng.

Bà lão sấm sần thu dọn, quét tước nhà cửa”, “*vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn*”, “*nói toàn chuyện vui, toàn*

chuyện sung sướng ngày sau”, “*cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên*”. Dù chẳng trọn vẹn nhưng cũng phần nào gieo vào lòng đôi vợ chồng trẻ niềm tin vào ngày mai. Một ngày mai tươi sáng hơn đang chờ họ. Bà cụ Tứ nghĩ thế và chắc chắn sẽ là như thế! Chính tình thương của mẹ đã mang đến hạnh phúc cho Tràng, đem lại lối thoát cho vợ Tràng và tất yếu tình thương ấy sẽ mãi mãi nâng đỡ họ.

+ Nhân vật thị: trở về với con người thật của mình:

Khi trở thành vợ Tràng, thị đã trở về với chính con người thật của mình là một người đàn bà hiền thực, e lệ, lễ phép, đảm đang. Dẫu có lo âu cho tương lai, ít ra cô cũng đã có một gia đình, một nơi để dựa dẫm, phần dẫu và hi vọng. Đây vẫn là niềm hạnh phúc nho nhỏ của thị, trả thị về an phận trong vai một người vợ hiền, một nàng dâu thảo. Nếu lúc đầu, cuộc sống khắc nghiệt với cái đói ghê người đã hóa đá tâm hồn và nữ tính của cô thì giờ đây, hạnh phúc gia đình như những tia nắng ấm đã khiến chúng hồi sinh trở lại. Người đàn bà trở nên “*hiền hậu đúng mực*” chứ không “*chao chát, chông lón*” như lúc ở chợ tỉnh nữa... Đây cũng là những phát hiện tinh tế của nhà văn Kim Lân.

- Đánh giá hai ý kiến.

+ Hai ý kiến đều đúng, không mâu thuẫn bài trừ nhau mà bổ sung cho nhau góp phần làm sáng tỏ nội dung của tác phẩm. Ý kiến thứ nhất nhấn mạnh đến bức tranh hiện thực của tác phẩm. Ý kiến thứ hai nhấn mạnh giá trị nhân đạo của tác phẩm. Qua đó thể hiện ngòi bút tinh tế cũng như sự thấu hiểu tâm lí, đời sống người nông dân của nhà văn Kim Lân.

c. Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề và đánh giá về thành công của tác giả, tác phẩm trong tiến trình Văn học Việt Nam.

+ Bằng trái tim nhân hậu, sự am hiểu và nghệ thuật phân tích tâm lý tinh tế, qua nhân vật của mình, nhà văn Kim Lân đã dựng lên được bức tranh chân thực, sinh động của nạn đói khủng khiếp năm 1945; đồng thời, đề cho vẻ đẹp nhân đạo thấm sâu trong tác phẩm qua cách con người đối với nhau, làm cho nhau, tình thương, sự thông cảm, những đổi thay trong tâm tư, tính cách con người trước hạnh phúc... Qua truyện ngắn *Vợ nhặt*, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945. Nhưng hiện thực đó chỉ là phông nền, là hoàn cảnh để vẻ đẹp tâm hồn của con người, tình yêu thương của những con người giành cho nhau tỏa sáng đẹp đẽ.

ĐỀ SỐ 30

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu.

*Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tơi và lúa ở
Đồng-nàng và lúa ở đồng anh*

*Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình
Khỏi lữ tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thất lưng xanh.*

(Mùa xuân xanh, Nguyễn Bình, Theo Thơ Nguyễn Bình, NXB Giáo dục, 2002)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ. .

Câu 2. Bài thơ đã gọi tả những sắc xanh gì? Qua đó, tác giả đã thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân như thế nào? .

Câu 3. Anh/chị có nhận xét gì về nghệ thuật của hai câu thơ *Lúa ở đồng tơi và lúa ở/ Đồng-nàng và lúa ở đồng anh?* .

Câu 4. Có ý kiến cho rằng, hai câu thơ *Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh/ Tôi đợi người yêu đến tự tình* có màu sắc triết lí. Anh/ chị có đồng ý với nhận xét trên không? Vì sao? .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Thời gian ngồi trên ghế nhà trường là một trong những quãng đời đẹp nhất của mỗi người. Tuy nhiên, quãng thời gian đẹp đẽ ấy đang dần bị phá hoại bởi sự xuống cấp của văn hóa ứng xử trong trường học.

Là một học sinh, anh chị có suy nghĩ gì về sự xuống cấp trên? Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày những suy nghĩ đó.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích nhân vật Mai (*Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành) và chị Chiến (*Những đứa con trong gia đình* – Nguyễn Thi) để thấy vẻ đẹp tâm hồn và tinh thần cách mạng của người con gái Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm .

Câu 2. Bài thơ đã gọi tả sắc xanh từ mọi tầng không gian, từ cao xuống thấp, từ gần ra xa: *màu xanh của bầu trời, của lá cây, xanh của đồng lúa, của lũy tre...* Các màu xanh này giao hòa, lan tỏa và nổi bật nhất là *màu xanh từ thất lung của cô gái*. Qua đó tác giả đã thể hiện vẻ đẹp tươi mới, căng tràn sức sống của mùa xuân và mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người .

Câu 3. Hai câu thơ *Lúa ở đồng tôi và lúa ở/ Đồng nàng và lúa ở đồng anh* được viết theo lối vắt dòng, tạo nên được sự tiếp nối, lan tỏa, giao hòa của những sắc xanh. Từ “và” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh cảm xúc của nhà thơ .

Câu 4. Câu hỏi mở, thí sinh có thể đồng ý/ không đồng ý với ý kiến trên. Nếu đồng ý, thí sinh có thể trình bày ý nghĩa của hai câu thơ: Trên nắm mộ gọi về cõi chết, sự sống (thể hiện qua hình ảnh *cỏ*) đang được hồi sinh và tình yêu, sự sinh sôi cũng được bắt đầu.

Chú ý, dù đưa ra ý kiến nào thì thí sinh cũng phải lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Giáo viên linh động cho điểm. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:
+ Văn hóa học đường được hiểu là cách ứng xử giữa học sinh và học sinh, học sinh và thầy cô trong môi trường học đường. Biểu hiện của văn hóa học đường rất phong phú: đó là cách đi đứng, xưng hô, cách trò chuyện, là hành vi cư xử giữa bạn bè đồng trang lứa cũng như giữa thầy và trò.

+ Tình trạng xuống cấp của văn hóa học đường được hiểu là tình trạng xuống cấp trong lối giao tiếp, ứng xử giữa học sinh và học sinh, học sinh và thầy cô. Đây là tình trạng diễn ra ở nhiều nơi và đang dấy lên một hồi chuông cảnh báo.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Thực trạng:

Sự xuống cấp trong văn hóa học đường thể hiện rõ nét trong cách trò chuyện giữa học trò với học trò. Nạn bạo lực học đường diễn ra ngày càng nhiều.

Việc học sinh chấp hành các nội quy của nhà trường cũng dần trở nên lỏng lẻo.

Mối quan hệ giữa thầy và trò cũng đang dần xuống cấp. Việc học sinh vô lễ với thầy cô không còn trở nên xa lạ.

+ Nguyên nhân:

++ Thanh thiếu niên là một trong những giai đoạn đặc biệt của tâm lý. Đây là độ tuổi nhạy cảm trước những biến động của cuộc sống, nhanh tiếp thu những cái mới, bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tác động bên ngoài. Thanh thiếu niên cũng là những người dễ bị kích động và khó kiểm soát được hành vi của bản thân.

++ Một bộ phận giới trẻ chưa nhận thức đầy đủ về tiếp thu văn hóa ngoại lai trong quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa quốc tế của đất nước, chưa có ý thức rõ ràng về cần phải tiếp thu cái gì và nên lưu giữ những cái gì để phát huy những giá trị văn hóa của cha ông để lại.

++ Văn hóa học đường trong nhà trường đang bị tác trò chơi trực tuyến online gây ảnh hưởng bằng những ngôn ngữ nói chuyện bạo lực và thiếu văn hóa, tác động trực tiếp đến cách ứng xử, giao tiếp không chuẩn mực của lứa tuổi học trò và gây ra những vụ bạo lực học đường.

++ Nhiều phụ huynh chỉ mãi mê làm kinh tế mà chưa thực sự quan tâm đến con cái. Bản thân nhiều bậc cha mẹ cũng chưa thực sự trở thành một tấm gương tốt cho các con noi theo.

++ Nhiều nhà trường còn chỉ chú trọng vào việc truyền thụ kiến thức, giúp các em vượt qua các kì thi của Bộ mà chưa thực sự quan tâm đến việc rèn dũa, bồi đắp đạo đức, giúp các em vượt qua các kì thi của chính cuộc đời. Bên cạnh đó, nhiều giáo viên cũng chưa có kinh nghiệm giải quyết các tình huống sư phạm, chưa thực sự chuẩn mực trong hành vi, lời nói.

++ Bên ngoài xã hội, việc những người lớn cư xử thiếu văn hóa cũng là một trong những nguyên nhân khiến văn hóa học đường đi xuống. Toàn xã hội cũng chưa có những chương trình, biện pháp cụ thể nhằm nâng cao văn hóa trong môi trường học đường hiện nay.

+ Biện pháp: để nâng cao văn hóa học đường, cần có sự chung tay góp sức của cả cộng đồng. Nâng cao văn

hóa học đường cũng không phải là việc ngày một, ngày hai mà cần phải được thực hiện kiên trì liên tục, trong một thời gian dài.

- Bình luận:

+ Mọi hành xử về văn hóa đều bắt nguồn từ ý thức kỷ luật và lòng tự trọng. Bởi vậy, việc trang bị cho mình ý thức kỷ luật và lòng tự trọng là điều hết sức quan trọng.

+ Không chỉ ở môi trường học đường mà cả khi ra ngoài xã hội, học sinh cũng cần phải thể hiện tâm văn hóa của mình thông qua những hành động lễ phép, tôn trọng luật pháp và những người xung quanh.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi là hai nhà văn của người nông dân miền Nam trong kháng chiến chống Mĩ. *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong gia đình* là những truyện ngắn tiêu biểu của văn học cách mạng Việt Nam 1945- 1975, mang đậm chất sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Qua hai thiên truyện, tác giả đã giúp người đọc khám phá, khám phục, tự hào trước vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của những cô gái bình thường, giản dị mà anh dũng, kiên cường và rất mực trung thành thủy chung với cách mạng. Vẻ đẹp anh hùng ấy được thể hiện độc đáo qua hai hình tượng nhân vật là Mai và Chiến.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về hai tác phẩm.

+ Truyện *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành lần đầu tiên được đăng trên Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng miền Trung Trung Bộ*, số 2 năm 1965. Truyện mang đậm tính sử thi, gợi lên một không khí núi rừng thiêng liêng huyền thoại. Cuộc đấu tranh vũ trang của dân làng Xô Man chống Mĩ - Diệt diễn ra vô cùng ác liệt. Nhân vật Mai trong tác phẩm không được khắc họa nhiều nhưng đã hiện lên vẻ đẹp của một người con gái Tây Nguyên trong kháng chiến: tình yêu Cách mạng, tình yêu gia đình và một bản lĩnh kiên cường, bất khuất.

+ *Những đứa con trong gia đình* là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Thi. Tác phẩm được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác với tư cách là một nhà văn - chiến sĩ ở Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng* năm 1966. Có thể nói Nguyễn Thi là một trong những nhà văn thành công nhất khi viết về hình tượng người phụ nữ Nam Bộ "giỏi việc nước, đảm việc nhà". Trong chiến đấu họ anh dũng, kiên cường, trong gia đình họ đảm đang, nhân hậu. Nhân vật Chiến

đã thay má nuôi nấng và dạy dỗ các em... rồi lại tòng quân đánh giặc. Ở chị là kết tinh những phẩm chất đẹp đẽ nhất của người con gái Việt Nam.

- Phân tích hai nhân vật.

+ Nhân vật Mai:

++ Sớm giác ngộ cách mạng, từ nhỏ đã cùng Tú nuôi giấu cán bộ.

++ Thuở bé, Mai đã và rừng tiếp tế và bảo vệ cán bộ. Mai học chữ rất giỏi, ba tháng đọc được chữ, sáu tháng làm được toán hai con số...

++ Khi đã trở thành người vợ, người mẹ, Mai đã dũng cảm lấy thân mình để bảo vệ đứa con thơ, và chị đã bất khuất hi sinh trước trận mưa cây sắt của thằng giặc khát máu...

+ Nhân vật Chiến:

++ Hoàn cảnh xuất thân: Chiến sinh ra và lớn lên trong môi thù nhà, nợ nước: ông nội, ba má đều bị giặc giết. Do vậy, dù còn ít tuổi nhưng Chiến đã thay cha mẹ quán xuyến công việc trong nhà và hun đúc quyết tâm giết giặc báo thù.

++ Những nét miêu tả về ngoại hình: Chiến mang vóc dáng của má: "*hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng... thân người to và chắc nịch*". Vẻ đẹp phụ nữ mà Nguyễn Thi ưa thích tồn tại trong đứa con mà người mẹ ấy sinh thành. Đó là vẻ đẹp của những con người sinh ra để gánh vác, để chống chọi, để chịu đựng và để chiến thắng.

++ Tính cách: vừa trẻ con vừa người lớn.

+++ Trẻ con: Tranh đi bộ đội với em.

Rồi đến cái ngày hai chị em đăng kí đi bộ đội, Chiến đã tranh đi với em - một lẽ vì thương em còn nhỏ nhưng một lẽ Chiến vẫn còn trẻ con: *Tao lớn tao mới đi, mày còn nhỏ, ở nhà phụ làm với chú Năm, qua năm hãy đi, Để nghị mấy anh xét lại cho. Nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành*.

+++ Người lớn: biết thu vén chuyện nhà, lo toan chu đáo "giống y như má vậy".

Chị tính toán từ những việc "thòn mòn" nhỏ nhặt, cho đến những công việc lớn của gia đình như chuyện làm giỗ cho ba má, chuyện chuyển bàn thờ má đi đâu để có người khói hương chăm sóc. Hoàn cảnh ấy khiến cho Chiến có cách tính toán, sắp xếp của người mẹ. Đến nỗi chị trong một khoảng thời gian ngắn ngủi trong đêm, Việt đã không dưới ba lần thấy chị giống in má, có khác chỉ là ở chỗ chị "*không bẻ tay rồi đập vào bắp vế than mới*" mà thôi.

++ Tinh thần quả cảm, ý chí chiến đấu quật cường của một cô gái gan góc.

Chiến mượn lời chú Năm để nhắc nhở em trước khi lên đường: *Chú Năm nói mầy với tao đi kì này là chân trời mặt biển, xa nhà thì ráng học chúng học bạn, thù cha mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu.* Đồng thời trong giây phút thiêng liêng ấy Chiến cũng muốn thể hiện quyết tâm để thực hiện lời thề như dao chém đá của mình: *Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất.*

- Nhận xét, đánh giá về hai nhân vật.

+ Giống nhau: Cả hai đều là những người con gái trẻ tuổi nhưng sớm đã giác ngộ cách mạng, mang một tình yêu lớn đối với cách mạng, có ý chí quyết tâm mãnh liệt đấu tranh chống lại kẻ thù. Họ không chỉ là một người chiến sĩ dũng cảm, gan góc ngoài mặt trận mà hơn hết họ còn là những người con gái của gia đình: giàu tình yêu thương, lòng trắc ẩn...

+ Khác nhau:

++ Mai là người con gái của núi rừng Tây Nguyên, bản lĩnh rắn rỏi nhưng Mai chưa nhận thức được chân lí cách mạng mà sau này cụ Mết đã nói (Chúng nó đã cầm súng thì mình phải cầm giáo) nên Mai bất lực ôm con thơ chết dưới đòn roi của kẻ thù.

++ Chiến là người con gái của Nam Bộ, bộc trực, thẳng thắn, gánh trên vai món nợ nước thù nhà nên sớm

đã nhận thức rõ mình cần làm gì để bảo vệ gia đình... Do vậy Chiến quyết tâm đi bộ đội với một nhận thức tất yếu "Nếu giặc còn thì tao mất"...

- Đánh giá chung:

+ Mai trong *Rừng xà nu* và Chiến trong *Những đứa con trong gia đình*, họ đều là những con người yêu quê hương đất nước, gắn bó với buôn làng, với gia đình, với người thân yêu. Tình yêu Tổ quốc của họ bắt đầu từ những tình cảm bình dị đó, cho nên nó càng bền bỉ, càng có sức mạnh lớn lao khiến kẻ thù phải run sợ. Tinh thần quả cảm, kiên cường của họ cũng chính là tinh thần của cả dân tộc Việt Nam, là biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

3. Kết bài :

+ Nhân vật Mai và Chiến đã trở thành hình mẫu tiêu biểu cho vẻ đẹp của người con gái Việt Nam trong kháng chiến kiến quốc: Bình thường giản dị nhưng lại có tầm vóc phi thường của con người thời đại chống Mỹ cứu nước.

+ Hai truyện gắn với giọng kể chuyện giản dị, xây dựng đối thoại tự nhiên và nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc đã để lại ấn tượng khó quên về cách nhân vật này. Đồng thời qua hai nhân vật Mai và Chiến, ta còn phát hiện sâu sắc về sự trưởng thành của thế hệ trẻ Việt Nam trong chiến đấu, điều đó góp phần khẳng định niềm tin vào một ngày mai tất thắng.

ĐỀ SỐ 31

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên toàn cầu hóa với tất cả sự phức tạp của thời cơ và nguy cơ, vận hội và thách thức đan xen, chuyển hóa khôn lường; hoặc là tụt hậu, tức là bị bỏ rơi hoặc là bứt phá, vươn lên để bắt nhịp cùng thời cuộc, làm chủ vận mệnh của mình, mà nếu dừng lại chính là tụt hậu. Mà tụt hậu, nhất là về kinh tế, đó là nguy cơ mà tròn hai mươi năm trước, tháng 1-1994, Đảng ta đã cảnh báo và suốt hai thập niên cả dân tộc nỗ lực không ngừng để vượt qua.

(2) Do đó, hơn bao giờ hết, con đường duy nhất đúng đắn là chúng ta phải vươn lên, đưa đất nước phát triển bền vững, khi nhịp chân nhân loại không chờ đợi bất cứ ai, cuộc cạnh tranh toàn cầu luôn tiềm ẩn nguy cơ "mất còn", không quốc gia, dân tộc nào là ngoại lệ, làm cho tương quan lực lượng giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới thường xuyên thay đổi. Tụt hậu là bị toàn cầu hóa lướt qua, nhấn chìm, tất yếu khó tránh khỏi rơi vào lệ thuộc, trở thành "sân sau" của người khác, sẽ không thể nào cải thiện, nâng cao được đời sống của nhân dân. "Thực túc, binh cường", nếu tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền của đất nước, khó có thể có được chỗ đứng xứng đáng trên trường quốc tế, hướng chi là về vang sánh vai với các cường quốc năm châu.

(Trương Tấn Sang, Lòng dân là quốc bảo lợi ích quốc gia là mục tiêu tối thượng,
trích từ Nguyên văn bài viết chào mừng năm mới 2015 của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang).

Câu 1: Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đặt ra vấn đề gì trong đoạn trích trên? .

Câu 2: Đoạn trích thể hiện những băn khoăn, trăn trở của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang về đất nước. Chỉ rõ những băn khoăn, trăn trở đó. .

Câu 3: Chỉ ra thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích (2). Phân tích nội dung của thao tác lập luận đó. .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về những điều mà Chủ tịch nước Trương Tấn Sang dặn dò trong ngày đầu năm mới 2015. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Những trí óc đóng chặt đáng sợ hơn nhiều những cánh cửa đóng chặt.

(Frank Tyger)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về câu nói trên

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích tình huống truyện độc đáo của tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân). Thông qua câu chuyện vợ nhặt, anh/ chị hãy bày tỏ suy nghĩ về nhận định sau: *Sự sống này sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh, gian khổ. Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy.* (Mùa lạc – Nguyễn Khải).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Vấn đề chính được Trương Tấn Sang đề cập đến trong lời phát biểu trên là: Chỉ ra con đường phát triển lâu dài và bền vững của đất nước ta là phải hội nhập với xu thế chung của thế giới từ tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa, không để đất nước bị tụt hậu với các nước khác, trở thành “sân sau” của các nước khác như chính cách nói của ông.

Học sinh trả lời chi tiết như trên mới được điểm. Trả lời chung chung không được điểm. .

Câu 2: Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã băn khoăn, trăn trở về những điều sau:

- Kỹ nguyên toàn cầu hóa có nhiều sự phức tạp của thời cơ và nguy cơ trước mắt. Nhất là về kinh tế là điều mà nhân dân ta đã nỗ lực vượt qua, còn thời điểm hiện tại đất nước ta vẫn còn coi đó là thách thức.

- Ngoài vấn đề về kinh tế, tụt hậu còn là bị toàn cầu hóa lướt qua, trở thành “sân sau” của người khác, đời sống nhân dân sẽ khó khăn. Nếu tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền của đất nước. .

Câu 3: Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn (2) là thao tác chứng minh.

Cụ thể: Chứng minh nếu đất nước không biết nắm bắt thời cơ của quá trình toàn cầu hóa, không hội nhập theo xu thế chung của thế giới thì sớm trở thành tụt hậu về kinh tế, chính trị, quân sự.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã đưa ra những nhận định vô cùng cần thiết và đúng đắn trong thời điểm hiện tại

- Thể hiện cách nhìn xa trông rộng của ông đối với tình hình đất nước. Qua đó cho thấy lòng yêu nước của ông.

- Học sinh có thể liên hệ tới những Chủ tịch nước nhiệm kì trước đó để thấy được sự tiếp nối truyền thống quý báu của dân tộc ta trong vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng xu thế toàn cầu hóa một cách nhanh nhạy và kịp thời.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: Bằng thủ pháp so sánh, Frank Tyger đã phê phán sâu sắc những con người bảo thủ về tư tưởng, không chịu lắng nghe những ý kiến từ bên ngoài.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Cuộc sống luôn vận động và phát triển. Những kiến thức, những suy nghĩ của ngày hôm nay, có thể đến ngày mai đã trở nên sai lầm, lạc hậu. Bên cạnh đó, mọi chân lý đều mang tính tương đối. Không có điều gì là tuyệt đối chính xác, cũng không có điều gì là tuyệt đối sai lầm. Bởi vậy, việc nhìn nhận vấn đề một cách cởi mở là điều hết sức quan trọng trong cuộc sống ngày nay.

+ Những cái mới, những cái sinh sau thường là những cái phù hợp hơn với sự phát triển của xã hội. Tiếp thu những cái mới, có như vậy, con người mới có thể tiến bộ, theo kịp sự phát triển của thời đại. Ngược lại, những kẻ bảo thủ, không biết chấp nhận cái mới, tiếp thu cái mới thì khó lòng có thể bắt nhịp với đời sống hiện đại.

+ Bảo thủ, không chịu lắng nghe những ý kiến góp ý của người khác, con người sẽ không bao giờ nhận biết được cái sai, cái thiếu sót của mình để từ đó sửa chữa và thay đổi. Những người giữ tư tưởng bảo thủ luôn cảm thấy bất an, lo sợ trước những cái mới.

+ Tư duy tức là tồn tại. Bởi vậy, không tư duy, không suy nghĩ, làm việc dập khuôn, thiếu sáng tạo, con người sẽ biến thành những cỗ máy khô cứng. Mãi giữ một nếp nghĩ, con người không thể đạt được những mục đích lớn trong cuộc đời.

+ Những kẻ bảo thủ thường làm mất lòng người khác, gây mất đoàn kết trong tập thể, cản bước tiến, bước phát triển của tập thể. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, định kiến của những kẻ bảo thủ còn gây ra tổn thương, đau buồn cho những người xung quanh.

- Phê phán:

+ Có nhiều kẻ bảo thủ, giữ những định kiến thiên lệch để phán xét một con người, phán xét một sự kiện. Họ giữ những nếp nghĩ lạc hậu, cổ hủ và cương quyết chống lại những cái mới. Những kẻ đó là những viên gạch ngăn cản sự phát triển của xã hội.

+ Ngược lại, cũng có có nhiều bạn trẻ chạy theo lối sống phương Tây, chạy theo những trào lưu nhất thời mà chối bỏ truyền thống của dân tộc. Thiếu cân nhắc trong

việc tiếp thu cái mới, đánh mất cái gốc của văn hóa dân tộc, những con người này cũng dễ bị trôi đi, hòa tan trong một thế giới nhiều màu sắc và đổi thay từng ngày.

- Bình luận:

+ Cuộc sống hiện đại thay da đổi thịt từng ngày. Nhiều tư tưởng mới mẻ, lối sống mới mẻ xuất hiện trong đời sống. Tuy nhiên, không phải ai cũng sẵn sàng để chấp nhận sự thay đổi đó. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa, con người dùng những thành trì định kiến để chống lại cái mới, vùi dập cái mới. Trước mọi cái mới, trước hết, con người cần phải có thái độ tôn trọng, tìm hiểu một cách khách quan, nghiêm túc. Tích cực đổi mới tư duy là chìa khóa của mọi thành công.

+ Mở cửa tư duy không đồng nghĩa với việc chạy theo trào lưu, chối bỏ hoàn toàn những thứ thuộc về truyền thống.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nguyễn Khải từng tâm sự: “Là học trò của cụ Nguyễn Tuân, tôi vẫn không tin Nguyễn Tuân viết *Chữ người tử tù* cũng như Kim Lân viết *Làng*, *Vợ nhặt*. Đó không phải là người viết mà là thần viết. Thần mượn tay người để viết nên những trang bất hủ”. Truyện ngắn *Vợ nhặt* xứng đáng với lời khen đó. Tác phẩm tái hiện lại bức tranh nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu nhưng cao cả hơn những cái đói, cái chết rình rập là *đẹp tiềm ẩn của những người dân nghèo sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ*. Sẽ không là nói quá khi định danh *Vợ nhặt* là tác phẩm viết hay nhất về nạn đói, làm nên thành công đó có lẽ là nghệ thuật xây dựng tình huống truyện cực kỳ đặc sắc của nhà văn.

2. Thân bài:

- Khái niệm tình huống truyện và tình huống truyện *Vợ nhặt*

+ “Truyện ngắn đầu sao cũng phải ngắn, do đó thủ thuật chủ yếu của truyện ngắn là thủ thuật điểm huyệt. Truyện ngắn điểm huyệt thực hiện bằng cách nắm bắt trúng những tình huống cho phép phơi bày cái chủ yếu nhưng lại bị che giấu trong muôn mặt cuộc sống hằng ngày” (Nhà văn Nguyên Ngọc). Đối với truyện ngắn, tình huống giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại, nó chính là cái hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất. Bên cạnh đó, từ tình huống truyện, các sự kiện, biến cố của cốt truyện được phát triển, tính cách

nhân vật được bộc lộ. Việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong tình huống truyện sẽ bộc lộ rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm và dụng ý nghệ thuật của tác giả. Việc sáng tạo nên các tình huống độc đáo biểu hiện khả năng quan sát, khám phá bản chất cuộc sống, bản chất con người của nhà văn.

- Nét đặc sắc trong tình huống truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân.

+ Bàn về giá trị con người, nhà văn M.Gorki đã bày tỏ niềm tự hào, kiêu hãnh, niềm tin yêu, trân trọng con người đến sùng bái: “Cao cả thay chức vị làm người trên Trái Đất!”, “Tất cả ở trong con người, tất cả vì con người [...] Con người! Tiếng ấy thật tuyệt diệu! Tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao!”. Vậy mà trong tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân, con người lại có thể được nhặt một cách dễ dàng. Vì vậy tình huống truyện *Vợ nhặt* hiện lên ngay từ nhan đề, gợi lên sự chua xót, mai mỉa, một nỗi đau không thể nói thành lời.

++ Nhan đề là cách gọi tên cho nội dung của tác phẩm. Ở đây, nhan đề *Vợ nhặt* của Kim Lân thể hiện được thâm cảnh sự khốn khổ của con người trong nạn đói, nó gọi tên cho cuộc đời của người đàn bà hóa thân thành vợ nhặt. Sự kết hợp mang tính mâu thuẫn giữa danh từ “vợ” – thể hiện mối quan hệ rất thiêng liêng, trang trọng trong đời sống của con người – với động từ “nhặt” – là hành động người ta thu lượm những sự vật ít giá trị điều đó cho thấy sự rẻ mạt đến ê chề của thân phận con người trong nạn đói. Nếu nhan đề câu chuyện là *Nhật vợ* thì người vợ nhặt kia còn có giá trị khi hiện thực hóa cho hành động đi nhặt của Tràng nhưng *Vợ nhặt* thì mất hết tất cả. Nạn đói khiến cho tình cảnh của con người trở nên thê thảm, cho người khác nhặt mình về làm vợ. Nhan đề đó cũng tạo ra sự độc đáo, hấp dẫn riêng cho câu chuyện, khiến cho người đọc tò mò, hứng thú muốn đi tìm lời giải đáp cho những thắc mắc của mình về một câu chuyện có vẻ lạ tai.

++ Qua nhan đề, Kim Lân đã phản ánh được tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp do thực dân phong kiến gây ra. Đó là sự đen tối, bế tắc của xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Nhưng dù rơi vào hoàn cảnh khốn cùng đến đâu, con người vẫn yêu thương, trân trọng, đùm bọc lẫn nhau mà không người khát vọng, niềm tin vào tương lai dù họ đang ở trong tình cảnh nghiệt ngã nhất.

+ Sự hấp dẫn của truyện ngắn là nghệ thuật xây dựng tình huống lạ, độc đáo, bất ngờ. Nếu coi tình huống là

một sự kiện có ý nghĩa bộc lộ các mối quan hệ, khả năng ứng xử, thử thách phẩm chất, tính cách, đôi khi tạo ra những bước ngoặt trong tư tưởng, tình cảm trong cuộc đời nhân vật thì tình huống truyện trong *Vợ nhặt* của Kim Lân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó. Kim Lân đã xây dựng được tình huống độc đáo, éo le và đầy nghịch lí. Đó là tình huống nhân vật Tràng nhặt được vợ giữa cảnh đói khát khủng khiếp, người chết đói đầy đường và chính Tràng cũng đang trong tình cảnh bấp bênh, chới với đói. Không những thế, câu chuyện có được vợ của Tràng cũng đem lại sự ngạc nhiên cho nhiều người: những người dân trong xóm ngụ cư, bà cụ Tứ và ngay chính cả bản thân Tràng nữa. tình huống đã tác động đến diễn biến tâm trạng và hành động của các nhân vật đồng thời bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

+ Bối cảnh xây dựng tình huống truyện:

Bối cảnh rộng lớn nhất để cho một tình huống này xuất hiện chính là nạn đói khủng khiếp 1945 và qua đây ta thấy được số phận bi thảm của con người. Chính Kim Lân đã công khai ý đồ sáng tác của mình “trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh khốn khổ nào người nông dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm ảm đạm mà vui vẻ mà hi vọng” (*Báo Văn nghệ* - số 19-1993). Hiện thực cho ý đồ nghệ thuật đó, Kim Lân đã diễn tả nạn đói có một không hai trong lịch sử dân tộc bằng những chi tiết cụ thể, chân thật và giàu ý nghĩa nghệ thuật:

++ Bức tranh nạn đói được tác giả miêu tả rất chi tiết, nó có những đường nét cụ thể, có màu sắc, ánh sáng, âm thanh, mùi vị nhưng tất cả hòa lẫn vào cái đói. Hình ảnh nổi bật trên phông nền của *Vợ nhặt* là những hình ảnh gợi về cõi chết mênh mông với những gốc đa, gốc gạo xù xì, những cánh quạ vẫn trên nền trời như những đám mây đen. Ngôi nhà của Tràng thì siêu vẹo, méo mó. Phía ngoài xa dòng sông trắng uốn khúc trong cánh đồng tối mênh mông dường như không có dấu hiệu của sự sống, tất cả đều ám chỉ cho cõi chết.

++ Trên phông nền đó, bóng dáng của con người cũng thoi thóp, nhỏ nhoi, cả người sống và người chết đều nằm trong guồng quay của nạn đói. “Khuôn mặt hốc hác, u tối”; “Những lũ người dật dừ, bồng bềnh đi ăn xin như những bóng ma”. Thảm hại hơn “họ nằm ngổn ngang khắp lều chợ”, “người chết như ngã rạ”, “không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi, mùi gây của xác người”. Trong bức tranh này, dù có sự xuất hiện của con người, nhưng dường như sự sống yếu ớt đó không lấn át được sức lan tỏa của cái đói, cái chết.

++ Màu sắc và mùi vị: Từ đầu cho đến cuối tác phẩm dường như không có sắc màu nào tươi tắn. Nó chỉ là màu xám của ngã tư xóm chợ về chiều, màu tối mênh mang của cánh đồng, hai bên dãy phố thì úp xúp tối tăm và không nhà nào có đèn lửa. Những nét vẽ chi tiết ấy của Kim Lân đã dựng lên hoàn chỉnh bức tranh nạn đói năm ấy, nó được điểm tô với một mùi vị rất riêng. Đó là mùi ẩm mốc của rác rưởi, mùi gây của xác người và mùi đốt đồng rậm khét lẹt với vị cảm chất xít nơi đầu lưỡi của anh cu Tràng. Chỉ chừng đó thôi bức tranh này đã khiến cho người đọc cảm thấy xót xa, cay đắng cho thân phận con người trong nạn đói. Để mở rộng thêm chiều liên tưởng, nhà văn còn gọi lên bằng những âm thanh cụ thể: là tiếng quạ kêu thê thiết, tiếng hờ khóc ti tê của những gia đình có người chết đói, tiếng trống thúc thuế đầu làng xen lẫn vào những giọt nước mắt của bà cụ Tứ.

Tiểu kết: Rõ ràng Kim Lân phải rất bản lĩnh và cứng rắn mới có đủ dũng khí để vẽ nên bức tranh nạn đói năm ấy. Có lẽ không nên gọi đây là bức tranh cuộc sống vì cái chết đang thống trị, tràn ngập còn sự sống thì thoi thóp, mờ nhạt. Ấy vậy mà trong tình cảnh đó, nhân vật Tràng lại có được vợ. Đây có thể coi là kì tích đối với nhân vật này và tạo nên sự hấp dẫn, độc đáo cho thiên truyện.

+ Tình huống truyện tạo được sự độc đáo cho thiên truyện:

++ Tác phẩm nói về câu chuyện đến với hạnh phúc lứa đôi của Tràng. Vốn dĩ nó không có gì đặc biệt vì dựng vợ gả chồng là công việc đời thường của con người khi đến tuổi trưởng thành nhưng chuyện nhặt vợ của Tràng như một kì tích. Anh ta không cần mai mối đưa đám, không cần tiền cưới treo mà chỉ cần hai lần gặp gỡ, một câu nói bông đùa và bốn bát bánh đúc, thế là Tràng có người theo không mình. Càng độc đáo hơn nữa khi bản thân anh cu Tràng hội tụ đầy đủ những đặc điểm để anh ta sẵn sàng ế vợ. Tràng xấu xí, hai con mắt tí hí cứ nhìn thẳng vào rắng chiều; anh ta lại là dân xóm ngụ cư vừa nghèo lại vừa ngờ nghệch. Nếu chỉ có một trong các đặc điểm trên đã đủ cho Tràng ế vợ nhưng ở đây anh ta lại hội tụ đầy đủ mọi điều kiện vì vậy mà việc có vợ với Tràng là một ước mơ xa xỉ. Cho nên, việc có vợ với Tràng là một huyền thoại, ấy thế mà nạn đói đã hóa giải tất cả để giấc mơ của Tràng thành hiện thực, Tràng dường như dẫn người vợ nhặt trở về xóm ngụ cư với vẻ mặt hơn hờ khác thường.

+ Tình huống truyện còn tạo ra sự éo le, nghịch lí:

++ Việc lấy vợ của Tràng trong câu chuyện này tạo ra những nghịch lý trong cuộc sống giữa cái đói đang hoành hành, cái chết đang thống trị, con người tìm mọi cách để bầu vịu vào sự sống vậy mà Tràng lại lấy vợ, gia đình anh sẽ có thêm một miệng ăn, cái đói, cái chết sẽ càng cận kề hơn. Không chỉ thế “Người ta chỉ dựng vợ gả chồng những lúc gia đình ăn lên làm nổi”, Tràng lại lấy vợ khi cái chết đang kề bên cho nên đối diện với cuộc sống mới mẻ của Tràng, bà cụ Tứ không thể giấu nổi những giọt nước mắt xót xa, cay đắng.

++ Việc Tràng đưa vợ nhặt trở về xóm ngụ cư đã mang theo những cảm xúc trái ngược nhau, cả những nụ cười, những giọt nước mắt cả niềm hạnh phúc và nỗi tủi hờn. Đó là nụ cười sung sướng của Tràng khi anh ta có vợ, là ánh mắt cười hồn nhiên của những đứa trẻ trong xóm ngụ cư. Song những giọt nước mắt lại chan chứa xót xa, người dân trong xóm thông cảm cho Tràng, họ nín lặng “Giời đất này biết cái thân mình có nuôi nổi không lại còn rước thêm nợ đời”. Cả bà cụ Tứ cũng không ngăn nổi những dòng nước mắt chua cay, bà tủi thân và thương cho các con, chúng lấy nhau trong nạn đói “liệu chúng có qua nổi cái tao đoạn này không”.

++ Tình huống truyện càng có vẻ éo le hơn khi nó là mối tình duyên được se tơ từ nạn đói vì nếu không có nạn đói chẳng bao giờ Tràng mơ đến ngày cưới được vợ về nhà nên buổi chiều ở xóm ngụ cư là những cảm giác ngạc nhiên tốt đẹp. Người dân trong xóm bắt ngờ vì anh cu Tràng đi cùng với người đàn bà lạ mà “trông chị ta thên thẹn hay đáo để”. Bà cụ Tứ còn ngạc nhiên hơn nữa vì người đàn bà lạ đó lại ngồi ở đầu giường con trai bà, lại chào bà bằng “U” (mà không phải con cái Đục). Bản thân anh cu Tràng cũng ngạc nhiên về việc lấy vợ của mình đến khi hạnh phúc đã kề bên mà Tràng ngỡ như không phải. Sáng hôm sau khi tỉnh dậy nhìn thấy mẹ và người vợ của mình quét tước nhà cửa anh ta cứ tưởng mình vừa bước ra từ một giấc mơ. Cái trở trêu và nghịch lý của câu chuyện này chính là ở tình huống đó.

++ Là một câu chuyện của hạnh phúc nhưng cũng đan xen những cảm giác sợ hãi, lo lắng. Tràng đưa người vợ nhặt trở về trong dư âm của cái chết mà buổi chiều của xóm ngụ cư thì xơ xác, tiêu điều, chỉ một vài gốc đa, gốc gạo xù xì với những tiếng quạ kêu thê thiết, tiếng khóc ti tê của những gia đình chết đói, với mùi ẩm mốc của rác rưởi, mùi gầy của xác người và mùi đốt đống rấm khét lẹt. Cái đói bao trùm cả xóm ngụ cư, cả cuộc đời Tràng, nó như muốn nuốt trôi ước mơ hạnh phúc của con người. Còn gì trở trêu, nghịch lý hơn khi Tràng lấy vợ trong nạn

đói và cũng chính nạn đói giúp anh ta hóa giải mọi khuyết điểm, đến hạnh phúc lứa đôi.

Tiểu kết: Viết về sự thật bi thảm của người nông dân trong năm đói, nhà văn không để hoàn cảnh đưa họ tới vực thẳm không cùng, mà trong đói khát, khổ đau, họ vẫn luôn khao khát hạnh phúc. Kim Lân đã dành cho nhân vật của mình những trang văn thật tha thiết, cảm động về hạnh phúc con người, giá trị con người.

+ Tình huống truyện được xây dựng trên bối cảnh buổi chiều chạng vạng, trong khung cảnh tối sẫm, chết chóc đe dọa hạnh phúc lứa đôi, nhưng lại kết thúc vào một buổi sáng khi bình minh lên. Tình huống được vận động từ bóng tối ra ánh sáng, mở ra cho cả gia đình Tràng một tương lai tươi sáng:

++ Ngôi nhà được quét dọn sáng sủa, sạch quang.

++ Nàng dâu mới khác hẳn người đàn bà chồng lớn, tro trên hôm qua, thị đã có một mái ấm, một điểm tựa và trở thành một nàng dâu chăm chỉ, hiền thực, ý tứ.

++ Bà cụ Tứ thấy lòng thay đổi “nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo, u ám của bà cụ rạng rỡ hẳn lên”.

++ Tràng thấy cảm động thấm thía, niềm vui sướng phần chất ngọt tràn ngập tâm hồn, anh thấy yêu và gắn bó với cái tổ ấm của mình biết bao. Nhận thức của Tràng đã lớn lên, anh nghĩ mình phải có trách nhiệm với mái ấm này.

+ Tình huống truyện lạ, độc đáo và để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Tình huống đã làm nổi bật lên hai ý nghĩa:

++ *Vợ nhặt* là lời kết tội danh thép đối với giặc Pháp - Nhật cùng bọn phong kiến tay sai đã đẩy người dân Việt Nam vào nạn đói khủng khiếp năm 1945, mà từ Quảng Trị trở ra, có hai triệu đồng bào ta chết đói.

++ *Vợ nhặt* chứa đựng ý nghĩa nhân bản sâu xa: “Dù ở trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết con người vẫn yêu thương, trân trọng, đùm bọc lẫn nhau, vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng về tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra con người” (Kim Lân).

Đặt các nhân vật vào tình huống độc đáo, nghịch lý, éo le, Kim Lân đã khắc họa thành công các nhân vật với những tâm trạng khác nhau, mỗi người một vẻ; Tràng thì có vẻ mặt hân hoan, tự đắc; người vợ nhặt dường như ngược ngáp, thên thẹn; bà cụ Tứ thì xúc cảm phức điệu hơn: vui mừng, buồn lo, xót xa, tủi hờn... Nhưng trong tình cảnh đói khát, chết chóc kề bên ấy, những con người khốn khổ vẫn biết sống lạc quan trong niềm vui của sự

cuu mang, nương tựa, chăm sóc cho nhau thì thật đáng trân trọng. Từ đó có thể thấy, không một trở lực nào có thể ngăn nổi những con người ấy thôi hi vọng, ước mơ về tương lai tươi sáng. Đó chính là những giá trị tinh đời, tình người mà Kim Lân muốn gửi gắm đến bạn đọc thông qua tác phẩm của mình.

- Liên hệ với nhận định: “*Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh, gian khổ. Ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy*”. (Mùa lạc – Nguyễn Khải).

+ Giải thích ý nghĩa của nhận định: Câu nói đã khẳng định một cái nhìn lạc quan về sự sống, về sức mạnh hồi sinh. Ở đời này, không có những con đường cùng, chỉ có những ranh giới giữa sự sống và cái chết, hạnh phúc và gian khổ hi sinh. Để bước qua ranh giới ấy, ngoài sự hỗ trợ của các yếu tố khách quan thì điều cốt yếu nhất chính là nghị lực, niềm tin của bản thân mỗi người.

+ Chứng minh: Câu chuyện nhật vợ mà Kim Lân kể lại là một minh chứng sinh động cho sức mạnh vượt qua ranh giới khốc liệt của của sống (anh Tràng nhật vợ khi đứng trên ranh giới rất mong manh giữa sự sống và cái chết).

++ Chứng minh qua các tác phẩm cùng thời với *Vợ nhật* (viết ngắn gọn, khái quát).

+++ *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài): Sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong hai nhân vật Mị và A Phủ cùng khát khao thay đổi cuộc sống hiện tại của họ.

+++ *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành): Tiêu biểu ở nhân vật Tnú – một người con anh hùng của đất Tây Nguyên, anh phải chịu bi kịch, đớn đau cả về thể xác lẫn tinh thần. Nhưng gạt đi nỗi đau, vượt lên trên những khó khăn đó, Tnú vẫn một lòng theo Đảng, theo cách mạng, chiến đấu anh dũng, ngoan cường giải phóng quê hương, đất nước.

+++ *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi): Là tấm gương sáng ngời của hai chị em Chiến, Việt – những

đứa trẻ chịu quá nhiều mất mát, thiếu thốn nhưng đã anh dũng chiến đấu và lập công, sống vinh quang xứng đáng với truyền thống gia đình, lịch sử của dân tộc.

++ Chứng minh qua thực tế xây dựng đất nước:

+++ Truyện ngắn *Mùa lạc* phản ánh công cuộc đổi mới xã hội ở vùng đất sau chiến tranh, phản ánh cảnh sống con người trên nông trường Điện Biên. Đào cùng là một trong những người gắn bó với cuộc sống nơi đây. Chính mảnh đất này đã góp phần xây dựng cho cô một sức sống mãnh liệt, một cuộc đời mới.

+ Bình luận mở rộng:

++ Khẳng định những tấm gương trong cuộc sống hiện tại, biết vượt lên gian khổ.

++ Phê phán những người nhụt chí, không biết vươn lên, buông xuôi, đầu hàng số phận.

+ Bài học nhận thức và hành động: Cần phải có nghị lực, niềm tin, trí tuệ để vượt qua những thách thức của cuộc sống.

3. Kết bài :

- Thông qua tình huống truyện, Kim Lân đã thể hiện sâu sắc giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm. Về giá trị hiện thực, tác phẩm thể hiện sâu sắc cảnh sống đói khổ của người dân nghèo trong những năm trước cách mạng đồng thời tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đã gây ra nạn đói, đã khiến con người trở nên liều lĩnh và táo bạo. Trên phương diện nhân đạo, nhà văn đã bày tỏ niềm xót thương sâu sắc đối với những cảnh ngộ đau khổ bị rơi vào tình thế chông chênh trước gió. Song từ sự tăm tối ấy, tác giả đã thể hiện niềm tin của con người trong cuộc sống và một tình người cao cả. Qua đây, ta thấy *Vợ nhật* không đơn thuần viết về nạn đói mà còn thể hiện sự vươn lên của con người trong cuộc sống, một niềm tin mãnh liệt và cả một quan niệm trong cuộc đời: sự sống nảy mầm từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong mất mát, hi sinh nếu con người biết khát khao, hi vọng.

ĐỀ SỐ 32**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Bản thân hương huệ thơm đêm
khói nhang vẽ nẻo đường lên niết bàn
chân nhang lấm láp tro tàn
xăm xăm bóng mẹ trần gian thứ nào

Mẹ ta không có yếm đào
nón mê thay nón quai thao đội đầu
rối ren tay bí tay bầu
váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa

Cái cò ... sung chút đào chua ...
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru...

(Trích *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*, Theo *Thơ Nguyễn Duy*, NXB Hội nhà văn, 2000).

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích. Thể thơ ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình? .

Câu 2. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào qua các câu thơ từ *Mẹ ta không có yếm đào* đến *váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*? .

Câu 3. Theo anh/chị cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ được gợi ý từ đâu. .

Câu 4. Trong hai dòng thơ *ta đi trọn kiếp con người/cũng không đi hết mấy lời mẹ ru...* nhà thơ đã triết lí về điều gì? Anh/chị có đồng tình với triết lí đó không. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Suy nghĩ về việc học, nhà bác học tài danh Albert Einstein đã từng khẳng định: *Điều quan trọng nhất là không ngừng đặt câu hỏi.*

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm hứng bao trùm của thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) là cảm hứng về đất nước, về cách mạng. Anh/ chị hãy phân tích làm rõ những cảm xúc chân thật và lãng mạn ấy qua bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Việt Bắc* của Tố Hữu.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Đoạn trích được viết theo thể thơ lục bát. Thể thơ ấy với nhịp điệu chậm rãi, đều đặn, trầm buồn thích hợp với việc diễn tả tâm trạng buồn, nhớ mẹ của nhân vật trữ tình. .

Câu 2. Thí sinh nêu cảm nhận của mình về hình ảnh người mẹ hiện lên trong bốn câu thơ đã trích theo hướng đó là một người phụ nữ nghèo khổ, lam lũ, vất vả (không có yếm đào, váy nhuộm bìn, áo nhuộm nâu bốn mùa). Giáo viên linh hoạt cho điểm. .

Câu 3. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ được gợi ý từ một câu ca dao. .

Câu 4. Trong hai câu thơ đã dẫn, nhà thơ triết lí về lời ru của mẹ. Lời ru của mẹ thường là những câu tục ngữ, những bài ca dao... với nhịp điệu êm ái, đều đặn không chỉ giúp con ngủ ngon mà còn chứa đựng trong đó cả tình yêu thương vô bờ bến và những mong muốn khát vọng mẹ dành cho con. Chúng ta có khi đến hết cuộc đời cũng không hiểu hết và làm theo được những điều mẹ gửi gắm trong những lời ru đó. Từ đó, thí sinh có thể bày tỏ sự đồng tình hay phản đối với triết lí đó. Câu hỏi mở, giáo viên linh hoạt cho điểm. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:

Nhà khoa học đã khẳng định vị trí quan trọng của câu hỏi trong đời sống của con người. Đây là câu nói được rút ra từ chính những trải nghiệm cá nhân.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Có hàng ngàn mã số những điều về thế giới mà con người chưa biết. Lượng kiến thức của thế giới không những rộng lớn mà còn thay đổi hằng ngày, hằng giờ. Những điều ta biết ngày hôm nay, đến ngày mai đã có thể trở nên lạc hậu, lỗi thời, thậm chí sai lầm.

+ Còn đặt câu hỏi tức là con người còn tư duy. Đặt câu hỏi cho thấy con người phát hiện ra điều chưa ổn, chưa chắc chắn trong những điều mà mình đã biết. Đặt câu hỏi thể hiện con người chưa bằng lòng với những gì

đã biết, khao khát hiểu rõ thêm, biết nhiều hơn, nắm sâu sắc điều mà mình còn chưa rõ.

+ Việc đặt câu hỏi cho con người có động lực để tìm kiếm câu trả lời. Xuất phát từ mong muốn giải quyết những điều mà mình còn chưa biết, chưa rõ, người đặt câu hỏi sẽ tự tìm nghiên cứu, tự tìm tòi hay nhờ đến sự giúp đỡ của những người xung quanh.

+ Kiến thức thu nhận được sau quá trình đặt câu hỏi sẽ được lưu giữ một cách chắc chắn hơn. Đặt câu hỏi tức là con người ở trong tư thế chủ động, tích cực tìm đến với kiến thức.

+ Phê phán

Có một thực trạng đáng buồn trong giáo dục ngày nay, đó là học sinh đến lớp chỉ tiếp thu một cách thụ động các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Giáo viên lên lớp là người “độc tấu”, truyền giảng những vấn đề mang tính lý thuyết khô khan. Nhiều học sinh không chịu tư duy và thụ động trước khối lượng kiến thức. Học sinh không dám thắc mắc vì sợ bị thầy cô mắng, bè bạn chế cười. Chính tâm lý đó đã tạo nên một kiểu học thụ động.

- Bình luận:

+ Trong bối cảnh thế giới đổi thay từng ngày, để theo kịp bước đi của xã hội, con người cần phải liên tục tư duy, không ngừng thắc mắc. Chỉ có tư duy và đặt ra những câu hỏi, kiến thức mà con người thu nhận được mới bền vững và có giá trị.

+ Đối với các bạn học sinh, sinh viên, việc học tập cần phải được thực hiện một cách chủ động hơn. Thay vì thụ động tiếp thu các kiến thức của thầy cô, học sinh, sinh viên cần phải tự tin đặt ra những câu hỏi, không ngần ngại thể hiện những điều mình còn trần trờ, vướng mắc. Có như vậy, kiến thức mới được tiếp thu một cách trọn vẹn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Chưa bao giờ xuất hiện cảm hứng về đất nước, về cách mạng mạnh mẽ và sôi sục như giai đoạn 1945-1954. Hàng loạt các tác phẩm ra đời đánh dấu sự thành công và trưởng thành của những cây đại thụ lớn của nền thơ ca Việt Nam. Cảm hứng chung của nó là ca ngợi về đất nước, về con người trong kháng chiến gian khổ mà hào hùng với cảm xúc thật chân thật và lãng mạn. Trong dàn đồng ca nhiều âm sắc đó thì *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Việt Bắc* của Tố Hữu vang lên như những khúc vĩ thanh trong trẻo về quê hương đất nước Việt Nam.

2. Thân bài:

- Khái quát về thơ ca giai đoạn 1945 – 1954:

+ Đây là thể loại phát triển thành ca trào mạnh hơn cả với nhiều thành tựu nổi bật. Truyền thống yêu thơ của dân tộc và đặc điểm lịch sử cụ thể của chín năm kháng chiến đã quyết định thực tế ấy. Thơ ca giai đoạn 1946 – 1954 thực sự là một giai đoạn sôi nổi đánh dấu bước chuyển mình quan trọng khi hòa vào cuộc sống mới, con người mới. Nhà phê bình Hoài Thanh đã có nhận xét xác đáng: *Hầu hết những người mang ba lô lạng lẽ đi trên các nẻo đường kháng chiến trong một quyển sổ tay nào đó thể nào cũng có ít bài thơ... Trong cuộc chiến tranh nhân dân của chúng ta, tiếng súng, tiếng nhạc, tiếng thơ cùng hòa điệu. (Nói chuyện thơ kháng chiến).*

+ Về nội dung tư tưởng:

++ Thơ ca 1945-1954 luôn gắn bó chặt chẽ, phản ánh chân thực và sinh động hiện thực kháng chiến hoành tráng. Lần giở những trang thơ, có thể gặp lại bước đường của lịch sử. Khác với thơ lãng mạn trước đó, thơ ca kháng chiến phát triển trên nền hiện thực tâm trạng của nhân dân. Từ chỗ Thơ Mới chỉ bộc lộ cái Đẹp trong từng con người riêng lẻ, trường cảm xúc giờ đây được mở rộng; phạm vi phản ánh cũng bao gồm từ nơi sâu kín tâm hồn người cho tới khoảng rộng bao la của cả đất nước, dân tộc.

++ Các thi sĩ đã đưa được không khí thời đại mới mẻ, khỏe khoắn vào thơ. Khuynh hướng sử thi ngày càng nổi rõ. Thơ tập trung thể hiện tâm tình phơi phới tin yêu, lạc quan, tự tin, tự hào của người Việt Nam được giải phóng; những ước mơ, khát vọng cháy bỏng; những sắc thái tình cảm cao cả trong cuộc chiến đấu tuy gian khó nhưng vô cùng anh dũng.

++ Tất cả mọi cảm hứng đều được cách mạng hóa. Cảm hứng thơ chủ yếu hướng ngoại, chú ý nhiều đến tình cảm công dân nên ít nói tới con người trong đời sống riêng tư. Tình yêu lứa đôi cũng như mọi cung bậc tình cảm khác đều được cảm nhận thông qua tình đồng chí.

++ Người lính trở thành hình tượng trung tâm của văn học. Cuộc sống lao động, chiến đấu đều gắn bó nghĩa tình giữa cách mạng và nhân dân. Mọi cảm xúc, suy nghĩ chủ yếu hướng về số phận tổ quốc. Các nhà thơ đặc biệt khơi gợi, đề cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức làm chủ và quyết tâm xả thân (*Đất nước*- Nguyễn Đình Thi; *Bao giờ trở lại* - Hoàng Trung Thông; *Bên kia sông Đuống* - Hoàng Cầm; *Đôi mắt người Sơn Tây* - Quang Dũng).

+++ Tình yêu nước, trước hết, được thể hiện rất đậm nét qua tình cảm đối với những con người trong kháng chiến. Đó là những con người vừa bình thường, chân chất vừa phi thường, chói sáng. Truyền thống cha ông và khí phách của giai cấp vô sản được kết tinh ở người anh hùng thời đại mới. Tiêu biểu hơn cả là hình ảnh người Vệ quốc quân. Tâm cao tư tưởng và chiều sâu tâm hồn của hình tượng người Việt Nam được tập trung làm nổi bật ở hai phương diện: phẩm chất cách mạng tốt đẹp và tình nghĩa quân dân thắm thiết.

+++ Đặc biệt, tình yêu nước còn được thể hiện đầy xúc động qua lòng kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Rất nhiều bài thơ hay về Bác: Hồ Chí Minh, *Sáng tháng Năm* (Tố Hữu); *Ảnh Cụ Hồ, Thơ dâng Bác* (Xuân Diệu); *Bộ đội ông Cu* (Nông Quốc Chân); *Đêm nay Bác không ngủ* (Minh Huệ). Tất cả góp phần xây lên hình tượng cao đẹp về lãnh tụ, đó là một con người tài năng kiệt xuất, có lòng nhân ái mênh mông và lối sống giản dị, khiêm tốn.

+ Trong tiểu luận *Nhận đường*, Nguyễn Đình Thi có nhận xét rằng: “Văn nghệ phục vụ kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc lên nền văn nghệ mới của chúng ta”. Nhận xét ấy đã khái quát lên bối cảnh của giai đoạn văn học này – nền văn học của những cảm hứng lãng mạn bay bổng về nhân dân, đất nước và cách mạng.

- *Tây Tiến* – Quang Dũng

+ Hòa chung vào nguồn cảm hứng sôi sục của thời đại, Quang Dũng ca ngợi về non sông, đất nước thông qua hình tượng người lính Tây Tiến – những người chiến binh thời đại Hồ Chí Minh.

+ Viết về người lính, Quang Dũng đã hòa chung đề tài về người lính thời kì kháng chiến chống Pháp, đây là đề tài quen thuộc trong thơ văn cách mạng. Chúng ta từng gặp những người lính nông dân trong thơ của Chính Hữu, người lính mang dáng vóc lịch sử trong thơ Tố Hữu, Hoàng Cầm. Ở Tây Tiến, một lần nữa, hình tượng người lính được khắc họa rõ rệt. Ngoài những vẻ đẹp chung theo kiểu khuôn mẫu, người chiến binh lại được khắc họa rõ rệt. Ngoài những vẻ đẹp chung theo kiểu khuôn mẫu, người chiến binh Tây Tiến lại mang dáng vẻ rất riêng. Đó là sự kiêu hùng, bi tráng và lãng mạn, hào hoa. Nét kiêu hùng của họ chính là bóng dáng của những người ra đi làm nên lịch sử, họ chẳng tiếc đời xanh, giống như một người Hà Nội trong thơ Nguyễn Đình Thi:

*Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

Vẻ lãng mạn, hào hoa của họ được tạo nên từ bản chất trong con người Hà Nội. Sự kết hợp của hai phẩm chất này làm cho người chiến binh *Tây Tiến* trở thành một bức tượng đài bất tử trong thơ ca. Cho nên, khác với những khái niệm quen thuộc chỉ người lính, Quang Dũng gọi họ là những chiến binh, đoàn binh. Nó vừa làm cho hình ảnh người lính trở nên trang trọng, vừa thấy được ý chí quyết tâm và tinh thần chiến đấu kiên cường đồng thời còn vẽ ra một không gian hào sảng, lớn lao, mang tính lịch sử.

+ Khi đã rời xa đơn vị và trong một đêm tại Phù Lưu Chanh, Quang Dũng thấy cồn cào nhớ về đồng chí, đồng đội và con đường hành quân của mình. Bài thơ *Tây Tiến* là sự chấp nối những cảm xúc ấy.

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.

Nhớ *Tây Tiến* là nhớ về sông Mã, nhớ về khúc độc hành ca mà dòng sông lịch sử đã cất lên để tri ân, ca ngợi và tôn vinh người chiến binh. Bóng dáng một thời của những chàng trai Hà Nội đã đi vào thơ Quang Dũng như thế, đó là những người lính vừa kiêu hùng, bi tráng, vừa lãng mạn hào hoa. Những vẻ đẹp ấy đan xen hòa quyện vào nhau để tạc lên bức tượng đài bất tử về người chiến binh *Tây Tiến* – các anh sống mãi cùng lịch sử, cùng thơ ca. Đã một thời người ta lầm tưởng những giọt nước mắt bi thương làm cho dáng hình người chiến binh ủy mị nhưng đến tận hôm nay vẻ đẹp kiêu hùng, oai dũng mới là những âm vang bất tận của khúc ca về người lính:

+ Kiêu hùng:

Vẻ đẹp kiêu hùng có lẽ sự gọi tên đầy đủ nhất cho hình dáng của những chàng trai Hà Nội ra đi năm 1947. Họ vốn là những tri thức, những học sinh của Hà Nội vốn quen với cuộc sống thanh bình nơi đô thị nhưng khi Tổ quốc cần “họ biết sống xa nhau”, những anh lính biết hướng đến giấc mơ lớn của cuộc đời để từ bỏ những ý định cá nhân, “giấc mộng con” của người trí thức:

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp

Giấc mơ con đè nát cuộc đời con

Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp

Một mái nhà yên rù bóng xuống tâm hồn.

(*Người đi tìm hình của nước* – Chế Lan Viên).

Thế nhưng tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đã đón chào khí thế lên đường hồ hởi của người chiến binh. Họ ra đi mà hành trang đâu phải chỉ là ba lô và cây súng, nó còn đẹp tươi hơn bởi lời thề nguyện bất tử từ ấy là vẻ đẹp cổ điển xưa nay của mọi người lính Việt Nam, con người

Việt, chúng ta nhớ đến hình ảnh người chinh phu trong thơ Đoàn Thị Điểm:

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Những ngày hành quân, người lính phải trải qua biết bao khó khăn, thử thách là những đèo cao, vực thẳm, là những ngọn núi vút tầng mây. Ngòi bút của Quang Dũng rất giàu chất tạo hình khi vẽ ra một không gian núi rừng hùng vĩ và dữ dội của thiên nhiên Tây Bắc. Đó là thách thức hay sự điểm tô cho vẻ kiêu hùng của người lính bởi con đường hành quân ấy, người chiến binh *Tây Tiến* đã chiến thắng vinh quang

Khi đoàn binh *Tây Tiến* được cấp trên giao nhiệm vụ rất lớn lao, họ phải phối hợp với đồng đội ở nước bạn Lào nhằm đánh tiêu hao sinh lực của đội quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Suốt dặm dài của con đường ấy qua các tỉnh biên giới miền Tây như Sài Khao, Mường Lát, ... Biết bao gian khổ, khốc liệt, cả những thách thức hi sinh, cả những cảnh đời nơi rừng hoang núi thẳm nhưng nhiệm vụ thiêng liêng của Tổ quốc trao cho, trái tim người lính vẫn vang ca khúc khải hoàn. Vẻ đẹp đây là lí tưởng của cả một thời đề kiêu hùng trở thành dáng vóc mang tầm sử thi. Cũng giống như người lính trong thơ của Tố Hữu, Hồng Nguyên:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài trên đỉnh núi cheo leo

Núi không đè nổi vai vươn tới

Lá ngụy trang reo với gió đèo.

+ Bi tráng:

Tôn lên vẻ đẹp cho bức tượng đài về người lính ấy là cảm hứng sử thi bi tráng. Dẫu biết rằng chiến trường tranh đấu là điều không thể tránh khỏi giây phút hi sinh nhưng ở *Tây Tiến*, giây phút ấy hiện lên thật đẹp, lớn lao và kì vĩ. Vây cội nguồn của tinh thần bi tráng ở đây là gì? Giá trị này được làm sáng tỏ trong bút pháp nghệ thuật của Quang Dũng. Ông dám đối diện với hiện thực khắc nghiệt của cuộc sống trên đường hành quân. Đó là những dốc cao, vực thẳm, những trắc trở ghập ghềnh có khi mũi súng chạm trời xanh, gót chân in mòn trên đá nhưng không lúc nào người chiến binh *Tây Tiến* lùi bước. Trước hoàn cảnh này, thậm chí con đường hành quân ấy còn ghi dấu cả những khoảnh khắc đau đớn đến tột cùng khi người chiến binh ngã xuống:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục trên súng mũ bỏ quên đời.

Cách sử dụng ngôn từ rất trau mén nhưng âm hưởng của nó lại hiện lên bi ai. Súng mũ gác lại bên mình, người

lính gác lại tuổi 20 nhưng con đường hành quân vẫn còn tiếp tục. Cho nên trong sâu thẳm tâm can của nhà thơ Quang Dũng, nỗi đau bỗng hiện hình nhưng ông tái hiện lại giây phút ấy thật nhẹ nhàng, thanh thản, chỉ là “nô quên đời”, giấc ngủ ngàn thu, các anh ra đi vĩnh viễn không bao giờ trở lại. Sự hi sinh ấy là sự đổi đầu tất yếu khi họ tiếp bước hàng quân. Đây là hình ảnh rất đẹp, mang đậm giá trị sử thi của văn học cách mạng, nó gọi cho chúng ta nhớ đến những người anh hùng đã từng hi sinh cho quê hương như thế:

Anh đứng bắn trên đường bay Tân Sơn Nhất

Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng.

(*Dáng đứng Việt Nam* – Lê Anh Xuân)

Và cũng là khoảnh khắc hi sinh của chú bé Lượm trong thơ Tố Hữu:

Châu nằm trên lúa

Tay nắm chặt bông

Lúa thơm mùi sữa

Hồn bay giữa đồng.

Cảm hứng này trở thành sợi chỉ xuyên suốt tác phẩm để đến khúc ca trào của khúc tráng ca Tây Tiến, một lần nữa nốt nhạc ấy lại ngân vang, đó là những câu thơ Quang Dũng họa hình về người chiến binh Tây Tiến, ông gọi là “đoàn binh” chứ không phải đoàn quân hay chiến sĩ. Ân sâu trong tên gọi mang giá trị trang trọng ấy là niềm tin tưởng phấn khởi và tự hào bởi những người lính Hà Nội, họ luôn lạc quan vào chiến thắng, luôn mơ đến ngày hội quân. Ngay từ khi bước chân ra đi, họ đã mang tâm vóc của những chàng trai thẳng trắn cho nên một vài nét vẽ của hiện thực không thể xóa nhòa đi về đẹp của người chiến binh chốn rừng thiêng nước độc, cảnh đói cơm thiếu nước, cảnh sốt rét rừng dù có làm cho người lính xanh da rụng tóc, dù có khiến thân hình của họ gầy guộc xanh xao thì vẫn vững chãi là một bức tượng đài bất tử. Vượt qua những gian khổ, thiếu thốn này, người chiến binh Tây Tiến vẫn chiến đấu anh hùng, anh dũng hi sinh. Và ở đây khúc tráng ca được đẩy lên đến ca trào:

Rất rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Đây vẫn được coi là những đoạn thơ hay nhất khi viết về người lính trong kháng chiến. Quang Dũng không họa nó bằng nhạc, bằng từ, bằng thơ nữa mà nói về sự hi sinh đó bằng cả trái tim, cuộc đời của mình. Những câu thơ như vẽ ra một hiện thực khốc liệt đến tận cùng, đó là

những năm mờ xa xứ nằm rải rác nơi biên cương nhưng mọi cảm giác của sự sợ hãi, ớn lạnh đã tan ngay khi lời thề quyết tử vang lên. Những người lính *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh* thì sợ gì những năm mờ xa xứ kia. Thật đẹp, thật hào hùng khi đất mẹ mở rộng vòng tay để đón những đứa con thân yêu và kiêu dũng của mình trở về nơi vĩnh hằng. Đến với giây phút hi sinh, người chiến binh được khoác lên mình tấm áo bào lộng lẫy, nó ánh lên niềm tri ân và sự tôn vinh muôn đời của dân tộc với đời lính sang trọng của các anh và hòa vào khúc ca ấy dòng sông Mã bùng tinh như xé tan cánh rừng Tây Bắc để hát về khúc ca độc hành.

+ Hào hoa lãng mạn:

Tạo nên vẻ đẹp riêng cho hình tượng người chiến binh Tây Tiến còn ở tâm hồn rất đỗi lãng mạn, hào hoa mà những chàng lính Hà Nội năm xưa đã thêu dệt trên con đường hành quân của mình. Người ta vẫn ngỡ rằng Tây Tiến của Quang Dũng mang cảm giác nhợt nhạt của thơ ca lãng mạn 1930 – 1945 với ánh mắt nhìn úy mị, tâm hồn yếu đuối của những chàng lính học sinh nhưng rõ ràng đó là nhận định vói vàng và chưa có sự công bằng khi nói về những người chiến binh. Họ hiện lên thật đẹp với nét đẹp sang trọng hào hoa vì họ là những người Hà Nội mang bản chất của những chàng trai kinh thành mà giá trị đó đã trở thành chân lí.

Chàng thơm cũng thể hoa nhài

Đầu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Vượt qua những thách thức của đời lính gian khổ, giá trị ấy một lần nữa được khắc họa rõ rệt để những lúc hành quân người chiến binh thu vào tầm mắt của mình vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc. Họ kinh ngạc vì những ngọn núi điệp trùng, những thác núi hùng vĩ, những thiên nhiên mỹ lệ, có cả những lúc họ đắm say với cái bằng phẳng.

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có nhớ hồn lau neo bến bờ

Có nhớ dâng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.

Sương khói với một con thuyền độc mộc, và những vạt lau vờn trước gió. Bởi trong trái tim những người lính nhạy cảm, tinh tế cho nên qua lăng kính chủ quan của người chiến binh thiên nhiên Tây Bắc đẹp hơn, trữ tình hơn. Như vậy, tâm hồn hào hoa và lãng mạn vốn không phải là úy mị. Nó là cảm xúc để chiến thắng, của cảm xúc khắc khổ cho dù cuộc đời người lính phải đối diện thường ngày. Và tâm hồn thơ ấy đã đáp ứng cho bao giấc mơ tươi đẹp, mơ về dáng kiều thơm Hà Nội, mơ về

tiếng hát đêm trăng nơi nước bạn Lào hay đó là ước mơ ngày chiến thắng và đó cũng là vẻ đẹp của một tâm hồn lãng mạn, luôn lạc quan, tin tưởng vào ngày mai. Tất cả những điều trên được vẽ ra bằng ngòi bút tài hoa nơi hồn thơ đa tình của Quang Dũng.

- *Việt Bắc* – Tố Hữu.

+ Đề tài cách mạng có lẽ nổi bật nhất trong giọng thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu. Đời thơ của Tố Hữu gắn liền với các sự kiện lịch sử lớn lao và các chặng đường cách mạng của dân tộc. Cách mạng và nhân dân, lí tưởng và cuộc đời luôn là nguồn sáng ấm áp và lấp lánh trong thơ Tố Hữu. Và kết tinh cho những giá trị đó là tuyệt phẩm *Việt Bắc*. Đây cũng là bài thơ mang đậm đà giọng thơ trữ tình chính trị, đậm đà tính dân tộc.

+ *Việt Bắc* là một thi phẩm tiêu biểu của Tố Hữu tổng kết lại cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm. Bên cạnh những âm vang của lịch sử bài thơ còn là sự vang vọng của cảm xúc, nỗi niềm có tâm trạng của người đi, kẻ ở, có tấm lòng chân thật của đồng bào *Việt Bắc* với những người chiến sĩ cách mạng năm xưa. Ấn tượng về tác phẩm này không chỉ là thơ mà còn là nhạc, là họa, là những bức vẽ tươi đẹp về núi rừng *Việt Bắc*, là bản tình ca chan chứa ân tình khi nói về đồng bào chiến khu đối với kháng chiến. Giai điệu của bản nhạc ấy được ngân vang trong giọng điệu của lối thơ 6- 8, được xoáy sâu vào câu hỏi tu từ và cứ miên man nỗi nhớ về cảnh về người và mười lăm năm gắn bó. Không chỉ là bản tình ca, *Việt Bắc* còn ngân lên như một bản hùng ca kháng chiến. Trong bản đại hợp xướng ấy có một giọng thơ trữ tình ngọt ngào, thấm thiết diễn tả tình yêu quê hương đất nước sâu sắc và mới mẻ. Đó là tình yêu *quê hương cách mạng dựng lên cộng hòa*:

Minh về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Minh về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Những câu thơ trên gợi nhớ đến đạo lí *Uống nước nhớ nguồn* rất sâu sắc. *Việt Bắc* chính là cội nguồn của cách mạng, nơi đã truyền hơi thở, là thủ đô của cách mạng và cũng là hình ảnh thu nhỏ của đất nước *Việt Nam* thân yêu và đặc biệt hơn đó là nơi gắn bó nghĩa tình của những năm tháng không bao giờ quên:

Minh về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

Minh về, rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già.

Minh đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son.

+ Người ở chiến khu *Việt Bắc* một lòng với Đảng, một lòng theo lí tưởng cách mạng. Họ đã sống *đắng cay ngọt bùi* những ngày gian khổ, đã từng *bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*, cũng từng *thương nhau chia củ sắn lùi* và còn *miếng cơm chấm muối* thiếu thốn, vất vả nhưng lòng vẫn vui cười vì họ ý thức được rằng đang cùng với cán bộ gánh vác những trọng trách lớn lao. Đó là mối thù với giặc Tây – mối thù nặng vai.

+ Người về xuôi, đáp lại ân tình người ở lại bằng cả lời thề non nước:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước, mặn mà đinh ninh

Minh đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.

Đại từ xưng hô ta – mình vốn là cách xưng hô quen thuộc trong ca dao, dành cho lứa đôi yêu nhau hay tình cảm vợ chồng. Tố Hữu đã khéo léo dùng cặp từ xưng hô này cho kẻ ở – người đi tạo cảm giác ân tình, sâu lắng. Giây phút chia tay này không còn mình với ta nữa mà họ hài hòa nồng thắm vào nhau là một. Tất cả kết thành một mối tình chứa chan những kỉ niệm. Cho nên, lời “ta” khẳng định: *Lòng ta sau trước, mặn mà đinh ninh, trước sau thủy chung như nhất, tình cảm đó như suối nguồn kia, có bao giờ cạn khô Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.*

+ Người về miền xuôi nhớ về *Việt Bắc* mà:

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương.

Điều đó cũng chứng minh cho một chân lí mà Chế Lan Viên đã tổng kết rất tài tình: *Khi ta ở chi là nơi đất ở. Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.* Người về nhớ cảnh và nhớ người *Việt Bắc*, nhớ những kỉ niệm của những năm tháng chiến đấu gian nan. Và hình ảnh sâu đậm nhất đối với người cán bộ cách mạng là hình ảnh người mẹ *Việt Bắc*:

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.

Đó là hình ảnh người mẹ tần tảo, vất vả nắng mưa, chịu đựng mọi khắc nghiệt của thời tiết vừa địu con vừa chắt chiu những hạt ngô để gom góp nuôi bộ đội.

+ Trong nỗi nhớ của người về, thiên nhiên *Việt Bắc* bốn mùa xanh tươi rực rỡ, được gọi lên qua dòng hỏi tu từ đầy tươi đẹp:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao cày thắt lưng

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rìng phách đỏ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

Mùa đông thật ấm áp và đầy sức sống bởi màu xanh của rừng già cùng với gam màu nóng “đỏ tươi” của hoa chuối rừng. Có bóng dáng của con người trên đèo cao thật hiên ngang với ánh nắng lóe lên từ dao gài thắt lưng trở thành điểm sáng cho bức tranh. Mùa xuân có hoa mơ trắng rừng thật trong trẻo, thanh khiết với bóng dáng con người chăm chỉ, tỉ mỉ *chuốt từng sợi giang*. Mùa hạ có hoa phách nở vàng trong nhịp tiếng ve ngân vang, có bóng dáng cô em gái hái măng một mình với bao niềm thương nỗi nhớ. Còn mùa thu có ánh trăng rọi hòa bình, tự do, tiếng hát ân tình thủy chung cứ vang vọng mãi. Qua bức tranh tứ bình về Việt Bắc, ta thấy thiên nhiên và con người nơi đây hiện lên thật cụ thể và hài hòa trong cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống lao động hằng ngày. Chính sự giản đơn, hòa quyện nồng hậu như thế đã để lại ấn tượng sâu sắc trong trái tim những người về xuôi.

+ Từ âm điệu trữ tình ngọt ngào, trầm thiết, nhiều đoạn vang lên âm hưởng anh hùng ca. Tác giả tự hào về những chiến thắng oai hùng của dân tộc như Phủ Thông, Đèo Giàng, Sông Lô, Điện Biên Phủ, Tây Bắc. Ngợi ca những chiến thắng vẻ vang của dân tộc cũng chính là nhà thơ thể hiện ở đỉnh cao tinh thần yêu quê hương đất nước:

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng những ngày mai lên.*

Mượn màu sắc của tình yêu, bằng hình thức đối đáp dân tộc, nhà thơ Tố Hữu đã diễn tả sâu sắc và phong phú tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào về đất nước trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ vĩ đại. Đồng thời khẳng định vai trò của “Thủ đô gió ngàn” trong kháng chiến chống Pháp:

*Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.*

Chính những tháng ngày gian khổ, hi sinh nhưng tràn đầy tình cảm quân dân gắn bó đó làm cho chúng ta hôm nay càng quý trọng hơn nền độc lập, tự do mình đang được hưởng và ngày càng yêu mến thêm quê hương, đất nước Việt Nam anh hùng.

- Đánh giá chung:

+ Sự gặp gỡ của cảm xúc giữa các nhà thơ viết về đất nước:

++ Điều thể hiện đề tài về đất nước trong những hình ảnh vừa cụ thể, chân thực, lãng mạn và khái quát.

++ Ca ngợi vẻ đẹp của đất nước tự do, ca ngợi cuộc sống bình yên. Thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, ngàn dặm, đẹp hoang sơ và dữ dội trong con mắt yêu đời, trẻ trung của người lính Tây Tiến (*Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi...Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*); sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người trong hạnh phúc hân hoan, lạc quan tin tưởng vào cách mạng, vào ngày mai trong lòng người Việt Bắc (Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi...Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung).

++ Các nhà thơ đều chọn thời điểm có ý nghĩa (một năm xa đơn vị Tây Tiến, khi kết thúc cuộc kháng chiến, trong buổi chia tay với Việt Bắc) và cảm xúc khơi dậy từ những kỉ niệm có thực, có nỗi nhớ, từ tình cảm chân thành của người trong cuộc nên mỗi câu thơ xúc động lòng người. Bức tranh thơ về Tây Bắc của Quang Dũng có sương núi, dốc đứng đèo cao, có nét hoang dại, có nét lãng mạn, có nét bi hùng tạo nên vẻ đẹp kì vĩ của thiên nhiên trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Tố Hữu lại vẽ bức tranh về Việt Bắc bốn mùa xanh tươi, ngập tràn tiếng ca hòa bình, tin tưởng yên vui.

+ Nét riêng biệt:

++ Nội dung cảm hứng:

+++ *Tây Tiến* không chỉ là những hình ảnh tàn khốc của chiến trường miền Tây Bắc dữ dội, đầy hiểm nguy, nhiều hi sinh thử thách, rừng thiêng nước độc, núi cao dốc đứng mà thiên nhiên có vẻ hoang sơ, trong lành, sương khói mờ ảo, lung linh (*Sài Khao sương lấp, Mường Lát hoa về, Dốc lên khúc khuỷu...*). Vẻ đẹp bi tráng được khắc họa bằng những nét bút tài hoa, vừa hiện thực vừa lãng mạn làm nổi bật tình yêu dành cho vùng đất và con người Tây Bắc xa xôi, mới lạ mà gần gũi thiêng liêng. Tình người, tình đất sâu nặng, gắn bó trong nỗi nhớ thương chơi vơi, băng khuâng như tiếp thêm sức mạnh cho người lính vượt lên trên khó khăn, thiên thôn để chiến đấu và chiến thắng quân thù.

+++ Cảm hứng về đất nước của *Việt Bắc* hiện lên trong nỗi nhớ và không khí bịn rịn chia ly. Những hình

ánh chọn lọc làm nổi bật nét tươi mới, hùng vĩ, thơ mộng của vùng non xanh nước biếc ở chiến khu. Tình quân dân sâu nặng, tình cảm thủy chung, gắn bó với cách mạng, với Bác Hồ. Thiên nhiên và con người hài hòa đã viết lên trang sử 15 năm ân nghĩa và chiến công oai hùng. Hình ảnh đất nước thu nhỏ trong bài thơ bình dị, sâu sắc nhưng tình quân dân thấm thiết, lâu bền. *Việt Bắc* là bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến, về con người và đất nước gian lao mà anh dũng kết tinh được những tình cảm lớn của con người Việt Nam cả một thời 9 năm kháng chiến trường kỳ và chiến thắng lừng lẫy năm châu.

++ Hình thức nghệ thuật:

+++ Bài thơ *Tây Tiến* viết bằng bút pháp hào hoa, lãng mạn, nhiều sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

+++ *Việt Bắc* viết theo thể thơ lục bát, kết cấu đối đáp, ngôn ngữ đậm chất dân gian.

c. *Kết luận*

- Có thể nói thơ ca kháng chiến chống Pháp là thời vàng son đầu tiên của thơ ca cách mạng, nơi cảm hứng yêu nước và nhân dân đã thăng hoa tột đỉnh. Và *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Việt Bắc* của Tố Hữu là hai thi phẩm xuất sắc khi đã diễn tả được sâu sắc cảm hứng chủ đạo của giai đoạn văn học những năm 1945 – 1954. Những vần thơ ấy bắt nguồn từ những cảm xúc rất chân thật về quê hương, đất nước và con người nên nó sẽ trường tồn cùng năm tháng, sánh bước với thời gian và khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi con người Việt Nam mọi thế hệ.

ĐỀ SỐ 33

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Cây Hà Nội có nhiều loại, mỗi loại có tính cách riêng, lịch sử riêng, biểu trưng văn hóa riêng. Và đối với người dân thành phố, mỗi cây cũng mang ý nghĩa như vậy.

(2) Trong cuốn *Hoa Hà Nội* xuất bản cách đây 15 năm, anh bạn Trần Lê Văn có đưa ra số cây thành phố năm 1945 (sau khi giải phóng Thủ đô) là một vạn, và năm 1980 là hai mươi vạn. Đến nay, con số đó tăng bao nhiêu? Có thể gấp 4, 5, 10 lần? Có một thói quen của một số dân phố mà người nước ngoài rất thích: nhiều gia đình chăm nom săn sóc cây ở vỉa hè trước cửa nhà như thể cây của vườn nhà [...]

(3) Ai là người Hà Nội đi xa mà không nhớ đến những đêm thu đi qua những phố Bà Triệu và Nguyễn Du thơm ngát mùi hoa sữa. Gọi là hoa sữa phải chăng vì màu hoa trắng như sữa. Trong bản nhạc tấu của hoa đầu mùa hạ, những cánh hoa tím nhạt của bằng lăng phố Thọ Nhuộm mang lại nỗi nhớ nhung. Sang thu, những lá non mơn mớn xuất hiện bên lá già.

(Hữu Ngọc, *Cây Hà Nội*, In trong *Hà Nội của tôi*, NXB Thanh niên).

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn trích trên. .

Câu 2: Đoạn (3) có nhắc tới những loại cây nào của Hà Nội, anh (chị) hãy phân tích cảm xúc của tác giả khi nhắc tới những loại cây đó? .

Câu 3: Tìm những quan hệ từ trong đoạn (3). Những quan hệ từ đó thể hiện những quan hệ nào? .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, thể hiện cảm xúc của mình về vẻ đẹp thiên nhiên của một vùng đất nước ta để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu đậm nhất. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Có ý kiến cho rằng: Hai chữ “cảm ơn” thật đơn giản nhưng ta vẫn phải học và phải luôn dùng.

Bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với bạn đọc một vấn đề nhân sinh. Qua việc phân tích tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), anh/ chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là thuyết minh và biểu cảm. .

Câu 2: Đoạn trích nhắc tới những loại cây sau: hoa sữa và hoa bằng lăng.

Hai loại hoa được nhắc tới với niềm nhớ nhung sâu sắc của tác giả. Nhớ hai loại hoa trước hết ở màu sắc của chúng. Mỗi loại cây ở Hà Nội gắn trong kí ức của nhà văn ở tên những con phố cụ thể, những kỉ niệm cụ thể của tác giả như hoa sữa gắn với phố Nguyễn Du, Bà Triệu, hoa bằng lăng gắn với phố Thọ Nhuộm. Dòng cảm xúc của nhà văn là dòng cảm xúc tái hiện của nhà

văn về những kỉ niệm tươi đẹp với những loại hoa giản dị mà đậm đà tình người.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí. .

Câu 3: Những quan hệ từ và quan hệ mà nó thể hiện trong đoạn trích (3) là:

- Quan hệ từ “mà” trong câu *Ai là người Hà Nội đi xa mà không nhớ đến những đêm thu đi qua những phố Bà Triệu và Nguyễn Du thơm ngát mùi hoa sữa* – quan hệ đối lập

- Quan hệ từ “vì” trong câu *Gọi là hoa sữa phải chăng vì màu hoa trắng như sữa* – quan hệ nguyên nhân. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Địa điểm mà anh (chị) định nhắc tới là gì? Đó có thể là quê hương hoặc là một địa điểm mà anh (chị) từng đến. Nơi đó có những đặc điểm gì khiến anh (chị) ấn tượng?

- Học sinh có thể kể những kỉ niệm của bản thân mình sau khi trải nghiệm vùng đất đó.

Giáo viên linh hoạt cho điểm phần này. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích:
+ “Cảm ơn” là hai tiếng mà con người sử dụng nhiều trong giao tiếp, bày tỏ lòng biết ơn, sự cảm kích trước sự giúp đỡ hay một nghĩa cử cao đẹp của người xung quanh đối với chính bản thân mình.

+ Ý kiến khẳng định vai trò của lời cảm ơn trong cuộc sống. Học và sử dụng lời cảm ơn là một nét đẹp, một hành vi giao tiếp lịch sự mà mỗi con người bắt buộc phải biết trang bị cho mình.

- Chứng minh, phân tích ý kiến:

+ Trong cuộc sống, không phải lúc nào con người cũng có thể tự mình giải quyết được mọi việc. Đôi khi, con người phải cần đến sự trợ giúp, lòng tốt của những người xung quanh. Bởi vậy, khi nhận được những ân nghĩa ấy, con người cần phải biết trân trọng và tỏ thái độ biết ơn đối với người ban ơn. Nói lời cảm ơn là hành động đơn giản nhất mà mỗi người đều có thể dễ dàng thực hiện.

+ Nói lời cảm ơn, con người không chỉ bày tỏ thái độ tôn trọng, biết ơn đối với người đã giúp đỡ mình, mà hơn hết, người nói lời cảm ơn còn thể hiện tầm vóc văn hóa, sự lịch thiệp, văn minh trong giao tiếp.

+ Người được nhận lời cảm ơn cũng cảm thấy dễ chịu và thoải mái hơn vì thấy việc mình đã làm trở nên ý nghĩa với người kia, dù đó chỉ là những việc rất nhỏ nhặt trong cuộc sống như dắt cụ già qua đường, nhường ghế ngồi trên xe bus,.... Văn hóa cảm ơn giúp người với người gần nhau hơn. Bên cạnh đó, những người biết nói lời cảm ơn sẽ tạo thiện cảm, nhờ vậy mà có thể sẽ được giúp đỡ thêm những lần sau.

+ Tuy nhiên, lời cảm ơn cũng cần phải được xuất phát từ một trái tim chân thành, được thể hiện một cách bình dị nhất. Lời cảm ơn nếu không được cất lên từ chính tấm lòng trân trọng sẽ không lay động được lòng người, tạo nên sự thoải mái đối với người nghe. Bên cạnh đó, lời cảm ơn nếu cầu kì, vắn vè thái quá cũng không thể khiến người với người gần gũi nhau hơn.

- Phản đề: Trong dòng chảy cuộc sống tất bật, hối hả, con người vì mãi đua chen mà đánh rơi đi những nét văn hóa ứng xử tối thiểu, đó là lời cảm ơn. Một lời nói bày tỏ sự cảm kích khi được nhường chỗ trên chiếc xe bus đông đúc, một câu bày tỏ lòng biết ơn khi được ai đó dừng xe giúp mình đứng lên sau tai nạn nhỏ... con người dần trở nên tiết kiệm hơn hai tiếng “cảm ơn”.

- Dẫn chứng: học sinh có thể đưa dẫn chứng đan xen vào các luận điểm.

- Bình luận để rút ra bài học cho bản thân và những người xung quanh về vấn đề mơ ước: Thế giới phẳng đang mở ra ngày một rộng đối với các bạn trẻ. Để trở thành một công dân tốt, và xa hơn là một công dân toàn cầu, con người cần phải biết bồi đắp văn hóa ứng xử, nâng cao khả năng giao tiếp của bản thân.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Ngay từ trong bản chất, mọi thể loại văn chương ra đời là để phục vụ, phản ánh cuộc sống của con người và truyện ngắn cũng không nằm ngoài quy luật chung đó. Mỗi trang văn đều ẩn chứa trong nó biết bao nỗi niềm, tâm sự, có những xúc cảm được đè nén, giấu đi nhưng đằng sau vỏ bọc ngôn từ đó cuộc sống hiện lên sinh động với muôn hình vạn trạng khác nhau. Chính vì thế, có ý kiến cho rằng: *Qua một nỗi lòng, một cảnh ngộ, một sự việc của nhân vật, nhà văn muốn đối thoại với người đọc một vấn đề nhân sinh.* Đem nhận định trên soi chiếu vào các tác phẩm truyện ngắn tiêu biểu thì ta thấy truyện ngắn *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) thể hiện rõ ràng nhất quan niệm trên.

2. Thân bài:

- Khái quát chung

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu:

++ *Chiếc thuyền ngoài xa* (1983) rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên (in 1987). Đây là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí của nhà văn. Với ngôn từ dung dị, đời thường truyện kể lại chuyển đi thực tế của một nghệ sĩ

nhiep ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của người nghệ sĩ đó về nghệ thuật – cuộc đời.

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* lấy cảm hứng thể sự thay thế cho cảm hứng sử thi – lãng mạn đã từng chi phối sáng tác của Nguyễn Minh Châu trước đó. Đặc điểm của cảm hứng này là hướng vào cuộc sống hằng ngày của con người, khẳng định giá trị thâm mĩ của đời thường, đi sâu khám phá hành trình của con người giữa một thực tại ngổn ngang, nhằm tìm kiếm hạnh phúc và khẳng định nhân cách. Loại tác phẩm này biểu thị sự đổi mới trong quan niệm của nhà văn về tính chân thực của văn học, nhằm đưa văn học thoát khỏi tình trạng minh họa, tô vẽ hời hợt, né tránh sự thật, xảo mòn, sáo rỗng, để lao vào cuộc mưu sinh nhọc nhằn của con người trong hoàn cảnh đất nước đang phải đối diện với biết bao khó khăn của thời hậu chiến, cho ra những tác phẩm mang tính chất hiện thực của đời sống.

+ *Vợ nhặt* – Kim Lân:

+ *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập *Con chó xấu xí* (1962), tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* – nhưng do bị thất lạc bản thảo. Sau hòa bình lập lại (1954), ông dựa vào truyện cũ để viết truyện ngắn này.

+ *Truyện Vợ nhặt* lên án, tố cáo tội ác của xã hội thực dân nửa phong kiến đã đẩy con người tới nạn đói khủng khiếp, khiến mạng người rẻ như cỏ rác. Nhưng người nông dân tuy nghèo đói và cực khổ đến đâu, ngay cả khi kề bên cái chết, họ vẫn giàu tình yêu thương đồng loại, khao khát hạnh phúc gia đình. Và không có gì có thể cướp đi niềm tin vào cuộc sống và tương lai của họ.

- Giải thích ý kiến:

+ Theo như Nguyễn Kiên: *Truyện ngắn chỉ là một lát cắt, một mảnh nhỏ của cuộc sống*. Nhưng để lát cắt thật đẹp và thật gọn đòi hỏi người nghệ sĩ phải có năng lực thực sự. Người cầm bút trước hết phải có năng lực quan sát tinh tế, khả năng nắm bắt cuộc sống để có thể nhận ra *một nỗi lòng, một cánh ngõ, một sự việc của nhân vật*. Bởi cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đôi khi cái tầm thường lại che lấp cả những điều đẹp đẽ, tinh khôi, đáng trọng. Đôi mắt tinh tường của người nghệ sĩ có nhiệm vụ lặn sâu dưới cuộc đời để tìm kiếm vẻ đẹp khuất lấp ấy.

+ Khi đánh giá truyện ngắn, dung lượng không phải là điều quyết định mà cái quyết định chính là ở *cái nhìn tự sự ở dưới cuộc đời*. Và cái nhìn sắc sảo ấy, luôn luôn hướng về con người, luôn luôn nói lên “một vấn đề nhân sinh”.

+ Nguyễn Minh Châu đã nói “Văn học và đời sống là những vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm luôn là con người”. Bởi vậy con người và các mối quan hệ con người đều là đề tài cho văn chương, đều được các nghệ sĩ tài năng đề cập đến. Văn học nghệ thuật không chỉ là tấm gương đời sống mà còn là tấm gương tâm hồn người nghệ sĩ. Cầm bút trước hết là để trái lòng, để cất lên tiếng đàn đa thanh điệu. Cầm bút còn để đi tìm sự đồng cảm và được đối thoại.

+ Nhận định trên vừa đúng vừa rất thiết thực, thể hiện sự hiểu biết cũng như tình yêu của tác giả với thể loại truyện ngắn. Câu nói vừa nhấn mạnh bản chất cốt yếu của thể loại truyện ngắn – *vô móng lõi dầy*; vừa nêu lên chức năng quan trọng nhất của văn học: chính là phản ánh cuộc sống với tâm điểm là con người.

Chứng minh nhận định qua *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu và *Vợ nhặt* của Kim Lân.

- *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu)

+ Trong những sáng tác của Nguyễn Minh Châu thời kì trước Cách mạng, nhà văn đam mê với cảm quan lãng mạn, nhìn cuộc sống, chiến tranh, người lính bằng con mắt rất đẹp, lí tưởng, tràn đầy niềm lạc quan. Vì vậy mà hình ảnh con người trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thời kì này là những mẫu hình, chuẩn mực cho thời đại. Bởi vì, ông thường “tắm các nhân vật của mình trong bầu không khí vô trùng” như Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng*. Tuy nhiên, từ sau Cách mạng, văn chương của Nguyễn Minh Châu mang đậm tính chất triết lí, suy tưởng. Ông trở về với thực tại trong đối tượng của văn học cho nên các nhân vật hiện lên có phần xấu xí, thô ráp song lại chuyển tải được những quan niệm văn chương sâu sắc.

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* là tác phẩm tái hiện lại cuộc sống và con người khi chiến tranh đã đi qua, nhà văn không chỉ thấy bầu trời thanh bình, yên ả mà còn nhận ra cả những di chứng, những căn bệnh thời hậu chiến. Con người ngủ quên trong chiến thắng, đắm nhiên tin vào một tương lai tươi sáng, diễm lệ mà quên đi hiện thực cuộc sống trần trụi đang đeo bám chúng ta hằng ngày. Đó là máng màu nhá nhem bên cạnh bức tranh về tương lai tràn đầy ánh sáng và hi vọng. Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm tư tưởng này qua con mắt và trái tim của nghệ sĩ Phùng. Điều đó được sắp xếp trong một hành trình mà Phùng làm theo sự chỉ đạo của ông trưởng phòng. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh này cũng chỉ mong muốn tìm được một bộ ảnh đẹp, ưng ý để nộp cho trưởng phòng đúng hạn. Nó cũng là một đơn đặt hàng sẵn với

nghệ sĩ Phùng: phải là cảnh biển vào buổi bình minh. Nhưng không ngờ hành trình đó lại mang đến cho Phùng niềm hạnh phúc sung sướng đến tột đỉnh mà có lẽ cả cuộc đời Phùng sẽ không tìm được lần thứ hai.

++ Phùng cũng gặp được cảnh biển vào buổi bình minh, có những tia nắng mặt trời lúc sớm mai và màn sương giăng mắc. Trước khoảnh khắc mà cái đẹp đến bất ngờ, trong tư tưởng của Phùng không còn ông trường phòng, không còn nhiệm vụ và không còn là nghệ sĩ nhiếp ảnh. Lúc đó, chỉ có Phùng và cái đẹp. Và trong khoảnh khắc này, những tư tưởng, những chân lí tươi mới về nghệ thuật đã được Phùng khám phá, phát hiện. Anh ta nhận ra cái đẹp chỉ thực sự đầy đủ, viên mãn khi nó hiện lên tự nhiên, chân thực, không bị can thiệp bởi bàn tay con người. Còn gì hạnh phúc hơn đối với một người nghệ sĩ nhiếp ảnh mà trước mắt mình là một cảnh *đắt trời cho*, là vẻ đẹp *thực toàn bích*. Nó làm cho Phùng đam mê, ngây ngất *trong tìm như có cái gì bóp thắt vào* nhưng anh ta vẫn đủ tỉnh táo để chụp lấy khoảnh khắc đó, ghi lại cho cuộc đời.

++ Cũng trong sự đối diện giữa Phùng và cảnh biển, tác giả còn khám phá ra một quan điểm rất quen thuộc nhưng có giá trị xưa nay về nghệ thuật. Cái đẹp phải là sự đơn giản nhưng hướng tới sự toàn bích. Cũng như cảnh biển kia chỉ cần một vài chi tiết hình ảnh: màn sương sớm, ánh mặt trời, một chiếc thuyền thu lưới. Nó đã vẽ lên một bức tranh mực tàu của danh họa thời cổ. Như vậy, vẻ đẹp chân chính của nghệ thuật không cần tới sự pha tạp, màu mè đôi khi nó cho phép sự đơn giản đến bất ngờ nhưng phải có sự thống nhất của bố cục.

+ Cũng trong con mắt của nghệ sĩ Phùng, tác giả gửi gắm vào đó những cái nhìn về cuộc sống, xã hội, đời thường. Nguyễn Minh Châu phê phán hay nói đúng hơn là cách sống nghệ sĩ của những người làm nghệ thuật. Họ luôn chơi với, xa rời hiện thực cho nên có những phút giây họ không nhận ra thực tại cuộc sống và bản chất của nó. Mà lí tưởng sáng ngời của người nghệ sĩ là sáng tạo ra cái đẹp để phục vụ cho cuộc sống và xã hội. Tuy nhiên trước nạn bạo lực gia đình diễn ra trên bờ biển, Phùng lại hoàn toàn lạ lẫm, anh ta nghĩ đó là một câu chuyện cổ đầy quái đản và kinh dị.

++ Trong con mắt Phùng thì phát hiện thứ hai là xấu xí, tồi tệ. Anh ta không thể ngờ một vùng bờ phá đẹp, bình yên mà anh ta vừa thu vào chiếc máy ảnh Pra-ti-ca nay lại tối tăm lại trong nạn bạo lực gia đình, không còn màn sương mai, ánh mặt trời mà thay vào đó là bão táp, là giông tố của biển khơi. Nó được đẩy lên đến cao trào

khi người đàn ông rút chiếc thắt lưng và đánh tới tấp vào lưng người đàn bà. Lão như một con mãnh thú gầm thét lao vào con mồi, còn người đàn bà thì cam chịu, nhẫn nhục. Mụ “không kêu lên một tiếng, cũng không tìm cách trốn chạy”... Rõ ràng đối với Phùng cảnh này là không thể tưởng tượng được đến “há hốc mồm ra mà nhìn”. Anh ta không hình dung được trong đầu mình cuộc sống lại có những sắc màu, vết cứa như vậy. Anh ta nghĩ rằng, vùng bờ phá này chỉ có sự thanh bình, khoáng đạt nhưng ý nghĩ và nhận thức đó là đơn điệu, sai lầm. Bởi vì bản chất của cuộc sống là bức tranh đa màu sắc, ngoài vẻ đẹp nó còn cả sự tăm tối, xấu xí.

+ Nếu như so sánh với phát hiện thứ nhất, thì phát hiện thứ hai này tuy không có giá trị về vật chất nhưng lại trở nên vô giá đối với một con người. Bởi vì, trước khi làm nghệ sĩ, Phùng phải sống như một con người, phải có nhận thức đầy đủ và ứng xử với mọi thứ xung quanh cho nên sự can thiệp của anh ta với nạn bạo lực gia đình là điều đáng khích lệ trong tư duy người nghệ sĩ.

+ Chính sự đối lập trong hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm đến người đọc một vấn đề nhân sinh rất mới mẻ. Đó chính là cuộc sống đầy đau khổ, bạo lực, tàn nhẫn mà con người phải chịu đựng. Chiến tranh đã đi qua nhưng những đau thương mà nó để lại vẫn còn đó, cuộc chiến với đói nghèo, với những bất cập thời hậu chiến vẫn còn đó, vẫn ngang nhiên thách thức với con người. Và đó mới chính là mối lo thực sự ẩn sau những *áng mây hồng hồng* đầy thơ mộng. Phùng những tưởng anh đã chạm đến cảnh giới cao nhất của nghệ thuật, nhìn thấy vẻ đẹp được coi là “đạo đức” của cuộc đời nhưng Nguyễn Minh Châu đã làm trọn vẹn thiên mệnh của người nghệ sĩ đã khai sáng cho Phùng và cho cả chúng ta nữa về đời sống nhân sinh. Cuộc sống vốn là bức tranh đa màu sắc, song hành cùng với sắc màu tươi tắn, hạnh phúc là những gam màu xám xịt, đau đớn vì vậy con người không nên có cái nhìn phiến diện một chiều mà nên có cái nhìn bao quát, đa chiều về cuộc sống và bằng lòng đón nhận hiện thực, không nên vì những chiếc thuyền đẹp như mơ mà lãng quên cuộc sống thực tại đang diễn ra trong con thuyền ấy.

+ Không chỉ dừng lại ở việc Phùng nhìn thấy chiếc thuyền ngoài xa và chứng kiến cảnh bạo lực gia đình thẳng Phác mà Nguyễn Minh Châu còn đặt ra nhiều vấn đề nhân sinh trong cuộc đối thoại giữa Phùng, Đẩu và người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện. Và có lẽ, những

trần trở, khúc mắc sẽ mãi theo Phùng nếu như anh không được chứng kiến câu chuyện của người đàn bà hàng chài tại tòa án huyện cùng người bạn chiến đấu của mình. Sự thật về một cuộc đời, những suy nghĩ và sự chịu đựng của người đàn bà đã giúp Phùng và Đầu hóa giải được những nguyên do của những vấn đề tưởng chừng như vô lí.

++ Nếu nhìn bề ngoài của người đàn bà xấu xí, thô kệch luôn bị chồng đánh đập, hành hạ, ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng, kèm theo những lời chửi rủa độc địa *Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ* thì người ta có thể nghĩ người đàn bà đó không bình thường khi cam chịu tất cả những điều đó. Tại tòa án người đàn bà này còn quý lạy xin quý tòa bắt tội, phạt tù cũng được nhưng *đừng bắt con phải bỏ nó*.

++ Căn nguyên của mọi sự nhẫn nhục, chịu đựng ấy chính là lòng nhân hậu, vị tha, bao dung, đức hi sinh vô bờ bến của người mẹ đối với những đứa con: *Phải sống cho con chứ không phải sống cho mình. Hơn nữa Các chú đâu phải người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của người làm ăn lam lũ, khó nhọc*”, “*các chú đâu phải là người đàn bà, chưa bao giờ các chú biết là nổi vát và của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...* Những người như họ sống nhờ biển, họ rất cần có người đàn ông để chèo chống những phong ba, “để cùng làm ăn nuôi nấng đặng sắp con”. Nhưng cũng có lúc họ thấy hạnh phúc, đó là khi nhìn đàn con được ăn no và vợ chồng cũng có lúc hòa thuận. Người đàn bà cũng hiểu được tâm tính của người chồng: lão vốn là một người đàn ông cục tính nhưng hiền lành, chỉ vì lão quá cực khổ và tha hóa, biến chất thành kẻ vũ phu. Tính khí của lão cũng giống như biển kia, lúc giông bão dữ dội, khi lại biển lặng, sóng êm. Vì thế, người đàn bà nhẫn nhịn, cam chịu, vị tha cho chồng. Người đàn bà ấy còn sợ thằng Phác làm điều gì dại dột với cha mà gửi nó lên bờ.

++ Qua câu chuyện giải bày và lời lẽ của người đàn bà, Phùng vỡ lẽ ra nhiều điều:

+++ *Tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc thấu hiểu các lẽ đời hình như mẹ chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra ngoài*, mà chỉ âm thầm nhẫn nhục chịu đựng. Đó là sự hi sinh lớn lao của người mẹ đối với đàn con của mình mà không bút mực nào tả xiết. Đó là *hạt ngọc ẩn giấu* trong tâm hồn con người mà người nghệ sĩ phải kiếm tìm, ngợi ca, nâng đỡ.

+++ Với người đàn ông độc dữ, Phùng có phần cảm thông: có lẽ cuộc sống đói nghèo, vất vả, quần quanh với

bao lo toan cực nhọc đã biến *anh con trai cục tính nhưng hiền lành* xưa thành người chồng vũ phu, độc ác. Hắn vừa là nạn nhân của đói nghèo, vừa là thủ phạm gây nên bao nhiêu nỗi khổ trong gia đình của mình, vừa đáng thương, vừa đáng trách.

+++ Với chị em thằng Phác: Phác trở thành đứa con lỗi đạo với cha cũng chính từ nguyên nhân đói nghèo, thất học, từ những lực đực của cha mẹ mà chúng phải gánh hậu quả. Chúng là những đứa trẻ đáng thương. Trong lòng chúng cũng tan nát vì đau đớn, thương tích sẽ hằn sâu kí ức tuổi thơ, cuộc đời sau này của chúng sẽ như thế nào?

+++ Qua đây, Phùng và Đầu cũng phải nhìn lại chính mình: không thể đánh giá bản chất con người, sự việc ở bề ngoài. Người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa chiều, không thể giản đơn, dễ dãi trong cuộc sống.

+ Kết thúc tác phẩm là những câu văn để lại nhiều ám ảnh. Mọi xúc cảm, những ý nghĩa đều được gợi lên qua bức ảnh mà Phùng chụp cảnh biển buổi sáng hôm ấy.

++ Bức ảnh của Phùng là một bức ảnh chân chính vì nó được ông trưởng phòng rất ưng ý cho in vào bộ lịch năm sau và hơn thế mãi về sau nó vẫn được treo trong các gia đình sành nghệ thuật. Giá trị của nó không chỉ là những rung cảm của con người. Cho dù là một bức ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ Phùng vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng như ánh sương mai. Giá trị này chỉ duy nhất có Phùng được trải nghiệm vì anh ta biết hi sinh, biết chờ đợi, biết sống với những khoảnh khắc mà cái đẹp lên ngôi. Đối với những người khác cho dù đẹp đến mấy cũng chỉ là bức ảnh đen trắng đơn thuần nhưng riêng với nghệ sĩ Phùng nó lại là tấm ảnh màu bởi sự trải nghiệm quý giá của người nghệ sĩ với cái đẹp.

++ Đặc biệt là Phùng còn có những ám ảnh về người đàn bà vùng biển vì mỗi lần ngắm kĩ bức tranh, Phùng tấm lưng áo bạc phếch, nửa thân dưới ướt sũng. Đó là những bài học mà cuộc đời nghệ sĩ Phùng không được phép lãng quên. Nó bồi đắp cho anh ta cái nhìn cuộc sống, con người và nghệ thuật trên cái nhìn đa chiều:

+++ Cuộc sống bên cạnh sự yên bình, vẻ đẹp còn có những góc khuất tối tăm, thô ráp đòi hỏi ta phải biết chấp nhận

+++ Với con người, chúng ta cần biết phát hiện, trân trọng những vẻ đẹp từ bản chất, không nên đánh giá chủ quan từ những sự thô ráp về ngoại hình. Bởi lẽ, theo thời gian, vẻ đẹp bên ngoài sẽ bị phai tàn, còn vẻ đẹp tâm

hòn sẽ được bồi đắp nên giá trị chân chính phải ở bên trong, bản chất.

+++ Nghệ thuật, cái đẹp: vẻ đẹp chân chính của nghệ thuật chỉ có thể có được khi người nghệ sĩ biết dùng cảm hi sinh, biết đam mê và biết sống chết với nó.

Tiểu kết: Trên hệ quy chiếu đa chiều về cuộc sống, ông nhìn mọi vấn đề một cách sâu sắc và thương cho những mảnh đời chịu nhiều bất hạnh trong cuộc sống nhân sinh mà người đàn bà hàng chài chỉ là một lát cắt tiêu biểu. Chính Nguyễn Minh, bằng trái tim yêu thương và đôi mắt tinh tường của mình đã thấu suốt và kêu thay cho những mảnh đời ấy. Đó là những vấn đề triết lý nhân sinh mà Nguyễn Minh Châu đặt ra trong tác phẩm của mình.

- *Vợ nhặt* của Kim Lân

+ Câu chuyện của Kim Lân lấy bối cảnh từ nạn đói khủng khiếp năm 1945 – một giai đoạn đầy đau thương và nước mắt. Thiên truyện mở ra với không khí đầy tang tóc, thần chết bắt tay cùng cái đói, hiện diện bất cứ nơi đâu có con người. Phong nền của bức tranh nạn đói được vẽ lên bằng màu xám xịt của ngã tư xóm chợ về chiều, màu úp súp tối tăm không đèn lửa, dường như cuộc sống ở đây là bế tắc, không tìm ra ánh sáng. Hình ảnh chủ đạo của bức tranh này là những gốc đa, gốc gạo xù xì, cảnh xơ xác, tiêu điều của cuộc sống. Tình cảnh thê thảm của nạn đói còn được cụ thể hóa bằng những âm thanh, mùi vị. Đó là những âm thanh rùng rợn của cái chết đang bao trùm lên xóm ngụ cư, tiếng quạ kêu thê thiết, tiếng khóc ti tê của những gia đình có người chết đói. Mùi vị của nó cũng gợi lên thế giới chung của cái chết. Đó là mùi ẩm thối của rác rưởi, mùi gầy của xác người, mùi đốt đồng rậm khét lẹt. Tất cả những yếu tố như trên đều vẽ lên khung cảnh không phải là cuộc sống của con người nữa mà mọi đường nét của nó tạo cho ta cảm giác về một nghĩa địa. Dường như cuộc sống của xóm ngụ cư đang thoi thóp trong sự đón đợi của nạn đói và cái chết. Ấy thế mà trong khung cảnh ấy lại xuất hiện một tình huống đầy nghịch lý, bất ngờ: Tràng lấy vợ.

+ Việc đến với hạnh phúc lứa đôi của Tràng vốn dĩ không có gì đặc biệt vì dựng vợ gả chồng là công việc đời thường của con người tới tuổi trưởng thành nhưng chuyện nhặt vợ của Tràng như một kì tích. Đối với nhân vật Tràng, ở anh ta hội tụ đầy đủ những đặc điểm không thể có vợ hay nói đúng hơn là lấy vợ với Tràng là một ước mơ xa xỉ. Anh ta xấu xí, ngờ nghệch, nghèo lại là dân xóm ngụ cư. Tưởng chừng lấy vợ là việc đến trong giấc mơ với Tràng nhưng éo le thay anh Tràng lại lấy vợ

để dành, anh ta không cần mồi mai, dưa dằm, không cần tiền treo, tiền cưới, kì công tán tỉnh mà chỉ cần mất bốn bát bánh đúc và một câu đùa tếu. Tình huống này tạo ra nghịch lý, bất ngờ, hấp dẫn nhưng tất cả đều tự nhiên, lô gic. Nạn đói đã hóa giải tất cả điểm yếu cho Tràng để anh ta trở thành người hùng trong công cuộc nhặt vợ. Chính nạn đói đã biến giấc mơ ấy thành hiện thực, Tràng đường hoàng dẫn người vợ nhặt về xóm ngụ cư trong vẻ mặt hơn hờ khác thường. Từ tình huống đó, chúng ta nhận ra ý đồ sáng tạo nghệ thuật của Kim Lân. Tác giả vẫn nhìn ra trong cái chết, nạn đói khát khao hạnh phúc và tình yêu.

+ Việc lấy vợ của Tràng trong câu chuyện này rõ ràng đã tạo ra nghịch lý trong cuộc sống. Giữa lúc nạn đói đang hoành hành, cái chết đang thống trị, con người ta tìm mọi cách để bầu víu vào sự sống thế mà Tràng, gia đình anh ta có thêm miệng ăn đồng thời cái đói cái chết cũng cận kề hơn. Không chỉ thế người ta chỉ dựng vợ gả chồng lúc “ăn lên làm nổi”, Tràng lại lấy vợ khi cái chết đang kề bên nên khi đối diện với hạnh phúc mới mẻ của con mình bà cụ Tứ lại không giấu nổi những giọt nước mắt đắng cay chua xót. Bà khóc vì không làm tròn nhiệm vụ với ông bà tổ tiên, không lo cho con được tử tế vì xưa nay cha mẹ nuôi con cái những mong đến ngày con lớn khôn, cũng chi vì:

Trông cây những muốn cây xanh

Nuôi con những muốn con thành thất gia.

Vậy mà đau đớn biết bao khi đến ngày vui đó bà cụ Tứ lại khóc trong sự giầy vò vì đã không lo được cho con, để con phải lấy vợ trong nạn đói. Những giọt nước mắt đó chan chứa vào niềm vui như chĩa vào lòng người làm mẹ.

+Không những thế, việc Tràng đưa người vợ nhặt trở về xóm ngụ cư đã mang theo những cảm xúc trái ngược nhau, có cả nụ cười và giọt nước mắt; cả niềm hạnh phúc xen lẫn với những tủi hờn. Đó là nụ cười sung sướng của Tràng khi anh ta có được vợ, là ánh mắt hồn nhiên của những đứa trẻ trong xóm ngụ cư khi chứng kiến sự kiện đó. Song những giọt nước mắt lại chan chứa, xót xa, người dân trong xóm thông cảm cho Tràng, họ nín lặng “giời đất này biết cái thân mình có nuôi nổi không mà lại còn đèo bồng”. Bà cụ Tứ cũng không thôi xót xa, bà tủi thân thương cho các con, chúng lấy nhau trong nạn đói “liệu có qua nổi cái tao đoạn này không”.

+ Tình huống này còn nghịch lý khi nó là mối tình được se tơ trong nạn đói. Vì không có nạn đói chẳng bao giờ Tràng dám mơ đến ngày có được vợ về nhà nên buổi

chiều ở xóm ngụ cư là cảm giác ngạc nhiên đến tột độ, người dân trong xóm bắt ngờ vì anh cu Tràng đi cùng với một người đàn bà lạ mà “trông chị ta thên thẹn hay đáo để”. Bà cụ Tứ càng ngạc nhiên hơn nữa vì người đàn bà đó lại ngồi ở đầu giường con trai bà và lại chào bà bằng bằng u (mà không phải con cái Đục). Bản thân anh cu Tràng cũng ngạc nhiên về việc lấy vợ của mình đến tận khi hạnh phúc đã kề bên mà Tràng ngỡ như không phải. Sáng hôm sau khi tỉnh dậy nhìn thấy mẹ và vợ của mình quét tước nhà cửa anh ta cứ tưởng mình bước ra từ một giấc mơ. Đó là cái trở trêu và nghịch lí của câu chuyện này chính là ở tình huống đó.

+ Hiện diện cùng hạnh phúc của Tràng thì cái đối, cái chết vẫn đang thống trị, đè nặng lên cái đầu ngõ nghịch của Tràng để anh ta không dám tin hạnh phúc kề bên. Cái đối không chỉ thống trị ở hiện tại mà còn chi phối cả những khao khát về tương lai của con người. Nó khiến người ta e dè, sợ sệt ngay khi cả hạnh phúc đến bên.

+ Cuộc hôn nhân chóng vánh của Tràng chẳng những mang lại niềm vui cho Tràng, cho thị và bà cụ Tứ còn mang sắc màu tươi sáng cho toàn thiên truyện. Giữa nạn đói, người ta sẵn sàng giành giật, hi sinh đồng loại để tồn tại nhưng Tràng vẫn mở rộng vòng tay với thị. Cuộc sống đói nghèo chỉ có thể làm teo tóp phần thể xác chứ không thể hủy diệt được tình yêu thương đồng loại, không thể dập tắt ngọn lửa khát vọng sống trong mỗi cá nhân. Kim Lân chọn nhân vật chính là anh cu Tràng và thị - những người nghèo khổ xấu xí không phải là sự lựa chọn ngẫu nhiên mà ông muốn cho bạn đọc nhìn thấy phẩm chất cao đẹp, tình người đôn hậu có thể xuất phát từ những cái đời thường thậm chí là nơi xấu xí.

+ Như vậy, thông qua cảnh ngộ riêng của Tràng, nhà văn gửi gắm tới bạn đọc những vấn đề nhân sinh mà ông

trăn trở - đó là quyền sống của con người không chỉ trong thời chiến mà cho tất cả mọi thời.

- Đánh giá chung:

+ Ý kiến trên đã nêu lên vấn đề đặc trưng của truyện ngắn. Ngoài việc phản ánh cuộc sống như “thư kí trung thành” mà còn là người thầy tận tâm và mẫu mực. Người thầy ấy giúp ta thấu hiểu về những vấn đề nhân sinh, bao gồm những phẩm chất, những khát khao chính đáng, những thế lực đen tối kìm hãm sự phát triển của con người

+ Chính hiện thực cuộc sống phong phú, đa dạng với nhiều biến hóa khôn lường đã đặt ra thách thức cho người cầm bút. Như Sê-khốp đã nói: “*Nhà văn chân chính là nhà văn nhân đạo từ trong cốt tủy*” thế nên người nghệ sĩ phải hướng đến những “*vấn đề nhân sinh*” – là mảnh đất kí thác tâm hồn mình.

c. Kết luận

- Tóm lại, thông qua ý kiến được đề cập đến, chúng ta nhận thấy những vấn đề nhân sinh mà các tác giả gửi gắm trong các tác phẩm của mình. Nó có thể là cái nhìn cuộc sống đa chiều, đa màu sắc trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu; cũng có thể là vẻ đẹp tâm hồn, tình người của con người trong hoàn cảnh khốn cùng nhất trong *Vợ nhặt* của Kim Lân. Chính từ những ví dụ cụ thể đó, chúng ta nhận ra những vấn đề nhân sinh, tấm lòng tận tâm, tận lực và những trăn trở của tác giả với con người và cuộc đời. Để từ đó những thế hệ bạn đọc sẽ luôn ý thức được trách nhiệm đồng sáng tạo của mình trong mỗi tác phẩm. Vì xét cho đến cùng, mọi nỗ lực cách tân, đào sâu của văn chương đều do con người và vì con người.

ĐỀ SỐ 34

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Toàn thể đồng bào phải thi đua tăng gia sản xuất để đủ ăn đủ mặc, tức là mọi người, mọi gia đình, mỗi làng, mỗi huyện, mỗi tỉnh cho đến cả nước đủ ăn đủ mặc, nhân dân và bộ đội đủ ăn đủ mặc để chiến đấu lâu dài. Tăng gia sản xuất phải có kế hoạch thiết thực, từ Chính phủ trung ương đến mỗi một gia đình đều phải có kế hoạch. Kế hoạch riêng từng địa phương phải ăn khớp với kế hoạch chung của toàn quốc. Tôi khuyên đồng bào và cán bộ nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch của Chính phủ, và đặt kế hoạch địa phương và gia đình cho thiết thực, để làm cho kinh tế tài chính năm nay thành công.*

(2) *Tăng gia sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm. Phải tiết kiệm sức lao động, phải tiết kiệm thì giờ, phải tiết kiệm tiền của, để gia tăng. Tiết kiệm giúp cho gia tăng và gia tăng giúp cho tiết kiệm, để đi đến kết quả tốt.*

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, trích *Bài nói chuyện nhân dịp Tết Nhâm Thìn năm 1952*).

Câu 1: Nêu vấn đề chính được đề cập đến trong đoạn trích. .

Câu 2: Chỉ ra và phân tích ý nghĩa của ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích trên. .

Câu 3: Tác giả thể hiện nghệ thuật lập luận của đoạn văn hiệu quả bằng việc thực hiện chủ yếu bằng biện pháp nghệ thuật nào? .

Câu 4: Những điều Hồ Chí Minh dạy trong đoạn trích đến thời điểm hiện tại còn giữ nguyên giá trị không? Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày những suy nghĩ của anh (chị). .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Nhà bác học L. Pasteur có nói đại ý: *Học vấn không có quê hương nhưng người có học vấn phải có Tổ quốc.*

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

So sánh hình ảnh người nghệ sĩ qua hai tác phẩm: *Đàn ghi ta của Lora* (Thanh Thảo) và *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Nguyễn Huy Tưởng).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Vấn đề chính được đề cập đến trong đoạn trích là lời khuyên của Bác Hồ đến nhân dân cả nước cần phải làm hai việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm. Hai việc này phải được thực hiện đồng thời và thể hiện sự quyết tâm của toàn thể đồng bào trong cả nước. .

Câu 2: Đoạn trích được viết bằng ngôi thứ nhất, người viết chính là Bác Hồ xưng “tôi”. Câu văn thể hiện điều đó là: *Tôi khuyên đồng bào và cán bộ nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch của Chính phủ, và đặt kế hoạch địa phương và gia đình cho thiết thực, để làm cho kinh tế tài chính năm nay thành công.*

Tác dụng: Thể hiện tính chủ quan của người nói vào vấn đề được nhắc tới. Người đưa ra lời dặn dò trên là Bác, chính vì vậy sử dụng ngôi thứ nhất là cách sử dụng hợp lí để Bác gửi gắm lời của mình đến toàn thể đồng bào cả nước. .

Câu 3: Nghệ thuật lập luận của đoạn văn được thực hiện chủ yếu bằng biện pháp nghệ thuật là điệp ngữ.

Bác đã điệp rất nhiều lần các từ như tiết kiệm, tăng gia nhằm nhấn mạnh ý phải kết hợp một cách hiệu quả hai vấn đề là tăng gia sản xuất phải gắn với tiết kiệm, không được nhấn mạnh vấn đề này mà quên đi vấn đề kia. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Những điều Bác dạy cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Vì nước ta vẫn trên đà phát triển và hội nhập thế giới, vẫn luôn phải đặt vấn đề tăng gia sản xuất lên là một trong những vấn đề quan trọng. Vấn đề tăng gia được hiểu theo nghĩa rộng hơn là phát triển đất nước trên nhiều phương diện khác nhau, chứ không chỉ đơn thuần là sản xuất vật chất.

- Nước ta vẫn là một nước đang phát triển, nhiều nơi vẫn còn những người nghèo, không có đủ cơm ăn áo mặc, việc học hành vẫn chưa thực sự được chăm lo. Do đó người dân vẫn phải nâng cao ý thức tiết kiệm. Dù sau này đất nước có giàu mạnh như thế nào đi chăng nữa thì lời dạy tiết kiệm của Bác vẫn đúng bởi có tiết kiệm thì mới biết quý trọng những giá trị mà cuộc sống đem lại.

Học sinh có thể trình bày theo cách khác, miễn sao đảm bảo các ý cơ bản ở trên, diễn đạt hợp lí.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:* Câu nói của nhà bác học L. Pasteur nhằm khẳng định vai trò của quê hương đối với những người có học vấn, những người trí thức trong xã hội. Càng được tiếp xúc với tri thức, với những thành tựu của thế giới hiện đại thì càng phải biết trân trọng, biết ơn và xây dựng cho quê hương, đất nước mình.

- Phân tích, lí giải

+ Tại sao có thể nói học vấn không có quê hương?

Học vấn có thể đến từ nhiều nơi nhưng đó là tài sản chung của nhân loại. Không ai “đăng kí bản quyền” học vấn. Đặc biệt, trong thời đại bùng nổ thông tin ngày hôm nay, học vấn, tri thức là những thứ luôn có sẵn. Tất cả mọi con người đều có thể đến với mọi loại tri thức, trong mọi thời điểm, ở mọi không gian. Đó cũng là quyền lợi cơ bản nhất của mỗi con người. Học vấn không có quê hương cũng là vì vậy.

+ Tại sao người có học vấn phải có Tổ quốc trong lòng?

++ Tổ quốc có vai trò quan trọng trong mỗi con người. Dòng máu chảy trong ta là dòng máu của Tổ

quốc, tiếng nói của ta cũng là tiếng nói của Tổ quốc, những thói quen về ăn, mặc, ở,.. của ta cũng đều có cơ sở từ văn hóa của Tổ quốc. Tổ quốc ban tặng cho mỗi con người nhiều điều quý giá, cho ta nền tảng đầu tiên để ta bay cao, bay xa cùng với nhân loại. Càng những người có học vấn, càng những người có tri thức thì càng nhận thức được điều đó.

++ Chỉ khi biết yêu thương, trân trọng nơi mình xuất phát, nguồn cội của mình, con người mới có đủ tự tin để đứng trước người khác.

++ Những người biết yêu Tổ quốc cũng là những con người có đạo đức tốt, có những phẩm chất tốt đẹp. Và chỉ có những con người như thế mới có thể sử dụng tri thức một cách có ích lợi nhất, đúng đắn nhất, hiệu quả nhất.

- Bình luận, liên hệ bản thân

Câu nói đã đưa ra một bài học ý nghĩa, đặc biệt trong bối cảnh đất nước ta đang hội nhập. Những người có học vấn, được tiếp xúc với văn minh nhân loại càng cần phải biết trân trọng cội nguồn, đem tri thức xây dựng cho quê hương đất nước. Tuy nhiên, những cơ quan, những cơ sở có thẩm quyền cũng cần phải có những chính sách, chế độ xứng đáng cho những người tài.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nghệ thuật chân chính từ muôn đời này luôn là khát khao rực rỡ của những nghệ sĩ chân chính. Bằng cách của riêng mình, những người nghệ sĩ chân chính luôn muốn làm mới và cách tân nghệ thuật, tránh cho nghệ thuật bước đi già cỗi của thời gian. Nhưng nghệ thuật vốn là đến đâu dành cho thiếu số, những cách tân có thể trở nên lẻ loi và những số phận phải gánh chịu nhiều bi kịch. Tiêu biểu cho điều đó là hình ảnh Lorca (*Đàn ghita của Lorca* – Thanh Thảo) và Vũ Như Tô (*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* – Nguyễn Huy Tưởng). Qua tấn bi kịch của người nghệ sĩ, các tác giả đặt ra những vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thân và trực tiếp của nhân dân và đặc biệt hơn là tiếng nói ngợi ca những khát khao cách tân nghệ thuật chân chính.

2. Thân bài:

- Khái quát chung

+ *Đàn ghita của Lorca* – Thanh Thảo

++ Thanh Thảo: trưởng thành trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Sau năm 1975, Thanh

Thảo dành nhiều tâm huyết cho việc đổi mới thơ ca Việt Nam. Ông được biết đến bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. Thơ ông là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi mà tìm kiếm những cách biểu đạt mới mang tính hiện đại. Thơ ông luôn dành mối quan tâm đặc biệt với những con người có nghĩa khí như Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, A-ra-gông, Ê-xi-nhìn, Lor-ca, và viết nên những vần thơ chân thành đồng cảm. Trong số đó, bài thơ *Đàn ghita của Lor-ca* được xem là tiêu biểu nhất.

++ *Đàn ghita của Lorca* lấy cảm hứng trực tiếp từ những giây phút đầy bi phẫn trong cuộc đời của Lorca, Thanh Thảo viết bài thơ này. Bài thơ in trong tập thơ *Khối vuông ru-bích* (1985). Viết về nhà thơ hiện đại Tây Ban Nha là Lor-ca tiêu biểu cho kiểu tư duy của thơ Thanh Thảo và được viết bằng bút pháp tượng trưng, siêu thực mà ông học tập ở chính Lorca.

++ Người nghệ sĩ Lorca : Lorca là một hiện tượng xuất chúng có sức ảnh hưởng to lớn tới nghệ thuật và chính trị của Tây Ban Nha lúc bấy giờ. Lorca sinh 1898 - mất 1936, ở tỉnh Gra-na-đa, miền Nam Tây Ban Nha, được xem là nhà thơ lớn của TBN thế kỉ XX.

+++ Một thiên tài: nhà thơ, nhạc sĩ, nhà viết kịch, nhà hoạt động sân khấu người Tây Ban Nha - đại diện cho tinh thần tự do và khát vọng cách tân nghệ thuật của thế kỷ XX.

+++ Một nhân cách cao đẹp: nhà thơ hiện đại yêu nhạc dân gian, dùng tiếng đàn ghita ta để giải bày nỗi đau buồn và khát vọng yêu thương của nhân dân, dám đứng cầm đầu tranh với một nền chính trị độc tài, nền nghệ thuật già nua, bảo thủ.

+++ Một số phận đầy oan khuất: kẻ thù tàn nhẫn lên tay tiêu ông, ném xác xuống giếng để phi tang, nhiều người không hiểu hết sự hy sinh cao cả của ông.

+ *Vinh biệt Cửu Trùng Đài* - Nguyễn Huy Tưởng:

+ Tác giả Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) xuất thân trong một gia đình nhà nho của đất Bắc Ninh xưa, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội. Từng gắn bó với phong trào cách mạng trong các tổ chức văn hoá văn nghệ do Đảng lãnh đạo từ rất sớm. Nguyễn Huy Tưởng có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử để xây dựng tác phẩm có quy mô lớn, dựng lên những bức tranh, những hình tượng hoành tráng về lịch sử bi hùng của dân tộc. Ông là một nhà viết kịch tài ba. Văn phong của ông vừa

giản dị, trong sáng, vừa thâm trầm sâu sắc khi đặt ra những vấn đề có tầm triết lý.

+ *Vũ Như Tô* là vở kịch lịch sử có qui mô hoành tráng xuất sắc của Nguyễn Huy Tưởng và của nền kịch Việt Nam hiện đại. Tác phẩm được sáng tác vào năm 1941, dựa trên một sự kiện lịch sử xảy ra ở kinh thành Thăng Long vào thời hậu Lê. Tác phẩm gồm 5 hồi. Đoạn trích *Vinh biệt Cửu Trùng Đài* là hồi 5, hồi cuối của vở kịch. Trong đoạn trích được học gây ấn tượng sâu sắc nhất là nhân vật Vũ Như Tô.

- Hình tượng nghệ sĩ Vũ Như Tô:

+ Một người nghệ sĩ có tài - một kiến trúc sư tài hoa.

++ Trong vở kịch, Vũ Như Tô hiện lên là một kiến trúc sư thiên tài. Điều đó thể hiện trực tiếp qua lời van nài của Đan Thiềm *Tài kia không nên để uống. Ông mà có mệnh hệ nào thì nước ta không còn ai tô điểm nữa.* Thậm chí Đan Thiềm còn cho rằng: *Đừng để phi tài trời và giết Vũ Như Tô là tội ác mang hận muôn đời: Nước ta còn cần nhiều thợ tài giỏi để tô điểm.* Cái tài của Vũ Như Tô lên tới tột đỉnh khiến Đan Thiềm sẵn sàng chết thay cho ông.

++ Điều đó còn thể hiện qua chính lời than vãn của Vũ Như Tô: *Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì?.* Đó là người nghệ sĩ ngàn năm chưa để có một, có thể sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân, có thể xây lâu đài cao cả, nóc vòm mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ, chỉ vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa thần tình biến hóa như cảnh hóa công.

+ Một người có nhân cách lớn, hoài bão lớn, có lí tưởng nghệ thuật cao cả

++ Là một nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân nên Vũ Như Tô đã ngang nhiên chửi mắng bạo chúa Lê Tương Dực và kiên quyết chối từ việc xây dựng Cửu Trùng Đài. Kể cả khi bị hôn quân đe dọa, bị công cùm, Vũ Như Tô vẫn kiên định: *"Tiện nhân không sợ chết"*. Khi được vua ban cho vàng bạc lụa là, ông không hề háms lợi mà chia cho đám thợ thuyền. Bởi vậy mà lúc đầu khi khởi công xây dựng Cửu Trùng Đài ông được nhân dân ủng hộ.

++ Nhưng cao cả hơn, Vũ Như Tô là người nghệ sĩ có khát vọng nghệ thuật chân chính. Qua lời giới thiệu của tác giả ta thấy Vũ Như Tô là người nghệ sĩ lớn mang trong mình nhân cách cao đẹp, một nghệ sĩ có hoài bão lớn lao, có lý tưởng nghệ thuật cao cả. Khát vọng nghệ thuật của ông lớn hơn bao giờ hết, ông muốn xây dựng một tòa lâu đài vĩ đại *bền như trăng sao* để cho dân ta nghìn thu còn hành diện. Đó là một công trình kiến trúc

vĩ đại, tuyệt mỹ, tô điểm cho non sông, đất nước: *để ta xây dựng một Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở, vài năm nữa Cửu Trùng Đài hoàn thành, cao cả huy hoàng, giữa cõi trần lao碌 có một cảnh Bồng Lai. Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài. Tâm hồn và mọi khát khao nghệ thuật, Vũ Như Tô đều gửi gắm hết vào Cửu Trùng Đài*”.

++ Cửu Trùng Đài – như cái tên của nó – là một công trình kiến trúc mà tầm vóc không thể chỉ tính đếm bằng số lượng gỗ cây, đá khối, cho dù đó là những con số nghe qua đã đủ kinh hoàng *hai trăm vạn cây gỗ chất đống cao như núi, toàn những cây gỗ quý vô ngần, hai mươi vạn phiến đá lớn, bốn mươi vạn phiến đá nhỏ, từ Chân Lạp tãi ra*. Tầm vóc của nó, phải hình dung bằng chính tầm vóc ý tưởng, khát vọng đầy ngạo nghễ của người khai sinh ra nó: một công trình độc nhất vô nhị, vượt xa tất cả các kì quan của Trung Quốc, Ấn Độ, Chiêm Thành... và những công trình người đời từng biết đến, từng truyền tụng. Lại là một kì quan bền vững, bất diệt. Xây công trình đó, họ Vũ không cần *tranh tình xảo* với các giá trị tâm thường mà muốn *tranh tình xảo* với *Hóa công*. Đó là hiện thân của cái đẹp, không phải những cái đẹp nói chung mà là cái đẹp tuyệt đỉnh. Tạo nên cái đẹp hoàn mỹ chính là thiên mệnh, động cơ sáng tạo của người nghệ sĩ chân chính.

++ Khi mạng sống bị đe dọa thì niềm say mê của Vũ Như Tô càng được đẩy lên đến tuyệt đỉnh: *Tôi sống với Cửu Trùng đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài nửa bước. Hồn tôi để cả đây thì tôi chạy đi đâu*. Thậm chí Vũ Như Tô phải thốt lên: *Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài*. Sự tâm huyết của ông với công trình nghệ thuật thật đáng trân trọng và ngưỡng mộ.

+ Một số phận đầy bi kịch

++ Bi kịch của Vũ Như Tô xuất phát từ nhận thức và hành động mù quáng, lầm lạc, không hiểu được hoàn cảnh cụ thể. Khát vọng nghệ thuật của Vũ Như Tô lớn lao nhưng tác rời khỏi hiện thực cuộc sống, đi ngược lại quyền lợi thiết thực của nhân dân. Cửu Trùng Đài cao bao nhiêu thì cuộc sống của nhân dân lầm than, cơ cực bấy nhiêu. Cửu Trùng đài có 100 nóc, cao 10 trượng, dài 500 trượng với các điện vàng điện ngọc. Để xây được công trình này cần khối lượng vật liệu khổng lồ (xem ở trên) và huy động hàng trăm nghìn đám thợ thuyền. Đây là công trình kì vĩ, tốn nhiều công sức, tiền của, mồ hôi, xương máu của nhân dân, nó là hiện thân cho cái đẹp xa hoa. Xây lên kì quan ấy, tốn kém vô cùng, không

chỉ là tiền của mà còn tính bằng mồ hôi, nước mắt và máu của nhân dân mà chỉ xây cho hôn quân Lê Tương Dực. Còn nhớ đời Tây Chu bên Trung Hoa, U vương vì Bao Tự mà bắt dân xây Giao Đài để ăn chơi hưởng lạc khiến cho lòng dân oán hận rồi đời Tây Chu cũng diệt vong. Vì quá đam mê thi thố tài năng, Vũ Như Tô đâu có hiểu sâu xa trên thực tế, Cửu Trùng Đài cũng xây dựng bằng mồ hôi xương máu của nhân dân và chỉ để phục vụ thói ăn chơi sa đọa của hôn quân. Như vậy, người nghệ sĩ đã sai lầm khi lợi dụng quyền lực của bạo chúa để thực hiện khát vọng của mình. Đứng trên lập trường của nghệ thuật thuần túy, người nghệ sĩ đã vô tình đối nghịch và gây đau khổ cho nhân dân. Để xây dựng Cửu Trùng Đài, triều đình đã lệnh tăng sưu thuế, bắt thêm thợ giỏi, tróc nã, hành hạ những người chống đối. Vũ Như Tô không nhận ra giác mơ nghệ thuật của mình đi ngược lại lợi ích của nhân dân. Cũng chính từ sự trớ trêu đó dẫn đến bi kịch của người nghệ sĩ.

++ Khi nghe Đan Thiềm khuyên phải trốn, Vũ Như Tô hết sức ngạc nhiên, không hiểu lí do làm sao: *Làm sao tôi cần phải bỏ trốn? Bà nói rõ là vì sao?, Nguy hiểm làm sao?*. Một loạt các câu hỏi đưa ra cho thấy Vũ Như Tô hết sức ngạc nhiên, chưa hiểu được tình hình diễn ra. Và nguy hại thay, Vũ Như Tô vẫn nghĩ mình vô tội: *Mà tôi không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm*”. Câu nói thể hiện sự bướng bỉnh, có phần mê muội. Dời vào tình cảnh này nhưng ông vẫn nghĩ việc làm của mình là quang minh chính đại: *“Người quân tử không bao giờ sợ chết, mà vạn nhất có chết, thì cũng phải chết cho mọi người biết rằng công việc của mình là chính đại quang minh”*. Câu nói này một mặt thể hiện tấm lòng trong sáng, nghĩa khí của ông nhưng đây là một nhận thức hết sức sai lầm và nguy hại.

++ Nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá đốt, Vũ Như Tô vẫn khăng khăng là vô lí, rằng mình không gây tội với ai. Sự bướng bỉnh, bướng bỉnh khiến cho ông trở nên mù quáng. Họ Vũ còn chìm đắm trong mơ mộng ngay cả khi đài lớn tan tành: *Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ ơn tri kỉ*. Khi bị quân sĩ và vào miệng, ông vẫn không ngừng nói về *đứa con* của mình: *... Vài năm nữa Đài Cửu Trùng sẽ hoàn thành, cao cả, huy hoàng giữa cõi trần lao碌, có một cảnh Bồng Lai*”. Đến chết vẫn hi vọng thuyết phục được An Hòa Hầu, một kẻ cầm đầu phe nổi loạn, song sự thực đã diễn ra một cách tàn nhẫn và phũ phàng, không như Vũ Như Tô mộng tưởng. An Hòa Hầu đã cho quân đốt phá thành, đốt phá Cửu Trùng Đài. Đài Cửu Trùng tan thành cho

bụi, Vũ Như Tô đau đớn, tuyệt vọng đến khôn cùng vì mọi khát vọng nghệ thuật sánh với Hóa công đã chìm trong biển lửa, tan thành mây khói.

++ Tất cả chỉ là ảo vọng, Đan Thiềm bị bắt và đày Cừu Trùng bị thiêu hủy thì Vũ Như Tô mới tỉnh ngộ, ngửa mặt lên trời mà cất tiếng than ai oán tuyệt vọng: *Đốt thực rồi! ôi đảng ác! Trời ơi phú cho ta cái tài để làm gì? ôi mộng lớn! ôi Đan Thiềm! ôi Cừu Trùng dài! Thôi thế là hết! Dẫn ta đến pháp trường.* Trong tiếng kêu than ấy, tiếng Đan Thiềm, mộng lớn Cừu Trùng Dài dồn dập vang lên hòa nhập vào nhau thành khúc ca bi tráng, ai oán, đầy tiếc thương.

- Hình tượng nghệ sĩ Lorca:

+ Cuộc đời, hình ảnh nghệ sĩ Lorca (Khổ 1).

Mở đầu bài thơ, tác giả vẽ lên hình tượng một người nghệ sĩ với cây đàn mà tiếng đàn tan ra và long lanh như bọt nước.

Những tiếng đàn bọt nước

Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt.

++ Câu thơ vẽ ra hình ảnh rất đẹp mang đậm giá trị biểu tượng về Lorca. Đặt lên biểu tượng ấy là sự chông chéo của nhiều hình ảnh và quan điểm thơ tượng trưng. *Những tiếng đàn bọt nước* có vẻ như hơi lạc điệu bởi các hình ảnh này khá khập khiễng trong trường liên tưởng. Tiếng đàn là biểu tượng của âm thanh, bọt nước lại mang dáng hình, khi xâu chuỗi chúng với nhau người đọc sẽ tìm ra cảm xúc thơ của Thanh Thảo trong nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Còn những tiếng đàn lại gọi tên cho những sáng tạo nghệ thuật gắn liền với số phận người nghệ sĩ, đồng thời đó còn là hoán dụ cho chính cuộc đời của Lorca. Xuất hiện cùng với hai hình ảnh trên, “bọt nước” lại gọi liên tưởng đến vẻ đẹp lung linh, huyền diệu của hình ảnh song lại mỏng manh, dễ vỡ nhưng gắn với không gian biển khơi trong thơ Lorca thì nó còn là sự vô biên, bất tận. Khi chúng ta liên kết hai trường liên tưởng với nhau, dòng thơ này gọi tên cho hình ảnh Lorca là một người nghệ sĩ mà những sản phẩm nghệ thuật của ông đẹp đến độ mê hồn. Những lung linh của bọt nước nhưng cũng chính hình ảnh ấy lại vẽ ra số phận của một con người tài ba nhưng yếu mệnh. Lorca bị ám sát khi ông mới 36 tuổi, khi những dự định lớn lao của cuộc đời còn dang dở. Gắn với cuộc đời người nghệ sĩ này, những tiếng đàn bọt nước còn là khúc ca bất tử về một con người vĩ đại vì Lorca sáng tạo và tranh đấu cho nhân dân, đất nước nên những tiếng đàn đó trở thành vô biên, bất tận.

++ Song hành với những hình ảnh đó, câu thơ thứ hai là những trường cảm xúc được bắt đầu từ biểu tượng áo choàng đỏ của nền văn hóa Tây Ban Nha. Đó là hình ảnh đẹp gắn liền với những đấu sĩ bò tót nên khi nhắc đến miền đất này người ta vẫn tự hào về nền truyền thống lâu đời được dựng xây từ hình ảnh áo choàng. Nó không chỉ mang theo hình ảnh người đấu sĩ mà còn vẽ ra những cuộc chiến, những trận đấu kiêu hùng để con người tìm được sức mạnh của mình trước thế giới tự nhiên. Màu đỏ gắt của áo choàng vẽ ra trận đấu rất khốc liệt nên hình ảnh người đấu sĩ kia càng đẹp đẽ, hiên ngang. Đằng sau những giá trị ấy câu thơ này còn đưa chúng ta liên tưởng đến hiện thực đất nước Tây Ban Nha đương thời, nó như một đấu trường đỏ lửa mà tất cả những ánh mắt đều dõi theo hình ảnh người đấu sĩ Lor-ca

Như vậy, hai câu thơ đầu tiên thể hiện những cảm xúc bề bộn chông chênh của Thanh Thảo trong tư duy mãnh liệt khi nói về người nghệ sĩ Lor-ca. Đó là niềm ngưỡng mộ, say mê với người nghệ sĩ cũng là cảm giác xót thương vì số phận kia quá mỏng manh, nhỏ bé nhưng sâu sắc hơn vẫn là niềm biết ơn, trân trọng với bức tượng đài đã đấu tranh và hi sinh cho nghệ thuật.

+ + *li-la li-la li-la* tạo ra những ấn tượng mới lạ và mạnh mẽ với người đọc từ cấu trúc câu thơ cho đến ngôn từ trong giai điệu vì nó gợi ra rất nhiều giá trị khác nhau. Nó có thể âm thanh quen thuộc của tiếng đàn ghita vang lên một khúc ca về sự vô biên, bất tận. Tiếng đàn cứ vang mãi vang mãi với những trường cô, những thảo nguyên trên khắp đất nước Tây Ban Nha rộng lớn nơi đâu cũng in dấu vó ngựa của người nghệ sĩ lãng du – Lor-ca. Mặt khác, li-la còn là tên một loài hoa gắn với đời sống tinh thần, với nền văn hóa của người dân Tây Ban Nha – hoa từ đỉnh hương. Và khi dòng thơ này cất lên, người ta lại thấy những tràng hoa từ đỉnh hương xuất hiện, nó bình dị nhưng đẹp, thanh khiết nó giống như hình ảnh Lor-ca trong tâm hồn người dân Tây Ban Nha. Âm vang của tiếng thơ với nhịp bất tận cứ réo rắt không ngừng, mỗi tiếng đàn ngân lên là khoảnh khắc nghệ sĩ Lor-ca trở về để người đọc càng đắm sâu cảm xúc về một người nghệ sĩ tài hoa, bạc mệnh.

++ *đi lang thang về miền đơn độc*

với vàng trắng chéng choáng

trên lưng ngựa môi mơn.

Ba dòng thơ cuối nhịp thơ nhanh, mạnh với hình ảnh được liệt kê với mật độ dày đặc. Nó trở thành khúc ca trào trong cuộc đời của Lor-ca. Đó là cuộc đời một người nghệ sĩ hát rong, đam mê sáng tạo tự do trên yên ngựa

mỏi mòn trong cuộc hành trình lang thang về miền đơn độc. Nhưng trên không gian rộng lớn ấy chỉ một mình Lor-ca với tiếng đàn, điệu nhạc. Sự đơn độc, lẻ loi cũng là hình ảnh của cuộc đời nghệ sĩ này. Song hành với những gót ngựa hiên ngang là hình ảnh vàng trắng chénh choáng ở mãi bầu trời xa nhưng vẫn luôn soi sáng cho bước đường mà Lor-ca đã đi qua. Vàng trắng đó còn là biểu tượng đẹp đẽ cho những đam mê và khát vọng nghệ thuật vì vậy cuộc hành trình của Lor-ca hướng đến hai lí tưởng: sự tự do và đam mê sáng tạo nghệ thuật.

+ Giấy phút bi phần của cuộc đời Lor-ca (Khố 2, 3).

Với cuộc đời và số phận của mỗi con người thì cái chết vẫn là hành trình cuối cùng và cũng là giây phút đón đầu nhất vì mọi điều kì diệu trên cuộc đời không còn nữa nhưng với Lor-ca thì khoảnh khắc ấy còn là giây phút bi phần cho số phận. Bởi người nghệ sĩ tài hoa nhưng yếu mệnh, ông tận hiến cuộc đời cho nhân dân, cho nghệ thuật nhưng lại chết oan khuất. Giấy phút này áp đến khi những niềm đam mê và những cuộc hành trình vẫn còn dang dở vì vậy cảm xúc chủ đạo là xót thương và bi tráng.

++ Tổ khúc thứ nhất: Khi Lorca bị ám sát

+++ Trong cách định danh quen thuộc về người nghệ sĩ thì thơ ca thường tìm điểm tựa về cuộc đời, sự nghiệp và những nét tiêu biểu về phong cách nghệ thuật. Có thể coi *Đàn ghi-ta của Lor-ca* của Thanh Thảo là một bản tiểu sử bằng thơ về cuộc đời của nghệ sĩ vĩ đại Tây Ban Nha. Nhưng ở đây, cảm xúc thơ của Thanh Thảo lại trào dâng mãnh liệt khi nói về giây phút bi phần mà Lor-ca phải từ giã cõi đời, bởi vì đó là giây phút thiêng liêng và huy hoàng nhất của mỗi người nghệ sĩ và đặc biệt với Lor-ca. Khoảnh khắc ấy vẫn là một điều bí ẩn nên những cảm xúc thành thơ của Thanh Thảo đã chạm vào phần nhạy cảm nhất trong trái tim mỗi con người chúng ta khi hướng về Lor-ca và mãi mãi hình ảnh Lor-ca lúc từ giã cuộc đời vẫn để lại những ám ảnh khôn nguôi với nhân loại.

+++ Những dòng thơ đầu tiên chứa chan cảm xúc, vừa xót thương vừa tự hào và cũng là tận cùng của tiếng nói ngợi ca mà Thanh Thảo đã tái hiện về phút giây bi phần của cuộc đời của Lorca. Toàn bộ khoảnh khắc ấy đưa đến cảm giác kinh hoàng, đó là sự bất ngờ, sợ hãi xen lẫn đón đầu. Đó là nỗi lòng của đất nước Tây Ban Nha, của nhân loại hay chính của Lor-ca. Chúng ta vẫn biết rằng, người nghệ sĩ hát rong ấy đã tận hiến cả cuộc đời mình cho nghệ thuật, cho tự do nhưng không ai ngờ rằng giây phút bi phần, đón đầu lại xuất hiện quá đột

ngột. Vẫn biết cái chết là quy luật tất yếu của cuộc đời mỗi con người nhưng nó lại xảy ra với một nghệ sĩ tài ba nên những giọt nước mắt tiếc thương khó lòng nguôi ngoai. Ẩn chứa trong mỗi dòng thơ của Thanh Thảo biết bao suy ngẫm: khi đất nước Tây Ban Nha kinh hoàng cũng là lúc tượng đài về người nghệ sĩ được dựng lên vì cả một dân tộc đón đầu, họ thương tiếc cho hành trình cách tân nghệ thuật của Lor-ca còn dang dở. Nếu nổi kinh hoàng kia là của nhân loại thì nó gợi ra những ám ảnh xa xôi về chân lí ngàn đời tài hoa bạc mệnh, đó là Lor-ca, là Puskin. Đến với thơ ca Việt chúng ta lại nhớ về Hàn Mặc Tử, mà những trần trụi này đã từng được Nguyễn Du gọi tên bằng chân lí:

Có tài mà cây chi tài

Chữ tài gắn với chữ tai một vần.

Lắng lại những cảm xúc ấy còn là nỗi lòng thổn thức của chính người nghệ sĩ yếu mệnh kia. Lor-ca không thể ngờ cái chết đến với ông ở giây phút bi phần ấy cho dù trên hành trình tranh đấu, người nghệ sĩ thiên tài vẫn luôn sẵn sàng tư thế đón nhận những chông gai về phía mình:

Con ngựa đen, vàng trắng đỏ

Có cái chết đón đầu anh nơi đó

Cóc- đơ- ba xa thăm cô liêu.

+++ Phút giây bi phần: Trong cảm xúc thơ của thi sĩ, giây phút kinh hoàng đó không đơn thuần là cái chết hay lời từ giã cõi đời mà nó còn là niềm phần uất, bi ai của một con người, một nghệ sĩ, một dân tộc bởi số phận đã quá đường đột, dòng sông cuộc đời đã gãy khúc giữa đường. Lor-ca đối diện với giây phút bi phần khi bao giấc mộng còn dang dở và nơi hiện thực phủ phàng kia người ta vẫn gọi nó là số phận, là điều không thể giải thích được ở cuộc đời. Một con người lớn với những đam mê về sự sáng tạo nghệ thuật và khao khát tự do lại phải chết trên chính con đường mình đã lựa chọn.

++ Tổ khúc thứ hai:

+++ Gắn với những người nghệ sĩ là những đứa con tinh thần và niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật của mình mà tất nhiên khi nhắc đến Lor-ca chúng ta không thể không gọi tên về những tiếng đàn ghi-ta. Bởi âm thanh này là điệu hồn truyền thống của dân tộc Tây Ban Nha và cũng là niềm đam mê cuộc đời của nghệ sĩ Lor-ca cho nên khi số phận đã chấm dứt với người nghệ sĩ ấy thì mỗi tiếng đàn lại ngậm ngùi bao nhiêu nỗi đón đầu. Âm thanh của nó cũng như đứt đoạn khi mới cất lên những giai điệu đầu tiên vì thế phút giây bi phần kia còn là niềm đau đớn của nghệ thuật.

+++ Thanh Thảo đã rất linh hoạt và tinh tế khi chọn thơ tượng trưng để nói về một nhà thơ tượng trưng. Trong những dòng thơ đó bút pháp liệt kê, ẩn dụ, chuyển đổi cảm giác đã mở ra không gian mệnh mang của tiếng đàn. Nó không chỉ có âm thanh mà còn lung linh như bọt nước rồi chuyển màu liên tục để cuối cùng nó vẽ ra hình ảnh của những tiếng đàn nhỏ máu. Trước khi nói đến cảm xúc của những dòng thơ này, người đọc được chìm vào thế giới huyền diệu của nghệ thuật với tiếng đàn đa sắc, đa chiều trong không gian cảm xúc bất tận nhưng lắng lại những nỗi niềm ấy, hình ảnh cây đàn lại hiện lên, mà mỗi sợi dây đàn như đang tan nát, vụn tan. Có khi nó là bọt nước vỡ òa trong khoảnh khắc lại có lúc in hình lên chiếc áo choàng để nhỏ máu rờn rờn. Hơn nữa, đàn ghi-ta ấy lại song hành với cuộc đời và số phận của Lor-ca nên tiếng đàn thở than lại càng thêm đau xót.

+++ Sự phóng túng trong cảm xúc thơ siêu thực đưa người đọc đến với thế giới của những liên tưởng mà ở những dòng thơ này chúng ta được trở về với phút giây đón đau của cuộc đời người nghệ sĩ Lor-ca. Từ tiếng đàn với màu nâu, màu lá xanh với bầu trời cô gái ấy, biết bao không gian kì diệu được vẽ ra nhưng cuối cùng vẫn là tiếng ghi-ta rờn rờn máu chảy. Đó là hiện thực phũ phàng đối với nghệ thuật vì người nghệ sĩ đã không còn nên những dòng cảm xúc càng chơi vơi, nghẹn ngào và từ đây, khi nói về Lor-ca, nhân loại không thể chối từ những giọt nước mắt tiếc thương và tri ân với người nghệ sĩ.

+ Hình ảnh bắt từ của Lor-ca và tiếng đàn ghita (Khổ 4)

++ Đó là hành trình bắt từ của tiếng đàn ghita và những sáng tạo nghệ thuật mà Lorca để lại cho đời. Đáp lại lời di chúc sớm và bài thơ *Ghi nhớ* của Lorca: “*Khi tôi chết hãy chôn tôi với tiếng đàn*”, cuộc đời và nhân dân Tây Ban Nha đã khẳng định sự đền đáp ấy bằng chân lí: không ai chôn cất tiếng đàn hay nói đúng hơn những âm thanh diệu kì từ tiếng đàn của Lorca sẽ không thể bị lãng quên hay chôn vùi, nó mãi là bài ca bất tử với niềm đam mê nghệ thuật của con người. Mà thực tại “tiếng đàn như cỏ mọc hoang”, lại gợi nhớ đến Tây Ban Nha với những thảo nguyên trải dài bất tận và trên dặm dài của cuộc hành trình đó những ngọn cỏ mọc hoang trở thành hình ảnh quen thuộc, cũng như tiếng đàn của Lorca lúc này hóa thân vào trái tim, vào tâm hồn của nhân dân Tây Ban Nha vì âm thanh của nó được tạo ra từ Tây Ban cầm. Và hơn cả giá trị ấy, những cây cỏ mọc hoang tạo ra sức sống bền bỉ, mãnh liệt và bất diệt hay nó là bài ca

bắt từ về tiếng đàn của Lorca nhưng cũng từ sau hình ảnh này, câu thơ lại vẽ ra một thực tế rất phũ phàng và đau đớn nên nghệ thuật Tây Ban Nha như cỏ mọc hoang vì người nghệ sĩ của họ đã không còn nữa.

++ Hai dòng thơ sau là những cảm xúc trào dâng mãnh liệt khi cuộc đời nhớ về nghệ thuật và người nghệ sĩ tài ba. Thanh Thảo gợi ra những nỗi niềm ấy bằng hình ảnh *giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng*. Chúng ta biết rằng, sau khi ám sát Lorca để tránh những dư luận không tốt nổ ra ở đất nước Tây Ban Nha lúc ấy thì bọn phast xít đã phi tang thi thể Lor-ca xuống giếng cho nên từ đây hình ảnh của những cái giếng trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi với con người Tây Ban Nha vì nơi đó ẩn chứa bí mật về cuộc đời nghệ sĩ thiên tài Lor-ca.

++ Trường liên tưởng đa chiều đã tạo ra những dòng cảm xúc mệnh mang cho hai dòng thơ này bởi nơi biên giới giữa giọt nước mắt với vàng trắng là những ẩn ức của cuộc đời: có phải giọt nước mắt và vàng trắng cùng khóc thương cho người nghệ sĩ tài ba hay vì vàng trắng nghệ thuật mà người đời khóc thương Lor-ca. Nhưng cũng có thể vì niềm tiếc thương sâu sắc ấy mà nơi đáy giếng vẫn long lanh vàng trắng bắt từ?

++ Khi liên kết hai dòng thơ rời rạc này, chúng ta tìm ra một hành trình thú vị từ vàng trắng đến đáy giếng sâu. Vẫn biết rằng, gửi gắm sau hình ảnh tròn trịa và sáng trong kia là biểu tượng của nghệ thuật nhưng khi nó xuất hiện ở đáy giếng vô cùng ta lại thấy nó hòa lẫn cùng hình ảnh Lor-ca cho nên nơi đáy giếng đã chôn vùi một tượng đài nghệ thuật và Lorca trở thành vàng trắng và niềm đam mê nghệ thuật của nhân loại để chúng ta khẳng định rằng tiếng đàn ấy, người nghệ sĩ thiên tài ấy đã bắt từ từ giây phút này.

++ Khổ 5 và 6: Ngoài sự độc đáo của hình ảnh, bài thơ này còn rất mới lạ trong tư duy thẩm mĩ. Nó có sự đan xen, hòa trộn trong tư tưởng phương Đông và phương Tây, giữa cảm xúc về cuộc đời ngán ngùi với niềm tin vào số phận.

*đường chi tay đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lorca bơi sang ngang
trên chiếc ghi-ta màu bạc.*

Hình ảnh “*dòng sông, Lor-ca bơi sang ngang, đường chi tay đã đứt*” một lần nữa miêu tả hành trình đến cái chết của Lor-ca. Cuộc đời thì dài rộng nhưng khi số phận đã hết, Lor-ca bơi sang thế giới bên kia cùng với “*chiếc*

ghita màu bạc". Cuộc đời Lor-ca tuy đơn độc, ngấn ngùi nhưng mãi mãi gắn bó, thủy chung cùng nghệ thuật.

Chàng nghệ sĩ ấy đã bỏ lại sau lưng mọi hệ lụy trần gian, ném lại tình yêu và số phận của mình vào "xoáy nước" của cuộc đời đầy máu và nước mắt để ra đi:

*chàng ném lá bùa cô gái Di-gan vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình vào lặng yên bất chợt
li-la li-la li-la.*

Ở đây động từ ném được lặp lại hai lần (ném lá bùa, ném trái tim) tượng trưng cho sự giã từ và giải thoát, chia tay với những hệ lụy trần gian, song cũng đầy chất bi tráng của Lor-ca. Qua đó, ta thấy được niềm tiếc thương hòa lẫn sự mến mộ, tôn vinh và cảm phục nhà thơ Thanh Thảo về người nghệ sĩ tài ba Lor-ca. Cuối bài thơ chỉ còn âm thanh của tiếng đàn "li-la li-la li-la". Hình ảnh này cũng mang nghĩa tượng trưng cho niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của cuộc đời và tên tuổi của Lor-ca. Tiếng đàn ấy cứ vọng mãi trong không gian, theo thời gian năm tháng và trong tâm hồn con người để nhớ, để thương mãi mãi muôn đời.

- Đánh giá chung

+ Giống nhau:

++ Điểm gặp gỡ của Thanh Thảo và Nguyễn Huy Tưởng là việc cả hai nhà văn đều thể hiện bi kịch của những người nghệ sĩ trong một xã hội nhiều khổ đau. Đó là bi kịch giữa khát vọng, hoài bão lớn lao mâu thuẫn không lối thoát với thực tế đời sống.

++ Cả hai tác phẩm đều có chung cảm hứng từ những người nghệ sĩ tài năng, yêu mến sự sáng tạo và khao khát mang đến những cái đẹp cho cuộc đời; cái chết của họ đều là cái chết bi phần.

+++ Năm 1516, hôn quân Lê Tương Dực bị giết, Cừu Trưng Đài bị phá, người phụ trách công trình đó là Vũ Như Tô cũng bị giết. Từ sự kiện lịch sử có thật ấy, bằng tài năng tưởng tượng, hư cấu Nguyễn Huy Tưởng đã sáng tác vở kịch dài Vũ Như Tô gồm 5 hồi. Từ một sự kiện lịch sử có thật ở thế kỉ XVI, Nguyễn Huy Tưởng đã tạo nên một vở kịch hiện đại có yếu tố bi kịch, đặt ra một vấn đề có tầm quan trọng. Đó là số phận của nghệ thuật

và của người nghệ sĩ trong hoàn cảnh đất nước chìm đắm trong thế độ phong kiến mục ruỗng, thối nát.

+++ Phê-đê-ri-cô Gar-xi Lor-ca (1898 - 1936) là một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha. Lor-ca vừa nồng nhiệt cổ vũ nhân dân đấu tranh cho tự do vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật. Hoàng sơ trước ảnh hưởng xã hội to lớn của tên tuổi Lor-ca, nhà cầm quyền phát xít Tây Ban Nha đã sát hại ông. Nhân cách cao đẹp cùng số phận oan khuất của người nghệ sĩ Tây Ban Nha tài hoa đã khiến Thanh Thảo ngưỡng mộ và xúc động sâu sắc. Bài thơ lấy cảm hứng trực tiếp từ những giây phút đầy bi phần trong cuộc đời của G. Lorca.

+ Khác nhau

++ Vũ Như Tô là kiến trúc sư nhưng chưa lí giải được sâu sắc mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống nên rơi vào nghệ thuật vị nghệ thuật

++ Lor-ca là một nhà thơ, một nghệ sĩ, một chiến sĩ, anh ngã xuống khi hành trình sáng tạo và nỗ lực tranh đấu đang vào độ chín muồi; Lor-ca ra đi trong sự giải thoát nhẹ nhàng không vướng bận những hệ lụy trần gian.

++ Thông điệp:

+++ Nghệ thuật cần gắn bó với nhân dân *nghệ thuật vị nhân sinh*, phải vì nhân dân mà phục vụ và tận hiến thì nghệ thuật đó sẽ trở thành bất tử.

+++ Xã hội cần trân trọng và nâng bước cho những tài năng phát triển.

3. Kết bài :

- Từ cảm hứng sáng tạo riêng của từng nhà thơ đã đem đến cho người đọc những hình dung cụ thể về số mệnh của người làm nghệ thuật – nghệ sĩ qua các không – thời gian khác nhau. Từ đó, biết trân trọng, gìn giữ nỗ lực và khát khao cách tân nghệ thuật chân chính. Tóm lại, nghệ thuật và những sóng gió, gian nan luôn song hành với nhau trên con đường phát triển và đôi khi nghệ thuật còn là sự trả giá trên sự mất mát, hi sinh.

ĐỀ SỐ 35

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Độc tin nhắn của con và của bà Jo, bố thương lắm, thương lắm con à! Đường xa vạn dặm, bố không còn có thể với tay là được thấy con như lúc con ở nhà nữa. Không còn mở mắt ra là được thơm con, từ ngón chân lên tới tận đỉnh đầu. Không được ôm con thật chặt, cà bộ ria mép lởm chồm của bố lên má con non tơ, phúng phính. Và không được rong ruổi tháp tùng con qua các cuộc thi, mà mỗi cuộc thi với con cứ nhẹ nhàng như cơn gió thoảng, như một viên kẹo ngọt ngào.

Ngày con phát biểu, đứng vào ngày lễ Halloween. Nếu được tham gia vào lễ hội đó, chắc bố sẽ hóa trang thêm đôi cánh thiên thần. Mặc kệ mọi người cười ông già lắm cảm, bố cứ làm thế. Bờn đơn giản một điều, khi có đôi cánh thiên thần, bố sẽ bay vèo đến cạnh con. Để ôm con thật chặt bằng hết sức lực của bố. Để thơm con một miếng. Ngon lành hơn thơm má người tình. Và để nhìn con, dài như hơi thở. Cho bố nỗi nhớ nhưng, bố ngày tháng đợi chờ, bồn chồn da diết...

Có gì như là niềm tự hào. Tự hào quá ấy chứ. Cái thằng con trai tổ tẹt của bố vượt xa cả bố về độ tự tin, sự mạnh dạn, lưu loát và luôn đủ bản lĩnh làm chủ các cuộc chơi. Người ta nói: "Con hơn cha là nhà có phúc". Khi thấy con xuất hiện để trình bày, báo cáo trước hàng nghìn bạn bè quốc tế, bố đã rơm rớm nước mắt. Lúc ấy, bố thầm khấn cảm tạ trời đất tổ tiên đã ban cho bố chữ Phúc.

(Đỗ Xuân Thảo, *Bức thư người bố gửi thần đồng Việt trên đất Mỹ*).

Câu 1: Đối tượng hướng đến của đoạn trích là ai? Đối tượng này có quan hệ như thế nào đối với người viết? .

Câu 2: Anh (chị) cảm nhận như thế nào về hình ảnh người cha được khắc họa trong đoạn trích trên thông qua tình cảm mà cha dành cho con? .

Câu 3: Đoạn trích trên sử dụng nhiều từ ngữ mang tính chất khẩu ngữ. Đó là những từ ngữ nào? Những từ ngữ này thể hiện đặc điểm nào của thể loại thư từ? .

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của tình phụ tử đối với đời sống mỗi con người. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về khát vọng và tham vọng của con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5 điểm):

Qua bài thơ *Sóng*, Xuân Quỳnh “*đã thể hiện được một tình yêu có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời nhưng vẫn mang tính chất hiện đại như tình yêu hôm nay*” (Hà Minh Đức).

Thông qua việc phân tích bài thơ *Sóng* (Xuân Quỳnh), anh/ chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Thông qua cách xưng hô của tác giả, người đọc có thể nhận thấy đoạn trích hướng đến đối tượng không phải là độc giả chung chung mà là một cậu bé – người con của tác giả. Đó là lời của một người cha viết thư gửi một người con của mình kể về sự xúc động khi chứng kiến con trưởng thành. .

Câu 2: Hình ảnh người cha hiện lên là một người cha với những vẻ đẹp đáng trân trọng:

- Là người cha thương yêu con mình hết mực, luôn nhớ đến con, nhớ đến những kỉ niệm ngọt ngào khi còn ở bên con.

- Luôn mong muốn những điều tốt đẹp nhất cho con, trao cho con những tình cảm ngọt ngào nhất. Đó là những cử chỉ thân thương mà người cha luôn muốn làm đối với người con.

- Tự hào về sự trưởng thành của con cái khi con cái làm được hơn những gì mà cha đã làm được. .

Câu 3: Đoạn trích có sử dụng những từ mang tính chất khẩu ngữ như sau: *thương lắm con à, cứ làm thế, cho bố, quá ấy chứ,...*

Đặc điểm rút ra của thể loại thư từ: Thư từ là một thể loại không yêu cầu người viết phải thực hiện nghiêm các quy định về ngôn từ như các văn bản hành chính, khoa học mà người viết có thể sử dụng những khẩu ngữ vào lời văn của mình để thể hiện rõ ràng hơn cảm xúc của mình trong đó. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Tình cha con là tình cảm đẹp đẽ trong cuộc đời mỗi con người.

- Tình cha con cũng như tình mẹ con, đều là những tình cảm nguồn cội dẫn dắt con người vượt qua những khó khăn thử thách, những vấp vấp trong cuộc sống, là điểm tựa tinh thần vững chắc của mỗi con người. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

+ Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng.

+ Tham vọng là lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt xa khả năng thực tế của con người, khó có thể đạt được. Tham vọng đôi khi chi gắn với những dục vọng cá nhân.

+ Khát vọng và tham vọng có những điểm khác nhau, con người thực hiện nó vì những điều khác nhau và kết quả nó mang lại cũng không giống nhau. Hiểu rõ về khát vọng và tham vọng, con người mới làm chủ được bản thân mình và đạt được những điều mình mong ước.

- *Phân tích, lí giải*

+ Giữa khát vọng và tham vọng có nhiều điểm gặp gỡ, tương đồng.

++ Thứ nhất, cả khát vọng và tham vọng đều là những hiện tượng tâm lý con người, là khi con người mong ước có được những điều lớn lao hơn, tốt đẹp hơn mà trong cuộc sống hiện tại con người chưa có được.

++ Thứ hai, chúng đều là những động lực, làm nên sức mạnh để con người hành động. Cả khát vọng và tham vọng đều là những chất kích thích, giúp cuộc sống của con người chày trôi, phát triển chứ không đứng yên, buồn tẻ.

+ Tuy nhiên, giữa khát vọng và tham vọng có nhiều điểm khác nhau, và chính những điểm khác nhau của khát vọng và tham vọng ấy đẩy con người phải có sự lựa chọn cho phù hợp.

++ Đối với khát vọng: Khát vọng là một biểu hiện tâm lý mang tính tích cực, tốt đẹp của con người trong đời sống. Người có khát vọng là người nhận thức đúng đắn bản thân mình là ai, mình đến từ đâu, mình có thể làm gì cho mình và cho mọi người.

Khát vọng có thể trở thành hiện thực, có thể không. Nhưng cho dù có không trở thành hiện thực, trong quá trình thực hiện khát vọng, con người được sống trong một niềm tin, một niềm lạc quan trong trẻo. Cuộc đời của mỗi cá nhân trở nên hạnh phúc và ý nghĩa hơn bởi những khát vọng.

++ Đối với tham vọng: Tham vọng là một hiện tượng tâm lý ít nhiều mang sắc thái tiêu cực của con người, đó là khi con người quá ham muốn đạt được một điều gì đó lớn lao. Tham vọng xuất phát từ sự vị kỉ, từ lòng tham của con người. Người có tham vọng chỉ mong muốn được làm lợi cho bản thân mình mà đôi khi không quan

tâm đến lợi ích của người khác. Khi bị tham vọng làm mờ mắt, con người ta thậm chí có thể làm hại người khác để có thể đạt được mục tiêu đề ra.

+ Phê phán

Trong thực tế cuộc sống, nhiều người sống không có khát vọng, song lại có nhiều kẻ bị tham vọng làm cho mờ mắt. Sống thiếu khát vọng sẽ dẫn đến sống nhạt, sống vô nghĩa. Ngược lại bị tham vọng làm cho mờ mắt, con người cũng dễ bị đưa đến những con đường tội lỗi, có những hành động trái luật pháp và đạo đức. Thiếu khát vọng hay quá nhiều tham vọng, cuộc sống của con người cũng đều trở nên vô nghĩa, con người đều không thể vươn tới những điều tốt đẹp.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Khát vọng là điều cần có ở mỗi người. Có khát vọng cao đẹp, con người cần phải có ý thức nỗ lực để vươn tới thực hiện khát vọng đó. Khi nhận ra tham vọng con người phải tinh táo điều chỉnh bản thân, biến tham vọng vị kỉ trở thành khát vọng cao đẹp và kiên trì, bền bỉ, thực hiện nó. Ranh giới giữa khát vọng và tham vọng nếu nhận thức đúng đắn, con người mới có thể trụ vững và vươn tới cái tốt, cái đẹp.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ tiêu biểu nhất của thơ ca Việt Nam hiện đại. Người yêu thơ mệnh danh chị là *Nữ hoàng của thi ca tình yêu*. Thơ của chị là tiếng nói nhân hậu, thủy chung, giàu trực cảm và đa diết khát vọng hạnh phúc đời thường.

- Trong đó *Sóng* là bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ tình yêu của Xuân Quỳnh. Nhận xét về bài thơ, có ý kiến cho rằng: *Bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh đã thể hiện được một tình yêu có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời nhưng vẫn mang tính hiện đại như tình yêu hôm nay* (Hà Minh Đức).

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác phẩm (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, nội dung cơ bản...)

Sóng là bài thơ được làm năm 1967 nhân chuyến đi thực tế ở biển Diêm Điền. Bài thơ sau đó được in trong tập *Hoa dọc biển hào*. Bài thơ nói về tâm trạng, tình yêu mãnh liệt của người con gái khi yêu.

- Bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh đã thể hiện được một tình yêu có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời.

Đối với Xuân Quỳnh, tình yêu có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời là một tình yêu với đầy đủ

các cung bậc cảm xúc: yêu thương, nhung nhớ, khát khao say đắm, mãnh liệt... Tất cả các cung bậc tình cảm đó được nhà thơ kín đáo gửi gắm qua hình tượng “sóng”.

+ Tình yêu say đắm: “Sóng” là một hình tượng ẩn dụ, đó là sự hoá thân của cái tôi trữ tình của nữ sĩ, lúc thì hoà nhập, lúc sự phân thân của “em” - người con gái đang yêu một cách say đắm. Sóng đã khơi gợi một hồn thơ phong phú, hồn nhiên, sôi nổi: “*Dữ dội và dịu êm/ Ôn ào và lặng lẽ*”. Trạng thái của sóng cũng là tâm trạng khi yêu, là khát vọng to lớn, mạnh mẽ về một tình yêu chân thành.

+ Sự trần trụi bản khoả tìm kiếm tình yêu, cất nghĩa lí giải tình yêu của người con gái: “*Sóng bắt đầu từ gió/Gió bắt đầu từ đâu/Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau*”. Tìm được một câu trả lời thật khó, bởi tình yêu là một hiện tượng, một thứ tình cảm khó có thể cất nghĩa được. Bởi vậy trong bài thơ tình số 21 của thi hào Tagor đã viết rằng: “*Trái tim anh cũng ở gần em như chính đời em vậy/Nhưng chẳng bao giờ em biết trọn nó đâu*”. Câu thơ “khi nào ta yêu nhau” đã diễn tả đúng nỗi niềm điển hình của những trai gái đang sống trong tình yêu đẹp.

+ Nỗi nhớ tha thiết khắc khoải. Nỗi nhớ ấy choán đầy cả không gian, thấm trong chiều sâu, bề rộng, trải dài trong chiều thời gian: “*Con sóng dưới lòng sâu/ Con sóng trên mặt nước/ Ôi con sóng nhớ bờ/ Ngày đêm không ngủ được*”. Thật tự nhiên và thơ mộng, con sóng nhớ bờ nên ngày đêm sóng vỗ, sóng thao thức với thời gian và đại dương. Cũng giống như bên đờy thuyền, thuyền nhớ bến, lúc nào lòng người con gái cũng bồi hồi nhớ thương, khắc khoải trong tâm trí: “*Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức*”.

+ Trên hết là khát vọng được sống hết mình trong một tình yêu đẹp, sắt son thủy chung. “*Dẫu xuôi về phương Bắc/ Hướng về anh một phương*”. Người ta thường nói xuôi vào Nam, ngược ra Bắc ở đây, trong nỗi nhớ chất đầy nhà thơ lại dùng ngược lại. Từ đó nhà thơ đã nói đến nỗi nhớ bất chấp vạn vật, khoảng cách, tình yêu là sự gắn gỡ giữa hai tâm hồn không có giới hạn..

- Bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh mang tính hiện đại của tình yêu ngày hôm nay.

+ Tình yêu là đề tài muôn thuở của thi ca. Nhiều nhà thơ nổi tiếng đã viết về tình yêu với tất cả sự nồng nhiệt của một trái tim tuổi trẻ. Ta bắt gặp một Xuân Diệu nồng nàn, đắm say và khát khao dâng hiến cho tình yêu, một Nguyễn Bính mơ màng tìm về tình yêu đồng nội, một Anh Thơ tha thiết nhưng thận thừng cái duyên con gái...

nhưng chỉ đến Xuân Quỳnh, cái khát vọng rất đời thường của con người đó mới được bộc bạch, mà bộc bạch một cách chân thành như chính cuộc đời nhà thơ vậy: một thứ tình yêu vừa phong phú, phức tạp, vừa thiết tha sôi nổi của một trái tim phụ nữ đang rạo rức, đang khao khát yêu đương

+ Có thể thấy, ngay trong khổ thơ đầu tiên này một nét mới mẻ, hiện đại trong quan niệm về tình yêu. Người con gái khao khát yêu đương nhưng không còn nhẫn nhục, cam chịu nữa. Nếu *Sóng không hiểu nổi mình* thì sóng sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp đó *Tìm ra tận bể*, đến với cái cao rộng, bao dung. Thật là minh bạch và cũng thật là quyết liệt!

+ Nỗi khát vọng tình yêu xôn xao, rạo rức trong trái tim con người, trong quan niệm của Xuân Quỳnh, là khát vọng muôn đời của nhân loại mà mãnh liệt nhất là của tuổi trẻ. Nó cũng như sóng, mãi mãi trường tồn, vĩnh hằng với thời gian. Từ ngàn xưa, con người đã đến với tình yêu và mãi mãi cứ đến với tình yêu. Với con người, tình yêu bao giờ cũng là một khát vọng bồi hồi: "... *Ôi con sóng ngày xưa/ Và ngày sau vẫn thế/ Nỗi khát vọng tình yêu/ Bồi hồi trong ngực trẻ* ..." Tình yêu của người con gái ở đây vừa thiết tha, mãnh liệt, vừa trong sáng, giản dị, vừa thủy chung duy nhất.

Qua hình tượng sóng và em Xuân Quỳnh đã nói lên thật chân thành, táo bạo, không hề giấu giếm cái khát vọng tình yêu sôi nổi, mãnh liệt của mình, một phụ nữ, một điều hiếm thấy trong văn học Việt Nam.

+ Dù say đắm, nồng nàn với tình yêu của mình, thì một người phụ nữ như Xuân Quỳnh cũng không tránh được khi có những dự cảm lo âu về sự tan vỡ trong tình

yêu. "*Cuộc đời tuy dài thế/ Năm tháng vẫn đi qua/ Như biển kia dẫu rộng/ Mây vẫn bay về xa* ..." Sóng, người phụ nữ hồn nhiên tha thiết yêu đời này vẫn còn ấp ủ biết bao hi vọng, vẫn phơi phới một niềm tin vào hạnh phúc trong tương lai. Vừa tự động viên, an ủi mình, tác giả vừa tin vào cái đích cuối cùng của một tình yêu lớn như con sóng nhất định sẽ "tới bờ", "*dù muôn vời cách trở*"... Đó chính là những nét hiện đại trong tình yêu của Xuân Quỳnh

- Đánh giá về nhận định.

c. Kết luận

- Xuân Quỳnh viết bài thơ *Sóng* vào những năm 1967, khi cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở vào giai đoạn ác liệt, khi thanh niên trai gái ào ào ra trận "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", khi sân ga, bến nước, gốc đa, sân trường diễn ra những "cuộc chia ly màu đỏ". Và trong cuộc kháng chiến ấy Xuân Quỳnh đã hiểu ra rằng thiên nhiên vũ trụ, biển và sóng là hiện thân sinh động của sự sống mãnh liệt, vĩnh hằng. Phải chăng vì thế, qua ngòi bút nhiều nhà thơ, biển và sóng đã trở thành những biểu tượng quen thuộc diễn tả sự dâng đầy, nỗi khát khao, niềm sục sôi mê đắm của sức sống, của tình yêu.

- *Sóng* của Xuân Quỳnh cũng nằm trong trường hợp ấy. Thế nhưng qua trái tim yêu của người phụ nữ này được mang trong một bài thơ lấp lánh với một vẻ đẹp riêng và ngọt 30 năm nay, từ lúc ra đời, từng làm thổn thức trái tim bao người trẻ tuổi, trẻ lòng. Ấu đở cũng chứng tỏ cái quy luật muôn đời của giá trị nghệ thuật: càng vận dụng một chất liệu nhưng nếu nghệ sĩ nào gửi trọn vào đấy càng nhiều máu thịt của tâm hồn, của cuộc đời mình thì tác phẩm càng có sức sống lâu bền.

ĐỀ SỐ 36**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên sống dưới thời thực dân Pháp như cây lau, cây lách hai bên bờ sông triền miên bị dòng nước vùi dập. Chưa nói đến những nỗi khổ khác, chỉ tính riêng trên mảnh đất cao nguyên Đắk Lắk, có bao nhiêu đồn điền, bao nhiêu cây cao su, cà phê, cây chè, bấy nhiêu người ngã xuống. Còn ở Kom Tum, Plâyku? Con đường 14, 19, 21 kéo dài bao nhiêu thước đất cũng có bấy nhiêu người nằm xuống.

Nhưng, rồi dòng nước lũ không thể nào kéo dài mãi được. Dòng nước càng chảy xiết càng mau khô cạn. Cây lau, cây lách lại đứng lên nở hoa trắng phau.

(Ybi Alêô – dân tộc Ê đê, *Bác là ánh mặt trời*, Y Hing ghi lại, theo *Miền Nam trong lòng Bác*, NXB Thanh niên).

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên. .

Câu 2: Tác giả đã sử dụng những cách diễn đạt độc đáo nào để so sánh người Tây Nguyên và giặc Pháp? Cách diễn đạt đó để lại cho anh (chị) ấn tượng gì? .

Câu 3: Chỉ ra thao tác lập luận trong đoạn trích trên.

Câu 4: Trong khoảng 5 - 7 dòng, trình bày những suy nghĩ của anh (chị) về những năm tháng chiến đấu của nhân dân Tây Nguyên anh hùng. .

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trong bài diễn văn tại lễ Tốt nghiệp của sinh viên đại học George Washington năm 2015, CEO Apple Tim Cook đã phát biểu: *Những giá trị bạn tôn trọng chính là điều máu chó. Chúng sẽ dẫn đường cho bạn. Nếu không, điều bạn đang làm hiện tại chỉ là công việc, và cuộc sống quá ngắn ngủi cho việc đó.*

Anh (chị) có suy nghĩ gì về vai trò “những giá trị bạn tôn trọng” mà Tim Cook đề cập đến đối với thế hệ thanh niên hiện nay? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Về người đàn bà trong truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu có người nhận thấy chị vừa là nạn nhân của nạn bạo hành gia đình, nhưng có người lại khẳng định chị là chủ nhân tích cực bảo vệ hạnh phúc gia đình. Anh/chị có đồng tình với hai ý kiến nêu trên?

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)**Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)**

Câu 1: Đoạn trích nói đến hoàn cảnh lúc thực dân Pháp vào xâm lược nước ta đã gây ra những đau thương, mất mát cho dân tộc ở Tây Nguyên và việc nhân dân đã đứng cảm đứng lên chống lại những sự đàn áp, bóc lột vô lí đó nhờ tiếp thu được lí tưởng cách mạng của Đảng, của Bác Hồ vĩ đại. .

Câu 2: Người Tây Nguyên được ví như cây lau, cây lách bên bờ. Giặc Pháp được ví như dòng nước lũ kéo

đến. Việc xâm lược của chúng được ví như dòng nước lũ cuốn trôi đi biết bao nhiêu cây lau, cây lách.

Cách so sánh như trên là vô cùng đặc biệt, thể hiện cái nhìn rất giản dị, tự nhiên của con người Tây Nguyên khi nhìn nhận sự vật, sự việc..

Câu 3: Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích là thao tác lập luận so sánh. .

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Nhân dân Tây Nguyên là một trong những bộ phận đồng bào trên đất nước ta chịu nhiều đau thương mất mát trong chiến tranh, là trọng điểm bắn phá của giặc vì nơi đây tập trung nhiều tài nguyên quan trọng, là điểm hướng đến quan trọng của địch.

- Nhân dân Tây Nguyên có vai trò quan trọng trong công cuộc giành lại hòa bình, tự do cho dân tộc ta những năm lửa đạn.

- Nhân dân Tây Nguyên thể hiện những phẩm chất vô cùng cao đẹp của những chiến sĩ cách mạng kiên cường, bất khuất, không ngại khó, ngại khổ. Dù trải qua nhiều khó khăn nhưng mỗi người dân đã dần dần tìm ra chân lí cho mình nơi cách mạng, nơi Đảng, nơi Bác Hồ vĩ đại để dần thực hiện mục tiêu giành lại độc lập cho dân tộc ta.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Ý kiến của Tim Cook đề cập đến việc mỗi người đều có “những giá trị bạn tôn trọng” của riêng mình, đó là lẽ sống của mỗi người và chúng ta cần hướng đến lẽ sống như vậy.

Tim Cook muốn hướng mỗi người đến một lối sống tích cực, lành mạnh, không chỉ vì công việc mà hơn cả là những công việc đó hay những điều mà mỗi người làm đều phải xuất phát từ “những giá trị bạn tôn trọng”, đó là những đam mê, nhiệt huyết cũng như lí tưởng của mỗi người trong cuộc sống.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao mỗi con người đều phải sống vì “những giá trị bạn tôn trọng” chứ không chỉ chú trọng đến giá trị vật chất hay công việc?

++ Mỗi con người đều chỉ có một lần để sống, chính vì thời gian ngắn ngủi của cuộc đời mỗi con người là điều không thể thay đổi được, chính vì thế mỗi người cần hướng đến một lối sống tích cực nhất, hướng đến những giá trị tốt đẹp để không lãng phí cuộc sống của mình.

++ Mỗi người có những con đường khác nhau để đi đến hạnh phúc trong cuộc đời của mình, tuy nhiên con đường tốt nhất là đi theo tiếng gọi của lòng nhiệt huyết,

của đam mê mà bản thân tôn thờ. Niềm đam mê đem lại cho con người những giá trị tuyệt vời khi trải nghiệm công việc, dù cho công việc đó có khó khăn như thế nào đi chăng nữa.

+ Thế nào là người sống vì “những giá trị bạn tôn trọng”? Điều này mang lại những lợi ích gì cho mỗi con người trên con đường chinh phục ước mơ của mình?

++ Thứ nhất, đó là người sống với đam mê và nhiệt huyết của mình đối với công việc và cuộc sống. Đối với những người theo đuổi đam mê của mình, họ cho rằng đam mê là điều quan trọng nhất trong lẽ sống của họ.

++ Thứ hai, đó là người có lẽ sống và theo đuổi lẽ sống đó. Có nhà bác học từng nói, “Lí tưởng như ngọn đèn chỉ đường”, đó là điều mà mỗi cá nhân cần có để hướng đến một cuộc sống hạnh phúc.

- *Bài học nhận thức và hành động*

Mỗi con người đều mang trong mình lí tưởng sống riêng, điều quan trọng không phải là lẽ sống nào là đúng, lẽ sống nào là sai, lẽ sống nào là đơn giản, lẽ sống nào là cao cả, phức tạp. Điều quan trọng là cách họ theo đuổi những giá trị tốt đẹp đó để làm đẹp cuộc sống của chính mình.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nguyễn Minh Châu là tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam sau 1975. Ông thành công với nhiều tác phẩm như: *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ lau*, *Chiếc thuyền ngoài xa*... Nhưng để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người đọc là tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*.

- Trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của nhà văn Nguyễn Minh Châu, nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho người đọc là người đàn bà làng chài - người phụ nữ vô danh với tấm lòng bao dung, vị tha, đức hi sinh. Nhận xét về nhân vật người đàn bà trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, có ý kiến cho rằng: thị là người đàn bà đáng thương. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: thị vừa đáng thương vừa đáng trách.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác phẩm

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* là truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Minh Châu, được in trong tập *Bến quê* (1985), sau đó được đưa vào và dùng làm tên cho một tuyển tập -gồm 15 truyện- do nhà xuất bản Tác phẩm mới ấn hành năm 1987.

++ Truyện được kể lại qua lời của nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng, một người lính vừa bước ra từ cuộc chiến tranh nhiều đau thương mất mát. Phùng được dịp trở về chiến trường xưa để chụp một bức tranh cảnh biển theo lời đề nghị của trường phòng. Tại đây anh đã phát hiện ra một bức tranh cảnh biển có một không hai: *trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới. toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa.* Cảnh đẹp ấy khiến cho người nghệ sĩ dường như vừa *khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện.* Nhưng đằng sau chiếc thuyền đẹp như trong mơ ấy lại là một cảnh tượng phũ phàng: người chồng vũ phu, thô bạo hành hạ người đàn bà bằng những trận đòn thù, người đàn bà *nhấn nhục* chịu đựng. Phùng từ sung sướng đến ngạc nhiên, sững sờ sững sốt. Nghịch cảnh ấy khiến lòng anh tan vỡ...

++ Sự phát hiện của Phùng là những minh chứng sinh động cho cách nhìn đa diện của Nguyễn Minh Châu, như chính ông từng khẳng định: *Nhà văn không có quyền nhìn sự vật một cách đơn giản, và nhà văn cần phải phấn đấu để đào xới bản chất con người vào các tầng sâu lịch sử.*

- Nhân vật người đàn bà hàng chài hiện lên với những nhận xét đa chiều, thậm chí là đối nghịch. (Trích ý kiến)

- Phân tích hai ý kiến.

+ Người đàn bà hàng chài là người phụ nữ đáng thương.

++ Thân phận nhỏ bé, vô danh: Xuyên suốt toàn bộ câu chuyện, hầu như người đọc không hề được biết đến tên gọi của người đàn bà tội nghiệp ấy, Nguyễn Minh Châu đã gọi một cách phiếm định: khi thì gọi là người đàn bà hàng chài, lúc lại gọi mụ, khi thì gọi chị ta.... Không phải nhà văn "nghèo" ngôn ngữ đến độ không thể đặt cho chị một cái tên mà dường như đằng sau cách gọi phiếm định ấy đã hé mở một cuộc đời ngang trái, một số phận bị vùi dập giữa cuộc sống bộn bề lo toan.

++ Ngoại hình xấu xí: Người đàn bà trạc ngoài 40, *hình dáng thô kệch, rỗ mắt, khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt, mệt mỏi* dường như đang buồn ngủ. Và cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ, vất vả, đau khổ làm cho diện mạo chị đã xấu giờ trở nên thô kệch.

++ Cuộc đời sớm bất hạnh: Có mang với một anh hàng chài, đến mua bả về đan lưới, rồi thành vợ chồng. Cuộc sống mưu sinh trên biển cực nhọc, vất vả, lam lũ,

bấp bênh. Gia đình nghèo lại còn đông con, thuyền thì chật,...

++ Là nạn nhân của những trận bạo hành:

+++ Bị chồng thường xuyên đánh đập, hành hạ: *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.* Cứ khi nào lão thấy khổ quá là lại xách chị ra đánh, như là để trút giận, với lời lẽ cay độc *Mày chết đi cho ông nhờ, chúng mày chết hết đi cho ông nhờ.*

+++ Khi bị đánh chị không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn mà coi đó là một lẽ đương nhiên. Người đàn bà ấy *nhấn nhục*, cam chịu, thản lặng chịu đựng mọi đau đớn tất cả vì những đứa con. Chị không muốn đàn con phải nhìn thấy cảnh cha đánh mẹ. Chị xin chồng lên bờ mà đánh khi con lớn. Chị xót xa đau đớn khi phải chứng kiến cảnh thằng Phác đánh cha: *như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, và làm rò rỉ những dòng nước mắt.*

+ Người đàn bà hàng chài là người phụ nữ đáng trách.

++ Tính cách cam chịu, không phản kháng: Chị coi việc mình bị đánh đó như một phần đã rất quen thuộc của cuộc đời mình, chị chấp nhận, không kêu van, không trốn chạy. Khi được đề nghị giúp đỡ thì: *Xin các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu; Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được nhưng đừng bắt con bỏ nó.*

++ Luôn ý thức được thiên chức của người phụ nữ: *Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con và nuôi con cho đến khi khôn lớn* nhưng lại không biết phải làm thế nào để ngăn chặn, chấm dứt thói vũ phu của ông chồng. Đau đớn chấp nhận nhìn đứa con (thằng Phác) ôm mối thù hận với bố nó.

++ Thỏa hiệp với thói vũ phu của chồng: *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng.* Cứ khi nào lão thấy khổ quá là lại xách chị ra đánh, như là để trút giận, với lời lẽ cay độc *Mày chết đi cho ông nhờ, chúng mày chết hết đi cho ông nhờ.*

- Đánh giá, bình luận mở rộng về hai ý kiến.

+ Hai ý kiến không hề mâu thuẫn trái ngược mà bổ sung cho nhau, góp phần khắc họa sâu sắc bi kịch của nhân vật.

++ Người đàn bà hàng chài vừa đáng thương, vừa đáng trách nhưng đáng trân trọng hơn cả là lòng vị tha, đức hi sinh quên mình dành cho những đứa con. Trong mọi hoàn cảnh chị cũng đã vẫn giữ trong tâm hồn mình ngọn lửa của hi vọng, của niềm tin để thắp lên hạnh phúc mong manh: Trong khổ đau triền miên, người đàn bà ấy vẫn chất lọc được những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi: *..vui*

nhất là lúc ngồi nhìn con tôi chúng nó được ăn no; trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ.

++ Đằng sau sự nhẫn nhục ấy là bản năng sinh tồn mãnh liệt và một tấm lòng yêu thương con đến đáng thương. Người đàn bà hàng chài vừa lam lũ, chất phác, có tình thương con vô bờ bến, vừa luôn mang nỗi đau, vừa có cái thâm trầm trong việc thấu hiểu các lẽ đời. Thấp thoáng trong người đàn bà ấy là bóng dáng của biết

bao phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu lòng vị tha và đức hi sinh.

3. Kết bài :

- Xây dựng hình tượng nhân vật đa diện, nhiều chiều với những phát hiện mang tính nhân sinh sâu sắc.

- Ngoài ra truyện ngắn là phát hiện sâu sắc, mới mẻ của Nguyễn Minh Châu về vẻ đẹp tâm hồn của con người...

ĐỀ SỐ 37

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Tôi đến Thành cổ Quảng Trị trong một ngày tháng tư đầy nắng và gió trong hành trình trở lại những năm 70 của thế kỉ trước. Thành cổ Quảng Trị không chỉ là một tòa thành mà đó còn là nơi lưu giữ biết bao kí ức về cuộc chiến 81 ngày đêm khốc liệt. Bào tàng Thành cổ Quảng Trị được xây ngay trong khuôn viên, bên cạnh một gò đất cao giữa thành mà như những cán bộ hướng dẫn du khách tham quan đã nói: “Có thể coi đây là nắm mồ chung cho những người chiến sĩ đã ngã xuống trên mảnh đất này. Bởi ở trong Thành cổ, dưới mỗi tác đất, mỗi ngọn cỏ, gốc cây đều là máu thịt, là những tâm thân liệt sĩ đã bị chôn vùi bởi bom cày, đạn xối” [...]

(2) Dòng Thạch Hãn nằm nghiêng bên Thành cổ, cứ trôi đi không lưu lại chút gì quá khứ. Ấy vậy mà những người đến đây vẫn thấy nghẹn ngào. Đó là dòng sông bắt đầu từ dãi Trường Sơn hùng vĩ, chảy qua những dãy núi, qua những đồng bằng nhỏ hẹp và đổ ra biển Đông rộng lớn. Ở đâu mà chẳng có dòng sông vỗ về tắm mát bao ân ỨC, Thạch Hãn cuộn cuộn phù sa mùa lũ và cũng có khi trong lặng đến êm đềm. Nhưng dòng sông ấy đã chảy qua một vùng đất mà lịch sử mãi mãi phải nhắc đến, mảnh đất đầy nắng lửa – Thành cổ Quảng Trị.

(Ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc, Nguyễn Thảo, Văn hiến Việt Nam, số 4 – 2015)

Câu 1: Chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Chỉ ra quan hệ từ trong câu Thành cổ Quảng Trị không chỉ là một tòa thành mà đó còn là nơi lưu giữ biết bao kí ức về cuộc chiến 81 ngày đêm khốc liệt. Cho biết, quan hệ từ đó biểu thị ý nghĩa gì?

Câu 3: Nghệ thuật miêu tả ở đoạn (2) có gì đặc biệt về phương diện từ ngữ? Hãy chỉ ra điều đó.

Câu 4: Anh(chị) ấn tượng điều gì nhất khi nhắc đến di tích lịch sử trên? Trả lời trong vòng 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Sau khi lập kỷ lục ở nội dung 200m bơi bướm tại kì SEA Games 28, Ánh Viên – nữ vận động viên của đoàn Việt Nam, đã chia sẻ với phóng viên: “Nếu tôi hài lòng với những gì đã đạt được, tôi là kẻ thất bại ngay từ bây giờ, chứ không phải chờ tới ngày mai. Tôi không nhớ đến chiến thắng, mỗi ngày đều nỗ lực như chưa giành được gì”.

(Theo <http://seagames.vnexpress.net/>, Vì sao Ánh Viên khóc khi về đích?)

Anh (chị) có suy nghĩ như thế nào về lời chia sẻ của Ánh Viên? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Dường như nhà văn nào cũng có khát vọng đi tìm cái đẹp - hạt ngọc ẩn sâu trong tâm hồn con người. Anh/chị hãy trình bày cảm nhận của mình về vẻ đẹp khuất lấp trong nhân vật người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích là biểu cảm và miêu tả.

Câu 2: Câu văn *Thành cổ Quảng Trị không chỉ là một tòa thành mà đó còn là nơi lưu giữ biết bao kí ức về cuộc chiến 81 ngày đêm khốc liệt* có hai quan hệ từ (một cặp quan hệ từ) là “không chỉ... mà còn”.

Ý nghĩa: Chỉ quan hệ bổ sung, tăng tiến.

Câu 3: Học sinh có thể chỉ ra một số ý sau (trả lời trên 2 ý trong số các ý sau đây là đạt điểm tối đa)

- Sử dụng nhiều quan hệ từ có ý nghĩa tương phản (*ấy vậy mà, nhưng...*) để thể hiện những giá trị cao cả của dòng sông Thạch Hãn đối với việc lưu giữ những kí ức không thể nhạt phai của năm tháng, dù cho thời gian có muốn xóa nhòa đi mọi thứ. Bên cạnh các quan hệ từ có ý nghĩa tương phản cũng có những từ ngữ khác chỉ sự tương phản, trái ngược như *không lưu lại chút gì – vẫn nghẹn ngào, nhỏ hẹp – rộng lớn, cuốn cuộn – êm đềm...* để nói được giá trị tinh thần không gì có thể phủ nhận được và sự miêu tả nhiều sắc thái khác nhau của dòng sông lịch sử.

- Sử dụng từ láy mang đậm tính tạo hình (*nghẹn ngào, vỗ về, cuốn cuộn, êm đềm*).

- Sử dụng nghệ thuật nhân hóa khi dùng từ “*nằm nghiêng*” để miêu tả con sông khiến nó trở nên có hồn hơn, gần gũi hơn, thích hợp trong việc thể hiện giá trị tinh thần cao cả của nó.

Câu 4: Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về điều ấn tượng nhất, đó có thể là sự gợi nhớ những hồi ức đã qua về các chiến sĩ đã hi sinh tuổi trẻ của mình cho độc lập tự do của Tổ quốc, đó có thể là lời dặn dò đối với thế hệ mai sau về trách nhiệm của mình đối với nền độc lập mà cha ông ta đã giành được... Khuyến khích cách trả lời bằng đoạn văn.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích

Câu nói đề cập đến thái độ của Ánh Viên trước những thành tích của bản thân: Nếu tự hài lòng với những gì mình đã đạt được, thì Ánh Viên sẽ không bao giờ tiến bộ, thậm chí sẽ bị thất bại ngay từ bây giờ. Để giành được chiến thắng, chị đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu vượt qua đối thủ, nhất là chiến thắng chính mình.

Câu nói của vận động viên Ánh Viên là biểu hiện của sự khiêm tốn, nghiêm khắc với bản thân, của ý chí và khát vọng chinh phục đỉnh cao – những phẩm chất đáng quý và cần có ở mỗi con người để vươn tới thành công.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Thành công hay “chiến thắng” là điều mà mỗi con người luôn khao khát và nỗ lực để vươn tới. Tuy nhiên, khi ở đỉnh vinh quang, mỗi người lại có thái độ khác nhau: bằng lòng, tự thỏa mãn với chính mình; khiêm tốn và không ngừng học hỏi...

++ Thái độ bằng lòng, thỏa mãn với chính mình: Giống như bị mộng du, bạn sẽ ở trạng thái mất kiểm soát bản thân, thậm chí không còn biết việc mình làm đúng hay sai. Bởi sự chiến thắng khiến bạn buông lỏng bản thân mình, cứ nghĩ rằng phải thưởng cho xứng đáng với công sức đã bỏ ra.

++ Thái độ khiêm tốn và không ngừng học hỏi: Không ai trong chúng ta là hoàn hảo cả, trí tuệ của mỗi chúng ta chỉ là một hạt cát bé nhỏ giữa sa mạc rộng lớn, khiêm tốn và không ngừng học hỏi sẽ giúp chúng ta có thể hoàn thiện bản thân và mở rộng vốn hiểu biết của mình hơn.

+ Câu nói còn chỉ ra bí quyết thành công không chỉ nằm ở việc mình đã vượt qua đối thủ, mà điều quan trọng là vượt qua chính mình của ngày hôm nay. Muốn chiến thắng bản thân thì luôn cần có ý chí và sự quyết tâm thật lớn, tập trung ý chí và sự quyết tâm cho một mục tiêu đã đặt ra. Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất mà chúng ta cần đạt được, như cô gái 19 tuổi Ánh Viên đã chia sẻ.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Có nhiều yếu tố làm nên thành công, nhưng quan trọng nhất là ý chí nghị lực và thái độ sống của mỗi người trước những khó khăn thử thách và cả những vinh quang của chính mình.

+ Tuổi trẻ cần có ước mơ, khát vọng chinh phục những đỉnh cao vinh quang, và nỗ lực để đạt tới những đỉnh cao đó.

+ Phê phán bệnh tự cao tự đại, hoặc thiếu ý chí nghị lực, không nỗ lực phấn đấu...

Câu 2 (5 điểm):**1. Mở bài:**

- Nói về đối tượng của văn chương, ta hay nhắc tới câu nói nổi tiếng của M.Gorki: *Văn học là nhân học*. Đây thật sự là một quan niệm súc tích và xác đáng. Thế nhưng, đi đến tận cùng chân lí ẩn chứa trong câu nói đó quả là không dễ. Khi hướng tới đối tượng trung tâm của mình, tác phẩm văn chương không chỉ thể hiện đời sống và phẩm chất con người, không chỉ đặt ra và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quan hệ giữa con người và con người, giữa con người với tự nhiên, mà quan trọng hơn là tìm hiểu, khám phá và phát hiện ra những bí ẩn nằm trong chiều sâu của con người. Đường như nhà văn nào cũng có khát khao đi tìm cái đẹp, hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người.

- Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân, *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu cũng vậy, các nhà văn xây dựng hình ảnh những người phụ nữ không tên, nghèo khổ, lam lũ nhưng bên trong tâm hồn họ đều lấp lánh một vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Hai tác giả và tác phẩm:

++ Kim Lân là cây bút chuyên về đề tài nông thôn. Sáng tác của ông phản ánh một cách chân thực và xúc động cuộc sống của người dân quê mà ông am hiểu sâu sắc về cảnh ngộ và tâm lí của họ. Một trong những sáng tác xuất sắc của Kim Lân là truyện ngắn *Vợ nhặt*. Tác phẩm vừa là bức tranh chân thực về nạn đói khủng khiếp vừa là bài ca ca ngợi về sức sống và niềm tin của con người Việt Nam. Trong truyện ngắn này, Kim Lân đã xây dựng thành công hình tượng người “vợ nhặt” – một hình tượng nghệ thuật độc đáo mang lại nhiều vẻ đẹp khuất lấp cần khám phá.

++ Nguyễn Minh Châu là người suốt đời đi tìm cái đẹp và cái thật, thao thức tìm kiếm “*hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người*”. Trước năm 1975, Nguyễn Minh Châu được biết đến với những tác phẩm đậm chất sử thi. Thế nhưng, sau năm 1975, ông lại là người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. *Chiếc thuyền ngoài xa* được in năm 1983 là một bước tiến dài rất đáng trân trọng trong hành trình khám phá vào tầng chìm, vào chiều sâu của cuộc sống và con người trong văn xuôi Nguyễn Minh Châu, tiêu biểu là hình tượng người đàn bà hàng chài.

+ Giải thích vẻ đẹp khuất lấp:

++ Vẻ đẹp khuất lấp là vẻ đẹp được ẩn giấu bên trong tâm hồn, mà nhìn vẻ ngoài của hình thức hay những hành vi được bộc lộ của họ không thể đoán định được. Cái xấu xa, thấp hèn có thể được núp đằng sau cái vỏ bọc bên ngoài cao sang, lịch lãm. Cái đẹp, cái cao thượng có thể được ẩn trong vẻ thô kệch, xấu xí, dằn độn bên ngoài.

++ Vẻ đẹp của người vợ nhặt trong tác phẩm của Kim Lân và người đàn bà hàng chài trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu được nhìn bằng triết lí ấy.

- Vẻ đẹp khuất lấp của người vợ nhặt:

+ Trước khi về làm vợ Tràng:

++ Lai lịch người đàn bà: Dưới ngòi bút của Kim Lân, người vợ nhặt là người phụ nữ không tên không tuổi, không quê hương, không quá khứ. Không phải là nhà văn nghèo ngôn ngữ đến độ không thể đặt cho thị một cái tên mà bởi vì thị là cánh bèo nổi trôi trong nạn đói, là cành củi khô trôi dạt vào cuộc đời Tràng, là người đàn bà vô danh. Từ đầu đến cuối tác phẩm, nhân vật này chỉ được gọi là “cô à”, “thị”, “người đàn bà”, “nàng dâu mới”, “nhà tôi”.

++ Ngoại hình, tính cách, hành vi của một con người năm đói:

+++ Lần đầu thị xuất hiện là hình ảnh: ngồi lẩn trong đám con gái chờ nhặt hạt rơi hạt vãi trước công chợ tỉnh. Khi nghe Tràng hò một câu chơi cho đỡ mệt: *Muốn ăn cơm trắng mấy giò/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh, thị: lon ton chạy lại đẩy xe cho Tràng... cười tí mắt*. Thị đẩy xe với hi vọng được ăn nên cũng rất nhiệt tình và chẳng cần ý tứ.

+++ Lần thứ hai, thị xuất hiện với ngoại hình kém hấp dẫn: Đó là người phụ nữ gầy vêu vao: *áo quần tả tơi như tổ đũa, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt nổi bật với hai con mắt trũng hoáy*. Có thể nói, cái đói đã khiến thị càng nhếch nhác, tội nghiệp lại càng nhếch nhác, tội nghiệp hơn nữa. Cái đói không chỉ tàn hại dung nhan của thị mà còn tàn hại cả tính cách, nhân phẩm. Vì đói mà thị trở nên: *chao chát, chòng lòn, chua ngoa, danh đá*. Thị cong cớn, sung sĩa khi giao tiếp, nói chuyện. Cái đói khiến thị quên cả việc phải giữ ý tứ, lòng tự trọng của người con gái. Thị cứ thế mà đòi ăn. Được cho ăn, thị sẵn sàng: *sà xuống cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì*. Thị đã đặt sự tồn tại của mình, đặt miếng ăn lên trên nhân cách.

+++ Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa: *có muốn theo tớ về nhà thì ra khuôn đở lên xe rồi cùng về*. Thị người đàn bà kia lại im lặng (mà thường tâm lý im lặng là đồng ý). Thị đồng ý, đồng ý mà không hề do dự, phân vân.

Trong khi đó, Tràng là ai, tốt xấu như thế nào? Gốc tích ra sao? Thị nào hay nào biết. Chi mấy bát bánh đúc là thị có thể theo ngay Tràng. Phải chăng thị theo Tràng chỉ vì miếng ăn? Thị dễ dàng, hời hợt thế ư?

+ Về đẹp khuất lấp trong nhân vật:

++ Đó là một cô gái nhanh nhẹn, vui vẻ, hoạt bát khi chị chạy đến đẩy xe thóc cho Tràng lên dốc tình lần đầu.

++ Về đẹp khuất lấp thể hiện phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, người “vợ nhặt” lại có một lòng ham sống mãnh liệt. Lòng ham sống, khát vọng sống đã thôi thúc thị đồng ý theo Tràng. Thực ra hành động theo Tràng của thị xuất phát từ nhu cầu bám lấy sự sống, từ lòng khao khát được sống. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Thị chấp nhận theo không Tràng. Đó là ý thức bám lấy sự sống là vì để được sống chứ không phải là loại người lẳng lơ. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạ để dựng xây mái ấm gia đình. Niềm lạc quan yêu sống của thị chính là một phẩm chất rất đáng quý. Nói như Kim Lân: *Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai.*

++ Về đẹp khuất lấp thể hiện phía sau về nhếch nhác, dơ dáy, người “vợ nhặt” lại là một người phụ nữ rất ý tứ, biết điều:

+++ Trên đường về nhà chồng tâm trạng của thị có sự thay đổi rõ nét. Nếu như anh cu Tràng sung sướng, tự mãn, cái mặt vênh lên tự đắc với mình thì người đàn bà lại cảm thấy xấu hổ. Trước cái nhìn “săm soi”, trước những lời bông đùa, chòng ghẹo của người dân ngụ cư. Thị ngượng nghịu, thiếu tự tin: *chân nọ bước đầu cả vào chân kia... cái nón rách tàng che nửa khuôn mặt.* Đó phải chăng là vẻ đẹp của cô dâu về nhà chồng.

+++ Về đến nhà chồng, nhìn thấy *ngôi nhà vắng teo đứng rúm rỏ trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại*, thị *nén một tiếng thở dài.* Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách. Trong tiếng thở dài đó vừa có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của thị về gia cảnh nhà chồng. Đó phải chăng là thị đã ý thức được trách nhiệm của mình đối với việc cùng chồng chung tay gây dựng gia đình. Tấm lòng của thị thật đáng quý biết bao. Vào trong nhà, thị e thẹn, dè dặt “*ngồi móm*” vào mép giường (“*Ngồi móm*” – thể ngồi bấp bênh, không ổn định nhưng cũng rất ý tứ). Thị ý tứ, cung

kính, lễ phép chào bà cụ Tứ (chào đến hai lần). Đây là hình ảnh đẹp của người con dâu rất mực thước trong quan hệ với mẹ chồng. Khi Tràng thưa chuyện với mẹ, thị chỉ biết *đứng vắn vè tà áo đã rách bợt.*

++ Về đẹp khuất lấp còn thể hiện bên trong vẻ chao chát, chông lòn, người vợ nhặt lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan, có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình:

+++ Sau đêm tân hôn, người phụ nữ ấy có sự thay đổi hoàn toàn về tâm trạng và tính cách. Thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, thu vén nhà cửa. Sự thay đổi ấy người đọc cũng dễ nhận ra: nếu hôm qua thị chua ngoa, đanh đá, chông lòn bao nhiêu thì hôm nay thị lại hiền lành bấy nhiêu. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đầy đủ sự thay đổi tuyệt vời ấy: *Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chông lòn như những lần Tràng gặp ở ngoài tình.* Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của Tràng trước sự đổi thay tích cực của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với thị.

+++ Trong bữa cơm đầu tiên tại gia đình chồng, dù bữa ăn chỉ có *niêu cháo loãng, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhẵn*, lại phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ, bằng lòng. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: *Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy.* Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn: *trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói âm âm đi trên đê Sộp, phía trước có lá cờ đỏ to lắm.* Qua đó, ta thấy nhân vật vợ Tràng, “nàng dâu mới” cũng là người truyền tin cách mạng.

Như vậy, rõ ràng, thăm sâu trong mỗi con người, có biết bao điều đẹp đẽ mà mới nhìn ta không thể thấy. Nếu đặt con người ấy vào một hoàn cảnh sung sướng đầy đủ, người vợ nhặt sẽ chẳng có những lấm láp về nhân cách như thế.

- Vẻ đẹp khuất lấp của người đàn bà hàng chài:

+ Biểu hiện bên ngoài của nhân vật:

++ Lai lịch, ngoại hình: Xuyên suốt toàn bộ câu chuyện, hầu như người đọc không hề được biết đến tên gọi của người đàn bà tội nghiệp ấy, Nguyễn Minh Châu đã gọi một cách phiếm định: khi thì gọi là người đàn bà hàng chài, lúc lại gọi mụ, khi thì gọi chị ta....

Không phải nhà văn "nghèo" ngôn ngữ đến độ không thể đặt cho chị một cái tên mà là vì chị cũng giống như hàng trăm người đàn bà ở vùng biển nhỏ bé này: chị là người vô danh. Dường như cuộc sống chẳng có gì đáng nói nhưng trong chị lại chứa đựng nhiều điều kì diệu khiến người khác phải suy nghĩ. Ngoại hình của chị: trạc ngoài 40, hình dáng thô kệch, rỗ mặt, khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và gợi ấn tượng người đàn bà xấu xí, mệt mỏi dường như đang buồn ngủ. Và cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ, vất vả, đau khổ làm cho diện mạo chị đã xấu giờ trở nên thô kệch.

++ Hoàn cảnh và số phận bất hạnh: Dường như mọi sự bất hạnh của cuộc đời đều trút cả lên chị, xấu, nghèo khổ, lam lũ, lại phải thường xuyên chịu những trận đòn roi của người chồng vũ phu, tổn thương, đau xót cho các con phải nhìn cảnh bố đánh mẹ...

+++ Cái xấu đã đeo đuổi chị như định mệnh, suốt từ khi còn nhỏ.

+++ Có mang với một anh hàng chài, đến mua bà về đan lưới, rồi thành vợ chồng. Cuộc sống mưu sinh trên biển cực nhọc, vất vả, lam lũ, bấp bênh.

+++ Gia đình nghèo lại còn đông con, thuyền thì chật,...

+++ Vì túng quẫn, đói nghèo, thất học, lạc hậu, lão chồng chị từ một anh con trai hiền lành nhưng cục tính đã trở thành một kẻ vũ phu khiến chị bị chồng thường xuyên đánh đập, hành hạ: ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cứ khi nào lão thấy khổ quá là lại xách chị ra đánh, đánh như là để trút giận, đánh như đánh 1 con thú, với lời lẽ cay độc: *Mày chết đi cho ông nhờ, chúng mày chết hết đi cho ông nhờ.*

+ Về đẹp khuất lấp trong nhân vật:

++ Về đẹp khuất lấp hiện lên ở một người phụ nữ biết cam chịu, nhẫn nhục để sống cho con chứ không phải cho mình. Khi bị đánh chị không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn mà coi đó là một lẽ đương nhiên. Người đàn bà ấy nhẫn nhục, cam chịu, thầm lặng chịu đựng mọi đau đớn. Chị là một người mẹ biết yêu thương con cái, chị đã gửi thàng Phác lên rừng để nó không phải hận bố vì thấy cảnh mẹ mình bị bố đánh. Tình mẫu tử của chị đã vút lên trên cái nền của một cuộc sống cơ cực, ngang trái, đau đớn, đầy xót xa. Vì thương con chị đã luôn miệng xin quý tòa: *con lạy quý tòa, tòa bắt tội con cũng được... đừng bắt con bỏ nó.* Thái độ của chị trái với lẽ thường vì điều mà chánh án Đầu khuyên chị rất hợp lý và có lẽ là giải pháp tốt nhất để chị thoát khỏi người chồng vũ phu. Nhưng chị hiểu

thế nào là nỗi đau của những đứa trẻ thơ sống trong cảnh bố mẹ ly dị. Cũng vì thương con, chị đã yêu cầu lão đàn ông vũ phu mang chị lên bờ mà đánh vì sợ con nhìn thấy.

++ Về đẹp khuất lấp toát ra ở một người phụ nữ giàu lòng vị tha và đức hi sinh. Chị cũng biều và thông cảm cho chồng, chị không hề oán trách chồng mà ngược lại chị thấu hiểu nỗi khốn khổ bế tắc của chồng, chị hiểu chỉ vì cuộc sống cơ cực nên chồng chị mới sinh ra thói vũ phu như vậy. Chị kể lại khi trước, chồng chị là anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập chị. Cuộc sống trở nên khó khăn trong những ngày biển động. Vợ chồng con cái cả tháng liền toàn ăn xương rồng luộc chấm muối. Thuyền thì nhỏ mà con thì nhiều, nhà nào cũng cũng gần chục đứa. Đàn ông trên thuyền nếu không uống rượu thì đánh vợ mỗi khi khổ quá. Chị khẳng định bao nỗi vất vả, cực khổ nếu trên thuyền không có đàn ông, đặc biệt là khi biển nổi giông bão. Trên thuyền bắt buộc phải có người đàn ông chèo lái, làm chỗ dựa và cùng nuôi nấng một đàn con đông đúc. Chị tâm sự rằng trên thuyền cũng có nhiều lúc vui, vui nhất là vợ chồng sống hoà thuận, nhìn đàn con được ăn no. Chị khẳng định, đàn bà trên thuyền phải sống cho con chứ không sống cho mình.

++ Về đẹp của một người phụ nữ từng trải và hiểu biết lẽ đời: *Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con và nuôi cho đến khi khôn lớn.* Chị hiểu cuộc sống trên thuyền cần phải có một người đàn ông mạnh khỏe và biết nghề, cần có một chỗ dựa vững chắc trong cuộc sống mưu sinh vất vả, vì vậy chị luôn sẵn sàng hi sinh bản thân mình vì chồng con. Chị đã cảm ơn Phùng và chánh án Đầu về lời khuyên của hai người nhưng chị nói: *Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...* Những lời giải bày chân thực trong câu chuyện xúc động, éo le về cuộc đời người đàn bà hàng chài đã đưa ra những lí do sâu sắc mà chị không thể nghe theo lời khuyên giản đơn của chánh án Đầu mà bỏ chồng. Cách xử sự của chị là không thể khác. Bởi, nếu bỏ chồng, chị không thể một mình nuôi nấng đàn con chị vô cùng thương yêu. Một mình người đàn bà không thể chèo lái con thuyền trên biển khơi rộng lớn. Giọng văn sâu lắng của tác phẩm bộc lộ xót thương trước hoàn cảnh thân phận của người đàn bà và thái độ trân trọng của nhà văn trước tình yêu thương, đức hi sinh, lòng vị tha cao cả của chị. Ở chị, dù cái nghèo khổ có lấn át đến đâu, chị vẫn toả sáng vẻ đẹp cao thượng của người phụ nữ Việt Nam.

Đây là người đàn bà ít học mà thấu hiểu lẽ đời, nhưng không bao giờ để lộ ra bề ngoài. Những lời trần tình của chị đã cho Phùng và Đẩu một bài học về cách nhìn đời, nhìn người, về bề ngoài của hiện tượng và bản chất sâu xa bên trong.

- Nét tương đồng và khác biệt trong vẻ đẹp của hai nhân vật:

+ Nét tương đồng:

++ Cả hai người đàn bà đều không có tên cụ thể, vẻ ngoài xấu xí, nhạt nhòa trong bao số phận nghèo khổ, thua thiệt, bị cuộc sống dồn đẩy vào những hoàn cảnh trớ trêu, éo le nhưng họ vẫn giữ được phẩm chất đẹp đẽ, mang tính truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

++ Cả hai người đàn bà đều có vẻ ngoài mâu thuẫn với bên trong - hạt ngọc giấu trong tâm hồn họ.

+ Nét khác biệt:

++ Người vợ nhạt do cái đói dồn đẩy, do phải giành giật giữa sự sống và cái chết nên chị liều thân bất chấp sĩ diện, lòng tự trọng, số phận. Nhưng khi chị được sống trong vòng tay yêu thương của Tràng và bà cụ Tứ, chị trở nên người phụ nữ nhanh nhẹn, hiền thực, thông minh và không cam chịu cuộc sống nô lệ.

++ Người đàn bà hàng chài, sống giữa thời điểm đất nước đã được thống nhất nhưng chị vẫn cam chịu sự bạo hành của chồng mặc dù bản chất của chị là cần cù, chịu thương chịu khó, thương chồng, thương con, thông minh và thấu hiểu lẽ đời.

- Đánh giá:

+ Viết về sự đổi thay trong tâm lý của thị, Kim Lân bày tỏ tình cảm trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người dân lao động nghèo. Tình cảm nhân đạo của nhà văn thể hiện ở đây. Cũng qua hình ảnh người vợ

nhật và nhan đề độc đáo ấy, Kim Lân đã góp tiếng nói lên án, tố cáo tội ác tày trời của bọn phong kiến, phát xít, thực dân đã đẩy dân tộc ta vào hoàn cảnh khốn cùng. Giá trị của một con người trở nên rề rúng, người ta có thể nhạt được vợ, thậm chí có vợ theo. Nhưng con người Việt Nam dù trong hoàn cảnh nào họ cũng biết yêu thương, curu mang, đùm bọc lẫn nhau để hướng về tương lai hi vọng trông chờ.

+ Qua câu chuyện của người phụ nữ hàng chài, Nguyễn Minh Châu thể hiện cái nhìn sâu sắc và nhận hậu của mình về cuộc đời. Ông phát hiện ra rằng đằng sau câu chuyện buồn của gia đình người lao động vùng biển là vẻ đẹp của tình mẫu tử, lòng bao dung và đức hi sinh của người phụ nữ. Số phận, phẩm chất của người đàn bà hàng chài này là số phận, phẩm chất của những người phụ nữ vùng biển nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung. Đồng thời, qua đó tác giả đã khẳng định nghệ thuật chân chính luôn phải gắn liền với cuộc đời vì cuộc đời cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện, đa chiều và góp một tiếng nói cảnh báo về tình trạng bạo lực gia đình và lí giải nguyên nhân của tình trạng ấy.

3. Kết bài :

- Vẻ đẹp khuất lấp của con người không dễ nhận ra từ vẻ bề ngoài mà phải đi sâu tìm hiểu mới thấy được vẻ đẹp lấp lánh bên trong.

- Kim Lân và Nguyễn Minh Châu đã đem lại cho người đọc cái nhìn triết lí đầy tính nhân bản về con người, qua đó khẳng định tài năng cũng như tác phẩm của mỗi nhà văn có sức sống lâu bền, hấp dẫn trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 38

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào,

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc, ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm.

(Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, 19/12/1946)

Câu 1: Văn bản trên hướng đến đối tượng nào?

Câu 2: Nghệ thuật lập luận độc đáo nhất trong văn bản trên là việc sử dụng biện pháp điệp. Hãy phân tích biện pháp đó.

Câu 3: Phân tích ý nghĩa của lời kêu gọi đối với toàn thể dân tộc Việt Nam ở thời điểm viết tác phẩm.

Câu 4: Chỉ ra những câu đặc biệt có trong văn bản trên.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Đọc mẫu chuyện sau:

Có một con kiến đang tha chiếc lá trên lưng. Chiếc lá lớn hơn con kiến gấp nhiều lần. Đang bò, kiến gặp phải một vết nứt khá lớn trên nền xi măng. Nó dừng lại giây lát, đặt chiếc lá ngang qua vết nứt, rồi vượt qua bằng cách bò lên trên chiếc lá. Đến bờ bên kia con kiến lại tiếp tục tha chiếc lá và tiếp tục cuộc hành trình.

(Theo Hạt giống tâm hồn 5 – Ý nghĩa cuộc sống)

Bảng đoạn văn khoảng 200 từ, hãy trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa mẫu chuyện trên.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích và so sánh sự trỗi dậy sức sống trong *đêm tình mùa xuân* và *đêm mùa đông cắt dây trời cứu A Phủ* của nhân vật Mị trong phần trích truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài (SGK Ngữ văn 12 Tập hai, NXB Giáo dục).

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Văn bản trên hướng đến đối tượng là toàn bộ đồng bào cả nước Việt Nam trong thời điểm thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Điều này được thể hiện ở đoạn trích như sau: *hỡi đồng bào*

toàn quốc, bất kỳ đàn ông, đàn bà... Bên cạnh đó, Người còn hướng đến một đối tượng giấu mặt là thực dân Pháp, lời hiệu triệu cũng như là lời cảnh báo đối với thực dân Pháp khi chúng có ý định xâm chiếm đất nước ta một lần nữa.

Câu 2: Chỉ ra việc điệp trong đoạn trích:

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, [...]

[...] chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, [...] ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước [...] thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Tác dụng: Phép điệp trong đoạn trích (điệp cấu trúc, điệp từ) có tác dụng nhấn mạnh nội dung được đề cập đến của tác giả khi thực hiện lời kêu gọi của mình đối với dân tộc, kêu gọi toàn dân đứng lên cứu nước. Bên cạnh việc nhấn mạnh nội dung, việc điệp lại như vậy còn đem lại cho đoạn văn hào khí hào sảng, mạnh mẽ khi tác giả thực hiện lời kêu gọi, thể hiện quyết tâm của tác giả một cách sâu sắc.

Lưu ý: Trong thao tác chỉ ra nghệ thuật điệp, học sinh chỉ cần chỉ ra là điệp những chỗ nào, không yêu cầu trích dẫn lại đoạn trích.

Câu 3: Ý nghĩa lời kêu gọi được thể hiện trên những ý cơ bản sau:

- Thể hiện ý chí sắt đá của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng và toàn thể dân tộc Việt Nam nói chung trong việc quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi đất nước ta. Bên cạnh đó còn là lời cảnh báo đối với thực dân Pháp hãy cẩn thận khi chúng có ý định xâm chiếm đất nước ta một lần nữa.

- Thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam, tất cả mọi người đều có thể đứng lên chống Pháp, chỉ cần chúng ta đoàn kết, chúng ta sẽ có sức mạnh vô địch. Dân tộc Việt Nam luôn sẵn sàng chống lại thực dân Pháp bằng tất cả tinh thần, ý chí và lực lượng.

- Thể hiện niềm tin vững chắc của Bác về thắng lợi sẽ đến với dân tộc ta.

Câu 4: Văn bản trên sử dụng ba câu đặc biệt sau: *Hỡi đồng bào toàn quốc! Không! Hỡi đồng bào*

Lưu ý: *Kháng chiến thắng lợi muôn năm* được tách thành câu riêng thì là câu bình thường, trong đó “muôn năm” là vị ngữ chứ không phải là định ngữ cho “kháng chiến thắng lợi”.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

212 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích**

+ Chiếc lá và vết nứt: Biểu tượng cho những khó khăn, vất vả, trở ngại, những biến cố có thể xảy ra với con người bất cứ lúc nào.

+ *Con kiến dừng lại trong chốc lát để suy nghĩ và nó quyết định đặt ngang chiếc lá qua vết nứt, rồi vượt qua bằng cách bò lên trên chiếc lá...*: biểu tượng cho con người biết chấp nhận thử thách, biết kiên trì, sáng tạo, dũng cảm vượt qua bằng chính khả năng của mình.

+ Tóm lại, câu chuyện ngắn gọn nhưng hàm chứa bao ý nghĩa lớn lao về cuộc sống. Con người cần phải có ý chí, nghị lực, thông minh, sáng tạo và bản lĩnh mạnh dạn đối mặt với khó khăn gian khổ, học cách sống đối đầu và dũng cảm; học cách vươn lên bằng nghị lực và niềm tin.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

+ Khẳng định câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc đối với mỗi người trong cuộc đời.

++ Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, luôn vượt khỏi toan tính và dự định của con người. Vì vậy mỗi người cần phải dũng cảm đối mặt, chấp nhận thử thách để đứng vững, phải hình thành cho mình nghị lực, niềm tin, sự kiên trì, sáng tạo để vượt qua.

++ Khi đứng trước thử thách cuộc đời cần bình tĩnh, linh hoạt, nhạy bén tìm ra cách giải quyết. Trên đường đời, việc con người luôn gặp khó khăn, trở ngại là một quy luật tất yếu của cuộc sống, không thể nào thay đổi được. Những khó khăn, thử thách hiện ra như một khối rubic nhiều chiều, nhiều màu, mà mỗi lần xoay là một lần khó khăn mới xuất hiện.

++ Khó khăn, gian khổ cũng là điều kiện thử thách và tôi luyện ý chí, là cơ hội để mỗi người khẳng định mình. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành hơn, sống có ý nghĩa hơn.

+ Không phải bất cứ ai cũng có thái độ tích cực để vượt qua sóng gió cuộc đời.

Có người nhanh chóng bi quan, chán nản; có người than vãn, buông xuôi; có người ý lại, hèn nhát, chấp nhận, đầu hàng, đổ lỗi cho số phận... cho dù những khó khăn ấy chưa phải là tất cả. Đó là những người chỉ biết kêu ca, than vãn và suy nghĩ bi quan tiêu cực mỗi khi gặp phải khó khăn trong cuộc đời. Ý niệm “mình không

làm được” cứ thế đi sâu vào tiềm thức khiến con người ta mất đi ý chí, nghị lực, mất đi niềm tin vào bản thân mình.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, cũng thuận buồm xuôi gió. Khó khăn, thử thách, sóng gió có thể nổi lên bất cứ lúc nào. Đó là quy luật tất yếu của cuộc sống mà con người phải đối mặt.

+ Phải có ý thức sống và phấn đấu, không được đầu hàng, không được gục ngã mà can đảm đối đầu, khắc phục nó để tạo nên thành quả cho cuộc đời.

Câu 2 (5 điểm):

1. *Mở bài:*

- Tô Hoài là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào nhất trong làng văn chương Việt Nam. Trước Cách mạng, nhà văn nổi tiếng với những câu chuyện về loài vật như *Ô chuột*, *Để mèn phiêu lưu ký*. Sau Cách mạng nhà văn đã để lại rất nhiều dấu ấn về những tác phẩm viết về đề tài miền núi như *Truyện Tây Bắc*, *Miền Tây*... Trong tập *Truyện Tây Bắc*, nổi tiếng nhất là truyện *Vợ chồng A Phủ*. Tác phẩm để lại dư âm trong lòng người đọc không chỉ là cảnh sắc thiên nhiên núi rừng Tây Bắc với đêm tình mùa xuân của tuổi trẻ dập dìu tiếng sáo mà còn làm xúc động tâm hồn người đọc bởi sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của nhân vật Mị - người con gái Mèo đã đứng lên đấu tranh với giai cấp thống trị miền núi, thoát khỏi kiếp đời nô lệ tù ngục để trở thành con người tự do.

- Trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã miêu tả sự trỗi dậy trong sức sống của Mị không chỉ ở đêm tình mùa xuân dập dìu tiếng sáo mà còn ở đêm mùa đông khi Mị cắt dây trói cho A Phủ. Hai chi tiết này đã khẳng định được sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị, chúng đan lồng vào nhau làm nên sức hấp dẫn cho tác phẩm.

2. *Thân bài:*

- Sự trỗi dậy sức sống của Mị trong đêm tình mùa xuân:

+ Ngoại cảnh: Mùa xuân ở Hồng Ngài rộn rã âm thanh và màu sắc. Đó là tiếng cười của trẻ con, màu vàng ửng của cỏ gianh và gió rét dữ dội, là màu đỏ của những chiếc váy hoa phơi trên những mỏm đá xòe ra như những con bướm sặc sỡ và chắc chắn không thể thiếu được *tiếng sáo gọi bạn yêu lừng lơ bay ngoài đường*. Chính những hình ảnh và âm thanh ấy như một con gió thổi tung đám tàn tro đang vây quanh cuộc đời Mị. Đặc biệt qua nghệ thuật trần thuật và miêu tả đặc sắc, Tô Hoài đã mang đến cho người đọc một linh hồn đang cự quậy hồi sinh đằng sau lớp xác giá băng. Chính tiếng sáo đã

tác động đến Mị, góp phần thức tỉnh một tâm hồn nguội lạnh. Tiếng sáo như sợi dây vô hình nối Mị với quá khứ và hiện tại làm sống dậy trong Mị một kí ức tươi đẹp.

+ Diễn biến:

++ Chất xúc tác: Tiếng sáo làm Mị mạnh mẽ hơn, Mị thoát khỏi cái lớp xác vô hồn ấy bằng một hành động "nổi loạn nhân tính". Mị tìm đến rượu, nhưng không phải để tìm vui mà là để giải sầu: *Mị uống ực từng bát rồi say*. Mị uống như nuốt căm hận vào lòng. Sự bất bình thường ấy đã nổi lên tất cả. Sức chịu đựng có hạn, đã đến lúc cần bùng cháy.

++ Khi say: Rượu và tiếng sáo chính là chất men say đánh thức phản đời đã mất của Mị, giờ đây Mị không còn lặng câm nữa mà đã hồi sinh. Tiếng sáo như sợi dây vô hình nối Mị với quá khứ và hiện tại làm sống dậy trong Mị một kí ức tươi đẹp. Nói đúng hơn nó đánh thức cái tài hoa trong Mị. Mị thổi sáo hay, thổi lá giời có biết bao nhiêu người mê ngay đêm thổi sáo đi theo Mị. Quá khứ đẹp nhưng đối lập với một hiện tại buồn mênh mang. Mị ngồi nhắm thăm lời của người đang thổi sáo:

"Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta chừa có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu".

Mị đang sống về ngày trước và không gì có thể ngăn được niềm vui sướng của Mị *lòng Mị đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước*. Còn gì hạnh phúc bằng khi mình tìm lại được chính mình? Tô Hoài đã thâm nhập vào mê cung tâm trạng của người phụ nữ này và bằng lòng cảm thông yêu thương sâu sắc, nhà văn đã làm người đọc thực sự xúc động trước những biến đổi về tâm lý của Mị. Con rùa nuôi trong xó cửa ấy đã không còn lụi lụi nữa rồi. Nó đã phá vỡ cái bức tường vô cảm kia để khát khao tìm ra thiên đường mùa xuân của tuổi trẻ, của hạnh phúc. Mị nhận thức được chính mình, đó chính là ý thức về tuổi trẻ. Mị thấy mình còn trẻ: *Mị trẻ lắm. Mị hãy còn trẻ. Mị muốn đi chơi*. Còn trẻ nghĩa là còn sức sống, còn khao khát sống, còn muốn yêu thương. Đúng là một cảm xúc bi kịch: nhận ra mình còn trẻ khi mà tuổi xuân bị tước đoạt rồi và sống trong hoàn cảnh đáng thương này thì đúng là bi kịch. Nhưng dù đó là bi kịch thì Mị vẫn vui sướng vì dù sao Mị vẫn còn là chính mình với trái tim đầy khát vọng.

++ Khi A Sứ về: Nhưng đốn đau thay, cùng với cảm xúc tìm lại được chính mình là một nỗi tủi thân. Tủi thân khi nghĩ về thực tại. Mị đã có chồng nhưng người chồng ấy không tình yêu, không hạnh phúc. Còn gì đau khổ

bằng lấy một người mà mình không có tình yêu. Còn gì đau khổ bằng phải sống với một kẻ vũ phu chỉ xem mình là món đồ chơi và bị khinh rẻ như súc nô. Mị lại tưởng đến nắm lá ngón, Mị ước ao có nắm lá ngón trong tay lúc này Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa, nhớ lại nước mắt chỉ ứa ra. Muốn chết để giải thoát nỗi đọa đày, muốn chết để thoát khỏi bị kịch, điều này dễ thông cảm nhưng hơn hết Tô Hoài đã mang đến cho người đọc sự lột xác của Mị. Muốn chết chính là biểu hiện của sức sống. Khi Mị đã hồi sinh, khó có thể nào chấp nhận được thực tại cay đắng này.

++ Hành động của Mị: Khi mà tiếng sáo gọi bạn yêu ngoài kia đang réo gọi, khi mà cả thiên đường hạnh phúc của mùa xuân phía sau ô cửa nhỏ kia đang nồng nàn, thổi thúc trái tim Mị. Mị không thể ngồi yên được nữa. Mị phải đứng dậy thôi! Mị hành động trong lặng lẽ. Lặng lẽ nhưng mãnh liệt. Mị đã thắp lên ngọn đèn trong căn phòng u ám, đặc công muộn phiền. Ngọn đèn như xua tan đi tất cả cái bóng tối u ám đang bao quanh cuộc đời Mị. Ngọn đèn thắp sáng tâm hồn Mị, đốt cháy cả nỗi khát khao vượt ra khỏi bức tường địa ngục để đến với thế giới ngoài kia đang dập dùi tiếng sáo. Tô Hoài đã diễn tả thật sâu sắc cái khát vọng cháy bỏng ấy của Mị bằng một đoạn văn ngắn nhưng giàu nỗi cảm thông chia sẻ. Câu văn ngắn, nhịp gấp thể hiện sự trở dậy mãnh liệt của nhân vật: *Mị quán lại tóc. Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách.*

++ Khi A Sử trói Mị: Đón đau thay, sự độc ác tàn nhẫn của giai cấp thống trị miền núi đã dập tắt đi cái khát vọng và sự trở dậy đó của Mị. A Sử đã nhấn tâm trói Mị bằng một thúng sợi đay, tóc Mị xoắn xuống hẳn cuốn luôn tóc Mị lên cột làm cho Mị không cúi không nghiêng đầu được nữa. Nhưng lúc này đây, Mị đâu còn sống bằng thể xác nữa mà Mị đang thực sự đang sống bằng tâm hồn. A Sử trói được thể xác của Mị nhưng không thể nào trói được tâm hồn của Mị. Bởi tâm hồn Mị đã vượt ra khỏi cái lỗ vuông bằng bàn tay kia để sống cùng đêm tình của tuổi trẻ. Thể xác Mị nằm đây, giữa bốn bức tường cam lặng nhưng hồn Mị đang đi theo những cuộc chơi những đám chơi. Tâm hồn Mị ngập đầy tiếng sáo, âm áp những kỷ niệm đẹp tươi. Có lúc tiếng sáo nhập cả vào hồn Mị làm Mị bùng lên như ngọn lửa gặp cơn gió lớn: *Mị vịn bước đi.* Hành động này cho thấy Mị không hề biết mình đang bị trói (hoặc có thể biết bị trói nhưng đã quên vì sức sống của tâm hồn lớn hơn nỗi đau thể xác). Nhưng rồi tay chân đau không của được lại đưa Mị về với hiện thực cay đắng: *Mị thôn thức nghĩ mình không bằng con*

ngựa. Nhưng sức sống ấy vẫn âm ỉ cháy dù đau đớn, tù nhục. Suốt đêm, Mị lúc mê lúc tỉnh. Lúc mê thì sống trong *hơi rượu tóa* cùng tiếng sáo mênh mang gọi bạn tình. Lúc tỉnh thì *nồng nàn tha thiết nhớ.* Có một chi tiết rất đắt khi nhà văn kết thúc diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân là chi tiết: Mị tỉnh dậy và nhớ lại câu chuyện người đàn bà bị chồng trói chết trong căn nhà này. Và Mị đã sợ, sợ chết: *Mị của quấy xem thử mình còn sống hay đã chết.* Sợ chết là biểu hiện của lòng ham sống. Sức sống trong con người khôn khô ấy đã không lui tàn mà ngược lại vẫn mãnh liệt như những đợt sóng ngầm gầm gào trong lòng đại dương tưởng như không gì có thể dập tắt nổi.

Như vậy, sức sống mãnh liệt, tiềm ẩn đằng sau vẻ bề ngoài cam chịu, căm nín của Mị đã trở dậy mạnh mẽ khi gặp điều kiện thuận lợi. Nhưng nó đã bị vùi lấp phủ phàng bởi hành động tàn ác, lạnh lùng của A Sử.

- Sức sống trở dậy của Mị trong đêm mùa đông:

+ Ngoại cảnh: Đó là những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. Mị thức dậy và sống cùng ngọn lửa. Mị đến bên bếp lửa, thổi lửa hơ tay. Đã mấy đêm A Phủ bị trói ở gần bếp lửa nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Chuyện có người bị đánh, bị trói đã là chuyện thường tình ở nhà thống lý, nó không còn gây chú ý cho Mị.

+ Diễn biến:

++ Mị vẫn cam lặng trong nỗi cô đơn. Lửa cũng cô đơn. Hai kẻ cô đơn ấy sưởi ấm cho nhau. Nhìn thấy A Phủ bị trói đứng như thế, Mị cũng bình thản, bình thản một cách lạ lùng đến nhẫn tâm. Phải chăng *Sống lâu trong cái khổ Mị quen khổ rồi* nên Mị không còn nhận ra nỗi khổ của người khác. Chỉ đến khi ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị trông thấy dòng nước mắt của A Phủ *bỏ xuống hai hôm mà đã xám đen lại* thì Mị mới bừng tỉnh. Khi dấu hiệu của sự chết đã xuất hiện trên khuôn mặt của người nô lệ ấy thì trái tim Mị mới bừng tỉnh, lòng thương người trong Mị mới trở dậy. Chính *dòng nước mắt lấp lánh* ấy đã làm tan chảy lớp băng giá lạnh trong lòng Mị. Lúc này đây, Mị mới thấm thía được nỗi cùng cực của kiếp người. Thương người, Mị lại thương mình. Mị hình dung lại chuỗi ngày ê chề dài đằng đặc của cuộc đời mình. A Phủ sao mà giống Mị thế...

++ Mị nhận thức được căn nguyên nỗi khổ của mình và những người đồng cảnh ngộ. Mị căm phẫn khi nhớ lại người đàn bà bị trói chết trong căn nhà này. Mị càng căm phẫn càng uất hận: *chúng nó thật độc ác.* Nhớ đến những chuyện ngày trước, trở về với hiện tại, Mị đau khổ cay

đăng cho thân phận của mình: *Ta là thân đàn bà chúng nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chi còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi*. Nhưng Mị không có quyền bỏ mặc người khác. Lý trí mách bảo Mị rằng, phải cứu A Phủ. Trái tim nhân ái của Mị đã thôi thúc Mị phải hành động.

++ Hành động của Mị: Mị giằng xé dữ dội giữa mạng sống của mình và người đồng cảnh ngộ. Có thể Mị cứu được A Phủ nhưng chính Mị sẽ lại phải chết trên cái cọc ấy. Nhưng Mị nào đâu thấy sợ, bởi giờ đây, lòng thương người đã lớn hơn tất cả mọi nỗi sợ hãi. Mị táo bạo, Mị quyết liệt, Mị nổi loạn. Chính hành động cắt đứt sợi dây trói đã phần nào cho thấy vẻ đẹp sức sống của Mị. Đó chính là sức sống của cô gái Mèo dám đứng lên đương đầu với lũ ác thú. Dù còn là mang tính tự phát nhưng đó là dấu hiệu dự báo cho thấy được sự bùng nổ của những nô lệ đang đi theo tiếng gọi của cách mạng. Có ai ngờ được rằng Mị cắt đứt dây trói cho A Phủ cũng là vô tình cắt đi sợi dây oan nghiệt trói buộc cuộc đời mình. Mị đã làm một việc động trời nhưng đó là tất yếu. Cái giây phút Mị đứng lặng trong bóng tối là Mị sống trong sự ngổn ngang trăm mối. Lòng Mị rối bời với câu hỏi: chạy theo A Phủ hay ở đây chờ chết? Cuối cùng tiếng gọi của tự do và sức sống tiềm tàng đã thôi thúc Mị phải sống và Mị vụt chạy theo A Phủ. Những bước chân của hai con người khốn khổ ấy băng qua đêm tối như đạp đổ uy quyền, thần quyền của bọn lãnh chúa phong kiến đương thời đã đè nặng tâm hồn họ biết bao nhiêu năm qua. Lời nói Mị nói sau bao nhiêu năm câm nín: *A Phủ. Cho tôi đi!... Ở đây thì chết mất* là câu nói thể hiện niềm khao khát sống và khao khát tự do đến mãnh liệt. Và tiếng gọi tự do đang vẫy gọi họ phía trước, nơi họ đến là Phiêng Sa vùng đất hứa còn Hồng Ngài hôm nay còn chằng là những ngày buồn đau, tù nhục.

Như vậy, sau khi bị A sử trói, ngọn lửa sức sống trong Mị không hề tắt, nó chỉ lui đi với sức nóng được ủ bên dưới lớp tro tàn. Gặp điều kiện thuận lợi, ngọn lửa ấy lại bùng cháy dữ dội, thiêu đốt vòng dây trói số phận tạo ra bước ngoặt cuộc đời lớn lao cho nhân vật.

- So sánh:

+ Nét tương đồng:

++ Sự trỗi dậy của sức sống ở cả hai lần của Mị đều có cơ sở, tiền đề là bản tính mạnh mẽ, không dễ chấp nhận số phận, không buông xuôi thân phận con rùa lùi lũi trong xó cửa. Trong tâm hồn Mị lúc nào cũng có một niềm khát sống mãnh liệt, thoát ra khỏi kiếp trâu ngựa nơi nhà thống lý.

++ Sự trỗi dậy sức sống ở cả hai lần của Mị đều là thoát ra khỏi trạng thái vô cảm thường ngày, đều là do ngọn lửa của sức sống tiềm tàng bùng cháy lên khi gặp điều kiện thuận lợi.

+ Nét khác biệt:

++ Yếu tố tác động: lần thứ nhất Mị nhận được sự tác động theo chiều hướng tích cực từ ngoại cảnh là đêm tình mùa xuân. Lần thứ hai thì không có sự hỗ trợ này.

++ Lần thứ hai sức sống trỗi dậy mạnh mẽ, mãnh liệt hơn chứng tỏ sức sống nội tại trong Mị đã đủ mạnh để có thể tạo ra một sự thay đổi đột biến trong cuộc đời số phận nhân vật.

++ Ở lần trỗi dậy thứ nhất, bản thân Mị chỉ định giải thoát cho mình trong chốc lát bằng việc đi chơi. Nhưng ở lần trỗi dậy thứ hai, cô đã trở nên mạnh mẽ, quyết liệt hơn, dám nghĩ đến một sự thay đổi lớn lao, trọng đại: giải thoát mình ra khỏi sự ràng buộc của cả thần quyền và cường quyền. Với hành động cắt dây trói cho A Phủ và chạy theo anh, Mị đã chiến thắng cả bản thân.

- Đánh giá:

+ Hai lần trỗi dậy sức sống có ý nghĩa quan trọng trong việc Tô Hoài khắc họa hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm, đồng thời cũng có vai trò đặc biệt trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

+ Thành công của nhà văn khi miêu tả sự trỗi dậy trong sức sống của nhân vật đó chính là nhờ vào nghệ thuật trần thuật hấp dẫn. Cách dựng cảnh sinh động. Cách lột tả nội tâm nhân vật nhiều bất ngờ thú vị. Ngôn ngữ mộc mạc giản dị. Tất cả đã tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm, góp phần mang đến cho người đọc sự xúc động mãnh liệt trước số phận của đồng bào miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chủ nô và lũ Tây đồn.

3. Kết bài :

- Vợ chồng A Phủ đã để lại trong lòng người đọc vẻ đẹp của lòng nhân đạo, tình yêu thương đồng cảm sâu sắc với những kiếp người nghèo khổ. Qua nhân vật Mị nhà văn đã làm hiện lên vẻ đẹp của một sức sống tiềm tàng mãnh liệt của người phụ nữ miền núi nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.

- Sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị giúp nhà văn khẳng định được sức mạnh của tâm hồn con người Việt Nam và chân lí muôn đời: ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh để chống lại nó dù đó là sự vùng lên một cách tự phát như Mị. Đây chính là cuộc đấu tranh đi lên từ tự phát đến tự giác theo ánh sáng của cách mạng. Đó là giá trị nhân văn ngời sáng của tác phẩm

ĐỀ SỐ 39

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hà Nội chiều 30 nhận nhịp võ cùng, lòng người náo nức đón mùa xuân say nồng sắp trở lại. Bờ Hồ đã lên đèn, rực rỡ sắc màu trên những cành cây...

Một thứ hương gì xen vào rạo rục cả lòng ta? Hương của mùa xuân chăng?

... Về đến nhà, mẹ và các em đã đi nghe nhạc ở Hồng Hà. Chỉ có bố với mình ở nhà. Xuân sắp về rồi, lại uống rượu, lòng say say... Bác Nguyễn Văn Tý sang kể chuyện thi nhạc của ông bố bác ngày xưa... Sang chị Trâm một lát. Về nhà, bố cũng đi đâu nốt. Chỉ còn một mình mình. Đốt hương lên, mùi hương thơm ấm cúng nâng tâm hồn con người. Tối dài báo tin trưa nay, bộ đội ta bắn chìm một chiếc tàu chiến Mỹ vào khiêu khích miền Bắc. Tin chiến thắng đưa về giữa đêm giao thừa này sao mà vui lạ. Mình thấy tê trên má, nước mắt muốn trào ra. Ôi Tổ quốc...

Mẹ và Thơ về. Ngồi quanh quẩn mà xao xuyến quá. Còn gần hai tiếng nữa là giao thừa. Tiến đến, hai đứa cùng ra Bờ Hồ đón giao thừa. Hình như chưa năm nào đông bằng năm nay...

(Theo PGS. TS. Lưu Khánh Thơ, Lưu Quang Vũ,

Tết Hà Nội qua nhật kí Lưu Quang Vũ, Tri thức Thời đại số 1+2 năm 2015)

Câu 1: Anh (chị) hãy chỉ ra những phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Về đẹp của ngày 30 Tết được Lưu Quang Vũ cảm nhận như thế nào? Anh (chị) dựa vào những từ ngữ nào để rút ra điều đó?

Câu 3: Đoạn trích thể hiện rất rõ về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình. Đó là những về đẹp nào?

Câu 4: Đoạn trích thể hiện những cảm xúc đặc biệt nào của tác giả về thời điểm giao thừa?

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của mình về câu nói sau:

Là người thợ mộc tài hoa đóng ra chiếc tủ đẹp, bạn sẽ không sử dụng mảnh gỗ tâm thường cho phần lưng tủ dù nó luôn xoay úp vào trong tường và chẳng ai có thể nhìn thấy

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu là bản anh hùng ca, bản tình ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Ý kiến khác lại khẳng định: Ở Việt Bắc, tinh dân tộc trong nghệ thuật thơ Tố Hữu rõ nét nhất.

Bằng cảm nhận về đoạn thơ Việt Bắc (SGK - Ngữ Văn 12, Tập I - NXB Giáo dục), anh/ chị hãy làm sáng tỏ những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Những phương thức biểu đạt chính: Tự sự và miêu tả.

Câu 2: Về đẹp của ngày 30 Tết được thể hiện bằng các từ ngữ sau: nhận nhịp, say nồng, rực rỡ, rạo rục, ấm cúng.

Đó là về đẹp của sự biến đổi tinh tế khi mùa xuân đến. Xuân đến, cảnh vật thay đổi tinh tế với những biến đổi của ánh đèn Bờ Hồ rực rỡ trên những cành cây, con người cũng trở nên nhộn nhịp hơn, lòng người náo nức hơn chờ đến giờ phút giao thừa. Bên cạnh đó, về đẹp của Tết còn được cảm nhận là những thông tin trên đài báo về chiến thắng của bộ đội ta làm ấm lòng người.

Câu 3: Nhân vật trữ tình thể hiện những về đẹp tâm hồn khi có những cảm nhận tinh tế, chân thật trước khoảnh khắc giao thừa:

- Về đẹp tinh tế khi nhận ra những biến đổi nhỏ nhất khi mùa xuân đến: Sự thay đổi của cảnh vật, con người.

216 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

- Về đẹp về sự trân trọng những điều nhỏ nhất của cuộc sống, đó là sự nâng niu từng khoảnh khắc tươi đẹp của cuộc sống này. Đó là khoảnh khắc uống rượu cùng bố trong thời khắc chờ giao thừa, khoảnh khắc thấp hương mà lòng chộn rộn, lâng lâng.

- Tâm lòng yêu nước thầm kín: Cảm thấy có niềm vui trào dâng trong lòng khi biết tin chiến thắng của bộ đội ta (*thấy tê tê trên má, nước mắt muốn trào ra*)

Câu 4: Tác giả thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc đặc biệt trước thời khắc giao thừa. Đó là cảm xúc trào dâng sự bình yên, lâng lâng trước thời khắc đặc biệt, là cảm xúc hạnh phúc trào dâng khi nghe kể về chiến công của bộ đội ta trong cuộc chiến với giặc Mỹ, là cảm xúc xao xuyến khi hòa trong dòng người ở Bờ Hồ đón giao thừa. Tất cả cảm xúc được miêu tả bằng chính tâm hồn của nhà thơ khi vừa trải nghiệm hiện thực nên vẹn nguyên và rất đổi trong sáng, thể hiện rõ đặc điểm của thể loại nhật kí.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích: nêu ý nghĩa câu nói

Câu nói là một cách diễn đạt hình ảnh nhằm thể hiện một quan niệm sống đề cao lối sống trung thực với chính mình và với mọi người. “Trước sau như một”, đó cũng là lời dạy của người xưa, nhằm hướng con người đến lối sống ngay thẳng, chính trực.

- Phân tích, lí giải:

+ Vì sao con người ta phải biết sống trung thực, ngay thẳng?

++ Bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng là một chỉnh thể trọn vẹn, các bộ phận cùng gắn kết với nhau, tạo nên giá trị cho sự vật, hiện tượng đó. Nếu kém ở một khâu, một bộ phận nào đó sản phẩm sẽ không hoàn hảo, kém chất lượng, thậm chí gây nguy hiểm. Mặt khác, không có một sự thật nào được che giấu mãi mãi. Những mặt khuất, mặt ẩn, đến một lúc nào đó cũng sẽ được phơi bày, làm rõ.

++ Sống trung thực, ngay thẳng với chính mình và mọi người, con người mới có được sự thanh thản, nhẹ nhõm, mới có thể làm hết trách nhiệm của bản thân.

Người trung thực, ngay thẳng luôn có được lòng tin, sự tín nhiệm của mọi người, được những người xung quanh quý mến, tôn trọng.

+ Trong các mối quan hệ, đức tính trung thực được biểu hiện ở việc không nói sai sự thật, không tham lam của người khác. Trong môi trường học đường, đức tính trung thực được thể hiện trong việc học thật, thi thật. Trong kinh doanh, người trung thực, ngay thẳng sẽ không sản xuất những loại hàng kém chất lượng, kinh doanh những mặt hàng bất hợp pháp, làm nguy hại đến người tiêu dùng... Ở đâu có sự trung thực, ở đó có hiệu quả công việc.

+ Phê phán:

Trong cuộc sống ngày nay, ta dễ dàng bắt gặp nhiều người vì sự cầu thả, lợi ích trước mắt... vẫn bất chấp tất cả để tạo nên những sản phẩm có bề ngoài đẹp đẽ mà bên trong thì đầy lỗi.

- Bình luận, liên hệ bản thân

+ Câu nói đặt ra một bài học đúng đắn ở mọi thời đại. Có lương tâm, trách nhiệm với công việc, sống trung thực với mình, với mọi người, đó là những yếu tố cấu thành nên chữ Người thực thụ.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận, đánh giá lại bản thân mình đã biết sống trung thực hay chưa, từ đó đề ra những lối sống đúng đắn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Bài thơ *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là một thành tựu quan trọng của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Bài thơ được Tố Hữu sáng tác vào tháng 12 năm 1954 nhân một sự kiện lịch sử. Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu về Thủ đô Hà Nội. Từ điểm xuất phát ấy, bài thơ thể hiện tình gắn bó thắm thiết giữa người ra đi và người ở lại, giữa miền xuôi và miền ngược, giữa người cán bộ với Việt Bắc quê hương của cách mạng, với đất nước và nhân dân, với Đảng và Bác Hồ, với cuộc kháng chiến đã thành kỉ niệm sâu nặng trong tâm hồn.

- Nhận xét về bài thơ *Việt Bắc*, có ý kiến cho rằng: *Bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu là bản anh hùng ca, bản tình ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến*. Ý kiến khác lại khẳng định: *Ở Việt Bắc, tình dân tộc trong nghệ thuật thơ Tố Hữu rõ nét nhất*.

2. Thân bài:

- Giải thích hai ý kiến:

+ Ý kiến thứ nhất: Ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta, những con người kháng chiến (nhân dân và cán bộ cách mạng) anh hùng trong chiến đấu, căm thù giặc cao độ, có tinh thần đoàn kết. Đồng thời cũng thể hiện tình cảm lưu luyến vấn vương giữa đồng bào Việt Bắc và cán bộ cách mạng, ca ngợi lối sống ân nghĩa ân tình giữa nhân dân và cách mạng.

+ Ý kiến thứ hai: Khẳng định vẻ đẹp về nghệ thuật thơ Tố Hữu- tính dân tộc - thể hiện ở kết cấu đậm chất ca dao, thể thơ lục bát điêu luyện, ngọt ngào, ở việc sử dụng cặp đại từ “minh”, “ta”.

- Chứng minh qua đoạn thơ “Việt Bắc”:

+ Ý kiến thứ nhất:

++ Việt Bắc là bản tình ca:

+++ Tình cảm lưu luyến vấn vương giữa đồng bào Việt Bắc và cán bộ cách mạng, ca ngợi lối sống ân tình thủy chung của đồng bào Việt Bắc. Với kiểu kết cấu đối đáp rất đậm đà, tình nghĩa của bài thơ Việt Bắc là tình yêu với thiên nhiên đất nước được biểu hiện cụ thể qua sự gắn bó với núi rừng Việt Bắc trong nỗi nhớ của người cán bộ sắp về xuôi. Cảnh Việt Bắc hiện ra những vẻ đẹp hiện thực và thơ mộng, thi vị gợi rõ nét độc đáo của Việt Bắc so với nhiều miền quê khác của đất nước. Việt Bắc đó là hình ảnh *trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*, hình ảnh bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, là những *rừng nứa bờ tre, ngòi thua, sông Đáy* là tiếng mõ trâu về trong rừng chiều, *tiếng chày đêm nện cối đều đều suối xa*.

Nhưng có lẽ nổi bật nhất là nỗi nhớ của Tố Hữu về Việt Bắc là sự hòa quyện với người, là ấn tượng không thể phai mờ về những người dân Việt Bắc can cù trong lao động, thủy chung trong nghĩa tình.

+++ Thể hiện qua những kỉ niệm của tác giả về những năm tháng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ của đồng bào Việt Bắc. Nét đặc sắc cao quý của *Việt Bắc* chính là ở chỗ nghèo cực mà chân tình, rộng mở, son sắt, thủy chung với cách mạng. Hình ảnh củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, *tắm chân sui đắp cùng* là những hình ảnh thực của đời sống kháng chiến, gian khổ nhưng thấm đẫm chân tình của đồng bào, của anh em đồng chí. Hay hình ảnh người mẹ Việt Bắc *tản tào chất chiu, cần cù lao động, vất vả, nhọc nhằn* nhưng *ấm áp cảm động, địu con trên lưng dưới cái nắng cháy da* để bé bấp nôi con, nuôi bộ đội. Hình ảnh thơ mộc mạc, giản dị như chính từ đời sống nguyên vẹn chảy vào thơ.

+++ Ca ngợi vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc: cảnh đẹp, hài hòa từ đường nét, màu sắc, âm thanh; con người

đẹp trong lối sống nghĩa tình: *Rừng xanh...trăng rọi hòa bình*. Có thể thấy thiên nhiên Việt Bắc hiện ra với những vẻ đẹp phong phú, đa dạng, thay đổi theo thời tiết, từng mùa. Gắn với cảnh tượng ấy là con người giản dị, người đi làm nương rẫy, người đang nói, người hái măng...

Bằng những việc làm tưởng chừng nhỏ bé của mình họ đã góp phần tạo ra sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. Chính tình nghĩa gắn bó và san sẻ cũng nhau chịu đựng gian khổ thiếu thốn, cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề, khó khăn giữa nhân dân với bộ đội và cán bộ tất cả càng làm cho hình ảnh Việt Bắc sáng ngời trong hồi tưởng của nhà thơ

++ Việt Bắc là bản anh hùng ca:

+++ Anh hùng trong chiến đấu: khung cảnh hùng tráng đậm chất sử thi, cảm hứng lãng mạn thể hiện qua giọng điệu dồn dập, âm hưởng hào hùng, những hoạt động sôi nổi... góp phần diễn tả sức mạnh và khí thế chiến đấu của cuộc kháng chiến. Ở đây bài thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca mang dáng vẻ sử thi hiện đại bởi vì chỉ cần miêu tả khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc, Tố Hữu đã nêu bật khí thế chiến đấu vô cùng mạnh mẽ của dân tộc.

+++ Sức mạnh bắt nguồn từ lòng căm thù trước tội ác của giặc: *Nhớ khi giặc đến giặc lùng, ...mối thù nặng vai*, từ tinh thần đoàn kết *rừng cây núi đá, ta cùng đánh Tây, đất trời ta cả chiến khu một lòng*. Nhưng Tố Hữu không chỉ miêu tả diễn biến của cuộc kháng chiến mà còn đi sâu vào lí giải những cội nguồn sức mạnh đã dẫn tới chiến thắng. Đó không chỉ là sức mạnh của lòng căm thù mà còn là sức mạnh của tình nghĩa thủy chung: *Minh đây ta đó, đắng cay ngọt bùi*, nhất là sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, của sự hòa quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên – tất cả tạo thành hình ảnh “*đất nước đứng lên*”.

+++ Sức mạnh của đau thương biến thành hành động và lập được những chiến công vang dội *Tin vui chiến thắng trăm miền*. Dân tộc ta đã vượt qua bao gian khổ hi sinh để lập nên những kì tích, những chiến công: Phú Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên...

+++ Sức mạnh của niềm tin, lạc quan tin tưởng vào Đảng, Bác Hồ; khẳng định Việt Bắc là căn cứ địa vững chắc của cuộc kháng chiến. Trong những năm tháng kháng chiến gian lao, Việt Bắc là nơi có *Cụ Hồ soi sáng, có Trưng vương, Chính phủ luận bàn việc công*. Đặc biệt bằng những lời thơ trang trọng mà tha thiết, Tố Hữu đã đi sâu nhấn mạnh hình ảnh và vai trò của Việt Bắc như

là quê hương của cách mạng, căn cứ vững chắc của cuộc kháng chiến. Trong những năm đen tối trước cách mạng, hình ảnh Việt Bắc hiện dần từ mờ xa *mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù* cho đến xác định như chiến khu kiên cường nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi sản sinh nhiều địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc.

+ Ý kiến thứ hai:

++ Tâm trạng bao trùm là nỗi nhớ, nương theo những câu hỏi, theo lối đối đáp của ca dao ta - mình để khơi gợi kỉ niệm về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Cả bài thơ dài như một cuộc hát đối đáp nam nữ. Người ở lại rừng núi chiến khu là cô gái Việt Bắc, người về xuôi là anh cán bộ cách mạng. Cuộc chia tay lớn của cán bộ Đảng và Chính phủ kháng chiến với Việt Bắc được thu vào cuộc chia tay của một trai gái. Nói khác hơn, tác giả đã chọn tình yêu của đôi trai gái làm một góc nhìn để bao quát toàn cảnh Việt Bắc, với *Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*. Chuyện chung đã hoá thành chuyện riêng, chuyện cách mạng của dân nước trở thành chuyện tình yêu của lứa đôi.

++ Kết cấu đối đáp hài hoà với lối thơ lục bát giàu chất dân gian như thế đã làm cho bài Việt Bắc của Tố Hữu có cái dáng dấp của một bài hát giao duyên bác học được viết theo lối dân gian. Nó làm cho bài thơ gần gũi với tâm hồn quần và dễ dàng gia nhập vào mạch văn hoá dân gian. Đồng thời sử dụng ngôn ngữ xưng hô “ta - mình” khá linh hoạt, hình thành một cuộc đối đáp thực sự, cũng là sự phân thân, tự vấn của người đi (cán bộ Cách mạng) để đáp lại tấm chân tình sâu nặng của người ở lại (đồng bào Việt Bắc), tạo nên cảnh tiền biệt dùng dằng thương nhớ, tạo độ sâu về tư tưởng cho bài thơ.

++ Thành công của bài thơ *Việt Bắc* còn ở nhiều phương diện khác như: ngôn ngữ, nội dung, hình tượng nhân vật trữ tình... Nhưng có thể khẳng định chất dân chất truyền thống đậm đà đã tạo nên sức sống, sức lay

động lòng người cho thơ. Và *Việt Bắc* cùng với những bài thơ khác của Tố Hữu đã khẳng định phong cách độc đáo của ông trong suốt chặng đường cầm bút của người nghệ sĩ mạng: từ hiện đại trở về với cổ điển, trở về với nét dân tộc và truyền thống.

- Đánh giá:

+ Hai ý kiến trên là những đánh giá về giá trị nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật độc đáo của bài thơ *Việt Bắc* – một đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là một tác phẩm xuất sắc của thơ ca Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp. Nó nói lên được những vấn đề có ý nghĩa lớn lao của thời đại, khơi được đúng chỗ sâu thẳm nhất trong truyền thống ân tình thủy chung ngàn đời của dân tộc ta.

+ Đây là những ý kiến đánh giá đúng đắn về giá trị của bài thơ *Việt Bắc*, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về thi phẩm. Đây là câu chuyện lớn, là một vấn đề tư tưởng được diễn đạt bằng một hình thức nghệ thuật dân tộc. Bài thơ vừa làm sống dậy những kỉ niệm ân nghĩa, ân tình của đời sống cách mạng và kháng chiến vừa là lời nhắc nhở về sự thủy chung của con người với con người và đối với quá khứ cách mạng của dân tộc Việt Nam.

3. *Kết bài* :

- Đoạn thơ *Việt Bắc* đã tái hiện một thời kháng chiến chống Pháp gian khổ mà anh hùng, nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước. Qua đó, tình cảm thủy chung truyền thống của dân tộc được nâng lên thành tình cảm thời đại, đó là ân tình Cách mạng - một cội nguồn sức mạnh quan trọng tạo nên thắng lợi của Cách mạng và kháng chiến.

- Khẳng định tài năng cũng như tấm lòng của nhà thơ Tố Hữu, khẳng định sức sống trường tồn của tác phẩm trong lòng độc giả.

ĐỀ SỐ 40

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Lời ru ản nơi nào
Giữa mệnh mang trời đất
Khi con vừa ra đời
Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ảm ảp
Lời ru là tấm chắn
Trong giấc ngủ ảm đêm
Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc
Thì lời ru đi chơi
Lời ru xuống ruộng khoai
Ra bờ ao rau muống

Và khi con đến lớp
Lời ru ở cổng trường
Lời ru thành ngọn cỏ
Dón bước bàn chân con
Mai rồi con lớn khôn
Trên đường xa nắng gắt
Lời ru là bóng mát
Lúc con lên núi thăm
Lời ru cũng gập ghềnh
Khi con ra biển rộng
Lời ru thành mệnh mông.

(Lời ru của mẹ, Xuân Quỳnh)

Câu 1: Chỉ ra đặc điểm của biện pháp nghệ thuật nhân hóa trong bài thơ trên.

Câu 2: Xác định thể thơ và cách gieo vần của bài thơ trên.

Câu 3: Hình ảnh lời ru trong bài thơ được thay đổi như thế nào? Viết đoạn văn khoảng 100 từ cảm nhận về hình ảnh này.

Câu 4: Chỉ ra và phân tích một chi tiết độc đáo nhất trong đoạn thơ trên

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Martin Luther King – nhà hoạt động nhân quyền Mỹ gốc Phi, đã đạt giải Nobel Hoà bình năm 1964 cho rằng: *Trong thế giới này, chúng ta xót xa không chỉ vì lời nói và hành động của những kẻ xấu, mà còn vì sự im lặng đáng sợ của cả những người tốt.*

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích cảm hứng về đất nước qua hai đoạn thơ sau:

*“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên”.*

(Việt Bắc, Ngữ văn 12, tập 1, NXB giáo dục Việt Nam 2011)

*“Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ chuyền lúa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại”.*

(Đất nước - Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12, tập 1, NXB giáo dục Việt Nam 2011)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Nhà thơ Xuân Quỳnh đã nhân hóa lời ru của mẹ thành những gì gắn gũi nhất, thân thương nhất với con bằng những việc của con người: *Thì lời ru đi chơi, lời ru xuống ruộng khoai, ra bờ ao rau muống, lời ru thành ngon có đón bước bàn chân con.*

- Tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật nhân hóa: Lời ru của mẹ trở nên gần gũi và gần bó hơn với con, không còn xa lạ mà đã trở thành những gì không thể thiếu mà người con luôn nghĩ đến (là những công việc ở đồng ruộng, ở trường, nơi con vui đùa, nô nghịch cùng bè bạn). Qua đó, Xuân Quỳnh muốn gợi đến một cách nhìn thơ ngây, trong sáng và không kém phần tinh nghịch trong con mắt trẻ thơ. Gắn với cách nhìn hồn nhiên của trẻ thơ cũng là đặc điểm thường thấy trong thơ của nhà thơ Xuân Quỳnh.

Câu 2: Thể thơ: Bài thơ viết theo thể thơ năm chữ.
Tác dụng: Thể thơ năm chữ là một khổ thơ giá trị trong việc bộc lộ những thứ tình cảm bình dị mà sâu đậm, vừa thể hiện được nét tinh nghịch, vừa có nét trữ tình không thể thiếu của thơ ca.

- Cách gieo vần:

Bài thơ chủ yếu được gieo vần chân. Trong bài thơ có các cặp câu sau được gieo vần chân:

*Lời ru về mẹ hát
Lúc con nằm ẵm ẵm*

*Đón bước bàn chân con
Mai rồi con lớn khôn*

*Trên đường xa nắng gắt
Lời ru là bóng mát*

*Khi con ra biển rộng
Lời ru thành mệnh mông.*

Nhận xét: Việc gieo vần chân đem lại âm điệu nhẹ nhàng, tha thiết cho câu thơ. Các câu thơ êm đềm như chính câu chuyện của đứa con kể về lời ru ngọt ngào của mẹ. (Việc nhà thơ sử dụng rất ít vần điệu cũng đem lại cho bài thơ hiệu quả này)

Câu 3: Hình ảnh lời ru của mẹ là hình ảnh đẹp được nhắc đến xuyên suốt bài thơ với nhiều dáng vẻ khác nhau. Mở đầu lời ru hiện lên mệnh mang giữa trời đất, đó là lời ru gần bó với con ngay từ giây phút chào đời.

Lời ru ấy gắn bó và để lại trong con những ấn tượng vô cùng độc đáo: *Lời ru ản nơi nào/ Giữa mênh mang trời đất/ Khi con vừa ra đời/ Lời ru về mẹ hát.* Qua cách nhìn của đứa con, lời ru của mẹ không chỉ đơn điệu là những câu hát, đó còn là những gì cụ thể nhất, chân thật nhất thể hiện tình mẹ bao la, dạt dào: *Lúc con nằm ảm ảp/ Lời ru là tám chản/ Trong giấc ngủ ảm ảm/ Lời ru thành giấc mộng.* Lời ru đi vào đời sống trẻ thơ của con từ trong giấc ngủ, nó không chỉ đem đến cho con sự ảp ảp mà còn đem đến cho con sự ảm ảm qua hình ảnh tám chản và giấc mộng. Khi con tỉnh giấc, lời ru lại trở về với những công việc hằng ngày của mẹ, những công việc đồng ảng mẹ tần tảo vì con: *Khi con vừa tỉnh giấc/ Thì lời ru đi chơi/ Lời ru xuống ruộng khoai/ Ra bờ ảo rau muống.* Người con nhân hóa lời ru thành người mẹ chờ con ở cổng trường được hình dung một cách hồn nhiên thành hình ảnh của ngọn cỏ nâng bước chân con: *Vả khi con đến lớp/ Lời ru ở cổng trường/ Lời ru thành ngọn cỏ/ Dón bước bàn chân con.* Ở khổ thơ cuối, lời ru gửi gắm những tâm tư, nguyện vọng của đứa con về cuộc đời nhiều trắc trở nhưng vẫn luôn có lời ru dẫn đường, tiếp bước để vượt qua những gian khổ khó khăn. Người con biết trong lời ru ấy sẽ luôn gửi gắm tình mẹ cao cả và đậm sâu, sẽ giúp con vượt qua mọi thử thách trong cuộc sống: *Mai rồi con lớn khôn/ Trên đường xa nắng gả/ Lời ru là bóng mát/ Lúc con lên núi thăm/ Lời ru cũng gập ghềnh/ Khi con ra biển rộng/ Lời ru thành mênh mông.*

Câu 4: Cản trích dẫn được cụ thể chỉ tiết và đưa ra phân tích, bình giảng hợp lí, thuyết phục.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:

Câu nói bày tỏ thái độ phê phán với những kẻ có tâm địa độc ác dùng lời phi bảng, gièm pha, bôi nhọ, vu oan và có những hành động côn đồ hung ác làm phương hại đến những người khác; nhưng đáng sợ hơn hành động của kẻ ác là sự bảng quan của những người tốt, thái độ thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những bất công, đau khổ của những người xung quanh.

- Phân tích, lí giải

+ Lời nói và hành động của những kẻ xấu làm người ta xót xa, đó là điều có thể dễ dàng chứng minh:

++ Một lời nói vô ý cũng có thể gây nên một vết thương lòng. Những lời vu cáo bịa đặt, những lời mạ sát, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác... càng có thể tạo nên những vết rạn nứt trong mối quan hệ, thậm chí là chiến tranh.

++ Những hành vi côn đồ độc ác, ném đá giảu tay làm tổn hại tinh thần, thể xác và tài sản của con người, gây tâm lý bất an, hoang mang trong xã hội.

+ Tại sao nói, sự im lặng đáng sợ của những người tốt cũng đáng xót xa như lời nói và hành động của những kẻ xấu?

++ Người tốt là những người có khả năng đem lại tình yêu thương, sự công bằng, và bình yên cho thế giới. Nếu ngay cả những người tốt cũng im lặng, phớt lờ cái xấu thì thế giới sẽ càng chìm đắm trong tội ác, bất công.

++ Thái độ thờ ơ trước những sự việc, những hành động trái với chuẩn mực đạo đức xã hội, trái pháp luật sẽ khiến cái ác lộng hành thống trị xã hội. Người tốt, người đáng thương không được bệnh vực sẽ bị quan, chán nản, thiếu niềm tin, đạo đức con người bị băng hoại.

++ Dù cho có không làm việc xấu, không nghe theo điều ác, nhưng con người lên tiếng chỉ trích nó, có những hành động thiết thực để xóa bỏ nó, thì lòng tốt của con người cũng không phải là lòng tốt thực sự, nhân cách của con người cũng không thể trọn vẹn.

- Bình luận, liên hệ bản thân:

Câu nói nhắc nhở mọi người hướng đến một lối sống tích cực: sống có trách nhiệm, biết quan tâm chia sẻ với những đau khổ, bất hạnh của người khác cũng như kiên quyết đấu tranh chống lại những hành động làm tổn hại đến nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng, tài sản của những người xung quanh, chống lại bệnh thờ ơ, vô cảm.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

Tình yêu đất nước là đề tài xuyên suốt trong văn học Việt Nam. Tìm đến đề tài này, mỗi nhà văn, nhà thơ lại tìm cho mình nguồn cảm hứng ở những khía cạnh khác nhau. Nếu như đất nước với Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường gắn liền với những vùng đất cụ thể với những vẻ đẹp tiềm ẩn và đậm mê thì với Nguyễn Thị tình yêu đất nước lại gắn liền với những người anh hùng, những người con ưu tú của dân tộc. Cũng chọn mảng đề tài này nhưng Tố Hữu qua *Việt Bắc* và Nguyễn Khoa

Điềm qua *Đất nước* lại có sự thể nghiệm rất mới mẻ và khác biệt. Điều đó được thể hiện rất rõ qua hai đoạn trích: “Những đường Việt Bắc của ta...Đèn pha bật sáng những ngày mai lên” (*Việt Bắc* – Tố Hữu) và “Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng...Cỏ nội thù thì vùng lên đánh bại” (*Đất nước* – Nguyễn Khoa Điềm).

2. Thân bài

- Khái quát về hai tác phẩm

+ *Việt Bắc* – Tố Hữu

++ Bài thơ *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu, đoạn trích mang đậm phong cách thơ ông.

++ Đoạn trích mang đậm tính trữ tình – chính trị. Bao trùm đoạn trích là niềm hoài niệm về một thời kháng chiến tuy gian khổ nhưng hào hùng; nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với nhân dân Việt Bắc và đất nước.

+ *Đất nước* – Nguyễn Khoa Điềm

++ Nguyễn Khoa Điềm là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ những năm kháng chiến chống Mĩ. Thơ Nguyễn Khoa Điềm hấp dẫn người đọc bởi sự hòa quyện giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng. Đoạn trích nằm ở phần cuối của bài thơ, là những cảm nhận và khám phá mới mẻ của nhà thơ về đất nước.

- Phân tích đoạn trích

+ Đoạn trích trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu

“*Những đường Việt Bắc của ta...Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay*”.

++ Cả khổ thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca, mang dáng vẻ một sử thi hiện đại. Chỉ qua một vài nét khắc họa, Tố Hữu đã cho thấy khí thế vô cùng mạnh mẽ của cả một dân tộc đứng lên chiến đấu vì độc lập, tự do. Nhà thơ đã từng thốt lên rằng: “Khó có thể diễn tả hết khí thế hào hùng của quân và dân ta thuở ấy. Hàng ngàn hàng vạn người ra trận, từng đoàn bộ đội dân công nối đuôi nhau như sóng cuộn...”.

++ Ngay ở câu thơ đầu tiên mở đầu đoạn thơ tác giả đã nêu lên cái nhìn khái quát chung cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Đây là một cuộc chiến tranh sáng ngời chính nghĩa hợp với ý trời lòng dân. Cho nên lực lượng của ta ngày càng trường thành lớn mạnh không ngừng. Từ một đội quân trên dưới 30 người xuất phát từ cây đa Tân Trào hôm nào, dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp, hôm nay chúng ta đã có một đội quân hùng mạnh liên tiếp gặt hái được những chiến công chói lọi: Thu Đông, Sông Lô, Biên Giới... Giờ đây, chúng ta đang chuẩn bị tổng phản công bằng một chiến dịch lịch sử. Chúng ta hoàn toàn làm chủ

chiến trường Việt Bắc cả về thế lẫn lực. Cho nên đoàn quân ra trận hôm nay xuất phát từ mọi ngã đường Việt Bắc như những gọng kim nhằm bao vây quân giặc đang co cụm ở những cứ điểm cuối cùng:

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung.*

++ “Những đường” chứ không phải “một đường” và Việt Bắc là “của ta”. Câu thơ bình dị mà chất chứa biết bao niềm tự hào về quang cảnh ra trận và khí thế của ta trên chiến thắng.

++ Câu thơ thứ hai mở ra một bối cảnh khác, đó là ngày kháng chiến chống Pháp, máy bay địch chủ yếu hoạt động ban ngày. Do đó ta phải hành quân đêm “xưa là rừng núi là đêm” (Tố Hữu). Trên các nẻo đường Việt Bắc đêm nối đêm cứ “rầm rập” tiến quân ra trận. Từ láy “rầm rập” là một từ tượng thanh rất gợi cảm. Nó diễn tả bước chân đi đầy khí thế hăng say và sức mạnh áp đảo của một tập thể người đồng đức có đội ngũ chính tề. Với từ láy đặc sắc ấy, cuộc ra trận của quân ta bỗng trở thành một cuộc duyệt binh, diễu binh hùng tráng:

*Xuân hãy xem cuộc diễn binh hùng vĩ
Ba mươi mốt triệu nhân dân*

*Tất cả hành quân
Tất cả thành chiến sĩ.*

Vì thế mà bước chân của đoàn quân ấy đêm đêm như làm rung chuyển cả mặt đất. Hình ảnh thơ mang đậm màu sắc thần thoại.

++ Từ cái nhìn chung ở câu một và hai đến đây, tác giả đi vào cái nhìn cụ thể. Nếu câu trên, tác giả tả khí thế ra trận của quân ta qua ẩn tượng thánh giác, thì các câu sau, tác giả tả bằng thị giác: “*Quân đi điệp điệp trùng trùng*”. Từ láy “*điệp điệp trùng trùng*” thật giàu ý nghĩa diễn tả. Nó gọi lên trong ta những đoàn quân ra trận nối dài vô tận và rất hùng vĩ như những dãy núi kế tiếp nhau. Sau này nhà thơ Phạm Tiến Duật cũng đã viết:

*Từ nơi e, giờ tới nơi anh
Những đoàn quân trùng trùng ra trận
Như tình yêu nổi trời vô tận.*

Ở đây ta lại bắt gặp một hình ảnh thơ được viết với bút pháp cường điệu mang đậm màu sắc anh hùng ca. Vì vậy sức mạnh khí thế của đoàn quân ra trận đã được nâng ngang tầm với sức mạnh của thiên nhiên sông núi.

++ “*Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*”: câu thơ vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa khái quát, biểu trưng sâu xa. Trước hết nó diễn tả đoàn quân đi trong đêm, đầu súng lấp lánh ánh sao trời nhưng đó cũng là ánh sao lí tưởng:

*Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường.*

(Vũ Cao)

Hình ảnh tươi sáng ấy kết hợp với hình ảnh chiếc mũ nan giản dị, trang bị còn thiếu thốn của anh bộ đội hòa quyện tạo nên một vẻ đẹp bình dị mà cao cả, vĩ đại. Cùng chung niềm cảm hứng ấy, nhà thơ Chinh Hữu đã từng viết: “Đầu súng trăng treo”.

++ Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện cho nên trong cuộc tổng phản công hôm nay có đủ mọi binh chủng, tầng lớp ra trận. Tiếp theo những binh đoàn bộ đội là dân công tiếp tế lương thực đạn dược. Cũng như những người chiến sĩ rầm rập lên đường, những nam nữ dân công cũng tiến vào trận địa với khí thế và sức mạnh “Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”. “Nát đá” được viết theo phép đảo ngữ, từ dùng rất bạo khỏe vừa gợi lên sức mạnh phi thường của ý chí hòa chung cùng những bước chân đầy sức mạnh tiến công của họ. “Muôn tàn lửa bay” là một hình ảnh giàu chất biểu đạt. Đoàn dân công đi dưới ánh đuốc có “muôn vàn lửa bay”. Đó là lửa của ánh đuốc đang bay hay có cả ánh sáng từ trái tim anh chị em dân công ra hòa tuyến?

++ Ở hai câu thơ này, tác giả sử dụng nhiều hình ảnh giàu màu sắc tạo hình vừa chân thực, bay bổng. Thật đẹp để biết bao mà cũng tự hào biết bao về khí thế và niềm vui ra trận của quân ta. Quả thật như Mác đã nói: “cách mạng là ngày hội của quần chúng”.

++ Hai câu thơ cuối của đoạn thơ cho ta thấy khí thế khải trương của cuộc kháng chiến:

“Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng những ngày mai lên.

Hình ảnh đối lập “thăm thẳm sương dày/ đèn pha bật sáng” diễn tả cảm hứng tự hào về một tương lai tươi sáng của cuộc kháng chiến trường kì gian khổ. Dù hôm nay và cả nghìn đêm đã qua, dân tộc đã chìm trong máu lửa đau thương, tăm tối của chiến tranh và đói nghèo thì ngày mai chúng ta sẽ chiến thắng, tương lai sẽ sáng tươi. Cuộc đời rộng mở, tươi sáng như ánh đèn pha đang chiếu vào bóng tối xua tan màn đêm mờ đường cho xe ta ra trận.

++ Khác với giai điệu trữ tình mượt mà ban đầu, ở đoạn này đã chuyển mạch cảm hứng, những câu thơ trở nên mạnh mẽ, phá vỡ tính cân xứng để toạ ra tiết tấu mới (Quân đi / điệp điệp trùng trùng,... Dân công / đó đuốc từng đoàn,...Nghìn đêm / thăm thẳm sương dày) gay gắt, mạnh mẽ, dồn dập, dứt khoát vừa diễn tả âm hưởng bước chân hành quân của quân và dân ta nườm nượp, trùng

điệp trên những nẻo đường Việt Bắc, vừa thể hiện khí phách anh hùng, vừa ngợi ca khí thế ra trận của cả dân tộc.

Chi bằng tám câu thơ, Tố Hữu đã khắc họa được một bức tranh cả dân tộc ra trận bằng cuộc chiến tranh nhân dân thật hùng tráng. Bức tranh không chỉ làm sống dậy một thời kì hào hùng của dân tộc ở căn cứ địa Việt Bắc đang ra sức chuẩn bị cho cuộc tiến công “lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu” mà còn đem lại cho ta niềm tin yêu quê hương cách mạng anh hùng. Nó xứng đáng là một trong những đoạn thơ hay nhất của Việt Bắc.

+ Phân tích đoạn thơ trong *Đất nước* – Nguyễn Khoa Điềm

“Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng

....

Có nội thù thì vùng lên đánh bại”.

++ Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Trong nền thơ ca hiện đại, Nguyễn Khoa Điềm cũng khẳng định được tên tuổi của mình với một giọng điệu và cảm quan thơ ca khá ấn tượng. Thơ Nguyễn Khoa Điềm thường viết về hình ảnh con người và đất nước trong gian lao và anh dũng. Phần thơ có tên *Đất nước* thuộc chương năm của bản trường ca “*Mặt đường khát vọng*” được viết năm 1971 và in năm 1974. Bản trường ca này viết nhằm thức tỉnh thanh niên đô thị miền Nam nhận ra chân tướng của kẻ thù, hiểu sâu sắc về đất nước để từ đó có quyết tâm đấu tranh giành lại đất nước. Trong chương năm này, sau khi trình bày quan niệm chung của tác giả về đất nước, nhà thơ đi lý giải đất n

Đất nước của nhân dân qua ba phương diện địa lý, lịch sử, văn hóa. Phần thơ nói về văn hóa mang tính nhân dân nhà thơ đã viết khá cô đọng.

++ Trong chương năm mang tên *Đất nước* này, tác giả nhằm lý giải một quan niệm về đất nước nhân dân. Khi nói về đất nước bao giờ người ta cũng đề cập đến ba phương diện địa lý, lịch sử, văn hóa. Có điều Nguyễn Khoa Điềm không sa đà theo cách lý giải thuần túy về địa lý, lịch sử, văn hóa như những nhà chuyên môn của nó mà đi phản ánh cảm nhận thông qua lăng kính nghệ thuật của nhà thơ. Nhìn địa lý thấy hình ảnh của nhân dân. Nhìn lịch sử cũng thấy nhân dân hữu danh và vô danh làm nên đất nước chứ không phải là riêng một ai đó làm nên đất nước. Đến khi đề cập đến phương diện văn hóa nhà thơ cũng cảm nhận được mọi vẻ đẹp văn hóa truyền thống dân tộc đều do nhân dân tạo ra và giữ truyền.

++ Đại từ “Họ” ở đây có thêm sắc thái biểu cảm mới. Đó là sự hiện diện của nhân dân qua tất cả các thời kì lịch sử, thế hệ này nối tiếp thế hệ kia, cầm trong tay ngọn đuốc sức sống Việt Nam và khi hết vai trò, họ truyền lại cho thế hệ kế tiếp

+++ Truyền hạt lúa: truyền lại thành tựu của nền văn minh lúa nước, gieo mầm sức sống cho con cháu mai sau.

+++ Truyền lửa: chuyền ánh sáng, hơi ấm và sức sống. Khởi nguồn của sức sống con người chính là lửa ấm. Lửa giúp con người thấp sáng, nấu chín thức ăn và đặc biệt là xua tan không gian lạnh lẽo, giúp con người xích lại gần nhau, thêm yêu thương và chan hòa với nhau hơn.

+++ Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc chính là ngôn ngữ của dân tộc đó. Chính vì thế cha anh đi trước truyền giọng điệu, tiếng nói cho con cháu mai sau.

+++ Họ sáng tạo ra những địa danh, tên xã, tên làng đã đi vào lịch sử. Họ đắp đập, ke bờ chính là xây dựng nền tảng vật chất và tinh thần để đời sau kế thừa thành quả.

+++ Ngoài những vẻ đẹp văn hóa rất dễ nhìn thấy nói trên, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm lại chuyển sang nói một vẻ đẹp văn hóa khác, đó là vẻ đẹp của đạo lý dân tộc.

“Họ đắp đập be bờ cho người sau trông cây hái trái”.

Có lẽ dân tộc ta trường tồn một cách mạnh mẽ cũng bắt đầu từ cái đạo lý luôn vì đời sau của tầng tầng lớp lớp suốt bốn nghìn năm lịch sử.

+++ Và khi nói về văn hóa, nhà thơ không quên nói về một yếu tố để lưu giữ văn hóa đó là truyền thống bất khuất trước mọi kẻ thù.

“Có ngoại xâm thì đánh ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh bại”.

Đây là một vẻ đẹp của sự thật lịch sử. Vẻ đẹp này là tiền đề cho văn hóa nuôi dưỡng và giữ gìn văn hóa. Mọi kẻ thù đều bị đánh bại và vị tất mọi giá trị văn hóa sẽ được truyền giữ và phát triển.

++ Cụ thể lịch sử dân tộc được nói dài, sức sống đất nước được duy trì và phát triển bởi bao thế hệ, những con người vô danh, bình dị, không ai nhớ mặt đặt

tên nhưng họ làm nên đất nước muôn đời... Âm hưởng của đoạn thơ trang trọng hào hùng như những lời âm vang của lịch sử để ngợi ca truyền thống dân tộc. Đặt trong bối cảnh đất nước có giặc ngoại xâm thì tự hào về truyền thống dân tộc là biểu hiện sâu sắc tình yêu nước.

- Đánh giá chung về hai đoạn thơ:

+ Giống nhau:

++ Cả hai đoạn đều nói về cảm hứng đất nước trong những ngày kháng chiến khốc liệt và hào hùng của dân tộc.

++ Thể hiện tình yêu, niềm lạc quan của các nhà thơ của con người Việt Nam.

+ Khác nhau:

++ Đoạn bài *Việt Bắc*:

+++ Cảm hứng về đất nước nghiêng về ca ngợi sức mạnh hào hùng, khí thế tiến công và niềm lạc quan về một đất nước trong ngày thắng lợi.

+++ Thể thơ lục bát truyền thống nhưng giọng điệu, nhịp điệu hào hùng. Từ ngữ sử dụng độc đáo, linh hoạt với nhiều biện pháp tu từ, liên tưởng như nhân hóa, từ láy, nói quá, đối lập. Giọng điệu say sưa, tươi vui mang cảm hứng sử thi và lãng mạn cách mạng.

+++ Thể hiện phong cách độc đáo của một nhà thơ trữ tình-chính trị.

++ Đoạn thơ trong bài *Đất nước*:

+++ Cảm hứng về đất nước lắng đọng ở chiều sâu văn hóa với những giá trị truyền thống được khái quát sâu sắc, bền vững.

+++ Thể thơ tự do với những biến đổi câu linh hoạt để diễn đạt những cảm xúc tâm tình. Từ ngữ sử dụng độc đáo, linh hoạt với nhiều biện pháp tu từ như lặp cấu trúc, liên tưởng, điệp từ, động từ. Giọng điệu đối thoại, tâm tình dễ đi vào lòng người, có tính thuyết phục cao.

+++ Thể hiện phong cách độc đáo của một nhà thơ trữ tình - chính luận.

3. *Kết bài*

- HS tự tổng kết lại các ý đã phân tích nhằm đánh giá một cách khái quát nhất về vẻ đẹp trường tồn của đất nước qua các thời kì

ĐỀ SỐ 41

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ta đi giữa ban ngày
 Trên đường cái, ung dung ta bước.
 Đường ta rộng thênh thang tám thước
 Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên
 Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên
 Đường cách mạng, dài theo kháng chiến...
 Đến hôm nay đường xuôi về biển
 Mới tinh khôi màu đất đỏ tươi
 Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!
 Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
 Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
 Chuyển phà dào dạt bến nước Bình Ca...

1954

(Tố Hữu, *Ta đi tới, Thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục, 2003)

Câu 1: Đoạn trích sử dụng những tên địa danh nào?

Câu 2: Anh (chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 3: Trình bày cảm nhận của anh (chị) về câu thơ *Đường ta rộng thênh thang tám thước*.

Câu 4: Về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong đoạn trích trên?

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lời dạy của Đức Phật:

Đạo đức là ngon đên sáng chiếu rọi mọi phẩm chất của con người. Đạo đức không phải là roi vọt dùng để hành hạ, làm nhục, làm khổ người ta

Câu 2 (5 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về thông điệp gửi gắm qua hai đoạn trích sau đây trong hai truyện ngắn *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong gia đình*:

Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này!

(*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành)

Chú thường ví chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, cũng lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn ruộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta.

(*Những đứa con trong gia đình* - Nguyễn Thi)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Lưu ý: không cho điểm nếu học sinh cho rằng *đường*

Câu 1. Đoạn trích sử dụng một loạt các từ địa danh như: *Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện*

cái, đường cách mạng, Tổ quốc... là địa danh.

Biên, sông Lô, Bình Ca.

Câu 2. Nội dung của đoạn trích là miêu tả cảm xúc hân hoan, vui sướng của tác giả trong thời điểm đất nước

giành độc lập, đánh đuổi được thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi đất nước.

Câu 3. Câu thơ *Đường ta rộng thênh thang tám thước* sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ khi so sánh *ngàn đường ta* chính là con đường cách mạng của dân tộc ta, con đường ấy đã chứng kiến nhiều đau thương mất mát của dân tộc ta, nhưng giờ đây con đường đó là nơi vinh danh dân tộc, vinh danh cho những chiến thắng mà cha ông ta đã giành được. Cách nói quá *rộng thênh thang tám thước* là cách nói hình ảnh, sự rộng rãi thênh thang đó không phải là sự rộng rãi về vật chất mà là sự khoáng đạt, mệnh mạng của tự do, của độc lập, của hòa bình. Nhà thơ cảm thấy con đường cách mạng trở nên rộng thênh thang là do cảm nhận về con đường cách mạng tự do, con đường cách mạng có tiền đồ, đó là niềm tin quý giá của dân tộc về sức mạnh, sự đoàn kết của mình. Chính điều đó làm nên những chiến thắng hào hùng tiếp theo của dân tộc ta. Câu thơ như thôi thúc con người phải biết nâng niu, trân trọng giây phút chiến thắng, giấu nó vào sâu trong tim để tiếp tục tiến về phía trước.

Câu 4. Trong đoạn trích hiện lên rất rõ hình ảnh nhân vật trữ tình là người xưng “ta”, cái “ta” làm chủ, cái “ta” tự do và phấn khởi trước ngày hòa bình của đất nước. Mỗi bước đi của nhân vật trữ tình tràn đầy năng lượng tiếp bước, tươi mới khi nhận ra vẻ đẹp của Tổ quốc, của đất nước: *Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!* Hàng loạt địa danh được nhắc đến liên tiếp trong đoạn trích một cách hào sảng, chan chứa niềm tự hào của tác giả về từng vùng đất mà nhà thơ đi qua. Nhịp thơ nhanh, gấp, đều đặn như từng lời hát của nhà thơ dội vào lòng người đọc cảm giác hân hoan khó tả.

Lưu ý: học sinh cần biết kết hợp phân tích nghệ thuật và nội dung với nhau, không phân tích tách rời sẽ khiến bài viết trở nên thiếu mạch lạc. Khi phân tích nên xuất phát từ một yếu tố nghệ thuật để làm sáng tỏ nội dung, không nên phân tích nội dung chung chung mà không có cơ sở thực tế từ nghệ thuật của câu thơ.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói

+ Đạo đức là tập hợp những quan điểm của một xã hội, của một tầng lớp xã hội, của một tập hợp người nhất định về thế giới, về cách sống.

+ Ngọn đèn sáng là cách nói hình ảnh cho sự soi sáng, dẫn lối.

+ Ý kiến trên trình bày hai cách hiểu trái ngược về đạo đức, hướng con người tới nhận thức đúng đắn tới giá trị, vai trò của đạo đức trong xã hội là hướng con người tới cuộc sống tốt đẹp: Chân, Thiện, Mĩ.

- Phân tích, lí giải:

+ Tại sao Đạo đức là ngọn đèn chiếu rọi phẩm cách:

++ Đạo đức là một trong những chuẩn mực để soi rọi phẩm chất tốt và xấu của mỗi người. Giá trị của một con người đến đâu, con người có vị trí thế nào trong xã hội, một phần được đo đạc bằng đạo đức mà họ có.

++ Đạo đức định hướng cho con người một lối sống có trách nhiệm với chính mình (tu dưỡng bản thân, biết yêu thương sẻ chia với người khác, sống có văn hóa...), với những người xung quanh (đồng cảm, bao dung, vị tha...), với xã hội (đóng góp những giá trị trí thức, tinh thần, vật chất cho xã hội phát triển...)

+ Tại sao đạo đức không phải là roi vọt để hành hạ con người:

++ Đạo đức không phải là sự áp đặt, giáo huấn con người, mà chỉ là cơ sở định hướng giúp con người tự nhận thức về chính mình, từ đó tự xác định một lối sống đúng đắn, phù hợp. Người có đạo đức nên dùng đạo đức vào việc định hướng, giúp đỡ những người xung quanh chứ không phải áp đặt, phán xét, chỉ trích người khác.

++ Lòng vị tha, khoan dung là một phần làm nên đạo đức. Con người không ai hoàn hảo, ai cũng có những khiếm khuyết riêng, những điểm yếu riêng. Người có đạo đức không *hành hạ, làm nhục, làm khổ* người khác, thay vào đó là vị tha, thương yêu ngay cả khi người khác có nhiều lỗi lầm.

- Bình luận, liên hệ bản thân:

+ Lời dạy của Phật là bài học ý nghĩa đối với con người ở mọi thời đại.

+ Mỗi người sinh ra đều không ai hoàn hảo, nên những chuẩn mực đánh giá cá nhân và những người xung quanh đều cần có sự linh hoạt theo: hoàn cảnh, đối tượng, sự hiểu biết... Tuổi trẻ cần hướng đến một lối sống có trí thức, văn hóa...đó là biểu hiện của đạo đức.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thị đều là hai tác phẩm

xuất sắc viết về đề tài chiến tranh cách mạng ở miền Nam vào những năm 60 thế kỷ trước. Cả hai tác phẩm đều xứng đáng là bản anh hùng ca ca ngợi những con người miền Nam anh hùng, bất khuất, căm thù giặc cháy bỏng, yêu quê hương đất nước thiết tha, thủy chung tinh nghĩa sắt son với cách mạng, kháng chiến. Tuy nhiên hai tác phẩm đã có những vẻ đẹp riêng mang đậm hương vị của mỗi miền đất và mang dấu ấn tài năng của mỗi tác giả.

- Thông qua hai đoạn trích, ta sẽ cảm nhận được những thông điệp sâu sắc, ý nghĩa mà Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thị gửi gắm.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Nguyễn Trung Thành là người có duyên với Tây Nguyên. Cả hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ, Nguyễn Ngọc đã sống gắn bó với mảnh đất hùng vĩ và kiên cường này. Hai tác phẩm chính làm nên sự nghiệp văn học của Nguyễn Ngọc là *Đất nước đứng lên* và *Rừng xà nu* được coi là một điểm son trong văn học Việt Nam thời chống Mỹ, là bản anh hùng ca về cuộc khởi nghĩa quật cường của đồng bào Tây Nguyên đánh Mỹ. Câu chuyện diễn ra ở làng Xô Man, một góc Tây Nguyên hùng vĩ. Ở đó có những rừng xà nu bạt ngàn và người dân strá bất khuất, kiên cường hết lớp này đến lớp khác đang nối nhau cùng đánh Mỹ. Tác giả đã lựa chọn một loại cây họ thông mọc nhiều ở rừng núi Tây Nguyên gỗ và nhựa đều rất quý, có sức sống mãnh liệt và dẻo dai, rất gần gũi và thân thiết với đời sống của người Tây Nguyên để tượng trưng cho phẩm chất và sức mạnh, cho tinh thần bất khuất của dân làng Xô Man nói riêng và các dân tộc Tây Nguyên nói chung. Hình ảnh cây xà nu đã tạo nên những liên tưởng bất ngờ và thú vị trong lòng người đọc.

+ Nguyễn Thi là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì đánh Mĩ, xứng đáng với danh hiệu nhà văn của người nông dân Nam Bộ. Tác phẩm của Nguyễn Thi bắt nguồn từ hiện thực chiến đấu nóng bỏng, ác liệt của chiến tranh, nhưng vẫn đậm chất trữ tình. Những đứa con trong gia đình là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Thi. Truyện được viết trong những ngày chiến đấu gian khổ, ác liệt nhất của chiến trường miền Nam. Qua truyện, tác giả thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người dân Nam Bộ và khẳng định: lòng yêu nước, căm thù giặc, tình cảm gia đình thiêng liêng là sức mạnh tinh thần to lớn của họ trong công cuộc chống Mĩ cứu nước.

- Cảm nhận về thông điệp gửi gắm qua hai đoạn văn:

+ Đoạn văn trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành:

++ Nội dung:

+++ Hình tượng cây xà nu được tác giả miêu tả từ nhiều góc độ và đưa lại hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt. Trong truyện ngắn này, nhà văn không chỉ mở đầu và kết thúc truyện bằng hình ảnh rừng xà nu bát ngát đến chân trời, mà đã gần 20 lần nói đến *Rừng xà nu*. “Cây xà nu”, “nhựa xà nu”, “lửa xà nu”... Chất sử thi của thiên truyện sẽ không trở thành giọng điệu chính của tác phẩm, nếu thiếu đi hình tượng cây xà nu được khai thác từ nhiều góc độ, được lặp đi lặp lại nhiều lần đến như vậy, nhất là “các đời xà nu – 4 lần”; “Rừng xà nu – 5 lần”. Thủ pháp điệp trùng khi mô tả cây xà nu đó, vừa làm nền cho toàn bộ diễn biến của câu chuyện, vừa gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc về cây xà nu. Nhưng xà nu không chỉ có mặt trong đoạn mở đầu và đoạn kết, mà nó còn hiện diện trong suốt câu chuyện về Tnú và làng Xô Man của anh. Xà nu gắn bó với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như đã từ ngàn đời nay thân thuộc với dân làng, xà nu tham dự vào những sự kiện quan trọng của cuộc sống làng Xô Man... Hình tượng cây xà nu qua ngòi bút Nguyễn Trung Thành đã trở thành một nhân chứng về tội ác của chiến tranh hủy diệt; là người chứng kiến cho sự giác ngộ, hy sinh thầm lặng và sự quật khởi của người dân Xô Man.

+++ Cụ Mết và người dân tộc Strá rất đỗi tự hào về cây xà nu của quê hương. Chính cụ Mết cũng đã khẳng định được cái sức sống bất tử ấy như một chân lí giản dị: “Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta, cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này”. Chính vì hình ảnh cây xà nu mang ý nghĩa tượng trưng, nên sự miêu tả loài cây này, luôn luôn được tác giả đặt trong sự đối chiếu với con người, gọi ra những liên tưởng về đời sống và số phận cùng phẩm chất của họ. Cây xà nu rất ham ánh sáng và khí trời, cũng như Tnú, như dân làng Xô Man yêu tự do, khát khao ánh sáng. Bất chấp sự hủy diệt tàn khốc của bom đạn kẻ thù, cây xà nu vẫn vươn lên với một sức sống mãnh liệt không gì tiêu diệt, tàn phá nổi “Bên cạnh một cây Xà nu mới ngã gục, đã có 4, 5 cây con mọc lên ngọn xanh rờn hình nhọn như mũi tên lao thẳng lên bầu trời”, cũng như các thế hệ làng Xô Man, lớp này kế tiếp lớp khác đứng lên, tiếp tục cuộc chiến đấu.

+++ Khả năng sinh sôi mãnh liệt của cây xà nu cùng sự rộng lớn, bạt ngàn của rừng xà nu gợi nghĩ đến sự tiếp nối của nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên đoàn kết bên

nhau kháng chiến. Phải chăng đó là vẻ đẹp của cụ Mết, người truyền và giữ ngọn lửa tinh thần cách mạng với chân lí ngời sáng “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. Là vẻ đẹp của người anh hùng Tnú với tinh thần kim nén đau thương để biến thành sức mạnh quật khởi. Là vẻ đẹp của Dít với đôi mắt mở to trong suốt, bình thản. Dít như cây xà nu nhanh chóng trưởng thành, nhanh chóng trở thành bí thư chi bộ cùng cụ Mết lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc. Vẻ đẹp của bé Heng, thế hệ xà nu măng non, chưa trưởng thành nhưng tinh thần thì đã “nhọn hoắt như những mũi lê”... Có thể nói hình tượng xà nu nổi bật xuyên suốt tác phẩm, câu chuyện mở ra trong vẻ đẹp mãnh liệt của sự sống trước đau thương mất mát để rồi khép lại vẫn là hình ảnh hào hùng của sự thách thức. Bên cạnh “bốn năm cây xà nu đã bị đánh ngã đã có vô số những cây con đang mọc lên”. Mới mọc thôi nhưng tinh thần chiến đấu lại rất mãnh liệt “Có những cây mới nhú khỏi mặt đất nhọn hoắt như những mũi lê”.

++ Nghệ thuật:

+++ Nghệ thuật xây dựng hình tượng: Thủ pháp nghệ thuật so sánh, đối chiếu, ngôn ngữ sử thi hào hùng, thủ pháp nhân cách hóa ... đã tạo nên sự chuyển hóa, hòa hợp giữa hình tượng thiên nhiên và con người, tạo nên một bản hợp xướng đầy chất thơ hào hùng tráng lệ về sức sống bất diệt về cuộc chiến đấu bất khuất kiên trung của nhân dân Tây Nguyên giành tự do.

+++ Tác giả đã kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan khi miêu tả cây xà nu tạo nên hình ảnh cây xà nu đầy sức lực, tràn trề sự sống. Tác giả luôn miêu tả hình tượng cây xà nu với con người, các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động vẻ hùng vĩ của thiên nhiên và gợi ra những liên tưởng về con người. Nhờ thế những đoạn văn miêu tả rừng xà nu giống như một bài thơ trữ tình với giọng văn đầy biểu cảm.

+++ Chất thơ và chất sử thi hòa làm một thể hiện rõ phong cách văn xuôi Nguyễn Trung Thành: vừa say mê, vừa trầm tư, vừa giới tạo hình vừa giàu tính khái quát.

+ Đoạn văn trong truyện ngắn *Những đứa con gia đình* của Nguyễn Thi:

++ Nội dung:

+++ Giải thích câu nói của chú Năm: Nguyễn Thi ví chuyện gia đình ta cũng dài như dòng sông là Nguyễn Thi muốn nhấn mạnh sự trôi chảy, sự tiếp nối của mỗi gia đình cũng như dòng sông vậy. Nếu sông có khúc trên khúc dưới, thì gia đình có thế hệ già, thế hệ trẻ. Sự kế tục

và tiếp nối ấy chúng ta gọi là truyền thống. Mỗi con người, mỗi đời người trong một gia đình phải là một khúc sông trong một dòng sông truyền thống. Mỗi người chỉ được gọi là thành viên trong gia đình với những ai đã ghi được, đã làm nên được khúc sông của mình trong cái dòng sông truyền thống gia đình ấy. Có nghĩa là, con người không chỉ là sự tiếp nối huyết thống mà quan trọng hơn còn là sự tiếp nối một truyền thống. Hơn nữa ta không thể hiểu khúc sông sau của một dòng sông nếu không hiểu ngọn nguồn đã sinh ra nó. Cũng như vậy, ta chỉ có thể hiểu về những đứa con của một gia đình khi và chỉ khi đã hiểu ít nhiều về chính cái truyền thống gia đình đã sinh ra những đứa con ấy.

+++ Trong truyện ngắn thực sự đã có một dòng sông của truyền thống gia đình. Dòng sông ấy liên tục chảy từ thế hệ cha anh đến thế hệ những chiến sĩ trẻ anh hùng thời chống Mĩ. Ở họ đều có những phẩm chất chung đó là yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, thủy chung son sắt với quê hương, cách mạng. Ở họ luôn có sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình với tình yêu đất nước, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc. Và chính sự hòa quyện ấy đã tạo nên sức mạnh to lớn của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam thời đánh Mĩ. Nhưng mỗi thành viên trong gia đình lại là một khúc sông riêng, có những nét riêng đem đến vẻ đẹp phong phú đa dạng của con người miền Nam thời đánh Mĩ.

Chú Năm chính là khúc thượng nguồn, là nơi kết tinh đầy đủ nhất truyền thống gia đình. Chú là một người nông dân Nam Bộ, thật thà bộc trực vui tính và giàu tình cảm. Cái chất Nam Bộ ấy được thể hiện ngay trong ngôn ngữ đầy cá tính không thể trộn của chú. Chú là người giàu tình cảm. Trong truyện chú Năm là người hay hò, “chú hay kể về sự tích của gia đình và cuối câu chuyện thế nào chú cũng hò lên mấy câu... những câu nói về cuộc đời cơ cực của chú và những chiến công của đất này”. Chú Năm đại diện cho truyền thống và luôn có ý thức tự hào và lưu giữ truyền thống.

Má Việt cũng là một hiện thân của truyền thống và là một hình tượng mạng đậm dấu ấn riêng của phong cách Nguyễn Thi. Má là một người mẹ chắc khỏe về thể chất và mạnh mẽ về tinh thần, tần tảo xóc vác thương chồng thương con. Gan góc, căm thù giặc sâu sắc, biết ghim nén, biết vượt lên đau thương để sống, chiến đấu và chờ cho đàn con. Chồng bị chặt đầu, nỗi đau ấy khác gì dao cứa ngang tim, nhưng mẹ cố không để rơi nước mắt. Và nếu lệ cứ ứa ra, thì má chỉ nằm chứ không kể chi hết. Đau thương ấy, người mẹ một mình nuốt sâu vào đáy lòng, để lặng lẽ một mình chịu đựng sức thiêu đốt của

nỗi đau âm ỉ cháy. Dưới một núi đau thương, người mẹ ấy vẫn hiên ngang đối mặt với kẻ thù, vừa làm công cấy gặt vừa do tình thế địch. Một hình ảnh, một truyền thống như thế, tác giả muốn phải là bất tử, cho dù con người cụ thể có phải hi sinh. Người mẹ ngã xuống, nhưng dòng sông truyền thống kia vẫn chảy. Và hình ảnh của mẹ lại hiện về qua những đứa con của mẹ.

Chị em Chiến và Việt: Là hai chị em ruột, lại cùng là chiến sĩ giải phóng, Chiến và Việt có nhiều điểm giống nhau: là con em của một gia đình cách mạng giàu truyền thống anh hùng, ông bà ba má đều bị sát hại nên cả hai em đều có một mối thù chất chứa trong lòng, đều nung nấu ước nguyện lên đường đánh giặc trả thù cho gia đình và quê hương. Qua ngòi bút của Nguyễn Thi Chiến hiện lên là một tính cách khá đa dạng: Vừa là một cô gái mới lớn tính khí còn rất trẻ con, vừa là một người chỉ biết nhường nhịn, biết lo toan, đảm đang tháo vát. Còn Việt có nét riêng dễ mến của cậu con trai mới lớn. Là em lại là con trai, nên Việt còn ngây thơ trẻ con và rất vô tư. Việt cũng thật đường hoàng chững chạc trong tư thế của người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường. Trong dòng sông truyền thống, Việt là con sóng vươn xa nhất, là người tiêu biểu nhất cho tinh thần tiến công cách mạng.

+++ Tóm lại hai chị em Chiến, Việt, má Việt, chú Năm là con nòi gốc gác nông dân. Họ đều là những con người tiêu biểu cho khí phách anh hùng của nhân dân miền Nam thời đánh Mĩ. Ở họ tuy có nhiều điểm giống nhau trong dòng sông truyền thống nhưng mỗi người một bản sắc, một tính cách điển hình sinh động, làm rạng rỡ khúc sông của riêng mình. Nguyễn Thi, qua truyện ngắn này đã khám phá, phân tích và lí giải sức mạnh, chiến công của thế hệ trẻ miền Nam thời chống Mĩ không chỉ ở tinh thần của thời đại mà còn có nguồn gốc sâu xa trong truyền thống gia đình. Chính dự hòa quyện giữa tình cảm gia đình với tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Và thực sự trong truyện ngắn Những đứa con trong gia đình đã có một dòng sông của truyền thống gia đình. Dòng sông ấy liên tục chảy từ thế hệ cha anh đến thế hệ những chiến sĩ trẻ anh hùng.

++ Nghệ thuật:

+++ Với nghệ thuật xây dựng hình tượng dòng sông độc đáo, Nguyễn Thi đã dựng được những tính cách nhân vật phong phú, hấp dẫn. Qua dòng hồi tưởng của Việt, một "đứa con trong gia đình" cách mạng, ta thấy

hiện lên các nhân vật: ba, má Việt, chú Năm, chị Chiến và rất dễ dàng nhận thấy cả năm nhân vật đều cùng chung bản chất, xét về phương diện phẩm chất cách mạng: yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với cách mạng và tự hào về dòng sông truyền thống mạng của gia đình.

+++ Mang đậm màu sắc Nam Bộ: Tính cách nhân vật, ngôn ngữ, bức tranh thiên nhiên, đời sống sinh hoạt và văn hoá của người dân Nam Bộ đều được miêu tả sinh động, chân thực.

- So sánh:

+ Giống nhau:

++ Cả hai nhà văn cùng ngợi ca, tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước; xây dựng hình ảnh thiên nhiên biểu tượng cho con người.

++ Những hình tượng biểu trưng đó là hình thức giáo dục cháu con lòng tự hào về truyền thống.

++ Khẳng định chính tuổi trẻ miền Nam sẽ viết tiếp những trang sử vẻ vang cho truyền thống, là những truyện ngắn đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

+ Khác:

++ *Rừng xà nu* đậm sắc màu, không khí Tây Nguyên qua hình tượng cây xà nu, hệ thống nhân vật, sinh hoạt, phong tục của người dân Tây Nguyên; nghệ thuật trần thuật.

++ *Những đứa con trong gia đình* mang sắc màu Nam Bộ rõ nét qua hình ảnh dòng sông, giọng hò của chú Năm, tính cách nhân vật là người nông dân; ngôn ngữ.

+ Lí giải sự khác biệt:

++ Do cá tính sáng tạo và phong cách nhà văn.

++ Do hoàn cảnh sáng tác.

3. Kết bài :

Tóm lại, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là những tác phẩm xuất sắc của văn học chống Mỹ ở miền Nam. Mỗi tác phẩm có vẻ đẹp riêng, không khí riêng, cách nhìn riêng và cách xây dựng những hình tượng biểu trưng độc đáo về hiện thực đấu tranh cách mạng và nghệ thuật xây dựng nhân vật. Sức mạnh chiến thắng trong tác phẩm Nguyễn Trung Thành chủ yếu là sức mạnh đoàn kết của các thế hệ, của quá khứ và hiện tại. Sức mạnh chiến thắng trong tác phẩm Nguyễn Thi là sức mạnh từ cội nguồn truyền thống yêu nước, cách mạng của gia đình và đó cũng là mảnh đất màu mỡ làm nảy sinh những đứa con anh hùng, trung dũng của thế hệ trẻ trong những ngày chống Mỹ và thắng Mỹ oanh liệt của dân tộc ta.

ĐỀ SỐ 42**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngã ba Đồng Lộc trong suốt hơn bốn mươi năm qua đã ghi dấu ấn khốc liệt về sự hủy diệt của kẻ xâm lược đối với một con đường chiến lược mang tên Trường Sơn, một trong những yết hầu quan trọng của con đường ấy. Nó càng được mọi người biết đến bởi ở đó, có mười nữ thanh niên xung phong thuộc Tiểu đội 4 cắm chốt nơi đây đã anh dũng hy sinh khi tuổi đời đều vừa mới đôi mươi.

Được biết, ở cái ngã ba nhỏ bé này bốn mươi năm trước, hàng ngày có biết bao cán bộ, chiến sĩ vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu cùng với lực lượng hậu cần chi viện cho tiền tuyến. Ngã ba Đồng Lộc là huyết mạch quan trọng của một con đường quan trọng. Chính vì thế, đã có trên 1.600 cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, dân quân và thanh niên xung phong đã hy sinh ở mảnh đất đầy bom đạn này (họ là bộ đội pháo cao xạ bảo vệ con đường, là lực lượng vận tải, là bộ đội trên đường hành quân, là dân quân chiến đấu và thanh niên xung phong của địa phương luôn bám sát cung đường ngày cũng như đêm, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống). Ít ai trong chúng ta có thể hình dung nổi, chỉ 1m² nơi này đã phải hứng chịu những ba trái bom và cũng chỉ trong 7 tháng ác liệt của năm 1968, thời điểm mà mười chị hy sinh đã có gần 50 ngàn trái bom trút xuống Ngã ba Đồng Lộc. Chỉ trong cái ngày các chị ra đi mãi mãi ấy đã có 60 quả bom tấn trút xuống nơi đây đủ thấy sự tàn khốc của chiến tranh ở mức nào. [...]

(Chuyện ở Ngã ba Đồng Lộc, Quốc Phong, theo báo Thanh Niên, lichsuvietsam.vn)

Câu 1: Anh (chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Tác giả đã sử dụng những dẫn chứng cụ thể để chứng minh sự tàn khốc của chiến trường nơi Ngã ba Đồng Lộc. Anh (chị) hãy chỉ ra những dẫn chứng đó.

Câu 3: Phân tích thái độ của tác giả đối với các nhân vật được nhắc đến trong đoạn trích trên.

Câu 4: Tìm ra câu có sử dụng thành phần phụ chú trong đoạn trích trên. Chỉ ra thành phần phụ chú đó.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

*Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm*

(Trích tự sự - Nguyễn Quang Hưng)

Bảng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý nghĩa được gợi ra từ hai câu thơ trên.

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Tây Tiến – Quang Dũng)

*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời*

(Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Nội dung của đoạn trích là những câu chuyện lịch sử đầy cảm động về con đường ngã ba Đồng Lộc.

Câu 2: Sự tàn khốc của chiến tranh được thể hiện ở ngã ba Đồng Lộc được nhà văn diễn tả qua những dẫn chứng sau:

- Là nơi chứng kiến những sự hi sinh đầy đau thương, lâm liệt của nhiều chiến sĩ dũng cảm trong đó có mười cô gái thanh niên xung phong thuộc tiểu đội 4 khi tuổi đời các chị vừa mới đôi mươi. Đó còn là nơi các chiến sĩ đã phải vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu, cùng lực lượng hậu cần chi viện cho tiền tuyến. Nhiều chiến sĩ, cán bộ đã hi sinh trên tuyến đường huyết mạch này.

- Các số liệu của sự hi sinh, mất mát được tác giả miêu tả một cách chi tiết, chân thực, cụ thể.

Câu 3: Trong đoạn trích, nhà văn thể hiện thái độ cảm thông, chia sẻ những đau thương, mất mát mà nhân dân ta đã phải trải qua trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt.

Điều này được thể hiện trong việc nhà văn viết với giọng văn điềm đạm, chậm rãi khi nhắc đến những hi sinh mà các cán bộ, chiến sĩ của ta phải trải qua trong những năm tháng chiến tranh: *Nó càng được mọi người biết đến bởi ở đó, có mười nữ thanh niên xung phong thuộc Tiểu đội 4 cắm chốt nơi đây đã anh dũng hy sinh khi tuổi đời đều vừa mới đôi mươi.*

Được biết, ở cái ngã ba nhỏ bé này bốn mươi năm trước, hằng ngày có biết bao cán bộ, chiến sĩ vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu cùng với lực lượng hậu cần chi viện cho tiền tuyến. Ngã ba Đồng Lộc là huyết mạch quan trọng của một con đường quan trọng. Chính vì thế, đã có trên 1.600 cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, dân quân và thanh niên xung phong đã hy sinh ở mảnh đất đầy bom đạn này

Bên cạnh đó, nhà văn cũng tỏ thái độ bất bình trước những khó khăn, trở ngại mà bộ đội ta phải trải qua trong những năm tháng chiến tranh.

Câu 4: Trong đoạn trích sử dụng câu có thành phần phụ chú sau (thành phần phụ chú được in nghiêng):

Chính vì thế, đã có trên 1.600 cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, dân quân và thanh niên xung phong đã hy sinh ở mảnh đất đầy bom đạn này (*họ là bộ đội pháo cao xạ [...] đảm bảo giao thông suốt trong mọi tình huống*)

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:
+ *Méo mó* là trạng thái biến dạng, không tròn đầy, hoàn hảo. Cuộc đời méo mó hay chính là cuộc đời không bằng phẳng, chứa đựng nhiều thử thách, gian nan

+ *Tròn tự trong tâm*: cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người cần tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh như thế nào.

+ Câu thơ đặt ra hai vẻ đối lập: một bên là cuộc đời ngang trái, một bên là tâm hồn đẹp đẽ, để từ đó, đi đến một triết lý. Cuộc đời vốn có nhiều biến cố, có nhiều điều xảy đến mà con người không mong muốn, nên con người cần tròn ngay từ trong tâm, hãy biết chấp nhận và bao dung với cuộc đời.

- Phân tích, lí giải:

+ Con người sống phải biết hòa hợp với điều kiện, với hoàn cảnh. Mỗi điều kiện, mỗi hoàn cảnh khác nhau lại yêu cầu con người có những hành động, thái độ khác nhau.

+ Thái độ *tròn tự trong tâm* là thái độ tích cực, chủ động trước hoàn cảnh. Đây là thái độ sống đúng, làm đúng, không gục ngã trước khó khăn, trước phi lý bất công. Thái độ *tròn tự trong tâm* sẽ giúp ích nhiều cho cá nhân và xã hội. Biết chấp nhận và khoan dung trước những *méo mó*, bất toàn của người khác và của chính cuộc đời, con người mới có thể sống vui vẻ, thanh thản.

+ Khi trong trái tim mỗi con người có tròn đầy yêu thương, lòng khoan dung,... thì con người sẽ cảm thấy lạc quan, vui vẻ. Cuộc đời con người sẽ không chỉ có oán thán và thất vọng.

- Để *tròn tự trong tâm*, trước tiên, mỗi con người phải có đôi mắt rộng mở, tấm lòng khoan dung trước mọi cái bất toàn của cuộc sống. Chấp nhận sự *méo mó* của cuộc đời, con người cần có thái độ sống phù hợp, có những hành động đúng đắn để có thể sống tốt trong cái *méo mó* của cuộc sống.

- Phê phán

Giữa dòng đời tất bật, chẳng khó khăn gì khi nghe những lời than vãn, trách móc của ai đó. Đáng buồn hơn, than vãn còn trở thành một căn bệnh. Người ta than vãn

vì kết quả công việc kém, người ta than vãn vì khối lượng công việc nhiều, người ta than vãn vì những mối quan hệ không mong muốn... thậm chí, người ta còn than vãn chỉ vì trời hôm nay bỗng nhiên đổ mưa, vì chiếc áo mới mua bỗng nhiên bị phai màu. Quả thực, cuộc sống luôn có nhiều điều bất ngờ xảy đến mà con người không hề mong muốn. Nhưng than vãn vì sự *méo mó* của người khác và cuộc đời cũng không phải là cách để con người giải quyết mọi việc, thậm chí, còn làm cuộc đời thêm mệt mỏi, buồn chán.

- Bình luận, liên hệ bản thân: Con người hoàn toàn có thể thay đổi đời sống chỉ cần mỗi cá nhân chủ động, tích cực từ trong tâm. Câu thơ như một lời nhắc nhở, nêu lên một phương châm sống cho mỗi người trước cuộc đời.

Câu 2 (5 điểm)

1. Mở bài:

- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mĩ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam - thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

Xê dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc họa sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn; những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường; những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước... Họ sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng cống hiến tuổi xuân và tình yêu cho đất nước.

- Hai đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm cũng thể hiện rất rõ nguồn cảm hứng đó.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Quang Dũng là nhà thơ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc... nhưng thành công nhất vẫn là thơ ca. Các tập thơ tiêu biểu của Quang Dũng được bạn đọc biết đến nhiều như *Mây đầu ô*, *Mùa hoa gạo*... Nhưng tên tuổi của Quang Dũng có lẽ đã gắn liền với bài thơ *Tây Tiến*. Bài thơ ra đời vào năm 1948 in trong tập *Mây đầu ô* là bài thơ tiêu biểu nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp. *Tây Tiến* là bài hát của tình thương mến, là khúc ca chiến trận của anh Vệ quốc quân năm xưa, những anh hùng buổi đầu kháng chiến “áo vải chân

không đi lũng giặc đánh” (*Nhớ – Hồng Nguyên*), những tráng sĩ ra trận với lời thề “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”. Quang Dũng viết bài thơ *Tây Tiến* vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh bên bờ sông Đáy thương yêu: “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc -- Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng” (*Mắt người Sơn Tây – 1949*). *Tây Tiến* là một đơn vị quân đội thành lập vào năm 1947, hoạt động và chiến đấu ở thượng nguồn sông Mã, miền Tây Hòa Bình, Thanh Hóa sang Sầm Nưa, trên dải biên cương Việt – Lào. Quang Dũng là một đại đội trưởng trong đoàn binh *Tây Tiến*, đồng đội anh nhiều người là những chàng trai Hà Nội yêu nước, dũng cảm, hào hoa. Bài thơ *Tây Tiến* nói lên nỗi nhớ của tác giả sau một thời gian xa rời đơn vị.

+ Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ trẻ tiêu biểu thời chống Mĩ, cứu nước. Thơ ông giàu chất trí tuệ, cảm xúc được dồn nén và có nhiều liên tưởng phong phú. Trường ca *Mặt đường khát vọng* (1971) khá điển hình cho vẻ đẹp của thơ Nguyễn Khoa Điềm những năm tháng ấy. Bài thơ *Đất nước* là một phần của trường ca *Mặt đường khát vọng*. Cả bản trường ca có chung một nguồn cảm hứng to lớn là cảm hứng về đất nước được gợi lên từ những năm tháng nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Bài thơ *Đất nước* là phần cảm hứng ấy được thể hiện một cách tập trung nhất, cùng với những suy ngẫm của tác giả, một nhà thơ trẻ khi đối diện với chiến tranh. Đoạn trích ở đề, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm thể hiện suy nghĩ của mình về mối quan hệ riêng – chung, quan hệ cá nhân – cộng đồng, sự tiếp nối của các thế hệ trong một đất nước, một dân tộc. Dĩ nhiên, những suy ngẫm ấy được thể hiện bằng thơ, tức không đơn thuần là tư tưởng, mà chứa đựng cảm xúc, tình cảm của tác giả.

- Cảm nhận về hai đoạn thơ:

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng:

++ Nội dung:

+++ Câu thơ “Rải rác biên cương mồ viễn xứ” toàn từ Hán Việt gợi không khí cổ kính: “biên cương”, “viễn xứ” là nơi biên giới xa xôi, nơi heo hút hoang lạnh. Nhà thơ nhìn thẳng vào sự khốc liệt của chiến tranh, miêu tả về cái chết, không né tránh hiện thực. Những nấm mồ hoang lạnh vô danh mọc lên dọc đường quân hành nhưng không làm chùn bước chân *Tây Tiến*. Khi miêu tả những người lính *Tây Tiến*, ngòi bút của Quang Dũng không hề nhấn chìm người đọc vào cái bi thương, bi lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào cái bi thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của lí tưởng, của tinh thần lẫm

mạn. Chính vì vậy mà hình ảnh những nắm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc của người lính Tây Tiến. Vì thế cho nên câu thơ tiếp theo dữ dội như một lời thề sông núi: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

+++ Chiến trường là đạn bom ác liệt là hi sinh mất mát. Đời xanh là tuổi trẻ của mỗi người ai cũng quý cũng yêu. Vậy mà người lính lại “chẳng tiếc đời xanh”. Câu nói ấy vang lên chắc nịch mang cái vẻ bất cần, mang cái vẻ ngạo nghễ rất lính. Họ đã ra đi không tiếc tuổi thanh xuân là họ đã hiến trọn đời mình cho Tổ quốc, đất nước. Bởi chết cho Tổ quốc chính là chết cho lí tưởng. Còn quyết tâm nào cao quý và thiêng liêng hơn thế nữa chăng? Ta chợt nhớ tới tích Kinh Kha sang đất Tần hành thích bạo chúa Tần Thủy Hoàng, bên bờ sông Dịch chàng dứt áo ra đi với khẩu khí yêng hùng tráng sĩ: “Sông Dịch ù ù gió thổi/ Tráng sĩ một đi không trở về”. Vậy là người lính cụ Hồ không chỉ mang vẻ đẹp của thời đại mà còn mang một vẻ đẹp cổ kính đượm màu hiệp sĩ xa xưa. Thật rằng, họ cũng có những tiếc nuối nhưng trên hết là vì lí tưởng:

Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình

(Tuổi hai mươi làm sao không tiếc)

Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc
(Thanh Thảo)

+++ Áo bào là áo vua ban cho những người làm nên công trạng. Ở đây, điều kiện thiếu thốn đủ bề, người lính ra đi trong manh chiếu rách nhàu bọc lấy thân rồi vùi xuống đất. Nhưng qua câu thơ của Quang Dũng, manh chiếu rách ấy đã trở thành áo bào. Bởi vậy, cuộc tiễn đưa trở nên bi tráng. Nhà thơ vẫn gọi lên sự thật chung của cả thời chống Pháp là sự thiếu thốn về vật chất, ở vùng biên giới xa xôi thì sự thiếu thốn ấy còn nhân lên gấp bội. Người chiến sĩ đã ngã xuống không có một cỗ quan tài, thậm chí không có lấy một tấm chiếu để liệm thân mà khi ngã xuống vẫn cứ mặc nguyên tấm áo thường ngày trên đường hành quân. Đó có thể là tấm áo sờn vai, tấm áo bạc màu, tấm áo có vài mảnh vá. Nhưng với thái độ trân trọng đồng đội, nhà thơ Quang Dũng đã thấy họ như đang mặc tấm áo bào của chiến tướng mà đi vào cõi vĩnh hằng, bắt từ cùng sông núi.

+++ Đoạn thơ kết thúc bằng một âm hưởng hào hùng. Đường như linh hồn người tử sĩ đã hòa cùng sông núi, con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc đau thương, hùng tráng để tiễn đưa người lính vào cõi bất tử. Hình tượng “sông Mã” ở cuối bài thơ được phóng đại và nhân hóa, tô đậm cái chết bi hùng của người lính - sự hi sinh làm

lay động đất trời, khiến dòng sông gầm lên đón đau, thương tiếc. Sự ra đi của người lính được Quang Dũng dùng nghệ thuật nói giảm nói tránh “anh về đất” làm dịu đi cái đau thương nhưng không tránh cho người đọc khỏi ngậm ngùi. “Anh về đất” là về với đất mẹ. Đất mẹ giang rộng vòng tay đón các anh trở về sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt sự hi sinh ấy không chỉ làm cảm động đến con người mà còn làm cảm động đến cả thiên nhiên Tây Bắc. Con sông Mã xuất hiện ở đầu bài thơ trong nỗi nhớ chơi vơi của nhà thơ thì ở đoạn thơ này sông Mã lại xuất hiện trong tiếng gầm dữ dội. Đó là “khúc độc hành” của thiên nhiên đang tấu lên khúc nhạc thiêng liêng, trầm hùng đưa người lính về nơi an nghỉ cuối cùng.

+++ Cả bài thơ *Tây Tiến* không có một trận đánh nào được nói tới, không có một tiếng súng nào vang lên mà cái chết vẫn hiện hình rõ nét, vẫn hiện lên một cách chân thực. Đó chính là cái nhìn mới về sự khốc liệt, nghiệt ngã của chiến tranh. Rất nhiều người lính đã hi sinh dọc đường hành quân, trên đường ra mặt trận. Họ hi sinh vì điều kiện sống, chiến đấu quá gian khổ, thiếu thốn: thiếu lương thực, thiếu muối, thiếu thuốc, lại sống ở những nơi rừng thiêng nước độc...

++ Nghệ thuật:

+++ Thành công của đoạn thơ là nhà thơ đã sử dụng nhiều từ Hán Việt gọi sắc thái cổ kính, trang nghiêm. Sử dụng nghệ thuật đối lập, nhân hóa, nói giảm nói tránh. Lời thơ hàm súc vừa đượm chất hiện thực vừa gọi chất hào hùng, bi tráng.

+++ Bút pháp lãng mạn và sử thi đã làm nên hình tượng người lính cụ Hồ trong chín năm kháng chiến gian lao mà oai hùng lẫm liệt.

+++ Cảm xúc của nhà thơ rất chân thành; giọng điệu thơ có chút xót xa nhưng nổi bật là sự dứt khoát, mạnh mẽ làm nên sự bi tráng trong cái chết của người Tây Tiến.

+ Đoạn thơ trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm:

++ Nội dung:

+++ Bốn câu thơ nhẹ nhàng, chân thành và tha thiết. Cách dùng đại từ “em” gọi cảm, gần gũi, thân mật đủ để làm “mềm hóa” những điều mang tính chất rộng lớn bao quát: đó là những suy niệm về Đất Nước. “Em ơi” trong câu thơ này không mệnh mang điu đặt đưa người về cõi xa bên dòng sông Đuống, pha lẫn chút vị hư ảo trong câu thơ toàn vần bằng như “Em ơi buồn làm chi” (*Bên kia sông Đuống* – Hoàng Cầm). “Em ơi” ở đây là lời nói và tâm niệm của chàng trai với cô gái, người “đánh rơi chiếc

khăn trong nỗi nhớ thầm”, là lời tâm tình của người yêu với người yêu. Chọn câu chuyện tình yêu nam nữ để nói lên tình yêu đất nước, phải chăng là Nguyễn Khoa Điềm đã “mạo hiểm”? Không, chính tình yêu đất nước hòa lẫn trong câu chuyện tình yêu nam nữ mới tạo nên nét độc đáo hơn cho tác phẩm của nhà thơ.

+++ Nguyễn Khoa Điềm đã khám phá một định luật rất mới “Đất Nước là máu xương của mình”. Đối với mỗi con người, máu xương là yếu tố cần thiết cho sự sống. Hình ảnh so sánh độc đáo ấy có hàm ý khẳng định: Đất nước là sự sống thiêng liêng đối với mỗi con người:

*Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc, nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...*

Ngoài ra, hình ảnh “máu xương” còn gợi lên trong lòng người đọc lịch sử đất nước với biết bao con người anh hùng đã hi sinh đời mình cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc:

*Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.*

(Giang Nam)

+++ Cấu trúc của câu thơ cũng theo kiểu suy luận: *Đất nước là ...* nêu lên một tiền đề. Từ tiền đề ấy, phải biết.../ phải biết... để làm nên ... Câu thơ giàu chất duy lý nhưng không lên gân mà trở thành lời nhắn nhủ tha thiết. Ở đây có những từ tượng trưng rất đáng chú ý: máu xương, gắn bó, san sẻ, hoá thân, dáng hình, muôn đời. Sau rất nhiều suy nghĩ cụ thể về đất nước, đến đây nhà thơ khẳng định Đất nước là máu xương của mình. Máu xương là sự sống. Rất ít trường hợp người ta vì một điều gì đó với máu xương, bởi nó có ý nghĩa biểu trưng cho sự thiêng liêng. Đất nước là máu xương có nghĩa là đất nước tồn tại như một sự sống và để có sự sống ấy hẳn phải có rất nhiều hi sinh. Quả đúng như vậy, biết bao con người, bao thế hệ đã ngã xuống cho sự sống còn của đất nước. Vì thế, mỗi một con người phải biết gắn bó và san sẻ. Gắn bó là yêu thương, quan hệ mật thiết với nhau. Từ sự gắn bó ấy mới có thể san sẻ. San sẻ trách nhiệm, san sẻ niềm vui, niềm hạnh phúc cho nhau. Đất nước vĩ đại nhưng đất nước là một thực thể sống. Thực thể ấy không phải là sự tập hợp của những cá nhân rời rạc mà là một cộng đồng. Hoá thân cũng có nghĩa là dâng hiến. Thời bình, người ta dâng hiến sức lực, mồ hôi cho Tổ quốc. Thời chiến, người ta dâng hiến cả sự sống của mình. Sự

dâng hiến ấy, theo suy ngẫm của nhà thơ, là cuộc hoá thân. Bóng dáng mỗi người đã làm nên bóng dáng quê hương xứ sở, đất nước. Không có sự hoá thân kia làm sao đất nước trường tồn, làm sao có được đất nước muôn đời! Những câu thơ in đậm chất duy lý cất lên như tiếng gọi của trái tim, vì thế nó thiết tha, thúc giục lòng người. Tinh thần này đã từng bắt gặp trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi:

*Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

Hay:

*Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thì coi như chiếc lá bay
Chị thì coi như là hạt bụi
Em thì coi như hơi rượu say.*

(Tổng biệt hành – Thâm Tâm)

Một khi ra đi chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng, người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ quên hết tình riêng một lòng hướng về nhân dân và đất nước.

++ Nghệ thuật:

+++ Thể thơ tự do với những câu thơ co duỗi nhịp nhàng, linh hoạt gợi về quá trình lịch sử đầy gian khổ của Đất Nước, gợi về sự hi sinh vĩ đại của nhân dân ta.

+++ Thành công nghệ thuật của đoạn thơ này chính là sự vận dụng những yếu tố dân gian kết hợp với cách diễn đạt và tư duy hiện đại, tạo ra màu sắc thẩm mỹ vừa quen thuộc lại vừa mới mẻ. Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng tối đa đã tạo nên không khí, giọng điệu, không gian nghệ thuật riêng: vừa có sự bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa bay bổng, mơ mộng của ca dao, truyền thuyết nhưng lại mới mẻ qua cách cảm nhận và cách diễn đạt bằng hình thức thơ tự do. Có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên đặc điểm nghệ thuật độc đáo của đoạn thơ này.

+++ Đoạn thơ mang tính chính luận nhưng được diễn đạt bằng hình thức đối thoại, giọng điệu trữ tình kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ. Từ *Đất Nước* được lặp lại hai lần kết hợp cách viết hoa đã tăng thêm sự tôn kính thiêng liêng, thể hiện quan niệm lớn: “Đất Nước của Nhân dân”.

- So sánh:

+ Giống nhau: Tư tưởng của cả hai đoạn thơ đều là tư tưởng cao đẹp: công hiến, dâng hiến tuổi trẻ mình cho đất nước non sông.

+ Khác nhau:

++ *Tây Tiến* với cảm hứng đất nước được gợi lên từ nỗi nhớ của người lính vùng cao về những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với nỗi nhớ của nhà thơ về đồng đội, bằng kí ức về một thời oanh liệt của người trong cuộc. Đoạn thơ được viết bằng cảm xúc mãnh liệt chân thành, sự kết hợp bút pháp tả thực và lãng mạn. *Đất Nước* hoàn thành trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ tại mặt trận Trị Thiên bộc lộ cảm hứng đất nước qua cái nhìn tổng quát đưa đến những chiêm nghiệm mới mẻ, sâu sắc về đất nước: Đất nước là tất cả những gì gắn bó máu thịt với mỗi con người. Bài thơ, đoạn thơ này nhằm thức tỉnh tuổi trẻ về trách nhiệm đối với Đất Nước – cũng là một cách kêu gọi tinh thần đấu tranh của tuổi trẻ.

++ Đoạn thơ trong bài *Tây Tiến* được viết bằng thể thơ thất ngôn, có sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng với giọng điệu thơ dứt khoát, mạnh mẽ, âm hưởng hào hùng tô đậm hiện thực khốc liệt của chiến tranh và khẳng định sự bất tử của người chiến sĩ vô danh. Đoạn

thơ trong bài thơ *Đất Nước* được viết bằng thể thơ tự do, giọng điệu tâm tình trò chuyện, từ ngữ giản dị, gần gũi nhằm khẳng định vai trò to lớn của nhân dân vô danh.

3. Kết bài :

Qua hai đoạn thơ trong hai bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm, các tác giả đã đem đến những nhận thức sâu sắc về vai trò của những người anh hùng vô danh. Họ đã “*hoá thân cho dáng hình xứ sở - Làm nên Đất Nước muôn đời*”. Đó là những con người thầm lặng, giản dị mà cao cả, đáng kính vô cùng. Hai bài thơ cùng viết về đề tài những con người kháng chiến, nhưng ra đời trong hai hoàn cảnh lịch sử khác nhau nên đã có những nét tương đồng và sự khác biệt rất sâu sắc. Hai đoạn thơ trên đã đem đến cho chúng ta những cảm xúc sâu lắng về sự khốc liệt nghiệt ngã của chiến tranh, về lí tưởng cao đẹp của những người chiến sĩ, về sự hi sinh thầm lặng của các thế hệ nhân dân để ta thêm yêu cuộc sống, yêu đất nước của chúng ta ngày hôm nay.

ĐỀ SỐ 43

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Láng giềng đã đo đèn đầu?
Chờ em ăn dấp miếng giầu em sang,
Đôi ta cùng ở một làng,
Cùng chung một ngõ, với vầng chi anh?
Em nghe họ nói mong manh,
Hình như họ biết chúng mình... với nhau.*

*Ai làm cà gió đất cau,
Mấy hôm sương muối cho giầu đồ non?*

1937

(Chờ nhau, Nguyễn Bính, theo Hoài Thanh, Hoài Chân,
Thi nhân Việt Nam (1932-1941), NXB Văn học, 2007)

Câu 1. Chỉ ra tác dụng của thể thơ đối với việc miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 2: Không khí làng quê trong bài thơ trên được thể hiện trong những từ ngữ nào?

Câu 3: Anh (chị) cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của câu thơ *Em nghe họ nói mong manh,/ Hình như họ biết chúng mình... với nhau?*

Câu 4: Trong bài thơ có sử dụng một câu hỏi tu từ nhắc đến thiên nhiên nhưng lại dùng để thể hiện sự trách móc, sốt ruột của nhân vật trữ tình. Hãy chỉ ra và phân tích vẻ đẹp của câu hỏi tu từ đó.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Con ơi! Khi con cất tiếng khóc oe oe chào đời, thì những người xung quanh nhìn con mỉm cười sung sướng. Hãy sống sao cho, một ngày nào đó, con có thể mỉm cười nhắm mắt xuôi tay khi những người xung quanh con đều rơi lệ. (Henry Bordeaux)

Anh/ chị hiểu gì về câu nói trên? Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, anh/chị hãy thể hiện suy nghĩ của mình về vấn đề đặt ra trong câu nói.

Câu 2 (5 điểm): Trong bài cảm nghĩ về *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài viết:

Nhưng điều kì diệu là dẫu trong cùng cực đến thế, mọi thế lực của tội ác cũng không giết được sức sống con người. Lay lắt, đói khổ, nhục nhã, Mị vẫn sống âm thầm, tiềm tàng, mãnh liệt.

(Tác phẩm văn học 1930 – 1945, tập 2, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1990, trang 71).

Phân tích nhân vật Mị trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài để làm sáng tỏ nhận xét trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Thể thơ được sử dụng là lục bát.

Tác dụng: khiến cho nhịp thơ trở nên đều đặn, phù hợp miêu tả không khí tình tứ, sâu lắng của nội dung bài thơ. Mặt khác thể thơ lục bát truyền thống cũng phù hợp với nội dung nói về thứ tình cảm thầm kín, sâu sắc, khó nói, khó diễn đạt nhất của tâm tư là tình yêu đôi lứa trong không gian làng quê.

Câu 2. Những từ thể hiện không khí làng quê trong tác phẩm trên là: *làng giềng, đồ đèn, miếng giầu, làng, ngô, cau, sương muối.*

Câu 3. Hai câu thơ *Em nghe họ nói mong manh/ Hình như họ biết chúng mình... với nhau?* Là hai câu thơ rất đối trong sáng trong tác phẩm, thể hiện tình yêu thầm kín của đôi trai gái thôn quê. Tình yêu trong sáng của họ như một mối tình đặc biệt, chỉ đôi trai gái biết mà thôi. Cô gái sử dụng từ *mong manh* để tâm sự với chàng trai về việc mọi người biết chuyện của đôi lứa mình nhưng điều mà câu thơ đọng lại lại chính là sự trong sáng, chân thật của mối tình của cô gái và chàng trai. Hệ thống từ ngữ *nghe họ nói, mong manh, hình như, chúng mình, với nhau* là những từ ngữ thể hiện sự chấp chùng, khe khẽ, mong manh của cảm xúc lo sợ mà cô gái diễn tả. Cả hai câu thơ chỉ nói đến một sự việc đơn giản khi cô gái tâm sự với chàng trai, tuy nhiên chức năng thông báo của câu thơ bị xóa nhòa, còn lại chỉ là tâm trạng bối rối của cô gái.

Câu 4. Câu hỏi tu từ được đề cập đến là *Ai làm cả gió đất cau/ Mấy hôm sương muối cho giầu đồ non?*

Phân tích: Nhắc đến cau, trâu ắt hẳn muốn nhắc tới chuyện hôn nhân. Tại sao lại có chuyện hôn nhân ở đây trong lời nói của cô gái? Phải chăng có uẩn khúc gì khi cô gái thực hiện lời trách móc, nhưng không phải trách móc với chàng trai mà là trách móc với thiên nhiên, giận đối thiên nhiên vô cớ. Tại sao thiên nhiên không ủng hộ cho mối tình của họ, tại sao gió to làm cau trở nên đất đỏ, tại sao sương muối xuất hiện làm cho giàn giầu đồ sẫm? Lời trách móc dành cho thiên nhiên nhưng thực chất phải chăng hướng đến chàng trai? Cô gái trách móc, hờn đối vì chàng trai chưa mang trâu cau đến hỏi cưới cô, nhưng lại kín đáo chuyển lời trách móc sang thiên nhiên vô tội. Cách bộc lộ thầm kín ấy khiến hình ảnh nhân vật trữ tình được hiện lên một cách tinh tế, sâu sắc như dụng ý của nhà thơ.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Câu nói của Henry Bordeaux nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của cuộc sống tốt đẹp, hữu ích của con người đối với xã hội, với cuộc đời. Con người sống trên đời, phải sống sao cho có ý nghĩa, để khi chết đi, người đời tiếc thương, ca ngợi.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Vì sao lại nói “*Hãy sống sao cho, một ngày nào đó, con có thể mỉm cười nhắm mắt xuôi tay, khi những người xung quanh con đều rơi lệ*”.

++ Khi một đứa bé được ra đời, đó cũng là khi một cuộc đời mới được khai sinh. Khi ra đời, con người được yêu mến, tin tưởng công dân mới sẽ là người có ích cho gia đình, xã hội thì càng phải có trách nhiệm sống sao cho tốt đẹp, sống có ích... để thoả mãn sự mong mỏi, tin tưởng của mọi người.

++ Sống đẹp, sống có ích cho cuộc đời, con người sẽ nhận về mình sự bình yên, thoải mái, để cuối cuộc đời, ta thoả mãn và tự hào những gì mình đã làm, đã cống hiến cho xã hội.

+ Khi chào đời được mọi người tin tưởng, điều đó dường như không quan trọng và có ý nghĩa khi quyết định bằng việc khi mất đi được người khác xót thương. Ngay trong cuộc sống, chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp những đứa bé khi sinh ra bị cha mẹ chúng bỏ rơi, bị người đời ghê lạnh. Điều đó không có nghĩa, cuộc đời những đứa bé đó đã trở nên vô nghĩa. Quan trọng ở chỗ, trong những ngày sống trên đời, con người đã sống như thế nào, và liệu khi người ấy mất đi có khiến cho những người xung quanh cảm thấy tiếc nuối hay không. Bởi vậy, mỗi con người, dù có xuất phát điểm thấp như thế nào cũng không được buông bỏ, thả trôi cuộc đời mình.

+ Làm thế nào để khi ta chết đi, mọi người tiếc nuối? Để làm được điều đó, con người phải biết rèn luyện bản thân mình, sống có cả đức, cả tài, biết yêu thương, giúp đỡ người khác, biết làm những điều có ích cho xã hội

+ *Phê phán:*

Bên cạnh những con người sống cống hiến, làm đẹp cho cuộc đời, có không ít người khi sống trên đời chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, sống nhỏ nhen, ích kỉ

- Bài học nhận thức và hành động

+ Câu nói của Henry Bordeaux là lời nhắc nhở đối với mọi con người. Sống sao cho có ý nghĩa, sống sao cho có ích với cuộc đời là điều quan trọng. Cuộc đời con người là hữu hạn, chỉ bằng cách sống với một trái tim nhân hậu, cống hiến hết mình, làm đẹp cho cuộc đời, con người mới có thể nối dài sự sống của chính mình – cuộc sống trong trái tim của những người khác.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận, đánh giá lại cách sống của bản thân mình, từ đó định hướng một lối sống phù hợp, đúng đắn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

-Giới thiệu về tác giả

-Khái lược về tác phẩm, hướng bài làm vào phân tích nhân vật Mị

-Dẫn lại nhận xét của Tô Hoài.

2. Thân bài

Luận điểm 1: Cách giới thiệu nhân vật của Tô Hoài

-Tác giả giới thiệu nhân vật bằng một khoảnh khắc trong thực tế để hiện lên số phận khổ cực của nhân vật. Tô Hoài đặt Mị vào những hoàn cảnh khác nhau để bộc lộ tính cách cũng như số phận của nhân vật.

+ Hình ảnh cổ hữu của nhân vật này là một người lao động vất vả và “ngồi quay sợi đay bên tảng đá cạnh tàu ngựa”.

+ Mị còn là một phụ nữ bất hạnh, số phận khổ cực, vì dù ngồi quay sợi, đi cống nước, chẻ củi, cô đều cúi mặt và mặt buồn rười rượi.

+ Mị còn là một người phụ nữ sống cô đơn, lạc lõng. Mị sống trong nhà thống lí-một nhà quan giàu, có nhiều bạc, nhiều nương, nhiều thuốc phiện nhất làng, tuy là con dâu nhưng Mị phải sống cuộc sống của nô lệ.

Từ đó rút ra kết luận: Cách thức giới thiệu này tạo ra sức hấp dẫn với người đọc đồng thời để người đọc thông cảm và xót thương cho số phận của Mị.

Luận điểm 2: Phân tích nhân vật Mị

-*Khái quát:* Với cách giới thiệu độc đáo của Tô Hoài, nhân vật Mị hiện lên thật cụ thể và đầy bất ngờ trong tác phẩm. Số phận Mị thay đổi theo mức độ ý thức về bản thân của nhân vật. Dù bị các thế lực tàn ác chà đạp; phải sống lay lắt, đói khổ, nhục nhã; dù đã có lúc cô cam chịu số phận nô lệ nhưng sức sống âm thầm, tiềm tàng vẫn

âm ỉ cháy trong con người Mị giúp cô vượt qua nghịch cảnh, đấu tranh đòi quyền sống cho mình. Nhân vật Mị từ chỗ cam chịu khổ cực trong nhà thống lí cho đến khi cời trói giải thoát cho A Phủ, đó là một quá trình biến chuyển lâu dài và được tác giả kể lại rất sinh động, chi tiết. Gắn với mỗi không gian sống, Mị lại hiện lên với các số phận khác nhau.

- *Nhân vật Mị trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra*

+ Trước khi về làm dâu nhà thống lí, Mị là một cô gái vùng sơn cước xinh đẹp, yêu đời. Mị thổi lá cũng hay như thổi sáo, có biết bao người mê đã ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

+ Mị còn là một người con hiếu thảo, có ý thức về mình, khát vọng về cuộc sống tự do.

Vì vậy, khi thống lí Pá Tra đến hỏi cưới Mị cho A Sử để xóa đi món nợ truyền kiếp của gia đình, cô đã nói với bố rằng: “Con nay đã biết cuộc nương, làm ngô, con phải làm nương ngô trả nợ thay cho bố, bố đừng bán con cho nhà giàu.”

+ Mị đã từng có một tình yêu rất đẹp.

Mang trong mình tất cả các phẩm chất tốt đẹp đó, những tưởng Mị sẽ có một tương lai tươi sáng, một cuộc sống êm đềm nhưng món nợ truyền kiếp đã vùi chôn mọi khát khao đó và biến Mị thành người con dâu gạt nợ cho nhà thống lí.

- *Nhân vật Mị sau khi làm dâu cho nhà thống lí Pá Tra*

+ Thời gian đầu về nhà thống lí, Mị có những phản ứng rất mạnh mẽ để cự tuyệt. Thậm chí, cô còn muốn giải thoát bằng lá ngón nhưng vì thương cha nên Mị chấp nhận số phận nô lệ trong nhà thống lí.

+ Một thời gian dài ở nhà thống lí, bởi sự tra tấn dã man, sự thống trị bằng thần quyền và cường quyền đã làm biến đổi con người Mị. Từ một cô gái yêu đời với bao nhiêu khát vọng, Mị trở thành cái xác không hồn, thành công cụ lao động, tê liệt hoàn toàn về ý thức sống. “từ khi cha chết Mị không còn nghĩ đến việc ăn lá ngón nữa, vì ở lâu trong cái khổ Mị quen rồi”.

+ Mị chỉ nhớ còn nhớ đi nhớ lại những việc làm theo năm, theo mùa: “Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì xe đay, dệt sợi; Mị nghĩ mình như con trâu con ngựa”.

+ Mị chấp nhận cuộc sống cầm tù trong nhà thống lí. Cái buồng của Mị nằm chỉ có một ô cửa sổ, đó là “một lỗ vuông bằng bàn tay, trông ra chỉ thấy mờ mờ trăng trắng chẳng biết là sương hay nắng”. Mị sẽ ngồi đó trông

ra đến khi nào chết thì thôi, cô ngày càng cảm lạnh không nói.

+ Mị mất hết ý thức sống do sự dã man trong bàn tay thống trị của nhà thống lí, chúng chà đạp Mị bằng những trận đòn roi vô cớ.

+ Mị còn phải làm những công việc nặng nhọc. Chúng bắt Mị làm việc quanh năm, suốt tháng, bao giờ cũng thế, suốt đời như thế. Thậm chí, cuộc đời Mị còn không bằng kiếp trâu ngựa vì con trâu, con ngựa còn có lúc đứng gãi chân nhai cỏ còn Mị phải vùi đầu vào công việc cả ngày lẫn đêm.

Gia đình thống lí đã giam hãm cuộc đời Mị trong kiếp sống cảm tù khiến cho cô quên đi ý thức về ánh sáng, về cuộc sống tự do.

- Sự thống trị bằng thần quyền với những lễ trình ma đã làm cho Mị tự ràng buộc cuộc đời mình vào nhà thống lí và dẫn đến suy nghĩ bế tắc trong Mị: “Mị nghĩ mình đã bị bắt về cúng trình ma nhà nó thì chỉ chờ đến ngày chết rũ xương ở đây thôi.”

Tiểu kết: Thông qua sự thay đổi của Mị từ sau khi về làm dâu nhà thống lí, Tô Hoài thể hiện tiếng nói đấu tranh với bọn chúa đất, chúng không tiêu diệt người dân lao động mà làm họ tê liệt cho đến mất hết ý thức sống để chấp nhận cuộc đời của những kẻ phụ thuộc, nô lệ.

- Mị trong đêm tình mùa xuân

+ Những tưởng Mị sẽ cam chịu kiếp sống đó cho đến chết trong căn buồng u tối nhưng ai có thể ngờ được trong dáng hình của “con rùa” ấy vẫn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng mãnh liệt chỉ chờ có cơ hội là bùng phát.

+ Đêm tình mùa xuân năm nay Mị chợt thức tỉnh là do sự tổng hòa của nhiều nguyên do khác nhau:

+ Mùa xuân ở Hồng Ngài năm nay rất đẹp và thanh bình (dẫn chứng)

+ Ngoài đầu núi tiếng sáo gọi bạn đi chơi mà lòng Mị thấy bồi hồi:

Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta chưa có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu.

Mị nhớ về quá khứ: rất đẹp và hạnh phúc trong cuộc đời. Ngày Mị thổi lá cũng hay như thổi sáo, có biết bao người mê đã ngày đêm thổi sáo đi theo cô.

+ Trong ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Cô lịm mặt ngồi đấy, cái say nồng của men rượu làm Mị nhớ lại những điều mà cô đã lãng quên.

+ Lòng Mị sống về ngày trước, tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Mị đã có ý thức về quá khứ, cuộc đời mình: nó đẹp, hạnh phúc nhưng đã xa xôi.

+ Mị có ý thức về thực tại của mình, cô thấy phơi phới trở lại khi nghĩ mình còn trẻ.

+ Khát vọng bùng lên, Mị muốn đi chơi Tết vì bao nhiêu phụ nữ có chồng còn đi chơi ngày Tết, huống chi Mị với A Sử không có lòng với nhau.

+ Quá khứ tươi đẹp mà hiện thực thì phủ phàng, Mị muốn ăn lá ngón mà chết ngay đi để khỏi phải nghĩ, khỏi phải dằn vặt, khổ đau.

Hành động của Mị sau khi sự sống trở lại:

+ Tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn réo rắt gọi ngoài đường, xoáy sâu vào trái tim đang thốn thức của Mị: “*Anh ném pao, em không bắt/ Em không yêu, quả pao rơi rồi*”. Tiếng sáo như có ma lực cứ rập rờn, bay bổng, thôi thúc Mị khao khát đi chơi, thôi thúc Mị phải hành động.

+ Mị xắn thêm mỡ bỏ vào đĩa đèn khơi thêm ngọn lửa sáng...

+ Chẳng cần biết A Sử đã bước vào buồng và hỏi: “*Mày muốn đi chơi à?*”, trong lòng Mị chỉ còn tiếng sáo và khát vọng tự do...

Tô Hoài nhận thấy ý thức đang sống dậy một cách mãnh liệt trong con người Mị. Mị nhận ra mình còn trẻ, nhận ra kiếp sống cảm tù bấy lâu nay của mình. Khi ý thức đã trở lại đã thôi thúc Mị hành động một cách quyết liệt, không gì ngăn nổi: Mị muốn đi chơi. Mị muốn thoát ra khỏi cái địa ngục tâm tối đã giam hãm cuộc đời mình, để tự do thả hồn mình theo tiếng sáo gọi bạn tình, tìm lại những ngày tươi đẹp đã mất.

Sức sống tiềm tàng trong Mị cho dù bị chà đạp

+ Khát vọng vừa bùng lên đã bị A Sử chặn đứng lại. Sợi dây tàn bạo đã quấn chặt Mị vào cây cột trong căn buồng u tối cho đến sáng hôm sau. Nhưng A Sử chỉ có thể trói được thể xác chứ không trói buộc được tâm hồn đang khao khát sự sống của Mị.

+ Hơi rượu nồng nàn đã nâng tâm hồn Mị bay theo những tiếng sáo mùa xuân: “*Tiếng sáo đưa Mị theo những cuộc chơi, những đám chơi.*”

+ Mị quên mình đang bị trói, quên đi cảm giác đau đớn đến tê dại: “*Mị vùng bước đi*”.

Chi tiết diễn tả thật quyết liệt lòng ham sống của Mị bất chấp hiện tại tâm tối, khổ đau. Cô muốn bước đi, muốn giải thoát cho cuộc đời mình khỏi địa ngục trần gian.

+ Bước chân vùng đi đã đánh thức Mị trở lại hiện tại, sợi dây siết chặt vào da thịt như đứt ra từng mảng, đau

đón. Cô nhận ra hiện thực tàn khốc, mọi giấc mơ tan biến: “Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con trâu con ngựa.”

+ Suốt đêm hôm ấy, Mị bị trói đứng trong hơi men nồng nàn, trong tiếng sáo tha thiết đầy ai oán. Nhưng sức sống tiềm tàng vẫn âm ỉ chảy trong Mị, tiếp cho cô thêm sức mạnh, quên đi nỗi đau về thể xác để tâm hồn được giải phóng theo tiếng sáo lơ lửng.

Tiểu kết: Khép lại khát vọng được đi chơi, được sống tự do trong đêm tình mùa xuân, Mị lạ rơi vào tình cảnh bế tắc hơn trước đó. Nhưng đó cũng là dấu hiệu báo trước sự thay đổi, thoát khỏi kiếp sống khổ cực của Mị.

- Mị cởi trói cho A Phủ và giải thoát cuộc đời mình

+ A Phủ cũng như Mị, là người ở gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Vì một lần mãi bắt nhím để hổ ăn mất bò nên A Phủ bị trói đứng vào cột trong tình cảnh đói khát và giá buốt.

+ Nhiều đêm Mị ra sưởi lửa, cô hoàn toàn vô cảm với người bị trói đứng là A Phủ, cho dù anh ta có là một xác chết đứng đấy cũng thế thôi vì cuộc đời Mị đã quá bất hạnh và bi kịch, tâm hồn đã trở nên trơ lì. Nhưng khi nhìn thấy những giọt nước mắt bò xuống hõm má xám đen của A Phủ, Mị nhớ lại hoàn cảnh của mình ngày

trước (nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ mà không lau đi được) nên cô đồng cảm với những đau khổ mà A Phủ đang phải chịu đựng. Chính sức mạnh của tình yêu thương đã khiến Mị cởi trói cho A Phủ, rồi cô quyết định giải thoát cho cuộc đời mình. Bởi cô nhận ra: “Ở đây thì chết mất”.

Tiểu kết: Cả Mị và A Phủ từng cam chịu số phận nô lệ, chịu sự thống trị của cường quyền và thần quyền nhưng khi cái chết đã cận kề, bản năng sống làm cho họ có sức mạnh và đồng thời cũng khẳng định: với người Mông ở vùng cao, sức sống mãnh liệt là một trong những phẩm chất tốt đẹp trong con người họ.

3. Kết bài

- Nhân vật Mị trong tác phẩm được tác giả xây dựng thành một hình tượng đẹp: dù trong đói khổ, lay lắt, nhục nhã, Mị vẫn âm thầm sống và mang trong mình sức sống tiềm tàng.

- Hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm trở thành một tín hiệu nghệ thuật gắn liền với nhà văn Tô Hoài. Tác giả đã lên tiếng ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp của con người miền núi và tố cáo sự dẫm đạp của bọn chúa đất đồng thời cũng là bài ca cách mạng khi giải thoát cuộc sống khốn khổ cho người nông dân.

ĐỀ SỐ 44

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hơn 2 triệu người đã chết vì đói... Cả nhà đói, cả dòng họ đói, cả làng cả xóm cùng đói. Cái đói kinh hoàng năm Ất Dậu 1945 ấy, người trẻ hôm nay sẽ không tưởng tượng nổi. [...] Chúng ta tự hào bởi lịch sử dân tộc hào hùng và kiêu hãnh. Nhưng chúng ta cũng không thể quên những đau thương, mất mát của dân tộc mình. Những người đang sống hạnh phúc hôm nay không hẳn ai cũng nhớ tới nỗi khổ nhục kinh hoàng nhất trong lịch sử dân tộc Việt với hơn 2 triệu đồng bào đã chết trong sự dày dọạ đến tận cùng của cái đói.

Chết vì đói là cái chết đáng sợ nhất của bất cứ sinh vật nào. Cái chết đến từ từ, không ngừng giày xéo, dày dọạ con người trong đau đớn, tù nhục và sợ hãi. Thế nhưng nạn đói năm 1945 còn gây nên những tấn thảm kịch mà không ai có thể tưởng tượng được [...].

Lũ lượt những đoàn người như hình nhân bỏ quẻ hương tìm lên phố xá, mong kiếm thứ bỏ vào mồm. Và cuộc hành trình ấy kéo dài từ xóm nhà đến Hà Nội đã biến con người thành hồn ma xác quỵ. Hoặc là gục chết bên đường hoặc ngoai ngoác sống trong khổ nhục...

(Nạn đói năm 1945, Quang Thiện)

Câu 1: Chỉ ra câu chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 2: Từ “đói” được lặp lại bao nhiêu lần trong đoạn trích trên? Ý nghĩa của việc lặp lại từ ngữ đó là gì?

Câu 3: Sự đáng sợ của cái đói được nhà văn chứng minh trên những biểu hiện nào cụ thể?

Câu 4: Trong khoảng 5 – 7 dòng, bằng cái nhìn của một học sinh hiện đại, trình bày suy nghĩ của anh (chị) khi được biết đến nỗi khổ mà nhân dân ta phải gánh chịu hơn nửa thế kỉ trước.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Nhà văn Nguyễn Khải cho rằng: Để sống được hàng ngày tất nhiên phải nhờ vào những “giá trị tức thời”. Nhưng sống cho có phẩm hạnh, có cốt cách nhất định phải dựa vào những “giá trị bền vững”.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: Sông Hương là bản tình ca ca ngợi về thiên nhiên và văn hóa xứ Huế. Qua phân tích tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Câu chủ đề của đoạn trích trên là câu *Cái đói kinh hoàng năm Ất Dậu 1945 ấy, người trẻ hôm nay sẽ không tưởng tượng nổi.*

Câu 2: Trong đoạn trích, từ “đói” được lặp lại tám lần.

Ý nghĩa của việc lặp lại từ “đói”: Nhấn mạnh nội dung chủ đạo của đoạn trích là nói về cái đói đã trở thành nỗi ám ảnh của con người không chỉ trong thời điểm hiện tại mà còn kéo dài tới thời điểm này. Bao trùm

lên đoạn trích là cái đói khủng khiếp của năm 1945, nó gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho dân tộc ta, là điều không dễ dàng có thể xóa nhòa được. Việc lặp lại từ đói như một điệp khúc trở đi trở lại đoạn trích, gây ám ảnh tới người đọc về nỗi đau mà một thời dân tộc ta đã phải trải qua.

Câu 3: Sự đáng sợ của cái đói được thực hiện trên các bình diện sau:

- Cái đói nói chung của toàn thể dân tộc là điều không dễ dàng có thể quên được. Nó là dấu ấn của những đau thương, mất mát của dân tộc ta, chứng tích kinh hoàng nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

- Cái chết vì đói là cái chết khủng khiếp nhất đối với mỗi con người, gây cho con người những đau đớn tui nhục nhất.

- Cái chết không chỉ tồn tại ở một địa phương, bộ phận cụ thể mà trải dài khắp nơi, biểu hiện ở những đoàn người bỏ quê hương kéo nhau lên phố xá tìm thức ăn.

Câu 4: Đối với câu hỏi này, học sinh trả lời theo ý hiểu của bản thân mình, dưới đây là một số gợi ý cơ bản:

- Cái đói năm 1945 là nỗi khổ nhục vô cùng kinh khủng đối với đất nước ta. Là một học sinh hiện đại, mỗi người cần ý thức được nỗi khổ mà nhân dân ta phải chịu đựng để biết giá trị của cuộc sống hằng ngày, trân trọng và ý thức được những điều chúng ta phải làm để xứng đáng với cuộc sống này.

- Trong xã hội không còn nhiều những hoàn cảnh lay lắt như nạn đói năm ấy, nhưng đâu đó ở một số địa phương nghèo, hay góc phố nơi chúng ta đang ở vẫn còn những con người khốn khổ cần được giúp đỡ. Mỗi người trong chúng ta cần có tấm lòng tương thân tương ái lẫn nhau, hiểu được nỗi khổ và giúp đỡ họ để họ tiếp tục sống tốt đẹp.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích**

+ Giá trị tức thời: là những giá trị vật chất và tinh thần chưa trải qua thử thách, sàng lọc của thời gian, có ý nghĩa trong thời điểm hiện tại, thoả mãn những nhu cầu cuộc sống sinh hoạt hằng ngày.

+ Giá trị bền vững: Chỉ những giá trị tinh thần đã trải qua thử thách, sàng lọc của thời gian, có ý nghĩa lâu bền, trở thành nền tảng văn hoá, đạo lí của dân tộc và nhân loại như: tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tình cảm tri ân, sự ngay thẳng trong sạch, thẩm mỹ tinh tế...

+ Mỗi quan hệ giữa hai giá trị: Vừa đối lập vừa thống nhất. Con người cần có những giá trị tức thời để duy trì

cuộc sống, cũng rất cần những giá trị bền vững để sống có ý nghĩa.

- **Phân tích, bình luận ý kiến**

+ Vì sao nói để sống được hằng ngày tất nhiên phải nhờ vào những "giá trị tức thời". Nhưng để sống cho có phẩm hạnh, có cốt cách nhất định phải dựa vào những "giá trị bền vững".

++ Trong cuộc sống hằng ngày, những giá trị tức thời về vật chất (cơm, áo, gạo, tiền ...); những giá trị về tinh thần (vui chơi, giải trí...) là điều kiện tất yếu để đảm bảo duy trì cuộc sống.

++ Mỗi thời đại có những giá trị tức thời về vật chất và tinh thần khác nhau. Để hòa nhập và theo kịp tiến độ của cuộc sống, con người cần phải trang bị cho mình những giá trị tức thời.

++ Nhưng để sống thật sự có ý nghĩa, con người cần vươn tới những giá trị tinh thần tốt đẹp (tâm hồn, trí tuệ, hành động, nhân cách...) dựa trên nền tảng những giá trị bền vững về văn hóa, đạo lí ... của dân tộc và nhân loại.

++ Có được những giá trị bền vững, con người sẽ không bị đánh mất chính mình, bị tha hóa trong sự đổi thay từng ngày của cuộc sống. Những người có những nền tảng vững chắc về văn hóa đạo đức luôn được người đời tôn trọng.

+ Để có thể sống tốt, con người cần phải biết cân bằng, giữ đồng đều cả những giá trị truyền thống lẫn những giá trị tức thời. Nếu chỉ có những giá trị tức thời, con người dễ dàng bị cuốn phăng đi trong dòng chảy của cuộc sống, đánh mất bản thân, trở thành kẻ xu theo, chạy theo thời thế một cách hợm hĩnh. Ngược lại, chỉ có giá trị truyền thống, con người khó có thể tồn tại được trong xã hội, trở thành kẻ cô hủ, lạc hậu.

- **Bài học nhận thức và hành động**

+ Muốn tồn tại con người cần phải tạo ra và nhờ vào những giá trị tức thời. Tuy nhiên nếu quá coi trọng những giá trị đó, con người sẽ bị chi phối bởi lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, chỉ nhìn thấy những lợi ích trước mắt.

+ Để cuộc sống thật sự có ý nghĩa, con người nhất định phải vươn tới những giá trị tinh thần tốt đẹp. Tuy nhiên, cốt cách, phẩm giá con người không thể có tức thời trong ngày một ngày hai, mà đó là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, bồi đắp lâu dài về tâm hồn, trí tuệ, hành động. Đó cũng là cách để con người có một cuộc sống bền vững, không chỉ giới hạn trong thời gian đời người mà còn trong sự ghi nhận lâu dài của cộng đồng.

+ Bài học rút ra: Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của mỗi giá trị. Hình thành kĩ năng sống, biết tiếp nhận hợp lí trước các giá trị của cuộc sống. Phải có bản lĩnh để sống có phẩm giá, cốt cách dựa theo nền tảng những giá trị bền vững về văn hóa, đạo lí của dân tộc và nhân loại.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là một trong những tác phẩm thành công nhất khi viết về sông Hương, xứ Huế. Tác phẩm thể hiện phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác, đậm chất trữ tình và trí tuệ của Hoàng Phủ Ngọc Tường (dẫn lại ý kiến).

2. Thân bài

- *Khái quát về tác giả, tác phẩm*

+ *Tác giả:*

Là thế hệ nhà văn trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Ông từng sáng tác thơ, viết bút kí nhưng nổi bật hơn cả vẫn là những bài kí về sông Hương, xứ Huế. Nghệ thuật kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường vừa giàu tính triết lí, trí tuệ lại vừa mềm mại, bay bổng.

+ *Tác phẩm*

Thể loại kí: Kí là thể loại đặc trưng của văn học dùng để tái hiện những sự việc, hoàn cảnh mang tính chân thực. Giá trị cơ bản của kí là đưa đến cho người đọc những hình dung sống động và cụ thể nhất về đối tượng.

+ *Sông Hương, xứ Huế:*

Xứ Huế là một khung cảnh có vẻ đẹp lãng mạn, hữu tình. Trong thi ca, hội họa, xứ Huế là nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca, rất nhiều văn nghệ sĩ đã đắm say trước vẻ đẹp của mảnh đất này từ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương... Đến với đề tài này, bài kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường tôn lên vẻ đẹp, sự thơ mộng đến kì diệu của dòng sông – một bản tình ca đẹp về thiên nhiên và văn hóa xứ Huế.

- *Vẻ đẹp của sông Hương trong dòng chảy tự nhiên*

+ *Sông Hương ở thượng nguồn Trường Sơn hùng vĩ*

++ Khi bắt đầu tiếng nói đầu tiên với cuộc đời, sông Hương là một bản trường ca mẽ mẽ, hào hùng với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau. Có lúc rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy vào những đáy vực bí ẩn, lại có lúc nó trở nên dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi của hoa đỗ quyên rừng. Chính sông Hương với vẻ đẹp bản thể của nó trở thành bản trường ca về núi rừng Trường Sơn hùng vĩ,

mỗi nốt nhạc của bản trường ca này là một vẻ đẹp tự nhiên của nó.

++ Khi hòa mình vào Trường Sơn, với những vẻ đẹp tự nhiên vừa phóng khoáng, man dại, vừa trong sáng, bí ẩn, dòng sông đã mang một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan. Vẻ đẹp phá vỡ mọi khuôn thước đó khiến sông Hương có dáng hình rất riêng, khác hoàn toàn so với “thứ kẻ thù số 1” của con người như sông Đà.

++ Tuy phóng khoáng nhưng không dễ dãi, dòng sông không phổ diễn vẻ đẹp của mình một cách hời hợt, những biểu hiện của nó chỉ dừng lại vừa đủ để hấp dẫn du khách còn bản chất của nó vẫn là một con sông bí ẩn. Khi rừng già chế ngự mọi bản năng của nó, dòng sông gói ghém tất cả mọi vẻ đẹp trước khi ra cửa rừng. Nó đóng kín lại và ném chìa khóa dưới chân núi Kim Phụng.

+ *Sông Hương về đến ngoại vi thành phố*

++ Sức mạnh bản năng đã được chế ngự, dòng sông trải nghiệm nhiều hơn với vẻ đẹp của mình, có khi là nàng công chúa ngủ trong rừng, lại có lúc hiền hòa như người mẹ phù sa của một vùng văn hóa, xứ sở.

++ Trong bút pháp nhân cách hóa, ở mỗi không gian, sông Hương lại mang những vẻ đẹp khác nhau của con người. Khi là người mẹ phù sa, nó ôm ấp, chở che, bồi đắp cho Huế; khi mang dáng hình của một nàng công chúa trong huyền thoại thì mọi vẻ đẹp của nó đột nhiên bùng tỉnh. Huế trở thành người tình trong mộng đã thức tỉnh sông Hương ở cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại.

++ Vẫn trong hành trình tìm về với Huế, sông Hương đã đổi thay đột ngột. Nó không còn phóng khoáng, man dại như ở thượng nguồn, mà nó trầm tĩnh ý nhị hơn với những khúc quanh đột ngột, những cái uốn mình thật mềm để trở thành một dải lụa.

++ Sự đổi thay cá tính của sông Hương là một cuộc kiếm tìm có ý thức. Khi nó gặp tình yêu của cuộc đời mình, nó trở nên kín đáo, e lệ, mọi vẻ đẹp như ẩn như hiện để khẽ khàng chinh phục du khách.

++ Quảng đường của sông Hương khi về đến vùng trung du là một nốt nhạc trầm nhưng dư âm cả nó lại vang vọng sâu xa. Gói ghém tất cả những vẻ đẹp bản thể của mình, sông Hương hòa lẫn với danh thắng của Huế từ ngã ba Tuần, vấp Ngọc Trám đến Nguyệt Biều, Lương Quán,... Dòng sông trở thành tấm gương phản chiếu để vẻ đẹp của Huế trở nên lung linh, huyền ảo hơn. Cũng vì thế mà sắc nước của sông Hương đổi thay, nó như có cá tính, cảm xúc “sớm xanh trưa vàng chiều tím”.

++ Khi trải mình với những lăng tẩm, đền đài, kinh thành, sông Hương trầm mặc mang vẻ đẹp như triết lí,

cổ thi. Nó tĩnh lặng, hoang dại đến độ tác giả phải nghi ngờ. Bởi cái phong lưu của Huế, cái trầm mặc của sông Hương đã làm nên một bức tranh vô giá:

Bốn bề núi phủ mây phong

Mành trăng Thiên cổ, bóng tùng Vạn Niên.

+ *Sông Hương trong lòng thành phố*

++ Không còn là sắc màu, là dáng hình phô diễn, dòng sông như một dòng tình cảm đầy khát khao yêu đương khi nhìn thấy cầu Tràng Tiền in ngần lên nền trời; sông Hương yên tâm về cuộc hành trình, nó vui tươi hẳn lên, những biểu lộ của dòng sông càng kín đáo, e lệ như tiếng văng không nói ra của tình yêu.

++ Tác giả có những so sánh rất thú vị khi nói về cơ duyên của dòng sông với các thành phố, như sông Xen của Pari, sông Đa-nyúp của Pu-na-pép,... và Hương giang của Huế. Nhưng điều khác biệt là chỉ có sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất, nó chung tình với Huế, nó đắm say với cuộc tình trăm năm và trôi đi thật chậm như điệu slow tình cảm.

++ Đáp lại thành phố trong tình yêu, nỗi nhớ của sông Hương làm nên những chi lưu mang nước để nuôi sống cho Huế để tạo thành những xóm làng xúm xít với cây đa, cây dừa cổ thụ.

++ Chứng minh cho sự gắn bó thùy chung giữa sông Hương và Huế, tác giả đã có liên tưởng rất thú vị. Từ bàn tư đại cảnh trong đêm hội hoa đăng, Huế vẫn luôn tự hào về khúc tứ đại cảnh của mình. Sông Hương với sự thùy chung, nét kiều diễm đã hiến dâng hết mình cho Huế, làm phong nền cho mọi vẻ đẹp của Huế được thăng hoa.

++ Trước khi về với biển cả, sông Hương không vội vã. Dòng sông đột ngột chuyển hướng đổi dòng để trở lại thị trấn Bao Vinh nói lời chia tay với Huế. Đến đây, tác giả ví như lời thề của Thúy Kiều với Kim Trọng trong đêm tình tự: “Còn non, còn nước, còn về, còn nhớ”.

Tiểu kết: Rất đa dạng ở màu sắc và đường nét miêu tả nhưng lại thống nhất trong một nghệ thuật tiêu biểu của Hoàng Phủ Ngọc Tường: so sánh và nhân cách hóa để sông Hương không còn là dòng sông của tự nhiên nó trở thành một nhân vật văn học có cá tính với gương mặt của một người con gái Huế vừa mềm mại, dịu dàng; vừa kín đáo, e lệ lại ẩn chứa khát khao mãnh liệt trong một tình yêu thùy chung.

- *Sông Hương với vẻ đẹp văn hóa Huế*

Trong suốt cuộc hành trình của mình, sông Hương đã hóa thân vào rất nhiều tín hiệu văn hóa của Huế, mà mỗi

vùng, mỗi khúc dấu ấn văn hóa đó lại biểu hiện những vẻ đẹp khác nhau.

+ Là bà mẹ phù sa ôm ấp, che chở cho một vùng văn hóa, xứ sở.

+ Vẫn trong chi lưu của nó, sông Hương làm nên một nét văn hóa rất riêng cho Huế. Đó

là những đêm hội hoa đăng, là những tiếng đàn thá theo dư âm của sóng nước,...

+ Từ lâu nay, tà áo dài tím và chiếc nón bài thơ là những hình ảnh quen thuộc gắn bó với

xứ Huế mơ màng. Và chính sông Hương với màu sương khói ẩn hiện đã hóa thân vào màu tím đặc trưng của Huế. Dòng nước sông Hương “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” trở thành cội nguồn của những tà áo điều lục mà người con gái Huế thường mặc sau tiết sương giáng.

+ Hơn cả một dòng sông, Hương giang còn là một dòng thi ca đem lại nguồn cảm hứng bất tận cho các thi nhân từ Nguyễn Du, bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà, Tố Hữu. Với mỗi thi nhân, sông Hương lại mang một vẻ đẹp khác nhau, không bao giờ lặp lại mình. Nhà thơ Cao Bá Quát thấy Hương giang là một dòng khí phách, bà Huyện Thanh Quan lại vương vấn nỗi niềm hoài cổ, Tố Hữu lại thấy nó là một dòng sông của ánh trăng lấp lóa:

Trên dòng Hương giang em buông mái chèo

Trời trong veo nước trong veo.

(Cô gái sông Hương – Tố Hữu)

+ Trên hết vẫn là sự gắn bó của dòng sông với xứ Huế và con người xứ Huế trải qua ngàn đời với biết bao thăng trầm lịch sử. Vẻ đẹp của sông Hương vẫn nguyên vẹn, vừa thân thiết lại vừa kiều diễm để rồi trở thành huyền thoại và câu hỏi *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được lí giải.

- *Những nét đặc sắc về nghệ thuật kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường*

+ Ngôn ngữ kí của tác giả vừa nhẹ nhàng, tinh tế, vừa sâu lắng vừa đậm đà

+ Bút pháp tài hoa lãng mạn của tác giả

+ Sử dụng các thủ pháp nghệ thuật tu từ

+ Những trải nghiệm, những hiểu biết sâu sắc của tác giả về văn hóa mang tên dòng Hương giang.

3. *Kết bài*

Yên bác trong chiều sâu tri thức văn hóa, tài hoa trong lối dùng ngôn ngữ nghệ thuật và đầy chất thơ trong cảm xúc, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã góp thêm một “bài thơ đẹp” về sông Hương, xứ Huế qua *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

ĐỀ SỐ 45**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách. Có thể để mặc cho con thuyền của ta mòng như lá tre tự nó bập bềnh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua kẽ mái chèo mà lướt đi; trượt nhẹ và êm đềm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng vùn vút giữa các đảo trên cao nô cao tốc; có thể thả trôi với Nước này, mà cũng có thể, như một người bộ hành tùy hứng, lúc đi lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến lúc lùi, thẳng tắp hay quanh co, lao ra những quãng trống hay len lỏi qua các khe hẹp giữa các đảo đá...

(Theo Nguyễn Ngọc, *Hạ Long – Đá và Nước*, Ban quản lí vịnh Hạ Long, 2002)

Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn văn trên được viết bằng phương thức biểu đạt nào? Tại sao anh (chị) lại nhận ra điều đó?

Câu 2. Chỉ ra và phân tích các phép liên kết trong đoạn văn trên?

Câu 3. Phân tích ngắn gọn tư tưởng chính của đoạn trích trên bằng đoạn văn ngắn khoảng 100 từ bằng phương thức diễn dịch

Câu 4. Chỉ ra những từ ngữ cùng thuộc một trường từ vựng trong đoạn trích (tự chọn trường từ vựng).

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Đừng oán ta không bằng ai, người không bằng ta vô số. Đừng khoe ta giỏi hơn người khác, người giỏi hơn ta rất nhiều. Muốn cầu tiến hơn người, ra đời phải biết nhìn về phía trước, vì nhìn xuống ta thấy hơn người, nhưng nhìn lên ta là số không vĩ đại.

Hãy bình luận ý kiến trên bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm)

Nguyễn Tuân là một nhà văn biết quý trọng nghề nghiệp của mình... Đối với ông, nghệ thuật là một hình thái lao động nghiêm túc, thậm chí “khổ hạnh” và ông lấy chính cuộc đời cầm bút hơn nửa thế kỉ của mình để chứng minh cho quan niệm ấy. (Ngữ văn 12 Nâng cao)

Bằng hiểu biết về tùy bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là thuyết minh.

Dấu hiệu nhận ra phương thức biểu đạt thuyết minh:

- Thể hiện những hiểu biết của người viết về đối tượng được thuyết minh là cảnh đẹp ở Hạ Long với việc cung cấp cho người đọc tri thức về các mặt khác nhau của đối tượng là nước ở Hạ Long trong việc tạo nên cảnh đẹp ở nơi này: *Có thể để mặc cho con thuyền của ta mòng như lá tre tự nó bập bênh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua khe mái chèo mà lướt đi; trượt nhẹ và êm đềm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng vun vút giữa các đảo trên cao tốc.*

- Phương pháp thuyết minh được sử dụng trong đoạn trích cũng là dấu hiệu chính giúp người đọc nhận ra đặc điểm của phương pháp thuyết minh như: phương pháp nêu định nghĩa hoặc đặc điểm (*Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách.*), phương pháp nêu ví dụ về sự chuyển động của nước tạo nên sự chuyển động của các con thuyền (*Có thể để mặc cho con thuyền của ta mòng như lá tre tự nó bập bênh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua khe mái chèo mà lướt đi; trượt nhẹ và êm đềm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng vun vút giữa các đảo trên cao tốc; có thể thả trôi với Nước này*), phương pháp so sánh (*mà cũng có thể, như một người bộ hành tùy hứng, lúc đi lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến lúc lùi, thẳng tắp hay quanh co, lao ra những quãng trống hay len lỏi qua các khe hẹp giữa các đảo đá...*)

Câu 2. Để việc phân tích được hiệu quả và việc trình bày bài được rõ ràng, học sinh cần phân loại thành các phép liên kết khác nhau như sau:

- Phép điệp:

Trong đoạn trích, từ *di chuyển* được lặp lại hai lần là: *Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách*

Điệp từ có thể: *Có thể để mặc cho con thuyền của ta mòng như lá tre tự nó bập bênh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua khe mái chèo mà lướt đi; trượt nhẹ và êm đềm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng vun vút giữa các đảo trên cao tốc; có thể thả trôi với Nước này, mà cũng có thể...*

Việc điệp từ như trên khiến các câu văn trong đoạn được liên kết với nhau. Sự kết nối được tạo nên do các câu được kết nối một cách logic qua từ ngữ được lặp lại.

- Phép liên tưởng: Trong đoạn trích sử dụng hàng loạt từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên vùng biển: *Nước, con thuyền, con triều, gió, dòng chảy, đảo, sóng, thuyền buồm, thuyền máy, ngọn sóng đảo đá...*

Việc sử dụng phép liên tưởng (sử dụng chung một trường từ vựng) làm cho nội dung của đoạn trích thống nhất nói về một đề tài duy nhất: vẻ đẹp của nước vùng Hạ Long.

Câu 3. Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Về nội dung: Đoạn trích đã thể hiện những hiểu biết của tác giả về cảnh nước vùng Hạ Long với những trải nghiệm của riêng tác giả. Đó là những trải nghiệm về sự di chuyển của nước, sự chuyển động của các con thuyền, cũng như các cách mà du khách có thể áp dụng khi đi thăm quan thắng cảnh nơi đây. Trong lời thuyết minh của nhà văn không chỉ chứa đựng những tri thức phong phú, những lời khuyên bổ ích đem đến những lựa chọn phù hợp cho chuyến đi của các du khách khi đến nơi đây mà hơn cả trong đó còn chứa đựng tâm huyết của nhà văn đối với thiên nhiên đất nước này nói chung cũng như cảnh đẹp của nước nơi Hạ Long.

- Về hình thức: Học sinh triển khai bài làm đối với câu hỏi này thành đoạn văn theo đúng yêu cầu của đề bài. Đoạn văn cần được xây dựng trên phương thức diễn dịch, tức là câu chủ đề - câu chứa đựng nội dung chính của đoạn văn - phải là câu đầu trong đoạn văn của học sinh. (0, 5 điểm)

Câu 4: Học sinh đưa ra được trường từ vựng và các từ cụ thể. Dưới đây là một ví dụ về một trường từ vựng:

Trường từ vựng sông nước: *Nước, con thuyền, gió, dòng chảy, đảo, thuyền buồm, thuyền máy, ngọn sóng, ca nô cao tốc, đảo đá...*

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Câu nói được chia làm ba vế, trong đó hai vế đầu là đòn bẩy cho ý thứ ba xuất hiện, thể hiện bài học về cách sống vô cùng thiết thực đối với mỗi con người trong bất cứ thời đại nào. Cụ thể:

+ Vế 1: khẳng định trong xã hội còn rất nhiều người không bằng ta cả về mặt kiến thức lẫn các mặt tinh thần, vật chất khác. Không nên quá tự ti về bản thân mình mà có những suy nghĩ tiêu cực.

+ Vế 2: nhấn mạnh trong xã hội vẫn còn những con người giỏi hơn ta dù ta có như thế nào đi chăng nữa. Giống như những câu “Núi cao có núi cao hơn” hay “Cao nhân tất hữu cao nhân tri” như người xưa từng đề cập đến.

+ Vế 3: chốt lại nội dung mà hai vế trên đề cập đến, cũng là vấn đề được bàn đến trong câu nói. Cuộc sống luôn ẩn chứa những điều mà ta không thể khám phá được, con người luôn phải chủ động trong mọi tình huống, biết ứng xử sao cho phù hợp với hoàn cảnh.

Bài học rút ra từ ba vế câu trên: Nhấn mạnh tầm quan trọng của cách nhìn nhận bản thân mình cũng như cách nhìn người trong cuộc sống. Con người cần có những cách ứng xử thích hợp đối với việc nhìn nhận người khác cũng như nhìn nhận bản thân mình, không nên tiêu cực vãn đê để dẫn đến những hậu quả không đáng có.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao không nên nhìn người khác theo hướng “nhìn xuống” và “nhìn lên”?

Cuộc sống luôn không tự nhiên được cân bằng mà con người luôn phải điều tiết để sống một cách tích cực nhất có thể. Nếu chỉ so sánh mình với người khác, con người luôn ở trong một trạng thái đề phòng quá mức hoặc chủ quan thái quá, cả hai điều này đều dẫn đến việc con người nhìn nhận sai về bản thân mình. Nếu nhìn nhận giá trị bản thân cao hơn hoặc thấp hơn giá trị tự thân, con người sẽ không thể giải thích được những biến

động, thay đổi diễn ra trong cuộc sống thường ngày, luôn ở trong một lối sống không có lối thoát.

+ Tại sao lúc nào cũng phải biết nhìn về phía trước?

Lối sống nhìn về phía trước là một lối sống tích cực. Hướng về phía trước là cách nhìn nhận bản thân một cách đúng đắn và tích cực. Hiểu rõ bản thân mình đem lại cho con người một lối sống thực tế, không ảo tưởng huyền hoặc về những giá trị không có thực hoặc mơ hồ về những gì là giá trị thực của bản thân. Cách nhìn nhận đúng đắn giá trị của bản thân và người khác là lối sống lạc quan tích cực.

+ Nếu nhìn về phía trước con người sẽ tự đem lại cho mình những lợi ích gì?

Nhìn về phía trước là cách nhìn lạc quan và tích cực, nó cần thiết đối với mỗi con người. Cách nhìn thẳng về phía trước, không so sánh thiệt hơn với người khác đem lại cho con người một lối sống lành mạnh và thực tế, không bị che mắt bởi những giá trị ảo.

Nhìn nhận đúng giá trị của bản thân khiến con người biết phát huy những điểm mạnh của bản thân và gạt trừ dần những điểm xấu để ngày càng hoàn thiện. Con người có cái nhìn đúng đắn về bản thân sẽ lựa chọn cho mình những hành động đúng đắn nhất, tạo nên một phần tử lành mạnh, một tế bào khỏe cho cơ thể xã hội.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Trong xã hội hiện đại, việc nhìn nhận đúng về bản thân mình có còn có ý nghĩa không?

Hiện nay, vấn đề nhìn nhận con người không chỉ dừng lại ở việc đặt ra biện pháp tự giáo dục thích hợp mà quan trọng hơn là nâng cao hiệu quả của công việc mà mỗi người có thể làm được cho xã hội.

+ Nhìn nhận cá nhân muốn chính xác không nên phủ nhận hoàn toàn việc so sánh với người khác (phản đề).

Câu 2 (5 điểm)

1. Mở bài

Nhà văn Nguyễn Tuân được mệnh danh là “Người săn tìm Cái Đẹp”, người yêu thích cái phi thường, khác lạ. *Người lái đò sông Đà* trích trong tập bút kí *Sông Đà* là hành trình khám phá của Nguyễn Tuân đi tìm thú vàng mười của núi rừng Tây Bắc, của dòng sông Đà và đặc biệt là thú vàng quý giá của con người Tây Bắc, đang ngày đêm nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng đất nước. Hình ảnh dòng sông Đà với vẻ đẹp hung bạo, trữ tình và ông lái đò tài hoa, nghệ sĩ là những thành công xuất sắc của ngòi bút Nguyễn Tuân.

2. Thân bài

- Giới thiệu chung Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân

+ Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tài hoa, uyên bác bậc nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Cuộc đời sáng tác của ông là hành trình đi săn tìm cái đẹp cho nên trong con mắt của tác giả mọi hình ảnh, mọi đối tượng từ thiên nhiên đến con người đều tồn tại trên phương diện thẩm mỹ, lấy Cái Đẹp làm tiêu chuẩn.

+ Những năm trước Cách mạng, Nguyễn Tuân còn đam mê với chủ nghĩa lãng mạn, ông từ chối hiện tại, tìm về với vẻ đẹp cội nguồn của văn học sùng cổ, hoàn toàn xa lạ với cuộc Cách mạng của nhân dân.

+ Sau năm 1945, một lớp văn nghệ sĩ đã có sự giác ngộ tư tưởng, họ tìm đến cách mạng, Nguyễn Tuân cũng rất hồ hởi với công việc này. Nhưng ông không lấy văn chương làm công cụ tuyên truyền cách mạng mà ông thể hiện tình yêu nước ở một phương diện khác. Đó là sự đam mê khám phá vẻ đẹp non sông, trong đó có dòng sông Đà, đảo Cô Tô, đảo Bạch Long Vĩ.

+ Nguyễn Tuân có biệt tài xây dựng hình tượng văn học, đặc biệt khi miêu tả hình ảnh thiên nhiên với hệ thống ngôn ngữ góc cạnh, sắc sảo, tinh tế, giàu cảm xúc, giàu tính tạo hình làm cho tác phẩm của ông trở nên sinh động như nhảy múa, tựa quây trước mắt người đọc.

+ Với đòi hỏi của thời cuộc, Nguyễn Tuân cũng lao mình vào thực tại để hòa nhập vào công cuộc xây dựng kinh tế đất nước sau chiến tranh để hàn gắn vết thương chiến tranh mà kháng chiến chống Pháp để lại. Vì vậy, có thể coi tùy bút *Người lái đò sông Đà* là tiếng nói yêu thiên nhiên, yêu Tổ quốc của tác giả.

- Hình ảnh dòng sông Đà

+ Sông Đà – một con sông hung bạo, dữ dằn

++ Ở phía thượng nguồn: được đặc tả bằng một vài chi tiết tiêu biểu. Đó là một con sông hùng vĩ với đá dựng vách thành, lòng sông thì sâu và hẹp bởi lúc đứng ngo mới có mặt trời. Đặc biệt có những chỗ dòng sông bị bóp thắt lại như cái yết hầu cho nên lưu tốc của dòng sông chảy qua đây rất mạnh và dữ.

Với những liên tưởng độc đáo, Nguyễn Tuân đã đem đến cho người đọc những cảm giác cụ thể khi đang trôi qua dòng sông lúc này đang mùa hè mà cũng cảm thấy ớn lạnh, sợ hãi.

++ Ghềnh nước trên sông

+++ Tác giả cụ thể hóa bằng các địa danh như Hát Loóng, Tà Mường Vát,... để hiện thực hóa cho bài kí của mình, một lần nữa sức mạnh của dòng sông lại được chứng minh qua các ghềnh thác.

+++ Thông qua biện pháp liệt kê, tăng tiến, Nguyễn Tuân đã cực tả sự dữ dội của con nước trên sông, nó sẵn sàng đòi nợ xác bất kì người lái đò nào khi đi qua đây.

++ Cái hút nước trên sông:

+++ Khi đặc tả về những cái hút nước trên sông, tác giả đã sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, liên tưởng để nó giống như một cái giếng bê tông được thả xuống giữa lòng sông để chuẩn bị làm móng cầu.

+++ Nước ở đây thờ và kêu như cửa cống cái bị sặc, có chỗ thì nước ặc ặc như rì bọt dầu sôi vào nên vượt qua quãng sông ấy con thuyền nào cũng phải chèo thật nhanh để thoát khỏi nguy hiểm. Nếu vô tình nghênh ngang thì sẽ bị những cái giếng sâu đó lôi tuột xuống, thuyền trôi ngay cây chuối ngược rồi đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau thì thấy tan xác ở đoạn sông dưới.

Chỉ cần thông qua một vài chi tiết đó người đọc cũng đủ hình dung, tưởng tượng ra một con sông hung bạo, dữ dằn. Sông Đà xứng đáng là thứ kẻ thù số một của con người.

++ Những thác nước trên sông:

+++ Tuy không trực tiếp tả về những dòng thác mà tác giả chỉ gọi gián tiếp qua liên tưởng âm thanh nhưng chúng ta vẫn thấy sự ghê rợn của khi con thác bộc lộ sức mạnh của mình giữa núi rừng.

+++ Tiếng nước như oán trách, như van xin, khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo, nó khiến cho con người lạc giữa rừng cảm thấy ghê sợ, rừng rợn như phải đối diện với tử thần, thế rồi những thác nước đột nhiên rống lên như âm thanh của hàng ngàn con trâu mộng đang lồng lộn trong con bão lửa. Ở đây, Nguyễn Tuân đã rất tài ba khi lấy lửa để tả cho nước, để tất cả sức mạnh của dòng thác được phô diễn cực độ.

++ Thạch trận trên sông:

+++ Giống như một ma trận bằng đá khiến kẻ thù bị lạc vào trận địa dễ dàng hoang mang, sợ hãi và dễ gục ngã. Trận địa này được tạo nên bởi đá và nước với ba trùng vi và nhiều cửa sinh, cửa tử. Đến đây, sông Đà không chỉ hung bạo, dữ dằn mà còn rất độc ác, nham hiểm.

+++ Trận địa được bố trí bởi vô vàn những hòn đá, lớp đá mà mỗi hòn đá, tảng đá lại có nhiệm vụ khác nhau. Điều khiển chính là hòn đá tướng, mở đầu trận địa là những hòn đá mai phục, tiếp theo là những hòn đá làm nhiệm vụ dụ dỗ kẻ thù rồi đến những hòn đá bắt kẻ thù phải xung tên tuổi trước khi giao chiến. Qua được cửa ải này, chiếc thuyền sẽ gặp những boong - ke, pháo đài và những đôn đánh của nước trên sông. Dòng nước cũng rất

hiểm độc với những đòn thiên biến, vạn hóa, có khi đánh giáp lá cà, có khi đánh khuỷp quật vu hồi. Nếu như chưa hiệu quả, nó tóm lấy thắt lưng ông lão để lật ngửa bụng thuyền ra; vừa đánh, vừa la hét để dành cho ông lão đòn âm, đòn tia, đòn vào hạ bộ. Khi con nước thất bại nó chuyển sang làm thanh viện cho đá để hù dọa ông lão. Như vậy, nước sông Đà xứng đáng là thứ thủy quái bày binh, bố trận rất hiểm độc để khi chiến bại nó buồn tui nghiu hện trận chiến lần sau.

Tất cả những đặc điểm như trên làm nổi bật bản chất hung bạo, dữ dằn của dòng nước sông Đà đồng thời cũng thể hiện vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của thiên nhiên Tây Bắc.

+ Sông Đà – một dòng sông thơ mộng, trữ tình

++ Trong cái nhìn tổng quan, sông Đà như một nét điểm xuyết cho bản đồ về thiên nhiên Tây Bắc, Nguyễn Tuân nhận thấy dòng sông như một áng tóc trữ tình mềm mại, tuôn dài giữa cái bất tận của màu xanh núi rừng. Đặc biệt giữa thời tiết mùa xuân, lúc hoa ban, hoa gạo bung nở với cuộn cuộn của những đám khói đốt nương, dòng sông Đà ẩn hiện trong một bức tranh thêu gấm, khiến du khách say mê.

++ Gắn với Tây Bắc từ nghìn đời nay cũng chính cá tính của dòng sông đã làm nên huyền thoại nhưng cái hung bạo, dữ dằn của sông Đà chỉ có trong mùa mưa lũ, còn mùa xuân thì dòng xanh ngọc bích, mùa thu dòng nước lại lừ lừ chín đỏ. Rõ ràng đây là một dòng sông có cá tính, nó biết bộc lộ sức mạnh, vẻ đẹp của mình tùy vào từng hoàn cảnh khác nhau.

++ Ở những góc quay cận cảnh, tác giả còn khám phá ra những vẻ đẹp rất thú vị, nguyên sơ, hoang dại. Đó là cảnh bờ sông Đà, chồn chồn bướm bướm trên sông Đà, tất cả như một bờ tiền sử. Hai bên bờ sông chỉ có nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa với một đàn hươu thơ ngộ đang ngón những búp cỏ non ướt đầm sương đêm; tác giả giật mình, ngỡ ngàng trước vẻ đẹp còn quá ban sơ hiện ra trước mắt.

++ Tô điểm cho bức tranh này còn là hình ảnh rất vui mắt về đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông trắng xóa như bạc rơi thoi. Tất cả những điều này vẽ lên một bức tranh thủy mặc yên ả, thanh bình và thơ mộng.

++ Trong cảm giác của con người; được gọi tên trong cảm xúc của tác giả. Lần đầu tiên đến với dòng sông nhưng tác giả đã thấy nhớ nôn nao. Nhiều ngày trong rừng ra, khi nhìn thấy sông Đà, Nguyễn Tuân bắt gặp cảm giác vui khôn tả như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, như nổi lại chiêm bao đứt quãng, rồi thấy dầm dẫm, ẩm ẩm như gặp lại cổ nhân. Sông Đà còn trở thành người

tình chưa quen biết đối với du khách lần đầu tiên đến với dòng sông.

Tất cả những hình ảnh nhân hóa khi nói về dòng sông này đều vẽ lên dáng hình của một con sông hiền hòa, gần gũi.

Như vậy, qua bút pháp kí của Nguyễn Tuân, hình ảnh Đà giang hiện lên hoàn chỉnh với những cá tính, vẻ đẹp dường như đối lập song lại rất thống nhất để vẽ lên một dòng sông Đà nhiều màu sắc. Không chỉ tác giả choáng ngợp trước vẻ đẹp của dòng sông, thi sĩ Tản Đà khi đến với Đà giang cũng phải tấm tắc về những biểu hiện rất riêng mà con sông đã mang trong mình:

Dài sông Đà bọt nước lênh bênh

Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình.

Nguyễn Tuân cũng khéo léo chọn cá tính của dòng sông này để nói cho cá tính trong văn chương của mình:

Chung thủy giai đồng tấu

Đà giang độc bắc lưu.

- Hình ảnh ông lái đò – “thứ vàng mười của con người Tây Bắc”

+ Tập kí *Sông Đà* ra đời năm 1960 trong công cuộc xây dựng vùng Tây Bắc sau chiến tranh; mỗi nhà văn, nhà thơ lại mang đến những cảm hứng riêng cho đề tài này. Chế Lan Viên hồ hởi với một chuyến tàu lên Tây Bắc; còn Nguyễn Khải lại thấy sự đổi thay của con người. Cũng trong đề tài đó, Nguyễn Tuân khám phá và phát hiện vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc như bản thể của núi rừng. Đó chính là thứ vàng mười mà nhà văn đang tìm kiếm. Hình ảnh ông lái đò trong tác phẩm không được miêu tả chi tiết về hình ảnh, cá tính mà phần lớn gọi lên qua vẻ đẹp của con người lao động trí tuệ và tài hoa.

+ Vốn xuất thân từ núi rừng nên ông lái đò gắn bó chặt chẽ với cuộc sống nơi đây. Ông sinh ra bên bờ sông Đà, dòng sông thác lũ đó là nguồn sống cho ông từ khi còn để chòm. Cho đến sau này, cuộc sống của ông vẫn là những hành trình leo thác, vượt sông nên khi nghỉ ngơi nhưng ông vẫn nhớ về thác lũ và trận địa đá trên sông.

+ Bản lĩnh và trí dũng:

++ Cùng vượt hành trình với ông lái, nhà văn ghi chép và phát hiện được vẻ đẹp của cả thiên nhiên, con người. Trong đó, thiên nhiên hùng vĩ, bí hiểm đến bất tận, còn người lái đò thì bản lĩnh và trí tuệ phi thường. Mỗi khi con thuyền vượt thác và chiến đấu với dòng sông, ông lão vẫn ghì chặt dây cương đưa con thuyền đến chiến thắng. Thậm chí, có lúc ông như bị hạ gục bởi

những đòn hiểm của dòng sông nhưng vượt qua đau đớn, ông lái vẫn đưa con thuyền về phía hạ lưu.

++ Cả cuộc đời gắn bó với dòng sông, ông hiểu được quy luật của thần sông, thần đá, cách bày binh bố trận nên ông có thể vượt qua được những thạch trận với nhiều cửa sinh, cửa tử. Trong con mắt của Nguyễn Tuân, đó là vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ.

+ Người lao động bình dị:

Khác với cảm xúc của tác giả thì việc vượt sông với ông lão chỉ là công việc lao động bình thường. Ông đã quên ngay khi kết thúc (còn đối với tác giả đó là trải nghiệm vô cùng thú vị). Điều đó làm hiện lên vẻ đẹp đời thường, bình dị của con người Tây Bắc trong cuộc chiến chinh phục thiên nhiên và núi rừng.

Như vậy, vẻ đẹp của ông lái không mang tính cá thể bởi vì ông không được gọi tên rõ ràng mà đây chỉ là hình tượng tiêu biểu đại diện cho hình ảnh con người lao động ở núi rừng.

- Những đặc sắc trong nghệ thuật tùy bút của Nguyễn Tuân

+ Tùy bút *Sông Đà* nói chung và *Người lái đò sông Đà* nói riêng một lần nữa chứng minh cho sự tài hoa, uyên bác, sự cần trọng trong nghề của Nguyễn Tuân và

cho những đặc sắc của tác giả khi có những so sánh, liên tưởng táo bạo.

+ Uyên bác: tác phẩm ghi lại hành trình của dòng sông Đà, Nguyễn Tuân không chỉ vận dụng những kiến thức văn hóa, lịch sử, địa lí mà tác giả còn khéo léo đưa vào đó những hiểu biết của mình về các ngành nghệ thuật khác như: hội họa, điêu khắc, điện ảnh,...

+ Tài hoa: trong con mắt nhìn của nghệ sĩ, Nguyễn Tuân không khám phá dòng sông như một thước phim kí sự mà miêu tả lại nó như một nhân vật có hồn, có cá tính, dòng sông vừa hung bạo, dữ dằn lại vừa thơ mộng, trữ tình.

+ Những liên tưởng, so sánh táo bạo: trong tác phẩm này, Nguyễn Tuân đã sử dụng những hình ảnh đồng điệu, so sánh táo bạo thậm chí liên tưởng đến những phạm vi mới lạ để mang đến những cảm xúc, trải nghiệm mới mẻ cho con người.

3. Kết bài

Hình tượng sông Đà và ông lái đò đi vào văn học như những nét vẽ tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân. Thông qua việc xây dựng và gia công tỉ mỉ đến hoàn mĩ cho hai hình tượng đó một lần nữa đã chứng minh thái độ cũng như tâm huyết của nhà văn với nghề - những chuyến hành trình đi săn tìm Cái Đẹp.

ĐỀ SỐ 46

Phần I. Đọc - hiểu (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"... Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị. Nếu người An Nam hãnh diện giữ gìn tiếng nói của mình và ra sức làm cho tiếng nói ấy phong phú hơn để có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu, việc giải phóng dân tộc An Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Bất cứ người An Nam nào vứt bỏ tiếng nói của mình, thì cũng đương nhiên khước từ niềm hi vọng giải phóng giống nòi [...] Vì thế, đối với người An Nam chúng ta, chối từ tiếng mẹ đẻ đồng nghĩa với từ chối sự tự do của mình..."

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*,
Theo *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

Câu 1. Hãy xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích trên.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3. Theo tác giả, tiếng nói có tầm quan trọng như thế nào đối với vận mệnh của dân tộc?

Câu 4. Từ đoạn trích, anh/chị hãy nêu quan điểm của mình về vai trò của tiếng nói dân tộc trong bối cảnh hiện nay. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trả lời câu hỏi điều tra của một đồng nghiệp, nhà bác học Darwin nói về kinh nghiệm thành công của mình như sau: *Tôi nghĩ rằng tất cả những gì có giá trị một chút, tôi đều đã thu nhận được bằng cách tự học.*

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày những suy nghĩ của mình về câu nói trên.

Câu 2 (5 điểm):

Nói về việc sáng tác truyện ngắn *Vợ nhặt*, nhà văn Kim Lân tâm sự: "Cái đói hành hạ tất cả mọi người nhưng không át được sức sống đơn sơ của tâm hồn họ. Đói. Nó vừa cay đắng vừa đớn đau, đồng thời một mặt nào đó lại lóe lên những tia ánh sáng về đạo đức, danh dự. Truyện ngắn *Vợ nhặt*, khai thác các khía cạnh sau cùng của các bi kịch đó".

Bằng những hiểu biết về truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân, hãy giải thích và làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phong cách ngôn ngữ của đoạn trích: Phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận bình luận/ thao tác bình luận.

Câu 3. Tiếng nói có tầm quan trọng đối với vận mệnh dân tộc: Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị.

Câu 4. Thí sinh nêu được quan điểm của bản thân về vai trò của tiếng nói dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

- Tiếng mẹ đẻ có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, đời sống văn hóa của mỗi dân tộc. Trong bối cảnh hiện tại, với xu thế toàn cầu hóa, một người không những chỉ thành thạo tiếng mẹ đẻ mà còn có thể sử dụng nhiều ngôn ngữ khác để học tập, làm việc.

- Việc nắm bắt xu thế hiện đại, rèn luyện những kĩ năng sống của công dân toàn cầu, trong đó kĩ năng quan trọng nhất là thành thạo ngoại ngữ là điều cần thiết với mỗi công dân trẻ. Nhưng học ngoại ngữ không có nghĩa là xa rời

tiếng mẹ đẻ. Tiếng mẹ đẻ là hồn cốt của dân tộc, là thứ để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác... người trẻ càng cần có trách nhiệm gìn giữ và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt...

Thí sinh có thể trình bày những quan điểm của cá nhân nhưng câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*
 - + Tự học là sự học do mình chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức. Tự học còn là sự nỗ lực tìm kiếm những tri thức ngoài phạm vi sách vở mà nhà trường trang bị cho.
 - + Câu nói của Darwin đề cập đến ý nghĩa quan trọng của việc tự học đối với bản thân.
 - *Phân tích, bình luận ý kiến*
 - + Tại sao lại nói: tất cả những gì giá trị đều thu nhận bằng con đường tự học?
 - ++ Tự học là cách con người chủ động đến với tri thức. Khi con người chủ động đến với tri thức thì tri thức sẽ được tiếp thu một cách dễ dàng hơn, trở nên dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thuộc. Những tri thức đến từ con đường tự học tập, tự khám phá sẽ trở thành những tài sản của riêng mình, đậu lại trong tâm trí con người một cách vững bền nhất.
 - ++ Kiến thức là biển cả. Con người không thể thu nhận được nhiều kiến thức và lưu giữ được nhiều kiến thức nếu chỉ được nghe người khác truyền đạt, nhồi nhét. Kiến thức đến từ con đường nghe truyền đạt, nhồi nhét là kiến thức chết, là những lí thuyết suông. Chỉ bằng cách tự học, tự tìm tòi, khám phá, con người mới có thể thu nhận được nhiều kiến thức, lưu giữ được nhiều điều.
 - ++ Chỉ có tự học, con người mới có thể khám phá ra nhiều điều thú vị. Tự học là cách giúp cho kiến thức của nhân loại không trì trệ, đứng yên mà tăng lên theo cấp số nhân từng ngày. Bề kiến thức của nhân loại được bồi đắp không phải do những kẻ chỉ biết ngồi trên ghế nghe người khác thuyết giảng mà đến từ những con người chủ động tìm tòi, khám phá.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Quan điểm của Darwin về tác dụng, ý nghĩa của việc tự học đối với bản thân trong quá trình học tập, tiếp thu tri thức là hoàn toàn đúng đắn.

+ Câu nói của Darwin không có nghĩa là phủ nhận việc học tập ở nhà trường mà ông muốn khẳng định điều cốt yếu là phải luôn luôn học hỏi bằng sự nỗ lực cao nhất của bản thân.

Câu 2 (5 điểm)

1. Mở bài

Kim Lân là một cây bút xuất sắc ở mảng đề tài về nông thôn Việt Nam và người lao động nghèo khổ. *Vợ nhặt* là câu chuyện buồn về số phận con người trong nạn đói năm 1945 nhưng đằng sau những đau thương là tấm lòng nhân hậu, trái tim tin yêu và sự trân trọng khát vọng con người của Kim Lân.

2. Thân bài

- Khái lược về tác giả, tác phẩm và giải thích nhận định:

+ Kim Lân là nhà văn của nông thôn Việt Nam, những tác phẩm của ông tập trung nhiều vào khung cảnh làng quê trước Cách mạng. Kim Lân không miêu tả về văn hóa, phong tục, những hương ẩm xôi thịt ở chốn làng quê mà ông thường nói về cuộc sống bình dị, nghèo hèn vì vậy tác phẩm của ông gần gũi với người đọc.

+ *Vợ nhặt* có tiền thân từ tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* song vì kháng chiến mà bản thảo đã thất lạc và rơi rớt khá nhiều. Cho nên, Kim Lân viết tác phẩm này bằng hình dung, tưởng tượng về nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ có hai triệu đồng bào ta chết đói.

+ *Vợ nhặt* sau được in vào tập *Con chó xấu xí* (1962) và trở thành tác phẩm thành công nhất khi viết về nạn đói.

+ Nhận định trên đã chỉ ra trong tác phẩm của Kim Lân những bi kịch, bất hạnh của con người trong cái đói, đồng thời khẳng định vẻ đẹp tiềm ẩn nhưng sáng ngời của con người bất chấp hoàn cảnh.

- **Bức tranh hiện thực về nạn đói năm 1945**

Bức tranh nạn đói khủng khiếp năm 1945 được miêu tả rất chi tiết, cụ thể ở cả không gian cảnh vật và đời sống con người. Bao trùm là không khí tang tóc, u ám; cảnh vật thê lương ảm đạm, con người dật dờ như những bóng ma.

+ **Hiện thực cuộc sống**

Bức tranh này được vẽ lên bằng ngôn từ và cảm xúc xót xa, đau đớn của tác giả, có cả màu sắc, ánh sáng, âm thanh, mùi vị,...tất cả như hòa lẫn vào cái đói.

++ Hình ảnh: nổi bật trên phông nền của Vợ nhặt là những hình ảnh gợi về cái chết mênh mông với những gốc đa, gốc gạo xù xì, những cánh quạ vẫn trên bầu trời như những đám mây đen, ngôi nhà của Tràng thì siêu vẹo, méo mó; phía ngoài xa dòng sông trắng uốn khúc quanh cánh đồng, tối mênh mông. Đường như mọi hình ảnh không có dấu hiệu của sự sống, tất cả đều ám chỉ cho nạn đói và sự chết chóc.

++ Con người: trên phông nền đó, bóng dáng con người cũng thoi thóp, nhỏ nhoi; cả người sống và người chết đều nằm trong guồng quay của nạn đói. Bóng những người chết nằm cong queo bên đường, người sống thì cũng như thoi thóp chờ lạc vào cõi chết. Những người vùng Thái Bình, Nam Định bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma. Bóng người sống đi lại dật dờ bên những gốc đa, gốc gạo.

++ Màu sắc và mùi vị: từ đầu cho đến cuối tác phẩm dường như không có màu sắc nào tươi tắn: chỉ là màu xám của ngã tư xóm chợ về chiều, màu tối mênh mông của những cánh đồng, hai bên đẫy phở thì úp xúp tối om và không nhà nào có đèn lửa. Những nét vẽ chi tiết đó của Kim Lân đã tái hiện lại hoàn chỉnh bức tranh nạn đói năm ấy, nó được điểm tô với mùi vị rất riêng. Đó là mùi ẩm mốc của rác rưởi, mùi gầy gầy của xác người và mùi dốt dốt dầm khét lẹt, sởi vị cám chất xít nơi đầu lưỡi của anh cu Tràng. Bên cạnh đó còn là những âm thanh cụ thể: tiếng quạ kêu thê thiết, tiếng hờ khóc ti tê của những gia đình có người chết đói, tiếng trống thúc thuế đầu làng xen lẫn vào những giọt nước mắt của bà cụ Tứ.

Có lẽ không nên gọi đây là bức tranh về cuộc sống khi cái chết đang thống trị, tràn ngập còn sự sống thì nhỏ nhoi, mờ nhạt. Đằng sau những nét vẽ của nhà văn là niềm đồng cảm xót thương cho những số kiếp con người khi họ bị đẩy vào nạn đói.

+ Hiện thực về số phận con người

Xuất hiện trên bức tranh hiện thực của tác phẩm là những con người khác nhau, mỗi người có một cảnh ngộ nhưng họ có chung một số phận đều là nạn nhân của cái đói, người đọc dễ dàng nhận ra điều đó ở anh cu Tràng, cô vợ nhặt, bà cụ Tứ và người dân xóm ngụ cư.

++ Cu Tràng: Cái đói với Tràng không hiện lên ở miếng cơm, manh áo bởi dù sao anh ta còn sức vóc để kéo thóc thuê, thậm chí khi đứng trước cô vợ nhặt, Tràng còn tỏ ra hào phóng *rich bố cu*. Nhưng từ sâu trong tâm

khám của nhân vật này, cái đói vẫn lẩn khuất và được bộc lộ trong hoàn cảnh mà Tràng phải lựa chọn: hạnh phúc hay sự sống. Vốn dĩ, anh ta không dám mơ đến việc mình có vợ vì nó quá xa xỉ thế nên khi hạnh phúc trong tầm tay, Tràng lại thấy *chợn*. Tràng sợ lấy vợ trong lúc này là đến gần hơn với cái chết. Ở đây, cái đói đã khiến con người không dám có ước mơ, khao khát.

++ Người vợ nhặt: Cái đói với thị rõ ràng hơn vì nó gắn liền với miếng ăn. Thị nghèo từ cái tên của mình, cùng với những người bạn của mình, thị ngồi vêu ở xó tinh để nhặt hạt rơi, hạt vãi và khi bất ngờ Tràng xuất hiện với một câu hò rất mùi mẫn: *Muốn ăn cơm trắng với giò/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh*, thị ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng nhưng anh ta đã thất hứa. Đến lần sau gặp lại, thị tức tối đứng trước Tràng mà sùng sĩa, tất cả chỉ vì miếng cơm và khi đã thỏa nguyện thị lại bám lấy câu nói đùa của Tràng để theo không hẳn, vì đói khát, người đàn bà này buộc phải bỏ qua danh dự và nhân phẩm của mình. Như vậy, cái đói đối với thị thể thảm và khủng khiếp hơn rất nhiều.

++ Bà cụ Tứ: Là một người mẹ giàu tình yêu thương, bà đã trải qua biết bao đắng cay của cuộc sống và nạn đói năm ấy vẫn là nỗi ám ảnh không thể xóa nhòa trong tâm trí bà. Bà từ ngạc nhiên, bất ngờ trước việc Tràng có vợ, bà lão rơi những giọt nước mắt tủi hờn, xót xa khi con trai bà lấy vợ trong tình hồng trở trêu, ngược đời. Bà tủi thân vì không làm tròn trách nhiệm với các con, cái đói cứ vương vất, quanh quẩn trong tâm trí bà, nó khiến cho tấm lòng người mẹ càng thêm bao dung, đôn hậu.

++ Người dân xóm ngụ cư: Cái đói theo về trong cơn gió lạnh ngắt của buổi chiều. Những đứa trẻ con trong xóm thường ngày ra đón Tràng trở về nhưng hôm nay chúng ù rũ, mệt nhọc và đói khát. Những người khác cũng vì sợ cái đói mà họ thương hại cho cu Tràng khi anh ta lấy vợ trong nạn đói, khi cái chết đang kề bên.

- Về đẹp tâm hồn và những khát khao đầy nhân bản của con người

Phản ánh hiện thực khốn cùng của người lao động, điều mà Kim Lân muốn hướng đến không phải là cái đói, cái chết mà là để khẳng định sự sống của họ, khẳng định dù trong hoàn cảnh cơ cực, con người vẫn vươn lên để sống và khát khao. Kim Lân viết *Vợ nhặt* không chỉ bằng con mắt hiện thực sắc lạnh mà còn bằng cả trái tim chan chứa yêu thương và trân trọng con người. Qua đó, nhà văn phát hiện những tia sáng về đạo đức và danh dự, đằng sau những số phận bi kịch là vẻ đẹp tâm hồn, là những khát khao bản năng của con người.

+ Nhân vật Tràng

++ Tâm lòng nhân hậu: cái đói và những lo lắng về cuộc sống trong nạn đói từng thống trị đầu óc khờ khờ của Tràng nhưng anh ta lại chấp nhận người vợ sau cái tặc lưỡi *Chắc, kệ* – một quyết định có phần liều lĩnh, bông bột nhưng đằng sau sự bông bột ấy là tấm lòng nhân hậu, sự cảm thông với người đồng cảnh ngộ.

++ Tâm hồn hướng đến sự sống, hạnh phúc gia đình: “nhặt” được vợ, vợ phải hạnh phúc đã đem lại sự đổi thay quan trọng trong cuộc đời Tràng.

++ Tràng có những cử chỉ chín chắn thể hiện sự trân trọng, vun vén cho hạnh phúc gia đình mới mẻ của mình: mua cái thúng con và vài thứ lật vật, mua hai hào dầu,...

++ Từ một người vô tâm, ngờ nghệch, Tràng trở nên có trách nhiệm hơn với mình và những người xung quanh, có niềm tin vào cuộc sống: tâm trạng phơi phới trên đường về nhà, cảm giác gắn bó với ngôi nhà,...

++ Tràng bắt đầu nghĩ đến tương lai và mơ về sự đổi thay cuộc sống (chi tiết cuối tác phẩm)

Những thay đổi lớn lao trong suy nghĩ, tâm trạng nhân vật Tràng là biểu hiện rõ ràng nhất cho tâm hồn khao khát sống và tâm hồn hướng về ánh sáng.

+ Nhân vật người vợ nhặt: mặc dù rơi vào hoàn cảnh khốn cùng nhưng Kim Lân vẫn nhìn thấy ở nhân vật này những phẩm chất tốt đẹp.

++ Hành động theo không của thị dưới góc độ khác thì đây có thể coi là chi tiết hài hước chứng minh cho cái đói làm con người mất ý thức về giá trị. Nhưng dưới con mắt đầy cảm thông, triu mến, Kim Lân chỉ ra động lực

đáng trân trọng của hành động này là cố gắng bám víu lấy sự sống, chống cự lại cái chết.

++ Cũng từ cái nhìn đầy cảm thông, nhà văn phát hiện ra những phẩm chất tốt đẹp ở nhân vật này: cái chao chát, chông lòn, thô lỗ chỉ là do hoàn cảnh xô đẩy nhưng khi có gia đình để yêu thương, chăm sóc thì thị lại trở nên dịu hiền, đảm đang, khi có một tương lai để hi vọng thì những phẩm chất tốt đẹp của người lao động lại trở dậy và càng bùng sáng.

+ Bà cụ Tứ:

++ Tình yêu thương con, hy sinh hết mình vì con: thể hiện qua những lo lắng cho hạnh phúc của con, sự tủi hờn khi chưa làm tròn trách nhiệm với các con, qua hành động yêu thương và vun vén cho hạnh phúc mới mẻ của hai con,...

++ Tấm lòng bao dung của một người phụ nữ, một người mẹ: thể hiện qua tình cảm, cách cư xử với nàng dâu mới.

++ Niềm lạc quan, tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của gia đình: thể hiện qua cuộc trò chuyện trong bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới.

3. Kết bài

Kim Lân viết *Vợ nhặt* không chỉ dựng lại bức tranh hiện thực về nạn đói năm 1945 mà cao cả hơn hết là sự yêu thương, trân trọng và đẹp, khát vọng của con người. Tác phẩm không chỉ là thông điệp về sự vươn lên trong hoàn cảnh cơ cực mà còn là một bài ca về sự sống, khát vọng vươn lên của con người.

ĐỀ SỐ 47

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tình ta như hàng cây
 Đã qua mùa gió bão.
 Tình ta như dòng sông
 Đã yên ngày thác lũ.
 Thời gian như là gió
 Mùa đi cùng tháng năm
 Tuổi theo mùa đi mãi
 Chỉ còn anh và em.
 Chỉ còn anh và em
 Cùng tình yêu ở lại...
 – Kìa bao người yêu mới
 Đi qua cùng heo may.

(Trích *Thơ tình cuối mùa thu* – Xuân Quỳnh)

Câu 1: Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Câu 2: Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ: *Tình ta như hàng cây / Đã qua mùa gió bão / Tình ta như dòng sông / Đã yên ngày thác lũ.*

Câu 3: Điệp khúc “Chỉ còn anh và em” được tác giả lặp lại hai lần trong đoạn thơ mang ý nghĩa gì?

Câu 4: Anh/ chị hãy nhận xét quan niệm về tình yêu của tác giả qua những dòng thơ: *Thời gian như là gió/ Mùa đi cùng tháng năm/ Tuổi theo mùa đi mãi/ Chỉ còn anh và em .../ Cùng tình yêu ở lại.* Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trong một bộ phim Việt Nam mới công chiếu gần đây, một nhân vật đã nhắc nhở người cháu của mình: *Ta có thể nhặt được một gói tiền nhưng sẽ không có ai đánh rơi một gói văn hóa cho ta nhặt.*

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lời nhắc nhở trên.

Câu 2 (5 điểm):

Tuyên ngôn Độc lập là một áng văn chính luận tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh: lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn.

Hãy phân tích tác phẩm để làm rõ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

+ điệp cấu trúc: *Tình ta như.../ Đã qua... Đã yên...*

Câu 1: Thơ ngũ ngôn.

Câu 3: Điệp khúc “Chỉ còn anh và em” lặp lại hai lần

Câu 2: Trả lời đúng 3 biện pháp tu từ trong các biện pháp tu từ được sử dụng. trong đoạn thơ có ý nghĩa: khẳng định tình yêu thủy chung, bền chặt, không thay đổi.

+ so sánh: *Tình ta như hàng cây / Tình ta như dòng sông*

Câu 4:

+ ẩn dụ: *mùa gió bão/ ngày thác lũ*

- Quan niệm về tình yêu của tác giả: Dù vạn vật có vận động, biến thiên nhưng có một thứ bất biến, vĩnh hằng, đó chính là tình yêu. Tình yêu đích thực vượt qua thời gian và mọi biến cải của cuộc đời. (Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục).

- Từ đó, nhận xét về quan niệm của tác giả: (đúng hay sai, phù hợp hay không phù hợp,.. như thế nào?).

Câu hỏi mở. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Người ta có thể dễ dàng nhận được một gói tiền, kiếm được vật chất, nhưng không phải ai cũng có được văn hóa, có được nhân cách cao đẹp. Ý kiến trên đề cao vai trò chủ động của con người trong việc trau dồi, tích lũy vốn văn hóa của bản thân.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao nói: *Ta có thể nhặt được một gói tiền nhưng sẽ không có ai đánh rơi một gói văn hóa cho ta nhặt.*

++ Tiền bạc hay mọi thứ vật chất khác đều là những thứ ở ngoài ta. Văn hóa là giá trị tinh thần nên không thể đánh rơi, không thể nhặt được. Vốn văn hóa có được do sự học hỏi, tìm tòi, tích lũy của con người trong suốt cuộc đời.

++ Tiền bạc là những thứ tạm bợ, nhất thời, nhưng văn hóa là thứ có sức sống bền lâu, nhưng vẫn có những người mãi chạy theo tiền bạc mà không trau dồi văn hóa.

++ Giá trị thật sự của một con người không phải được đong đếm bằng số lượng của cái, vật chất mà anh ta có được. Một con người có đầy đủ vật chất, giàu có về của cải cũng không được người đời tôn trọng, yêu mến nếu người đó không có văn hóa. Ngược lại, những con người sống có văn hóa, dù chỉ làm một công việc bình thường, vật chất thiếu thốn nhưng vẫn được mọi người yêu quý, ngợi ca.

+ Làm thế nào để tích lũy văn hóa? Văn hóa của con người thể hiện trong nhiều mặt của cuộc sống, bởi vậy, học tập, tích lũy văn hóa cũng phải bắt đầu từ những điều nhỏ nhất của cuộc đời. Từ cách đi đứng, nói năng, cho đến cách suy nghĩ, đối nhân xử thế đều thể hiện được tầm vóc văn hóa của mỗi con người. Học tập những cái

hay, cái đẹp từ những người xung quanh, đọc nhiều sách vở để bồi đắp tri thức, đó là những con đường nhanh chóng và dễ dàng để tâm văn hóa của con người được nâng cao.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Văn hóa không chỉ thể hiện ở bằng cấp, trình độ học vấn mà còn thể hiện trong lối sống, hành động, ứng xử hằng ngày của mỗi người.

+ Văn hóa là một thước đo giá trị con người rất quan trọng, để trở thành người có văn hóa phải không ngừng học hỏi từ cuộc sống, sách vở và trau dồi rèn luyện trong sinh hoạt, ứng xử... hằng ngày.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

Hồ Chí Minh không chỉ được biết đến là một vị lãnh tụ tài ba, kiệt xuất của dân tộc Việt Nam mà Người còn được biết đến với tư cách là một nhà văn, nhà thơ lớn của thế kỉ XX. Người để lại cho nhân loại nhiều tác phẩm lớn ở nhiều thể loại: truyện, kí, thơ, văn chính luận... *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn chính luận mẫu mực, có lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn, giàu giá trị của Hồ Chí Minh.

2. Thân bài

- Khái quát:

+ *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại, là bản khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là kết tinh của chủ nghĩa yêu nước, của khát vọng tự do, hòa bình và tự chủ. Ngày 2 – 9 – 1945, Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn này trước hàng vạn đồng bào Thủ đô tại quảng trường Ba Đình, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc.

+ Tác phẩm không chỉ có giá trị lịch sử, mang tầm vóc lớn lao thể hiện tinh thần dân tộc mà còn có giá trị văn học, là áng văn chính luận xuất sắc, kết tinh trí tuệ và tài hoa của Hồ Chí Minh, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Bác: lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn..

- Hệ thống lập luận trong tác phẩm:

+ Trước hết, Người nêu lên cơ sở pháp lí và chính nghĩa của bản Tuyên ngôn:

++ Người trích dẫn hai bản Tuyên ngôn Độc lập của Pháp và Mĩ, đó là những lí lẽ không ai có thể chối cãi được:

+++ Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ (1776): *Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong*

những quyền ấy, có quyền được sống, quyền sung sướng và quyền mưu cầu hạnh phúc.

+++ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1791): *Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.*

+++ Việc trích dẫn trên mang lại một cách lập luận có tính chiến thuật sắc bén, khéo léo. Đó chính là thành công của nghệ thuật “gây ông đập lưng ông”, dùng chính lời lẽ của kẻ thù để đánh bại chúng. Hai từ *thế mà* đã chỉ rõ thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam chính là chúng đã giẫm đạp lên những lời bất hủ của cha ông chúng, làm vấy bẩn lá cờ nhân đạo và chính nghĩa mà cha ông chúng đã dựng nên.

+++ Từ việc trích dẫn Bác đã đi đến một lập luận sáng tạo: suy rộng ra *Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.* Như vậy từ quyền lợi của con người Bác đã nâng lên thành quyền lợi của dân tộc. Nghĩa là bản Tuyên ngôn của Việt Nam còn cao hơn cả hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mĩ.

+++ Cơ sở thực tế của bản Tuyên ngôn: Hồ Chí Minh đã nêu lên lí lẽ và lập luận hết sức thuyết phục về mặt pháp lý và thực tế nhằm bác bỏ luận điệu của bọn đế quốc thực dân. Để vạch trần luận điệu về công lao *khai hóa* của Pháp đối với Đông Dương, Bác đã nêu rõ *những hành động trái với nhân đạo và chính nghĩa* của chúng trong 80 năm thống trị nước ta về hai phương diện: chính trị và kinh tế.

Về chính trị: chúng lập ba chế độ khác nhau, lập nhà tù nhiều hơn trường học, chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước, ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân, chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế: chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu, chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, chúng bóc lột công nhân ta tàn nhẫn...

Cái tài của Hồ Chủ tịch là nghệ thuật lập luận: câu văn lập cấu trúc, phép điệp liên hoàn *chúng tuyệt đối... chúng thì hành... chúng lập ra... chúng tẩm các cuộc khởi nghĩa... chúng dùng thuốc phiện... chúng cướp không... tạo nên một liên hoàn lời, tố cáo mạnh mẽ, đánh*

thếp khiến chúng không thể chối cãi và trở tay không kịp. Mặt khác, Bác cũng khơi dậy tình đoàn kết hữu ái giai cấp.

- Luận điệu “báo hộ” của Pháp: Bác đã tố cáo tội ác của chúng trong 5 năm, bán nước ta hai lần cho Nhật. Như vậy chúng đã phản bội đồng minh, không đáp ứng liên minh cùng Việt Minh để chống Nhật, thậm chí thẳng tay giết tù chính trị. Đó là lời khai trừ dứt khoát cái sứ mệnh bịp bợm của thực dân Pháp đối với nước ta ngót gần một thế kỉ.

+ Người nêu cao niềm tự hào dân tộc:

++ Ta luôn đứng trên lập trường chính nghĩa. Nếu thực dân Pháp bóc lột tính cách đê hèn, tàn bạo thì nhân dân ta vẫn giữ thái độ khoan hồng và nhân đạo.

++ Nếu thực dân Pháp có tội phản bội Đồng minh, hai lần bán rế Đông Dương cho Nhật thì dân tộc Việt Nam đại diện Đồng minh đứng lên chống Nhật cứu nước và cuối cùng giành lại được chủ quyền.

+ Hồ Chí Minh phủ định chế độ thuộc địa của thực dân Pháp và khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc:

++ Phủ định dứt khoát, triệt để: *Tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.*

++ Bác đưa ra lời tuyên bố độc lập trước thế giới thể hiện lí lẽ đanh thép vững vàng về quyền dân tộc đồng thời thể hiện khát vọng tự do của toàn dân tộc. Điều đó được khẳng định qua giọng văn hùng hồn, mãnh liệt.

- Nghệ thuật:

+ Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.

+ Ngôn ngữ vừa chính xác vừa gợi cảm, giọng điệu linh hoạt.

3. Kết bài

- *Tuyên ngôn Độc lập* chính là một bản anh hùng ca thời đại Hồ Chí Minh, nó được viết bằng máu của hàng triệu người Việt Nam yêu nước đã hy sinh trong cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên cường ấy. Bản Tuyên ngôn có giá trị nhiều mặt: chấm dứt chế độ phong kiến, đánh đổ xiềng xích thực dân, xây dựng một nước Việt Nam mới, mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

ĐỀ SỐ 48**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Cừu Dolly (5 tháng 7 năm 1996 - 14 tháng 2 năm 2003) là động vật có vú đầu tiên được nhân bản vô tính trên thế giới. Nó được tạo ra bởi Ian Wilmut, Keith Campbell và các cộng sự tại Viện Roslin ở Edinburgh, Scotland.

Dolly là động vật nhân bản vô tính đầu tiên được tạo ra từ tế bào sinh dưỡng trưởng thành áp dụng phương pháp chuyển nhân. Việc tạo ra Dolly đã chứng tỏ rằng một tế bào được lấy từ những bộ phận cơ thể đặc biệt có thể tái tạo được cả một cơ thể hoàn chỉnh. Đặc biệt hơn, điều này chỉ ra, những tế bào soma đã biệt hóa và trưởng thành từ cơ thể động vật dưới một số điều kiện nhất định có thể chuyển thành những dạng toàn năng chưa biệt hóa và sau đó có thể phát triển thành những bộ phận của cơ thể con vật. Cái tên Dolly bắt nguồn từ việc nó được tạo ra từ tuyến vú của một con cừu cái. Với việc nhân giống vô tính thành công cừu Dolly đã đánh dấu một bước phát triển mới trong nền khoa học thế giới, đồng thời giải quyết các bí ẩn tự nhiên.

(Cừu Dolly, theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia tiếng Việt)

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ của văn bản trên là gì?

Câu 2: Chỉ ra các phép liên kết có trong đoạn văn trên.

Câu 3: Cừu Dolly là một động vật đặc biệt. Anh (chị) hãy chỉ ra những điểm đặc biệt của nó thông qua việc tìm hiểu đoạn trích trên.

Câu 4: Chỉ ra các thuật ngữ sinh học có trong đoạn trích trên.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bersot nói: *Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ.*

Ý kiến của anh/chị về câu nói trên? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Trong *Nét độc đáo của phong cách Nguyễn Minh Châu*, Ngọc Huy viết: “Viết về những người phụ nữ, những người đàn bà lam lũ khổ cực cả đời, Nguyễn Minh Châu không chỉ kiếm tìm, tôn vinh vẻ đẹp, phẩm chất người phụ nữ mà nhà văn còn lí giải cội nguồn vẻ đẹp ấy chính là lòng nhân hậu, đức hạnh, phẩm tiết bám sâu trong tâm hồn, tâm linh con người. Tuy vậy, để hiểu được con người thật khó, đối với phụ nữ càng khó hơn, đặc biệt đối với những người có hoàn cảnh phức tạp, không cho phép ta nhìn nhận hời hợt bên ngoài”.

Bằng việc phân tích nhân vật người đàn bà trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*, anh (chị) hãy chứng minh nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ khoa học.

Câu 2: Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích là:

- Phép lặp: lặp các từ như Dolly, con vật
- Phép thế: thay thế Dolly bằng từ “nó”.

Câu 3: Cừu Dolly thể hiện những điểm đặc biệt như sau:

- Nó là động vật có vú nhân bản vô tính đầu tiên trên thế giới.
- Nó thể hiện sự phát triển vượt bậc của khoa học thế giới, giải quyết được các bí ẩn trong tự nhiên.

Câu 4: Các từ ngữ sau là thuật ngữ của sinh học: *động vật có vú, nhân bản vô tính, tế bào, chuyển nhân, cơ thể, sona, biệt hóa, con vật, tuyến vú, nhân giống vô tính, khoa học thế giới, tự nhiên.*

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Khi so sánh giữa kỳ quan vũ trụ và trái tim người mẹ, Bersot đã muốn nhấn mạnh sự tuyệt vời, kỳ vĩ của tình mẹ. Câu nói là lời khẳng định tấm lòng của người mẹ là vĩ đại hơn, tuyệt vời hơn tất cả mọi kỳ quan mà thiên nhiên hay con người tạo ra.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao nói trái tim người mẹ là kỳ quan tuyệt vời nhất?

++ Trong suốt cuộc đời mình, người mẹ đã phải hy sinh rất nhiều để mang đến cho con những điều tốt đẹp nhất: mang nặng đẻ đau, chăm nuôi con khôn lớn, gần gũi chia sẻ những buồn vui với con, lo lắng, dõi theo con từng bước trong cuộc đời... Hy sinh cho con tất cả mà không hề tính toán...

++ Sống với trái tim người mẹ, con người được sống trong sự đùm bọc yêu thương vô bờ bến. Lòng mẹ là nơi con người xuất phát, cũng là nơi con người trở về. Đó là bến đỗ bình yên trong cuộc đời của mỗi con người. Được

sống trong tình yêu thương của mẹ là điều tuyệt vời nhất, là món quà vô giá mà tạo hóa ban tặng cho con người.

+ Trái tim của người mẹ không phải là một cái gì vô hình mà được thể hiện trong những điều nhỏ bé, bình dị, như ca từ của một bài hát “cơm con ăn tay mẹ nấu, nước con uống tay mẹ đun, trời nóng bức gió từ tay mẹ”. Tất cả những điều nhỏ bé đó đều xuất phát từ một lòng yêu thương vô điều kiện. Con cái cho dù mắc phải nhiều lỗi lầm nhưng đối với người mẹ, đó vẫn là nơi người mẹ dành cho trọn vẹn yêu thương và hy sinh.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Câu nói của Bersot là lời khẳng định và ngợi ca, tôn vinh sự cao đẹp của tình mẹ. Thức tình những người làm con nào còn vô tâm, bất hiếu với bậc sinh thành ra mình...

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn lại tình mẫu tử thiêng liêng từ chính cuộc sống riêng của mình, từ đó định hướng một lối sống đúng đắn, hợp đạo lí.

Câu 2 (5 điểm):

1. *Mở bài:*

- Nguyễn Minh Châu được coi là một trong những cây bút tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Ông quan niệm rằng “*thiên chức của nhà văn là suốt đời đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người*”. Nếu trước năm 1975, nhà văn đi tìm hạt ngọc ấy trong chất sử thi anh hùng thì sau năm 1975, nhà văn khám phá vẻ đẹp của hạt ngọc ấy trong những con người đời thường lam lũ nhọc nhằn.

- *Chiếc thuyền ngoài xa* là một trong những tác phẩm thể hiện rõ nhất phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu thời kì đổi mới. Đặc biệt là nhân vật người đàn bà hàng chài, tiêu biểu cho nhận định của Ngọc Huy: “...”.

2. *Thân bài:*

- *Khái quát:*

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* kể về tình huống của nghệ sĩ Phùng khi anh về chụp bức tranh cánh biển tại một bãi biển miền Trung. Tại đây anh phát hiện bức tranh thiên nhiên đẹp mà trong cuộc đời cầm máy ảnh anh chưa bao giờ được thấy. Nhưng đằng sau bức tranh đẹp ấy là cả một sự thật nghiệt ngã về cuộc sống một gia đình hàng chài. Cảnh người chồng vì đói nghèo thất học đã xem việc đánh vợ là phương thức giải tỏa những khổ đau cho mình. Rồi ở tòa án huyện anh đã chứng kiến câu chuyện đầy cảm động của người đàn bà hàng chài, giúp anh ngộ ra biết bao nhiêu điều về cách tiếp cận cuộc sống.

+ Nhân vật người đàn bà hàng chài đã chứng minh rằng không thể nhìn con người một cách hời hợt bên ngoài, rằng đằng sau cái lam lũ khổ cực của cuộc sống cơm áo gạo tiền là một tâm hồn, một phẩm chất đáng quý, đáng trân trọng. Nguyễn Minh Châu đã phát hiện ra tất cả những điều đó và thể hiện tấm lòng cảm thông, chia sẻ đối với nhân vật của mình.

- Nội dung:

+ Người đàn bà làng chài vô danh với ngoại hình xấu xí, thô kệch, toát ra sự lam lũ, mệt mỏi, cam chịu. Số phận éo le, bất hạnh, chị là nạn nhân của cái đói, cái nghèo và bạo lực gia đình:

++ Người đàn bà trạc tuổi bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Khuôn mặt khó coi: rõ mặt, khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Ở chị còn phơi lộ sự nghèo đói, nhếch nhác: tấm lưng áo bạc phếch, rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng.

++ Cuộc sống nghèo khổ, thuyền chạt con đông, vì túng quẫn, đói nghèo, lạc hậu, lão chồng của chị từ một anh con trai “hiền lành nhưng cục tính” đã trở thành một kẻ vũ phu. Hắn đã lấy phương pháp đánh vợ để giải tỏa những bế tắc của cuộc sống. Lão chồng đã hành hạ chị “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”.

- Trận đòn cay nghiệt ấy không có gì kì lạ nhưng kì lạ ở thái độ người đàn bà. Kì lạ thay, chị vẫn lặng im chịu đựng: “Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy”.

+ Câu chuyện người đàn bà ở tòa án huyện đã cho thấy *“để hiểu được con người thật khó, đối với phụ nữ càng khó hơn, đặc biệt đối với những người có hoàn cảnh phức tạp, không cho phép ta nhìn nhận hời hợt bên ngoài”,* từ đó *“tôn vinh vẻ đẹp, phẩm chất người phụ nữ, lí giải cội nguồn vẻ đẹp ấy chính là lòng nhân, đức hạnh, phẩm tiết bám sâu trong tâm hồn, tâm linh con người”*:

++ Ở tòa án huyện, lúc đầu chị xuất hiện bằng hình ảnh rụt rè. Chị tìm đến góc công đường để ngồi. Chị ngồi trong thế ngồi bị động, như một con thú xù lông để tự vệ mặc dù đã được Phùng và Đầu cảm thông, chia sẻ. Lúc đầu chị xưng hô *“con – quý tòa”*, sau khi lấy lại sự thăng bằng thì chị đột ngột chuyển đổi cách xưng hô: *“Chị – các chú”*. Nguyễn Minh Châu đã nhấn mạnh sự thay đổi ngôn ngữ và thân thế người đàn bà với ý nghĩa: Giờ đây chính chị là quan tòa đang phán xét Phùng và Đầu, dạy

cho Phùng và Đầu một bài học về cách nhìn đời, nhìn cuộc sống. Thật thế chẳng?

++ Chị là một người phụ nữ rất thấu hiểu lẽ đời lại giàu lòng nhân hậu, vị tha, chị sẵn sàng chấp nhận tất cả thua thiệt về mình:

+++ Chị chấp nhận phần thua thiệt về mình như một sự xám hối. Thuyền chạt con đông nên cuộc sống khôn khó, có lúc phải ăn xương rồng luộc chấm muối. Trong suốt câu chuyện dài dằng dặc của cuộc đời mình, tuy khó khăn nhưng người đàn bà không tỏ ra oán giận chồng, ngược lại còn bênh vực chồng, bởi với chị, chồng không xấu, bởi “trước kia là một anh con trai hiền lành nhưng cục tính”. Từ ngày lấy chị, chỉ vì cuộc sống cực khổ, vất vả nên lão chồng đã xem việc đánh vợ là một phương thức để giải tỏa những bí bách của cuộc đời. Như vậy, chị là người rất hiểu chồng, thương chồng. Thực ra, chồng chị là nạn nhân của sự đói nghèo thất học, hẳn vừa đáng thương lại vừa đáng giận. Đáng giận vì hắn gây biết bao đau đớn cho người thân, đáng thương vì hắn là nạn nhân của đói nghèo thất học. Đó là sự thấu hiểu, cảm thông với chồng.

+++ Hơn hai lần trong câu chuyện của mình ở tòa án huyện, người đàn bà nói: “Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được nhưng đừng bắt con phải bỏ hắn”. Đây là câu nói khiến Phùng và Đầu không chỉ ngạc nhiên mà còn vỡ lẽ ra rất nhiều điều. Người đàn bà ấy, chị xin chấp nhận mọi hình phạt của pháp luật, kể cả khung hình phạt cao nhất là bỏ tù, nhưng nhất định không chịu bỏ chồng. Bởi lão chồng ấy, đối với chị có hai cái ân: ân huệ và ân nhân. Chị nói với Phùng và Đầu: “Chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt. Nhưng các chú đâu có phải người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của người làm ăn lam lũ, khó nhọc... Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nỗi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông”. Hiểu được rằng Phùng và Đầu muốn mình không còn phải chịu những trận đòn roi nữa, nhưng sự sâu sắc và thấu hiểu lẽ đời của chị đã lý giải cho họ: “đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dựng một sấp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa”. Vậy nên nếu bỏ chồng, chị và các con không những mất đi chỗ dựa mà trong bão to và sóng dữ, thử hỏi nếu không có người đàn ông trên chiếc thuyền ấy thì số phận chiếc thuyền ấy sẽ ra sao? Cuộc sống của người đàn bà hàng chài và những đứa con của chị sẽ ra sao?

+ Vượt lên trên sự cay đắng và cơ cực ấy, tình mẫu tử của chị tỏa sáng, đó chính là đức hy sinh cao thượng của thiên chức làm mẹ:

++ Chị gồng mình lên để gánh chịu đòn roi của chồng là bởi vì những đứa con: “Đàn trên thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được!”. Chị hiểu rằng bất kì một cuộc hôn nhân nào tan vỡ thì những đứa con luôn là người gánh chịu nỗi đau. Một gia đình hạnh phúc là gia đình có đầy đủ thành viên dù đâu đó trong gia đình vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Vì thương con và để tránh sự tổn thương cho con nên chị đã bảo lão chồng có đánh thì đưa chị lên bờ mà đánh. Tình mẫu tử thiêng liêng, cao thượng đã chấp cánh cho chị đưa đàn con bay vút lên trên sự cơ cực, đói kém, nhọc nhằn, lam lũ. Chị chất chứa dành dụm từ những niềm vui nhỏ nhất “Vui nhất là được nhìn đàn con chúng tôi được ăn no” để khóa lấp những nỗi đau. Tấm lòng của người mẹ ấy thật đáng trân trọng biết bao.

- Đánh giá:

+ Qua nhân vật người đàn bà hàng chài, nhà văn muốn gửi tới người đọc thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

++ Người nghệ sĩ trước khi biết rung động trước cái đẹp, hãy là con người biết yêu ghét, vui buồn trước mọi lẽ thường, biết hành động để có được cuộc sống tốt đẹp,

bởi nghệ thuật luôn gắn liền với cuộc đời, nghệ thuật phải vì cuộc đời, đó là nghệ thuật “vị nhân sinh”.

++ Cuộc sống muôn hình muôn vẻ, nếu chỉ nhìn từ một phía thì sẽ đánh giá lệch lạc, phiến diện. Cần phải có cái nhìn đa diện, nhiều chiều để từ đó đưa nghệ thuật vươn tới chiều sâu nhân bản: “Nghệ thuật phải gắn liền với đạo đức”.

+ Nghệ thuật:

++ Tinh huống truyện mang tính khám phá, nhận thức, phát hiện đời sống.

++ Ngôn ngữ kể chuyện khách quan, giàu sức thuyết phục, mang đến cho người đọc nhiều bất ngờ thú vị, thương xót và cảm phục.

++ Nhân vật được đặt trong những tình huống khác nhau, thể hiện cái nhìn đa diện, sinh động.

3. Kết bài :

- Khẳng định nhận định của Ngọc Huy đúng với nhân vật người đàn bà hàng chài của Nguyễn Minh Châu.

- Qua hình tượng người đàn bà, tác giả chia sẻ, cảm thông với số phận của những con người lao động vô danh, lên án cái xấu, cái ác vẫn còn tồn tại trong gia đình và phát hiện, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của họ. Đồng thời ông cũng gửi gắm những quan niệm nghệ thuật của mình.

ĐỀ SỐ 49

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi chỉ quan-niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đấy. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa.

(Đi bộ ngao du, trích *Emin hay Về giáo dục*, Ru-xô, Pari, 1958)

Câu 1. Xác định ngôi kể và giá trị của nó trong việc biểu đạt nội dung chính của đoạn trích.

Câu 2. Phép liên kết của đoạn trích là những phép liên kết gì?

Câu 3. Phân tích ngắn gọn tư tưởng chủ đạo của đoạn trích.

Câu 4. Trong khoảng 5 – 7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của việc tạo lập thói quen tích cực đối với mỗi con người trong cuộc sống.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trước thảm họa, số phận con người đều như nhau.

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh /chị về vấn đề trách nhiệm của mỗi con người trước thảm họa.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh. Anh(chị) cảm nhận được gì về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1. Đoạn trích được viết ở ngôi thứ nhất, người kể xưng “tôi” và “ta”.

Giá trị của ngôi kể: Đoạn trích trở nên chân thực và đáng tin cậy hơn bởi người trải nghiệm là chính tác giả. Nhà văn như kể câu chuyện của mình, tâm sự một cách chân tình và mộc mạc như chia sẻ chính trải nghiệm của bản thân về việc được kể.

Câu 2. Đoạn trích được sử dụng hai phép liên kết chính:

- Phép lặp: Từ “ta” và “tôi” được lặp đi lặp lại trong đoạn trích để liên kết nội dung của đoạn trích là lời chia

sẻ và tâm sự về sở thích đi bộ và những trải nghiệm thú vị từ việc đi bộ ngao du của tác giả. Về cụ thể những lần lặp lại như sau:

Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi ưa thích,

tôi lưu lại đây. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa.

- Phép liên tưởng: Nhà văn sử dụng trường liên tưởng về thú đi bộ để liên kết nội dung đoạn trích nói về điều này. (học sinh tự chỉ ra)

Câu 3. Đoạn trích là sự thể nghiệm của nhà văn về thú đi bộ ngao du – một cách ngao du đầy phóng khoáng và tự do cho mỗi người. Đi bộ là cách mà con người được phép thoải mái dẽ và đi ở bất cứ nơi đâu mà ít phụ thuộc nhất: *Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông u, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm u, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động u, tôi đến tham quan; một mỏ đá u, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đây.* Đi bộ là cách để con người đến những địa điểm mình muốn mà không phụ thuộc vào bất cứ một yếu tố nào, chính vì thế đem lại cho mỗi người sự thoải mái, không câu nệ hay phụ thuộc. Tác giả khẳng định, nếu đi bộ thì *Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ.* điều đó có nghĩa là đi bộ là một cách thức ngao du đầy thú vị cho những ai yêu thích trải nghiệm. Nhà văn cũng nêu ra giả định trong trường hợp không thể đi bộ, con người vẫn có thể lựa chọn các hình thức ngao du khác: *Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa.* Đi bộ chính vì thế là một cách ngao du đầy thú vị đối với mỗi người.

Câu 4. Học sinh viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài, chú ý hướng đến vấn đề vai trò của việc lựa chọn thói quen tốt, nghĩa là vai trò của ý thức trong mỗi cá nhân trong việc hình thành một thói quen nào đó cho

mình. Không lan man, dài dòng về việc thói quen tốt có vai trò như thế nào.

Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích:* Ý cả câu: con người cần có ý thức trách nhiệm trước các thảm họa cuộc sống. Hiện nay thảm họa đang là mối đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của tất cả mọi người.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Thực trạng hiện nay:

++ Cuộc sống của con người đang phải đối mặt với nhiều thảm họa khác nhau: Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hạt nhân, tai nạn giao thông, khủng bố,...

++ Con người thường thờ ơ, chủ quan trước thảm họa. Họ thường cho rằng thảm họa chỉ xảy ra với người khác.

++ Con người thiếu ý thức trách nhiệm trước các thảm họa của nhân loại.

Dẫn chứng:

+ Nắng nóng kéo dài ở Ấn Độ vào cuối tháng 5 đã khiến hơn 2000 người thiệt mạng. Trong đó, 2 bang ở miền nam là Andhra Pradesh và Telangana gánh chịu nặng nề nhất với tổng cộng 1.979 trường hợp tử vong, bang miền đông Orissa có 17 người chết và 9 nạn nhân còn lại thuộc một số khu vực khác. Nhiệt độ ở nhiều khu vực của Ấn Độ trong hôm qua ở mức khoảng 45 độ C. Trước đó có một số nơi nóng gần 50 độ C.

+ Tại ba khu vực Nam, Đông Nam và Đông Á, trong năm 2012 đã xảy ra 83 thảm họa thiên tai khiến tổng cộng hơn 3.100 người thiệt mạng và gần 65 triệu người bị ảnh hưởng, với tổng số thiệt hại về vật chất là hơn 15 tỷ USD. Lũ lụt và bão tố vẫn là những mối đe dọa chính cho khu vực châu Á mà ví dụ mới nhất là siêu bão Bopha hoành hành ở Philippin làm hơn 500 người thiệt mạng. Siêu bão Soudelor hạ cấp xuống thành bão nhiệt đới, gây thiệt hại lớn nhất ở hai tỉnh Phúc Kiến và Chiết Giang của Trung Quốc, làm 8 người chết và gây lũ quét. Bão cũng khiến hơn một triệu người ở trong tình trạng mất điện, và giới chức cho biết 250.000 người đã phải sơ tán khỏi nhà...

+ Thảm họa kép động đất-sóng thần tại Nhật Bản hồi 11/3/2012 cùng với thảm họa nhân tạo từ nhà máy hạt nhân Fukushima khiến cả thế giới chấn động. Trận động đất 9 độ Richter kéo theo những con sóng thần cao từ 15-40 m tràn vào vùng ven biển đông bắc của Nhật Bản ngày 11/3/2011, để lại những cảnh tượng hoang tàn khắp khu vực này. Trận động đất và sóng thần cách đây gần một năm làm hư hại các lò phản ứng của nhà máy điện hạt nhân Fukushima I, dẫn tới thảm họa hạt nhân tồi tệ nhất thế giới...

+ Dịch bệnh Ebola (2014), Hội chứng hô hấp Mers (2015)... khiến hàng triệu người thiệt mạng. Sự kiện khủng bố 11/9 tại Mỹ khiến cả thế giới chấn động khi phải đối mặt với nguy cơ của nạn khủng bố...

+ Hậu quả có thể xảy ra:

++ Thảm họa có thể cướp đi tính mạng, tài sản của mỗi người. Cho dù hoàn cảnh khác nhau, địa vị khác nhau nhưng thảm họa có thể xảy ra với bất cứ ai.

++ Thảm họa ngày càng phổ biến, ngày càng nghiêm trọng và càng nguy hiểm hơn.

++ Thảm họa xảy ra có thể để lại những nỗi đau lâu dài. Từ những nỗi đau thể xác đến nỗi đau tinh thần. Nỗi đau có thể xảy ra với cả người thân của họ.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Con người đang phải đối mặt với nhiều thảm họa nghiêm trọng.

+ Con người cần có ý thức bảo vệ mình và bảo vệ người khác trước các thảm họa có thể xảy ra. Lên án, phê phán thái độ thờ ơ, chủ quan trước thảm họa. Cổ vũ, hướng ứng những phong trào bảo vệ cuộc sống của con người trước các thảm họa.

+ Thường xuyên học tập, trau dồi tri thức để có hiểu biết đầy đủ về nguy cơ thảm họa trong cuộc sống hiện nay.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Xuân Quỳnh (1942 – 1988) là một nhà thơ nữ xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ Xuân Quỳnh thể hiện một trái tim phụ nữ hồn hậu, chân thành, khao khát tình yêu, biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc đời thường, bình dị.

- *Sóng* là một bài thơ đặc sắc rất tiêu biểu cho phong cách thơ tình yêu của Xuân Quỳnh.

2. Thân bài:

- Khái quát:

+ Bài thơ *Sóng* được Xuân Quỳnh sáng tác tại biển Diêm Điền năm 1967, sau được in trong tập *Hoa dọc chiến hào*. Bài thơ mang âm hưởng của những con sóng biển và những con sóng lòng đang khao khát tình yêu.

+ Bài thơ có hai hình tượng cùng song hành và hòa điệu, đó là “sóng” và “em”, trong đó “sóng” là hình tượng trung tâm của bài thơ và là một hình tượng ẩn dụ. Cùng với hình tượng em, sóng thể hiện những trạng thái, quy luật riêng của tình yêu cùng vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ rất truyền thống mà vẫn ẩn chứa nét hiện đại.

- Phân tích:

+ Sóng có nhiều đối cực như tình yêu có nhiều cung bậc, trạng thái và như tâm hồn người phụ nữ có những mặt mâu thuẫn mà thống nhất:

++ Hình tượng sóng trước hết được gọi ra từ âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng của bài thơ với thể thơ năm chữ.

++ Hai câu thơ đầu với nghệ thuật đối: “*dữ dội*” – “*dịu êm*”, “*ồn ào*” – “*lặng lẽ*” đã làm hiện lên vẻ đẹp của những con sóng biển ngàn đời đối cực. Những lúc biển động, bão tố phong ba thì biển dữ dội, ồn ào. Sóng gió qua đi, biển lại trở lại dịu êm, lặng lẽ. Xuân Quỳnh đã mượn nhịp sóng để thể hiện nhịp lòng của chính mình trong một tâm trạng bùng cháy ngọn lửa mãnh liệt của tình yêu, không chịu yên định mà đầy biến động, khao khát.

+ Hành trình của sóng tìm đến biển khơi như hành trình của tình yêu hướng về cái vô biên, tuyệt đích, như tâm hồn người phụ nữ không chịu chấp nhận sự chật hẹp, tù túng:

++ Ba hình ảnh “sóng”, “sóng”, “bể” là những chi tiết bổ sung cho nhau: sóng và bể làm nên đời sóng, sóng chỉ thực sự có đời sống riêng khi ra với biển khơi menh mang thăm thẳm. Mạch sóng mạnh mẽ như bút phá không gian chật hẹp, khao khát một không gian bao la rộng lớn. Hành trình tìm ra tận bể chất chứa sức sống tiềm tàng, bền bỉ để vươn tới giá trị tuyệt đích của chính mình, Sóng không cam chịu cuộc sống đời sóng chật hẹp, tù túng nên nó bắt đầu hành trình ra biển khơi để thỏa sức vẫy vùng.

++ Tình yêu của Xuân Quỳnh cũng không thể đứng yên trong một tình yêu nhỏ hẹp mà phải vươn lên trên tất cả sự nhỏ hẹp tầm thường để được sống với những tình yêu cao cả, rộng lớn, bao dung.

+ Điểm khởi đầu bí ẩn của sóng giống điểm khởi đầu và sự màu nhiệm, khó nắm bắt của tình yêu:

++ Tình yêu là sóng, là gió, và qua sóng, gió ấy, nhà thơ đã nói lên thật dễ thương cái nhu cầu tự nhận thức, tự phân tích, lí giải nhưng lại không thể cắt nghĩa nổi của tình yêu. Người phụ nữ băn khoăn về khởi nguồn của tình yêu và bộc bạch một cách hồn nhiên, chân thành sự bất lực không lí giải được câu hỏi muôn đời ấy trong tình yêu.

++ Lí giải được cội nguồn của sóng thì dễ nhưng để hiểu “*gió bắt đầu từ đâu*” thì nhà thơ lại áp dụng “*em cũng không biết nữa*”. Đó như một cái lắc đầu nhẹ đầy băng khuâng. Nhưng cũng chính vì không thể lí giải rõ ngọn ngành nên tình yêu vì thế mà trở nên đẹp và là cái đích để cho muôn người đi tìm và khám phá.

+ Sóng luôn vận động như tình yêu gắn liền với những khao khát, trăn trở không yên, như người phụ nữ khi yêu luôn da diết nhớ nhung, cồn cào ước vọng về một tình yêu vững bền, chung thủy:

++ Tình yêu gắn liền với nỗi nhớ. Sóng và em đan quện vào nhau để thì thầm những nỗi niềm, những tâm tư. Hai câu thơ “*Con sóng... mặt nước*” với hình thức lặp cấu trúc quện hòa cùng nghệ thuật đối tạo nên sự điệp trùng của những con sóng với nhiều dạng thức khác nhau. Cũng như sóng, tâm hồn em cũng vô vàn những phức tạp khó hiểu. Lúc lặng lẽ, êm đềm, khi nồng nàn, dữ dội, nhưng thế nào đi nữa, em vẫn mãi là em, vẫn mãi ôm trong lòng một nỗi nhớ thương không dứt.

++ Sóng muôn đời vẫn thế, có bao giờ thôi vỗ, có khi nào chẳng cồn cào, có khi nào thôi ngừng hành trình đến với bờ dù muôn vời cách trở. Sóng chẳng còn là sóng nếu tĩnh yên, lặng lẽ. Nhưng dù lặng yên dưới lòng biển hay dữ dội trên mặt đại dương thì ngàn đời vẫn khao khát tìm về bến bờ tĩnh tại. Và nếu sóng nhớ bờ thì em nhớ anh. Nỗi nhớ không chỉ có mặt trong thời gian được ý thức mà còn gắn với tiềm thức – thời gian trong mơ.

++ Thế giới của em và anh không giới hạn chiều dài bắc – nam, bởi nỗi nhớ tình yêu luôn thường trực vĩnh viễn. Cách nói ngược “*xuôi bắc, ngược nam*” tương như là tình yêu đã làm cho con người bị đảo lộn phương hướng, nhưng chính nó lại khẳng định thêm rằng: có một phương mà em không thể nào lẫn lộn, không thể nào nguôi nhớ đó là phương anh. Thực ra, “*hướng về anh*” thì có thể thay đổi nhưng lời khẳng định chắc nịch “*một*

phương” thì nơi em hướng về là bất di bất dịch. Anh trở thành “*hệ quy chiếu*” của đời em.

++ “Ồ ngoài kia” như cánh tay đang chỉ về khơi xa nơi trăm ngàn con sóng ngày đêm không biết mệt mỏi đang vượt qua giới hạn không gian muôn vời cách trở để hướng vào bờ ôm ấp nỗi nhớ thương. Cũng như em muốn được gần anh, hòa nhịp với anh trong tình yêu. Tình yêu cầu người con gái thật mãnh liệt, nồng nàn. Sóng xa vời cách trở vẫn tìm được tới bờ, cũng như anh và em sẽ vượt qua mọi khó khăn để đến với nhau, để sống trong hạnh phúc trọn vẹn của lứa đôi. Lời thơ ít nhiều chứa đựng nỗi âu lo, nhưng thi nhân vẫn tin tưởng ở tấm lòng nhân hậu và tình yêu chân thành của mình sẽ vượt qua tất cả.

+ Sóng là hiện tượng thiên nhiên vĩnh cửu như tình yêu là khát vọng muôn đời của con người, của người phụ nữ muốn dâng hiến cả cuộc đời cho một tình yêu đích thực:

++ Yêu thương mãnh liệt nhưng cao thượng, vị tha. Nhân vật trữ tình khao khát hòa tình yêu con sóng nhỏ của mình vào biển lớn tình yêu – tình yêu bao la rộng lớn – để sống hết mình trong tình yêu, để tình yêu riêng hóa thân vĩnh viễn thành tình yêu muôn thuở. Đúng vậy, tình yêu chỉ có thể vĩnh hằng khi tình yêu đó hòa vào bể lớn của tình yêu nhân loại.

- Về đẹp tâm hồn người phụ nữ qua hình tượng sóng:

+ Trước hết, hình tượng sóng cho ta thấy những nét đẹp truyền thống của người phụ nữ trong tình yêu: thật đắm đắm, dịu dàng, thật hồn hậu, chung thủy.

+ Hình tượng sóng cũng thể hiện những nét đẹp hiện đại của người phụ nữ trong tình yêu: táo bạo, mãnh liệt, dám vượt qua mọi trở ngại để gìn giữ hạnh phúc, dù có pháp phông trước cái vô tận của thời gian, nhưng vẫn vững tin vào sức mạnh của tình yêu.

3. Kết bài :

- *Sóng* là bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung.

- Khẳng định phong cách nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh cũng như cách khai thác hình tượng mang sức chứa của ẩn dụ mới mẻ, độc đáo, có thể giải bày được tình yêu dịu dàng mà mãnh liệt, gần gũi, riêng tư mà rộng mở, phóng khoáng của người phụ nữ.

ĐỀ SỐ 50

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu.

*Tuổi thơ tôi trắng muốt cánh cò
con sáo mỏ vàng, con chào mào đỏ đít
con chim trà bán mũi tên xanh biếc
con chích choè đánh thức buổi ban mai*

*Tuổi thơ tôi cứ ngỡ mắt đi rồi
năm tháng trôi qua không bao giờ chảy lại
cái năm tháng mong manh mà vững chãi
con dẫu đất đai tươi rói mãi đây này*

*Người ở rừng mang vết vuốt vết cây
người mạn bẻ có chút sóng chút gió
người thành thị mang nét đường nét phố
như tôi mang dẫu ruộng dẫu vườn*

*Con dẫu chìm chạm trở ở trong xương
thời thơ ấu không thể nào đánh đổi
trọn kiếp người ta chập chờn nguồn cội
có một miền quê trong đi đứng nói cười”*

(Trích *Tuổi thơ* – Nguyễn Duy, *Ánh trăng*, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên. Nêu tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt đó.

Câu 2. Nêu chủ đề của đoạn thơ trên?

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ: “*Con dẫu chìm chạm trở ở trong xương*”. Tác dụng của biện pháp tu từ đó là gì?

Câu 4. Anh/ chị hãy nhận xét quan điểm của tác giả trong hai câu thơ: “*Trọn kiếp người ta chập chờn nguồn cội/ Có một miền quê trong đi đứng nói cười*”. Trả lời trong khoảng 5- 10 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau:

Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác nữa. (trích *Dám thành công*)

Câu 2 (5 điểm):

Trình bày cảm nhận của anh (chị) về số phận người phụ nữ trong hai đoạn trích sau :

“Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi....”

(Trích Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài)

“Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút con giạn như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả cũng không tìm cách trốn chạy”...

(Trích Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp biểu cảm.

Tác dụng: góp phần thể hiện đa dạng tâm trạng nhân vật trữ tình...

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ: kỉ niệm tuổi thơ...

Câu 3.

- Biện pháp tu từ trong câu thơ: “Con dẫu chìm chàm trở ở trong xương”: ẩn dụ (con dẫu-chìm trở)

- Tác dụng: Biện pháp ẩn dụ nhấn mạnh sức mạnh cội nguồn (kí ức tuổi thơ là một biểu hiện) luôn luôn hiện hữu trong mỗi con người, dù trải qua thời gian như thế nào cũng không thể biến mất.

Câu 4. Câu hỏi mở. Thí sinh tự do trình bày quan điểm của mình. Có thể đồng ý/ không đồng ý với ý kiến của tác giả. Tham khảo một số luận điểm dưới đây.

Ý kiến của tác giả trong hai câu thơ “Trợn kiếp người ta chập chờn nguồn cội/ Có một miền quê trong đi đứng nói cười” nhằm khẳng định sức mạnh cội nguồn, tầm ảnh hưởng của cội nguồn đối với mỗi con người. Những dấu vết của cội nguồn dù là nhỏ nhất cũng luôn hiện diện trong mỗi con người, qua cách đi đứng, nói năng... đó là những vết tích có trải qua năm tháng thăng trầm cũng chỉ mờ đi mà không thể biến mất... Cội nguồn là điều linh thiêng đối với mỗi chúng ta, nó nhắc nhở chúng ta rằng - chúng ta là ai? Chúng ta đến từ đâu...

Thí sinh có thể trình bày những quan điểm khác, nhưng diễn đạt phải rành mạch, hợp lí. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

268 | Hãy dùng sách chính hãng để được hưởng đầy đủ các quyền lợi của độc giả

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích

Câu nói đưa đến một thông điệp ý nghĩa: con người phải có niềm tin vào chính mình. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công. Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả.

- Phân tích, bình luận ý kiến

+ Vì sao đánh mất niềm tin vào bản thân là sẽ đánh mất nhiều thứ quý giá khác?

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc yếu mềm...

Làm thế nào để vượt qua những điều ấy? Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình. Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội... thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.

++ Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực

để vươn lên. Không có niềm tin vào chính mình, con người không thể thể hiện khả năng, khai thác hết mọi năng lực tiềm ẩn của mình. Không có niềm tin vào chính mình, con người cũng không thể thuyết phục người khác, làm người khác tin tưởng mình.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Niềm tin vào bản thân là yếu tố quan trọng để giúp con người vượt qua được những chông gai trước mắt. Ngay cả những lúc không còn gì, con người cũng không thể đánh mất niềm tin. Không tin tưởng vào chính bản thân thì con người cũng không thể tin tưởng được người khác và được người khác tin tưởng.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận đánh giá lại chính niềm tin vào bản thân của mình, từ đó đưa ra một định hướng sống đúng đắn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

Số phận của người phụ nữ là nguồn cảm hứng sáng tác dồi dào cho những nghệ sĩ có trái tim giàu trắc ẩn. Viết về người phụ nữ, văn học thế giới nói chung, văn học Việt Nam nói riêng có rất nhiều trang văn cảm động, khắc họa chân thực, sâu sắc. Tiếp nối nguồn cảm hứng ấy nhưng vẫn để lại dấu ấn riêng là một thử thách đối với nhiều cây bút, trong đó có Tô Hoài và Nguyễn Minh Châu. Sáng tác ở hai giai đoạn khác nhau của lịch sử, hướng tới những vấn đề, mảng tối khác nhau của bức tranh hiện thực nhưng cả hai nhà văn đều đã thành công trong việc xây dựng chân dung hai nhân vật nữ, mà đặc biệt là hoàn cảnh đáng thương, bi đát của họ. Hai tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* và *Chiếc thuyền ngoài xa* đã khẳng định tài năng sáng tạo của hai người nghệ sĩ, đồng thời cho người đọc những hình dung sắc nét về cuộc đời của người phụ nữ trong những bối cảnh xã hội khác nhau. Điều đó được thể hiện đậm nét qua hai đoạn trích:

“*Mị không nói. (...) đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi....*”

(Trích *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài)

“*Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, (...) không chống trả cũng không tìm cách trốn chạy*”...

(Trích *Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu)

2. Thân bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm:

+ Tô Hoài là nhà văn của chuyện đời thường. Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* sáng tác năm 1952, in trong tập *Truyện Tây Bắc* (1953), được tặng giải Nhất – giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. *Vợ chồng*

A Phủ là truyện ngắn đặc sắc có sức lôi cuốn, hấp dẫn thực sự bởi giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Nội dung truyện ngắn vợ chồng A Phủ kể về cuộc đời đầy biến cố của đôi vợ chồng trẻ người Mông ở vùng cao Tây Bắc dưới ách thống trị tàn bạo của bọn lang đạo chúa đất và thực dân Pháp. Một trong hai nhân vật trung tâm của tác phẩm là Mị. Mị là cô gái đẹp người đẹp nết, được nhiều chàng trai trong vùng đem lòng yêu mến. Lẽ ra Mị phải được sống trong tình yêu và hạnh phúc, thế nhưng chỉ vì món nợ không thể trả nổi của gia đình nên Mị bị bố con tên thống lí Pá Tra gian tham và tàn bạo bắt về làm “con dâu trừ nợ”. Từ cuộc đời của người con gái xinh đẹp mà bất hạnh này, nhà văn Tô Hoài đã phản ánh chân thực và sinh động kiếp sống đau thương, tủi nhục của người phụ nữ vùng cao thuở trước.

+ Nguyễn Minh Châu – người mở đường tinh anh và tài năng của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Những tác phẩm của ông để lại dấu ấn sâu sắc với người đọc, đặc biệt là tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa” viết vào những năm đầu thời kì đổi mới. Truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” thể hiện một bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người: một cách nhìn đa dạng nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật sau vẻ đẹp bên ngoài của hiện tượng. Đồng thời tác phẩm in đậm phong cách tự sự – triết lí của Nguyễn Minh Châu: với cách khắc họa nhân vật, xây dựng cốt truyện độc đáo và sáng tạo. *Chiếc thuyền ngoài xa* đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật người đàn bà hàng chài, một người phụ nữ lao động lam lũ, bất hạnh, trải đời và sáng đẹp tình yêu thương, đức hi sinh và lòng vị tha cao cả. Người phụ nữ bất hạnh ấy đã để lại cho người đọc một niềm cảm thông và trân trọng sâu sắc bởi những phẩm chất đáng quý của bà.

- Chỉ rõ và phân tích điểm tương đồng của đoạn trích:

+ Về nội dung: Cả hai đoạn trích đều cho thấy được số phận đầy đau khổ của người phụ nữ trong cảnh bạo hành gia đình mà thủ phạm không ai khác chính là những người chồng vũ phu.

++ Từ ngày bị bắt về làm vợ A Sừ, sống trong nhà thống lí Pá Tra, Mị đã rơi vào cảnh đọa đày của địa ngục trần gian. Tất cả những ước muốn chính đáng dù là nhỏ nhoi của Mị đều bị thằng chồng tàn bạo ngăn cấm và đập tắt một cách phũ phàng. Đêm xuân, Mị uống rượu, lòng bồi hồi nhớ tới những đêm xuân thêu còn con gái. Mị thả hồn về ngày trước. Tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường khiến Mị muốn đi chơi. Mị định thay váy áo đẹp để đi chơi. A Sừ đi đâu về, thấy thế liền bước

lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Những hành động của A Sử lạnh lùng: *A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đàng Mị vào cột nhà. A Sử quần luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi không nghiêng được đầu nữa; Trói xong vợ A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn đi ra, khép cửa buồng lại.* Hẳn để mặc Mị trong đau đớn, tủi hờn giữa bóng đêm đen mịt mùng. Đó là sự vô cảm đến rợn người của một con thú.

++ Hình ảnh người đàn ông đánh vợ hiện lên đầy hùng hổ, táo tợn và tàn nhẫn. Trong từng cơn giận lão trút xuống lưng người đàn bà ta nhận ra cái “giọng rên rỉ đau đớn” và câu nói đi kèm: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ”. Đó là những lời nói của kẻ khốn cùng, bị dồn đẩy đến tận cùng, muốn trút giận lên những người xung quanh. Hành động của người đàn ông làng chài cũng không kém phần vũ phu, tàn ác: *chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn.*

+ Về bút pháp: Cả hai đoạn trích đều sử dụng bút pháp tả thực với cách miêu tả tỉ mỉ, cụ thể vì thế mà sự tàn nhẫn của người chồng và nỗi đau của người vợ càng được khắc sâu, tô đậm. Cả hai tác giả đều tung ra một loạt các động từ, vừa ghi lại diễn biến của hàng loạt các hành động liên tiếp diễn ra trong chớp nhoáng, vừa khắc họa cái tàn nhẫn trong những hành động ấy.

- Chỉ ra và phân tích điểm khác biệt trong đoạn văn:

+ Ngôi kể, điểm nhìn trần thuật:

++ Đoạn trích thứ nhất được kể ở ngôi thứ 3, người kể không xuất hiện trực tiếp nhưng là người thấy hết, biết hết mọi chuyện và kể lại. Tô Hoài trần thuật lại diễn biến mọi hành động của A Sử một cách khách quan, chân thực.

++ Đoạn 2 được kể qua nhân vật Phùng, sự hoá thân của tác giả. Cách chọn ngôi kể ở đoạn 2 đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống, lời kể trở nên giàu sức thuyết phục. Dưới con mắt của người trong cuộc, Nguyễn Minh Châu vừa miêu tả chi tiết, tỉ mỉ các diễn biến, đồng thời vừa thể hiện được cảm xúc của mình. Điều này đặc biệt được thể hiện qua các gọi tên nhân vật: *lão đàn ông, lão.*

+ Hoàn cảnh, hành động và tính cách của các nhân vật:

++ Cả hai người đàn ông trong hai đoạn trích đều hiện lên với hành động đánh vợ một cách dã man nhưng hành động của A Sử thân nhiên, lạnh lùng, dửng dưng, cho thấy mối quan hệ giữa hắn và Mị không phải là quan hệ vợ chồng mà là quan hệ giữa kẻ bóc lột và kẻ bị bóc lột. Người đàn ông trong đoạn trích thứ 2 vừa đánh vợ vừa rên rỉ đau đớn. Gã đánh vợ là vì muốn giải toả mọi uất ức, khổ đau, bế tắc trong cuộc sống của một gia đình làng chài đông con, nghèo khó. Gã vừa là thủ phạm mang lại đau khổ cho vợ nhưng cũng vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, bấp bênh.

++ Trong hai đoạn trích ta còn thấy hai người phụ nữ cùng là nạn nhân của bạo lực gia đình và cả hai đều không phản kháng khi bị đánh nhưng Mị không phản kháng vì Mị dường như không biết mình bị trói. Mị đang sống trong quá khứ, trong ảo giác, đang để tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi. Còn người đàn bà hàng chài không phản kháng vì bà ta hiểu chồng và muốn giúp chồng giải toả những uất ức, khổ đau.

+ Câu văn:

++ Ở đoạn 1 những câu văn miêu tả hành động vũ phu của A Sử phần nhiều là câu văn ngắn, chỉ thuần túy miêu tả hành động nên qua lời văn đó tác giả đã làm toát lên sự lạnh lùng, vô cảm của A Sử: *A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đàng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quần luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn đi ra, khép cửa buồng lại.*

++ Đoạn 2 chủ yếu là câu văn dài vừa miêu tả hành động vừa miêu tả thái độ của gã chồng. Gã đánh vợ như để trút bỏ bi kịch của cuộc sống: *Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự, ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”*

+ Giá trị tư tưởng:

++ Đoạn 1 phản ánh chân thực số phận bi thảm của người dân nghèo miền núi đặc biệt là người phụ nữ trước Cách mạng tháng Tám. Trong xã hội phong kiến thực dân trước đây, người phụ nữ bị rẻ rúng, coi thường, bị

tức đoạt quyền sống, quyền tự do. Những ràng buộc bất công, phi lí đã kìm hãm phụ nữ về mọi mặt. Họ hầu như bị lệ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông. Không gian sống của người phụ nữ xưa chỉ quanh quẩn trong phạm vi gia đình với công việc nội trợ, chăm sóc chồng con; vì thế mà họ không thể phát huy được những khả năng tiềm ẩn của mình để đóng góp cho xã hội.

++ Đoạn 2 ngoài việc miêu tả chân thực cuộc sống của những người dân hàng chài, Nguyễn Minh Châu còn đặt ra vấn đề nhìn nhận con người: cần có một cái nhìn toàn diện, đa chiều để thấy trong những cái đáng lên án vẫn có những điều đáng cảm thông. Đằng sau hành động đánh vợ của gã đàn ông là nỗi đau đớn, uất ức, hận mình, hận đời, hận cho số kiếp nghèo khổ của mình. Đằng sau thái độ cam chịu của người đàn bà là đức hi sinh, tình thương con và sự thấu hiểu lẽ đời sâu sắc. Đồng thời nhà văn cũng muốn nói tới một cuộc chiến không kém phần khốc liệt so với hai cuộc chiến vừa qua. Đó là cuộc chiến giữ gìn thiên lương, nhân phẩm của con người trong cuộc sống mưu sinh đời thường. Khi con người còn chưa thoát khỏi cảnh nghèo khổ, khốn khó nghĩa là vẫn phải sống chung với cái ác cái xấu, thậm chí sẽ bị biến thành cái ác, cái xấu.

- Lý giải sự giống và khác nhau:

+ Giống nhau: Với sự am hiểu đời sống, gắn bó với số phận con người cùng với tấm lòng nhân đạo cao cả đã

đem đến sự gặp gỡ chung trong trang viết của hai nhà văn.

+ Khác nhau: Văn chương là sự nhận thức đồng thời là tiếng nói thể hiện tình cảm, thái độ của cá nhân người nghệ sĩ trước cuộc đời vì thế đòi hỏi tác giả phải tạo được dấu ấn riêng cho mình trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết, phải “*Khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có*”. Đó là cá tính sáng tạo mà thiếu nó thì không có nghệ thuật. Hơn nữa hoàn cảnh ra đời và thời đại khác nhau cũng chi phối tới cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ, cách viết khác nhau của hai nhà văn. *Vợ chồng A Phủ* được viết năm 1953 sau chuyến đi thực tế kéo dài 8 tháng của Tô Hoài ở vùng đất Tây Bắc. Còn tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* được viết sau năm 1975 gắn liền với một nền văn học đổi mới...

- Đánh giá chung: đây đều là những đoạn văn xuất sắc, mang đậm tinh thần hiện thực, tài năng và tấm lòng của hai nhà văn.

3. Kết bài :

Hai đoạn trích, nằm trong hai tác phẩm khác nhau nhưng cùng có một tiếng nói chung: tiếng nói cảm thương trước số phận con người, mà đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội cũ. Với những tác phẩm như thế, thời gian đã minh chứng cho giá trị và sức trường tồn của nó. Người đọc nhiều thế hệ vẫn tìm đến những tác phẩm như vậy, để không chỉ hiểu về một giai đoạn mà còn hiểu hơn về cuộc đời người phụ nữ.

ĐỀ SỐ 51

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

... Hạt gạo làng ta
 Có bão tháng Bảy
 Có mưa tháng Ba
 Giọt mồ hôi sa
 Những trưa tháng Sáu
 Nước như ai nấu
 Chết cả cá cờ
 Cua ngoi lên bờ
 Mẹ em xuống cấy...

(Trích *Hạt gạo làng ta* – Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Nêu hình ảnh đối lập được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 2. Qua đoạn thơ, tác giả muốn khẳng định những giá trị gì của “hạt gạo làng ta”?

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả biểu đạt của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ*.

Câu 4. Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng trình bày suy nghĩ của anh/chị về thái độ cần có của mỗi người với những sản phẩm lao động giống như “hạt gạo” được nhắc đến trong đoạn thơ trên.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về tầm quan trọng của quá khứ được thể hiện qua nhận định sau:

Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục, tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.

Câu 2 (5 điểm): Nêu cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và hình tượng Lorca trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca* của Thanh Thảo.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Hình ảnh đối lập:

Cua ngoi lên bờ - Mẹ em xuống cấy

Câu 2. Qua đoạn thơ, tác giả muốn khẳng định hạt gạo là sự kết tinh của cả công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất. Vì thế, nó mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.

Câu 3. Phép tu từ so sánh: *Nước như ai nấu*.

Hiệu quả: làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước – mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân.

Câu 4. HS có thể có những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần bày tỏ được thái độ tích cực: nâng niu, trân trọng

những sản phẩm lao động; biết ơn và quý trọng những người đã làm ra những sản phẩm ấy.

Trình bày được quan điểm cá nhân hợp lí, thuyết phục

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính

tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:*

+ *Bắn vào quá khứ bằng súng lục* là hành động gạt

bỏ những gì thuộc về quá khứ, quay lưng, thờ ơ, ghê lạnh

với quá khứ... *Tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác* là

mệnh đề kết quả chỉ những hậu quả phải gánh chịu khi có thái độ, hành vi quay lưng lại với quá khứ...

+ Bằng cách nói hình ảnh, tác giả muốn gửi gắm cho chúng ta một bài học nhân sinh vô cùng ý nghĩa về thái độ, cách ứng xử ở đời. Quá khứ cho ta những bài học từ sai lầm hay những kỷ niệm khó quên mà không gì có thể mua được, nếu ta không biết nâng niu, trân trọng nó, thay vào đó là những hành vi quay lưng, phủ nhận, gạt bỏ, ... cuộc đời sẽ cho ta một tương lai không hề tốt đẹp...

- *Phân tích, giải nghĩa câu nói:*

+ Tại sao lại khẳng định quay lưng lại với quá khứ thì con người phải trả giá đắt cho tương lai?

++ Cuộc đời con người là một cuộc hành trình dài khám phá bản thân mình, trong suốt cuộc hành trình đó con người không tránh khỏi những sai lầm, thậm chí những sai lầm phải trả giá rất đắt. Sai lầm có thể hiện hữu ở mọi lúc, mọi nơi, ở tương lai, hiện tại và đặc biệt là quá khứ. Tuy nhiên, những sai lầm từ quá khứ là một bài học có lẽ không giá trị vật chất nào mua được, bởi vì nó mang đến cho chúng ta những bài học thấm thía. Từ đó, gạt bỏ quá khứ cũng chính là gạt bỏ những bài học vô giá từ sai lầm trong quá khứ của chúng ta sẽ sống hời hợt, thiếu kinh nghiệm, và tương lai sẽ lại khiến ta vấp ngã những lần tương tự như trong quá khứ...

++ Bên cạnh những vấp ngã trong quá khứ, ai sống trên đời cũng từng trải qua những kỷ niệm đẹp, những năm tháng không thể nào quên.

+ Gạt bỏ, thờ ơ với quá khứ cũng chính là gạt bỏ chính mình. Mỗi con người có mặt trên đời không phải từ hiện tại, cũng không phải từ tương lai, mà quá khứ đã đem ta đến giây phút hiện tại này.

+ Nâng niu, trân trọng quá khứ là một lối sống đẹp, thể hiện con người biết sống. Nhưng người sống đẹp còn phải biết chắt lọc bài học từ trong quá khứ, rút ra những gì nên làm và không nên làm cho bản thân, không mù quáng mà níu kéo quá khứ mãi mãi để rồi mất đi hiện tại, tương lai, và khi đó, cuộc sống càng trở nên u tối hơn...

- *Bình luận, liên hệ bản thân*

+ Câu nói đã chạm đến một bài học nhân sinh vô cùng sâu sắc, hoàn thiện nhân cách mỗi con người: biết nâng niu, gìn giữ quá khứ, cuộc sống sẽ mỉm cười với ta hơn. Ngược lại, chà đạp, vấy bẩn quá khứ để sống sẽ dẫn đến những bài học đê đờ.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận lại thái độ đối với quá khứ của chính mình, từ đó định hướng một lối sống đúng đắn.

Câu 2 (5 điểm)

1. Mở bài:

Mỗi một giai đoạn sáng tác lại sản sinh ra những tên tuổi, những người nghệ sĩ tiêu biểu. Quang Dũng và Thanh Thảo đều là những cây bút nổi bật trong giai đoạn sáng tác của mình. Quang Dũng được biết đến với những trang thơ hào hoa giữa thời kì văn học chống Pháp, Thanh Thảo lại nổi tiếng với những câu thơ đậm tràn đầy tinh thần yêu nước của những người lính giai đoạn chống Mỹ và sau này những câu thơ mang màu sắc siêu thực ở thời kì đổi mới. Sáng tác ở hai giai đoạn khác nhau nhưng cả hai nhà thơ đều gặp nhau trong việc xây dựng và khắc họa những hình tượng nghệ thuật bi tráng. Hình tượng người lính trong *Tây Tiến* và hình tượng Lorca trong *Đàn ghi-ta của Lorca* là hai hình tượng như vậy.

2. Thân bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm:

+ Quang Dũng là hồn thơ trung hậu, hào hoa thanh lịch, yêu tha thiết quê hương đất nước. Tác giả có khuynh hướng khai thác vẻ đẹp lãng mạn anh hùng. Bài thơ *Tây Tiến* được viết cuối năm 1948, cảm hứng được gợi lên khi nhà thơ đổi sang địa bàn khác để hoạt động và nhớ về những đồng đội cũ của mình, bài thơ được in trong tập *Mây đầu ô* ban đầu có tên là *Nhớ Tây Tiến*, về sau đổi thành *Tây Tiến*.

+ Thanh Thảo là gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ thời chống Mỹ, có nhiều nỗ lực cách tân thơ sau năm 1975. *Đàn ghi ta của Lorca* rút từ tập thơ *Khối vuông Ru-bích* (1985) là thi phẩm tiêu biểu của Thanh Thảo. Bài thơ là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo đối với người nghệ sĩ Tây Ban Nha Garxia Lorca.

+ Giới thuyết: bi là buồn, bi ai – tráng là hào hùng, hùng tráng. Chất bi tráng hoà quyện vào nhau. Cái bi là sự gian khổ, hi sinh nhưng không lụy. Cái bi được thể hiện bằng một giọng điệu hào hùng, màu sắc tráng lệ.

- Chi rõ và phân tích điểm tương đồng trong vẻ đẹp bi tráng của hai hình tượng trong hai tác phẩm:

+ Đầu là những hình tượng được sáng tạo bởi những người trí thức - nghệ sĩ đa tài.

+ Người lính Tây Tiến và Lorca là những con người có tài năng, phóng khoáng, yêu tự do, anh dũng đấu tranh cho tự do và sẵn sàng hi sinh cho những lí tưởng cao đẹp.

+ Đầu có tình yêu quê hương đất nước sâu sắc, có trái tim nhạy cảm, yêu đời với những nỗi nhớ đa diết nồng nàn.

+ Cái chết của người lính Tây Tiến và Lorca đều mang vẻ đẹp bi tráng, hào hùng vượt lên trên hiện thực

khốc liệt, bi thảm. Cuộc đời và vẻ đẹp tâm hồn của họ có sức sống bất tử với đất trời và trong lòng người.

- Chỉ ra và phân tích điểm khác biệt trong vẻ đẹp bi tráng của hai hình tượng trong hai tác phẩm:

+ Người lính Tây Tiến

++ Bằng bút pháp lãng mạn, Quang Dũng đã dựng lên chân dung người lính được đặt trong khung cảnh miền Tây vừa hoang sơ dữ dội, lại vừa hết sức thơ mộng. Ngôi bút của nhà thơ chú trọng đến những nét độc đáo khác thường làm nổi bật vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.

++ Vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người lính được đặc tả trên các phương diện:

+++ Vẻ đẹp bi tráng ở chân dung của người lính qua bức tượng đài tập thể. Cảm hứng lãng mạn khiến cách nhìn những người lính có vẻ tiêu tụy tàn tạ trong hình hài nhưng lại chói ngời vẻ đẹp lí tưởng, mang dáng dấp của những tráng sĩ thuở xưa. Đó là ý chí, tư thế hiên ngang vượt lên, coi thường gian khổ, hi sinh. Cuộc hành quân ấy còn nhiều gian nan và chính những gian nan ấy đã làm nên vẻ đẹp bi tráng của những anh hùng tây tiến:

*Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*

Những câu thơ ấy đã mang đến những hình ảnh của cuộc hành quân gian khổ của Tây Tiến. những câu thơ với mật độ thanh trắc dày đặc đã cho thấy được sự trúc trắc trong chính đường đi của đoàn quân. Nó như lột tả hết những độ cao sâu thăm thẳm mà những đoàn quân tây tiến kia phải vượt qua. Dẫu có xuống nơi vực sâu thăm thẳm hay đến những núi cao tưởng như ngọn súng chạm đến tầng mây kia thể hiện một vẻ đẹp hiên ngang của người lính tây tiến. Những độ cao, độ sâu ấy được tính bằng ngàn thước. Mục đích của nó nhằm nhấn mạnh vào những gian khổ mà đoàn quân phải vượt qua. Đến câu thơ cuối thì một dòng toàn thanh bằng lại được xuất hiện như bù lại cho những câu thơ mang nhiều thanh trắc. Sự bằng ấy mang đến cho chúng ta một cảm giác thật sự yên bình.

Tây Tiến hiện lên khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, kì vĩ với đủ cả núi cao, vực thẳm, dốc đứng, thác gầm cùng cồn mây heo hút, dòng lũ hoa trôi với khói lên, sương lấp, mưa xa khơi... Trên cái nền thiên nhiên kì vĩ, dữ dội ấy, nổi bật lên hình ảnh đoàn quân Tây Tiến “nhỏ bé” như bị ngập hút đi. Nhưng chính sự đối chọi, tương phản đó càng tăng thêm khí phách anh hùng của đoàn quân Cách mạng, mà kẻ thù, cũng như gian khổ không

thể khuất phục nổi. Hình ảnh những người lính qua nét vẽ của Quang Dũng thật khác thường. Khác thường ở sự gian khổ cùng cực: ăn đói, mặc rét, bệnh tật, sốt rét đến xanh da, trụi tóc. Khác thường ở chỗ tác giả cố ý không miêu tả một gương mặt chiến sĩ riêng biệt với tên tuổi cụ thể nào, ông đã dồn các phẩm chất tốt đẹp của những tráng sĩ Tây Tiến thành gương mặt chung của cả một đoàn quân.

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm
 Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

Ta có thể hiểu, đây là hình ảnh khá chân thật về diện mạo bên ngoài người lính mũ cài lá ngụy trang, thân thể xanh xao vì sốt rét. Nhưng cảm hứng ở đây lại tràn đầy một nỗi niềm thân quen. Từ thân quen mà thấy cái anh hùng của họ. Câu thơ tạo nên hình ảnh đối lập, bề ngoài thì xanh như lá, thiếu sức sống, nhưng bên trong người chiến sĩ thể hiện một phong độ anh hùng, oai như hùm nơi “rừng thiêng nước độc”. Câu thơ “Quân xanh màu lá dữ oai hùm” đã gọi được dũng khí của người chiến binh thuở ấy. Nó mang cái dáng dấp kiêu hùng của người coi thường gian khổ. Hi sinh để giữ cái thể hiên ngang của đoàn quân Tây Tiến. Với bút pháp lãng mạn và cảm hứng say nồng, Quang Dũng đã dựng nên cái tương phản trong hình ảnh để rồi hòa hợp với tâm hồn làm cho ta thấu hiểu và cảm thông, tìm thấy ở đây một hình ảnh đẹp. Quang Dũng không hề che giấu sự gian khổ, khó khăn trên những chặng đường hành quân, những căn bệnh hiểm nghèo và cả những hi sinh của người lính.

+++ Những câu thơ khẳng định mạnh mẽ khí phách của tuổi trẻ, không chỉ tự nguyện chấp nhận mà còn vượt lên cái chết, sẵn sàng hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho nghĩa lớn của dân tộc. Đó là dũng khí tinh thần và hành động cao đẹp của người lính Tây Tiến. Tư thế ra trận, lý tưởng lên đường hào hùng mà bi tráng.

Nhà thơ đã nhìn thẳng vào những tồn thất, hi sinh để viết những câu thơ:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

Câu thơ có cái gì xót xa gọi niềm cảm thương trong lòng người đọc. Miền đất biên ải xa xôi đã yên nghỉ bao cuộc đời người lính. Nơi đó có chút gì hoang vắng ghê rợn trước những nấm mồ viễn xứ. Nhưng rồi sau đó cảm hứng thơ lại bùng lên những suy nghĩ thật hào hùng *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*, thể hiện một sự quên mình của lớp trẻ thanh niên đầy nghĩa khí. Phương

châm sòng của họ cao đẹp mà giản dị. Thời ấy không ít thơ viết về người chiến sĩ, nhưng chỉ có *Tây Tiến* của Quang Dũng mạnh dạn nói đến cái chết. Cái chết tạo nên vinh quang của tuổi xanh thâm lặng mà cao cả hiển mình cho dân tộc.

+++ Tuy nhiên, những người lính không hề chìm trong bi thương, bi lụy. Bài thơ viết về sự hi sinh của người lính một cách thấm thía bằng cảm hứng bi tráng. Cái chết gợi lên sự bi thương (hình ảnh những năm mờ viễn xứ). Viết về chiến tranh, nhưng cả bài thơ không có một chữ nào về trận đánh, về tiếng súng, về máu đỏ hay về kẻ thù. Người đọc vẫn hình dung rất rõ gương mặt và không khí của chiến tranh. Điều lạ lùng là bài thơ có ba lần nói đến cái chết của người chiến sĩ trong các trường hợp khác nhau, nhưng không một lần nhà thơ nhắc tới từ “chết” hoặc “hi sinh”. Nhà thơ đã thay thế từ “chết” bằng các cụm từ giản dị *về đất, bỏ quên đời, hồn về...* Đến đoạn thơ cuối lí tưởng cách mạng và tuổi trẻ đã truyền cho các chàng trai Tây Tiến chất anh hùng ngang tàng và cả chất men say lãng mạn đáng yêu. Ngay cả khi họ chết cũng phảng phất về nghệ sĩ - tài tử, cái đẹp bi tráng chứ không bi lụy.

Đề tiến người lính Tây Tiến hi sinh, Quang Dũng không cần đến một lời ngợi ca sáo mòn nào, cũng không cần đến một giọt nước mắt... Ông chỉ để cho trời đất chứng giám, thu nhận thể xác và linh hồn người lính vào lòng: *Sông Mã gầm lên khúc độc hành* tiếc thương đưa người lính Tây Tiến vào cõi bất tử. Bởi vì, kể từ đây khúc độc hành tiếc thương đưa người lính Tây Tiến vào cõi bất tử. Bởi vì, kể từ đây hồn các anh đã hòa quyện vào cỏ cây, sông núi để trở thành “hồn thiêng đất nước”.

+++ Bút pháp miêu tả: lãng mạn kết hợp với bi tráng, nghệ thuật tương phản, phối hợp thanh điệu, tiết tấu...

+ Hình tượng Lorca

++ Thanh Thảo đã khắc họa thành công bối cảnh văn hóa, chính trị, xã hội đa sắc màu của Tây Ban Nha. Đây là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và hình thành nên tài năng của Lorca. Đó cũng là thời đại đầy dữ dội để xuất hiện một thiên tài.

++ Về đẹp bi tráng của hình tượng Lorca được đặc tả trên các phương diện:

+++ Tây Ban Nha như một đấu trường khổng lồ. Đó là cuộc đấu quyết tử giữa một bên là khát vọng dân chủ của người chiến sĩ Lorca và nền chính trị độc tài thân Phát xít; giữa người nghệ sĩ mang khát vọng cách tân nghệ thuật với sự bảo thủ của nền nghệ thuật già nua. Vì thế, áo choàng đỏ gắt vừa gợi được khí chất ngang tàng

của người nghệ sĩ yêu tự do, vừa gợi được tính chất quyết liệt trong cuộc đấu tranh giữa ánh sáng – bóng tối, chính – tà, cũ – mới trong nền chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha thời đó.

những tiếng đàn bọt nước

Tây-Ban-Nha áo choàng đỏ gắt

li-la li-la li-la

đi lang thang về miền đơn độc

với vàng trắng chênh choáng

trên yên ngựa mời mơn

Không phải ngẫu nhiên mà Thanh Thảo lại chọn hình tượng đàn ghi ta gắn với giây phút cuối cùng của F.G.Lorca. Bởi lẽ người chiến sĩ này đã dùng tiếng ghi ta cất lên lời ca tranh đấu chống lại chủ nghĩa phát xít. Đàn ghi ta là tâm hồn Lorca, là khí phách kiên cường của những người chiến sĩ yêu tự do hòa nhịp trái tim mình với quần chúng nhân dân. Bởi vậy, nỗi xúc động của Thanh Thảo làm nên cảm hứng của bài thơ cũng bắt đầu từ câu thơ của Lorca: “*Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta*”.

+++ Hình ảnh vàng trắng, yên ngựa, những trạng thái của người thi sĩ: chênh choáng, mời mơn khắc họa bức chân dung Lorca người nghệ sĩ lãng tử, lãng du đang ngây ngất say đời, say nghệ thuật, say thơ, say lý tưởng. Tuy vậy, những cụm từ *miền đơn độc, mời mơn* lại gợi ra một hình ảnh khác của Lorca. Xét ở góc độ nào, trong sáng tạo nghệ thuật cũng như trong tranh đấu Lorca đều đơn độc.

+++ Cái chết bi tráng: Giây phút bi phẫn nhất của Lorca đó là khi ông bị bọn phát xít Phrăng-cô giết, ném xác xuống giếng để phi tang. Báo chí Tây Ban Nha nói vụ giết Lorca vẫn là một trong những vết thương chưa lành ở Tây Ban Nha. Tây Ban Nha trở nên kinh hoàng khi nghe tin Lorca bị giết hại. Từ *Tây Ba Nha - hát nghêu ngao đến bóng kinh hoàng* là một sự đổ vỡ ghê gớm. Tội ác của các thế lực tàn bạo là kẻ thù đối nghịch của cái đẹp gây nên nỗi kinh hoàng trong lòng người. Hình ảnh Lorca bị hành hình được diễn tả qua nghệ thuật hoán dụ: *áo choàng bê bê đỏ, đi về bãi bắn* được miêu tả trong tâm thế *như người mộng du*. Lorca đã chết một cách nghệ sĩ, chấp chớn bước vào cõi tử coi thường mọi đau đớn:

Tây-Ban-Nha

hát nghêu ngao

bóng kinh hoàng

áo choàng bê bê đỏ

Lorca bị điệu về bãi bắn

*chàng đi như người mộng du
tiếng ghi-ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi-ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi-ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi-ta ròng ròng
máu chảy*

+++ Cái chết của Lorca gắn với tiếng đàn ghita. Thanh Thảo miêu tả tiếng đàn trên hai bình diện: âm thanh và màu sắc. Bằng những hình ảnh thơ mang phong cách tượng trưng siêu thực được viết với nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Dưới bút thơ tài hoa của Thanh Thảo, tiếng đàn ghita đã vỡ ra thành hình, thành sắc để phục sinh cái chết oan khuất của Lorca. Thanh Thảo đã thể hiện nỗi đau với “những vết thương bốc cháy như mặt trời”.

+++ Tuy nhiên, Lorca không hề chìm trong bi thương, bi lụy. Bài thơ viết về sự hi sinh của Lorca một cách thấm thía bằng cảm hứng bi tráng. Cái chết hợp trời đất và lòng người nên thiêng liêng và bất tử:

*không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng*

So sánh âm thanh tiếng đàn - vô hình với cỏ - hữu hình, đó là một điều đặc biệt. Hình ảnh thơ biểu trưng cho sự bất diệt của người nghệ sĩ và nghệ thuật chân chính. Lorca ra đi nhưng nghệ thuật, vẻ đẹp tâm hồn của ông sẽ sống mãi kiên cường. Hình ảnh *vầng trăng long lanh trong đáy giếng* là lời khẳng định cho vẻ đẹp đầy

nhân tính, bất diệt của thơ và người Lorca sẽ tỏa sáng đến muôn đời, bất chấp sự hủy diệt tàn bạo của các thế lực tàn ác. Thi sĩ đã đi vào cõi từ bằng chiếc ghi ta mang vẻ đẹp của nghệ thuật cách tân, của khát vọng tự do. Chiếc thuyền ghi ta có màu bạc là màu của sự trong trắng, ngay thẳng không chịu quỳ gối trước bất công tàn bạo. Hình ảnh thơ mang vẻ đẹp thần thoại. Điệp âm *li la* gợi hình ảnh những bông hoa Từ đình hương liên tiếp xoay nở như một cách khẳng định đầy tin tưởng về sự sống bất diệt, vĩnh hằng của Lorca. Từ cuộc đời nhà thơ Tây Ban Nha đã nở ra những đóa hoa li la.

+++ Bút pháp miêu tả: thể thơ tự do mang phong cách tượng trưng, siêu thực, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, giữa thơ và nhạc, giữa màu sắc thơ nghiêng phương Đông và chất bi tráng trong nhạc giao hưởng phương Tây, hình ảnh thơ lạ hoá, ảo hoá...

- Đánh giá chung:

+ Quang Dũng và Thanh Thảo gặp nhau ở tư tưởng lớn, bất tử vẻ đẹp bi tráng của những con người sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân loại.

+ Quang Dũng và Thanh Thảo là những nhà thơ có phong cách nghệ thuật tài hoa độc đáo.

3. Kết bài :

Hai hình tượng nghệ thuật về hai đối tượng khác nhau nhưng đều gặp nhau ở tinh thần bi tráng. Vẻ đẹp của sự bi tráng đã làm nên sức lay động, truyền cảm của hai hình tượng nhân vật, đồng thời, khiến người đọc càng thêm trân trọng tài năng và tấm lòng của Quang Dũng và Thanh Thảo.

ĐỀ SỐ 52

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Thời gian

Thời gian qua kẽ tay

Làm khô những chiếc lá

Kỉ niệm trong tôi

Rơi

như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ

còn xanh

Riêng những bài hát

còn xanh

Và đôi mắt em

như hai giếng nước

(Văn Cao, *Lá*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong bài thơ trên.

Câu 2: Chỉ ra hai biện pháp nghệ thuật chủ yếu trong bài thơ.

Câu 3: Chỉ ra nội dung chính của bài thơ.

Câu 4: Qua bài thơ *Thời gian*, Văn Cao muốn nói lên điều gì? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh/chị về lời dạy của Đức Phật: *Giọt nước chỉ hòa vào biển cả mới không cạn mà thôi.*

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích vẻ đẹp của sông Hương trong cảnh sắc thiên nhiên và văn hóa lịch sử Huế qua tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ trên là biểu cảm.

Câu 2. Hai biện pháp nghệ thuật chủ yếu trong bài thơ: ẩn dụ (những câu thơ còn xanh/ những bài hát còn xanh); so sánh (đôi mắt em như hai giếng nước).

Câu 3. Bài thơ nói về quy luật băng hoại của thời gian. Vấn đề ở đây là ai cũng nhận ra quy luật ấy nhưng không ai cũng có thể làm cho mình bất tử cùng thời gian. Vậy mà vẫn có những giá trị mang sức sống mãnh liệt

chọi lại với thời gian, bất tử cùng thời gian. Đó là sức mạnh vượt thời gian của thi ca và âm nhạc (hiểu rộng ra là nghệ thuật). Dĩ nhiên phải là "những câu thơ", "những bài hát", những tác phẩm nghệ thuật đích thực.

Câu 4. Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Qua bài thơ "Thời gian", Văn Cao muốn nói rằng: thời gian có thể xóa nhòa tất cả, chỉ có văn học nghệ thuật và tình yêu là có sức sống lâu bền. Trong dòng chảy nghiệt ngã của thời gian, mọi sự vật, hiện tượng có thể lụi tàn và tan biến vào hư không. Nhưng có những giá trị

không thể mất mà mãi mãi “còn xanh”, đó là những giá trị thuộc về nghệ thuật và cái đẹp được kết tinh từ *những câu thơ, những bài hát và đặc biệt là từ đôi mắt em*.

- Âm hưởng bài thơ chuyển đổi bất ngờ: từ trầm buồn, u uẩn sang thanh thoát, thỗn thức, mơ màng; hình ảnh thơ mang ý nghĩa biểu tượng cao, vừa như muốn mình định, vừa như muốn xác quyết một chân lý muôn đời không thể phủ định: Nghệ thuật và Tình yêu luôn khác biệt và luôn vượt lên mọi thứ tầm thường, tự thân nó luôn mang một sức mạnh trường tồn, vĩnh cửu bởi nó là hiện thân của cái Đẹp. Điều này quả đúng như Cyprian Norwid đã nói: “Thế giới này rất cuộc chỉ còn lại hai thứ, chi hai thứ thôi: Thi ca và lòng nhân ái... không còn gì khác”...

Học sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- Giải thích câu nói:

Câu nói của Đức Phật hàm chỉ mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa một con người với muôn triệu con người. Khi con người hòa nhập vào cộng đồng, liên kết hợp tác với nhau thì sẽ tạo nên một sức mạnh lớn lao.

- Phân tích, lí giải:

+ Tại sao nói mỗi cá nhân lại cần đến tập thể?

++ Trong quan hệ xã hội, giữa cá nhân và tập thể có mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại. Không có cá nhân thì không có tập thể. Tập thể chỉ tồn tại khi các cá nhân có quan hệ gắn kết. Một trường học được tạo nên bởi nhiều thầy cô và học sinh. Khu dân cư được hình thành từ nhiều hộ gia đình.

++ Cá nhân chỉ là cá thể nhỏ bé với nhiều giới hạn. Đứng trước những thử thách lớn lao, một cá nhân không thể có đủ mọi khả năng để chống chọi. Nếu sống biệt lập thì không thể tồn tại lâu được. Cá nhân không thể nào không thể sống tách rời tập thể.

++ Tập thể mang đến cho cá nhân những niềm vui, sự chia sẻ. Mỗi cá nhân có một điểm mạnh riêng, điểm yếu riêng. Khi được hòa mình trong tập thể, điểm yếu của người này sẽ được lấp đầy bằng điểm mạnh của người khác. Bởi vậy, các tập thể, cộng đồng luôn có một

nguồn sức mạnh lớn lao, có thể chiến thắng được nhiều gian nan, thử thách.

+ Có phải lúc nào cá nhân cũng cần đến tập thể?

++ Nếu cá nhân chỉ dựa vào người khác mà không có ý thức tự vươn lên thì không thể trưởng thành được. Con cái lúc nào cũng cậy vào cha mẹ thì lớn lên không thể tạo sự nghiệp cho mình.

++ Sự khẳng định, nỗ lực của cá nhân vẫn là điều quan trọng. Những gian nan thử thách trong cuộc sống luôn đến bất ngờ, lúc đó ta không có sẵn người để giúp đỡ, an ủi thì ta tự chọn cho mình hướng giải quyết riêng.

- Bình luận, liên hệ bản thân:

+ Những con người, cá nhân nào sống biệt lập, không cần đến những người khác thì sớm hay muộn cũng sẽ gặp thất bại và sẽ bị đào thải. Sống trong cộng đồng xã hội, ta không thể tách rời mà không hòa nhập, không có trách nhiệm với cộng đồng. Mỗi cá nhân đều tiềm tàng những sức mạnh riêng. Hãy mang sức mạnh đó cống hiến cho tập thể, chúng ta sẽ tìm thấy ý nghĩa sự tồn tại của mình.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận lại sự hòa nhập, đóng góp cho cộng đồng của chính bản thân mình, từ đó định hướng một lối sống đúng đắn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn chuyên về bút ký, tản văn. Sáng tác của ông gắn liền với tình yêu quê hương, đất nước, con người, đặc biệt là văn hóa Huế như: *Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu, Ai đã đặt tên cho dòng sông?*...

- Trong đó, tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* thực sự là một trong những trang viết hay nhất của nhà văn về một dòng sông mang bao huyền thoại đẹp – Sông Hương.

2. Thân bài:

- Khái quát: Bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết ở Huế năm 1981, in trong tập sách cùng tên. Bài ký có ba phần. Sách giáo khoa trích học phần đầu. Với bút ký này, tác giả đã mang đến cho người đọc những cảm nhận thật đầy chất thơ về dòng sông Hương theo dòng chảy của nó từ Trường Sơn cho đến khi chảy qua thành phố Huế và xuôi về biển.

- Về đẹp sông Hương có thể phân tích trên những nét sau:

+ *Sông Hương vùng thượng lưu:*

++ Sông Hương nhìn từ cội nguồn là dòng chảy có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn. Sông Hương vùng thượng lưu mang vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, hoang dại, bí ẩn, sâu thẳm nhưng cũng có lúc dịu dàng, say đắm. Sự mãnh liệt, hoang dại của con sông được thể hiện qua những so sánh: *“Như một bàn trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn”*. Khi chảy qua miền địa hình hiểm trở, sông Hương mang vẻ đẹp dữ dội: *“mãnh liệt qua ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc xoáy vào đáy vực bí ẩn”*, nhưng cũng có lúc nó lại hiền lành trữ tình *“dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”*.

++ Nhà văn đã nhân hoá dòng sông giống như *“một cô gái Di gan phóng khoáng và man dại”*. Con sông được rừng già hun đúc cho *“một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng”*. Đó là sức mạnh bản năng của người con gái, sức mạnh ấy được chế ngự bởi cấu trúc địa lý lãnh thổ để đi ra khỏi rừng, nó *“nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở”*.

+ *Sông Hương ở đồng bằng:*

++ Với vốn hiểu biết về địa lí tác giả đã miêu tả tỉ mỉ về sông Hương với hình ảnh: *“Nhưng ngay từ đầu vĩa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm”*. Sự chuyển dòng ấy, trong cách cảm nhận của Hoàng Phủ Ngọc Tường giống như *“một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó”*. Văn những đường cong mềm mại, sông Hương lại có sự chuyển mình: *“Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế”*.

++ Có lúc cảnh sắc sông Hương như bức tranh có đường nét, có hình khối với: *“sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lư Bào mà từ đó, người ta luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé bằng con thoi”*. Người đọc còn bắt gặp vẻ đẹp đa màu mà biến ảo, phân quang màu sắc của nền trời Tây Nam thành phố: *“sớm xanh, trưa vàng, chiều tím”*.

++ Sông Hương lại có vẻ đẹp trầm mặc chảy dưới chân những rừng thông u tịch với những lãng mộ âm u

mà kiều hãnh của các vua chúa triều Nguyễn. Đó là vẻ đẹp mang màu sắc triết lí, cổ thi khi đi trong âm hưởng ngân nga của tiếng chuông chùa Thiên Mụ. Có vẻ đẹp *“vui tươi”* khi đi qua những bãi bờ xanh biếc vùng ngoại ô Kim Long. Có vẻ đẹp *“mơ màng trong sương khói”* khi nó rời xa thành phố để đi qua những bờ tre, lũy trúc và những hàng cau thôn Vĩ Dạ.

+ *Đoạn tả sông Hương khi đi qua thành phố đã gây được nhiều ấn tượng:*

++ Từ Kim Long, sông Hương đã nhìn thấy hình ảnh *“Chiếc cầu trắng in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non”*. Đó chính là chiếc cầu Tràng Tiền nổi đôi bờ sông thơ mộng. Không chỉ vậy, vẻ đẹp của dòng sông Hương còn được miêu tả *“Giáp mặt thành phố ở cồn Dã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến cồn Huế”*. Nhà văn như thổi linh hồn vào cảnh vật: *“đường cong ấy làm cho dòng sông như mềm hẳn đi, như một tiếng “văng” không nói ra của tình yêu”*. *“Tôi nhớ sông Hương, quý điều chảy lững lờ của nó khi ngang qua thành phố”*. Cái phút ban đầu để đến với *“người tình”* của sông Hương như thế đấy! Nàng đã tự làm mới mình để hiển tưng những gì đẹp nhất cho người yêu.

++ Từ sông Hương xinh đẹp nhà văn liên tưởng tới nhiều con sông trên thế giới như sông Xen, sông Nê-va, sông Đa – nuýp... và nhận ra điểm tương đồng giữa chúng là cùng chảy giữa lòng thành phố. Nhưng sông Hương khác với các dòng sông khác là bởi vì nó vẫn giữ được những nét cổ kính và nếu sông Nê-va chảy nhanh quá thì sông Hương lại rất chậm buồn như điệu Slow *“đấy là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”*. Tình cảm của dòng sông dành cho thành phố Huế cũng rất sâu nặng. Dường như sông Hương không muốn xa thành phố: *“Rời như sự nhớ lại một điều gì đó chưa kịp nói. Nó đột ngột đổi dòng rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc Bao Vinh xưa cổ”*. Nhà văn ví von sông Hương giống như nàng Kiều chí tình trở lại tìm Kim Trọng. Vì thế nên nhìn *“khúc quanh này”* thấy nó *“thật bất ngờ”*. Nhà văn cảm nhận *“khúc quanh”* ấy giống như *“là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu”*. Đó là sự chí tình của Sông Hương trở lại *“để nói một lời thề trước khi về biển cả”*. Tác giả liên hệ *“Lời thề ấy vang vọng khắp khu vực sông Hương thành giọng hò dân gian, ấy là tấm lòng người dân Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở”*.

+ *Vẻ đẹp sông Hương được khám phá dưới góc độ văn hóa:*

Tác giả gắn sông Hương với âm nhạc cổ điển Huế: “Sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya... Quả đúng vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được hình thành trên mặt nước của dòng sông này”. Tác giả liên tưởng tới việc có người nghệ nhân già gần thế kỷ chơi đàn, một đêm khuya nghe con gái đọc Kiều “Trong như tiếng hạc bay qua/ Đục như tiếng suối mới sa nửa vời”. Người nghệ nhân ấy đã nhồm dậy, vỗ đùi chỉ vào trang sách mà nói “Đó là Tứ Đại Cánh”. Cũng từ đó ngòi bút tài hoa cộng với sự rung cảm mạnh mẽ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã nhớ tới Nguyễn Du “Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều”. Đây là cách liên tưởng độc đáo, tài hoa mang đến cho người đọc một sự bồi hồi, xao xuyến.

+ Về đẹp sông Hương gắn liền với những sự kiện lịch sử:

Nhưng chẳng phải bao giờ sông Hương cũng là người con gái đắm thắm, dịu dàng, mềm mại trong lòng Huế, đã có một thời sông Hương mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Tổ quốc (Tên của dòng sông Hương được ghi trong “Du địa chí” của Nguyễn Trãi là Linh giang). Dòng sông ấy là điểm tựa, bảo vệ biên cương thời kì Đại Việt. Thế kỉ XVIII, nó về vang soi bóng kinh thành Phú Xuân, gắn liền với tên tuổi của người anh hùng Nguyễn Huệ. Nó đọng lại đến bầm da, tím máu “nó sông hết lịch sử bí tráng của thế kỉ XIX”. Nó đi vào thời đại của Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Nó chứng kiến cuộc nổi dậy tổng tiến công

tết Mậu Thân 1968. Sông Hương đã gắn liền với lịch sử của Huế, lịch sử dân tộc.

+ Bài ký kết thúc bằng một lý giải mang huyền thoại đẹp:

Có một huyền thoại vọng về từ làng Thành Trung, một ngôi làng trồng rau thơm ở Huế: Vì yêu quý con sông xinh đẹp, người dân hai bên bờ sông Hương đã nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước xanh thắm ấy mãi mãi thơm tho. Phải chăng đó là cách lý giải tên của Hương Giang – con sông gắn liền với Huế, gắn liền với tình yêu của Hoàng Phủ Ngọc Tường?

- Nét đặc sắc của văn phong Hoàng Phủ Ngọc Tường:

+ Ngôn ngữ trong sáng, phong phú, uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ,...

+ Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan.

+ Bút ký có sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân.

3. Kết bài :

- Trích đoạn bài kí Ai đã đặt tên cho dòng sông? đã gợi ra vẻ đẹp của Huế, của tâm hồn người Huế qua sự quan sát sắc sảo của Hoàng Phủ Ngọc Tường về dòng sông Hương.

- Hoàng Phủ Ngọc Tường xứng đáng là một thi sĩ của thiên nhiên, một cuốn từ điển sống về Huế, một cây bút giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Bài kí góp phần bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào đối với dòng sông và cũng là với quê hương đất nước.

ĐỀ SỐ 53

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Thưa quý vị! Đã phải trải qua những cuộc chiến tranh ngoại xâm tàn bạo và đói nghèo cùng cực nên khát vọng hòa bình và thịnh vượng của Việt Nam chúng tôi càng cháy bỏng. Chúng tôi luôn nỗ lực tham gia kiến tạo hòa bình, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh của chúng ta. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Chúng tôi sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp chúng tôi giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam đã và sẽ mãi mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế...

(Trích bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước phiên thảo luận cấp cao của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 68)

Câu 1: Hãy xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong bài phát biểu trên.

Câu 2: Theo anh (chị), nội dung của bài phát biểu là gì?

Câu 3: Bài phát biểu trên được thể hiện bằng phương thức biểu đạt nào?

Câu 4: Hiện nay, xu thế hòa nhập là một trong những xu thế phát triển không thể thiếu đối với các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển để có thể đứng vững trên trường quốc tế. Theo anh (chị), Việt Nam đã hòa nhập trong cộng đồng quốc tế như thế nào? Trình bày ngắn gọn trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Suy nghĩ của anh/chị về vấn đề được đặt ra trong câu nói sau: *Người ta lớn hơn, vì biết cúi xuống.*

Hãy trình bày suy nghĩ bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

“Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà ri xuống hai dòng nước mắt”

(Vợ nhặt - Kim Lân)

“Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rỏ xuống những dòng nước mắt”

(Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu)

Trình bày cảm nhận của anh (chị) về chi tiết “dòng nước mắt” trong những câu văn trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong bài phát biểu trên là phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2: Nội dung chính của bài phát biểu là: Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp Việt Nam giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo và khẳng định Việt Nam đã và sẽ mãi

mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Câu 3: Bài phát biểu được thể hiện bằng phương thức nghị luận.

Câu 4: Học sinh trình bày theo suy nghĩ của mình, có thể tham khảo những ý sau đây:

- Có thể nói, hội nhập quốc tế ở nước ta là một quá trình với cơ hội và thách thức đan xen tồn tại. Thực tế đã

chúng tỏ việc kiên định nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu đối với nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá sôi động hiện nay.

- Những thành tựu quan trọng giành được trong quá trình hội nhập quốc tế, trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là cơ sở để đất nước ta vững bước trên đường hội nhập và phát triển, sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công, hướng tới mục tiêu chiến lược dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói:*
- + *Cúi xuống* không phải là hành vi mà là một cách hành xử giữa người với người. Cúi xuống không đồng nghĩa với sự nhẫn nhục hay luồn cúi, thấp hèn. Cái *cúi xuống* ở đây chính là cái cúi đầu giản dị, khiêm nhường của những người có đạo đức, văn hóa trong xã hội. Cúi xuống cũng là để hiểu rõ mình hơn, nhận ra giá trị, vị thế thực sự của mình.

+ Câu nói bởi vậy là sự khẳng định giá trị của lòng khiêm tốn, lối sống khiêm nhường. khi biết sống khiêm nhường, giản dị, con người sẽ càng ngày càng nâng cao và khẳng định được giá trị của bản thân.

- Phân tích, lý giải:

+ Tại sao trong cuộc sống, con người lại cần phải biết cúi đầu?

++ Cuộc sống là một cuộc chiến, nếu chúng ta dừng lại với thành công của mình ở hiện tại tức là đã chấp nhận thất bại ở tương lai, ở lại quá khứ làm kẻ thua cuộc. Con người có tài cán bao nhiêu đi chăng nữa thì cái khôn ngoan hiện hữu ấy cũng không thể được quá quyết là không ai hơn được. Người xưa có câu *Vô quýt dầy có móng tay nhọn*, người giỏi sẽ có người giỏi hơn. Cúi đầu chính là một biểu hiện của việc chấp nhận học tập, chấp nhận sự bình thường, yếu kém của bản thân để học hỏi những người xung quanh.

++ Khi biết cúi xuống cũng là lúc con người nhận ra vị trí của bản thân. Biết cúi xuống, nhìn lại chính mình, con người cũng sẽ học được nhiều điều ý nghĩa, nhận ra và hiểu được chính bản thân mình, từ quá khứ.

++ Cúi xuống là để hiểu người hơn, là để nâng người khác lớn lên. Cúi xuống cũng là để hiểu mình hơn, để tự nâng mình lên. Những người biết cúi mình là những người hiểu mình, hiểu người. Sự hiểu mình, hiểu người ấy có một vai trò quan trọng giúp con người tiến xa hơn, đạt được nhiều thành công hơn trong cuộc sống.

- Liên hệ - Tham gia bàn luận về thái độ sống

+ Câu nói trên không nhằm khuyến khích người ta chỉ biết cúi xuống mà nhằm nhắc nhở người ta biết cách ứng xử cần thiết để lớn hơn...

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận đánh giá lại chính lối sống của bản thân mình, từ đó đề ra một lối sống, lối ứng xử phù hợp.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

Văn học là cuốn biên niên sử ghi lại tâm hồn của con người. Đến với một tác phẩm văn chương, người đọc không chỉ thấy được ở đó những hiện thực nhiều màu của cuộc sống mà còn thấy được những mảng hiện thực đa sắc diện khác của tâm hồn con người. Những cung bậc tình cảm tế vi nhất, mong manh nhất của tâm trạng đều được câu chữ ghi lại một cách chân thực, xúc động. Đây cũng chính là một thước đo để đánh giá sự thành công và sức sống của một tác phẩm văn chương. Trong nền văn học Việt Nam, Kim Lân và Nguyễn Minh Châu là những cây bút, đại diện cho hai giai đoạn sáng tác khác nhau, nhưng cả hai đều gặp nhau trong cuộc hành trình ghi lại đời sống tâm hồn con người. *Vợ Nhặt* (Kim Lân) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) là hai tác phẩm như vậy. Đặc biệt, chi tiết “đồng nước mắt” mà người đọc bắt gặp trong cả hai tác phẩm đã thể hiện rõ nét những nỗ lực trong việc khắc họa tâm trạng con người, đồng thời khẳng định tài năng và tấm lòng của hai nhà văn, thuộc hai giai đoạn sáng tác khác nhau.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác giả và tác phẩm: Giới thiệu về nhà văn Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*, nhà văn Nguyễn Minh Châu và truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*.

+ Kim Lân rất am hiểu nông thôn và đời sống của nhân dân nên ông có những trang viết sâu sắc, cảm động. Truyện *Vợ nhặt* rút từ tập *Con chó xấu xí* được coi là

truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân. Tác phẩm đã tái hiện lại bối cảnh ngày đói vô cùng thê thảm ở nông thôn Việt Nam do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra năm 1945. Ông đặc tả chân dung người nằm đói *khuôn mặt hốc hác u tối, Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma*. Nhưng quan trọng hơn, bên cạnh mảng tối của bức tranh hiện thực buồn đau là mảng sáng của tình người, của một chủ nghĩa nhân văn tha thiết, cảm động. Trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân bộc lộ một quan điểm nhân đạo sâu sắc của mình. Nhà văn phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của người lao động trong sự túng đói quay quắt, trong bất kì hoàn cảnh khốn khổ nào, con người vẫn vượt lên cái chết, hướng về cuộc sống gia đình, vẫn yêu thương nhau và hi vọng vào ngày mai. Thể hiện sâu sắc cho tư tưởng ấy là chân dung tính cách, tâm lý của bà cụ Tứ trước tình huống bất ngờ: con trai mình đột ngột có vợ. Tâm lí ở cụ Tứ có phần phức tạp, với những nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải và nhân hậu.

+ *Chiếc thuyền ngoài xa* sáng tác năm 1983 là truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu. Nội dung kể về chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh với những sự việc mà anh bất ngờ được chứng kiến. Thông qua đó thể hiện cách nhìn của tác giả về hiện thực cuộc sống, một cái nhìn thấu hiểu và trĩu nặng tình thương cùng sự băn khoăn về thân phận con người. Truyện có ba nhân vật chính: chánh án Đẩu, nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng và người đàn bà hàng chài, trong đó nhân vật người đàn bà để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí người đọc. Cuộc đời và số phận của chị giống như bao cuộc đời và số phận của những người phụ nữ hàng chài khác: đông con, nghèo khổ... Là nạn nhân của bạo lực gia đình nhưng chị rất mực thương chồng, thương con, nhẫn nhục cam chịu đòn roi của chồng vì không muốn gia đình tan vỡ. Người đàn bà ấy có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề tác phẩm. Nhà văn đã khắc họa chân dung nhân vật này bằng thủ pháp nghệ thuật tương phản để làm nổi bật sự khác biệt giữa hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong, giữa tính cách và thân phận, vẻ đẹp đáng trân trọng ở người đàn bà hàng chài là đức tính vị tha, hi sinh đến quên mình của một người vợ, người mẹ lam lũ, vất vả, chồng chất trên vai gánh nặng mưu sinh. Phẩm chất ấy hiện lên qua từng chi tiết đầy kịch tính của truyện mà cụ thể là chi tiết dòng nước mắt.

+ Hai nhà văn đều thể hiện rõ tư tưởng nhân đạo, nhân văn trong sự nghiệp văn học. Hai tác phẩm khắc họa tình người, tình mẹ, trong đó chi tiết “dòng nước mắt” là một phương tiện biểu hiện.

- Điểm tương đồng:

+ Về nội dung:

++ Đề là những dòng lệ của người phụ nữ, của người mẹ trong hoàn cảnh nghèo đói và khốn khổ.

Như những bà mẹ Việt Nam nghèo khổ khác trong thời kỳ cách mạng tháng tám, bà cụ Tứ hiện lên là một người mẹ nghèo, bị cái đói làm cho cùng cực, suy nghĩ quá nhiều. Bà cụ Tứ xuất hiện thật rõ nét qua lời kể tác giả *Từ ngoài rừng tre, bà lọng khọng đi vào. Tinh bà vẫn thế, vừa đi vừa lăm bắm tính toán gì trong miệng. Nhưng hôm nay khác, thấy mẹ, Trằng reo lên như một đứa trẻ và gọi ới vào trong nhà: U đã về đấy! Anh con trai lật đật chạy ra đón mẹ từ ngoài cổng và trách sao bà về muộn*. Một bà cụ đáng đấp đã không còn nhanh nhẹn, tháo vát nữa mà phải “lọng khọng” đi vào nhà gọi nên một thảm cảnh thê lương đến nỗi lòng.

Về phần người đàn bà làng chài, dường như mọi sự bất hạnh của cuộc đời đều trút cả lên chị, xấu, nghèo khổ, lam lũ, lại phải thường xuyên chịu những trận đòn roi của người chồng vũ phu tổn thương, đau xót cho các con phải nhìn cảnh bố đánh mẹ... Cái xấu đã đeo đuổi chị như định mệnh, suốt từ khi còn nhỏ: có mang với một anh hàng chài đến mua bả về đan lưới, rồi thành vợ chồng. Cuộc sống mưu sinh trên biển cực nhọc, vất vả, lam lũ, bấp bênh. Gia đình nghèo lại còn đông con, thuyền thì chật... Bị chồng thường xuyên đánh đập, hành hạ thường xuyên cứ *ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*. Cứ khi nào lão chồng thấy khổ quá là lại xách chị ra đánh, như là để trút giận, như đánh một con thú với lời lẽ cay độc *“Mày chết đi cho ông nhờ, chúng mày chết hết đi cho ông nhờ”*. Quả thực, người đàn bà hàng chài có cả một cuộc đời cơ cực, nhọc nhằn, khốn khổ. Chị là nạn nhân của sự nghèo đói, thất hậu và lạc hậu. Số phận, cuộc đời chị dần dần hiện ra rõ nét khi chị đến toà án huyện. Số phận đây bi kịch ấy được tác giả tái hiện đầy cảm thông và chia sẻ.

++ Những giọt nước mắt ắt đều là “giọt châu của loài người”, giọt nước chan chứa tình người trào ra từ tâm hồn những bà mẹ giàu lòng vị tha, đức hi sinh.

Đối với bà cụ Tứ, người mẹ nghèo một đời khốn khổ không thể không ngạc nhiên khi bà đã hiểu ra cơ sự. Bà thương mình, thương con và thương cho người đàn bà lạ kia. Thương con để rồi tủi phận mình. *Chao ôi, người ta*

đựng vợ gả chồng cho con là trong lúc nhà ăn nên làm nổi, còn mình thì... Đọc những dòng này, ta có cảm giác như trái tim người mẹ trong cái thân hình còm cõi đang rung lên đau đớn, xót xa.

Sức chịu đựng và sự hi sinh thầm lặng của người đàn bà hàng chài cũng làm cho người đọc phải ngỡ ngàng. Vừa ở dưới thuyền lên đến bên chiếc xe rà phá mìn bị hỏng nằm trên bờ cát, chị ta đã bị anh chồng rút chiếc thắt lưng tía quất tới tấp vào người. Chị không hề né tránh mà cắn răng cam chịu, không kêu rên, không chống trả và cũng không chạy trốn. Chị chấp nhận những trận đòn hằng ngày như một phần cuộc đời mình, chẳng khác gì người đánh cá phải đương đầu với sóng to, gió lớn khi biển động. Nhưng những đòn roi tàn nhẫn ấy chỉ là những vết thương bên ngoài, không làm cho tâm hồn người phụ nữ tổn thương. Hơn hết thấy, nỗi đau xót chỉ thực sự xuất hiện khi người phụ nữ ấy chứng kiến cảnh thằng Phác – đứa con trai yêu quý của mình, vì muốn bảo vệ mình mà đã lao vào đánh bố. Người đàn bà làng chài ấy đã quên đi tất cả những nỗi khổ mà mình phải gánh chịu mà chỉ nghĩ cho con, nghĩ con có thể vì mẹ mà trở thành kẻ bất hiếu với cha.

++ Điều góp phần thể hiện giá trị nhân đạo của tác phẩm: tấm lòng thương cảm đối với bi kịch của con người và sự trân trọng vẻ đẹp tình đời, tình người của tác giả.

Qua *Vợ nhặt*, Kim Lân đã xây dựng thành công hình ảnh người mẹ nghèo trong trận đói khủng khiếp 1945. Người mẹ nghèo tiền bạc nhưng giàu lòng yêu thương và hết mình vì con - người mẹ Việt Nam truyền thống. Đằng sau bà cụ Tứ, ta thấy thấp thoáng những Lão Hạc, chị Dậu, mẹ Dàn... những người sống tận lòng cho những người thân yêu của họ.

Hình tượng người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* đã thể hiện tấm lòng trĩu nặng tình thương, nỗi lo âu cho số phận con người của nhà văn Nguyễn Minh Châu, đồng thời cho thấy, tác giả đã có cái nhìn không hề đơn giản về cuộc sống. Nói đến bạo lực trong gia đình người đàn bà hàng chài, tác giả đã khơi dậy trong lòng người đọc nỗi xót thương pha lẫn lo âu trước tình trạng phụ nữ và trẻ em bị ngược đãi, về nguy cơ trẻ em sẽ sớm nhiễm thói vũ phu, thô bạo do bị tổn thương tâm hồn, đánh mất niềm tin vào cuộc sống. Nhà văn không chỉ lên án bạo lực, phê phán sự ngu muội, không chỉ bày tỏ tình thương yêu với những con người nhỏ bé, bất hạnh, mà còn cảnh báo một nguy cơ đáng sợ: Nếu không giải phóng con người ra khỏi vòng luẩn quẩn

của sự đói nghèo, tăm tối thì không thể đẩy lùi được cái ác. Đó là chiều sâu tư tưởng nhân đạo của tác phẩm.

+ Về nghệ thuật: Điều cho thấy ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc của hai nhà văn.

- Điểm khác biệt:

+ Hoàn cảnh xuất hiện chi tiết dòng nước mắt của hai người mẹ:

++ Trong truyện *Vợ nhặt* (Kim Lân): tình huống truyện, diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ - mẹ Tràng, lí giải tình cảm người mẹ khi phải rơi nước mắt.

++ Trong truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu): tình huống truyện, sự xuất hiện của đứa con, nỗi đau của người mẹ.

+ Về nội dung:

Chi tiết dòng nước mắt của bà cụ Tứ gắn với tình huống anh cu Tràng “nhặt” được vợ; bà cụ cảm thấy ai oán, xót thương cho số kiếp đứa con mình và cũng xót tủi cho chính thân phận mình: Tràng có vợ vào lúc cái đói, cái chết đang ráo riết truy đuổi con người. Giữa cảnh chết chóc như ngã rạ, nạn đói hoành hành, cái ăn chẳng có, lại còn rước thêm người như thế này bà không lo, không buồn sao được. Bà nghĩ đến cái cảnh người ta dựng vợ gả chồng cho con cái trong lúc ăn nên làm ra, đằng này con trai bà lấy vợ trong cảnh bản hàn, thiếu thốn đủ đường thế này. Bà thương mình bao nhiêu thì thương cho con gấp bội phần, bà cảm thấy tủi nhục khi không thể mang lại ấm no và hạnh phúc cho đứa con trai tội nghiệp. Bà thương cho người đàn bà héo hon kia cũng vì đói, vì không còn gì nên mới theo Tràng về làm vợ. Những suy nghĩ của bà cụ Tứ thật khiến người ta đau lòng, náo nức, khiến người ta xót thương nhưng chẳng biết cách nào có thể thương lấy bà, thương lấy những con người trong thời đại này.

Còn dòng nước mắt của người đàn bà hàng chài chan chứa sau sự việc thằng Phác đánh lại bố để bảo vệ mình; người phụ nữ vùng biển này thấy đau đớn, nhục nhã vì không thể giấu được bi kịch gia đình, vì thương xót, lo lắng cho con. Người đàn bà ấy cũng rất tự trọng. Sau khi biết hành động vũ phu của chồng mình đã bị đứa con trai và người khách lạ (nghệ sĩ Phùng) chứng kiến, chị thấy đau đớn, vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã. Chắc chắn đây không chỉ là sự đau đớn về thể xác. Giọt nước mắt đau khổ của người đàn bà đã ứa ra. Đó là giọt nước mắt của nhọc nhằn và chịu đựng. Chị không muốn bất cứ ai chứng kiến và thương xót cho tình cảnh trớ trêu của mình, kể cả thằng Phác, đứa con trai mà chị quý nhất. Thân thể bị chà đạp, nhân phẩm bị xúc phạm nhưng

người đàn bà ấy không hề để ý, không hề bận tâm. Đúng là sự nhẫn nhục của một người có nhân cách, có lòng tự trọng và thấu hiểu lẽ đời.

+ Về nghệ thuật thể hiện:

Để khắc họa chi tiết dòng nước mắt, Kim Lân sử dụng hình thức diễn đạt trực tiếp, giản dị. Sau những miêu tả suy nghĩ, tủi hờn, xót thương, *Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà ri xuống hai dòng nước mắt.*

Nguyễn Minh Châu dùng cách diễn đạt ví von, hình ảnh. Nỗi đau khi chứng kiến cảnh con mình lao vào bố được Nguyễn Minh Châu khắc họa bằng phép so sánh: *như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rỏ xuống những dòng nước mắt.*

- Đánh giá chung

+ Khẳng định vẻ đẹp và sức mạnh của dòng nước mắt người mẹ.

+ Khẳng định giá trị nhân văn trong hai tác phẩm.

3. Kết bài :

Văn chương là sự không lặp lại, không trùng khít. Cùng viết về dòng nước mắt của hai người mẹ nhưng mỗi tác phẩm lại để lại những dấu ấn riêng, những vẻ đẹp riêng, gửi đến một thông điệp mới mẻ. Kim Lân và Nguyễn Minh Châu đã làm trọn vẹn thiên chức của một người cầm bút: sáng tạo và nhìn đời bằng con mắt đầy cảm thông, thấu hiểu.

ĐỀ SỐ 54**Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Bác bỏ một ý kiến nào đó không giản đơn là tuyên bố ý kiến đó sai, mà phải lập luận đầy đủ để chứng minh là nó sai thì mới thuyết phục được người nghe, người đọc. Muốn bác bỏ một ý kiến sai, trước hết hãy trích dẫn ý kiến đó một cách đầy đủ, khách quan, trung thực. Sau đó, người viết phải làm sáng tỏ hai phương diện: ý kiến ấy sai ở chỗ nào và vì sao như thế là sai. Để trả lời câu hỏi thứ nhất, cần đọc kỹ và xem xét ý kiến ấy ở cả ba yếu tố: luận điểm, luận cứ và lập luận. Phân tích để người đọc thấy ý kiến đó sai ở luận điểm, luận cứ hay ở cách lập luận rồi tiến hành bác bỏ. Để trả lời câu hỏi thứ hai, cần dùng lý lẽ và dẫn chứng để phân tích, lí giải vì sao như thế là sai. Chẳng hạn, để chứng minh một luận cứ sai, có thể bác bỏ bằng cách chỉ ra trong luận cứ đó, người viết đã trích dẫn sai, cố ý cắt xén ý tứ, câu chữ của người khác, hoặc trích dẫn đúng nhưng giải thích lại sai...

(Thao tác lập luận bác bỏ, Ngữ Văn 11 nâng cao, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 14)

Câu 1: Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? Trong đời sống và khoa học, vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 2: Tại sao khi muốn bác bỏ một ý kiến sai, trước hết hãy trích dẫn ý kiến đó một cách đầy đủ, khách quan, trung thực?

Câu 3: Phương thức biểu đạt của văn bản trên là gì?

Câu 4: Anh/chị rút ra bài học gì sau khi đọc văn bản trên? Hãy trình bày ngắn gọn trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)**Câu 1 (2 điểm):**

Diễn giả nổi tiếng Nick Vujicic – chàng trai khuyết tật kỳ diệu nhất thế giới đã từng nói: “Nếu tôi thất bại tôi sẽ thử làm lại, làm lại và làm lại nữa. Nếu bạn thất bại, bạn sẽ cố làm lại chứ? Tinh thần con người có thể chịu đựng được những điều tệ hơn là chúng ta tưởng. Điều quan trọng là cách bạn đến đích. Bạn sẽ cán đích một cách mạnh mẽ chứ?”

Anh (chị) sẽ đối thoại với Nick như thế nào? Hãy trình bày quan điểm của mình bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn thơ Đất Nước được sử dụng vừa quen thuộc vừa mới lạ.*

Từ việc cảm nhận về đoạn thơ *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm), anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)**Phần I. Đọc – hiểu (3 điểm)**

Câu 1: Văn bản nêu yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ. Trong đời sống cũng như trong khoa học, luôn tồn tại những vấn đề đúng và những vấn đề sai. Những gì đúng cần được khẳng định, những gì sai cần được bác bỏ. Bác bỏ một vấn đề sai cũng là một phương thức để

hiểu sâu vấn đề ấy. Thao tác bác bỏ có giá trị rèn luyện tư duy, nâng cao khả năng nhận thức.

Câu 2: Muốn bác bỏ một ý kiến sai, trước hết phải trích dẫn ý kiến đó một cách đầy đủ, khách quan, trung thực. Vì có như vậy, mới hiểu thực chất ý kiến ấy là gì

và từ đó bác bỏ mới đúng trọng tâm. Nếu không trích dẫn ý kiến chính xác và đầy đủ, sự bác bỏ sẽ chệch hướng, ý kiến cần bác bỏ xem như không được đề ý đến. Trích dẫn ý kiến đầy đủ, chính xác, người bác bỏ mới đảm bảo thái độ trung thực và khoa học.

Câu 3: Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là nghị luận.

Câu 4: Học sinh trình bày trong khoảng từ 5 – 7 dòng về bài học được rút ra từ văn bản trên, có thể tham khảo các ý sau:

- Phải có thái độ trung thực, cần trọng khi bác bỏ một vấn đề, một ý kiến.
- Văn bản hướng dẫn cụ thể các bước tiến hành thao tác lập luận bác bỏ.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- **Giải thích**
 - + Giải thích từ ngữ: Thất bại là khi bản thân mỗi người không làm được điều mình mong muốn, không đạt được mục đích mình đề ra...
 - + Giải thích ý kiến: Ý kiến của Nick muốn đề cập đến sức mạnh của ý chí và nghị lực con người. Thất bại là điều không thể tránh khỏi, nhưng sau mỗi lần thất bại con người cần có nghị lực, ý chí, niềm tin và lòng lạc quan tích cực, không lùi bước trước khó khăn, biết vượt lên chính mình.
- **Phân tích, bình luận ý kiến**
 - + Trong cuộc sống, mỗi người đều có ước muốn, mục đích để vươn tới. Trên con đường vươn tới mục đích, bạn có thể bị thất bại do nhiều nguyên nhân... Có người thì thiếu tự tin, có người thì tự mãn với bản thân, có người thì lại không hết mình đi đến thành công... Bạn đừng nên bi quan, buông xuôi tất cả. Bởi vì chính trong những lúc nguy nan, những lúc khó khăn nguy nan nhất, nếu ta vẫn bình tĩnh và có ý chí, ta có thể lật ngược lại vấn đề. Ta cần phải tự tin, lạc quan, có nghị lực để vượt qua những trở ngại, khó khăn thử thách để đạt đến thành công.

+ Điều quan trọng là đứng trước thất bại chúng ta không bỏ cuộc, dũng cảm đương đầu với thử thách, biết

đứng dậy làm lại từ đầu thì sẽ có động lực, niềm tin... Bạn nên nghĩ rằng: Thất bại và sai lầm bao giờ cũng có hai mặt cả. Tuy nó đem lại cho ta không ít mất mát và thương tổn nhưng nó cũng là những bài học vô cùng đắt giá, giúp ta tránh lặp lại những sai lầm về sau.

+ Câu nói của Nick đã đánh thức dậy lòng dũng cảm, sự tự tin trong mỗi chúng ta để mạnh dạn đối mặt với những thử thách của cuộc đời. Sức mạnh tinh thần lớn lao có thể giúp con người vượt qua được những giới hạn của cuộc sống như một kỳ tích. "Nơi nào có ý chí, nơi đó có con đường".

- Bài học nhận thức và hành động

+ Câu nói bao hàm một quan niệm sống tích cực và là lời khuyên đúng đắn: Hãy làm lại sau mỗi lần thất bại, không bỏ cuộc, hãy dũng cảm, lạc quan, nỗ lực vươn lên, không đầu hàng số phận... Bản lĩnh thép sẽ dẫn bước thành công.

+ Câu nói còn có ý nghĩa an ủi, động viên ta khi ta gặp thất bại trong cuộc sống, truyền cho ta niềm tin để ta phấn đấu vươn tới thành công.

+ Phê phán những người sống thiếu ý chí, nghị lực, tự thỏa mãn với những gì mình đạt được...

Câu 2 (5 điểm)

I. Mở bài:

Đất nước ta đã đi qua 30 năm của hai cuộc chiến tranh trường kì gian khổ. Đó là những năm tháng khó khăn nhưng thật huy hoàng:

*Cha ông ta đầu bở trí những binh đoàn
Trên đỉnh Trường Sơn dọc bờ Đông Hải
Tên Tổ Quốc vang vang ngoài bờ cõi
Ta đội triệu tấn bom để hái mặt trời hồng*

(Chế Lan Viên)

Trong bối cảnh ấy, đất nước đã bước vào thơ ca nghệ thuật trở thành một điểm nhấn quan trọng, một đề tài lớn. Để phân chiếu cả một diện mạo đất nước trong suốt 30 năm vào trong thơ, thể loại trường ca xuất hiện. Nhắc đến trường ca trong giai đoạn này, ta không thể không nhắc đến trường ca *Đất nước hình tia chớp* của Trần Mạnh Hào, trường ca *Chim Chơ-rao* của Thu Bồn, *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo... Nhưng sẽ thật là thiếu sót nếu ta không nhắc đến trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm. Đoạn trích *Đất nước*, nằm ở chương 5 của trường ca đã để lại nhiều dấu ấn nhất với những chất liệu nghệ thuật đặc biệt. Nói về các chất liệu nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích, có ý kiến cho rằng: *Chất liệu văn hóa dân gian*

trong đoạn thơ Đất Nước được sử dụng vừa quen thuộc vừa mới lạ.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung về tác giả tác phẩm:

Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trường kì gian khổ. Ông cùng thế hệ với những nhà thơ như Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo, Vũ Quần Phương, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Xuân Quỳnh,... Trong dàn đồng ca chung của thơ ca thời kì "Lửa cháy", Nguyễn Khoa Điềm cũng viết về hào khí của một dân tộc:

*Xé dọc Trường Sơn, đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai!*

Trong giai đoạn này, Nguyễn Khoa Điềm viết rất sung sức, rất đều tay. Ông đã cho ra đời nhiều tập thơ, nhiều trường ca có giá trị. Nhắc đến thơ của Nguyễn Khoa Điềm, mỗi người yêu thơ không thể không nhắc đến tập thơ tiêu biểu đó là *Đất ngoại ô* còn nhắc đến trường ca, sẽ thật là thiếu sót nếu ta bỏ qua trường ca *Mặt đường khát vọng*. Đọc trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, có thể thấy, dư âm mạnh mẽ nhất của tác phẩm nằm ở chương cuối, đó là chương 5 với nhan đề *Đất nước*. Chương thơ ấy đã được tách ra khỏi trường ca *Mặt đường khát vọng* như một bài thơ độc lập và được xem như một kiệt tác của Nguyễn Khoa Điềm nói riêng, của thơ ca thời kì "Lửa cháy" nói chung. Thành công của Nguyễn Khoa Điềm trong chương thơ này là nhà thơ đã thể hiện được tư tưởng đất nước của nhân dân:

Đề Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân

Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại

Trong đó chất liệu văn hoá, văn học dân gian được sử dụng rất đa dạng và đầy sáng tạo: Có thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ca dao, dân ca, tục ngữ. Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc như miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, giần, sàng, hòn than, con cúi... Cách vận dụng của tác giả thường là chỉ gợi ra bằng một vài chữ của câu ca dao hay một hình ảnh, một chi tiết trong truyền thuyết, cổ tích.

- Giải thích nhận định: Câu nói trên khẳng định đặc điểm của những chất liệu văn hóa dân gian được vận dụng trong đoạn trích *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm. Những chất liệu này là những chất liệu dân dã, thân thuộc với tâm thức của người Việt Nam biết bao

đời. Tuy nhiên, tác giả của trường ca *Mặt đường khát vọng* không sao chép y nguyên, cắt ghép đơn thuần những câu hát, câu nói, câu chuyện cổ, dân gian vào tác phẩm mình. Ngược lại, bằng tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ, Nguyễn Khoa Điềm đã vận dụng một cách khéo léo những chất liệu ấy vào tác phẩm của mình. Bởi vậy, những chất liệu ấy vừa quen thuộc vừa mới lạ.

- Chất quen thuộc của những ngữ liệu dân gian:

Nếu làm phép hệ thống, ta sẽ thấy Nguyễn Khoa Điềm sử dụng rất nhiều chất liệu của ca dao, tục ngữ, ngôn ngữ dân gian, các truyền thuyết và cổ tích, các phong tục, tập quán... trong đoạn trích *Đất Nước*. Trong đó đáng chú ý nhất:

+ Chất liệu văn hoá dân gian trong đoạn trích *Đất Nước* gắn với ca dao, tục ngữ, ngôn ngữ của văn học dân gian. Có thể thấy ở rất nhiều những dòng thơ của Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ đã vận dụng và chuyển ý sáng tạo những câu ca dao, ngôn ngữ thành lời thơ đậm thắm, trữ tình, thiết tha của mình, không ngoài mục đích là ca ngợi nhân dân, ca ngợi bản sắc văn hoá của người Việt Nam.

+ Chất liệu văn hoá dân gian trong *Đất Nước* còn gắn với những thần thoại, truyền thuyết và truyện cổ tích...

Đặc sắc, độc đáo về nghệ thuật của đoạn trích *Đất Nước* là sự cảm nhận về đất nước trong một cái nhìn toàn vẹn, tổng hợp từ nhiều bình diện. Vừa theo mạch cảm xúc thơ, tác giả vừa huy động vào thơ cả một "kho tri thức" phong phú mang tính tổng thể các loại văn học dân gian, đã làm nền tảng vững chắc để làm nổi bật tư tưởng của đoạn trích. Trong lời mở đầu đoạn trích *Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm có dòng thơ:

*Đất Nước có trong những cái "ngày xưa ngày xưa"
mẹ thường hay kể*

Lời thơ "ngày xưa ngày xưa" là câu mở đầu thường thấy trong các truyện cổ dân gian, nó mang âm hưởng của những câu chuyện cổ tích, đưa ta về một thuở rất xa xưa.

Sự kì diệu của đất nước trong chống giặc ngoại xâm cũng được nhà thơ gợi lên từ tinh thần nhỏ tre đánh giặc Ân thuở nào của Thánh Gióng mà truyền thuyết đã kể lại. Và những hình tượng quen thuộc trong thần thoại, truyền thuyết như "chim, rồng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, bọc trăm trứng..." cùng hội tụ trong trường liên tưởng của nhà thơ đã làm nổi bật ý thơ có tầm khái quát cao: dân tộc ta là "con rồng cháu tiên", cùng được sinh ra từ bọc trăm trứng nở ra trăm con của cha là Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ. Vì vậy để gợi nhớ truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên, Nguyễn Khoa Điềm lại liên tưởng ngay rằng:

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

Nếu trong mỗi chúng ta, ai đó một khi chưa hiểu hết về đất nước với những khái niệm trừu tượng như lãnh thổ, chủ quyền, thì chúng ta sẽ cảm nhận được đất nước là một cái gì đó rất gần gũi, quen thuộc qua những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích mẹ thường kể từ thuở còn nằm trong nôi.

+ Chất liệu văn hoá dân gian còn gắn với phong tục tập quán của người Việt Nam:

Đất nước còn được hình thành từ những truyền thống cao đẹp như truyền thống yêu nước, anh hùng, lao động, văn hóa. Trước hết là truyền thống văn hóa với phong tục ngàn đời của cha ông ta đúc kết lại. Vì thế, khi Nguyễn Khoa Điềm tâm sự:

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đó là phong tục “miếng trầu là đầu câu chuyện” có từ thuở các vua Hùng dựng nước. Hay gợi nhớ câu chuyện “Trầu cau” đầy nghĩa tình vừa mang yếu tố truyền thuyết lại vừa đậm yếu tố đời thường cũng là gợi nhớ tục ăn trầu của người Việt.

Hay khi nhà thơ miêu tả cái dáng dấp thấp thoáng của người mẹ hiện lên trong vẻ đẹp đầy nữ tính của người phụ nữ Việt Nam, nhà thơ đã viết:

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Tục búi tóc thành cuộn sau gáy của người dân Việt, đó là tập quán thể hiện quan niệm “cái răng cái tóc là góc con người” của người Việt cổ xưa mà đã một thời tô điểm vẻ đẹp bên ngoài của người phụ nữ Việt Nam.

Nhà thơ đã đưa đến cho người đọc quan niệm hình thành đất nước, đất nước chúng ta được hình thành từ trong cộng đồng của những người có chung kiểu ngôn ngữ nôm na dễ hiểu như thói quen đặt tên con bằng tên các đồ vật cho dễ nuôi của người dân lao động nước ta:

Cái kèo, cái cột thành tên

Với miếng trầu dung dị hiện lên trên cái miệng móm mém nhai trầu của bà, mái tóc bới hiền hòa của mẹ, cách gọi tên “cái kèo, cái cột” dân dã. Tất cả những điều tưởng chừng như bình thường ấy đã trở thành nếp sống, thành phẩm chất tốt đẹp, thành thuần phong mỹ tục đậm đà bản sắc mang tính văn hoá Việt Nam.

- Chất mới lạ của những ngữ liệu dân gian:

Khi nhà thơ triết lý về cội nguồn sinh ra đất nước cũng là cội nguồn của mỗi gia đình nên Đất Nước không chỉ tạo bởi những gì trừu tượng, xa xôi mà được hình

thành, tạo bởi từ tình nghĩa thủy chung của cha mẹ qua câu thơ:

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Thì đây là ý thơ cho ta thấy tác giả gợi tả từ cái gốc của chất liệu dân gian, đó là từ trong câu ngạn ngữ dân gian “Gừng cay muối mặn”, chỉ những cay đắng gian nan đã gắn bó tình nghĩa vợ chồng. Và thói quen tâm lí, tình cảm này cũng làm cho ta gợi nhớ đến câu ca dao hết sức trứ danh:

Tay bưng chén muối đĩa gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau

Đất nước vốn là một đề tài lớn nhưng nó hiện lên trong thơ Nguyễn Khoa Điềm không hề lí luận khô khan, khó hiểu mà dễ đi sâu vào lòng người như câu hát, điệu ru của bà của mẹ. Người đọc có cảm giác Nguyễn Khoa Điềm không làm thơ mà như đang cất lên làn điệu dân ca, những câu hò sông nước bởi mỗi người Việt Nam từ trong tiềm thức của mình ai chẳng một lần vang lên câu hát vọng về từ xứ Lạng:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Câu ca này điệp vào thơ của Nguyễn Khoa Điềm ở hình ảnh:

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho đất nước những núi Vọng Phu

Và khi Nguyễn Khoa Điềm nhằm giải bày Đất Nước trải ra theo chiều dài, chiều rộng của không gian nhưng không gian ấy thật gần gũi, là nơi con chim bay về, nơi con cá móng nước:

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Thì đó là một ý thơ có thể nhận thấy, nhà thơ lấy cảm hứng trọn vẹn từ câu hò Bình - Trị - Thiên quen thuộc, bởi vì nhà thơ được sinh ra và trưởng thành trên vùng đất giàu giá trị văn hóa, thơ Nguyễn Khoa Điềm thấm đẫm hồn Huế, chính vì thấm nhuần nền văn hóa dân gian nơi chôn nhau cắt rốn nên khi khái quát về Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm cũng đã nghĩ ngay đến câu ca dao bình dân của quê hương, xứ sở mình:

Con chim phượng hoàng bay ngang hòn núi bạc

Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi

Gặp nhau đây xin phân tỏ đôi lời

Kéo mai kia con cá về sông vịnh, con chim nọ đôi đời về non xanh

Mỗi độ xuân về, người Việt Nam lại hành hương về đất tổ, lòng ta lại rạo rức, bồi hồi, xúc động trước những câu ca dao mộc mạc chân thành mà đầm thắm:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng 3

Dù ai buôn bán gần xa

Nhớ ngày giỗ tổ tháng 3 mùng 10

Toàn bộ điều này được kết tinh trong câu thơ:

Hàng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ

Ta còn thấy ở đây có những câu ca dao như:

Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

Câu ca dao ấy bước vào “Đất nước” trở thành câu thơ:

Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Những câu thơ, đầm thắm, trữ tình nhất tác phẩm cũng được mượn ý từ ca dao:

Dạy anh biết yêu em từ thuở trong nôi

Là ý tứ từ câu ca dao đầy ngọt ngào, triu mến, bình dị và hết sức thân quen, nó thường trực hằng ngày mà trong những đôi nam nữ, trai gái yêu nhau không khó để nhận ra:

Yêu em từ thuở trong nôi

Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru

Có lúc câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm là nhằm nói đến sự quý trọng trong lối sống tình nghĩa, biết nâng niu, trân trọng những gì có được từ khó nhọc, gian nan:

Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Thì đâu đó phản phát trong ca dao cũng đã đúc kết và nhắc nhở mọi người rằng:

Cầm vàng mà lội qua sông

Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng

Ngoài ra, câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm cũng nói đến một phẩm chất nữa của nhân dân Việt Nam là bền bỉ kiên cường trong chiến đấu dựng và giữ nước, vì đất nước là của nhân dân, do nhân dân làm nên, nên đất nước mãi mãi trường tồn, bất diệt:

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi tra thù mà không sợ dài lâu

Điều này cũng có nghĩa là trong ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ đã luyến luyến, cảm hứng xuất phát từ cái gốc của câu ca dao đầy hùng hồn và đanh thép:

Thù này át hẳn còn lâu

Trồng tre nên gậy, gậy đâu đánh què

Có thể thấy ở tất cả những dòng thơ trên của Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ đã vận dụng và chuyển ý sáng tạo những câu ca dao, ngôn ngữ thành lời thơ đầm thắm, trữ tình, thiết tha của mình, không ngoài mục đích là ca ngợi nhân dân, ca ngợi bản sắc văn hoá của người Việt Nam.

Như vậy, tất cả những chất liệu dân gian được sử dụng đều được tái chế, biến hóa trong những câu thơ rất mực trữ tình của Nguyễn Khoa Điềm. Phải hiểu và yêu kho tàng văn hóa dân tộc này, tác giả mới có thể sáng tạo được những câu thơ như vậy.

- Đánh giá:

Có thể nói từ những hệ thống như trên, chúng ta thấy Nguyễn Khoa Điềm đã sử dụng chất liệu văn hoá, văn học dân gian một cách sáng tạo. Không trích dẫn nguyên văn câu ca dao, tục ngữ, dân ca, không kể dài dòng các truyền thuyết, truyện cổ tích, các phong tục tập quán, mà nhà thơ chỉ bắt lấy rất tinh tế cái hồn của chất liệu dân gian để gợi liên tưởng, gợi suy ngẫm cho người đọc. Cho nên khi tiếp xúc tạo cho người đọc cảm giác vừa quen vừa lạ. Cảm giác “quen” vì từ thuở ấu thơ mỗi người trong chúng ta, ai cũng đã sống trong không khí văn hoá dân gian, cho nên trong mỗi người Việt Nam hết sức nhạy cảm với ca dao dân ca, cổ tích, truyền thuyết hay các phong tục tập quán... Chỉ cần một lay động nhỏ, là tâm hồn người Việt Nam đã rung lên bao hồi ức. Còn cảm giác “lạ” là khi đọc những dòng thơ này là do từ những chất liệu văn hoá, văn học dân gian rất gần gũi ấy, nhà thơ đã thu nạp được nhiều ý tưởng rất thơ, rất êm dịu và cũng rất bất ngờ đem lại sức hấp dẫn cho đoạn thơ.

3. Kết bài :

Đoạn trích *Đất nước* đã để lại một dấu ấn riêng, đặc sắc không chỉ bởi tư tưởng nhân dân bình dị, thấm nhuần mà còn bởi những chất liệu nghệ thuật vừa gần gũi, vừa mới mẻ, độc đáo mà nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã sử dụng. Chính chất liệu ấy đã khiến cho những câu thơ giàu suy tưởng trở nên ngọt ngào, thiết tha và neo đậu bền chặt trong tâm thức người đọc không chỉ hôm nay mà còn mai sau.

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

Nếu trong mỗi chúng ta, ai đó một khi chưa hiểu hết về đất nước với những khái niệm trừu tượng như lãnh thổ, chủ quyền, thì chúng ta sẽ cảm nhận được đất nước là một cái gì đó rất gần gũi, quen thuộc qua những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích mẹ thường kể từ thuở còn nằm trong nôi.

+ Chất liệu văn hoá dân gian còn gắn với phong tục tập quán của người Việt Nam:

Đất nước còn được hình thành từ những truyền thống cao đẹp như truyền thống yêu nước, anh hùng, lao động, văn hóa. Trước hết là truyền thống văn hóa với phong tục ngàn đời của cha ông ta đúc kết lại. Vì thế, khi Nguyễn Khoa Điềm tâm sự:

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đó là phong tục “miếng trầu là đầu câu chuyện” có từ thuở các vua Hùng dựng nước. Hay gợi nhớ câu chuyện “Trầu cau” đầy nghĩa tình vừa mang yếu tố truyền thuyết lại vừa đậm yếu tố đời thường cũng là gợi nhớ tục ăn trầu của người Việt.

Hay khi nhà thơ miêu tả cái dáng dấp thấp thoáng của người mẹ hiện lên trong vẻ đẹp đầy nữ tính của người phụ nữ Việt Nam, nhà thơ đã viết:

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Tục búi tóc thành cuộn sau gáy của người dân Việt, đó là tập quán thể hiện quan niệm “cái răng cái tóc là góc con người” của người Việt cổ xưa mà đã một thời tô điểm vẻ đẹp bên ngoài của người phụ nữ Việt Nam.

Nhà thơ đã đưa đến cho người đọc quan niệm hình thành đất nước, đất nước chúng ta được hình thành từ trong cộng đồng của những người có chung kiểu ngôn ngữ nôm na dễ hiểu như thói quen đặt tên con bằng tên các đồ vật cho dễ nuôi của người dân lao động nước ta:

Cái kèo, cái cột thành tên

Với miếng trầu dung dị hiện lên trên cái miệng móm mém nhai trầu của bà, mái tóc bới hiền hòa của mẹ, cách gọi tên “cái kèo, cái cột” dân dã. Tất cả những điều tưởng chừng như bình thường ấy đã trở thành nếp sống, thành phẩm chất tốt đẹp, thành thuần phong mỹ tục đậm đà bản sắc mang tính văn hoá Việt Nam.

- Chất mới lạ của những ngữ liệu dân gian:

Khi nhà thơ triết lý về cội nguồn sinh ra đất nước cũng là cội nguồn của mỗi gia đình nên Đất Nước không chỉ tạo bởi những gì trừu tượng, xa xôi mà được hình

thành, tạo bởi từ tình nghĩa thủy chung của cha mẹ qua câu thơ:

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Thì đây là ý thơ cho ta thấy tác giả gợi tả từ cái gốc của chất liệu dân gian, đó là từ trong câu ngạn ngữ dân gian “Gừng cay muối mặn”, chỉ những cay đắng gian nan đã gắn bó tình nghĩa vợ chồng. Và thói quen tâm lí, tình cảm này cũng làm cho ta gợi nhớ đến câu ca dao hết sức triu mến:

Tay bưng chén muối đĩa gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau

Đất nước vốn là một đề tài lớn nhưng nó hiện lên trong thơ Nguyễn Khoa Điềm không hề lí luận khô khan, khó hiểu mà dễ đi sâu vào lòng người như câu hát, điệu ru của bà của mẹ. Người đọc có cảm giác Nguyễn Khoa Điềm không làm thơ mà như đang cất lên làn điệu dân ca, những câu hò sông nước bởi mỗi người Việt Nam từ trong tiềm thức của mình ai chẳng một lần vang lên câu hát vọng về từ xứ Lạng:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Câu ca này điệp vào thơ của Nguyễn Khoa Điềm ở hình ảnh:

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho đất nước những núi Vọng Phu

Và khi Nguyễn Khoa Điềm nhằm giải bày Đất Nước trải ra theo chiều dài, chiều rộng của không gian nhưng không gian ấy thật gần gũi, là nơi con chim bay về, nơi con cá móng nước:

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Thì đó là một ý thơ có thể nhận thấy, nhà thơ lấy cảm hứng trọn vẹn từ câu hò Bình - Trị - Thiên quen thuộc, bởi vì nhà thơ được sinh ra và trưởng thành trên vùng đất giàu giá trị văn hóa, thơ Nguyễn Khoa Điềm thấm đẫm hồn Huế, chính vì thấm nhuần nền văn hóa dân gian nơi chôn nhau cắt rốn nên khi khái quát về Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm cũng đã nghĩ ngay đến câu ca dao bình dân của quê hương, xứ sở mình:

Con chim phượng hoàng bay ngang hòn núi bạc

Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi

Gặp nhau đây xin phân tỏ đôi lời

Kèo mai kia con cá về sông vịnh, con chim nọ đôi đời về non xanh

Mỗi độ xuân về, người Việt Nam lại hành hương về đất tổ, lòng ta lại rạo rức, bồi hồi, xúc động trước những câu ca dao mộc mạc chân thành mà đầm thắm:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng 3

Dù ai buôn bán gần xa

Nhớ ngày giỗ tổ tháng 3 mùng 10

Toàn bộ điều này được kết tinh trong câu thơ:

Hàng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ

Ta còn thấy ở đây có những câu ca dao như:

Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

Câu ca dao ấy bước vào “Đất nước” trở thành câu thơ:

Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Những câu thơ, đầm thắm, trữ tình nhất tác phẩm cũng được mượn ý từ ca dao:

Day anh biết yêu em từ thuở trong nôi

Là ý tứ từ câu ca dao đầy ngọt ngào, triu mến, bình dị và hết sức thân quen, nó thường trực hằng ngày mà trong những đôi nam nữ, trai gái yêu nhau không khó để nhận ra:

Yêu em từ thuở trong nôi

Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru

Có lúc câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm là nhằm nói đến sự quý trọng trong lối sống tình nghĩa, biết nâng niu, trân trọng những gì có được từ khó nhọc, gian nan:

Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Thì đâu đó phản phát trong ca dao cũng đã đúc kết và nhắc nhở mọi người rằng:

Cầm vàng mà lội qua sông

Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng

Ngoài ra, câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm cũng nói đến một phẩm chất nữa của nhân dân Việt Nam là bền bỉ kiên cường trong chiến đấu dựng và giữ nước, vì đất nước là của nhân dân, do nhân dân làm nên, nên đất nước mãi mãi trường tồn, bất diệt:

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi trả thù mà không sợ dài lâu

Điều này cũng có nghĩa là trong ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ đã luyến láy, cảm hứng xuất phát từ cái gốc của câu ca dao đầy hùng hồn và đanh thép:

Thù này ắt hẳn còn lâu

Trồng tre nên gậy, gậy đâu đánh què

Có thể thấy ở tất cả những dòng thơ trên của Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ đã vận dụng và chuyển ý sáng tạo những câu ca dao, ngôn ngữ thành lời thơ đầm thắm, trữ tình, thiết tha của mình, không ngoài mục đích là ca ngợi nhân dân, ca ngợi bản sắc văn hoá của người Việt Nam.

Như vậy, tất cả những chất liệu dân gian được sử dụng đều được tái chế, biến hóa trong những câu thơ rất mực trữ tình của Nguyễn Khoa Điềm. Phải hiểu và yêu kho tàng văn hóa dân tộc này, tác giả mới có thể sáng tạo được những câu thơ như vậy.

- Đánh giá:

Có thể nói từ những hệ thống như trên, chúng ta thấy Nguyễn Khoa Điềm đã sử dụng chất liệu văn hoá, văn học dân gian một cách sáng tạo. Không trích dẫn nguyên văn câu ca dao, tục ngữ, dân ca, không kể dài dòng các truyền thuyết, truyện cổ tích, các phong tục tập quán, mà nhà thơ chỉ bắt lấy rất tinh tế cái hồn của chất liệu dân gian để gợi liên tưởng, gợi suy ngẫm cho người đọc. Cho nên khi tiếp xúc tạo cho người đọc cảm giác vừa quen vừa lạ. Cảm giác “quen” vì từ thuở ấu thơ mỗi người trong chúng ta, ai cũng đã sống trong không khí văn hoá dân gian, cho nên trong mỗi người Việt Nam hết sức nhạy cảm với ca dao dân ca, cổ tích, truyền thuyết hay các phong tục tập quán... Chỉ cần một lay động nhỏ, là tâm hồn người Việt Nam đã rung lên bao hồi ức. Còn cảm giác “lạ” là khi đọc những dòng thơ này là do từ những chất liệu văn hoá, văn học dân gian rất gần gũi ấy, nhà thơ đã thu nạp được nhiều ý tưởng rất thơ, rất êm dịu và cũng rất bắt ngờ đem lại sức hấp dẫn cho đoạn thơ.

3. Kết bài :

Đoạn trích *Đất nước* đã để lại một dấu ấn riêng, đặc sắc không chỉ bởi tư tưởng nhân dân bình dị, thấm nhuần mà còn bởi những chất liệu nghệ thuật vừa gần gũi, vừa mới mẻ, độc đáo mà nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã sử dụng. Chính chất liệu ấy đã khiến cho những câu thơ giàu suy tưởng trở nên ngọt ngào, thiết tha và neo đậu bền chặt trong tâm thức người đọc không chỉ hôm nay mà còn mai sau.

ĐỀ SỐ 55

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông. Xưa nay những đấng anh hùng làm nên những việc gian nan không ai làm nổi, cũng là nhờ cái gan mạo hiểm, ở đời không biết cái khó là cái gì[...]

Còn những kẻ ru rú như gián ngày, làm việc gì cũng chờ trời đợi số, chỉ mong cho được một đời an nhàn vô sự, sống lâu giàu bền, còn việc nước việc đời không quan hệ gì đến mình cả. Như thế gọi là sống thừa, còn mong có ngày vũng vầy trong trường cạnh tranh này thế nào được nữa. Hãy trông những bọn thiếu niên con nhà kiêu dưỡng, cả đời không dám đi đâu xa nhà, không dám làm quen với một người khách lạ; đi đường thì sợ sóng, trèo cao thì sợ run chân, cứ áo buông chùng đống gót, tưởng thế là nho nhã, tưởng thế là tư văn; mà thực ra không có lực lượng, không có khí phách; hễ ra khỏi tay bảo hộ của cha mẹ hay kẻ có thế lực nào thì không có thể mà tự lập được.

Vây học trò ngày nay phải tập xông pha, phải biết nhẫn nhục; mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đôi rét cũng không lấy làm khổ sở. Phải biết rằng: hay ăn miếng ngon, hay mặc của tốt, hễ ra khỏi nhà thì nhẩy lên cái xe, hễ ngồi quá giờ thì đã kêu chóng mặt,... ấy là những cách làm mình yếu đuối nhút nhát, mất hẳn cái tinh thần mạo hiểm của mình đi.

(Mạo hiểm – Nguyễn Bá Học)

Câu 1: Thao tác lập luận nào được sử dụng trong đoạn văn trên?

Câu 2: Nội dung của đoạn văn trên gửi gắm lời khuyên gì đến thế hệ thanh niên?

Câu 3: Theo anh (chị), nguyên nhân chính của việc không dám mạo hiểm xông pha vào khó khăn là gì?

Câu 4: Trong những quyết định quan trọng nếu mạo hiểm bao giờ cũng có những rủi ro nhất định, có thể thành công cũng có thể thất bại. Anh/chị suy nghĩ gì về điều đó? Trình bày ngắn gọn trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Sự kiện đốn hạ, thay mới 6700 cây xanh trên 190 tuyến phố ở Hà Nội đã tạo lên một làn sóng dư luận. Dưới đây là một ý kiến:

...Phải cứu lấy cây xanh Hà Nội! Đó là mệnh lệnh trái tim của những người Hà Nội... Những cái cây chỉ đứng im ra lá ra hoa, chỉ đứng im che chở cho con người và các kiến trúc phong cảnh, chỉ đứng im lọc khí cho thành phố, chỉ đứng im trong nắng trong mưa giữ cho phố phường màu xanh sự sống. Nhưng cây có tiếng nói của lịch sử, của văn hoá ôm ấp trong lòng thành phố. ...Nếu như cây bị triệt hạ một cách lạnh lùng, man rợ thì con người sẽ phải sợ cho cuộc sống của mình, Cứu lấy cây, chính là cứu lấy người

(Theo Thạch Linh, *Tiếng cây*, Tuoitreonline, 22/3/2015)

Từ thông điệp bài báo trên, anh (chị) có suy nghĩ gì về vấn đề: Hãy giữ gìn môi trường một cách nhân văn? Trình bày quan điểm bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm): Cảm nhận của anh/chị về những nét tương đồng và khác biệt của hình tượng người chiến sĩ trong hai đoạn văn sau:

“Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. Các anh chờ Việt một chút. Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. Kèn xung phong của chúng ta đã nổ lên. Lưu đạn ta đang nổ rộ...”

Việt đã bỏ đi được một đoạn, cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lồi người theo. Việt cũng không biết rằng mình đang bỏ đi nữa, chính trận đánh đang gọi Việt đến. Phía đó là sự sống. Tiếng súng đã đem lại

sự sống cho đêm vắng lặng. Ở đó có các anh đang chờ Việt, đạn ta đang đổ lên đầu giặc Mĩ những đám lửa dữ dội, và những mũi lê nhọn hoắc đang bắt đầu xung phong...”

(Trích *Những đứa con trong gia đình* - Nguyễn Thi, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

“Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng.

Trời ơi! Cha mẹ ơi! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói: “Người cộng sản không thèm kêu van...”. Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi! Cháy, cháy cả ruột đây rồi! Anh Quyết ơi! Cháy! Không, Tnú sẽ không kêu! Không!”

(Trích *Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành, *Ngữ Văn 12*, tập hai, trang 47, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn trên là thao tác lập luận so sánh và bình luận.

Câu 2: Nội dung của đoạn văn trên gửi gắm lời khuyên đến thế hệ thanh niên: Mạo hiểm vượt lên cái khó của chính bản thân mình; mạo hiểm xông pha, thoát ra khỏi bàn tay bảo hộ của cha mẹ để tự lập; phải biết nhẫn nhục, mưa nắng cũng không lấy làm nhọc nhằn, đói rét cũng lấy làm khổ sở.

Câu 3: Nguyên nhân chính của việc không dám mạo hiểm xông pha vào khó khăn là: Vì không biết nhẫn nhục chịu đựng khổ sở.

Câu 4: Học sinh trình bày ngắn gọn suy nghĩ trong khoảng 5 – 7 dòng, có thể tham khảo các ý sau:

- Trong những quyết định quan trọng nếu mạo hiểm bao giờ cũng có những rủi ro nhất định, có thể thành công cũng có thể thất bại. Vì vậy cần phải có ý chí quyết tâm, tinh thần vượt khó. Bởi cuộc sống muôn màu muôn vẻ đường đời lại nhiều ngã rẽ quanh co. Trên đường ta đi đâu phải chỉ có hoa thơm cỏ lạ mà bao nguy hiểm, khó khăn luôn chờ ta phía trước. Nếu muốn đạt được mục đích của cuộc đời thì chúng ta không thể lùi bước mà phải đương đầu với những việc khó khăn mà sức người tưởng chừng như không thể nào làm được.

- Và để vượt được lên trên mọi chướng ngại, điều trước tiên là ta phải chiến thắng bản thân mình. Ta phải tự rèn luyện cho mình ý chí kiên nhẫn, lòng quyết tâm, tinh thần gan thép để có đủ sức mạnh vượt qua sông sâu, núi cao.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Vấn đề đề cập đến một thực trạng thực tế ở đất nước đó là việc một số cây xanh ở Hà Nội bị chặt phá (vì một số mục đích khác phục vụ cho giao thông vận tải...). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Phân tích hiện tượng:

++ Thời gian gần đây chứng kiến sự việc 6700 cây xanh ở Hà Nội bị chặt phá trên 190 tuyến phố. Điều này được thực hiện nhằm phục vụ một số mục đích giao thông vận tải.

++ Hành động trên được nhìn nhận trên nhiều phương diện, có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau, tuy nhiên, đối với bình diện môi trường xanh thì nó được nhìn nhận như một hành động phá hoại môi trường.

+ Cây xanh nói riêng và môi trường nói chung có ảnh hưởng lớn như thế nào đối với đời sống của mỗi con người?

++ Một hệ sinh thái cân bằng là hệ sinh thái có đủ lượng cây cối rậm rạp, tầng tầng lớp lớp chen chúc nhau, nhiều loại động vật quý hiếm. Chiếm một phần diện tích của Trái Đất, rừng có vai trò điều hòa sinh thái, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của con người. Cụ thể, cây xanh có vai trò góp phần thanh lọc không khí, cung cấp

oxi cho sự sống của con người, là lá phổi không thể thiếu trong đời sống con người.

+ Thực trạng con người đối xử với thiên nhiên, môi trường hiện nay đem lại những hậu quả gì vào thời điểm trước mắt và sau này?

++ Khi nhìn nhận hậu quả trước mắt, việc đốn hạ cây xanh khiến cho quang cảnh đường phố Hà Nội bị xuống cấp rất nhiều.

++ Khi nhìn nhận hậu quả về sau, chúng ta đều hiểu rõ câu trả lời của môi trường là gì đối với những hành động đó. Song song với việc cảnh quan bị mất đi là việc tầng ozon bị chọc thủng, con người phải chịu nhiều ảnh hưởng của tia cực tím. Cùng với đó là việc con người phải đối diện với những thảm họa thiên nhiên khôn lường có thể đến bất cứ lúc nào.

+ Mỗi người cần có ý thức như thế nào trong vấn đề bảo vệ môi trường?

++ Mỗi con người cần ý thức được vai trò không nhỏ của cây xanh đối với đời sống của chính mình, từ đó có những hành động tích cực bảo vệ chính cuộc sống của bản thân mình.

++ Cần có những hành động nghiêm túc, hợp lý nhằm ngăn chặn những hành động chặt phá cây xanh, phục vụ mục đích bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.

- Bài học nhận thức và hành động

+ Vấn đề bảo vệ môi trường là việc không của riêng ai. Mỗi con người cần ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, không để những hành động dù là rất nhỏ của mình ảnh hưởng đến môi trường sống của chính bản thân chúng ta.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi và *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Mặc dù hai tác phẩm được viết theo hai phong cách khác nhau, in dấu ấn của vùng miền nhưng cả hai nhà văn lại gặp gỡ nhau ở cảm hứng ca ngợi những người con ưu tú của dân tộc. Điều này thể hiện rõ nhất trong phân cảnh Việt bị thương nằm lại chiến trường và Tnú khi bị giặc đốt mười đầu ngón tay. Hai khung cảnh đó đã khắc họa người chiến sĩ cộng sản anh dũng, kiên cường, sẵn sàng đối mặt với mọi hiểm nguy của cuộc chiến để giữ vững tinh thần cách mạng. Đồng thời thông qua hình tượng người chiến sĩ ấy chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp sáng

ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong văn học chống Mĩ.

2. Thân bài:

- Khái quát về tác giả - tác phẩm:

+ Mỗi nhà văn lại bộc lộ sở trường của mình qua cách chiếm lĩnh các đề tài khác nhau và khi nhắc đến văn học kháng chiến chống Mĩ ta không thể không nhắc đến hai nhà văn gạo cội là Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi. Nguyễn Trung Thành được biết đến là cây bút có sở trường viết về vùng đất Tây Nguyên anh hùng, bất khuất. Còn Nguyễn Thi tuy sinh ra tại miền Bắc nhưng ông lại có tình cảm đặc biệt gắn bó sâu lặng với mảnh đất Nam Bộ chính vì vậy ông được mệnh danh là nhà văn của người dân Nam Bộ. Cả hai tác giả đều gắn bó nhiệt thành với cuộc kháng chiến chống Mĩ. Là những nhà văn – chiến sĩ ở hai tuyến đầu máu lửa của Tổ quốc, tác phẩm của họ mang hơi thở nóng hổi của cuộc chiến đấu với những hình tượng nhân sinh động, bước vào văn học từ thực tế chiến đấu.

+ Hai truyện ngắn *Rừng xà nu* (1965) và *Những đứa con trong gia đình* (1966) đã phản ánh một cách chân thực và đậm nét ý chí quyết tâm đánh giặc ngoại xâm của dân tộc ta, lòng căm thù giặc cũng như những phẩm chất anh hùng của người chiến sĩ trong công cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước. Nhân vật Tnú và nhân vật Việt trong hai tác phẩm là hai nhân vật tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu cách mạng của con người Việt Nam trong kháng chiến. Ở họ hội tụ nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng trên hết vẫn là tinh thần chiến đấu, hi sinh anh dũng, kiên cường của mình.

- Phân tích các đoạn trích:

+ Đoạn trích thứ nhất: Cảnh Việt bị thương một mình nằm lại chiến trường

++ Việt là một chiến sĩ giải phóng quân sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân giàu truyền thống cách mạng. Trong anh hội tụ những phẩm chất, tính cách cũng như vẻ đẹp tâm hồn cao đẹp đáng quý của nhân dân miền nam trong thời kỳ đánh Mĩ. Mang mối thù sâu nặng với Mĩ-ngụy: ông nội và bố Việt đều bị giặc giết hại, mẹ Việt vừa phải vất vả nuôi con vừa phải đương đầu với bọn giặc và cuối cùng cũng chết vì bom đạn. Gia đình chỉ còn lại Việt, Chị Chiến, Chú Năm, thằng út em và người chị nuôi lấy chồng xa. Việt và chiến hăng hái tòng quân đi giết giặc, vì nhỏ tuổi đồng đội hay gọi thân thiết là “cậu tư”. Anh rất gắn bó với đơn vị đặc biệt là tiểu đội trưởng Tánh, như tình ruột thịt. Ở Việt luôn sôi nổi

một tinh thần chiến đấu, tiêu diệt địch quyết lập được nhiều chiến công như chị Chiến để trả thù cho ba má.

++ Được tác giả kể lại trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt khi Việt đang chiến đấu ác liệt trong khi rừng cao su, anh đã hạ được một xe bọc thép của địch nhưng bị thương nặng và lạc đồng đội. Việt ngất đi tỉnh lại nhiều lần, mỗi lần ngất đi tỉnh lại những dòng hồi ức về những kỉ niệm thân thiết đã quên của anh về chị Chiến, về má, chú Năm.... lại ùa về. Ngoài ra những ấn tượng khó quên của chúng ta về nhân vật Việt đó là tính cách của anh.

++ Cho dù bị thương, bị lạc đồng đội và đơn độc nằm lại chiến trường nhưng Việt luôn giữ vững tinh thần, ý chí, quyết tâm chiến đấu của nhân vật trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ nhất., Việt vẫn hướng về phía có tiếng súng của đồng đội, phân biệt rõ ta – địch, luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

+ Đoạn trích thứ hai: Cảnh Tú bị giặc đốt mười đầu ngón tay

++ Ấn tượng không thể phai mờ trong lòng người đọc chính là hình ảnh đôi bàn tay Tú bị giặc quán giề tằm nhựa xà nu rồi đốt cháy trong cái đêm anh bị bắt. Hình ảnh ấy vừa có ý nghĩa tố cáo tội ác dã man của kẻ thù, vừa thể hiện lòng dũng cảm, khi phách kiên cường của Tú. Đây là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc, giàu tính tạo hình, được nhà văn Nguyễn Trung Thành chú ý tô đậm và nhấn mạnh. Bọn giặc đốt mười ngón tay Tú nhằm khùng bó và tiêu diệt ý chí phản kháng của dân làng Xô Man. Thằng ác ôn Dục đã giơ cao ngọn đuốc, cười sằng sặc và dọa: Đứa nào muốn cầm rựa, cầm giáo thì coi bàn tay thằng Tú đây ! Kẻ thù tìm mọi cách để tiêu diệt lòng yêu nước của dân làng Xô Man. Chúng tra tấn Tú ngay trước sân nhà rông, trong không khí căm thù sôi sục của dân làng.

++ Tác giả miêu tả rất kĩ hình ảnh mười ngón tay Tú bị giặc đốt cháy bằng những câu văn gây xúc động mạnh mẽ: *“Một ngón tay Tú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.*

Tú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng”.

++ Hình ảnh đôi bàn tay cháy rưng rục của Tú thể hiện phẩm chất dũng cảm phi thường của người anh hùng thời đại. Tuy da thịt bị thiêu đốt đau đớn tột cùng những anh không hề khóc lóc, kêu van. Thái độ căm thù giặc mãnh liệt hiện rõ trong đôi mắt mở trừng trừng, trên đôi môi bị chính anh cắn nát, trong vị máu mặn chất ở đầu lưỡi. Nỗi đau nén lại trong lồng ngực để rồi òa vỡ ra thành một tiếng thét dữ dội. Tú đã thét lên tiếng thét

căm hờn, khinh bỉ vào mặt lũ tay sai tàn ác. Tiếng thét ấy làm cho dân làng Xô Man bùng tỉnh, thôi thúc dân làng vùng dậy cầm giáo cầm mác giết chết cả tiểu đội lính nguỵ:

++ Tú thét lên một tiếng. Chi một tiếng thôi. Nhưng tiếng thét của anh bỗng vang dội thành nhiều tiếng thét dữ dội hơn. Tiếng “Giết!”. Tiếng chân người đạp trên sàn nhà ung ào ào. Tiếng bọn lính kêu thất thanh. Tiếng cụ Mét ồ ồ: “Chém! Chém hết”. Cụ Mét đứng rồi, cụ Mét đã đứng đấy, lưỡi mác dài trong tay. Thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mét. Và thanh niên, tất cả thanh niên trong làng, mỗi người một cây rựa sáng loáng, những cây rựa mài bằng đá Tú mang từ đỉnh Ngọc Linh về.

++ Nỗi đau đớn tột cùng và lòng căm thù sôi sục của Tú đã truyền sang dân làng Xô Man. Trong khoảnh khắc, cụ Mét đã lãnh đạo dân làng dùng giáo mác giết sạch bọn thằng Dục có trang bị vũ khí đầy đủ. Mười ngọn đuốc cháy rưng rục trên hai bàn tay Tú không làm cho lòng người Xô Man nao núng, khiếp sợ như kẻ thù mong muốn; ngược lại, hình ảnh đó càng nung nấu căm thù và tiếp thêm sức mạnh cho mọi người đứng cầm vung lên giết giặc. Sự man rợ của kẻ thù là một trong những nguyên nhân thúc đẩy hành động quật khởi của dân làng Xô Man trong cái đêm đáng nhớ ấy.

- Chi ra điểm tương đồng và khác biệt của hai nhân vật:

+ Sự tương đồng:

Hai nhân vật đều phải chịu đựng những đau đớn về thân xác, đơn độc khi chiến đấu ; là hình mẫu của người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường, tuyệt đối trung thành với cách mạng, đất nước ; là biểu tượng đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

+ Sự khác biệt:

++ Nhân vật Việt: Chiến đấu với tinh thần quả cảm, lạc quan, hồn nhiên, yêu đời, tin tưởng vào cách mạng, đồng đội. Ở Việt, chủ yếu chỉ có nỗi đau về thể xác do bị thương.

++ Nhân vật Tú: Chiến đấu bằng ý chí quyết tâm và lòng căm thù giặc sâu sắc, do vừa trải qua những biến cố, mất mát trong đời sống cá nhân (vợ và con bị giặc giết chết ngay trước mắt). Ở Tú, đó là nơi cộng hưởng cả nỗi đau thể xác và tinh thần.

3. Kết bài

- Khái quát lại vẻ đẹp của người chiến sĩ trong những hoàn cảnh đấu tranh gian khổ khác nhau.

- Sự thành công trong việc miêu tả, khắc họa hình tượng cũng như diễn biến tâm lý nhân vật của nhà văn.

ĐỀ SỐ 56

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngày 24/8/2014. Thành ủy, HẸND, UBND, Thành phố Hà Nội tổ chức lễ tuyên dương thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2014.

Các thủ khoa đều có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc, nhiều người là những tấm gương vượt khó vươn lên, có công trình nghiên cứu khoa học để tài sáng kiến, giải pháp thiết thực hiệu quả trao giải thưởng trong nước và quốc tế. Tại buổi lễ, thành phố Hà Nội đã tuyên dương 132 thủ khoa xuất sắc gồm 97 thủ khoa là nữ, 37 thủ khoa là nam. Trong đó có 56 thủ khoa là Đảng viên, 29 thủ khoa khối ngành kỹ thuật, 23 thủ khoa khối ngành văn hóa xã hội, 47 thủ khoa khối ngành kinh tế, 17 thủ khoa khối ngành sư phạm, y dược, 16 thủ khoa khối lực lượng vũ trang.

(Theo Báo mới, 8/2014)

Câu 1: Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2: Chỉ ra thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3: Cách nêu các con số cụ thể trong văn bản có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4: Đọc văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về phương hướng phấn đấu của bản thân trong hiện tại và tương lai? Hãy viết một đoạn văn từ 5 – 7 dòng để bày tỏ

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Trên website Nhà văn hóa Thanh niên: www.nvhtn.org.vn có đăng ý kiến của ông Giản Tư Trung, Giám đốc PACE:

Trái đất này là của chúng mình, thế giới phẳng đã giống lên hồi chuông toàn cầu về sự vận động của thế giới, mọi người cần ý thức sâu sắc về nơi mình đang sống, vị trí mình đang đứng. Khoa học, công nghệ đang thu nhỏ thế giới lại, cơ hội đang đến với mỗi cá nhân chúng ta và chỉ còn phải nắm bắt lấy nó. Mỗi người phải chuẩn bị cho mình một nền tảng vững chắc như vốn ngoại ngữ, khả năng sử dụng công nghệ thông tin, trình độ tư duy tốt. Hãy bắt đầu ngay trước khi quá muộn.

Và bản tin ấy cũng đã nêu vấn đề:

... Nhiều người trong chúng ta, hằng ngày đang sống, làm việc đôi khi như quán tính, thói quen và vì các mục tiêu trước mắt, mà rất ít khi dừng lại xác định “mình là ai?”, “mình thực sự muốn gì?” và “mình cần phải làm gì?”.

Suy nghĩ của anh/ chị khi đọc những dòng trên? Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ sau:

Sóng Mã xa rồi Tây tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

(Tây Tiến, Quang Dũng, Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục 2008, trang 88).

Nhớ khi giặc đến giặc lùng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây

Núi giảng thành lũy sắt dày

Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.

(Việt Bắc, Tố Hữu, *Ngữ văn 12*, tập 1, NXB Giáo dục 2008, trang 112)

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Thao tác lập luận chứng minh.

Câu 3. Cách nêu các con số cụ thể trong văn bản có các ý nghĩa sau:

- Để người đọc nắm được số liệu cụ thể (số lượng thủ khoa/ các ngành học...) từ đó có cái nhìn chung về giáo dục Việt Nam (giáo dục đại học)

- Thấy được nghị lực và sự vươn lên của những người trẻ (nữ đóng vai trò khá quan trọng)...

Câu 4. Câu hỏi mở. Thí sinh tự do trình bày suy nghĩ của bản thân. Văn viết phải rành mạch, hợp lí, thuyết phục. Giáo viên linh hoạt cho điểm.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Tác giả của bài viết đã khẳng định vai trò của mục tiêu và những yếu tố quan trọng để mục tiêu, mơ ước mà con người đặt ra trở thành hiện thực và có ý nghĩa. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, mỗi con người cần phải trang bị cho mình một nhận thức đúng đắn rõ ràng về bản thân, những kĩ năng cần thiết. Có như vậy, con người mới có thể đạt được những mục tiêu mà mình đặt ra.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Vì sao bản thân mỗi người cần phải xác định “mình là ai?”, “mình thực sự muốn gì?” và “mình cần phải làm gì?”

++ Cuộc sống mở rộng trước mắt con người nhiều cơ hội, nhiều ngã rẽ. Cuộc đời con người không phải lúc nào cũng trải đầy hoa hồng. Mọi sự quyết định, lựa chọn của con người đều có ảnh hưởng quan trọng.

++ Xác định được mình là ai, mình thật sự cần gì và muốn gì, con người sẽ không bị lạc lối, hoang mang

trước thế giới, có những hành động phù hợp, định hướng được cuộc đời mình một cách đúng đắn.

++ Xác định được mình là ai, đó cũng là yêu cầu đầu tiên khi bước vào đường đời. Đó sẽ là những nền tảng giúp con người tự tin hơn để vững bước, đó cũng là động lực giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

++ Bên cạnh đó, *vốn ngoại ngữ, khả năng sử dụng công nghệ thông tin, trình độ tư duy tốt* sẽ là một công cụ hữu hiệu giúp con người hội nhập nhanh hơn với thế giới, giải quyết công việc một cách, nhanh chóng, thuận lợi.

++ Để có được những nền tảng vững chắc, có được những hoạch định đúng đắn cho tương lai, thế hệ trẻ cần sự giúp đỡ tích cực từ phía gia đình, nhà trường, và toàn xã hội. Tạo ra những môi trường, điều kiện thuận lợi để thế hệ trẻ được trang bị đầy đủ trước khi hội nhập với thế giới là một yêu cầu quan trọng.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Không có mục tiêu sống, con người dễ lâm vào những cảm xúc tiêu cực không đáng có. Tuy nhiên, không ít giấc mơ đã thui chột chỉ vì bản thân con người không xác định được mình là ai, mình thực sự cần gì và muốn gì. Phải biết ước mơ và xây dựng cho mình những mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn trong hành trình đến tương lai; không ngừng học tập, rèn luyện những năng lực, những kĩ năng để có một “nền tảng vững chắc” vươn tới thành công.

+ Liên hệ bản thân: mục tiêu sắp tới của người viết là gì? Cơ sở nào, động lực nào giúp người viết đặt ra mục tiêu như vậy? Kế hoạch thực hiện các mục tiêu ấy như thế nào? Từ những câu hỏi đó định hướng một lối sống, lối hành động phù hợp.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài

Chế Lan Viên đã từng viết: “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn” (*Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên). Quả đúng như vậy, con người ai cũng có những vùng đất từng gắn bó sâu nặng, thủy chung cho dù đó không phải là quê hương nhưng khi chia xa sẽ dễ thương để nhớ. Nhà thơ Quang Dũng và nhà thơ Tố Hữu cũng đã từng gắn bó với mảnh đất miền Tây Bắc với

những tình cảm nồng hậu và rất đỗi thân thương như vậy. Và điều đó được thể hiện rõ nét nhất qua bốn câu đầu của thi phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và bốn câu thơ nằm ở phần I của bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu).

2. Thân bài

- Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm:

+ Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, tên tuổi của ông gắn liền với thi phẩm *Tây Tiến*. Bài thơ là nỗi nhớ lớn của tác giả về thiên nhiên và con người. Bốn câu đầu thể hiện rõ nhất nội dung cũng như cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

+ *Việt Bắc* là bài thơ xuất sắc của Tố Hữu. Toàn bài thơ là tình cảm cách mạng sâu nặng của những người cán bộ kháng chiến với chiến khu và những kỉ niệm kháng chiến. Bốn câu thơ nằm ở phần I của bài thơ phần nào thể hiện được đạo lí ân tình, thủy chung đó.

- Cảm nhận về đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng

+ Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ gọi nhớ gọi thương:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

+Vần “ơi”, kết hợp từ láy “chơi vơi” là vần bằng tạo âm hưởng của tiếng gọi đồng vọng miên man không dứt, câu thơ sâu lắng, bồi hồi, ngân dài, vang vọng vào thời gian năm tháng. Nỗi nhớ như mang dáng hình của núi non, của hồn cây, vách đá, con sông.

+ Trong nỗi nhớ của mình, tác giả gọi tên Sông Mã đầu tiên. Vì con sông Mã là người bạn, là người đồng hành, là chứng nhân đã theo suốt chặng đường hành quân, chứng kiến biết bao buồn vui, bao mất mát, hi sinh, gian khổ của người lính Tây Tiến.

+ Ca dao xưa cũng nói về nỗi nhớ với những cảm xúc da diết như thế:

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đống lửa như ngồi đống than

Diễn tả nỗi nhớ con người chiến khu, Tố Hữu có câu:

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương.

Đến Quang Dũng thì nỗi nhớ da diết hơn cả - nhớ chơi vơi. *Chơi vơi* là trạng thái lơ lửng giữa khoảng không rộng, không có gì để bám víu. *Nhớ chơi vơi* có thể hiểu là một mình lạc giữa thế giới hoài niệm mênh mông, đàn trời. Đó là nỗi nhớ miên man, bồi hồi làm cho con người có cảm giác băng khuâng trong lòng. Và nỗi nhớ ấy, tiếng gọi ấy đang đưa nhà thơ về với những kỉ niệm không quên của một thời gian khổ. Từ nỗi nhớ không

cùng ấy, Quang Dũng dùng “Tây Tiến” để cụ thể hóa cho cảm xúc của mình. Nhớ Tây Tiến là nhớ về thiên nhiên và con người Tây Tiến.

+ Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết, vơi vơi về miền Tây và người lính Tây Tiến. Thiên nhiên miền Tây xa xôi mà thân thiết, hoang vu và thơ mộng, con người Tây Tiến gian khổ mà hào hoa.

+ Hình ảnh thơ có sự hài hoà, nét thực, nét ảo, vừa mông lung, vừa gợi cảm về cảnh và người; nhạc điệu có sự hoà hợp giữa lời cảm thán với cảm xúc (câu mở đầu như một tiếng kêu vọng vào không gian), giữa mật độ dày những âm vần (rôi; ôi; chơi vơi; hơi), điệp từ (nhớ/nhớ) và lối đối uyển chuyển (câu 3 và 4) đã tạo ra một âm hưởng tha thiết, ngậm ngùi.

- Cảm nhận về đoạn thơ trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu:

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

+ Lối xưng hô dân gian: “mình – ta” quen thuộc, tha thiết như tình yêu đôi lứa. Đó là người ra đi, là cán bộ kháng chiến chuẩn bị về xuôi. Còn ta là người ở lại, là những người dân Việt Bắc ân nghĩa thủy chung. “Mình về mình có nhớ ta”. Câu hỏi tu từ, ước hỏi tình cảm của người về xuôi, liệu có còn nhớ đến đồng bào và mảnh đất Việt Bắc với những tháng năm gian khổ đã từng đùm bọc và che chở cho họ trong kháng chiến. Mượn cách nói thân mật ấy, Tố Hữu để lý giải cho mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa cán bộ kháng chiến với nhân dân. Vì thế lời thơ đầm thắm, ngọt ngào.

+ “Mười lăm năm ấy”: con số vừa mang nghĩa thực, vừa mang nghĩa biểu trưng: đó là mười lăm năm các mạng, mười lăm năm chiến khu Việt Bắc nhưng đồng thời cũng là mười lăm năm gắn bó thủy chung giữa cán bộ kháng chiến với nhân dân Việt Bắc. Sử dụng những từ ngữ gợi ý niệm về thời gian “mười lăm năm...” làm cho nỗi nhớ càng thêm da diết, cuộn trào. Đó là quãng thời gian gắn bó với biết bao gian khó nhưng cũng đầy ắp những kỉ niệm, nó in sâu vào tâm khảm của quân dân một thời.

+ Thể hiện sâu sắc hơn nỗi nhớ ấy, người ở lại đã khéo gợi:

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn

++ Câu thơ là nỗi nhớ da diết, khôn nguôi về những trận đánh của thiên nhiên và con người Tây Bắc. Thiên nhiên, đất trời, núi rừng Việt Bắc đã trở thành những

người đồng đội, những chiến sĩ anh hùng của quân và dân ta. Nó vừa bao vây quân thù, vừa che chở cho bộ đội.

++ Núi rừng vốn là những vật vô tri, song dưới con mắt của nhà thơ, núi rừng, thiên nhiên cũng trở nên có ý chí, có tình người. Chúng cùng quân dân tham gia chiến đấu (Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây). Nghệ thuật nhân hoá, Tô Hữu đã biến núi rừng, thiên nhiên thành con người Việt Nam anh dũng kiên cường (Núi ... quân thù). Hai từ “che” và “vây” đối lập làm nổi bật vai trò của những cánh rừng ở Việt Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ Các từ “mình” “ta”, câu hỏi tu từ “*Mình về mình có nhớ ...*” được lấy lại 2 lần làm cho nổi nhớ niềm thương cảm dâng lên mãi trong lòng của người đi và người ở lại.

- So sánh

+ Điểm tương đồng:

Hai đoạn thơ đều bộc lộ nỗi nhớ tha thiết, sâu nặng về thiên nhiên và con người ở những miền quê mà người lính tiền chiến đã đi qua.

+ Điểm khác biệt

++ Đoạn thơ trong *Tây Tiến* bộc lộ nỗi nhớ cụ thể của người trong cuộc, toát lên vẻ hào hoa, lãng mạn, hình ảnh thơ nghiêng về tả thực, trực quan.

++ Đoạn thơ trong bài *Việt Bắc* là cái tình, là lòng biết ơn sâu nặng của người cán bộ kháng chiến đối với đất, người Việt Bắc, vì thế hình ảnh thơ nghiêng về khái quát, tượng trưng.

3. Kết bài

- Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của hai đoạn thơ.

- Đánh giá và mở rộng vấn đề

ĐỀ SỐ 57

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật
 Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời
 Dẫu phải khi cay đắng dập vùi
 Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu
 Cây khế chua có đại bàng đến đậu
 Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta
 Đất đai cỗi cằn thì người sẽ nở hoa
 Hoa của đất, người trồng cây dựng cửa
 Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa
 Thì tin yêu ngay thẳng đón ta vào
 Ta nghẹn ngào, Đất Nước Việt Nam ơi!...

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 1: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: Chỉ ra ít nhất hai yếu tố là chất liệu văn hóa dân gian có trong đoạn thơ. Vì sao có thể nói chất liệu văn hóa dân gian ở đoạn trích này gọi ẩn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ?

Câu 3: Theo anh/chị, đoạn thơ thể hiện tình cảm gì của tác giả?

Câu 4: Anh/chị thích nhất hình ảnh nào trong đoạn thơ trên? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Con để dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chợt nắng, chợt râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con đê.

Trên đê chỉ có mẹ, có con. Lúc nắng, mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên, kéo nắng vỡ đầu ra.

Con cố. Lúc râm, con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, nhanh lên, kéo nắng bảy giờ.

Con ngỡ ngàng: Sao nắng, râm đều phải vội?

Trời vẫn nắng, vẫn râm...

...Mẹ mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: đời lúc nào cũng phải nhanh lên.

(*Bóng nắng, bóng râm*, Nguyễn Thiện Ý)

Điều người con hiểu ra trong câu chuyện gọi anh/chị suy nghĩ gì? Hãy trình bày những suy nghĩ ấy bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm)

Phân tích tấn bi kịch của hồn Trương Ba trong đoạn trích vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* – Lưu Quang Vũ.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1. Thể thơ tự do

Câu 2.

-Truyện cổ tích *Tám Cám/ Cây khế/ Người ta hoa đất/ Người ta là hoa của đất*

- Những gì thuộc về dân gian thường gợi ra sự quen thuộc, thân thương; cách diễn đạt trong bài thơ không giống hoàn toàn như hình thức vốn có trong văn học, văn hóa; do vậy, đoạn thơ gợi ấn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ

Câu 3. Đoạn thơ thể hiện tình cảm của tác giả: yêu mến và tự hào về những đạo lí, phẩm chất tốt đẹp của dân tộc (*ở hiền gặp lành, cần cù, chịu khó, quyết tâm, giàu niềm tin, thẳng thắn, trung thực...*). Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.

Câu 4. Yêu cầu chỉ ra được hình ảnh thơ (có trích dẫn hoặc diễn xuôi) sau đó lí giải một cách thuyết phục

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*
- + Câu chuyện kể về cuộc hành trình của hai mẹ con khi về thăm nhà ngoại.
- + Câu chuyện nêu lên một bài học về cách sống đời lúc nào cũng phải nhanh lên. Sống nhanh, sống hết mình cả khi khó khăn, lẫn khi yên bình. Có như vậy, con người mới sống được trọn vẹn cuộc đời mình.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Tại sao con người lại phải sống nhanh, sống hết mình ngay cả khi khó khăn lẫn khi thuận lợi, yên bình?

++ Khó khăn, thử thách là những rào cản ngăn bước con người. Để vượt qua rào cản, con người cần phải nỗ lực hết mình, phải dốc toàn bộ tâm sức để vượt qua. Không ai có thể chiến thắng được khó khăn, khắc nghiệt của cuộc sống mà chỉ im lặng, chờ đợi.

++ Cuộc sống luôn tiềm tàng nhiều biến cố nằm ngoài khả năng dự đoán của con người. Hôm nay thành công nhưng ngày mai có thể lãnh nhận thất bại, hôm nay may mắn nhưng ngày mai may mắn có thể chẳng mỉm cười,

thậm chí, hôm nay còn được sống, ngày mai đã có thể nằm trên giường bệnh hoặc vĩnh viễn không tỉnh dậy được nữa. Những yên bình, thuận lợi mà ta có hôm nay không kéo dài mãi mãi. Bởi vậy, trong hoàn cảnh thuận lợi, con người càng cần phải biết trân trọng từng giây từng phút, sống hết mình, chuẩn bị cho những biến cố bất ngờ xảy đến.

++ Những lúc yên bình, thuận lợi là những điều kiện tốt nhất để con người nhanh chóng đạt được mục tiêu. Càng trong hoàn cảnh thuận lợi, con người càng phải cố gắng, nỗ lực hết mình. Hoàn cảnh thuận lợi cộng với sự nỗ lực hết sức của con người sẽ đưa con người đến đích một cách dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn.

+ Để sống tốt trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, con người cần phải ý thức được rõ ràng mục tiêu mình đặt ra là gì, để đạt được mục tiêu ấy, con người phải bỏ ra những gì. Con người cần phải biết trân trọng thời gian, tranh thủ từng phút giây mình đang có để làm những việc có ích, phục vụ cho mục tiêu đặt ra của mình. Người xưa từng nói *Việc hôm nay chớ để ngày mai*, cũng là có mục đích răn dạy như vậy.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Sống nhanh, sống hết mình, không đồng nghĩa với sống gấp, sống ẩu. Sống nhanh, sống hết mình là khi con người nhận thức được giá trị của từng giờ phút trôi qua, biết trân trọng thời gian, trân trọng từng cơ hội đến với mình.

+ Liên hệ bản thân: người viết tự nhìn nhận, đánh giá lại “tốc độ sống” của bản thân mình, từ đó định hướng một lối sống phù hợp.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Lưu Quang Vũ là một trong những cây bút tài hoa để lại những dấu ấn trong nhiều thể loại: thơ, văn xuôi và đặc biệt là kịch. Ông là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất, đánh dấu sự vượt trội trong sáng tác của Lưu Quang Vũ.

- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* là vở kịch được Lưu Quang Vũ hiện đại hoá dựa trên một cốt truyện dân gian nhân mạnh vào sự phản kháng của linh hồn nhân hậu, thanh cao chống lại sự lấn át và chế ngự của thể xác thô lỗ, phàm tục. Vở kịch được viết vào năm 1981 và đến 1984 được công diễn. Bằng nghệ thuật xây dựng nội tâm

độc đáo, cảnh VII, đoạn cuối vở kịch đem đến cho người đọc nhiều vấn đề tư tưởng sâu sắc qua nhân vật Trương Ba trong thân xác anh hàng thịt. Có thể nói, Hồn Trương Ba trong thân xác anh hàng thịt là nhân vật trung tâm gửi gắm nhiều suy tư của tác giả.

2. *Thân bài:*

- Khái quát: Hồn Trương Ba là nhân vật chính, tập trung thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm. Trương Ba là nhân vật bị kịch rất đáng thương nhưng có vẻ đẹp tâm hồn đáng trân trọng. Qua đó, nhà văn Lưu Quang Vũ thể hiện tài năng khắc họa đời sống nội tâm nhân vật tập trung qua những xung đột kịch căng thẳng.

- Phân tích:

+ Có số phận bị kịch đáng thương:

++ Chịu cái chết oan uổng do sự tác trách của quan trời: vốn là người hiền làm vườn khỏe mạnh, chăm chỉ, hiền lành, yêu thương vợ con, sống có tâm hồn trong sạch. Nhưng do Nam Tào vội đi dự tiệc nên đã bắt chết nhầm. Nhưng sự "sửa sai" của Nam Tào và Bắc Đẩu theo lời khuyên của Đế Thích nhằm trả lại công bằng cho Trương Ba lại đẩy Trương Ba vào một nghịch cảnh vô lí hơn: phải trú nhờ linh hồn mình trong thể xác của kẻ khác.

+ Bị kịch bị tha hóa:

++ Trước đây: Trước đây, Trương Ba là người làm vườn chăm chỉ, khéo léo. Trương Ba nâng niu chăm sóc mầm cây, không nỡ làm gãy một cái cây. Điều đó được thể hiện qua lời cái Gái: "Ông nội không bao giờ phũ phàng như vậy", hay qua lời của người con dâu: "hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia". Trương Ba xưa kia là người luôn quan tâm tới vợ con, chăm sóc yêu chiều các cháu, hòa thuận tốt bụng với xóm láng. Bởi vậy mà trong mắt vợ con, cháu chắt, ông là người mẫu mực, được yêu kính, quý trọng.

++ Bây giờ: Từ khi sống trong thể xác anh hàng thịt điều khiến thô lỗ, phàm phu, Hồn Trương Ba đành phải chiều theo một số nhu cầu hiển nhiên của xác thịt. Xác thịt âm u đui mù, song vẫn có tiếng nói riêng, sức mạnh riêng. Linh hồn nhân hậu, trong sạch, bản tính ngay thẳng của Trương Ba xưa kia, nay vì phải sống mượn, gá lắp, tạm bợ và lệ thuộc nên chẳng những đã không sai khiến được xác thịt thô phàm của anh hàng thịt mà trái lại còn bị cái xác thịt ấy điều khiển. Đáng sợ hơn, linh hồn Trương Ba dần dần bị nhiễm độc bởi cái tầm thường của xác thịt anh đồ tể.

++ Cảm nhận của Trương Ba về sự thay đổi của chính mình: Trương Ba cảm nhận được sự thay đổi của chính

mình, dù không muốn thừa nhận. "Không! Ta vẫn có một đời sống riêng, nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...". Ông cố bầu víu vào trò chơi tâm hồn, đổ lỗi cho xác: "Đây là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày". Nhưng Trương Ba vẫn không thể phủ nhận được một sự thật đau đớn là ông đang dần đánh mất mình và lấy làm đau đớn: "Mày đã thẳng thể rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, mày đã tìm được đủ mọi cách để lẩn át ta"

+ Bị kịch bị người thân xa lánh, hắt hủi:

++ Người vợ mà ông rất mực yêu thương giờ đây buồn bã và cứ nhất quyết đòi bỏ đi. Nỗi giận dữ của cái Gái đã biến thành sự xua đuổi quyết liệt: "Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!". Chị con dâu là người sâu sắc, chín chắn, hiểu điều hơn lẽ thiệt nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình "như sắp tan hoang ra cả" khiến chị cũng thốt thành lời cái nỗi đau đó: "Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thấy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa...".

++ Tâm trạng của Trương Ba: Gia đình là pháo đài trú ẩn cuối cùng, nơi cuối cùng có thể tìm thấy sự yêu thương và niềm cảm thông nên khi bị từ chối bởi người thân Trương Ba vô cùng đau khổ, tuyệt vọng.

+ Bị kịch bên trong một đàn ông, bên ngoài một nèo.

++ Bên trong: Thấm sâu trong tâm hồn Trương Ba, ông luôn có những nhu cầu tinh thần thanh cao: muốn gìn giữ danh dự, muốn sống có đạo đức và trách nhiệm, sống thanh thản trong những nguồn vui giản dị. Trong xác anh hàng thịt, Trương Ba vẫn ngày ngày chăm sóc cây, yêu thương con cháu, luôn muốn là bản thân mình trọn vẹn.

++ Bên ngoài: Tuy nhiên, do bị trói buộc trong một xác hàng thịt nên hồn Trương Ba giờ đây lại gắn với nhu cầu của thể xác phàm tục như thèm ăn thịt, muốn thỏa mãn những dục vọng tầm thường. Trương Ba trở thành kẻ vụng về, thô lỗ, bị mọi người xa lánh.

++ Mối quan hệ: Cuộc đối thoại giữa xác hàng thịt và hồn Trương Ba là cuộc đấu tranh giữa thể xác và linh hồn cùng tồn tại trong một con người. Thể xác và linh hồn có quan hệ hữu cơ với nhau, cả hai gắn bó với nhau để cùng sống, cùng tồn tại. Thể xác có tính độc lập tương đối của nó, có tiếng nói của nó, có khả năng tác động vào linh hồn, vì nó là nơi trú ngụ của linh hồn. Khi thể xác tiêu tan thì linh hồn cũng mất. Khi linh hồn "bay đi" thì thể xác cũng trở về cát bụi. Nhờ có linh hồn đấu tranh,

chỉ phối với những ham muốn, những dục vọng tầm thường của thể xác mà nhân cách được hoàn thiện, tâm hồn được trong sáng. Bởi vậy, sự “lệch pha” giữa linh hồn và thể xác sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường. Trong những cuộc đối thoại, Trương Ba không chỉ phải đấu tranh với xác hàng thịt âm u dui mù mà lời nói lại chứa đựng những chân lí của cuộc sống mà còn phải đấu tranh với quan trời: Đề Thích, Tây Vương Mẫu, Ngọc Hoàng. Cuối cùng Trương Ba đã phải tìm đến cái chết mặc dù lòng khát khao được sống rất mãnh liệt. Những dằn vặt, đớn đau của Trương Ba và quyết định chọn lấy cái chết để giữ gìn những giá trị tốt đẹp của Hồn Trương Ba khiến người đọc không khỏi xót xa, thương cảm.

+ Phẩm chất của nhân vật:

++ Thanh cao, nhân hậu.

++ Trung thực, ngay thẳng, dũng cảm.

++ Có quan niệm sống đúng đắn và sâu sắc.

- Đánh giá:

+ Bi kịch của Trương Ba khiến người đọc thương xót, chia sẻ bao nhiêu thì càng yêu mến, cảm phục phẩm chất của nhân vật bấy nhiêu. Dù có lúc bị cái tầm thường và dung tục lấn át, nhưng đến cuối cùng, khi đã trải qua những giằng xé dữ dội, Hồn Trương Ba đã quyết định chọn cái chết để bảo toàn nhân cách.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

++ Tạo dựng xung đột kịch.

++ Khắc họa tâm lí nhân vật rất sinh động.

++ Ngôn ngữ đa thanh đa giọng.

++ Khắc họa nhân vật gắn liền hành động kịch và trên nhiều phương diện.

+ Vai trò, ý nghĩa trong tư tưởng, chủ đề:

++ Được sống là điều quý giá nhưng quan trọng hơn là phải sống như thế nào vì không thể sống bằng mọi giá. Phải làm sao để sống đúng là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình vốn có và theo đuổi mới là điều quan trọng. Không chỉ thế, sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi có sự hài hòa giữa linh hồn và thể xác, vật chất và tinh thần, nội dung và hình thức.

++ Nhà viết kịch đặt ra vấn đề cần phải có ý thức đấu tranh chống lại sự tha hóa, dung tục chống lại sự già tạo để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị cao quý.

++ Thêm vào đó, thói quan liêu tặc trách và lòng tốt hời hợt sẽ không thể mang tới những giá trị tốt đẹp cho sự sống.

++ Vượt lên tất cả, vượt lên tất cả những nhọc nhằn, đớn đau của cõi nhân sinh, Lưu Quang Vũ vẫn bộc lộ một niềm tin thấm đẫm chất nhân văn vào sự chiến thắng, của cái thiện, cái đẹp.

3. Kết bài:

- Nhiều thập kỉ đã trôi qua, bạn đọc ngày nay được sống trong sự đổi mới toàn diện, trong khí thế vươn lên của đất nước và dân tộc, sẽ còn tìm thấy nhiều tầng ý nghĩa thú vị hàm ẩn trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

- Thông qua hình tượng hồn Trương Ba, Lưu Quang Vũ đã đặt ra những vấn đề tư tưởng thấm đẫm chất nhân văn, không chỉ có ý nghĩa nhất thời mà có ý nghĩa muôn đời đối với tất cả mọi người.

ĐỀ SỐ 58

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đã đến lúc, xã hội nên nhìn nhận những vụ tai nạn theo cách khác – đó chính là tội ác. Hay gọi những kẻ phóng nhanh vượt ẩu là những kẻ đang “liều chết gây tội ác”. Hãy đưa vào bộ Luật Giao thông một tội danh dành cho những kẻ phóng nhanh vượt ẩu: “Cố ý giết người – gây hậu quả nghiêm trọng”. Những kẻ đó cần phải được trừng trị thẳng tay, phải bị xã hội lên án, bị người đời khinh bỉ. Cần có những hình phạt xứng đáng cho những tội danh này. Ngoài những năm tháng tù tội, những kẻ đó cần phải bị tước bằng lái xe vĩnh viễn. Để có ra tù chúng cũng không có thêm cơ hội gây họa cho người khác được nữa. Xin đừng bao che cho tội ác, xin đừng coi đó là những năm tháng bồng bột của tuổi trẻ hay vì muốn vãn các li do nào khác. Hãy để cho những kẻ trước khi có ý định phóng nhanh vượt ẩu ý thức được rằng mình đang có thể giết một ai đó, làm thương tích một ai đó và làm tổn hại cả chính bản thân mình.

(Theo T.A, báo điện tử Vietnamnet ngày 14/11/2006)

Câu 1: Hãy chỉ ra cấu trúc của đoạn văn trên.

Câu 2: Tác giả đã đưa ra những biện pháp nào để trừng phạt những kẻ phóng nhanh vượt ẩu?

Câu 3: Anh (chị) có nhận xét gì về thái độ và giọng văn của người viết trong đoạn trích?

Câu 4: Là một người tham gia giao thông, anh (chị) có đồng ý với quan điểm của tác giả trong đoạn trích hay không? Hãy trình bày suy nghĩ của mình trong khoảng từ 5 – 7 dòng.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Nhờ rất nhiều số 0 đi theo mà số 1 trở thành khổng lồ. Thành khổng lồ, những số 0 vinh dự và tự hào lắm, đi đâu cũng kể lể, võ ngực rằng: “Ta là khổng lồ”.

(Niềm tự hào của số 0, Theo Ngữ ngôn chọn lọc – Nhà xuất bản Thanh niên 2003)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, trình bày suy nghĩ của anh(chị) về bài học gợi ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (5 điểm):

Bằng việc phân tích hai tác phẩm *Vĩnh biệt Cửu trùng đài* của Vũ Như Tô và *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, anh (chị) hãy trình bày về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Đoạn văn trên được viết theo kết cấu diễn dịch.

Câu 2: Tác giả đã đề ra một số biện pháp để giải quyết tình trạng phóng nhanh vượt ẩu:

- đưa vào bộ Luật Giao thông một tội danh dành cho những kẻ phóng nhanh vượt ẩu: “Cố ý giết người – gây hậu quả nghiêm trọng”.

- phải bị xã hội lên án, bị người đời khinh bỉ.

- đó cần phải bị tước bằng lái xe vĩnh viễn

Câu 3: Tác giả của bài viết thể hiện thái độ căm phẫn

trước hành vi phóng nhanh vượt ẩu của một bộ phận người tham gia giao thông.

Giọng điệu của tác giả ở đây là giọng điệu phê phán, đả kích quyết liệt, gay gắt.

Câu 4: Học sinh tự triển khai theo suy nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, cũng có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

Là một người tham gia giao thông, ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ, đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh là điều quan trọng. Thái độ phê phán kịch liệt của tác giả bài viết hoàn toàn không phải sai trái.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*
- + Mỗi con số tùy vào vị trí đứng mà nó mang một giá trị, một ý nghĩa riêng.
- + Bài học mà con số 0 mang đến cho chúng ta là sự khiêm tốn, biết mình, biết người. Quá đề cao giá trị bản thân sẽ dẫn đến sự kiêu căng, ngạo mạn. Lúc đó, con người sẽ giống như số 0 kia, trống rỗng nhưng tự cao, tự đại.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

- + Vì sao con người cần phải biết khiêm tốn, biết mình, biết người?

++ Trong cuộc sống, có nhiều con người có khả năng, năng lực cao hơn ta. Nhìn xuống, con người có thể nhìn thấy ít ai bằng mình, nhưng nhìn lên, còn rất nhiều người có những điều mà ta cần phải học tập.

++ Không ai thành công một mình. Mọi thành quả mà con người đạt được ngày hôm nay luôn có sự giúp sức của rất nhiều người khác, rất nhiều yếu tố khác. Con người không thể phủ nhận mọi giá trị mà mình đang sống

++ Khi biết khiêm tốn cũng đồng nghĩa với việc con người biết mình thực sự là ai, đang ở vị trí nào. Sự nhận thức đúng đắn giá trị bản thân giúp con người định hướng tốt hơn con đường phải đi, công việc phải làm

++ Chỉ khi biết khiêm tốn và nhận thức đúng giá trị bản thân, con người mới có thể tiến bộ. Kể lúc nào cũng vỗ ngực mình là người vĩ đại là kẻ không cầu tiến, tự mãn với những gì mình có. Mà cuộc sống giống như dòng sông, không bơi thì sẽ chìm. Ngừng học hỏi, ngừng vươn lên, con người sẽ đánh mất cả những gì mình đang có.

- *Bài học nhận thức và hành động*

Ảo tưởng về giá trị của bản thân, con người cũng sẽ giống như con số 0 kia, ngạo mạn nhưng trống rỗng. Nhận thức đúng giá trị của bản thân có một ý nghĩa quan trọng, quyết định đến thành bại trong cuộc đời của mỗi con người. Chỉ có khiêm tốn, hiểu rõ mình thực sự là ai, khả năng của mình thực sự đến đâu, con người mới có được thái độ sống đúng đắn, đạt được những điều mình mong muốn.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nghệ thuật luôn đi lên từ cái nhìn chân chính. Đúng như thế, nói đến nghệ thuật ta không thể không nhắc đến cuộc sống vì hai thứ ấy luôn gắn liền với nhau. Hai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Minh Châu tuy viết hai tác phẩm ở hai giai đoạn khác nhau nhưng họ cùng hướng đến quan niệm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống.

- Mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống đó được chứng minh rất rõ qua hai tác phẩm *Vĩnh biệt Cửu trùng đài* của Nguyễn Huy Tưởng và *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

2. Thân bài:

- Giới thiệu chung:

+ Nguyễn Minh Châu được xem là một trong những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, văn của ông giản dị mà sâu sắc, thấm thía nhiều dư vị về cuộc đời, thấm đẫm nghệ thuật, cái mà ông luôn xem là bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Từ những năm 60 của thế kỷ trước, công chúng đã biết đến Nguyễn Minh Châu qua những tiểu thuyết như: *Cửa sông*, *Dấu chân người lính*... cùng khá nhiều truyện ngắn được đánh giá là những thành công của văn xuôi chống Mĩ. Ở giai đoạn trước, ông là ngòi bút có khuynh hướng lãng mạn, sử thi. Ở thời kì sau, ngòi bút của ông chuyển sang đề tài thế sự, quan tâm tới đời sống của con người trong đời thường với những vấn đề về đạo đức, về triết lí nhân sinh. Những tác phẩm được viết từ sau 1975 và nhất là từ thời kỳ đổi mới của Nguyễn Minh Châu đã chứng tỏ ở ông vẫn còn một vốn viết rất sung mãn. Ông đã đem đến cho văn đàn sau chiến tranh những khám mới về con người, những suy tư về thế sự. Không phải vô cớ mà Nguyễn Ngọc coi ông là "người mở đường tinh anh và tài năng" thời kỳ đổi mới. *Chiếc thuyền ngoài xa* sáng tác năm 1983 là truyện ngắn xuất sắc nhất của ông ở thời kì sau; nội dung kể về chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh, qua đó thể hiện cách nhìn của tác giả về hiện thực cuộc sống, một cái nhìn thấu hiểu và thấm đẫm tình thương cùng sự băn khoăn, day dứt về thân phận con người. Tác giả cùng gửi gắm trong truyện ngắn này những chiêm nghiệm sâu sắc của mình về nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính phải luôn luôn gắn bó với cuộc đời. Người nghệ sĩ không thể nhìn đời một cách hời hợt, giản đơn mà cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người bằng cái nhìn tinh táo, sáng suốt của lí trí kết hợp với rung động chân thành của trái tim nhân ái.

+ Nguyễn Huy Tưởng là một nhà văn, nhà viết kịch tài năng. Ông tham gia cách mạng rất sớm, gia nhập tổ

chức Văn hoá cứu quốc và sáng tác văn học phục vụ cách mạng. Ông là nhà văn có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, ông có rất nhiều đóng góp nổi bật ở thể loại tiểu thuyết và kịch, một trong những vở kịch để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho người đọc là *Vĩnh biệt Cửu trùng đài* mà thông qua nhân vật Vũ Như Tô ta càng thấy được mối quan hệ mật thiết giữa nghệ thuật và cuộc sống.

- Mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống trong *Chiếc thuyền ngoài xa*:

+ Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng bắt nguồn từ cuộc sống và phục vụ cuộc sống (bức tranh có con thuyền, có con người, có nhiều yếu tố thiên nhiên đẹp đẽ khác như sương mù, ánh bình minh... nhưng thiếu hơi thở cuộc sống, nó chỉ là bức ảnh thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của cuộc sống). Nghệ thuật đích thực phải thể hiện được bản chất sâu xa, sự thật ẩn sâu của cuộc sống. Ông đã từng khẳng định "Nhà văn không có quyền nhìn sự thật một cách đơn giản, nhà văn cần phấn đấu để đào xới bản chất con người vào các tầng sâu lịch sử". Đó là một cái nhìn đa diện, nhiều chiều, đi sâu khám phá sự thật của đời sống ở bình diện đạo đức, thể sự để hiểu đúng bản chất bên trong của hiện thực.

++ Bức ảnh mà Phùng chụp được sau nhiều ngày khổ công suy nghĩ, tìm kiếm thực sự chứa đựng trong nó thế giới của cái đẹp mà người nghệ sĩ hằng khao khát: sự dung dị, đơn giản, hài hoà, hàm súc, gợi cảm xúc và suy tưởng sâu xa. Với bức ảnh ấy, người nghệ sĩ đã phát hiện ra một bình diện cơ bản nhất, quan trọng nhất của thế giới: sự gắn kết hài hoà của sự sống, của con người, thiên nhiên và cuộc sinh tồn trên một con thuyền lặng phắc trước bình minh. Toàn bộ những hình ảnh ấy đều hàm chứa những ý nghĩa sâu xa, nhưng điều quan trọng là, trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, sau khoảnh khắc tuyệt vời của sáng tạo nghệ thuật, dường như cuộc truy tìm chân lí, sự thật và cái đẹp vẫn chưa kết thúc. Tấm ảnh ấy không phải là sự lầm lẫn, ngộ nhận, dối lừa, nhưng cái thế giới ẩn chứa sau nó, cái thế giới mà nó mở ra vẫn còn là điều bí ẩn, với cả chính người nghệ sĩ. Đó là quan niệm nghệ thuật sâu sắc và độc đáo của Nguyễn Minh Châu. Bức ảnh đã hoàn tất, nhưng sự thật đằng sau bức ảnh vẫn là điều cần khám phá. Từ trong cảnh biển đẹp như mơ ấy lại xuất hiện những con người xấu xí. Đó là người đàn bà cao lớn với những đường nét thô kệch, rỗ mặt, đáng vẻ mệt mỏi, khuôn mặt tái ngắt. Đó là hình ảnh người đàn ông với tấm lưng rộng, mái tóc tổ quạ, chân đi chữ bát, con mắt đầy vẻ độc dữ. Nếu trước đó, cảnh chiếc thuyền ngoài xa yên tĩnh, thơ mộng thì cảnh

bạo hành trong gia đình người đàn bà lại vô cùng tàn nhẫn, dã man. Hóa ra người đàn bà lặng lẽ theo chồng lên bờ là chỉ để hứng chịu những trận đòn vô lí. Chứng kiến cảnh ấy Phùng đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Toàn bộ cảnh bạo hành gia đình diễn ra trong một thời khắc ngắn ngủi "như trong một câu chuyện cổ đầy quái đản". Nó tác động không nhỏ đến tâm lí hoài nghi của người nghệ sĩ.

++ Người nghệ sĩ không phải là người sở hữu toàn bộ sự thực, toàn bộ chân lí của cuộc sống. Anh phải luôn kiểm tìm chân lí, sự thật trong quá trình sáng tạo. Khoảnh khắc mà người nghệ sĩ nắm bắt được qua bức ảnh không phải là khoảnh khắc dối lừa, nhưng sự thật sau khoảnh khắc ấy là cả một thế giới nhân sinh đầy nghịch lí. Để thấu hiểu được thế giới ấy, người nghệ sĩ phải tiếp tục khám phá cuộc sống, khám phá sự thật ẩn sau cái khoảnh khắc mà anh ta đã thấu nhận được đầy bất ngờ. Bởi vì cái đẹp đồng nhất với đạo đức, đồng nhất với sự thật, không chấp nhận thái độ nửa vời, hời hợt.

+ Người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa diện nhiều chiều về cuộc sống, phải thấu hiểu cuộc sống, cảm nhận nỗi đau khổ của đồng loại, có tài năng và lòng dũng cảm trong quá trình phản ánh hiện thực: Tài năng nhìn nhận, đánh giá cuộc sống và phải dũng cảm để chỉ ra những điều tốt đẹp lẫn sự xấu xa, độc ác. Viết về "những vùng tối của hiện thực đời sống để góp phần hoàn thiện nhân cách làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn".

++ Trong truyện, cả Đẩu và Phùng đều không ngờ rằng, người đàn bà từ chối một cách quyết liệt thiện chí giúp đỡ của Phùng và Đẩu. Theo lời chị ta thì "quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được" nhưng "đừng bắt con bỏ nó". Nói thế nghĩa là chị ta chấp nhận những hình phạt nặng nề của pháp luật, thà là kẻ có tội trước pháp luật, bị bắt tội, bị đi tù còn hơn là phải li dị. Khi Phùng xuất hiện, chị ta nghĩ rằng, tòa án bố trí sẵn nhân chứng để buộc mình phải li dị thì người đàn bà - như con gà mái bảo vệ đàn con - bấy giờ mới trút bỏ cái vé bề ngoài tỏ ra u mê, nhút nhát. Sự biến đổi này bắt đầu bằng thái độ gai góc hẳn lên. Từ lối xưng hô với Đẩu "con - quý tòa", chị ta bỗng chuyển sang lối xưng hô "chị - các chú". "Vị bao công phó huyện" cùng người bạn đồng ngũ của mình lúc đầu có ý định giảng giải cho chị ta lí do chính đáng để li dị nhưng rồi chính chị ta lại dạy cho Đẩu và Phùng một bài học về cách nhìn cuộc sống. Đẩu và Phùng không hiểu nổi những bí ẩn về người đàn bà này nhưng chị ta lại tỏ ra hiểu và thông cảm khi cho rằng "lòng các chú tốt" nhưng "các chú đâu có hiểu được

cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc". Trái với vẻ nông nổi thiếu thực tế của Phùng và Đầu, chị hiểu được vai trò của người đàn ông trên thuyền để chống chọi với sóng gió, "đu hấn man rợ, tàn bạo". Người đàn bà và vùng biển này cũng như cô Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng*, đều là kiểu "hạt ngọc ẩn" mà Nguyễn Minh Châu cả đời tìm kiếm. Có điều, cô Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng* là mẫu hình lí tưởng chỉ để mơ ước, để ngắm nhìn chứ không có thực còn người đàn bà vùng biển trong tác phẩm này thì hiện lên từ những lấm lem bụi đời. Chị ta là "hạt ngọc ẩn" bởi lẽ đằng sau cái vẻ ngờ như thô vụng, thậm chí u tối, người đàn bà này không phải không có những suy nghĩ sắc sảo, sâu xa. Và "hạt ngọc ẩn" ấy chỉ thực sự hiển lộ khi buộc phải bộc lộ mình.

++ Hé mở dần bản chất của người đàn bà vùng biển, thiên truyện đã đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội bức thiết. Ý nghĩa ấy trước hết được gửi vào Đầu. Anh là chánh án tòa án thông hiểu luật pháp lại sẵn có lòng hào hiệp cứu người nhưng lại thiếu hiểu biết thực tế. Trong suy nghĩ đơn giản của Đầu chỉ cần giúp người đàn bà li hôn, trừng phạt lão đàn ông vũ phu kia là sẽ đem lại lẽ công bằng. Nhưng nếu giả sử buộc phải li hôn, người đàn bà sẽ sống như thế nào với sóng gió biển cả và nhất là phải nhìn cảnh lũ con bị chia sẻ "có bố thì không có mẹ, có mẹ thì không có bố". Bài học đặt ra từ mâu thuẫn này là: muốn cải tạo cuộc sống phải căn cứ vào thực tế cuộc sống làm cho cuộc sống "đễ thở" hơn chứ không phải chỉ đem sách vở mà áp đặt vào cuộc sống. Nếu chỉ biết đem sách vở mà áp vào cuộc sống thì chánh án Đầu có khác nào một thứ Rôbốt, có khi vô tình trở thành kẻ hành động phản nhân văn mà chính mình không ý thức được. Người đàn ông đánh vợ, về lí là có tội nhưng nếu xét từ hoàn cảnh sống thì chính anh ta cũng là nạn nhân chứ không chỉ là phạm nhân. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả sáng tạo chi tiết Phùng chứng kiến gã đàn ông đánh vợ bằng chiếc thắt lưng của lính Ngụy, ở nơi có chiếc xe tăng hỏng của Mĩ Ngụy. Phùng và Đầu đều là những người lính trở về thời bình với vinh quang chiến thắng. Ở tác phẩm này, có lẽ Nguyễn Minh Châu muốn kí thác một điều, không phải hề cứ đánh đuổi được ngoại xâm, thống nhất đất nước là có thể đem lại hạnh phúc cho con người. Tàn dư của xã hội cũ còn đó trong nạn bạo hành gia đình khiến những người lính Trường Sơn năm xưa vẫn chưa yên lòng với vinh quang của quá khứ. Câu chuyện để lại một kết thúc bỏ lửng. Chẳng biết sau này, cuộc sống của gia đình làng chài ấy sẽ tiếp diễn ra

sao, liệu rằng cái bãi xe tăng hỏng của Mĩ Ngụy có còn là nơi diễn ra nạn bạo hành? Liệu cái thắt lưng da của lính Ngụy có còn tác quái với gia đình làng chài ấy không? Và thằng Phác - cái thằng bé giống bố như lột ấy rồi đây sẽ trở thành con người như thế nào? Nếu cuộc sống này còn tiếp diễn thì ai dám chắc nó sẽ không trở thành kẻ tha hóa điên rồ như cha mình. Kết thúc bỏ lửng ấy không chỉ tránh được công thức mà quan trọng hơn, nó nhấn sâu hơn bức thông điệp khắc khoải đau đáu về số phận con người: cuộc chiến đấu với đời nghèo, lạc hậu còn diễn ra dai dẳng lâu dài. Nó cũng khốc liệt chẳng kém gì cuộc chiến chống ngoại xâm vừa qua đi.

+ Nhà văn phải tự mình ý thức, phải đấu tranh để tự hoàn thiện mình vươn tới: Chân - Thiện - Mỹ. Sự phát hiện những nghịch lí cuộc sống giúp Phùng nhận thức rõ hơn bản chất mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời. Chiếc thuyền trong sương sớm đẹp vì nó là viễn ảnh, được nhìn từ xa. Nó có thể thanh lọc tâm hồn người nghệ sĩ nhưng vẫn vô nghĩa với những con người lam lũ ở phía sau về đẹp ấy, những con người cơ cực bởi gánh nặng mưu sinh. Bức ảnh của Phùng được trường phòng khen ngợi, có mặt trong nhiều gia đình "sành nghệ thuật" nhưng chính tác giả của nó lại không bằng lòng vì đó là hình ảnh chỉ để ngắm nhìn, đó còn là sản phẩm của cái nhìn dễ dãi về cuộc sống, chưa vươn tới được bản chất cuộc đời, chưa cất lên được tiếng nói của những con người lam lũ nhọc nhằn. Sự phiến diện ấy bắt nguồn từ chính Phùng. Anh thiết tha với cái đẹp, với nghệ thuật và cũng sẵn lòng hào hiệp của người lính Trường Sơn nhưng cũng như Đầu, Phùng còn thiếu hiểu biết thực tế thành ra vẫn hơi hợt trong cách nhìn đời, lúng túng không giải thích được những nghịch lí phức tạp của cuộc sống. Sự phiến diện ấy còn bởi Phùng chỉ sáng tạo theo đơn đặt hàng. Nghĩa là theo sự giao việc của trường phòng - mà như thế không thể gọi là sáng tạo. Bản thân từ sáng tạo đã bao hàm một cái gì của riêng mình, từ chính mình, là chống lại công thức... Trong hoàn cảnh thời đại, khi cái nhìn giản đơn về con người và cuộc sống còn ngự trị trong sáng tác văn học thì tác phẩm này đặt ra một vấn đề liên quan đến sự sống còn của nghệ thuật Việt Nam sau chiến tranh. Đó là cách nhìn con người và cuộc đời. Người nghệ sĩ - theo nhà văn - phải nhìn cuộc đời bằng đôi mắt toàn diện, phải thấy được những phức tạp của cuộc sống chứ không thể nhìn cuộc sống một cách dễ dãi, xuôi chiều và phải đấu tranh để tự hoàn thiện mình.

- Mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống trong *Vinh biệt Cửu Trùng Đài*:

+ Vũ Như Tô được biết đến qua tác phẩm của ông là một kiến trúc sư thiên tài và đam mê nghệ thuật, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, vui chơi với các cung nữ. Nhưng ông là một nghệ sĩ có nhân cách và có lý tưởng nghệ thuật hết sức cao đẹp, không phải là người ham sống sợ chết hay chỉ vì chút công danh mà phải bán thân mình cho nghệ thuật. Lúc đầu, ông nhất định thà chết chứ không xây dựng Cửu Trùng Đài cho tên vua bạo ngược, nhưng khi nhận ra giá trị nghệ thuật để lại cho đời thì ông lại quên mất một thực tế là dân chúng đang đói khổ. Cửu Trùng Đài càng xây cao bao nhiêu thì mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của nhân dân ngày càng tăng lên bấy nhiêu. Vũ Như Tô càng quyết tâm xây dựng Cửu Trùng Đài thì các mâu thuẫn ngày càng theo đó mà khó giải quyết và Đan Thiềm càng khuyến khích Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài thì xung đột giữa người nông dân và con người nghệ thuật ngày càng tăng cao. Có thể nói đó là một khát vọng hết sức chân chính nhưng nó được đặt không đúng chỗ, không kịp thời, không tính đến giá trị cuộc sống thì nghiêm nhiên chính nó sẽ trở thành tai họa. Trong việc xây dựng Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vừa là phạm nhân và cũng vừa là nạn nhân. Diễn biến mâu thuẫn trong con người Vũ Như Tô và Đan Thiềm mặc dù được giải quyết nhưng không được thỏa đáng. Vũ Như Tô bị giết mặc dù trong thâm tâm ông không hề có ý định hại dân, khi chết ông vẫn chưa nhận ra được sai lầm của mình. Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề sâu sắc và có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lý tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực và trực tiếp của nhân dân.

+ Cao trào của hồi kịch được tập trung ở ba lớp kịch cuối cùng, đó là cuộc đối đầu giữa Vũ Như Tô và những người nổi dậy. Đan Thiềm và Như Tô là hai người tri âm, tri kỉ, cùng có một mục đích nghệ thuật tốt đẹp nhưng cuối cùng đều thất bại. Và cả Cửu Trùng Đài, tâm huyết của hai người cũng bị phá hủy. Đoạn đối thoại giữa Vũ và Ngô Hạch cùng đám quân sĩ thể hiện cao trào của mâu thuẫn. Giữa họ không có tiếng nói chung. Sự thất bại của Vũ Như Tô đã nói lên một điều rằng, khi nghệ thuật mâu thuẫn với cuộc sống, nghệ thuật khó tồn tại. Đồng thời, thái độ của binh lính đối với Cửu Trùng Đài còn thể hiện những trăn trở của chính Nguyễn Huy Tường về nghệ thuật, về văn hoá dân tộc. Không thể

trách những người nổi dậy bởi hành động đập phá của họ. Hành động đó là tất yếu. Nhưng nó vẫn gợi sự xót xa, tiếc nuối cho người đọc. Việc đốt Cửu Trùng Đài với đám binh sĩ chỉ là một hành động trả thù bởi với họ Cửu Trùng Đài là nguyên nhân của mọi nỗi khổ cực. Họ không hiểu gì về ý nghĩa lớn lao của công trình kiến trúc này. Với Vũ Như Tô, Cửu Trùng Đài là tất cả. Đoạn trích có đủ các yếu tố của một vở kịch: biến cố, xung đột và giải quyết xung đột. Không khí, nhịp điệu của sự việc được diễn tả theo chiều tăng tiến mức độ dồn dập đã thể hiện được tính chất gay gắt của mâu thuẫn và dần đẩy xung đột kịch lên cao trào. Cửu Trùng Đài và Vũ Như Tô là cái nút của mâu thuẫn. Xung đột đã được giải quyết bằng sự ra đi vĩnh viễn của cả hai. Đan Thiềm và Vũ Như Tô vừa đáng khen vừa đáng trách. Đáng khen bởi họ là những người nghệ sĩ biết tôn trọng tài năng và yêu nghệ thuật. Họ là những người có khát vọng cao quý, đó là xây dựng cho đất nước một công trình nghệ thuật lớn. Nhưng họ cũng đáng trách bởi vì khi quan tâm đến nghệ thuật họ đã quên trách nhiệm đối với nhân dân. Nghệ thuật là kết quả của lao động nghệ thuật nhưng nghệ thuật không thể là nguyên nhân của lầm than, không thể được xây dựng bởi máu và nước mắt của người lao động. Với đoạn trích này, Nguyễn Huy Tường đã giải quyết mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Nghệ thuật đích thực phải thống nhất với quyền lợi của con người. Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì con người. Người nghệ sĩ khi làm nghệ thuật phải chú ý đến điều đó. Nam Cao từng nói: “Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than” để khẳng định nghệ thuật phải xuất phát từ cuộc sống và vì cuộc sống. Về một phương diện nào đó, vở kịch Vũ Như Tô, nhà văn Nguyễn Huy Tường đã thể hiện sự nhất trí với quan niệm của Nam Cao.

- Đánh giá:

+ Cả hai tác phẩm này đều xây dựng lên một nhân vật hết lòng đam mê nghệ thuật nhưng chỉ vì chưa thấy rõ sự đối lập mà dẫn đến những kết cục đáng buồn. Nghệ sĩ Phùng đã thấy được mặt trái của sự việc và đã kịp thời sửa sai nhưng Vũ Như Tô phải lấy cả cái giá của nghệ thuật để đổi bằng chính mạng sống của mình. Tuy được viết vào hai bối cảnh xã hội khác nhau, văn hóa mà đối tượng tồn tại khác nhau và phong cách của hai nhà văn cũng hoàn toàn khác nhau, nhưng họ đều có một điểm chung đã lật ra là bài của nghệ thuật. Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc sống, phục vụ cuộc sống, nếu nghệ thuật xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng thì chỉ đem lại bi

kịch thảm khốc như của Vũ Như Tô hay cái nhìn phiến diện về cuộc sống của nghệ sĩ Phùng. Tuy rằng nghệ thuật là cái đẹp của cuộc sống nhưng không phải lúc nào nó cũng đẹp. Đằng sau của tấm huy chương rạng rỡ luôn gò gè và nhiều khuyết điểm. Ngoài ra, nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì cuộc sống, phục vụ cho cuộc sống, nghệ thuật xa rời cuộc sống chỉ là nghệ thuật suông, không xứng đáng là nghệ thuật chân chính, điều đó đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết tìm tòi, khám phá cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện. Nghệ sĩ chân chính cũng giống như nghệ thuật chân chính và nghệ thuật luôn phải vì nhân sinh không chỉ bó hẹp nghệ thuật vì nghệ thuật.

Như Tô Hữu đã từng tâm sự:

Nhân dân là bệ

Vấn nghệ là thuyền

Thuyền xô sóng dậy

Sóng đẩy thuyền lên

+ Cả hai nhà văn đã cho ta nhận thức được cái đẹp của nghệ thuật như thế nào, con đường tìm kiếm, đi đến

và chinh phục nghệ thuật sẽ ra sao. Tuy không đem lại kết cục như mong đợi nhưng hai nhà văn dường như đã bộc lộ hết vẻ tài tình qua những lời văn của mình. Ngôn ngữ điêu luyện, có tính tổng hợp cao, dùng ngôn từ và hành động của nhân vật để khắc họa tính cách, đó chính là cái tài mà không dễ ai có được.

3. Kết bài:

Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì cuộc sống, phục vụ cho cuộc sống, nghệ thuật xa rời cuộc sống chỉ là nghệ thuật suông, không xứng đáng là nghệ thuật chân chính, điều đó đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết tìm tòi, khám phá cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện. Nghệ sĩ chân chính cũng giống như nghệ thuật chân chính và nghệ thuật luôn phải vì nhân sinh. Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Huy Tưởng đã đem đến cho chúng ta sự thấu hiểu những điều đó, để lại trong chúng ta những dư âm về nghệ thuật, về cuộc sống vẫn còn đến muôn đời.

ĐỀ SỐ 59

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Sông kia rày đã nên đồng
 Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
 Vắng nghe tiếng ếch bên tai
 Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.*

(Sông Lấp, Trần Tế Xương, *Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Văn hóa – Thông tin, 1998)

Câu 1: Tác giả Trần Tế Xương còn có tên gọi khác là gì? Kể tên một bài thơ đã học trong chương trình phổ thông của nhà thơ.

Câu 2: Đoạn thơ khắc họa hiện thực gì của xã hội nước ta lúc bấy giờ?

Câu 3: Bài thơ thể hiện tâm trạng gì của tác giả? Chỉ ra các dấu hiệu giúp anh (chị) nhận ra tâm trạng ấy.

Câu 4: Ở đất nước ta, việc đô thị hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Trong khoảng từ 5 – 7 dòng, anh (chị) hãy trình bày quan điểm của mình về ích lợi và tác hại của quá trình đô thị hóa ấy.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Anh(chị) suy nghĩ gì về ý nghĩa gợi ra từ câu chuyện sau:

Chiếc lá vàng tự bút khỏi cành rơi xuống gốc. Cái gốc tròn mắt ngạc nhiên hỏi:

- Ôi, sao sớm thế?

Chiếc lá vàng gơ tay chào, cười và chỉ vào những lộc non.

Trình bày bằng đoạn văn khoảng 200 từ.

Câu 2 (5 điểm):

Khi bàn về *Đàn ghita của Lorca* – Thanh Thảo có ý kiến cho rằng: *Tiếng đàn là thân phận của Lorca, cũng là thân phận của nghệ thuật nói chung trong một thực tại mà cái ác ngự trị.* Lại có ý kiến cho rằng: *Tiếng đàn là sức sống và cũng là nghệ thuật bất tử của Lorca.*

Hãy giải thích và bình luận hai ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Tác giả Trần Tế Xương còn có tên gọi khác là Tú Xương.

Trong chương trình phổ thông, học sinh còn được tiếp xúc với bài thơ “Thương vợ” của tác giả Tú Xương.

Câu 2: Đoạn thơ khắc họa lại một hiện thực phổ biến của đất nước ta trong những năm nửa đầu thế kỉ XX: quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, nhiều vùng đất thôn quê bị thay đổi, san phẳng để xây dựng các đô thị mới.

Câu 3: Bài thơ thể hiện tâm trạng xót xa, bàng hoàng, nuối tiếc trước sự thay đổi của quê hương của tác giả.

Hai câu thơ cuối bài *Vắng nghe tiếng ếch bên tai/*

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò đã đặc tả tâm trạng của tác giả trước sự đổi thay của miền quê Nam Định. Nghe âm thanh thôn dã, thân thuộc, tác giả chạnh lòng nhớ đến những thứ đã thuộc về quá vãng.

Câu 4: Học sinh tự triển khai theo suy nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, học sinh có thể tham khảo một số gợi ý sau đây:

- Trong thời kì đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, việc mở rộng đô thị là một quá trình không thể tránh khỏi. Việc đô thị hóa giúp thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, đời sống nhân dân càng trở nên văn minh, hiện đại.

- Tuy nhiên, hiện đại hóa đất nước không đồng nghĩa với việc xóa bỏ toàn bộ không gian thiên nhiên làng quê

thân thuộc. Giữ lại những gì thân thuộc, truyền thống, mọi sự phát triển mới có thể bền vững.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Qua sự ra đi của một chiếc lá, câu chuyện đưa đến cho chúng ta một bài học ý nghĩa về lẽ sống: phải biết sống vì người khác, biết hy sinh cống hiến cho cuộc đời chung. Thái độ sống của chiếc lá cũng chính là thái độ sống mà chúng ta cần phải học tập.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Vì sao con người ta sống trên đời cần phải biết vì người khác, biết hy sinh, cống hiến cho cuộc đời chung?
 ++ Con người, không ai tồn tại một mình mà luôn cần đến những người xung quanh mới có thể tồn tại và phát triển.

++ Cuộc sống là một dòng chảy liên tục, việc cái cũ bị thay thế bởi những cái mới là điều hoàn toàn tự nhiên, phù hợp với quy luật cuộc sống. Sự tiếp nối giữa cái cũ và cái mới làm cuộc sống được tiếp diễn, vận động một cách thuận lợi.

++ Cũng giống như những chiếc lá, cuộc đời con người có bắt đầu cũng có kết thúc. Con người không ai sống được mãi mãi. Nếu không có thế hệ sau, con người vẫn phải từ biệt cuộc đời, lùi lại phía sau.

++ Những gì mà chúng ta có được hôm nay cũng đều là bởi sự hy sinh, cống hiến của các bậc tiền nhân, ông cha ta ngày trước. Bởi vậy, sự đền đáp xứng đáng với công ơn của những người đi trước chính là tiếp tục tạo ra những điều tốt đẹp hơn cho thế hệ sau. Chúng ta phải nhận thức rõ quy luật cuộc sống để tránh trở thành vật cản của bánh quay lịch sử, đồng thời phải biết đặt niềm tin và tạo niềm tin cho thế hệ trẻ.

- *Bài học nhận thức và hành động*

Bài học mà chiếc lá để lại là một bài học đúng đắn, có ý nghĩa lớn lao. Con người ta không thể chỉ biết sống cho bản thân mình mà còn phải biết hy sinh cho người khác.

Câu 2 (5 điểm):

1. *Mở bài:*

- Thanh Thảo là gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ thời chống Mĩ, có nhiều nỗ lực cách tân thơ sau năm 1975.

- *Đàn Ghi ta của Lorca* rút từ tập thơ *Khởi vương Rubich* (1985) là thi phẩm tiêu biểu của Thanh Thảo. Bài thơ là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo đối với người nghệ sĩ Tây Ban Nha Gar-xi-a Lor-ca.

2. *Thân bài:*

- *Giải thích ý kiến:*

+ Hai ý kiến là hai nhận xét khác nhau về ý nghĩa của hình tượng tiếng đàn.

++ Ý kiến trước nhìn tiếng đàn như một thực thể mong manh, ngắn ngủi để thấy tiếng đàn là thân phận Lor-ca, nghệ thuật Lor-ca.

++ Ý kiến sau lại nhận ra tiếng đàn như một sinh thể có sức sống bất diệt để thấy tiếng đàn tượng trưng cho vẻ đẹp tâm hồn, cho sức sống của nghệ thuật Lor-ca.

- *Phân tích và bình luận:*

+ Tiếng đàn là thân phận Lor-ca, thân phận của nghệ thuật nói chung trong một thực tại mà cái ác ngự trị.

++ Những tiếng đàn bọt nước mong manh và ngắn ngủi được đặt trong sự tương phản, đối lập với sắc màu đỏ gắt của trận đấu bò sinh tử, của nền chính trị độc tài thân phát xít đang thiêu đốt tự do dân chủ gọi liên tưởng tới thân phận đơn độc nhỏ nhoi, khiêm nhường, số phận mong manh, ngắn ngủi của Lor-ca trong bối cảnh chính trị căng thẳng, dữ dội. Đây là một trận chiến lớn giữa một bên là khát vọng dân chủ của nhân dân nói chung, của Lor-ca nói riêng với nền chính trị độc tài. Xét trong lĩnh vực nghệ thuật, đó là cuộc xung đột giữa khát vọng cách tân của nhà thơ với nền nghệ thuật giả nua. Xét ở phương diện nào thì Lor-ca cũng là một chiến sĩ đơn độc đến đáng thương.

++ Tiếng ghi ta vỡ tan và rờn rờn máu chảy: Tiếng đàn đã thành thân phận đau thương của Lor-ca, của nghệ thuật trước sự hủy diệt tàn bạo của kẻ thù. Hai tiếng vỡ tan, vừa là sự vỡ ra của bọt nước vừa là sự phập phồng thốn thụt của tiếng đàn. Nó đã cất lên lời ca tranh đấu lên án bè lũ phát xít đã hủy diệt cái tài, hủy diệt cái đẹp. Và vì thế, bản ghita bi tráng đẩy đến độ cao trào của sự bi phẫn, nó rờn rờn máu chảy, nó uất nghẹn, tức tưởi đến bật máu thành từng dòng đau thương trong một bản đàn giao hưởng hào sảng. Nỗi đau của tiếng đàn cũng là nỗi đau của người nghệ sĩ khi khát vọng chưa thành. Âm thanh tiếng đàn như tiếng kêu cứu của con người, của cái đẹp trước thời khắc bị đẩy tới chỗ tuyệt diệt. Thì ra, nghệ thuật trong bản thể của nó cũng là một sinh mệnh.

+ Tiếng đàn là vẻ đẹp tâm hồn Lor-ca, là sức sống bất diệt của nghệ thuật:

++ Tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh: Tiếng đàn mang âm vang và sắc màu của một tâm hồn rạo rực, say đắm trong tình yêu, thiết tha, khắc khoải với sự sống của người nghệ sĩ đa tài. Màu nâu xuất hiện suy tư, trầm tĩnh đến lạ thường. Đó là màu nâu của cây đàn, màu nâu của đất đai, màu nâu của làn da rám nắng trên thân hình những vũ nữ Digan bốc lửa. Trước giây phút từ li, chàng đã ngược lên nhìn bầu trời xanh tha thiết, bầu trời khát vọng, bầu trời yêu thương nơi có bóng hình nàng Maria thủy chung. Đó là màu xanh, là sự hóa thân của Lorca và tiếng đàn vào thiên nhiên mang sức sống cỏ cây. Hai tiếng “biết mấy” nằm ở cuối câu vừa là sự tha thiết trong tình cảm của người nghệ sĩ Thanh Thảo vừa tôn thêm vẻ đẹp của tuổi trẻ Lorca – vẻ đẹp của người chiến sĩ suốt đời hy sinh vì lý tưởng.

++ Tiếng đàn mãi trường tồn, giai điệu li-la-li-la mãi vang ngân là một ẩn dụ tượng trưng cho sức sống bất diệt của Lor-ca, của nghệ thuật, của những giá trị chân chính trên cõi đời này. Tiếng đàn mang tên loài hoa Li La như sự sống vẫn lặng lẽ tỏa hương, hiện hữu giữa cuộc đời.

- Đánh giá:

+ Hai ý kiến đều đúng, tuy có nội dung khác nhau nhưng không đối lập mà bổ sung cho nhau cùng khẳng định những ý nghĩa tượng trưng của hình tượng tiếng đàn: Tiếng đàn vừa là một ẩn dụ nghệ thuật của thân phận mong manh, ngắn ngủi của Lor-ca, của nghệ thuật vừa là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp, sức sống bất diệt của tâm hồn Lor-ca, của nghệ thuật nói chung.

+ Hình tượng có được nhiều ý nghĩa ấy là do Thanh Thảo đã sử dụng phối kết hợp nhiều biện pháp nghệ thuật: đối lập, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh để tạo nên nhiều hình ảnh thơ lạ hóa giàu sắc thái tượng trưng.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại hai ý kiến trên và đánh giá chung về hình tượng Lor-ca, khẳng định sự bất tử của Lor-ca, của tiếng đàn Lor-ca. Người nghệ sĩ ấy đã chết nhưng tiếng đàn của ông vẫn sống mãi với Tây Ban Nha, với lòng người yêu tự do, yêu hòa bình.

- Khẳng định tài năng độc đáo, sự trăn trở của người nghệ sĩ Thanh Thảo trên hành trình sáng tạo: ông đã hóa thân, nhập cảm sâu sắc vào thế giới nghệ thuật, vào cuộc đời và số phận của Lor-ca, cộng hưởng cùng khát vọng sáng tạo để suy ngẫm sâu xa về nỗi đau, niềm hạnh phúc của người nghệ sĩ lớn đã dâng hiến trọn vẹn cho cái đẹp.

ĐỀ SỐ 60

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Trên đường ta đi đánh giặc
Ta về Nam hay ta lên Bắc,
Ở đâu cũng gặp
Những ngọn đèn dầu
Chong mắt
Đêm thâu

Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt
Như những tâm hồn không bao giờ tắt,
Như miền Nam
Hai mươi năm
Không đêm nào ngủ được
Như cả nước
Với miền Nam
Đêm nào cũng thức

*(Ngọn đèn đùng gác, Chính Hữu, Trường Sơn – đường khát vọng,
NXB Chính trị Quốc gia, 2009)*

Câu 1: Đoạn trích trên được sáng tác bằng thể thơ nào?

Câu 2: Anh (chị) hãy nêu tên và chỉ ra cách gieo vần chủ yếu trong đoạn trích.

Câu 3: Anh (chị) hãy chỉ ra và phân tích giá trị của biện pháp tu từ đặc sắc nhất được sử dụng ở đoạn trích trên.

Câu 4: Hãy kể tên 3 tác phẩm thơ nói về sự gắn bó khăng khít của quân dân các vùng miền trên khắp Tổ quốc trong 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ của nước ta.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Chưa có khi nào, các 'ngôi sao' Hàn Quốc lại đổ bộ vào Việt Nam với lực lượng hùng hậu và tấn suất dày đặc như hiện nay. Cứ mỗi dịp các 'sao' Hàn sang Việt Nam, câu chuyện về "fan cuồng" lại trở thành một chủ đề nóng, gây nhiều tranh cãi. Và có cảm giác như so với các năm trước, độ "cuồng" của một số fan Việt đã tăng đáng kể trong những năm gần đây. Không chỉ dừng lại ở việc làm loạn sân bay, bao vây khách sạn hay phóng trời chết trên đường để đuổi theo thần tượng, không ít "fan cuồng" đã có những hành động khiến cả xã hội bị sốc..

(Theo Vietbao.vn, Chuyện 'fan cuồng' thần tượng ở giới trẻ Việt Nam hiện nay)

Bằng đoạn văn khoảng 200 từ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng trên.

Câu 2 (5 điểm):

Phân tích nhân vật Tràng trong truyện ngắn *Vợ nhặt* – Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI (Kèm audio CD)

Phần I. Đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1: Đoạn thơ trên được sáng tác bằng thể thơ tự do.

Câu 2: Văn thơ chủ yếu là văn liền

- Được thể hiện ở các câu thơ:

+ *Trên đường ta đi đánh giặc*

Ta về Nam hay ta lên Bắc,

Ở đâu cũng gặp

+ *Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt*

Như những tâm hồn không bao giờ tắt,

+ *Như miền Nam*

Hai mươi năm

+ *Không đêm nào ngủ được*

Như cả nước

Với miền Nam

Đêm nào cũng thức

Câu 3: Thủ pháp tu từ đặc sắc nhất được sử dụng trong câu thơ là thủ pháp so sánh: *Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt với những tâm hồn không bao giờ tắt và miền Nam / Hai mươi năm / Không đêm nào ngủ được; cả nước / Với miền Nam / Đêm nào cũng thức.*

- Tác dụng của thủ pháp so sánh: khẳng định sức sống, vẻ đẹp ngời sáng tuy âm thầm nhưng bất diệt trong tâm hồn người Việt, trong tình cảm của nhân dân miền Nam với nhân dân cả nước và ngược lại. Thứ tình cảm ấy soi sáng dân tộc đi qua đêm trường của đấu tranh và giành được thắng lợi vẻ vang. Câu thơ đã trở nên hấp dẫn hơn, gợi hình, gợi cảm hơn.

Câu 4: 3 tác phẩm thơ nói về sự gắn bó khăng khít của quân dân các vùng miền trên khắp Tổ quốc trong 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ của nước ta:

- *Cả nước (Tố Hữu)*

- *Bao giờ trở lại (Hoàng Trung Thông)*

- *Hơi ấm ổ rơm (Nguyễn Duy)*

- ...

Học sinh có thể kể ra tên những bài thơ khác, đáp ứng đúng với yêu cầu của đề bài.

Phần II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Yêu cầu về hình thức:

- Viết đúng 01 đoạn văn, khoảng 200 từ.

- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

Yêu cầu về nội dung:

- *Giải thích*

Hiện tượng hâm mộ thần tượng là một hiện tượng có hai mặt. Ngưỡng mộ thần tượng là sự tôn kính, mến phục nồng nhiệt dành cho những đối tượng được xem là hình mẫu lí tưởng hoặc có quyền năng đặc biệt, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với cá nhân hay cộng đồng; mê muội thần tượng là sự say mê, tôn sùng một cách mù quáng, thiếu tỉnh táo trước thần tượng. Nếu ngưỡng mộ đúng mức là tích cực, thì ngưỡng mộ quá mức là tiêu cực và có thể còn gây ra hậu quả khôn lường.

- *Phân tích, bình luận ý kiến*

+ Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa: Vì ngưỡng mộ thần tượng thể hiện nhu cầu văn hóa cao của con người: nhu cầu được sống trong những tình cảm cao cả, nồng nhiệt; nhu cầu được hướng tới, vươn tới những tầm cao, những đỉnh cao sáng giá của đời sống.

+ Ngưỡng mộ thần tượng là một ứng xử văn hóa, biểu hiện ở các phương diện: thái độ trân trọng mến phục; hành động tôn vinh cổ vũ; ngôn ngữ ca ngợi tán dương. Khi mê muội thần tượng, chúng ta thường sống trong những tình cảm luôn hướng tới những điều cao đẹp. Làm gì sai trái hoặc học hành sa sút ngay lập tức mình cũng cảm thấy có lỗi. Từ đó tự mình phải biết sửa chữa và khắc phục. Tình cảm ta dành cho thần tượng là thứ tình cảm ngưỡng mộ chân thành và khâm phục chứ không phải là thứ tình cảm ồn ào, xô bồ.

+ Mê muội thần tượng là một thảm họa: Vì mê muội thần tượng là trạng thái mù quáng trong nhận thức, thái độ trong tình cảm, không còn khả năng suy xét, phân biệt đúng sai, lẫn lộn về giá trị; mê muội thần tượng còn dẫn đến hành động sai lầm quá khích, gây ra những hậu quả tệ hại cho bản thân và xã hội.

+ Việc mù quáng chạy theo thần tượng hay khuyếch trương thần tượng quá mức đều là biểu hiện của sự mê muội thần tượng, đều là những thái độ và ứng xử thiếu lành mạnh, thậm chí thiếu văn hóa, có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Cần có nhận thức đúng đắn về việc ngưỡng mộ thần tượng và lường được những hậu quả của sự mê muội để có thái độ và cách ứng xử phù hợp, làm cho tâm hồn phong phú hơn, nâng tầm văn hóa cho bản thân, từ đó phấn đấu vươn tới những tầm cao của đời sống.

+ Biết chế ngự những cảm xúc say mê thái quá trước thần tượng, không chạy theo thần tượng một cách mù

quáng; phê phán mọi biểu hiện mê muội thần tượng trong cuộc sống hằng ngày, trước hết là trong học đường.

Câu 2 (5 điểm):

1. Mở bài:

- Nhắc đến Kim Lân là nhắc đến nhà văn của dòng ruộng “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của đời sống nông thôn”. Truyện ngắn của Kim Lân viết về cuộc sống và con người của làng quê Việt Nam tuy nghèo khổ, thiếu thốn nhưng vẫn yêu đời, thật thà, chất phác mà thông minh, tài hoa.

- *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc của Kim Lân rút từ tập *Con chó xấu xí* (1962). Truyện được khơi nguồn từ nạn đói năm 1945 qua đó Kim Lân đã phát hiện và ngợi ca tình người, khát vọng hạnh phúc và khát vọng sống mãnh liệt của người nông dân trong nạn đói.

- Truyện xây dựng thành công nhân vật Tràng để từ đó Kim Lân bộc lộ tư tưởng nhân đạo sâu sắc.

2. Thân bài

- Bối cảnh nạn đói:

+ Kim Lân mượn cái đói như một phép thử để làm nổi bật cái tình, như một bối cảnh khảo sát sức sống của con người. Chỉ bằng vài nét phác thảo của Kim Lân, nạn đói ghê rợn năm 1945 hiện lên thật khủng khiếp qua bức tranh xóm ngụ cư đã khái quát được hình ảnh nông thôn Việt Nam trong nạn đói với hai phương diện.

+ Không gian năm đói:

++ Cái đói được Kim Lân miêu tả thật tằm vóc, có tầng có lớp. Tầng cao là bầu trời đen sẫm bóng quạ: quạ bay vùn lên nền trời thành những đám mây đen, tiếng quạ gào từng hồi thảm thiết. Tầng thấp là mặt đất còng queo xác người, lờn vồn mùi tử khí. Những cái ngô khảnh khịu vì đói, gió lạnh ngăn ngắt thổi qua, không có nhà nào có ánh đèn, ánh lửa, từng hồi trống thúc thuế vang lên, đêm đêm vẳng tiếng khóc ai oán của những gia đình có người chết. Cái chết đã bao phủ cả bầu trời và mặt đất. Dưới ngòi bút của Kim Lân, không gian nghệ thuật của tác phẩm ngọt ngào bức bối đến tận tận.

+ Con người năm đói:

++ Cái đói tàn phá hiện hình lên từng gương mặt người: Trẻ con không nhúc nhích – cái đói đã giết chết bản tính trẻ thơ của chúng; người lớn khuôn mặt hốc hác vì đói vì sợ. Đáng sợ nhất là có tới hai lần Kim Lân so sánh người với ma. Lần thứ nhất là chi tiết những gia đình từ vùng Nam Định, Thái Bình đội chiếu, lủ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma. Còn lần thứ hai là bóng những người đói dật dờ đi lại

lặng lẽ như những bóng ma. Kiểu so sánh đó bộc lộ cái nhìn tê tái của Kim Lân về cái thời ghê rợn. Cuộc sống được nhìn như một bãi tha ma không lò, ranh giới giữa sống và chết mong manh như sợi tóc.

++ Đi ra từ bức tranh cuộc sống khốn cùng là nhân vật Tràng với số phận và nhân phẩm được Kim Lân miêu tả rõ nét.

- Số phận của Tràng:

+ Tràng là người lao động thiết thời, nghèo khổ đến mức cái tên cũng gọi sự lam lũ, vất vả. Đó là con người được tạo hóa đẽo gọt quá sơ sài về ngoại hình và tính cách. Tràng ngật ngưỡng bước vào trang sách của Kim Lân với những nét thô: hai mắt gà gà nhỏ tí, cái đầu trọc nhẵn, cái hàm bạnh ra, thân hình vạm vạp, lưng to như lưng gấu. Tính cách Tràng có vẻ ngờ nghệch, vừa đi vừa lảm nhảm những điều hẩn nhĩ... Tràng là dân ngụ cư với phận bèo bọt sống gá, sống tạm, nghề nghiệp vất vường, gia cảnh nghèo khó, mẹ góa con côi nên đã nhiều tuổi mà chưa có hạnh phúc gia đình.

- Diễn biến tâm trạng Tràng:

+ Đùa bỡn thành thật, Tràng sẵn sàng đánh đổi tất cả để có hạnh phúc gia đình:

++ Giống như mọi thân phận ngụ cư bèo bọt khác đứng trước nạn đói và cái chết đang đe dọa, với Tràng là việc kiếm miếng ăn để bảo toàn sự sống cho hai mẹ con chứ không phải đi tìm hạnh phúc lứa đôi.

++ Lúc đầu ốm ờ với người phụ nữ lạ, Tràng chỉ coi là đùa bỡn tầm phào, không hề có ý định tìm vợ nghiêm túc. Hồ một câu chơi, Tràng cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào. Nhưng khi vợ nhặt ra đẩy xe cho Tràng, Tràng cũng nói những câu bông đùa. Bởi thực chất, từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ chả có người con gái nào nhìn hẩn tình tử như thế. Nhưng đùa đã thành thật ở lần thứ hai gặp lại. Tràng không nhận ra bởi thị đói rách và xơ xác quá. Tràng mời thị ăn, thị ăn một lúc bốn bát bánh đúc... Tràng đùa bỡn mời thị về nhà, thị về thật. Khi đó, nghĩ đến tình thế hiện tại, nghĩ tình cảnh thóc cao gạo kém, lo thân mình chưa xong, Tràng thấy sợ. Nhưng khát vọng hạnh phúc âm thầm bấy lâu trỗi dậy, nó mạnh hơn cả những sợ hãi. Tràng quyết định một cách liều lĩnh: “*Chắc, kệ!*”. Tràng đã đánh đổi tất cả để có một người vợ, một mái ấm gia đình.

+ Hình ảnh Tràng dẫn người vợ nhặt về xóm ngụ cư (Hạnh phúc gia đình lên ngôi và mạnh hơn cái chết):

++ Tràng dẫn người đàn bà về xóm ngụ cư trong một buổi chiều chạng vạng. Tràng đi trước, người đàn bà đi sau với cái dáng “*then then hay đảo đảo*”. Sự kiện Tràng

dẫn người đàn bà về khiến người đàn xóm ngụ cư hết sức ngạc nhiên. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vì trước đây chiều nào chúng cũng túm lấy đánh đu lên người Tràng nhưng hôm nay đã khác. Chúng reo “*chồng vợ hài*”, Tràng nghiêm sắc mặt làm chúng tán ra. Người lớn thì thảm bàn tán. Ban đầu tưởng người nhà bà cụ Tứ ở dưới quê lên, khi người xóm ngụ cư hiểu ra cơ sự, có người thăm nghĩ đến hiện thực phũ phàng: “*Ôi chao!Giời đất này còn rước của nợ về*”. Có người chi nín lặng... Nhưng, hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ như thổi một luồng gió mới đến xóm ngụ cư, “*những khuôn mặt u tối bỗng rạng rỡ hẳn lên*”, “*có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ*”.

++ Khi có được tình yêu, hạnh phúc, Tràng sống trong những cảm giác mới mẻ. Trên đường về nhà, Tràng muốn nói với thị những câu tình tứ mà ngượng ngùng không nói được. Tràng hạnh phúc và sung sướng, bàng hoàng, quên hết lo âu. Một lúc Tràng quên hết những cảnh đời ê chề, tăm tối, quên cả những tháng ngày trước mắt. Trong lòng Tràng bây giờ chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên. Đêm tân hôn của vợ chồng Tràng diễn ra giữa trùng vây của tăm tối, đói khát, chết chóc, Tràng thấp lên ngọn đèn dầu vàng đục mà anh dành dụm hai hào để mua được như thấp lên ánh sáng của khát vọng và niềm tin yêu vào cuộc sống. Giữa thế giới ngổn ngang người sống kẻ chết, Kim Lân dám đặt vào đó một mối tình thì quả là táo bạo. Nếu truyện ngắn “*Một đám cưới*” của Nam Cao, nhà văn nhìn đám cưới như một đám ma thì trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân phát hiện giữa những đám ma là một đám cưới, éo le nhưng cảm động. Điều đó thể hiện khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc gia đình của những người đói còn mạnh hơn cái chết.

+ Sau đêm tân hôn, Tràng trở thành kiểu người khác -- kiểu người có ý thức:

++ Hạnh phúc gia đình tạo niềm vui lớn cho Tràng. Tràng hào hiệp và được trả công xứng đáng. Tràng như được nhào nặn lại từ chất liệu mới của hạnh phúc, từ một người bất thành nhân tính nay trở thành một người thực thụ, một chủ rể hạnh phúc. Tình yêu giống một thứ rượu biến Tràng thành kẻ say, tạo ra ở Tràng những con say tình thần kì lạ: “*Trong người êm ái lừng lơ như người ở trong giấc mơ đi rờ*”. Cái say còn tràn ra ngoài da thịt: “*một cái gì mới mẻ, lạ lẫm chưa từng thấy ở người đàn ông ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng*”. Câu văn đã diễn tả những xúc cảm rất nhân tính, nó minh chứng rằng sức mạnh của

tình yêu, của hạnh phúc vượt lên cái đói, cái chết. Kim Lân không chỉ hóa thân vào nhân vật mà còn sống trong nhân vật để tự nghiệm sinh niềm thiết tha kia trong những ngày đói khổ.

++ Hạnh phúc còn là liều thuốc nhân tính, khơi dậy ý thức, bản phận của Tràng. Lần đầu tiên Tràng run rẩy, sống trong một cảm giác rất người khi thấy vợ và mẹ dọn dẹp nhà cửa quang đãng, sạch sẽ. Bỗng nhiên Tràng thấy yêu thương, gắn bó với mái nhà của hắn. Tràng đã có một gia đình, anh sẽ cùng vợ sinh con ở đây. Cái nhà như tổ ấm che mưa che nắng, bây giờ Tràng thấy mình đã “ *nên người*”. Hai chữ “ *nên người*” hạ xuống như một nốt nhấn thấm thía về sự biến đổi ở trong Tràng. Cái gốc của sự biến đổi ấy là hạnh phúc gia đình, Tràng phục sinh nhân tính nhờ vươn tới ý thức về gia đình, đặc biệt là đã tìm được hạnh phúc gia đình thực sự. Chi tiết đắt nhất của Kim Lân có lẽ phải ở câu văn: “*Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm việc gì để tu sửa căn nhà*”. Hai chữ “*xăm xăm*” gọi bao nhiêu hăm hở hào hứng trong bước chân của Tràng với khát vọng xây đắp hạnh phúc.

++ Có dự cảm về sự đổi đời: Trong bữa cơm sáng đói khổ đón nàng dâu mới, khi “*và miếng cháo cám đắng chát nghẹn ứ trong cổ họng*”, mặt Tràng chun lại trong âm thanh của tiếng trống thúc thuế dồn dập. Khi cuộc sống bị đẩy đến miệng vực của cái đói cái chết, trong hoàn cảnh ấy, một sự kiện quan trọng đã thay đổi tất cả, đó là câu chuyện người vợ nhặt kể rằng trên mạn Bắc Giang, Thái Nguyên, những người đói đi phá kho thóc Nhật, khiến Tràng thấy tiếng tiếu chuyện trên đê sộp hôm nào... Kim Lân viết một câu văn kết lại truyện ngắn: “*Trong óc chàng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới*”. Câu văn này đem lại bao sức nặng tư tưởng và nghệ thuật cho tác phẩm. Nếu vắng mặt này, kết cấu truyện ngắn sẽ là kết cấu khép kín của văn học hiện thực phê phán trước 1945. Sự có mặt chi tiết này tạo ra kết cấu mở, nhờ thế thiên truyện đã đóng lại mà số phận nhân vật cứ mở ra, tính cách nhân vật tiếp tục vận động, hiện thực vẫn phát triển theo hướng đi lên. Hình ảnh lá cờ đỏ là tín hiệu đổi đời gợi mở ở Tràng sự thanh toán triệt để một số phận bé tắc kiểu chị Dậu, Chí Phèo. Đây không phải một ước mơ viễn vông, một ảo tưởng cổ tích mà có cơ sở chắc chắn trong hiện thực đời sống, từ sức mạnh và khát vọng của người đói cùng xu thế tất yếu đi theo cách mạng của họ.

3. Kết bài:

- Qua nhân vật Tràng, Kim Lân tái hiện chân thực cuộc sống tăm tối, thê thảm của người lao động trong nạn đói năm 1945, gián tiếp tố cáo tội ác của thực dân phát xít, bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay gây nên nạn đói, khiến những người như Tràng lâm vào tình cảnh khốn cùng, hạnh phúc lúa đói chấp chới bên bờ vực cái đói cái chết.

- Bên cạnh tấm lòng xót thương, qua số phận và tâm trạng Tràng, Kim Lân khẳng định chân lí: “Sự sống chẳng bao giờ chán nản, luôn mạnh hơn cái chết. Đồng thời nhà văn phát hiện, ngợi ca phẩm chất cao đẹp của người nông dân trong nạn đói: giàu tình yêu thương, có

khát vọng hạnh phúc gia đình, khát vọng sống và luôn vươn lên hướng về tương lai. Đúng như Kim Lân nói: “Những người đói họ không nghĩ đến cái chết mà chỉ nghĩ đến sự sống”. Kết thúc tác phẩm, Tràng có dự cảm đổi đời, đây là tư tưởng nhân đạo mới mẻ của Kim Lân gắn tình yêu, niềm tin với tương lai hạnh phúc của con người.

- Với tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn, với lối kể chuyện hồn hậu, có duyên, nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy... Kim Lân đã khắc họa thành công nhân vật Tràng. Tác phẩm *Vợ nhặt* xứng đáng là một kiệt tác của văn học hiện đại Việt Nam.

Hệ thống một số dẫn chứng cho bài văn nghị luận xã hội

(Học bình tích tủy và sử dụng trong các đề văn Nghị luận xã hội khác nhau)

I. Nhân vật – sự kiện

1. Napoleon

Napoleon là một đứa trẻ lắm lì và nóng tính. Tuy bà mẹ yêu con, nhưng dạy dỗ Napoleon cũng nghiêm khắc như đối với anh em của Napoleon. Gia đình sinh hoạt tằn tiện nhưng không túng bản. Trông bề ngoài, ông bố là một người đàn ông tốt và bà Letitia, người chủ thật sự của gia đình, một người đàn bà quả quyết, nghiêm khắc và cần cù. Napoleon thừa hưởng của mẹ tinh thần ham làm việc và nếp sống trật tự nghiêm ngặt.

Những ngày năm thiếu thời, viên sĩ quan ấy sống một cuộc sống khó khăn. Hàng tháng, Napoleon gửi về cho mẹ gần hết số lương chỉ giữ lại đủ để trả tiền những bữa ăn đạm bạc của mình và không vui chơi giải trí gì. Trong ngôi nhà Napoleon thuê được một căn buồng, có một cửa hàng nhỏ bán sách cũ. Napoleon đã dành tất cả thời gian rỗi rãi của mình vào việc đọc sách do người chủ hiệu cho mượn. Napoleon không thích giao du, và lại Napoleon ăn mặc quá tồi tàn đến nỗi không muốn và cũng không thể có một cuộc sống xã giao tối thiểu. Napoleon say mê đọc sách chưa từng thấy, khi đọc ông ghi chép và viết những ý kiến phân tích của mình dày đặc cả sổ tay.

Khả năng làm việc bằng trí óc một cách căng thẳng cũng như khả năng tập trung cao độ và lâu dài sức suy nghĩ của Napoleon đã thấy lộ rõ từ thời kỳ này. Sau này, nhiều lần Napoleon nói rằng: nếu người ta thấy tôi luôn luôn sẵn sàng đối phó với mọi tình huống thì điều đó có thể giải thích như thế này: trước khi làm bất cứ việc gì, tôi đã suy nghĩ kỹ trước khá lâu và dự kiến hết những gì có thể xảy ra. Chẳng phải là đã có một vị thần thánh nào thỉnh linh hiện ra để gả cho Napoleon những tình huống dường như bất ngờ đối với những người khác, Napoleon nói thêm rằng "... Lúc nào tôi cũng làm việc, làm việc trong khi ăn, ở rạp hát, ban đêm...". Khi nói đến thiên tài của mình thì lời lẽ của Napoleon thường đượm vẻ châm biếm hoặc giễu cợt và rồi bao giờ Napoleon cũng nhấn mạnh và rất nghiêm túc đến tinh thần làm việc của mình. Napoleon lấy làm tự hào về khả năng làm việc vô tận của mình hơn bất cứ năng khiếu nào khác mà tạo hoá đã ban cho một cách vô cùng rộng lượng.

2. Abraham Lincoln

Vị tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ là người đã kết thúc chế độ nô lệ ở đất nước này. Ông tự học ở nhà trong một gia đình ở biên giới đất nước. Ông đã cố gắng kinh doanh riêng và bước chân vào con đường chính trị nhưng do thiếu nền giáo dục từ nhỏ, sự kết nối quyền lực và tiền bạc mà ông đã thất bại hai lần trong kinh doanh và tám lần trong các cuộc bầu cử. Khi kết hôn với bà Mary Todd, họ có bốn người con trai nhưng ba trong số họ đã chết sớm do bệnh tật. Điều này đã gây ra bệnh trầm cảm cho ông.

Nhưng vào năm 1860, ông được đề cử là ứng viên của đảng dân chủ cho chức tổng thống. Ông đã thắng cử và trở thành Tổng thống Hoa Kỳ trong thời nội chiến và kết thúc chế độ nô lệ cho những người Mỹ gốc Phi.

Abraham Lincoln, vị tổng thống thứ 16 của Mỹ là nhân vật lịch sử tiêu biểu hàng đầu của Hợp chúng quốc hoa Kỳ. Lincoln thành công trong nỗ lực lãnh đạo đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng hiến pháp, quân sự, và đạo đức – cuộc Nội chiến Mỹ – duy trì chính quyền Liên bang, đồng thời chấm dứt chế độ nô lệ, hiện đại hóa nền kinh tế, tài chính của đất nước.

Sinh trưởng trong một gia đình nghèo ở vùng biên thùy phía Tây, kiến thức Lincoln thu đạt được hầu hết là nhờ tự học. Ông trở thành luật sư nông thôn, nghị viên Viện Lập pháp tiểu bang Illinois, nghị sĩ một nhiệm kỳ ở Viện Dân biểu Hoa Kỳ, rồi trải qua hai lần thất bại trong nỗ lực giành một ghế tại Thượng viện.

Con đường thành công của Abraham Lincoln giúp chúng ta rút ra nhiều bài học quý báu cho sự nghiệp:

- Giao tiếp ngắn gọn và trực tiếp

Edward Everett là một nhà hùng biện nổi tiếng. Vào năm 1863, tại Gettysburg, ông đã có buổi diễn thuyết hơn hai giờ đồng hồ. Phong cách hùng biện của ông là điển hình của thời đại, và bài phát biểu đó là tất cả nhưng lại nhanh chóng bị quên lãng.

Lincoln chỉ nói ba phút trong suốt bài diễn văn tại Gettysburg, phong cách của ông là diễn giải ngắn gọn và đưa ra thông điệp trực tiếp. Với ngoại lệ "Bài Giảng Trên Núi của Chúa Giêsu", bài diễn văn Gettysburg của Lincoln là văn kiện có ảnh hưởng nhất và là một trong những bài diễn văn được trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

- Không khuất phục trước những lời đe dọa

Trước khi bị ám sát tại Nhà hát Ford vào năm 1865, Abraham Lincoln đã sống sót qua ít nhất ba âm mưu ám sát và thường xuyên chịu đựng các mối đe dọa đến sinh mạng từ các đối thủ và phần tử ly khai. Ông đã không chùn bước trước những thử thách ngay cả việc đe dọa đến sinh mạng để hoạt động không biết mệt mỏi cho việc giải phóng chế độ nô lệ.

- Giữ đối thủ ở gần bên mình

Một trong những yếu tố để đánh giá năng lực của tổng thống là sự bỏ nhiệm các nhân vật trong nội các. Abraham Lincoln đã bỏ nhiệm không ít hơn năm đối thủ chính trị vào nội các, trong khi các vị tổng thống khác chủ yếu chỉ giữ một hoặc hai đối thủ trong nội các mà thôi.

- Nắm bắt cơ hội để lãnh đạo

Trong cuộc khủng hoảng chính trị và quân sự chưa từng có, nhằm kiểm soát cuộc chiến và thiết lập chiến lược toàn diện để trấn áp phe nổi loạn, Lincoln nhận ra tầm quan trọng của việc trực tiếp nắm quyền chỉ huy quân đội. Lincoln, với tư cách là Tổng Tư lệnh Quân lực, sử dụng quyền lực chưa từng có.

Ông mở rộng những quyền đặc biệt trong chiến tranh, áp đặt lệnh phong tỏa trên tất cả thương cảng của Liên minh, ra lệnh cầm tù không qua xét xử hàng ngàn người bị nghi là ủng hộ Liên minh. Quốc hội và công luận miền bắc ủng hộ ông. Hơn nữa, Lincoln phải đấu tranh để củng cố sự ủng hộ mạnh mẽ từ những tiểu bang có nô lệ ở vùng biên, và phải kiềm chế cuộc chiến không trở thành một cuộc tranh chấp

Trong khi chúng ta không thể ủng hộ việc phá vỡ điều lệ hoặc vi phạm chính sách của công ty, nhìn vào cuộc đời của Abraham Lincoln có thể khuyến khích bạn nắm lấy một cơ hội, một tầm nhìn rộng lớn hơn với các giải pháp mang tính khả thi, một trong số đó là không bị hạn chế bởi các chính sách không thực tế hoặc lỗi thời.

3. Mohandar Gandhi

Bốn lần bị bắt, 31 tháng bị cầm tù nhưng Mohandar Gandhi (1869-1948) vẫn kiên cường đấu tranh cho độc lập dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của người Ấn. Trước khi chết do bị ám sát, ông nói: "Dù chỉ còn một giây tồn tại nhưng tôi cũng phải thực hiện cho bằng được nó, bởi đó là khát vọng của dân tộc." Ông được nhân dân Ấn tôn sùng như một vị thánh, họ gọi ông là Mahatma – Đấng vĩ đại -> Tình yêu nước và tình yêu con người mạnh hơn cả cái chết.

4. Winston Churchill

Churchill đã từng là một cậu bé nổi loạn, không học hành tốt khi ở trường và thậm chí là trượt lớp 6. Ông bị tật nói ngọng và nói lắp. Ông cũng từng thử thách mình trong xây dựng quân sự và sự nghiệp chính trị nhưng ông đều thua trong hầu hết các cuộc tranh cử mà ông tham gia. Những năm sau đó, ông đã bị cô

lập thậm chí từ ngay trong Đảng bảo thủ Anh. Uy tín chính trị của ông đã bị ảnh hưởng nặng nề đến nỗi ông đã tự dày mình tạm thời khỏi Nghị viện và Hạ viện.

Nhưng Churchill là một trong số những người đầu tiên nhìn thấy sự nguy hiểm của Đức Quốc xã và cố gắng trở thành thủ tướng Anh ở tuổi 62 trong Thế chiến II. Sự kiên định của ông đã giúp cho nước Anh chống lại Hitler, sau đó là đánh bại Đức Quốc xã và đưa ông trở thành “*Người Anh vĩ đại nhất của mọi thời đại*”.

5. Tình bạn giữa Marx và Engel

Trong nghiên cứu khoa học cũng như trong đấu tranh thực tiễn, Marx đã tìm thấy ở Engels một người bạn chiến đấu trung thành, một trợ thủ không thể thay thế được, một người mà tên tuổi và sự nghiệp gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của bản thân Marx.

Lần đầu tiên, Engels gặp Marx vào cuối tháng 11-1842 trong lúc Engels ghé thăm Bộ Biên tập báo “*Neue Rheinische Zeitung*”, khi trên đường qua nước Anh. Tiếp đó, trong cuộc gặp gỡ lịch sử tháng 08-1844 ở Paris, hai người nhất trí hoàn toàn về tư tưởng, quan điểm trong mọi vấn đề lý luận và thực tiễn. Từ đó bắt đầu một tình bạn thắm thiết và sự cộng tác keo sơn có một không hai trong lịch sử.

Sau khi Marx sang nước Anh, Engels tự đặt cho mình nghĩa vụ phải giúp đỡ về mặt vật chất cho gia đình Marx để có thể theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu lý luận và hoạt động chính trị của mình. Trong những năm Engels ở Manchester, ông và Marx đã gửi cho nhau trên 1.500 bức thư thảo luận rộng rãi những vấn đề về triết học, kinh tế chính trị, chiến lược, sách lược của giai cấp vô sản và nhiều lĩnh vực khác.

Sau khi Marx mất, Engels phải dẹp những công trình nghiên cứu của mình sang một bên và dành những năm cuối của đời mình cho việc chỉnh lý và đưa in các tập còn lại của bộ “*Tư bản*” mà Marx đã phải bỏ dở. Engels đã làm việc ấy với tình cảm sâu nặng, ý thức trách nhiệm và lòng tận tâm hiếm có.

6. Heghen

Ông kể cho chúng ta nghe về ba người thầy mà ông gặp được trong cuộc sống:

- Người thầy thứ nhất là một gã ăn trộm. Anh ta cho Heghen thấy được niềm tin và sự lạc quan, thanh thản ngay cả khi có những đêm anh ta trở về mà không trộm được món đồ nào “*Ngày mai tôi sẽ kiếm được thứ gì đó, nếu không phải ngày mai thì sẽ là ngày kia..*”

- Người thầy thứ hai là một con chó. Khi nó khát nước, nó đến bên bờ sông nhưng nhìn thấy cái bóng của mình ở dưới nước nó đã chực quay đi. Song, sau một hồi suy nghĩ nó đã nhảy xuống nước và tha hồ vẫy vùng ngụp lặn trong sự sung sướng, khoái chí của mình -> cái quan trọng là phải biết chiến thắng, vượt qua nỗi sợ hãi của bản thân thì bạn mới đạt được những thứ mà bạn muốn.

- Người thầy thứ ba là một cậu bé trong nhà thờ. Heghen đến, khi nhà thờ tối om, ông thấp lên một cây nến và đưa cho cậu bé, một lúc sau ông thổi tắt cây nến và hỏi cậu bé “*con có biết ngọn lửa ở cây nến đã đi đâu không?*”. Cậu bé trả lời Heghen “*vậy ngọn lửa ban đầu do đâu mà có?*”. Câu hỏi của cậu bé làm ông lúng túng và trong phút chốc thấy hổ thẹn với bản thân vì sự ngạo nghễ lúc đầu. Nó khiến Heghen nhận ra rằng trong cuộc sống này phải không ngừng học hỏi, đừng sớm vội tự tin về những gì mình đã biết..

7. Albert Einstein

Einstein đã từng bị coi là người đàn ông chậm chạp. Từ ngày lọt lòng mẹ, cậu Albert chẳng có gì khác hơn những đứa trẻ thông thường. Cậu chậm biết nói đến nỗi lên 3 tuổi mà còn bập bẹ tiếng một khiến cho cha mẹ tưởng cậu bị câm. Hai ba năm sau, Albert vẫn còn là đứa trẻ ít nói, nhút nhát, thường lánh xa mọi đứa trẻ cùng phố. Ông ghét sự khuôn phép của trường học. Khi 16 tuổi, ông đã trượt kỳ thi đầu vào của trường Bách khoa Liên Bang Thụy Sĩ tại Zurich. Thay vào đó, ông phải học một trường nhỏ hơn. Cho dù ông đã cố gắng có bằng sự phạm từ trường Bách Khoa Thụy Sĩ sau đó, ông đã thất nghiệp hai năm. Sau đó, ông đã có công việc giám định bằng sáng chế cho Cơ quan Sáng chế Thụy Sĩ.

Nhưng ông đã thử sức mình với các báo cáo khoa học của riêng mình từ năm 1901 đến 1905 (trong đó có báo cáo về thuyết tương đối) mà sau này trở thành bước đột phá trong khoa học. Năm 1909, ông được công nhận là nhà khoa học tiên phong hàng đầu và là một trong những người sở hữu trí óc siêu việt nhất trong lịch sử loài người.

- Trong sinh hoạt, ông sống rất giản dị và có thể nói là thiếu thốn. Ông thường mặc những bộ quần áo rẻ tiền.

Khi ông chưa nổi tiếng, có một người bạn gặp ông giữa thành phố hoa lệ New York. Thấy ông ăn mặc xuềnh xoàng, người bạn hỏi ông:

- Anh ăn mặc thế này không sợ người dân New York chế cười à!

Einstein mỉm cười và trả lời:

- Trời! Ai biết Einstein là ai mà chế cười!

Sau khi ông đã là nhà bác học nổi tiếng, người bạn cũ gặp lại ông cũng ở New York vẫn mặc như xưa lại hỏi:

- Thế nào? Bây giờ mà anh vẫn mặc như thế này à?

- Chẳng sao! Bây giờ ai mà chả biết Einstein cơ chứ! Quần áo sang trọng đâu có làm tăng giá trị con người!

➤ Bài học về lối sống giản dị, chân thật, sống với đúng bản chất của mình.

- Einstein khi giảng giải về công việc của mình cho con trai nghe, ông nói: "khi con bỏ hung bò trên một cành cây cong, nó không biết là cành cây bị cong. Ba may mắn hơn nó: ba thấy được điều mà con bỏ hung không thấy".

➤ Chúng ta khác nhau ở chỗ chúng ta thấy được gì, học hỏi được gì, sáng tạo được gì từ những cái vốn có trong cuộc sống.

- Truyện kể rằng, tại Viện Nghiên Cứu Cao Cấp Princeton, Einstein ra đề thi cho sinh viên. Một anh phụ giáo hót hải chạy đến báo ông biết: "Thưa giáo sư, đề thi năm nay giống y như năm trước, chắc là giáo sư quên không để ý". Einstein mỉm cười: "Đề thi thì giống nhưng đáp số thì đã khác!"

➤ Không ngừng tìm tòi, sáng tạo để hoàn thiện vì mọi đích đến đều có những lối đi của riêng mình.

8. Thomas Edison

Thomas Edison người đứng thứ 3 trên thế giới về số bằng phát minh sáng chế khoa học – đã trải qua hàng vạn những lần thử nghiệm thất bại để có thể tạo ra được một phát minh lớn cho nhân loại – những phát minh mà ban đầu chỉ nghe ý tưởng về nó, mọi người đã cho rằng đó là điều "không tưởng". "Tôi không bao giờ nản chí vì đối với tôi mỗi một nỗ lực không thành công là một bước tiến bộ" - Thomas Edison.

9. Walt Disney

Walt Disney qua đời năm 1966, nhưng tên tuổi của ông vẫn luôn được nhắc đến bởi hàng triệu người đã từng xem những bộ phim, các chương trình truyền hình và đến các khu vui chơi giải trí của Walt Disney. Walt Disney là con thứ tư trong một gia đình nông dân nghèo, cha nghiện rượu, bài bạc. Sáu tuổi đã phải ra đồng làm việc. Mẹ vẽ nhưng vì không có tiền nên ông dùng than để vẽ lên giấy vệ sinh. Sau này cái tên W. Disney đã trở nên nổi tiếng thế giới với những bộ phim hoạt hình đỉnh cao. W. D đã từng nói về bốn điều làm nên cuộc đời mình: Tin vào bản thân mình, suy nghĩ về những giá trị mà mình muốn có, mơ về những điều có thể đến dựa trên niềm tin vào bản thân và những giá trị của chính mình, can đảm để biến ước mơ thành hiện thực, dựa trên những niềm tin vào bản thân và những giá trị của chính mình. Tuy nhiên không phải ai cũng biết Walt Disney từng bị biên tập một tờ báo sa thải vì "thiếu trí tưởng tượng và không có ý tưởng hay ho". Ông cũng nếm mùi phá sản nhiều lần trước khi sáng tạo nên Disneyland.

Disney muốn lập ra công ty thiết kế phim hoạt hình ngắn. Nhưng những lần thử đầu tiên của ông đã thất bại. Đã có thời điểm, ông bị mất một vài nhân viên và quyền sở hữu nhân vật hoạt hình vào tay Universal Pictures. Nhưng cuối cùng, ông đã xây dựng được một đế chế giải trí khổng lồ với những nhân vật hoạt hình kinh điển nổi tiếng như vịt Donald và chuột Mickey cùng với những bộ phim đột phá như “*Nàng Bạch Tuyết*” hoặc “*Người đẹp ngủ trong rừng*”.

10. Oprah Winfrey

Nữ hoàng truyền hình lớn lên trong sự nghèo khó và bị lạm dụng tình dục khi còn là một đứa trẻ. Bà thử sức mình với vai trò một phóng viên truyền hình nhưng đã bị sa thải bởi người ta cho rằng bà không hợp với truyền hình. Những vấn đề từ lúc còn nhỏ đã làm ảnh hưởng đến bà, khiến cho bà có vấn đề về cân nặng. Bà cũng thử dùng cocaine và thất bại trong nhiều mối quan hệ.

Nhưng cuộc đời bà đã thay đổi khi bà làm chủ một chương trình truyền hình, sản xuất và xuất hiện trong chương trình của chính bà mang tên “*Oprah Winfrey Show*”. Bà đã thay đổi cách thực hiện các chương trình talk show bằng cách tập trung vào địa chính trị, sức khỏe, tâm linh và các chương trình từ thiện. Chương trình của bà đã trở thành chương trình trò chuyện có nhiều người xem nhất trên hành tinh và đưa bà trở thành một tỷ phú.

11. Lucille Ball

Lucille bị đuổi ra khỏi trường Sân khấu Nghệ thuật John Murray Anderson tại New York vì nỗi sợ hãi mỗi khi biểu diễn. Sau đó, bà tiếp tục quay trở lại New York với tư cách một người mẫu thời trang và diễn viên, bị sa thải bởi ít nhất hai nhà sản xuất. Bà tới Hollywood, ký hợp đồng với Metro-Goldwyn-Mayer, nhưng những nỗ lực hết mình cũng chỉ đưa bà đến với các bộ phim điện ảnh hạng B

Cuối cùng bà đã tìm thấy con đường của mình ở lĩnh vực phát thanh và truyền hình, một loại hình giải trí mới trở lại vào những thập niên 40 và 50. Bà cùng với chồng là ông Desi Arnaz đã cho ra mắt chương trình truyền hình “*I Love Lucy*” trình chiếu trên đài CBS. Đây là một trong những chương trình phát sóng lâu nhất trong lịch sử truyền hình và giúp bà trở thành một diễn viên hài nổi tiếng

11. Steven Spielberg

Là một người đàn ông trẻ mắc chứng khó đọc, lá đơn xin vào trường Đại học Sân khấu Điện ảnh và Truyền hình Nam California của ông đã bị từ chối ba lần. Thay vào đó, ông đến trường Đại học bang California nhưng cuối cùng ông cũng bỏ học tại đó.

Tác phẩm đầu tay của nhà đạo diễn nổi tiếng này là “*Sugarland Express*” được giới phê bình đánh giá cao nhưng lại thất bại về doanh thu phòng vé. Tuy vậy, Spielberg đã tiến lên phía trước và được giao cơ hội với những bộ phim có ngân sách lớn như “*Jaws*”, “*Close Encounters of the Third Kind*”, “*ET*”, “*Raiders of the Lost Ark*” và “*Jurassic Park*”.

Nhưng Viện Hàn lâm Điện ảnh và Khoa học đã “*ghé lạnh*” với ông trong nhiều năm và không trao cho ông giải thưởng Đạo diễn xuất sắc nhất cho tới năm 1993 khi ông đạo diễn phim “*Schindler’s List*”. Từ đó cho đến nay, ông được công nhận là một đạo diễn hạng A của Hollywood và là quyền lực nghệ thuật chính trong lịch sử phim ảnh.

12. Henry Ford

Trước khi hãng xe Ford có được một cơ ngơi như ngày nay, người sáng lập Henry Ford đã từng lập rồi phá ba công ty. Công ty thứ nhất mang tên Detroit nhưng nhanh chóng phá sản do Henry Ford chỉ tập trung thiết kế xe mà không kinh doanh. Công ty thứ hai mang tên ông chuyên về xe đua, nhưng sau đó chính Henry Ford bị các nhà đầu tư buộc rời khỏi công ty. Doanh nghiệp thứ ba thì bị phá sản do doanh thu đi xuống. Nhưng những gì mà Ford có được ngày hôm nay đã khẳng định rằng, những thất bại của ông trước kia không hề vô nghĩa. Chính những lần phá sản, thất bại trong kinh doanh đã giúp cho người sáng lập hãng

xe hàng đầu này có thêm nhiều bài học xương máu, khiến ông có được nhiều bước tiến khôn ngoan trong cuộc đua của ngành công nghiệp sản xuất ô tô đầy khốc liệt.

13. Harland David Sanders

Hình ảnh quen thuộc của gà rán KFC nổi tiếng toàn cầu là hình ảnh một ông già lịch lãm trong bộ vest trắng, chòm râu bạc và cà vạt đen. Đó chính là người lập nên KFC, “Đại tá bang Kentucky” Harland Sanders. Ngày nay, KFC đã có mặt trên 100 quốc gia, nhưng thuở ban đầu, Sanders đã không bán được món gà của mình. Hơn 1.000 nhà hàng đã từ chối ông. Những bước khởi động không thành công ấy không làm cho người đầu bếp nản chí. Bằng sự kiên trì và niềm đam mê với những món ăn, ông đã tạo ra một công thức chế biến gà độc đáo. Cho đến tận hôm nay, công thức chế biến gà của Sanders vẫn thu hút hàng triệu người trên toàn cầu.

14. Soichiro Honda

Soichiro Honda từng tâm sự rằng, *“đối với tôi, thành công có thể chỉ đạt được khi đã trải qua nhiều thất bại và nghiền ngẫm. Trên thực tế, trong tất cả những việc ta làm, thành công chỉ chiếm 1%, 99% khác là thất bại”*. Tinh thần làm việc, nghị lực và lòng say mê với khoa học là chìa khoá đưa Honda đến thành công. Soichiro Honda từ biệt thế giới vào năm 1992, nhưng người đời còn nói nhiều về ông, mỗi khi nghĩ tới một điển hình của “thiên tài không bằng cấp”.

15. Steve Jobs

Jobs đã định nghĩa lại cách thế giới sử dụng máy tính cá nhân thông qua công ty máy tính mà ông sáng lập, Apple Inc. Ông đã tạo ra máy tính Mac và GUI (Giao diện đồ họa người dùng). Nhưng ông đã bị sa thải bởi hội đồng giám đốc, khiến ông chán nản và thất vọng.

Steven Paul Jobs sinh ngày 24 tháng 2 năm 1955, là con trai của một cặp sinh viên đại học chưa kết hôn: Joanne Schiebe và Abdulfattah Jandali, người gốc Syria. Ông bị cha mẹ ruột từ bỏ và được một đôi vợ chồng người California là Paul và Clara Jobs nhận nuôi. Nhiều tháng sau đó, cha mẹ ruột của ông thành hôn và sinh một người con gái, Mona, cô không hề biết đến sự tồn tại của anh trai mình cho mãi đến khi trưởng thành.

Ông lớn lên tại gia đình cha mẹ nuôi ở Thung lũng Silicon, trung tâm của nền công nghệ điện tử Mỹ. Ông bỏ học cao đẳng ngay sau học kỳ đầu tiên và đi làm cho công ty sản xuất trò chơi điện tử Atari để kiếm tiền đi du lịch Ấn Độ. Trước khi sáng tạo ra chiếc máy tính đầu tiên, Jobs đã theo học một lớp về nghệ thuật thư pháp. Học một môn học không liên quan đến ngành nghề mà ông đang theo đuổi tưởng chừng như là một công việc vô nghĩa. Nhưng không ngờ rằng, chính những bài học mà ông đã tiếp thu từ nghệ thuật thư pháp đã giúp ông sáng tạo ra những dòng sản phẩm tinh tế. Bài học mà ta có thể rút ra đó chính là sự chuẩn bị cho tương lai, từ những việc nhỏ nhất, tưởng như vô nghĩa lại là những viên đá lót đường giúp ta đến đích một cách nhanh chóng và thuận lợi hơn.

Năm 1976 Jobs đã có được hợp đồng bán 50 chiếc máy tính còn chưa sản xuất của Wozniak cho một cửa hàng máy tính, và nhờ có đơn đặt hàng này, ông đã thành công khi thuyết phục một nhà phân phối điện tử cho ông mua nợ các bộ phận để lắp máy.

Đã từng có lần rời khỏi Apple, nhưng bằng sự sáng tạo và niềm tin vào chính mình, Steve Jobs tiếp tục đạt được những thành công mới trên con đường thiết kế đồ họa và sản xuất phim hoạt hình. Ông bắt đầu lại với một công ty khác với tên gọi NeXT Computer, phát triển công nghệ máy tính cá nhân thế hệ tiếp theo và mua hãng phim Lucasfilm rồi đổi tên thành Pixar. Khi công ty Apple đang lụi bại mời ông quay trở về, ông đã đồng ý trở lại tiếp quản công ty và cuối cùng đã đưa Apple thành một trong những công ty sáng tạo và lợi nhuận nhất hành tinh.

Steve Jobs là một người có một không hai; một người hoàn toàn tự tin vào khả năng của chính mình và một người thiếu kiên nhẫn với những ai không đồng ý với ông. Cái tài lớn của ông là khả năng tiên đoán thị trường và con mắt biết nhận ra những thiết kế đẹp và các sản phẩm đầy sáng tạo khiến ai cũng muốn mua. “*Ta không thể hỏi khách hàng xem họ muốn gì và rồi đưa cho họ cái đó,*” ông từng nói. “*Trong lúc ta sản xuất ra sản phẩm đó thì họ đã muốn cái mới rồi*”.

Bi quyết thành công của Steve Jobs:

☞ Hãy tìm kiếm niềm đam mê đích thực của bạn. Hãy làm điều bạn yêu thích và tạo sự khác biệt! Cách duy nhất để đạt đến thành công tốt bậc là yêu thích những gì bạn làm.

☞ Bạn không nên lo lắng về quá nhiều việc cùng một lúc. Hãy bắt đầu từ một vài việc đơn giản, sau đó mới chuyển qua những việc phức tạp hơn. Hãy suy tính không chỉ cho ngày mai, mà còn cho tương lai.

☞ Hãy tìm kiếm ý tưởng lớn kế tiếp. Tìm ra những ý tưởng cần được hiện thực hóa một cách nhanh chóng và quyết đoán rồi “nhảy” vào thực hiện nó. Đôi khi bước đầu tiên chính là bước khó khăn nhất. Hãy đi bước đầu tiên này! Hãy mạnh dạn theo đuổi tình cảm và trực giác của bạn.

☞ Hãy tạo sự khác biệt. Hãy suy nghĩ khác mọi người. Chẳng thà làm một tên cướp biển còn hơn là gia nhập đội ngũ hải quân.

☞ Hãy nỗ lực hết mình khi làm bất cứ việc gì. Thành công sẽ tạo ra thành công. Vì thế hãy khát khao thành công.

☞ Lúc nào cũng có một cái gì đó mới mẻ để bạn học! Trao đổi ý kiến, học hỏi từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh và đối tác. Nếu bạn làm việc với một người bạn không thích, hãy học cách thích họ. Hãy khen ngợi họ và thu được lợi ích gì đó từ họ.

☞ Thành công vì có đam mê, có sự sáng tạo, quyết đoán, dám nghĩ dám làm, không ngừng học hỏi, nỗ lực hết mình, có tầm nhìn xa, có sự khéo léo trong ngoại giao.

16. Raffaello

Raffaello họa sĩ và kiến trúc sư nổi tiếng người Ý. Ông sinh tại một thành phố nhỏ Urbino nhưng quan trọng về mặt nghệ thuật ở miền trung Ý trong vùng Marche. Cha ông là một họa sĩ nổi tiếng, từ nhỏ đã cho Raffaello theo học những thầy giáo giỏi và ông học rất xuất sắc. Khi được 21 tuổi, ông đến Firenze và nghiên cứu tỉ mỉ các tác phẩm của những bậc thầy trước đó. Ngoài chuyên môn họa sĩ, Raffaello còn là một kiến trúc sư lỗi lạc. Ông là một tấm gương đáng noi theo về việc phát huy không chỉ sở trường của mình mà còn biết nghiên cứu hầu hết các lĩnh vực liên quan, trở thành một con người toàn diện.

17. Leonardo da Vinci

Leonardo da Vinci được coi là một thiên tài toàn năng người Ý. Leonardo lớn lên trong gia đình của cha ông và sống phần lớn thời gian thời thiếu niên tại thành phố Firenze. Trong số những đam mê của ông, Leonardo yêu thích nhất là âm nhạc, vẽ và tạo hình. Cha của Leonardo đưa một vài tranh vẽ của ông cho một người quen xem, Andrea del Verocchio, người ngay lập tức nhận ra được tài năng về nghệ thuật của Leonardo và được Ser Piero chọn làm thầy cho Leonardo. Ông được người cha cho sống tự lập từ nhỏ và điều này khiến cho ông trở nên vô cùng cứng rắn, mạnh mẽ trong việc xử lý các tình huống khó khăn trong cuộc sống cũng như trong việc học tập nghệ thuật của ông. Ông là người có những ý tưởng vượt trước thời đại của mình, đặc biệt là khái niệm về máy bay trực thăng, xe tăng, dù nhảy, sự sử dụng hội tụ năng lượng mặt trời, máy tính, sơ thảo lý thuyết kiến tạo địa hình, tàu đáy kép, cùng nhiều sáng chế khác.

18. Picasso

Thuở thiếu thời Picasso là một họa sĩ vô danh, nghèo túng ở Paris. Đến lúc chỉ còn 15 đồng bạc, ông quyết định đánh canh bạc cuối cùng. Ông thuê sinh viên dạo các cửa hàng tranh và hỏi " Ở đây có bán tranh

của Picasso không?”. Chưa đầy một tháng tên tuổi của ông đã nổi tiếng khắp Paris, tranh của ông bán được và nổi tiếng từ đó.

☞ Nếu không tự tạo cơ hội cho chính mình thì chẳng bao giờ ta có cơ hội cả. Khó để thành công nếu như không biết nắm bắt cơ hội của mình.

19. Michelangelo

Chuyện kể rằng một người bạn đến thăm nơi làm việc của Michelangelo và thấy ông miệt mài đến nỗi không có thời gian tiếp chuyện mình. Một tuần sau khi người bạn này trở lại, vẫn thấy sự tỉ mỉ và hăng say đến quên hết mọi sự xung quanh của Michelangelo đối với vẫn một pho tượng cũ. Người này mới thắc mắc “Michel ah, suốt một tuần vừa qua cậu đã làm gì thế, một tuần trước tôi đến, cậu đã gần hoàn thành bức tượng này. Với sự làm việc ngày đêm của cậu, không lý nào nó vẫn chưa xong?”. Michel hỏi người bạn có thấy bức tượng có thần thái hơn hay không, có thấy những cơ bắp rắn chắc hơn, những đường nét trên khuôn mặt có thần sắc hơn, đôi mắt có hồn hơn.... Cả tuần qua ông chỉ tỉ mỉ gọt tìa những chi tiết hết sức nhỏ nhặt. Nó không khỏi khiến người bạn nói “nhưng những chi tiết ấy rất tầm thường”, và Michel đã trả lời người bạn “*sự tầm thường ấy làm nên những điều hoàn hảo, mà cậu biết đấy, cái hoàn hảo thì không bao giờ tầm thường*”.

☞ Bài học về sự miệt mài lao động, bài học về sự nỗ lực, cẩn thận, tỉ mỉ, không bỏ qua những chi tiết dù nhỏ nhất nhưng hữu dụng; về đam mê.

20. Andecxen

Sinh ra trong một gia đình nghèo ở thành phố Odense, cuộc sống nghèo khổ, không lúc nào có đủ bánh mì để ăn, đi học lại luôn bị bạn bè chê cười vì ngoại hình xấu xí, nhưng vượt qua tất cả với ước mơ trở thành nghệ sĩ, Andecxen đã lang thang lên thành phố Copenhagen, đóng những vai kịch tầm thường, làm quét dọn. Cuối cùng nghị lực và tình yêu nghệ thuật đã giúp ông thành công. Những câu chuyện của ông mãi mãi tồn tại trong tâm trí độc giả, mang lại cho trẻ thơ niềm hạnh phúc, thắp lên những ước mơ đẹp.

21. J.K.Rowling

Đã có thời điểm, tác giả nổi tiếng của bộ truyện Harry Potter là một bà mẹ đơn thân thất nghiệp tuyệt vọng nuôi con nhờ tiền trợ cấp xã hội. Cô thậm chí còn vừa ôm con vừa viết tập truyện đầu tiên của Harry Potter trong một quán cà phê, vừa viết vừa ăn và cho con ngủ. Cuốn sách của cô đã bị từ chối bởi không dưới 12 nhà xuất bản.

Tuy nhiên sau đó, nhà xuất bản Bloomsbury đã đồng ý xuất bản cuốn truyện này. Cuốn truyện dành được nhiều lời khen ngợi và bán được rất nhiều bản thảo, giúp cho Rowling có thể tiếp tục viết tiếp những phần sau và trở thành người giàu có với số tài sản thậm chí còn nhiều hơn Nữ hoàng Anh.

22. Nick Vujicic

Sinh ra đã không có tứ chi, trong những năm đầu cuộc đời, Nick đã phải đối mặt với sự chế giễu của những người xung quanh, sự từ chối nhận học của nhiều trường, rơi vào trầm cảm tồi tệ và nhiều lần có ý định từ bỏ cuộc sống, năm anh 10 tuổi anh đã cố tự dìm mình trong bồn tắm, nhưng tình yêu đối với cha mẹ không cho phép anh làm điều đó. Thế rồi anh nhận ra trên thế giới này không phải chỉ có mình anh chịu những thiệt thòi, bất hạnh đó, anh dần chấp nhận khuyết tật của bản thân mà có suy nghĩ vô cùng tích cực rằng “*Chúa đã tạo ra anh ắt có dụng ý nào đó và sẽ không để anh trở nên vô dụng mãi*” “*tôi được sinh ra không phải là một sự trừng phạt mà là sự sáng tạo đặc biệt của Chúa để Chúa hiển lộ những công việc đặc biệt của Người qua tôi*”. Nick dần tìm ra cách sống một cuộc sống đầy đủ mà không có tứ chi, học được thành thạo những kỹ năng đời thường mà một người bình thường thực hiện dễ dàng. Tốt nghiệp Đại học với tấm bằng kép, trở thành nhà diễn thuyết và tuyên truyền động lực nổi tiếng, thành đại sứ của nghị lực

phi thường, anh đã đem đến cho biết bao con người niềm tin, ý chí, nghị lực đối với bản thân họ, đối với cuộc sống này.

23. Lưu Tư Kinh

Lưu Tư Kinh là con trai duy nhất của một quả phụ nghèo sống ở miền quê hẻo lánh. Anh phải rời mẹ để lên thành phố xa xôi lập nghiệp, hàng tháng anh vẫn gửi tiền và thư về cho mẹ, nhưng lòng thì nhớ mẹ khôn nguôi. Một lần thu xếp về thăm mẹ, anh mua cho bà một con vẹt xanh để bà có người bầu bạn. Thế rồi Lưu Tư Kinh đi. Ở nhà, thỉnh thoảng con vẹt lại cất tiếng: “Mẹ ơi, con Lưu Tư Kinh đây, con nhớ mẹ lắm... Mẹ ơi, mẹ vất vả quá, nghỉ tay một chút đi mẹ... Mẹ ơi mẹ khỏe mạnh nhé...” Bà cảm thấy vui vẻ và ấm lòng hơn rất nhiều. Bà thương quý con vẹt xanh vô cùng, tắm rửa, chăm sóc cho nó, trò chuyện hàng ngày như với con trai mình vậy. Chẳng bao lâu sau bà qua đời, Lưu Tư Kinh về bên cạnh mẹ trong nỗi đau xót vô hạn. Một hôm rồi ốm anh mẹ thiếp đi, anh nghe đâu đó có tiếng nói “con ơi mẹ nhớ con lắm...”, anh choàng tỉnh và đau đớn nhận ra đó là tiếng nói của con vẹt xanh ngày nào. Nó tuy đã được mẹ anh thả đi, nhưng vẫn quanh quẩn ở đây như chờ anh về mà nhắn nhủ những lời yêu thương ấy...

24. Trần Đăng Khoa

Trần Đăng Khoa vừa là một diễn giả đầy tài năng vừa là một doanh nhân trẻ thành đạt và là một dịch giả được yêu quý. Chỉ mới quay về Việt Nam chưa đầy hai năm nhưng những quyển sách, những bài diễn thuyết và những khóa học của anh đã tạo nên nhiều ảnh hưởng tích cực mạnh mẽ đến hàng trăm nghìn người, khiến anh được xem như là một hiện tượng của giới trẻ Việt Nam. Anh trở thành tấm gương thành đạt trước tuổi 30 được yêu mến nhờ ý chí và khát vọng vươn lên không ngừng từ hai bàn tay trắng. Sau khi tốt nghiệp Đại học Quốc gia Singapore (National University of Singapore), anh đã không ngần ngại tự đầu tư hàng chục nghìn đô la vào bản thân thông qua việc mua sách tự học và tham gia vào những khóa đào tạo ngắn hạn về phát triển bản thân, đầu tư, kinh doanh, quản trị, lãnh đạo, tiếp thị, bán hàng... Chính vì biết đầu tư đúng cách mà chỉ sau một thời gian rất ngắn, anh đã có một số vốn kiến thức thực tế vững vàng tạo tiền đề cho những thành công của anh sau này. Điều làm anh say mê hơn cả là có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng ấy vào cuộc sống và sự nghiệp của mình, để thật sự tạo nên sự khác biệt cho bản thân và những người xung quanh.

Mặc dù đã có một cuộc sống rất ổn định tại Singapore, anh vẫn luôn hướng về Tổ quốc với lý tưởng: mang những tư duy tiên tiến nhất của thế giới về Việt Nam, góp phần nhỏ nhoi vào việc giúp người Việt hạnh phúc hơn, thành đạt hơn và giàu có hơn, bởi vì anh tin rằng, không có gì làm cho một đất nước phát triển, thịnh vượng và hùng cường hơn một dân tộc hạnh phúc, thành đạt và giàu có.

25. Giản Tư Trung

Giản Tư Trung sinh ra ở một huyện nghèo khó của tỉnh Nghệ An. Mảnh đất học nổi tiếng khắp 3 miền này trở thành một vườn ươm thuận lợi cho Trung phát triển. Thời phổ thông, Trung từng nổi đình nổi đám với giải Nhất học sinh giỏi lý toàn tỉnh. Nhưng phải đến tận khi bước chân vào đại học, ở vị trí Phó Bí thư đoàn trường, Trung mới phát huy được năng lực của mình. Tham công tiếc việc, Trung ôm đồm cả việc học của mình, việc chung của đoàn thể nhưng vẫn dành thời gian cho niềm đam mê kinh doanh không thể lý giải.

Từng thất bại, vấp ngã cay đắng rồi giành lại thành công, Trung chưa từng cạn niềm đam mê được là người tiên phong phát quang bụi rậm, mở đường đi mới. Quan niệm “*nghĩ như voi, làm như kiến*” đã khiến Trung vừa có được tầm nhìn xa trông rộng về mọi vấn đề, vừa không bao giờ bị bước hụt chân. Kiên trì đi từng bước chậm rãi, tha từng chút “mỏi” về “tổ”, con kiến lừ Giản Tư Trung đã dần dần hiện thực hoá giấc mơ ngông xuất khẩu giám đốc bằng sự ra đời của Trường đào tạo doanh nhân PACE.

26. Đặng Lê Nguyên Vũ

Chúng kiến cảnh cha bị bệnh nặng, chỉ cần 2 triệu đồng chữa trị mà vay mượn cả đại gia đình cũng không đủ, cậu con trai 16 tuổi – Đặng Lê Nguyễn Vũ đã thề với lòng: “Một ngày nào đó mình sẽ thay đổi cuộc sống của cả đại gia đình này!”.

Những năm 1990, thầy cô và các sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên không ai không biết đến Đặng Lê Nguyễn Vũ, chàng sinh viên khoa Y với nhiều ước mơ và hoài bão vượt ra phạm vi đất nước. Nhận ra ngành Y không thể đáp ứng được ước mơ và tham vọng của mình, năm thứ ba đại học, anh quyết định nghỉ học và đón xe vào thành phố Hồ Chí Minh để tìm kiếm cơ hội. Ít ai biết rằng, chàng trai trẻ khởi đầu sự nghiệp bằng căn nhà thuê chỉ vài mét vuông để xay cà phê, vay từng kí cà phê, đạp xe hàng cây số để đi giao hàng,... lại trở thành ông chủ của tập đoàn sản xuất Cà phê hàng đầu Việt Nam.

27. Nguyễn Thế Hoàn

Nguyễn Thế Hoàn (lớp 11, THPT chuyên Khoa học tự nhiên, ĐH Khoa học tự nhiên) đạt huy chương vàng trong kỳ thi Olympic Toán quốc tế (IMO) 2014.

Hoàn sinh ra trong một gia đình thuần nông ở xã Hòa Bình, huyện Hưng Hà (Thái Bình). Ba sào ruộng cấy lúa quanh năm của cha mẹ chẳng đủ nuôi 4 miệng ăn chứ chưa nói đến việc đóng học phí, mua sắm đồ cho hai cậu con trai đang tuổi lớn. Thương bố mẹ làm lụng vất vả, Hoàn luôn chăm chỉ học hành. Với năng khiếu bẩm sinh, suốt những năm cấp 1, 2, em đều đạt danh hiệu học sinh giỏi, rinh nhiều giải cao cấp tỉnh. Ngôi nhà nhỏ của gia đình em treo chỉ chít 34 giấy khen, bằng khen.

Thi vào THPT, Hoàn đỗ liền ba trường chuyên Sư phạm Hà Nội, Khoa học tự nhiên và chuyên Thái Bình. Ước mơ là được học tại ngôi trường của nhiều anh chị đạt giải cao thi Olympic quốc tế như Lê Hùng Việt Bảo, Ngô Đăng Tuấn..., Hoàn xin bố mẹ cho lên Hà Nội học.

Ngày Hoàn nhập trường cũng là lúc bố mẹ em rời làng quê, khăn gói lên thủ đô đi phụ hồ. Vợ chồng anh chị không thuê nhà trọ mà cứ công trình ở đâu thì dựng lều bạt sống tạm tại đó. Ngày ốm vừa vừa, khi nắng gắt, mưa bay, họ vẫn ra công trường luôn chân luôn tay đào vữa, bê đồ. Nhận được tiền học bổng, Hoàn đều đưa cho bố mẹ. Em động viên đấng sinh thành giữ sức khỏe hoặc về quê cấy lúa, làm may cho đỡ nhọc nhằn. Hoàn dự định vào lớp 12 sẽ đi làm gia sư để đỡ đần bố mẹ.

Cha mẹ sống tạm trong lều bạt nhưng chưa một lần Hoàn tự ti trước chúng bạn, ngược lại em còn thấy tự hào. "Ai cũng có nghề nghiệp của mình và em tự hào khi có bố mẹ sống hết mình vì con", Hoàn tâm sự. Tấm HCV Olympic Toán quốc tế chính là món quà quý giá để em báo đáp công lao của bố mẹ.

28. Thảm họa kép – động đất 9,0 độ rich te và sóng thần cùng lúc giáng xuống thành phố Fukushima của Nhật Bản năm 2011 đã khiến không chỉ thành phố này mà cả nước Nhật chịu những thiệt hại vô cùng nặng nề về người và của. Sau thảm họa kép, cả thế giới khâm phục trước một Nhật Bản kiên cường vượt lên nỗi đau và sự phục hồi thần kỳ ở những khu vực bị ảnh hưởng.

☞ Sự kiên cường, kỷ luật, tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm của cả dân tộc Nhật Bản đã giúp đất nước này vượt qua được biến cố nặng nề vào hàng bậc nhất ấy.

II. Ngữ ngôn hiện đại

1. Câu chuyện về chiếc tách:

Từ một nhúm đất sét màu đỏ, chiếc tách bị nhào nặn trong đau đớn, bị xoay đến chóng mặt, bị nung đến tưởng như rạn nứt, rồi tiếp tục phải khoác lên mình cái mùi men khó chịu, và phải chịu tiếp một lượt nung với sức nóng còn cao hơn nhiều lần nung đầu... trước khi nó có thể đường hoàng được trưng bày trên những kệ sang trọng dưới ánh sáng lấp lánh. Chiếc tách phải hiểu rằng nó có thể bị đau đớn khi nhào nặn, nhưng nếu không, nó sẽ ngày một khô héo đi; nó có thể chóng mặt khi bị đặt lên bàn xoay, nhưng nếu nó bỏ cuộc

thì nó sẽ méo mó và bị vỡ vụn; trong lò nung rất nóng và khó chịu, nhưng nếu không làm như thế, cái tách có thể dễ dàng vỡ nát; nếu không chịu đựng được mùi sơn và mùi men kính khủng khiếp, nó sẽ trở nên mờ nhạt với cuộc đời, và nếu nó không vượt qua được thử thách lửa đốt lần thứ hai, nó sẽ không tồn tại được lâu bởi vì không giữ được độ rắn chắc. Trải qua biết bao thử thách và đau đớn, nhưng biết nhẫn nại và vượt lên trên những cơn đau ấy chiếc tách đã trở nên đẹp đẽ, có giá trị, và xứng đáng được bày trong tủ kính trong sự ngưỡng mộ và nâng niu của mọi người.

2. Bài học từ những chú hươu cao cổ

Khi sinh con, hươu mẹ không nằm mà lại đứng, như vậy hươu con chào đời bằng một cú rơi hơn 3m xuống đất và nằm ngay dưới đó. Sau vài phút, hươu mẹ làm một việc hết sức kỳ lạ, đó là đá vào người con mình cho đến khi nào nó chịu đứng dậy mới thôi. Khi hươu con môi chân và nằm, hươu mẹ lại thúc chú đứng lên. Cho đến khi thực sự đứng được, hươu mẹ lại đẩy chú ngã xuống để hươu con phải nỗ lực tự mình đứng dậy trên đôi chân còn non nớt của chính mình. Nếu không "tàn nhẫn" như thế, hươu con sẽ không tự rèn cho mình đôi chân cứng cáp, cơ thể khoẻ mạnh để nhanh chóng thích nghi với cuộc sống.

☞ Khó khăn thử thách là để tôi luyện chúng ta, trải qua điều đó bằng chính nỗ lực của bản thân sẽ giúp chúng ta có được những thành quả xứng đáng.

3. Câu chuyện của ốc sên

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ: "Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!" "Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh" - Ốc sên mẹ nói.

"Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?" "Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy". "Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?" "Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy". Ốc sên con bật khóc, nói: "Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta". "Vì vậy mà chúng có cái bình!" - Ốc sên mẹ an ủi con - "Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta".

☞ Sinh ra trên đời không phải ai cũng được may mắn, ngay cả những người may mắn cũng luôn gặp phải những điều khó khăn trong cuộc sống. Điều quan trọng là phải biết dựa vào chính bản thân mình, nỗ lực vượt qua những khó khăn ấy chứ không phải trông chờ, ỷ lại vào người khác. Cái vỏ ốc – trong mắt ốc sên con là những gì nặng nề vướng víu và bất hạnh, nhưng theo lời mẹ dạy, đó lại là cái có thể bảo vệ cho ốc

☞ Sức mạnh nằm ngay bên trong chúng ta, hãy biết biến khó khăn của hoàn cảnh thành cơ hội, thành lợi thế của bản thân mình.

4. Kim cương và than chì đều hình thành từ nguyên tố Cacbon, nhưng tại sao, kim cương vô giá còn than chì gần như thứ bỏ đi, kim cương đẹp lộng lẫy, lấp lánh còn than chì đen đúa, lem luốc... Vì kim cương bị nén ở độ sâu hơn 1000km, chịu áp suất 900 Giapascal, còn than chì bị thiêu rụi trong ngọn lửa với nhiệt độ vài trăm độ C, vì cấu trúc bên trong của kim cương là cấu trúc vững chắc và hoàn hảo, còn than chì thì ngược lại

☞ Khó khăn, thử thách là môi trường tôi luyện nên ý chí, bản lĩnh của mỗi người. Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành, là một lần mạnh mẽ hơn.

5. Chuyện con sâu

Mỗi một con sâu khi muốn trở thành con bướm xinh đẹp với đôi cánh tự do, lộng lẫy và mềm mại đều phải nhẫn nại trải qua thời gian chịu đựng khổ sở trong cái kén bé nhỏ và sự đau đớn tưởng như không vượt

qua nổi khi tách cái kén để chui ra. Nếu nó không dùng sức lực của chính mình để vượt qua những thử thách ấy, đôi cánh của nó sẽ sưng phồng lên và ẻo uột, không thể cứng cáp khoẻ mạnh, đầy đủ sắc màu lộng lẫy và sống một cuộc sống tự do bay lượn như nó hằng mơ ước.

6. Câu chuyện về phần thưởng đặc biệt

Có một vị vua nọ cố ý sai người đặt một hòn đá to giữa đường đi lại của mọi người và nấp ở một chỗ quan sát. Đã rất nhiều người qua lại và bực mình vì sự bất tiện mà tảng đá mang lại nhưng không ai dùng lại để “dọn” tảng đá đi mà chỉ tìm cách đi vòng qua nó. Có một người nông dân gánh rau củ ra chợ bán nhìn thấy tảng đá như vậy đã đặt gánh hàng của mình xuống và cố gắng đến toát cả mồ hôi để đẩy tảng đá gọn vào bên vệ đường. Khi anh ta quay trở lại chỗ gánh rau của mình thì nhặt được một túi tiền có ghi là “phần thưởng dành cho người không chi nghĩ cho bản thân”. Có lẽ ngoài ý nghĩa như mảnh giấy đã ghi trên túi tiền, chúng ta nên hiểu rằng: mọi nỗ lực đều được trả công xứng đáng và đằng sau khó khăn bao giờ cũng là một cơ hội – món quà quý giá.

7. Chuyện con voi

Nhìn những con voi ở rạp xiếc, chắc hẳn chúng ta sẽ có thắc mắc trong đầu “tại sao con voi to lớn là thế mà phải chịu trói buộc bằng sợi xích sắt quá bé nhỏ so với nó, sao phải chịu sự điều khiển của roi điện”. Nó hoàn toàn có thể dùng sức mình để thoát ra. Là bởi vì ngay từ khi chúng còn nhỏ, chưa thể phản kháng, chúng đã chịu sự kìm hãm của dây xích, đã chịu sự điều khiển của roi vọt. Đối với chúng đó là những thứ chúng không thể tự mình vượt qua được, và rồi năm tháng qua đi, vẫn với suy nghĩ đó chúng không thể nào thoát ra, trong khi chúng không biết rằng chúng hoàn toàn có thể làm điều đó.

➤ Mặc cảm và nỗi sợ hãi trong quá khứ, không thể chiến thắng được bản thân đã khiến voi kia suốt đời chịu sự điều khiển, giam hãm của người khác, không được sống là mình.

8. Chuyện con bọ chét

Các nhà khoa học khi nghiên cứu về thói quen của bọ chét đã nhốt chúng trong một cái hộp trong suốt có đậy nắp. Ban đầu những con bọ này nhảy rất mạnh, chúng đập đầu vào nắp hộp và đau điếng. Những lần nhảy sau, chúng cố điều chỉnh để nhảy thấp hơn so với lần trước, giảm đi lực va chạm với nắp hộp. Kết quả là cứ thế cho đến một lúc nào đó, các nhà khoa học mở nắp hộp, những con bọ này cũng không thể bay, nhảy ra ngoài được nữa.

➤ Niềm tin “đau lắm, mình không thể làm được”, sự sợ hãi khó khăn khiến chúng ta ngại dần thân, ngại cố gắng, lâu dần cái suy nghĩ muốn thoát ra, muốn thực hiện mục tiêu của mình cũng sẽ không còn nữa.

9. Câu chuyện về hai người con

Người cha nọ nghiện rượu nặng và có hai cậu con trai. Khi lớn lên, người anh là phiên bản thứ hai của ông bố, còn người em lại đi đầu trong phong trào tuyên truyền tác hại của bia rượu. Kỳ lạ là khi được hỏi “điều gì khiến anh thành như ngày hôm nay” thì cả hai đều chung một câu trả lời “có một người bố như thế thì tất nhiên tôi phải trở thành thế này rồi”

➤ Hoàn cảnh không phải là cái cớ để chúng ta vin vào đó bào chữa cho sự hèn nhát của bản thân mà chúng ta phải biết vượt lên trên hoàn cảnh vốn có của mình, chiến thắng nó. Đây cũng là một ví dụ cho việc làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của mình. “Tôi chỉ có thể trở thành người do chính tôi tạo ra”

10. Câu chuyện con bò nông

Con bò nông mẹ bay về tổ sau một ngày đi kiếm ăn nhọc nhằn. Trời mưa gió. Hôm nay, trong cái điều to của nó chẳng có gì. Nó không tìm được chút thức ăn nào để đem về cho những con bò nông con. Nó đang bay ngược gió. Nó kiệt sức, nhưng nó vẫn cố tìm về tổ, về với các con. Khi bò nông mẹ về đến nhà,

những con bò nông con nháo nhác vươn cổ lên, đưa mỏ của mình lấy mồi trong điều của mẹ. Bò nông con được no bụng nhưng chúng không biết rằng đây là bữa ăn cuối cùng mẹ có thể dành cho chúng.

☞ Sự hy sinh cao cả của mẹ bò nông cho các con nhưng qua đó cũng thể hiện sự vô tâm của lũ trẻ. Chúng coi rằng việc mẹ mang thức ăn về cho mình là hiển nhiên và không màng gì đến đáng về nhọc nhằn, mệt mỏi của mẹ. Và chúng phải trả giá vì sự vô tâm ấy.

11. Có một người con gái khi không thể chịu được những lời trách mắng của mẹ, đã giận dữ bỏ nhà đi. Một ngày kia khi cô không thể đi được nữa, trong lòng nhớ mẹ và ân hận vô cùng, cô đã tìm về nhà. Hoàng hôn khi từ xa thấy nhà không khoá cửa, đã khuya mà đèn vẫn sáng, cô sợ có điều gì không lành liền vừa chạy về nhà mình vừa khóc gọi mẹ... Khi thấy mẹ, cô oà khóc nức nở và ôm chặt lấy mẹ. Khi đã bớt xúc động, cô hỏi mẹ vì sao lại để cửa mở như thế làm cô lo lắng, và người mẹ trả lời “từ khi con đi, ngày nào mẹ cũng mở cửa và để đèn sáng mong con trở về”...

12. Câu chuyện về cậu bé với ông lão ăn xin: trước mặt người ăn xin già nua, khắc khổ, rách rưới, cậu bé đã lục hết túi này đến túi khác mà không có lấy một xu lẻ, cậu bối rối nắm tay ông “Xin lỗi cháu không có gì cho ông cả”, ông lão mỉm cười “Cảm ơn cháu, như vậy là cháu đã cho lão nhiều lắm rồi”. Cả ông lão ăn xin và cậu bé đều cảm thấy mình đã nhận được một điều quý giá.

☞ Hãy cho nhau yêu thương, sự đồng cảm, chia sẻ điều đó còn hơn hết thấy mọi thứ vật chất trên thế gian.

13. Bài học từ loài chim đại bàng

Đại Bàng là loài chim có tuổi thọ cao nhất trong chủng loại của mình. Chúng có thể sống tới 70 tuổi.

Nhưng để sống được tới tuổi này, chúng phải trải qua một quyết định khó khăn vào năm 40 tuổi.

Khi đó, những móng vuốt dài và linh hoạt không còn đủ sức tóm giữ con mồi làm thức ăn. Chiếc mỏ dài và sắc nhọn trở nên cong yếu. Đôi cánh nặng nề và già cỗi, do bộ lông dày, trở nên dính chặt vào ngực và khiến cho chúng khó bay lượn. Vì thế, đại bàng chỉ còn hai sự lựa chọn: chết hoặc trải qua một quá trình thay đổi đau đớn kéo dài 150 ngày. Quá trình này đòi hỏi đại bàng bay lên đỉnh núi và ngồi trên tổ của mình. Tại đây đại bàng sẽ đập mỏ vào đá cho đến khi mỏ gãy rời. Sau khi mỏ gãy, đại bàng sẽ đợi cho mỏ mới mọc ra rồi sau đó bẻ gãy hết các móng vuốt của mình. Khi những móng vuốt mới mọc lại, đại bàng bắt đầu nhổ hết những chiếc lông cũ già cỗi. Và sau 5 tháng, đại bàng lại có thể tiếp tục những chuyến bay lượn tuyệt vời của sự hồi sinh và sống thêm 30 năm nữa.

☞ Hãy trở nên thật dũng cảm và kiên cường để trải qua một giai đoạn thay đổi đầy khó khăn, chịu đựng nhiều đau khổ và thử thách để được hồi sinh và tiếp tục bay cao, bay xa hơn nữa

14. Viết trên cát và khắc trên đá

Có hai người bạn đang cùng nhau trải qua một chuyến đi dài. Trên đường đi qua sa mạc, hai người đã có một cuộc tranh cãi gay gắt. Không giữ được bình tĩnh, một người đã tát người bạn của mình. Người kia rất đau nhưng không nói gì. Anh chỉ lặng lẽ viết lên cát rằng: “Hôm nay, bạn tốt nhất của tôi đã tát vào mặt tôi.” Họ tiếp tục bước đi cho tới khi nhìn thấy một ốc đảo, nơi họ quyết định sẽ dừng chân và tắm mát. Người bạn vừa bị tát do sơ ý bị trượt chân xuống một bãi lầy và ngày càng lún sâu xuống. Nhưng người bạn kia đã kịp thời cứu anh. Ngay sau khi hồi phục, người bạn suýt chết đuối khắc lên tảng đá dòng chữ: “Hôm nay, bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi.” Người bạn kia hết sức ngạc nhiên bèn hỏi: “Tại sao khi tớ làm cậu đau, cậu lại viết lên cát còn bây giờ lại là một tảng đá?” Và câu trả lời anh nhận được là: “Khi ai đó làm chúng ta đau đớn, chúng ta nên viết điều đó lên cát nơi những cơn gió của sự thú tha sẽ xóa tan những nỗi trách hờn. Nhưng khi chúng ta nhận được điều tốt đẹp từ người khác, chúng ta phải ghi khắc chuyện ấy lên đá nơi không cơn gió nào có thể cuốn bay đi.”

☞ Bài học về lòng khoan dung và sự biết ơn

15. Giữ những giọt dãi, oán hận trong lòng cũng giống như bỏ đầy muối vào một cốc nước, nước sẽ mặn chát mà con giọt dãi ấy cũng không nguôi ngoai bớt. Nhưng cũng ngần ấy muối, nếu chúng ta mang bỏ xuống một cái hồ thì nước trong hồ vẫn trong xanh và dịu mát, muối lại có thể tan đi.

☞ Tha thứ khoan dung làm cho ta thấy nhẹ nhõm, dễ chịu hơn.

16. Cậu bé và món cà ri

Có một cậu bé hay nghịch ngợm, một chiều nọ khi ông của cậu đang ngủ, cậu liền nghĩ ra trò lấy cà ri bôi lên râu của ông. Đối với một số người, cà ri là món khoái khẩu, nhưng cũng có rất nhiều người thấy khó chịu với mùi này. Khi ông của cậu bé thức dậy, ông lập tức đã cau mày và mũi đánh hơi thấy một mùi mà ông không ưa. Ông lão cho rằng căn phòng hôm nay có một thứ mùi rất khó chịu, liền mở cửa đi ra ngoài. Nhưng kỳ lạ, ông đi đến đâu cũng thấy mùi đó, càng đi lại càng ngửi thấy rõ rệt, ông càng tức giận và gắt lên rằng “tại sao thế giới này lại nhiều những điều kinh tởm như thế!”, nào ông có biết cái “điều kinh tởm” ấy lại từ chính ông mà ra

☞ Đôi lúc chúng ta chỉ biết than thở và đổ lỗi cho hoàn cảnh nhưng không biết rằng chính bản thân mình mới là nguyên nhân gây ra những điều không tốt.

17. Tái ông thất mã – Câu chuyện dân gian nổi tiếng Trung Quốc: Một ông lão ở gần biên giới giáp với nước Hồ phía Bắc nước Tàu, gần Trường thành, có nuôi một con ngựa. Một hôm con của ông lão dẫn ngựa ra gần biên giới cho ăn cỏ, vì lơ đãng nên con ngựa vọt chạy qua nước Hồ mất dạng. Những người trong xóm nghe tin đến chia buồn với ông lão. Ông lão là người thông hiểu việc đời nên rất bình tĩnh nói:

– Biết đâu con ngựa chạy mất ấy đem lại điều tốt cho tôi.

Vài tháng sau, con ngựa chạy mất ấy quay trở về, dẫn theo một con ngựa của nước Hồ, cao lớn và mạnh mẽ. Người trong xóm hay tin liền đến chúc mừng ông lão, và nhắc lại lời ông lão đã nói trước đây. Ông lão không có vẻ gì vui mừng, nói:

– Biết đâu việc được ngựa Hồ này sẽ dẫn đến tai họa cho tôi.

Con trai của ông lão rất thích cỡi ngựa, thấy con ngựa Hồ cao lớn mạnh mẽ thì thích lắm, liền nhảy lên lưng cỡi nó chạy đi. Con ngựa Hồ chưa thuần nết nên nhảy loạn lên. Có lần con ông lão không cẩn thận để ngựa Hồ hất xuống, té gãy xương đùi, khiến con ông lão bị què chân, tật nguyền. Người trong xóm vội đến chia buồn với ông lão, thật không ngờ con ngựa không tốn tiền mua này lại gây ra tai họa cho con trai của ông lão như thế. Ông lão thản nhiên nói:

– Xin các vị chớ lo lắng cho tôi, con tôi bị ngã gãy chân, tuy bất hạnh đó, nhưng biết đâu nhờ họa này mà được phúc.

Một năm sau, nước Hồ kéo quân sang xâm lấn Trung nguyên. Các trai tráng trong vùng biên giới đều phải sung vào quân ngũ chống ngăn giặc Hồ. Quân Hồ thiện chiến, đánh tan đạo quân mới gọi nhập ngũ, các trai tráng đều tử trận, riêng con trai ông lão vì bị què chân nên miễn đi lính, được sống sót ở gia đình.” Người đời sau lập ra thành ngữ: Tái ông thất mã, an tri họa phúc. Nghĩa là: ông lão ở biên giới mất ngựa, biết đâu là họa hay là phúc.

☞ Nên giữ cho mình thái độ thản nhiên, điềm tĩnh trước mọi thăng trầm của cuộc sống, không nên cực đoan bởi lẽ chúng ta không biết được điều gì đang đợi mình ở phía trước.

18. Một con ếch khi được thả vào nước nóng 100 % nó sẽ lập tức nhảy ra và sống sót, nhưng nếu thả nó vào nước lạnh và đun nóng từ từ, nó sẽ không hay biết gì và rồi chết nóng.

☞ Đôi khi trong cuộc sống chúng ta rất dễ bị “đánh lừa”, thiếu tinh táo, dễ bị thay đổi theo môi trường và đánh mất mình từ lúc nào không hay.

19. Chim ưng, con diều và đàn bồ câu

Sự xuất hiện thường xuyên của một con điều làm cho đàn bồ câu rất hoảng sợ nên chúng đã gọi chim ưng đến bảo vệ cho mình.

Đàn bồ câu nói:

- Ngài là người duy nhất chúng tôi quen biết, chỉ có ngài mới có thể bảo vệ chúng tôi khỏi nanh vuốt của kẻ thù. Nếu ngài bảo vệ chúng tôi, chúng tôi sẽ cảm thấy thật an toàn.

Chim ưng đồng ý ngay lập tức và chuyển đến sống trong chuồng chim bồ câu. Nhưng khi đàn bồ câu để chim ưng vào ở chung với mình thì chúng nhận thấy rằng số chim bồ câu bị chim ưng giết chết trong một ngày còn nhiều hơn số chim bồ câu bị con điều kia nhào trúng trong một năm.

Khi gặp rắc rối, chúng ta không được quên rằng có những mối nguy hiểm khác còn ghê gớm hơn những gì chúng ta đang phải đối mặt.

20. Bài học từ loài kiến

- Thứ nhất: Kiến không bỏ cuộc. Đó là một triết lý đơn giản nhưng rất hữu hiệu. Nếu một con kiến đang đi về một hướng nào đó, và chúng ta tìm cách chặn đường chúng, Kiến sẽ tức thì tìm cho mình một con đường khác. Chúng trèo qua chướng ngại, chui xuống dưới hoặc chui vòng sang bên hông. Chúng không ngừng tìm kiếm một giải pháp khác để vượt qua chướng ngại vật phía trước. Quả là một triết lý gọn gàng và đơn giản: không ngừng tìm kiếm hết cách này đến cách khác để tiến đến mục tiêu mà chúng ta nhắm tới.

- Thứ hai, Kiến luôn chuẩn bị cho mùa đông trong suốt mùa hè. Đó là một góc nhìn nhận quan trọng. Bạn không thể quá ngây ngô tin rằng nắng ấm sẽ kéo dài mãi mãi. Vì vậy Kiến làm việc chăm chỉ để tích lũy thức ăn cho mùa đông trong mùa hè. Một lời khuyên từ xa xưa đã dạy: "Đừng xây nhà trên cát vào mùa hè!" Tại sao chúng ta lại cần lời khuyên này? Đơn giản là vì chúng ta cần tiền liệu trước. Trong mùa hè nắng ấm, bạn phải tiêu tiền được giá lạnh và mưa bão mùa đông!

- Thứ ba, Kiến luôn tin vào mùa hè trong suốt mùa đông! Điều này rất quan trọng. Trong suốt mùa đông giá rét, Kiến tự nhắc mình: "Mọi thứ sẽ sớm qua thôi, và chúng ta sẽ không phải cảm cực quá lâu!". Và ngày nắng ấm đầu tiên, những con Kiến lại lên đường. Nếu trời lạnh trở lại, chúng sẽ lại chui vào hang, nhưng chúng sẽ quay trở lại ngay khi trời trở ấm! Chúng không thể đợi để lại được làm việc!

- Cuối cùng, Kiến sẽ tích lũy bao nhiêu lương thực trong mùa hè để chuẩn bị cho mùa đông? Câu trả lời là "nhiều hết ga có thể". Đây là một triết lý tuyệt vời, "nhiều hết ga có thể"! Hãy học hỏi loài Kiến trong lần tiếp theo nếu bạn tự hỏi mình: Tôi nên đọc bao nhiêu cuốn sách? Tôi nên chạy bao xa? Tôi nên làm việc đến mức nào? Tôi nên yêu thương đến mức nào? Câu trả lời luôn là: "Nhiều hết ga có thể!"

21. Câu chuyện về con ốc sên

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ của nó: "Mẹ ơi ! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được !".

"Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh" - Mẹ nói.

"Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không cần đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?".

"Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy".

"Nhưng em giun đất cũng không có xương và cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hóa được tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?".

"Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy".

Ốc sên con bật khóc, nói: "Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng không che chở chúng ta".

"Vì vậy mà chúng ta có cái bình ! - Ốc sên mẹ an ủi con - Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta phải dựa vào chính bản thân chúng ta".

➤ Hãy tự đi trên đôi chân của mình. Chỉ khi chúng ta tự tin về chính mình thì không thành công nào chúng ta không trả qua.

22. Hai biển hồ:

Đất nước Palestin có 2 biển hồ: biển Chết và biển Galile cùng xuất phát từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ, nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó mà tràn qua các các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú và con người.

➤ Chia sẻ những gì mình có, giúp đỡ mọi người sẽ làm cho chính bản thân chúng ta trở nên hoàn thiện hơn, chúng ta cảm nhận được cuộc sống một cách ý nghĩa, lạc quan; còn sự ích kỷ chỉ khiến mình ngày trở nên cô đơn và cần cỗi.

23. Bài học của Lincoln

Vào thời gian đầu trong cuộc nội chiến ở Hoa Kỳ, người cố vấn của Lincoln khuyên ông nên từ bỏ trang trại Fort Sumter và mọi tài sản khác thuộc các bang miền Nam, vì sợ những tài sản này sẽ khiến mọi người nghi ngờ lý tưởng giải phóng nô lệ của ông.

Khi nhận được lời khuyên ấy, ông chỉ cười mà trả lời người cố vấn của mình bằng một câu chuyện ngụ ngôn:

“Anh có biết câu chuyện ngụ ngôn về sư tử và con gái người thợ rừng không?” – Lincoln hỏi người cố vấn. – “Aesop kể rằng, trong một khu rừng nọ có một con sư tử đem lòng yêu con gái của người thợ rừng. Một hôm, nó quyết định đánh bạo đến gặp cha của cô gái để xin hỏi cưới cô.

Khi sư tử đến, cha cô gái nói rằng ông không thể đồng ý vì răng nanh của sư tử dài quá, có thể làm tổn hại đến con gái ông. Thế là ngay tức thì, sư tử chạy đến chỗ nha sĩ và mài mòn toàn bộ hàm răng của nó.

Quay trở lại, sư tử cầu hôn cô gái lần nữa. Nhưng người thợ rừng lại bảo móng vuốt của nó dài quá, ông không muốn con gái mình bị đau. Thế là sư tử tìm đến chỗ vị y sĩ và nhổ hết móng vuốt của mình đi rồi quay lại nhà người thợ rừng. Nhưng người thợ rừng thấy rằng sư tử giờ đây đã hoàn toàn vô hại nên đã lập tức giết chết nó.” Lincoln ngừng một lát rồi nói tiếp: “Chẳng phải số phận tôi cũng sẽ giống như con sư tử đó nếu từ bỏ mọi thứ như lời anh khuyên?”.

Hãy giữ vững lập trường và niềm tin vào chính bản thân của bạn, điều đó sẽ giúp các bạn thành công trên con đường mà mình đã chọn.

III. Danh ngôn

* Về sống đẹp

- Khi cuộc đời cho bạn cả trăm lý do để khóc, hãy cho đời thấy bạn có cả ngàn lý do để cười. (Khuyết danh)
 - Hãy có thời gian cho cả công việc và hưởng thụ; khiến mỗi ngày vừa hữu ích vừa thoải mái, và chứng tỏ rằng bạn hiểu giá trị của thời gian bằng cách sử dụng nó thật tốt. Và rồi tuổi trẻ sẽ tươi vui, và tuổi già không có nhiều hối tiếc, và cuộc đời sẽ là một thành công tươi đẹp. (Louisa May Alcott)

- Bạn không thể kết nối các điểm trong đời bạn khi nhìn về phía trước; bạn chỉ có thể kết nối chúng khi nhìn lại phía sau. Vì vậy bạn phải tin tưởng rằng các điểm đó rồi sẽ kết nối trong tương lai. Bạn phải tin vào cái gì đó - lòng can đảm, vận mệnh, cuộc đời, nghiệp chương, bất cứ điều gì. Cách tiếp cận này chưa bao giờ khiến tôi thất vọng, nó đã tạo nên tất cả sự khác biệt trong cuộc đời tôi (Steve Jobs)

- Chúng ta không có cơ hội làm quá nhiều điều, và mỗi thứ chúng ta làm đều phải thật sự tuyệt vời. Bởi vì đây là cuộc đời của chúng ta. Cuộc đời ngắn ngủi lắm, và rồi bạn chết, bạn biết chứ? Và chúng ta đều

được lựa chọn để làm điều này với cuộc đời mình. Vì vậy điều ta làm nên thật tốt. Nên đáng giá (Steve Jobs).

- Sự khoan dung là món quà lớn nhất của tâm hồn; nó đòi hỏi nỗ lực của bộ não cũng nhiều như khi bạn phải giữ thăng bằng khi đi xe đạp. (Helen Keller)

- Không khoan dung cũng là một hình thức bạo lực và là trở ngại cho sự phát triển của một tinh thần dân chủ thực sự. (Mahatma Gandhi)

* Về tình yêu thương:

- Hạnh phúc lớn nhất trên đời là niềm tin vững chắc rằng chúng ta được yêu – được yêu vì chính bản thân, hay đúng hơn được yêu bất chấp bản thân ta.

(Victor Hugo)

- Khen ngợi tôi, và tôi có thể sẽ không tin bạn.

Chỉ trích tôi, và tôi có thể sẽ không thích bạn.

Tâng lờ tôi, và tôi có thể sẽ không tha thứ cho bạn.

Khuyến khích tôi, và tôi có thể sẽ không quên bạn.

Yêu mến tôi, và tôi có thể sẽ bị buộc phải yêu mến bạn.

(William Arthur Ward)

- Nếu bạn muốn trở nên thú vị, hãy thích thú, nếu bạn muốn được hài lòng, hãy làm người khác hài lòng, nếu bạn muốn được yêu, hãy tỏ ra đáng yêu, nếu bạn muốn được giúp đỡ, hãy sẵn lòng giúp đỡ (William Arthur Ward)

- Tình yêu lớn lên nhờ cho đi. Sự yêu thương mà chúng ta cho đi là sự yêu thương duy nhất mà chúng ta giữ được (Elbert Hubbard)

- Thiên đường được tạo ra cho những trái tim dịu dàng; địa ngục, cho những trái tim không biết yêu thương (Voltaire)

- Có lẽ đó không phải là những vì sao, mà là những cửa sổ nơi tình yêu từ những người thân thương đã mất tràn qua và chiếu sáng chúng ta, cho chúng ta biết rằng họ vẫn hạnh phúc (Ngạn ngữ Eskimo)

* Về ước mơ

- Tương lai thuộc về người tin vào vẻ đẹp trong những giấc mơ của mình (William Arthur Ward)

- Hãy học khi người khác ngủ; lao động khi người khác lười nhác; chuẩn bị khi người khác chơi bời; và có giấc mơ khi người khác chỉ ao ước (William Arthur Ward)

- Để làm được những điều to lớn, chúng ta không những phải hành động mà còn phải mơ mộng, không những phải có kế hoạch mà còn phải có niềm tin (Anatole France)

- Không phải người ta ngừng theo đuổi giấc mơ vì mình già đi, người ta già đi vì ngừng theo đuổi giấc mơ (Gabriel Garcia Marquez)

- Hai mươi năm sau lúc này, bạn sẽ thấy thất vọng vì những điều mình không làm hơn vì những điều mình đã làm. Vậy nên hãy tháo nút dây. Hãy cho thuyền rời khỏi bến cảng an toàn. Hãy căng buồm đón gió. Tìm tòi. Ước mơ. Khám phá (Mark Twain)

- Đừng lo lắng nếu bạn phải xây lâu đài ở trên không. Chúng ở đúng nơi cần ở rồi. Giờ hãy đặt nền móng xuống bên dưới (Henry David Thoreau)

- Đừng rời xa ảo mộng của mình. Khi chúng không còn nữa, bạn vẫn có thể tồn tại, nhưng bạn cũng không sống nữa. (Mark Twain)

- Chẳng có gì như một giấc mơ tạo dựng tương lai (Victor Hugo)

* Về bí quyết thành công

- Sự thường xuyên, kiên nhẫn và bền bỉ bất chấp mọi trở ngại, nản lòng và những điều tưởng chừng bất

khả thi: Trong tất cả mọi việc, nó là sự khác biệt giữa tâm hồn mạnh mẽ và tâm hồn yếu đuối. (Thomas Carlyle)

- Vì vậy hãy sống giữa đời. Đừng cô lập chính mình. Hãy sống giữa con người và sự việc, giữa những rắc rối, gian khó và trở ngại. (Henry Drummond)

- Ai cũng có thể bỏ cuộc, đó là điều dễ nhất trên thế giới. Nhưng dễ vững tâm ngay cả khi tất cả mọi người sẽ thông cảm nếu bạn suy sụp, đó là sức mạnh thật sự. (Khuyết danh)

- Nghị lực và bền bỉ có thể chinh phục mọi thứ. (Benjamin Franklin)

- Chúng ta càng tiến bước trên đường đời, mọi việc lại càng khó khăn hơn, nhưng chính trong khi chống lại gian khổ mà sức mạnh nội tâm của con tim được hình thành (Vincent Van Gogh)

- Không biết đã bao nhiêu lần con người buông tay từ bỏ khi mà chỉ một chút nỗ lực, một chút kiên trì nữa thôi là anh ta sẽ đạt được thành công. (Elbert Hubbard)

- Không phải là tôi quá thông minh, chỉ là tôi chịu bỏ nhiều thời gian hơn với rắc rối (Albert Einstein)

- Chọn đúng thời gian, sự bền bỉ và mười năm nỗ lực rồi cuối cùng sẽ khiến bạn có vẻ như thành công chỉ trong một đêm. (Biz Stone)

- Bí quyết của thành công là hãy bắt đầu. Bí quyết để bắt đầu là chia nhỏ các công việc nặng nề, phức tạp thành những việc nhỏ để quản lý hơn, rồi bắt đầu với việc thứ nhất. (Mark Twain)

- Để thành công, bạn phải sẵn lòng thất bại. (Frank Tyger)

- Nấc thang thành công không quan tâm ai đang trèo nó. (Frank Tyger)

- Con người chẳng bao giờ lên kế hoạch để thất bại; chỉ đơn giản là họ đã thất bại trong việc lên kế hoạch để thành công. (William Arthur Ward)

* Về tình bạn

- Tình bạn có thể vượt qua hầu hết mọi thứ và phát triển trên mảnh đất cằn cỗi; nhưng nó cần thỉnh thoảng bồi phủ một chút với thư từ và các cuộc điện thoại và những món quà nhỏ bé ngớ ngẩn để nó không chết khô. (Pam Brown)

- Người bạn thực sự biết điểm yếu của bạn nhưng chỉ cho bạn thấy điểm mạnh; cảm nhận được nỗi sợ của bạn nhưng cũng cố niềm tin; thấy được những lo lắng của bạn nhưng giúp bạn giải phóng tinh thần; nhận ra những điều bạn bất lực nhưng nhấn mạnh những điều bạn có thể làm. (William Arthur Ward)

- Mất đi một người bạn cũng như mất đi một cánh tay. Thời gian có thể chữa lành nỗi đau, nhưng sự thiếu hụt không bao giờ được lấp đầy. (Robert Southey)

- Cùng bước với một người bạn trong bóng tối tốt hơn là bước một mình trong ánh sáng. (Helen Keller)

- Không ai có thể hạnh phúc mà không có bạn bè, hay chắc chắn về bạn bè mình cho tới khi gặp bất hạnh. (Thomas Fuller)

- Tình bạn luôn luôn là dầu xoa dịu tốt nhất cho nỗi đau vì thất vọng trong tình yêu. (Jane Austen)

* Về gia đình

- Người ta càng làm nhiều, thấy nhiều và cảm nhận nhiều, người ta càng có thể làm được nhiều, và càng biết đánh giá chân thực về những điều cơ bản như gia đình, tình yêu và thấu hiểu sự đồng hành. (Amelia Earhart)

- Hạnh phúc của người mẹ giống như đèn hiệu, soi sáng tương lai nhưng cũng phản chiếu lên quá khứ trong vỏ ngoài của những ký ức yêu thương. (Balzac)

- Anh thấy đấy, cuộc đời của một người mẹ là chuỗi kịch tính dài liên tiếp, lúc dịu dàng và êm ái, lúc kinh hoàng. Không ngần ngại một giờ nhưng đầy cả niềm vui và sợ hãi (Balzac)

- Gia đình là một cái tên, một ngôn từ mạnh mẽ; mạnh hơn lời của những pháp sư hay tiếng đáp của các linh hồn; đó là lời nguyện cầu hùng mạnh nhất. (Charles Dickens)

Từ bỏ là đánh mất hạnh phúc

Hãy biết nỗ lực cho đến giây phút cuối cùng, cho đến thời điểm kết quả ngã ngũ, để không tiếc nuối và dằn vặt vì hai từ “giá như”.

Chúng ta đã bao nhiêu lần bỏ qua cơ hội được đón nhận hạnh phúc cho mình? Là những lần dễ dàng buông tay đánh rơi những cơ hội khác nhau, là những lần mặc nhiên cắt đứt tất cả cội rễ tình cảm để cố kiếm tìm những cái khác xa xôi hơn?

Mỗi một lần từ bỏ, là một lần đánh mất cơ hội để hạnh phúc. Bởi vì may mắn vốn chỉ là một vài lần ghé qua. Khi còn trẻ, người ta dễ dàng từ bỏ cơ hội để được hạnh phúc, vì người ta nghĩ rằng, sẽ có những thứ hạnh phúc khác tìm đến. Thế nhưng, người ta không biết rằng, hạnh phúc thật sự chỉ đến một lần trong đời mà thôi. Tức là, nếu không nắm lấy thì sẽ mất vĩnh viễn, nếu không trân trọng thì sẽ chẳng có lần sau.

Cuộc đời có bao nhiêu thời gian để phung phí, cũng như cơ hội đến bao nhiêu lần để mà đứng nhìn nó lướt qua? Từ bỏ hay khước từ, cũng chính là một cách thức nhận thua quá sớm, khi trở thành kẻ hèn nhát mỗi khi gặp thử thách đón đường. Thế nên, khi tình yêu đến thì hãy nắm lấy thật chặt, khi cơ may đến thì hãy biết tận dụng, có điều kiện thì hãy phấn đấu hết mình cho những mục tiêu, khi còn có thể thì đừng buông bỏ bất cứ thứ gì, kể cả ước mơ thời thơ ấu. Nếu bạn chưa cố gắng hết mình mà từ bỏ, nếu bạn chưa thử nếm kéo mà từ bỏ, nếu bạn vì ngần ngại chần chừ mà từ bỏ, có thể, bạn đã bỏ qua hạnh phúc lớn lao nhất của cuộc đời mình.

Không từ bỏ không phải là cố chấp giằng co, không từ bỏ chính là việc bạn thử cố gắng để giữ lại những thứ thuộc về mình, hoặc những thứ nên thuộc về mình, chứ không phải cố ngoái lại những gì đã chẳng phải là của mình nữa.

Không từ bỏ có nghĩa là, bạn đem tất cả khả năng và nỗ lực của bản thân ra đánh cược, để rồi kể cả có thua cuộc cũng không hối hận vì buông tay quá sớm, cũng không tiếc nuối vì đã cố gắng hết mình.

Nhiều trong chúng ta đều cho rằng, cuộc đời dài đằng đẵng, rồi sẽ có rất nhiều cơ hội sẽ dẫn đến phía sau lưng, thế nên chỉ đợi chờ mà không gắt gao nắm lấy từng mảnh vỡ nhỏ nhặt để ghép thành cuộc sống cho riêng mình.

Nhưng, những gì đã đi qua, còn có thể lấy lại lần nữa hay sao?

Hãy biết nâng niu những thứ đến gần với cuộc sống của bạn, hãy biết trân trọng từng chút một những thứ hạnh phúc bé nhỏ thuộc về mình, rồi sẽ có ngày, bạn sẽ nhận thấy mình sáng suốt biết bao, vì đã không từ bỏ.

Hãy biết nỗ lực cho đến giây phút cuối cùng, cho đến thời điểm kết quả ngã ngũ, để không tiếc nuối và dằn vặt vì hai từ “giá như”.

Những người hay nói “giá như”, là những người thường từ bỏ dễ dàng, là những người bỏ qua quá nhiều cơ hội để hạnh phúc, là những người sẽ ôm sự nuối tiếc đến mãi về sau.

Vậy nên cho dù thế nào cũng đừng từ bỏ điều gì quá dễ dàng, bởi vì chỉ cần một lần vô tâm mà rời lỏng tay, hạnh phúc có thể sẽ theo những thứ trượt ra khỏi cuộc sống của bạn khi ấy, và bay mất, không trở về.

Các bạn à, thế nên, đừng nghĩ đến việc từ bỏ cái gì quá sớm, bởi vì biết đâu đấy, chỉ cần kiên nhẫn một chút, bạn sẽ giữ được hạnh phúc cả đời của mình ...

Cuối cùng, toàn thể anh chị em ĐẠI GIA ĐÌNH LOVEBOOK muốn gửi riêng tới các em học sinh:

Nhất định các em sẽ làm được
Đừng bao giờ nản chí các em nhé!

